

# KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

大般涅槃經

TẬP IV

(QUYỂN 19 - QUYỂN 24)

TAM TẠNG PHÁP SƯ ĐÀM VÔ SẮM Hán dịch

ĐOÀN TRUNG CÒN - NGUYỄN MINH TIẾN Việt dịch và chú giải

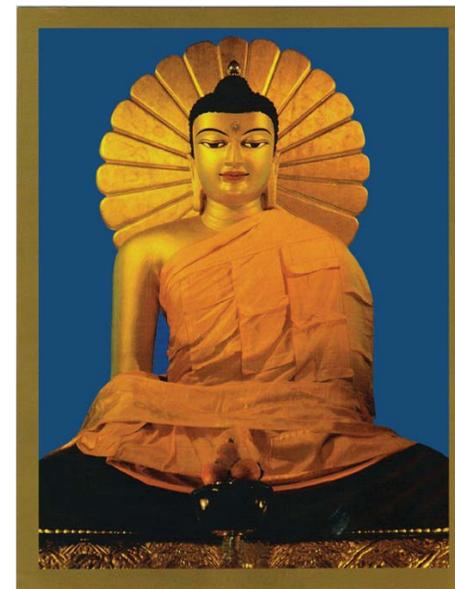
NGUYỄN MINH HIỂN hiệu đính Hán văn

TÁI BẢN CÓ CHỈNH SỬA VÀ BỔ SUNG

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

願  
解  
如  
來  
真  
實  
義

我  
今  
見  
聞  
得  
受  
持



無  
上  
甚  
深  
微  
妙  
法

百  
千  
萬  
劫  
難  
遭  
遇

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT

Kinh Phật dạy rằng: “Thấy kinh như thấy Phật.”

Kinh điển Đại thừa hiện ở nơi đây, tức mười phương chư Phật đều hiện hữu nơi đây, chư Bồ Tát hộ pháp cũng tụ hội quanh đây. Người đọc kinh này nếu muốn hiểu được ý nghĩa nhiệm mầu sâu xa trong văn kinh, trước hết phải có lòng tin sâu như vậy, sau đó nên chí thành phát lời nguyện rằng:

“Chánh pháp Như Lai nhiệm mầu sâu xa không gì hơn được, dù trải qua trăm ngàn muôn kiếp tìm cầu cũng không dễ gặp. Nay con đã nhận được Kinh điển Đại thừa Đại Bát Niết-bàn này để tu tập hành trì, nguyện khai mở trí tuệ để thấu hiểu nghĩa lý sâu xa chân thật trong từng lời thuyết giảng của đức Như Lai.”

Nam-mô Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật

# 大般涅槃經

## 卷第十九 梵行品第八之五

爾時王舍大城阿闍世王。其性弊惡喜行殺戮具口四惡。貪恚愚癡其心熾盛。唯見現在不見未來。純以惡人而為眷屬。貪著現世五欲樂故。父王無辜橫加逆害。因害父已心生悔熱。身諸瓔珞妓樂不御。心悔熱故遍體生瘡。其瘡臭穢不可附近。尋自念言我今此身已受花報。地獄果報將近不遠。

爾時其母字韋提希。以種種藥而為傅之。其瘡遂增無有降損。王即白母如是瘡者。從心而生非四大起。若言眾生有能治者無有是處。

時有大臣名曰月稱。往至王所在一面立。白言。大王。何故愁悴顏容不悅。為身痛耶為心痛乎。

王答臣言。我今身心豈得不痛。我父無辜橫加逆害。我從智者曾聞是義。世有五人不脫地獄。謂五逆罪。我今已有無量無邊阿僧祇罪。云何身心而得不痛。又無良醫治我身心。

臣言。大王。莫大愁苦。即說偈言。

# ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH

QUYỂN ĐỆ THẬP CỬU - PHẠM HẠNH PHẨM - *Đệ bát chi ngũ*

Nhĩ thời, Vương Xá đại thành, *A-xà-thế* vương, kỳ tánh tệ ác, hỷ hành sát lục, cụ khẩu tứ ác, tham, nhuế, ngu si, kỳ tâm xí thạnh. Duy kiến hiện tại, bất kiến vị lai. Thuần dĩ ác nhân nhi vi quyến thuộc. Tham trước hiện thế ngũ dục lạc cố, phụ vương vô cô, hoạnh gia nghịch hại. Nhân hại phụ dĩ, tâm sanh hối nhiệt; thân chư anh lạc, kỹ nhạc bát ngự. Tâm hối nhiệt cố, biến thể sanh sang. Kỳ sang xú uế, bất khả phụ cận. Tầm tự niệm ngôn: Ngã kim thủ thân dĩ thọ hoa báo; địa ngục quả báo, tương cận bất viễn.

Nhĩ thời kỳ mẫu tự Vi-đê-hy dĩ chủng chủng dục nhi vị truyền chi. Kỳ sang toại tăng, vô hữu giáng tổn. Vương tức bạch mẫu: Như thị sang giả, tùng tâm nhi sanh, phi tứ đại khởi. Nhược ngôn chúng sanh hữu năng trị giả, vô hữu thị xú.

Thời hữu đại thần danh viết Nguyệt Xưng, vãng chí vương sở, tại nhất diện lập, bạch ngôn: Đại vương! Hà cố sầu tụy, nhan dung bất duyệt? Vi thân thống da? Vi tâm thống hồ?

Wương đáp thần ngôn: Ngã kim thân tâm khởi đắc bất thống? Ngã phụ vô cô, hoạnh gia nghịch hại. Ngã tùng trí giả tăng văn thị nghĩa: Thế hữu ngũ nhân bất thoát địa ngục, vị ngũ nghịch tội. Ngã kim dĩ hữu vô lượng vô biên *a-tăng-kỳ* tội. Vân hà thân tâm nhi đắc bất thống? Hựu vô lương y trị ngã thân tâm!

Thần ngôn: Đại vương mạc đại sầu khổ. Tức thuyết kệ ngôn:

若常愁苦  
愁遂增長  
如人喜眠  
眠則滋多  
貪婬嗜酒  
亦復如是

如王所言。世有五人不脫地獄。誰往見之來語王耶。言地獄者即是世間多智者說。如王所言。世無良醫治身心者。今有大醫名富蘭那。一切知見得自在定。畢竟修習清淨梵行。常為無量無邊眾生。演說無上涅槃之道。為諸弟子說如是法。無有黑業無黑業報。無有白業無白業報。無黑白業無黑白業報。無有上業及以下業。是師今在王舍城中。唯願大王。屈駕往彼可令是師療治身心。

時王答言。審能如是滅除我罪我當歸依。

復有一臣名曰藏德。復往王所而作是言。大王。何故面貌顛頰唇口乾焦。音聲微細猶如怯人見大怨敵。顏色皴皸，將何所苦。為身痛耶。為心痛乎。

王即答言。我今身心云何不痛。我之癡盲無有慧目。近諸惡友而為親善。隨調婆達惡人之言。正法之王橫加逆害。我昔曾聞智人而說偈言。

Nhược thường sầu khổ,  
Sầu toại tăng trưởng;  
Như nhân hỷ miên,  
Miên tác tư đa;  
Tham dâm, thị tửu,  
Diệc phục như thị.

Như vương sở ngôn, thế hữu ngũ nhân bất thoát địa ngục. Thùy vãng kiến chi, lai ngữ vương da? Ngôn địa ngục giả, tức thị thế gian đa trí giả thuyết. Như vương sở ngôn, thế vô lương y trị thân tâm giả. Kim hữu đại y danh Phu-lan-na, nhất thiết tri kiến, đắc tự tại định, tất cánh tu tập thanh tịnh phạm hạnh, thường vi vô lượng vô biên chúng sanh diễn thuyết vô thượng Niết-bàn chi đạo. Vị chư đệ tử, thuyết như thị pháp: Vô hữu hắc nghiệp, vô hắc nghiệp báo. Vô hữu bạch nghiệp, vô bạch nghiệp báo. Vô hắc bạch nghiệp, vô hắc bạch nghiệp báo. Vô hữu thượng nghiệp cập dĩ hạ nghiệp. Thị sư kim tại Vương Xá thành trung. Duy nguyện Đại vương khuất giá vãng bỉ, khả linh thị sự liệu trị thân tâm.

Thời, vương đáp ngôn: Thẩm năng như thị diệt trừ ngã tội, ngã đương quy y.

Phục hữu nhất thần danh viết Tạng Đức, phục vãng vương sở, nhi tác thị ngôn: Đại vương hà cố diện mạo tiêu tụy, thân khẩu càn tiêu, âm thanh vi tế, do như khiếp nhân kiến đại oán địch? Nhan sắc thuân thược, tương hà sở khổ? Vi thân thống gia? Vi tâm thống hồ?

Wương tức đáp ngôn: Ngã kim thân tâm, vân hà bất thống? Ngã chi si manh, vô hữu tuệ mục, cận chư ác hữu nhi vi thân thiện. Tùy Điều-bà-đạt ác nhân chi ngôn, chánh pháp chi vương, hoạnh gia nghịch hại. Ngã tích tàng văn trí nhân nhi thuyết kệ ngôn:

若於父母  
佛及弟子  
生不善心  
起於惡業  
如是果報  
生阿鼻獄

以是事故。令我心怖生大苦惱。又無良醫而見救療。

大臣復言。唯願大王。且莫愁怖。法有二種。一者出家。二者王法。王法者。謂害其父則王國土。雖云是逆實無有罪。如迦羅羅虫要壞母腹然後乃生。生法如是雖破母腹實亦無罪。驟懷妊等亦復如是。治國之法，法應如是。雖殺父兄亦無有罪。出家法者乃至蚊蟻殺亦有罪。唯願大王寬意莫愁。何以故。

若常愁苦  
愁遂增長  
如人喜眠  
眠則滋多  
貪婬嗜酒  
亦復如是

如王所言世無良醫治身心者。今有大師名末伽黎拘舍離子。一切知見憐愍眾生猶如赤子。已離煩惱能拔眾生三毒利箭。一切眾生於一切法無知見

*Nhược ư phụ mẫu,  
Phật cập đệ tử,  
Sanh bất thiện tâm,  
Khởi ư ác nghiệp,  
Như thị quả báo,  
Sanh A-tỳ ngục.*

Dĩ thị sự cố, linh ngã tâm bố, sanh đại khổ não. Hựu vô lương y nhi kiến cứu liệu.

Đại thần phục ngôn: Duy nguyện Đại vương thả mặc sâu bố. Pháp hữu nhị chủng: Nhất giả xuất gia, nhị giả vương pháp. Vương giả, vị hại kỳ phụ tác vương quốc thổ. Tuy vân thị nghịch thật vô hữu tội. Như Ca-la-la trùng, yếu hoại mẫu phúc, nhiên hậu nãi sanh. Sanh pháp như thị, tuy phá mẫu phúc, thật diệc vô tội. Loa hoài nhân đảnđ, diệc phục như thị. Trị quốc chi pháp, pháp ưng như thị. Tuy sát phụ huynh, diệc vô hữu tội. Xuất gia pháp giả, nãi chí văn nghĩ, sát diệc hữu tội. Duy nguyện Đại vương khoan ý mặc sâu. Hà dĩ cố?

*Nhược thường sâu khổ,  
Sâu toại tăng trưởng;  
Như nhân hỷ miên,  
Miên tác tư đa,  
Tham dâm, thị tửu,  
Diệc phục như thị.*

Như vương sở ngôn, thế vô lương y trị thân tâm giả. Kim hữu đại sư danh Mạt-già-lê Câu-xá-ly Tử, nhất thiết tri kiến, lân mẫn chúng sanh do như xích tử; dĩ ly phiền não, năng bạt chúng sanh tam độc lợi tiễn. Nhất thiết chúng sanh, ư nhất thiết pháp, vô tri, kiến, giác. Duy thị nhất nhân độc tri, kiến, giác. Như thị đại sư thường vị đệ tử, thuyết như thị pháp:

覺。唯是一人獨知見覺。如是大師常為弟子說如是法。一切眾生身有七分。何等為七。地水火風苦樂壽命。如是七法非化非作不可毀害。如伊師迦草。安住不動如須彌山。不捨不作猶如乳酪。各不爭訟。若苦若樂。若善不善。投之利刀無所傷害。何以故。七分空中無妨礙故。命亦無害。何以故。無有害者及死者故。無作無受無說無聽。無有念者及以教者。常說是法能令眾生滅除一切無量重罪。是師今在王舍大城。唯願大王。往至其所。王若見者，眾罪消滅。

時王答言。審能如是除滅我罪。我當歸依。

復有一臣。名曰實德。復到王所即說偈言。

大王何故  
身脫瓔珞  
首髮蓬亂  
乃至如是  
王身何故  
顫慄不安  
猶如猛風  
吹動花樹

王今何故容色愁悴。猶如農夫下種之後天不降雨。愁苦如是。為是心痛為身痛耶。

“Nhất thiết chúng sanh, thân hữu thất phần. Hà đẳng vi thất? Địa, thủy, hỏa, phong, khổ, lạc, thọ mạng. Như thị thất pháp, phi hóa, phi tác, bất khả hủy hại, như y-sư-ca thảo; an trụ bất động, như Tu-di sơn; bất xả, bất tác, do như nhũ, lạc. Các bất tránh tụng: nhược khổ, nhược lạc, nhược thiện, bất thiện; dầu chi lợi đao, vô sở thương hại. Hà dĩ cố? Thất phần không trung, vô phương ngại cố. Mạng diệt vô hại. Hà dĩ cố? Vô hữu hại giả cập tử giả cố, vô tác, vô thọ, vô thuyết, vô thính, vô hữu niệm giả cập dĩ giáo giả. Thường thuyết thị pháp, năng linh chúng sanh diệt trừ nhất thiết vô lượng trọng tội. Thị sư kim tại Vương Xá đại thành. Duy nguyện Đại vương vãng chí kỳ sở. Vương nhược kiến giả, chúng tội tiêu diệt.

Thời vương đáp ngôn: Thâm năng như thị trừ diệt ngã tội, ngã đương quy y.

Phục hữu nhất thân danh viết Thật Đức, phục đáo vương sở, tức thuyết kệ ngôn:

Đại vương hà cố  
Thân thoát anh lạc  
Thủ phát bông loạn  
Nãi chí như thị?  
Vương thân hà cố  
Chiến lật bất an  
Do như mãnh phong  
Xuy động hoa thọ?

Vương kim hà cố dung sắc sầu tụy, do như nông phu há chủng chi hậu, thiên bất giáng vũ? Sầu khổ như thị, vi thị tâm thống, vi thân thống da?

王即答言。我今身心豈得不痛。我父先王慈愛流惻。特見矜念實無辜咎。往問相師。相師答言。是兒生已定當害父。雖聞是語猶見瞻養。曾聞智者作如是言。若人姦母及比丘尼。偷僧祇物。殺發無上菩提心者。害及其父。如是之人畢定當墮阿鼻地獄。我今身心豈得不痛。

大臣復言唯願大王且莫愁苦。如其父王修解脫者害則有罪。若治國法殺則無罪。大王。非法者，名為非法。無法者，名為無法。

譬如無子，名為無子。亦如惡子名之無子。雖言無子實非無子。如食無鹽名為無鹽。食若少鹽亦名無鹽。如河無水名之無水。若有少水亦名無水。如念念滅亦言無常。雖住一劫亦名無常。如人受苦名為無樂。雖受少樂亦名無樂。如不自在名之無我。雖少自在亦名無我。如闇夜時名之無日。雲霧之時亦言無日。

大王。雖言少法名為無法。實非無法。願王留神聽臣所說。一切眾生皆有餘業。以業緣故數受生死。若使先王有餘業者。今王殺之竟有何罪。唯願大王寬意莫愁。何以故。

若常愁苦  
愁遂增長

Vương tức đáp ngôn: Ngã kim thân tâm khởi đắc bất thống? Ngã phụ tiên vương, từ ái lưu trắc, đặc kiến căn niệm, thật vô cô cửu. Vãng vấn tướng sư, tướng sư đáp ngôn: Thị nhi sanh dĩ, định đương hại phụ. Tuy văn thị ngữ, du kiến chiêm dưỡng. Tăng văn trí giả tác như thị ngôn: Nhược nhân gian mầu cập tỳ-kheo ni, du tăng-kỳ vật, sát phát vô thượng Bồ-đề tâm giả, hại cập kỳ phụ, như thị chi nhân tất định đương đọa A-tỳ địa ngục. Ngã kim thân tâm, khởi đắc bất thống?

Đại thân phục ngôn: Duy nguyện Đại vương thả mặc sâu khổ. Như kỳ phụ vương tu giải thoát giả, hại tất hữu tội. Nhược trị quốc pháp, sát tác vô tội. Đại vương! Phi pháp giả, danh vi phi pháp; vô pháp giả, danh vi vô pháp.

Thí như vô tử, danh vi vô tử; diệc như ác tử, danh chi vô tử. Tuy ngôn vô tử, thật phi vô tử. Như thực vô diêm, danh vi vô diêm; thực nhược thiếu diêm, diệc danh vô diêm. Như hà vô thủy, danh vi vô thủy; nhược hữu thiếu thủy, diệc danh vô thủy. Như niệm niệm diệt, diệc ngôn vô thường; tuy trụ nhất kiếp, diệc danh vô thường. Như nhân thọ khổ, danh vi vô lạc; tuy thọ thiếu lạc, diệc danh vô lạc. Như bất tự tại, danh chi vô ngã; tuy thiếu tự tại, diệc danh vô ngã. Như ám dạ thời, danh chi vô nhật; vân vụ chi thời, diệc ngôn vô nhật.

Đại vương ! Tuy ngôn thiếu pháp, danh vi vô pháp; thật phi vô pháp. Nguyện vương lưu thần, thính thần sở thuyết. Nhất thiết chúng sanh giai hữu dư nghiệp. Dĩ nghiệp duyên cố, sát thọ sanh tử. Nhược sử tiên vương hữu dư nghiệp giả, vương kim sát chi, cánh hữu hà tội? Duy nguyện đại vương khoan ý mặc sâu. Hà dĩ cố?

Nhược thường sâu khổ,  
Sâu toại tăng trưởng;

如人喜眠  
眠則滋多  
貪婬嗜酒  
亦復如是

如王所言。世無良醫治身心者。今有大師名刪闍耶毘羅胝子。一切知見。其智淵深猶如大海。有大威德具大神通。能令眾生離諸疑網。一切眾生不知見覺。唯是一人獨知見覺。今者近在王舍城住。為諸弟子說如是法。一切眾中若是王者。自在隨意造作善惡。雖為眾惡悉無有罪。如火燒物無淨不淨。王亦如是與火同性。譬如大地淨穢普載。雖為是事初無瞋喜。王亦如是與地同性。譬如水性淨穢俱洗。雖為是事亦無憂喜。王亦如是與水同性。譬如風性淨穢等吹。雖為是事亦無憂喜。王亦如是與風同性。如秋髡樹春則還生。雖復髡斫實無有罪。一切眾生亦復如是。此間命終還此間生。以還生故當有何罪。一切眾生苦樂果報。悉皆不由現在世業。因在過去現在受果。現在無因未來無果。以現果故眾生持戒勤修精進遮現惡果。以持戒故則得無漏。得無漏故盡有漏業。以盡業故眾苦得盡。眾苦盡故。故得解脫。

唯願大王。速往其所。令其療治身心苦痛。王若見者眾罪則除。

Như nhân hỷ miên,  
Miên tắc tư đa;  
Tham dâm, thị tửu,  
Diệc phục như thị.

Như vương sở ngôn, thế vô lương y trị thân tâm giả, Kim hữu đại sư danh San-xà-da Tỳ-la-chi tử, nhất thiết tri kiến; kỳ trí uyên thâm do như đại hải; hữu đại oai đức, cụ đại thân thông, năng linh chúng sanh ly chư nghi võng. Nhất thiết chúng sanh bất tri, kiến, giác. Duy thị nhất nhân độc tri kiến, giác. Kim giả cận tại Vương Xá thành trụ, vị chư đệ tử, thuyết như thị pháp: Nhất thiết chúng trung, nhược thị vương giả, tự tại tùy ý, tạo tác thiện, ác. Tuy vi chúng ác, tất vô hữu tội. Như hỏa thiêu vật, vô tịnh bất tịnh. Vương diệc như thị, dữ hỏa đồng tánh. Thí như đại địa, tịnh uế phổ tải; tuy vi thị sự, sơ vô sân hỷ. Vương diệc như thị, dữ địa đồng tánh. Thí như thủy tánh, tịnh, uế câu tẩy; tuy vi thị sự, diệc vô ưu hỷ. Vương diệc như thị, dữ thủy đồng tánh. Thí như phong tánh, tịnh, uế đẳng xuy; tuy vi thị sự, diệc vô ưu, hỷ. Vương diệc như thị, dữ phong đồng tánh. Như thu khôn thọ, xuân tắc hoàn sanh; tuy phục khôn chúc, thật vô hữu tội. Nhất thiết chúng sanh diệc phục như thị; thử gian mạng chung, hoàn thử gian sanh. Dĩ hoàn sanh cố, đương hữu hà tội? Nhất thiết chúng sanh khổ, lạc quả báo, tất giai bất do hiện tại thế nghiệp; nhân tại quá khứ, hiện tại thọ quả. Hiện tại vô nhân, vị lai vô quả. Dĩ hiện quả cố, chúng sanh trì giới, cần tu tinh tấn, già hiện ác quả. Dĩ trì giới cố, tắc đắc vô lậu. Đắc vô lậu cố, tận hữu lậu nghiệp. Dĩ tận nghiệp cố, chúng khổ đắc tận. Chúng khổ tận cố, cố đắc giải thoát.

Duy nguyện Đại vương tốc vãng kỳ sở, linh kỳ liệu trị thân tâm khổ thống. Vương nhược kiến giả, chúng tội tắc trừ.

王即答言。審有是師能除我罪。我當歸依。

復有一臣名悉知義。即至王所作如是言。王今何故形不端嚴。如失國者。如泉枯涸。池無蓮花。樹無花葉。破戒比丘身無威德。為身痛耶。為心痛乎。

王即答言。我今身心豈得不痛。我父先王慈惻流念。然我不孝不知報恩。常以安樂安樂於我。而我背恩反斷其樂。先王無辜橫興逆害。我亦曾聞智者說言。若有害父當於無量阿僧祇劫受大苦惱。我今不久必墮地獄。又無良醫救療我罪。

大臣即言。唯願大王。放捨愁苦。王不聞耶。昔者有王。名曰羅摩。害其父已得紹王位。跋提大王。毘樓真王。那睺沙王。迦帝迦王。毘舍佉王。月光明王。日光明王。愛王。持多人王。如是等王。皆害其父得紹王位。然無一王入地獄者。於今現在毘琉璃王, 優陀那王, 惡性王鼠王蓮花王。如是等王皆害其父。悉無一王生愁惱者。雖言地獄, 餓鬼, 天中, 誰有見者。

大王。唯有二有。一者人道。二者畜生。雖有是二非因緣生非因緣死。若非因緣何有善惡。唯願大王勿懷愁怖。何以故。

若常愁苦  
愁遂增長

Vương tức đáp ngôn: Thảm hữu thị sư năng trừ ngã tội, ngã đương quy y.

Phục hữu nhất thần danh Tất Tri Nghĩa, tức chí vương sở, tác như thị ngôn: Vương kim hà cố hình bất đoan nghiêm như thất quốc giả, như tuyên khô hạc, trì vô liên hoa, thọ vô hoa diệp, phá giới tỳ-kheo, thân vô oai đức? Vi thân thống da? Vi tâm thống hồ?

Vương tức đáp ngôn: Ngã kim thân tâm khởi đắc bất thống? Ngã phụ tiên vương tử trắc lưu niệm; nhiên ngã bất hiếu, bất tri báo ân. Thường dĩ an lạc, an lạc ư ngã, nhi ngã bội ân, phản đoạn kỳ lạc. Tiên vương vô cô, hoành hưng nghịch hại. Ngã diệc tàng văn trí giả thuyết ngôn: Nhược hữu hại phụ, đương ư vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, thọ đại khổ não. Ngã kim bất cứu tất đọa địa ngục. Hựu vô lương y cứu liệu ngã tội.

Đại thần tức ngôn: Duy nguyện đại vương phóng xả sầu khổ. Vương bất văn da? Tích giả hữu vương, danh viết La-ma, hại kỳ phụ dĩ, đắc thiệu vương vị. Bạt-đề đại vương, Tỳ-lâu-chân vương, Na-hâu-sa vương, Ca-đế-ca vương, Tỳ-xá-khư vương, Nguyệt Quang Minh vương, Nhật Quang Minh vương, Ái vương, Trì-đa-nhân vương, như thị đẳng vương giai hại kỳ phụ, đắc thiệu vương vị. Nhiên vô nhất vương nhập địa ngục giả. Ư kim hiện tại, Tỳ-lưu-ly vương, Ưu-đà-na vương, Ác Tánh vương, Thủ vương, Liên Hoa vương, như thị đẳng vương, giai hại kỳ phụ, tất vô nhất vương sanh sầu não giả. Tuy ngôn địa ngục, ngạ quỷ, thiên trung, thùy hữu kiến giả.

Đại vương! Duy hữu nhị hữu: nhất giả nhân đạo, nhị giả súc sanh. Tuy hữu thị nhị, phi nhân duyên sanh, phi nhân duyên tử. Nhược phi nhân duyên, hà hữu thiện, ác? Duy nguyện Đại vương vật hoài sầu bố. Hà dĩ cố?

Nược thường sầu khổ,  
Sầu toại tăng trưởng;

如人喜眠  
眠則滋多  
貪婬嗜酒  
亦復如是

如王所言。世無良醫治身心者。今有大師名阿耨多翅舍欽婆羅。一切知見。觀金與土平等無二。刀斫右脅左塗栴檀。於此二人心無差別。等視怨親心無異相。此師真是世之良醫。若行若立若坐若臥。常在三昧心無分散。告諸弟子作如是言。若自作若教他作。若自斫若教他斫。若自灸若教他灸。若自害若教他害。若自偷若教他偷。若自婬若教他婬。若自妄語若教他妄語。若自飲酒若教他飲酒。若殺一村一城一國。若以刀輪殺一切眾生。若恒河以南布施眾生。恒河以北殺害眾生。悉無罪福無施戒定。

今者近在王舍城住。願王速往。王若見者眾罪除滅。

王言。大臣。審能如是除滅我罪。我當歸依。

復有大臣。名曰吉德。復往王所作如是言。王今何故面無光澤。如日中燈。如晝時月。如失國君。如荒敗土。大王今者。四方清夷無諸怨敵。而今何故如是愁苦。為身苦耶。為心苦乎。有諸王子

Như nhân hỷ miên,  
Miên tác tư đa;  
Tham dâm thị tửu,  
Diệc phục như thị.

Như vương sở ngôn, thế vô lương y trị thân tâm giả. Kim hữu đại sư danh A-kỳ-đa Sí-xá Khâm-bà-la, nhất thiết tri kiến; quan kim dĩ thổ bình đẳng vô nhị; đao chước hữu hiệp, tả đồ chiêm đàn, ư thủ nhị nhân, tâm vô sai biệt: Đẳng thị oán, thân, tâm vô dị tướng. Thủ sư chân thị thế chi lương y. Nhược hành, nhược lập, nhược tọa, nhược ngọa, thường tại Tam-muội, tâm vô phân tán; cáo chư đệ tử, tác như thị ngôn: Nhược tự tác, nhược giáo tha tác, nhược tự chước, nhược giáo tha chước, nhược tự chá, nhược giáo tha chá, nhược tự hại, nhược giáo tha hại, nhược tự du, nhược giáo tha du, nhược tự dâm, nhược giáo tha dâm, nhược tự vọng ngữ, nhược giáo tha vọng ngữ, nhược tự ảm tửu, nhược giáo tha ảm tửu, nhược sát nhất thôn, nhất thành, nhất quốc, nhược dĩ đao luân sát nhất thiết chúng sanh; nhược Hằng hà dĩ dĩ nam, bố thí chúng sanh; Hằng hà dĩ dĩ bắc, sát hại chúng sanh; tất vô tội phước. Vô thí, giới, định.

Kim giả cận tại Vương Xá thành trụ. Nguyên vương tốc vãng. Vương nhược kiến giả, chúng tội trừ diệt.

Vương ngôn: Đại thần thẩm năng như thị trừ diệt ngã tội, ngã đương quy y.

Phục hữu đại thần danh viết Cát Đức, phục vãng vương sở, tác như thị ngôn: Vương kim hà cố diện vô quang trạch, như nhật trung đăng, như trú thời nguyệt, như thất quốc quân, như hoang bại thổ? Đại vương! Kim giả tứ phương thanh di, vô chư oán địch; nhi kim hà cố như thị sầu khổ? Vi thân thống da? Vi tâm thống hồ? Hữu chư vương tử thường sanh tử niệm:

常生此念。我今何時當得自在。大王。今者已果所願自在。王領摩伽陀國先王寶藏具足而得。唯當快意縱情受樂。如是愁苦何用經懷。

王即答言。我今云何得不愁惱。大臣。譬如愚人但貪其味不見利刀。如食雜毒不見其過。我亦如是。如鹿見草不見深窞。如鼠貪食不見貓狸。我亦如是。見現在樂不見未來不善苦果。曾從智者聞如是言。寧於一日受三百鈔。不於父母生一念惡。我今已近地獄熾火。云何當得不愁惱耶。

大臣復言。誰來誑王言有地獄。如刺頭利誰之所造。飛鳥色異復誰所作。水性潤漬石性堅韌。如風動性如火熱性。一切萬物自死自生誰之所作。言地獄者直是智者文辭造作。言地獄者為有何義。臣當說之。

地者名地。獄者名破。破於地獄無有罪報。是名地獄。又復地者名人。獄者名天。以害其父故到人天。以是義故婆藪仙人唱言。殺羊得人天樂。是名地獄。又復地者名命。獄者名長。以殺生故得壽命長。故名地獄。大王。是故當知實無地獄。

大王。如種麥得麥種稻得稻。殺地獄者還得地獄。殺害於人應還得人。大王。今當聽臣所說實無殺害。若有我者實亦無害。若無我者復無所害。何

Ngã kim hà thời đương đắc tự tại? Đại vương kim giả dĩ quả sở nguyện, tự tại vương lãnh Ma-già-dà quốc, tiên vương bảo tạng cụ túc nhi đắc. Duy đương khoái ý, túng tình thọ lạc. Như thị sâu khổ, hà dụng kinh hoài?

Vương tức đáp ngôn: Ngã kim vân hà đắc bất sâu não? Đại thân! Thí như ngu nhân, dân tham kỳ vị, bất kiến lợi đao; như thực tạp độc, bất kiến kỳ quá. Ngã diệc như thị, như lộc kiến thảo, bất kiến thâm tĩnh; như thử tham thực, bất kiến miêu ly. Ngã diệc như thị; kiến hiện tại lạc, bất kiến vị lai bất thiện khổ quả. Tằng tưng trí giả, văn như thị ngôn: Ninh ư nhất nhựt, thọ tam bá mẫu; bất ư phụ mẫu, sanh nhất niệm ác. Ngã kim dĩ cận địa ngục xí hỏa; vân hà đương đắc bất sâu não da?

Đại thân phục ngôn: Thùy lai cuống vương, ngôn hữu địa ngục? Như thích đầu lợi, thùy chi sở tạo? Phi điều sắc dị, phục thùy sở tác? Thủy tánh nhuận trạch, thạch tánh kiên ngạnh; như phong động tánh, như hỏa nhiệt tánh, nhất thiết vạn vật, tự tử tự sanh. Thùy chi sở tác? Ngôn địa ngục giả, trực thị trí giả văn từ tạo tác. Ngôn địa ngục giả, vi hữu hà nghĩa? Thân đương thuyết chi:

Địa giả danh địa; Ngục giả danh phá. Phá ư địa ngục vô hữu tội báo, thị danh địa ngục. Hựu phục địa giả danh nhân; Ngục giả danh thiên. Dĩ hại kỳ phụ, cố đao nhân thiên. Dĩ thị nghĩa cố, Bà-tẩu tiên nhân xướng ngôn: Sát dương đắc nhân thiên lạc. Thị danh địa ngục. Hựu phục địa giả danh mạng; Ngục giả danh trường. Dĩ sát sanh cố, đắc thọ mạng trường, cố danh địa ngục. Đại vương! Thị cố đương tri thật vô địa ngục.

Đại vương! Như chủng mạch đắc mạch, chủng đạo đắc đạo; sát địa ngục giả, hoàn đắc địa ngục; sát hại ư nhân, ưng hoàn đắc nhân. Đại vương kim đương thính thân sở thuyết: thật vô sát hại. Nhược hữu ngã giả thật diệc vô hại; nhược vô ngã giả,

以故。若有我者常無變易。以常住故不可殺害。不破不壞不繫不縛不瞋不喜猶如虛空。云何當有殺害之罪。若無我者諸法無常。以無常故念念壞滅。念念滅故殺者死者皆念念滅。若念念滅誰當有罪。

大王。如火燒木。火則無罪。如斧斫樹。斧亦無罪。如鎌刈草。鎌實無罪。如刀殺人。刀實非人。刀既無罪。人云何罪。如毒殺人。毒實非人。毒藥非罪。人云何罪。一切萬物皆亦如是。實無殺害。云何有罪。唯願大王莫生愁苦。何以故。

若常愁苦  
愁遂增長。  
如人喜眠  
眠則滋多。  
貪婬嗜酒  
亦復如是。

如王所言。世無良醫治惡業者。今有大師名迦羅鳩馱迦旃延。一切知見明了三世。於一念頃能見無量無邊世界。聞聲亦爾。能令眾生遠離過惡。猶如恆河若內若外所有諸穢皆悉清淨。是大良師亦復如是。能除眾生內外眾罪。為諸弟子說如是法。若人殺害一切眾生。心無慚愧終不墮惡。猶如虛空不受塵水。有慚愧者即入地獄。猶如大水潤濕於地。

phục vô sở hại. Hà dĩ cố? Nhược hữu ngã giả, thường vô biến dị. Dĩ thường trụ cố, bất khả sát hại, bất phá bất hoại, bất hệ bất phục, bất sân bất hỷ, do như hư không. Vân hà đương hữu sát hại chi tội? Nhược vô ngã giả, chư pháp vô thường. Dĩ vô thường cố, niệm niệm hoại diệt. Niệm niệm diệt cố, sát giả, tử giả giai niệm niệm diệt. Nhược niệm niệm diệt, thù đương hữu tội?

Đại vương! Như hỏa thiêu mộc, hỏa tắc vô tội; như phủ chúc thọ, phủ diệt vô tội; như liêm ngải thảo, liêm thật vô tội. Như đao sát nhân, đao thật phi nhân, đao ký vô tội, nhân vân hà tội? Như độc sát nhân, độc thật phi nhân, độc được phi tội, nhân vân hà tội? Nhất thiết vạn vật giai diệt như thị, thật vô sát hại; vân hà hữu tội? Duy nguyện Đại vương mạc sanh sầu khổ? Hà dĩ cố.

Nhược thường sầu khổ,  
Sầu toại tăng trưởng;  
Như nhân hỷ miên,  
Miên tắc tư đa;  
Tham dâm, thị tửu,  
Diệt phục như thị.

Như vương sở ngôn, thế vô lương y trị ác nghiệp giả. Kim hữu đại sư danh Ca-la-cưu-đà Ca-chiên-diên, nhất thiết tri kiến, minh liễu tam thế; ư nhất niệm khoảnh, năng kiến vô lượng, vô biên thế giới; văn thanh diệt nhĩ. Năng linh chúng sanh viễn ly quá ác. Do như Hằng hà, nhược nội nhược ngoại sở hữu chư uế, giai tất thanh tịnh. Thị đại lương sư diệt phục như thị; năng trừ chúng sanh nội ngoại chúng tội. Vị chư đệ tử, thuyết như thị pháp: Nhược nhân sát hại nhất thiết chúng sanh, tâm vô tầm quý, chung bất đọa ác; do như hư không, bất thọ trần thủy. Hữu tầm quý giả, tức nhập địa ngục; do như đại thủy, nhuận thấp ư địa. Nhất thiết chúng sanh tất thị Tự tại

一切眾生悉是自在天之所作。自在天喜眾生安樂。自在天瞋眾生苦惱。一切眾生若罪若福。乃是自在之所為。云何當言人有罪福。譬如工匠作機關木人。行住坐臥唯不能言。眾生亦爾。自在天者喻如工匠。木人者喻眾生身。如是造化誰當有罪。

如是大師今者近在王舍城住。唯願速往。如得見者眾罪消滅。

王即答言。審有是人能滅我罪。我當歸依。

復有一臣名無所畏。往至王所說如是言。大王。世有愚人一日之中百喜百愁百眠百寤百驚百哭。有智之人斯無是事。大王。何故憂愁如是。如失侶客。如墮深泥無救拔者。如人渴乏不得漿水。猶如迷人無有導者。如困病人無醫救療。如海船破無救接者。大王。今者為身痛耶。為心痛乎。

王即答言。我今身心豈得不痛。我近惡友不觀口過。先王無辜橫興逆害。我今定知當入地獄。復無良醫而見救濟。

臣即白言。唯願大王。莫生愁毒。夫刹利者。名為王種。若為國土。若為沙門及婆羅門。為安人民雖復殺害無有罪也。先王雖復恭敬沙門。不能承事諸婆羅門。心無平等。心無平等故則非刹利。大王。今者為欲供養諸婆羅門。殺害先王。當有何罪。

Thiên chi sở tác. Tự tại Thiên hỷ, chúng sanh an lạc; Tự tại Thiên sân, chúng sanh khổ não. Nhất thiết chúng sanh nhược tội, nhược phước, nãi thị Tự tại chi sở vi. Vân hà đương ngôn nhân hữu tội, phước? Thí như công tượng, tác cơ quan mộc nhân, hành, trụ, tọa, ngọa, duy bất năng ngôn. Chúng sanh diệc nãi. Tự tại thiên giả, do như công tượng; mộc nhân giả, dụ chúng sanh thân. Như thị tạo hóa, thù đương hữu tội?

Như thị đại sư kim giả cận tại Vương Xá thành trụ. Duy nguyện tốc vãng. Như kỳ kiến giả, chúng tội tiêu diệt.

Wương tức đáp ngôn: Thẩm hữu thị nhân năng diệt ngã tội, ngã đương quy y.

Phục hữu nhất thân danh Vô Sở Ủy, vãng chí vương sở, thuyết như thị ngôn: Đại vương! Thế hữu ngu nhân, nhất nhứt chi trung, bá hỷ, bá sầu, bá miên, bá ngộ; bá kinh, bá khóc. Hữu trí chi nhân, tư vô thị sự. Đại vương hà cố ưu sầu như thị? Như thất lữ khách, như đọa thâm nê, vô cứu bạt giả; như nhân khát phạp, bất đắc tương thủy; do như mê nhân, vô hữu đạo giả; như khốn bệnh nhân, vô y cứu liệu; như hải thuyền phá, vô cứu tiếp giả. Đại vương kim giả vi thân thống da? Vi tâm thống hồ?

Wương tức đáp ngôn: Ngã kim thân tâm khởi đắc bất thống? Ngã cận ác hữu, bất quan khẩu quá. Tiên vương vô cô, hoành hưng nghịch hại. Ngã kim định tri đương nhập địa ngục. Phục vô lương y nhi kiến cứu tế.

Thần tức bạch ngôn: Duy nguyện Đại vương mặc sanh sầu độc. Phù sát-lợi giả, danh vi vương chủng, nhược vị quốc thổ, nhược vị sa-môn cập bà-la-môn, vị an nhân dân, tuy phục sát hại, vô hữu tội dã. Tiên vương tuy phục cung kính sa-môn, bất năng thừa sự chư bà-la-môn, tâm vô bình đẳng. Tâm vô bình đẳng cố, tác phi sát-lợi. Đại vương kim giả, vị dục cúng dường chư bà-la-môn, sát hại tiên vương, đương hữu hà tội?

大王。實無殺害。夫殺害者殺害壽命。命名風氣。風氣之性不可殺害。云何害命而當有罪。唯願大王莫復愁苦。何以故。

若常愁苦  
愁遂增長  
如人喜眠  
眠則滋多  
貪婬嗜酒  
亦復如是

如王所言。世無良醫而療治者。今有大師名尼乾陀若提子。一切知見憐愍眾生。善知眾生諸根利鈍。達解一切隨宜方便。世間八法所不能污。寂靜修習清淨梵行。為諸弟子說如是言。無施無善無父無母。無今世後世。無阿羅漢。無修無道。一切眾生經八萬劫。於生死輪自然得脫。有罪無罪悉亦如是。如四大河。所謂辛頭恒河博叉私陀。悉入大海無有差別。一切眾生亦復如是。得解脫時悉無差別。

是師今在王舍城住。唯願大王速往其所。若得見者眾罪消除。

王即答言。審有是師能除我罪。我當歸依。

爾時大醫。名曰耆婆。往至王所白言。大王。得安眠不。王即以偈答言。

Đại vương! Thật vô sát hại. Phù sát hại giả, sát hại thọ mạng. Mạng, danh phong khí. Phong khí chi tánh, bất khả sát hại. Vân hà hại mạng, nhi đương hữu tội? Duy nguyện Đại vương mạc phục sầu khổ. Hà dĩ cố?

Nhược thường sầu khổ,  
Sầu toại tăng trưởng,  
Như nhân hỷ miên,  
Miên tắc tư đa;  
Tham dâm thị tửu,  
Diệc phục như thị.

Như vương sở ngôn, thế vô lương y nhi liệu trị giả. Kim hữu đại sư danh Ni-kiên-đà Nhã-đề Tử, nhất thiết tri kiến, lân mẫn chúng sanh; thiện tri chúng sanh chư căn lợi钝; đạt giải nhất thiết, tùy nghi phương tiện. Thế gian bát pháp, sở bất năng ô; tịch tĩnh tu tập thanh tịnh phạm hạnh, vị chư đệ tử thuyết như thị ngôn: vô thí, vô thiện; vô phụ, vô mẫu; vô kim thế, hậu thế; vô A-la-hán, vô tu, vô đạo. Nhất thiết chúng sanh, kinh bát vạn kiếp ư sanh tử luân, tự nhiên đắc thoát. Hữu tội vô tội, tất diệc như thị. Như tứ đại hà, sở vị; Tân-đầu, Hằng hà, Bác-xoa, Tư-đà, tất nhập đại hải, vô hữu sai biệt. Nhất thiết chúng sanh diệc phục như thị; đắc giải thoát thời, tất vô sai biệt.

Thị sư kim tại Vương Xá thành trụ. Duy nguyện Đại vương tốc vãng kỳ sở. Nhược đắc kiến giả, chúng tội tiêu trừ.

Wương tức đáp ngôn: Thảm hữu thị sư năng trừ ngã tội, ngã đương quy y.

Nhĩ thời, đại y danh viết Kỳ-bà, vãng chí vương sở, bạch ngôn: Đại vương! Đắc an miên phủ? Vương tức dĩ kệ đáp ngôn:

若有能永斷  
一切諸煩惱  
不貪染三界  
乃得安隱眠

若得大涅槃  
演說甚深義  
名真婆羅門  
乃得安隱眠

身無諸惡業  
口離於四過  
心無有疑網  
乃得安隱眠  
身心無熱惱  
安住寂靜處  
獲致無上樂  
乃得安隱眠

心無有取著  
遠離諸怨讎  
常和無諍訟  
乃得安隱眠

若不造惡業  
心常懷慚愧  
信惡有果報  
乃得安隱眠

敬養於父母  
不害一生命

Nhược hữu năng vĩnh đoạn  
Nhất thiết chư phiền não,  
Bất tham nhiễm Tam giới,  
Nãi đắc an ổn miên.

Nhược đắc Đại Niết-bàn,  
Diễn thuyết thậm thâm nghĩa,  
Danh chân bà-la-môn,  
Nãi đắc an ổn miên.

Thân vô chư ác nghiệp,  
Khẩu ly ư tứ quá,  
Tâm vô hữu nghi vọng  
Nãi đắc an ổn miên.

Thân tâm vô nhiệt não  
An trụ tịch tĩnh xứ,  
Hoạch trí vô thượng lạc,  
Nãi đắc an ổn miên.

Tâm vô hữu thủ trước,  
Viễn ly chư oán thù,  
Thường hòa vô tránh tụng,  
Nãi đắc an ổn miên.

Nhược bất tạo ác nghiệp,  
Tâm thường hoài tâm quý,  
Tín ác hữu quả báo,  
Nãi đắc an ổn miên.

Kính dưỡng ư phụ mẫu,  
Bất hại nhất sanh mạng,

不盜他財物  
乃得安隱眠  
調伏於諸根  
親近善知識  
破壞四魔眾  
乃得安隱眠  
不見吉不吉  
及以苦樂等  
為諸眾生故  
輪轉於生死  
若能如是者  
乃得安隱眠  
誰得安隱眠  
所謂諸佛是  
深觀空三昧  
身心安不動  
誰得安隱眠  
所謂慈悲者  
常修不放逸  
視眾如一子  
眾生無明冥  
不見煩惱果  
常造諸惡業  
不得安隱眠。

Bát đạo tha tài vật,  
Nãi đắc an ổn miên.  
Điều phục ư chư căn,  
Thân cận thiện tri thức,  
Phá hoại Tứ Ma chúng,  
Nãi đắc an ổn miên.  
Bất kiến cát, bất cát,  
Cập dĩ khổ, lạc đẳng,  
Vị chư chúng sanh cố,  
Luân chuyển ư, sanh tử,  
Nhược năng như thị giả,  
Nãi đắc an ổn miên.  
Thùy đắc an ổn miên?  
Sở vị chư Phật thị,  
Thâm quán Không Tam-muội,  
Thân tâm an bất động.  
Thùy đắc an ổn miên?  
Sở vị từ bi giả,  
Thường tu bất phóng dật,  
Thị chúng như nhất tử.  
Chúng sanh vô minh minh,  
Bất kiến phiền não quả,  
Thường tạo chư ác nghiệp  
Bất đắc an ổn miên.

若為於自身  
及以他人身  
造作十惡業  
不得安隱眠。

若言為樂故  
害父無過咎  
隨是惡知識  
不得安隱眠。

若食過節度  
冷飲而過差  
如是則病苦  
不得安隱眠。

若於王有過  
邪念他婦女  
及行曠路者  
不得安隱眠。

持戒果未熟  
太子未紹位  
盜者未獲財  
不得安隱眠。

耆婆。我今病重。於正法王興惡逆害。一切良醫妙藥咒術善巧瞻病所不能治。何以故。我父法王如法治國。實無辜咎橫加逆害。如魚處陸當有何樂。如鹿在櫃初無歡心。如人自知命不終日。如王

Nhược vị ư tự thân,  
Cập dĩ tha nhân thân,  
Tạo tác thập ác nghiệp,  
Bất đắc an ổn miên.

Nhược ngôn vị lạc cố,  
Hại phụ vô quá cữu,  
Tùy thị ác tri thức,  
Bất đắc an ổn miên.

Nhược thực quá tiết độ,  
Lãnh ẩm nhi quá sai,  
Như thị tác bệnh khổ  
Bất đắc an ổn miên.

Nhược ư vương hữu quá,  
Tà niệm tha phụ nữ,  
Cập hành khoáng lộ giả,  
Bất đắc an ổn miên.

Trì giới quả vị thực,  
Thái tử vị thiệu vị,  
Đạo giả vị hoạch tài,  
Bất đắc an ổn miên.

Kỳ-bà! Ngã kim bệnh trọng, ư chánh pháp vương, hưng ác nghịch hại. Nhất thiết lương y, diệu dược, chú thuật, thiện xảo chiêm bệnh, sở bất năng trị. Hà dĩ cố? Ngã phụ tiên vương như pháp trị quốc, thật vô cô cữu, hoạnh gia nghịch hại, như ngư xử lục, đương hữu hà lạc? Như lộc tại cương, sơ vô hoan tâm. Như nhân tự tri mạng bất chung nhật. Như vương thất

失國逃迸他土。如人聞病不可療治。如破戒者聞說罪過。我昔曾聞智者說言。身口意業若不清淨。當知是人必墮地獄。我亦如是。云何當得安隱眠耶。今我又無無上大醫演說法藥除我病苦。

耆婆答王。善哉，善哉。王雖作罪心生重悔而懷慚愧。

大王。諸佛世尊常說是言。有二白法能救眾生。一慚二愧。慚者自不作罪愧者不教他作。慚者內自羞恥。愧者發露向人。慚者羞人愧者羞天。是名慚愧。無慚愧者不名為人。名為畜生。有慚愧故則能恭敬父母師長。有慚愧故說有父母兄弟姊妹。善哉大王具有慚愧。

大王且聽。臣聞佛說。智者有二。一者不造諸惡。二者作已懺悔。愚者亦二。一者作罪。二者覆藏。雖先作惡後能發露。悔已慚愧更不敢作。猶如濁水置之明珠。以珠威力水即為清。如煙雲除月則清明。作惡能悔亦復如是。王若懺悔懷慚愧者。罪則除滅清淨如本。

大王。富有二種。一者象馬種種畜生。二者金銀種種珍寶。象馬雖多不敵一珠。大王。眾生亦爾。一者惡富。二者善富。多作諸惡不如一善。臣聞佛說修一善心破百種惡。

quốc, đào binh tha thổ. Như nhân văn bệnh, bất khả liệu trị. Như phá giới giả văn thuyết tội quá. Ngã tích tàng văn trí giả thuyết ngôn: Thân, khẩu, ý nghiệp nhược bất thanh tịnh, đương tri thị nhân tất đọa địa ngục. Ngã diệc như thị. Vân hà đương đắc an ổn miên da? Kim ngã hựu vô Vô thượng đại y diễn thuyết pháp dược, trừ ngã bệnh khổ.

Kỳ-bà đáp vương: Thiện tai! Thiện tai! Vương tuy tác tội, tâm sanh trọng hối, nhi hoài tâm quý.

Đại vương! Chư Phật Thế Tôn thường thuyết thị ngôn: hữu nhị bạch pháp năng cứu chúng sanh: Nhất tâm, nhị quý. Tâm giả, tự bất tác tội; quý giả, bất giáo tha tác. Tâm giả, nội tự tu sĩ; quý giả phát lộ hướng nhân. Tâm giả, tu nhân; quý giả, tu thiên. Thị danh tâm, quý. Vô tâm, quý giả, bất danh vi nhân, danh vi súc sanh, hữu tâm, quý cố, tác năng cung kính phụ mẫu, sư trưởng. Hữu tâm, quý cố, thuyết hữu phụ mẫu, huynh đệ, tử muội. Thiện tai Đại vương cụ hữu tâm, quý.

Đại vương thả thính. Thân văn Phật thuyết: Trí giả hữu nhị: nhất giả bất tạo chư ác, nhị giả tác dĩ sám hối. Ngu giả diệc nhị: nhất giả tác tội; nhị giả phú tàng. Tuy tiên tác ác hậu năng phát lộ, hối dĩ tâm quý, cánh bất cảm tác. Do như trước thủy, trí chi minh châu; dĩ châu oai lực, thủy tức vi thanh. Như yên vân trừ, nguyệt tác thanh minh. Tác ác năng hối, diệc phục như thị. Vương nhược sám hối, hoài tâm quý giả tội tác trừ diệt, thanh tịnh như bản.

Đại vương! Phú hữu nhị chủng: Nhất giả tượng, mã chủng chủng súc sanh; nhị giả kim, ngân, chủng chủng trân bảo. Tượng, mã tuy đa, bất địch nhất châu. Đại vương! Chúng sanh diệc nhị: nhất giả ác phú, nhị giả thiện phú, đa tác chư ác, bất như nhất thiện. Thân văn Phật thuyết: tu nhất thiện tâm, phá bá chủng ác.

大王。如少金剛能壞須彌。亦如少火能燒一切。如少毒藥能害眾生。少善亦爾能破大惡。雖名少善其實是大。何以故。破大惡故。

大王。如佛所說覆藏者漏。不覆藏者則無有漏。發露悔過是故無漏。若作眾罪不覆不藏。以不覆故罪則微薄。若懷慚愧罪則消滅。

大王。水滴雖微漸盈大器。善心亦爾。一一善心能破大惡。若覆罪者罪則增長。發露慚愧罪則消滅。是故諸佛說有智者不覆藏罪。

善哉大王。能信因果信業信報。唯願大王莫懷愁怖。若有眾生造作諸罪。覆藏不悔心無慚愧。不見因果及以業報。不能諮啟有智之人不近善友。如是之人一切良醫乃至瞻病所不能治。如迦摩羅病世醫拱手。覆罪之人亦復如是。

云何罪人謂一闍提。一闍提者不信因果無有慚愧不信業報。不見現在及未來世。不親善友。不隨諸佛所說教戒。如是之人名一闍提。諸佛世尊所不能治。何以故。如世死屍醫不能治。一闍提者亦復如是。諸佛世尊所不能治。大王今者。非一闍提。云何而言不可救療。

如王所言無能治者。大王當知。迦毘羅城淨飯王

Đại vương! Như thiếu kim cang năng hoại Tu-di, diệt như thiếu hỏa năng thiêu nhất thiết; như thiếu độc dược năng hại chúng sanh. Thiếu thiện diệt nhĩ, năng phá đại ác. Tuy danh thiếu thiện, kỳ thật thị đại. Hà dĩ cố? Phá đại ác cố.

Đại vương! Như Phật sở thuyết: Phú tàng giả lậu; bất phú tàng giả, tắc vô hữu lậu. Phát lộ hối quá, thị cố vô lậu. Nhược tác chúng tội, bất phú bất tàng. Dĩ bất phú cố, tội tắc vi bạc. Nhược hoài tâm quý, tội tắc tiêu diệt.

Đại vương! Thủy trích tuy vi, tiệm doanh đại khí. Thiện tâm diệt nhĩ. Nhất nhất thiện tâm năng phá đại ác. Nhược phú tội giả, tội tắc tăng trưởng; phát lộ tâm quý, tội tắc tiêu diệt. Thị cố chư Phật thuyết hữu trí giả bất phú tàng tội.

Thiện tai! Đại vương năng tín nhân quả, tín nghiệp, tín báo. Duy nguyện đại vương mạc hoài sầu bố. Nhược hữu chúng sanh tạo tác chư tội, phú tàng bất hối, tâm vô tâm quý, bất kiến nhân quả cập dĩ nghiệp báo, bất năng tư khả hữu trí chi nhân, bất cận thiện hữu. Như thị chi nhân, nhất thiết lương y nãi chí chiêm bệnh, sở bất năng trị. Như ca-ma-la bệnh, thế y cũng thủ. Phú tội chi nhân, diệt phục như thị.

Vân hà tội nhân vị nhất-xiển-đề? Nhất-xiển-đề giả, bất tín nhân quả, vô hữu tâm quý, bất tín nghiệp báo, bất kiến hiện tại cập vị lai thế, bất thân thiện hữu, bất tùy chư Phật sở thuyết giáo giới. Như thị chi nhân, danh nhất-xiển-đề. Chư Phật Thế Tôn sở bất năng trị. Hà dĩ cố? Như thế tử thi, y bất năng trị. Nhất-xiển-đề giả, diệt phục như thị. Chư Phật Thế Tôn sở bất năng trị. Đại vương kim giả phi nhất-xiển-đề. Vân hà nhi ngôn bất khả cứu liệu?

Như vương sở ngôn, vô năng trị giả. Đại vương đương tri: Ca-tỳ-la thành, Tịnh-phạn vương tử, tánh Cồ-đàm thị, tự Tất-đạt-đa, vô sư giác ngộ, tự nhiên nhi đắc A-nậu-đa-la

子。姓瞿曇氏。字悉達多。無師覺悟自然而得阿耨多羅三藐三菩提。三十二相八十種好莊嚴其身。具足十力四無所畏一切知見大慈大悲。憐愍一切如羅睺羅。隨善眾生如犢逐母。知時而說,非時不語。實語,淨語,妙語,義語法語一語。能令眾生永離煩惱。善知眾生諸根心性。隨宜方便無不通達。其智高大如須彌山。深邃廣遠猶如大海。是佛世尊有金剛智。能破眾生一切惡罪。若言不能無有是處。

今者去此十二由旬。在拘尸那城娑羅雙樹間。而為無量阿僧祇等諸菩薩僧。演種種法。若有若無若有為若無為。若有漏若無漏。若煩惱果若善法果。若色法若非色法。若非色非非色法。若我若非我。若非我非非我。若常若非常。若非常非非常。若樂若非樂。若非樂非非樂。若相若非相。若非相非非相。若斷若非斷。若非斷非非斷。若世若出世。若非世非出世。若乘若非乘。若非乘非非乘。若自作自受。若自作他受。若無作無受。大王。若當於佛所聞無作無受。所有重罪即當消滅。

王今且聽。

釋提桓因命將欲終。有五相現。一者衣裳垢膩。二者頭上花萎。三者身體臭穢。四者腋下汗

Tam-miêu Tam-bồ-đê. Tam thập nhị tướng, bát thập chủng hảo trang nghiêm kỳ thân. Cụ túc Thập lực, Tứ vô sở úy, nhất thiết tri kiến, đại từ đại bi; lân mẫn nhất thiết như La-hầu-la. Tùy thiện chúng sanh, như độc trực mẫu. Tri thời nhi thuyết, phi thời bất ngữ. Thật ngữ, tịnh ngữ, diệu ngữ, nghĩa ngữ, pháp ngữ, nhất ngữ, năng linh chúng sanh vĩnh ly phiền não. Thiện tri chúng sanh chư căn tâm tánh; tùy nghi phương tiện, vô bất thông đạt. Kỳ trí cao đại như Tu-di sơn, thâm thúy quảng viễn do như đại hải. Thị Phật Thế Tôn hữu kim cang trí, năng phá chúng sanh nhất thiết ác tội. Nhược ngôn bất năng, vô hữu thị xứ.

Kim giả khứ tử thập nhị do tuần, tại Câu-thi-na thành, sa-la song thọ gian, nhi vị vô lượng a-tăng-kỳ đẳng chư Bồ Tát tăng, diễn chủng chủng pháp: nhược hữu nhược vô, nhược hữu vi, nhược vô vi, nhược hữu lậu, nhược vô lậu, nhược phiền não quả, nhược thiện pháp quả, nhược sắc pháp, nhược phi sắc pháp, nhược phi sắc phi phi sắc pháp, nhược ngã, nhược phi ngã, nhược phi ngã phi phi ngã, nhược thường, nhược phi thường, nhược phi thường phi phi thường, nhược lạc, nhược phi lạc, nhược phi lạc phi phi lạc, nhược tướng, nhược phi tướng, nhược phi tướng phi phi tướng, nhược đoạn, nhược phi đoạn, nhược phi đoạn phi phi đoạn, nhược thế, nhược xuất thế, nhược phi thế phi xuất thế, nhược thừa, nhược phi thừa, nhược phi thừa phi phi thừa, nhược tự tác tự thọ, nhược tự tác tha thọ, nhược vô tác vô thọ. Đại vương! Nhược đương ư Phật sở, văn vô tác vô thọ, sở hữu trọng tội, tức đương tiêu diệt.

Vương kim thả thỉnh:

Thích-đê-hoàn-nhân, mạng tương dục chung, hữu ngũ tướng hiện: Nhất giả y thường cấu nễ, nhị giả đầu thượng hoa úy, tam giả thân thể xú uest, tứ giả dịch hạ hạn xuất, ngũ giả bất nhạo bốn tòa. Thời Thiên Đế-thích, hoặc ư tinh xứ, nhược kiến

出。五者不樂本座。時天帝釋或於靜處。若見沙門若婆羅門。即至其所生於佛想。爾時沙門及婆羅門見帝釋來。深自慶幸即說是語。天主。我今歸依於汝。釋聞是已乃知非佛。復自念言。彼若非佛不能治我五退沒相。

是時御臣名般遮尸。語帝釋言。憍尸迦。乾闥婆王名敦浮樓。其王有女字須跋陀。王若能以此女見與臣。當示王除衰相處。

釋即答言。善男子。毘摩質多阿修羅王有女舍脂。是吾所敬。卿若必能示吾消滅惡相處者。猶當相與。況須跋陀。

憍尸迦。有佛世尊字釋迦牟尼。今者在於王舍大城。若能往彼諮稟未聞。衰沒之相必得除滅。

善男子。若佛世尊審能滅者。便可迴駕至其住處。

御臣奉命即迴車乘。到王舍城耆闍崛山。至於佛所頭面禮足。卻坐一面白佛言。世尊。天人之中誰為繫縛。

憍尸迦。慳貪嫉妬。

又言。慳貪嫉妬因何而生。

答言。因無明生。

又言。無明復因何生。

答言。因放逸生。

sa-môn, nhược bà-la-môn, tức chí kỳ sở, sanh ư Phật tưởng. Nhi thời, sa-môn cập bà-la-môn, kiến Đế-thích lai, thâm tự khánh hạnh, tức thuyết thị ngữ: Thiên chủ! Ngã kim quy y ư nhữ. Thích văn thị dĩ, nãi tri phi Phật. Phục tự niệm ngôn: Bỉ nhược phi Phật, bất năng trị ngã ngũ thối một tướng.

Thị thời, ngự thân danh Bát-già-thi, ngữ Đế-thích ngôn: Kiều-thi-ca! Càn-thát-bà vương, danh Đôn-phù-lâu. Kỳ vương hữu nữ, tự Tu-bạt-đa. Vương nhược năng dĩ thử nữ kiến dĩ, thân đương thị vương, trừ suy tướng xú.

Thích tức đáp ngôn: Thiện nam tử! Tỳ-ma-chất-đa, A-tu-la vương hữu nữ Xá-chỉ, thị ngô sở kính. Khanh nhược tất năng thị ngô tiêu diệt ác tướng xú giả, du đương tương dĩ, huống Tu-bạt-đa?

Kiều-thi-ca! Hữu Phật Thế Tôn, tự Thích-ca Mâu-ni, kim giả tại ư Vương Xá đại thành. Nhược năng vãng bỉ, tư bảm vị văn, suy một chi tướng, tất đắc trừ diệt.

Thiện nam tử! Nhược Phật Thế Tôn thẩm năng diệt giả, tiện khả hồi giá, chí kỳ trụ xứ.

Ngự thân phụng mạng, tức hồi xa thặng, đáo Vương Xá thành, Kỳ-xà-quật sơn. Chí ư Phật sở, đầu diện lễ túc, khước tọa nhất diện, bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Thiên nhân chi trung, thù vi hệ phược?

Kiều-thi-ca! Khan tham, tật đố.

Hựu ngôn: Khan tham, tật đố nhân hà nhi sanh?

Đáp ngôn: Nhân vô minh sanh.

Hựu ngôn: Vô minh phược như hà sanh?

Đáp ngôn: Nhân phóng dật sanh.

又言。放逸復因何生。

答言。因顛倒生。

又言。顛倒復因何生。

答言。因疑心生。

世尊。顛倒之法因疑生者。實如聖教。何以故。我有疑心。以疑心故則生顛倒。於非世尊生世尊想。我今見佛疑網即除。疑網除故顛倒亦盡。顛倒盡故無有慳心乃至妬心。

佛言。汝言無有慳妒心者。汝今已得阿那含耶。阿那含者無有貪心。若無貪心云何為命來至我所。而阿那含實不求命。

世尊。有顛倒者則有求命。無顛倒者則不求命。然我今者實不求命。所欲求者唯佛法身及佛智慧。

憍尸迦。求佛法身及佛慧者。將來之世必當得之。

爾時帝釋聞佛說已。五衰沒相即時消滅。便起作禮遶佛三匝。恭敬合掌而白佛言。世尊。我今即死即生失命得命。又聞佛記當得阿耨多羅三藐三菩提。是為更生為更得命。

世尊。一切人天云何增益。復以何緣而致損減。

憍尸迦。鬥爭因緣人天損減。善修和敬則得增益。

Hựu ngôn: Phóng dật phục nhân hà sanh?

Đáp ngôn: Nhân điên đảo sanh.

Hựu ngôn: Điên đảo phục nhân hà sanh?

Đáp ngôn: Nhân nghi tâm sanh.

Thế Tôn! Điên đảo chi pháp, nhân nghi sanh giả, thật như Thánh giáo. Hà dĩ cố? Ngã hữu nghi tâm. Dĩ nghi tâm cố, tác sanh điên đảo: Ư phi Thế Tôn, sanh Thế Tôn tưởng. Ngã kim kiến Phật, nghi vông tức trừ. Nghi vông trừ cố, điên đảo diệt tận. Điên đảo tận cố, vô hữu khan tâm nãi chí đố tâm.

Phật ngôn: Nhữ ngôn vô hữu khan, đố tâm giả, nhữ kim dĩ đắc A-na-hàm da? A-na-hàm giả vô hữu tham tâm. Nhược vô tham tâm, vân hà vị mạng, lai chí ngã sở? Nhi A-na-hàm thật bất cầu mạng.

Thế Tôn! Hữu điên đảo giả, tác hữu cầu mạng; vô điên đảo giả, tác bất cầu mạng. Nhiên ngã kim giả thật bất cầu mạng. Sở dục cầu giả, duy Phật pháp thân cập Phật trí tuệ.

Kiều-thi-ca! Cầu Phật pháp thân cập Phật tuệ giả, tương lai chi thế, tất đương đắc chi!

Nhĩ thời, Đế-thích văn Phật thuyết dĩ, ngũ suy một tướng tức thời tiêu diệt; tiện khởi tác lễ, nhiễu Phật tam匝, cung kính hiệp chưởng, nhi bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã kim tức tử tức sanh, thất mạng đắc mạng. Hựu văn Phật ký đương đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Thị vi cánh sanh, vi cánh đắc mạng.

Thế Tôn! Nhất thiết nhân, thiên, vân hà tăng ích? Phục dĩ hà duyên, nhi trí tổn giảm?

Kiều-thi-ca! Đấu tránh nhân duyên, nhân thiên tổn giảm. Thiện tu hòa kính, tác đắc tăng ích.

世尊。若以鬥爭而損減者。我從今日更不復與阿修羅戰。

佛言。善哉善哉。憍尸迦。諸佛世尊說忍辱法。是阿耨多羅三藐三菩提因。

爾時釋提桓因。即前禮佛。於是還去。

大王。如來以能除諸惡相。是故稱佛不可思議。王若往者。所有重罪必當得除。

大王且聽

有婆羅門子。字曰不害。以殺無量諸眾生故名鴛崛魔。復欲害母。惡心起時身亦隨動。身心動者即五逆因。五逆因故必墮地獄。後見佛時身心俱動復欲生害。身心動者即五逆因。五逆因故當入地獄。是人得遇如來大師。即時得滅地獄因緣。發阿耨多羅三藐三菩提心。是故稱佛為無上醫。非六師也。

大王。復有須毘羅王子。其父瞋之截其手足推之深井。其母矜愍使人牽出將至佛所。尋見佛時手足還具。即發阿耨多羅三藐三菩提心。大王。以見佛故得現果報。是故稱佛為無上醫。非六師也。

大王。如恒河邊有諸餓鬼。其數五百。於無量歲初不見水。雖至河上純見流火。飢渴所逼發聲號哭。爾時如來。在其河側鬱曇鉢林坐一樹下。時諸餓鬼來

Thế Tôn! Nhược dĩ đấu tránh nhi tổn giảm giả, ngã tùng kim nhậ cánh bát phục dữ A-tu-la chiến.

Phật ngôn: Thiện tai! Thiện tai! Kiền-thi-ca! Chư Phật Thế Tôn thuyết nhân nhục pháp, thị A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề nhân.

Nhĩ thời, Thích-đề-hoàn-nhân tức tiền lễ Phật, ư thị hoàn khứ.

Đại vương! Như Lai dĩ năng trừ chư ác tướng, thị cố xưng Phật, bất khả tư nghị. Vương nhược vãng giả, sở hữu trọng tội, tất đương đắc trừ.

Đại vương thả thính:

Hữu bà-la-môn tử, tự viết Bất Hại. Dĩ sát vô lượng chư chúng sanh cố, danh Ương-quật-ma. Phục dục hại mẫu. Ác tâm khởi thời, thân diệt tùy động. Thân tâm động giả, tức ngũ nghịch nhân. Ngũ nghịch nhân cố, tất đọa địa ngục. Hậu kiến Phật thời, thân, tâm câu động, phục dục sanh hại. Thân, tâm động giả, tức Ngũ nghịch nhân. Ngũ nghịch nhân cố, đương nhập địa ngục. Thị nhân đắc ngộ Như Lai đại sư, tức thời đắc diệt địa ngục nhân duyên, phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm. Thị cố xưng Phật vi Vô thượng y, phi lục sư dã.

Đại vương! Phục hữu Tu-tỳ-la vương tử, kỳ phụ sân chi, tiệt kỳ thủ túc thô chi thâm tình. Kỳ mẫu cằng mẫn, sử nhân khiên xuất, tương chí Phật sở. Tâm kiến Phật thời, thủ túc hoàn cụ, tức phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm. Đại vương! Dĩ kiến Phật cố, đắc hiện quả báo. Thị cố xưng Phật vi Vô thượng y, phi lục sư dã.

Đại vương! Như Hằng hà biên, hữu chư nạ quỷ, kỳ số ngũ bá; ư vô lượng tuế, sơ bát kiến thủy. Tuy chí hà thượng, thuận kiến lưu hỏa; cơ khát sở bức, phát thanh hào khóc. Nhĩ thời, Như Lai tại ư hà trác Uất-đàm-bát lâm, tọa nhất thọ hạ. Thời

至佛所。白佛言。世尊。我等飢渴命將不遠。佛言。恒河流水汝何不飲。鬼即答言。如來見水我則見火。佛言。恒河清流實非火也。汝惡業故心自顛倒。謂為是火。我當為汝除滅顛倒令汝見水。

爾時世尊。廣為諸鬼說慳貪過。諸鬼即言。我今渴乏。雖聞法言都不入心。佛言。汝若渴乏先可入河恣意飲之。是諸鬼等以佛力故即得飲水。既飲水已如來復為種種說法。既聞法已。悉發阿耨多羅三藐三菩提心。捨餓鬼形得於天身。大王。是故稱佛為無上醫。非六師也。

大王。舍婆提國群賊五百。波斯匿王挑出其目。盲無前導不能得往至於佛所。佛憐愍故即至賊所慰喻之言。善男子。善護身口更勿造惡。諸賊即時聞如來音微妙清徹尋還得眼。即於佛前合掌禮佛。而白佛言。世尊。我今知佛慈心普覆一切眾生非獨人天。爾時如來即為說法。既聞法已悉發阿耨多羅三藐三菩提心。是故如來真是世間無上良醫。非六師也。

大王。舍婆提國有旃陀羅。名曰氣噓。殺無量人。見佛弟子大目犍連。即時得破地獄因緣而得上生三十三天。以有如是聖弟子故。稱佛如來為無上醫。非六師也。

chư ngạ quỷ lai chí Phật sở, bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã đẳng cơ khát, mạng tương bất viễn! Phật ngôn: Hằng hà lưu thủy, nhữ hà bất ẩm? Quỷ tức đáp ngôn: Như Lai kiến thủy, ngã tác kiến hỏa. Phật ngôn: Hằng hà thanh lưu, thật phi hỏa dã! Nhữ ác nghiệp cố, tâm tự điên đảo, vị vi thị hỏa. Ngã đương vị nhữ, trừ diệt điên đảo, linh nhữ kiến thủy.

Nhĩ thời, Thế Tôn quảng vị chư quỷ, thuyết khan tham quá. Chư quỷ tức ngôn: Ngã kim khát pháp, tuy văn pháp ngôn, đô bất nhập tâm. Phật ngôn: Nhữ nhược khát pháp, tiên khả nhập hà, tứ ý ẩm chi. Thị chư quỷ đẳng, dĩ Phật lực cố, tức đắc ẩm thủy. Ký ẩm thủy dĩ, Như Lai phục vị chủng chủng thuyết pháp. Ký văn pháp dĩ, tất phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm. Xả ngạ quỷ hình, đắc ưu thiên thân. Đại vương! Thị cố xưng Phật vi Vô thượng y, phi lục sư dã.

Đại vương! Xá-bà-đề quốc, quần tặc ngũ bá. Ba-tư-nặc vương khiêu xuất kỳ mục; manh vô tiên đạo, bất năng đắc vãng chí ư Phật sở. Phật lân mẫn cố, tức chí tặc sở, ủy dụ chi ngôn: Thiện nam tử! Thiện hộ thân khẩu, cánh vật tạo ác. Chư tặc tức thời văn Như Lai âm, vi diệu thanh triệt, tâm hoàn đắc nhãn. Tức ư Phật tiền, hiệp chưởng lễ Phật, nhi bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã kim tri Phật, từ tâm phổ phú nhất thiết chúng sanh, phi độc nhân thiên. Nhĩ thời, Như Lai tức vị thuyết pháp. Ký văn pháp dĩ, tất phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm. Thị cố Như Lai chơn thị thế gian Vô thượng lương y, phi lục sư dã.

Đại vương! Xá-bà-đề quốc, hữu chiên-đa-la, danh viết Khí Hư, sát vô lượng nhân. Kiến Phật đệ tử Đại Mục-kiền-liên, tức thời đắc phá địa ngục nhân duyên, nhi đắc thượng sanh Tam thập tam thiên. Dĩ hữu như thị thánh đệ tử cố, xưng Phật Như Lai vi Vô thượng y, phi lục sư dã.

大王。波羅捺城。有長者子。名阿逸多。婬匿其母。以是因緣殺戮其父。其母復與外人共通。子既知己便復害之。有阿羅漢是其知識。於此知識復生愧恥。即便殺之。殺已即到祇桓精舍求欲出家。時諸比丘具知此人。有三逆罪無敢聽者。以不聽故倍生瞋恚。即於其夜大放猛火焚燒僧坊多殺無辜。然後復往王舍城中。至如來所求哀出家。如來即聽為說法要。令其重罪漸漸輕微。發阿耨多羅三藐三菩提心。是故稱佛為世良醫。非六師也。

大王本性暴惡信受惡人提婆達多。放大醉象欲令踐佛。象既見佛即時醒悟。佛便伸手摩其頂上。復為說法悉令得發阿耨多羅三藐三菩提心。

大王。畜生見佛猶得破壞畜生業果。況復人耶。大王當知。若見佛者所有重罪必當得滅。

大王。世尊未得阿耨多羅三藐三菩提時。魔與無量無邊眷屬至菩薩所。菩薩爾時以忍辱力壞魔惡心令魔受法。尋發阿耨多羅三藐三菩提心。佛有如是功德力。

大王。有墮野鬼多害眾生。如來爾時為善賢長者至墮野村為其說法。時墮野鬼聞法歡喜。即以長者授於如來。然後便發阿耨多羅三藐三菩提心。

Đại vương! Ba-la-nại thành, hữu trưởng giả tử, danh A-dật-đa, dâm nặc kỳ mẫu. Dĩ thị nhân duyên, sát lục kỳ phụ. Kỳ mẫu phục dữ ngoại nhân cộng thông. Tử ký tri dĩ, tiện phục hại chi. Hữu A-la-hán thị kỳ tri thức. Ư thử tri thức, phục sanh quý sĩ, tức tiện sát chi. Sát dĩ, tức đảo Kỳ-hoàn tinh xá, cầu dục xuất gia. Thời chư tỳ-kheo cụ tri thử nhân hữu tam nghịch tội, vô cảm thính giả. Dĩ bất thính cố, bội sanh sân khuê, tức ư kỳ dạ phóng đại mãnh hỏa phần thiêu tăng phòng, đả sát vô cô. Nhiên hậu phục vãng Vương Xá thành trung, chí Như Lai sở, cầu ai xuất gia. Như Lai tức thính, vị thuyết pháp yếu, linh kỳ trọng tội tiêm tiêm khinh vi, phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm. Thị cố xưng Phật vi thế lương y, phi lục sư dã.

Đại vương bốn tánh bạo ác, tín thọ ác nhân Đề-bà-đạt-đa, phóng đại tủy tượng, dục linh tiễn Phật. Tượng ký kiến Phật, tức thời tỉnh ngộ. Phật tiện thân thủ, ma kỳ đỉnh thượng; phục vị thuyết pháp, tất linh đặc phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm.

Đại vương! Súc sanh kiến Phật, du đặc phá hoại súc sanh nghiệp quả, hưởng phục nhân da? Đại vương đương tri, nhược kiến Phật giả, sở hữu trọng tội, tất đương đặc diệt.

Đại vương! Thế Tôn vị đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề thời, Ma dữ vô lượng, vô biên quyến thuộc, chí Bồ Tát sở. Bồ Tát nhĩ thời dĩ nhẫn nhục lực, hoại Ma ác tâm, linh Ma thọ pháp, tâm phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm. Phật hữu như thị đại công đức lực.

Đại vương! Hữu Khoáng Dã quý, đả hại chúng sanh. Như Lai nhĩ thời vi Thiện Hiền trưởng giả, chí Khoáng dã thôn, vị kỳ thuyết pháp. Thời Khoáng dã quý, văn pháp hoan hỷ, tức dĩ Trưởng giả thọ ư Như Lai; nhiên hậu tiện phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm.

大王。波羅奈國有屠兒。名曰廣額。於日月中。殺無量羊。見舍利弗即受八戒經一日一夜。以是因緣命終得為北方天王毘沙門子。如來弟子尚有如是大功德果。況復佛也。

大王。北天竺國有城。名曰細石。其城有王。名曰龍印。貪國重位戮害其父。害其父已心生悔恨。即捨國政來至佛所求哀出家。佛言。善來。即成比丘重罪消滅。發阿耨多羅三藐三菩提心。大王當知。佛有如是無量無邊大功德果。

大王。如來有弟提婆達多。破壞眾僧出佛身血害蓮花比丘尼。作三逆罪。如來為說種種法要。令其重罪尋得微薄。是故如來為大良醫。非六師也。

大王。若能信臣語者。唯願速往至如來所。若不見信願善思之。

大王。諸佛世尊大悲普覆不限一人。正法弘廣無所不包。怨親平等心無憎愛。終不偏為一人令得阿耨多羅三藐三菩提餘人不得。如來非獨四部之師。普是一切天, 人, 龍, 鬼, 地獄, 畜生, 餓鬼等師。一切眾生亦當視佛如父母想。

大王當知。如來不但獨為豪貴之人跋提迦王而演說法。亦為下賤優波離等。不獨偏受須達多阿那

Đại vương! Ba-la-nại quốc, hữu đồ nhi danh viết Quảng Ngạch, ư nhật nhật trung, sát vô lượng dương. Kiến Xá-lợi-phất, tất thọ Bát giới, kinh nhất nhật nhất dạ. Dĩ thị nhân duyên, mạng chung đắc vi Bắc phương Thiên vương Tỳ-sa-môn tử. Như Lai đệ tử thượng hữu như thị đại công đức quả, hưởng phục Phật dã.

Đại vương! Bắc Thiên Trúc quốc hữu thành, danh viết Tế Thạch. Kỳ thành hữu vương, danh viết Long Ấn, tham quốc trọng vị, lục hại kỳ phụ. Hại kỳ phụ dĩ, tâm sanh hối hận, tức xả quốc chánh, lai chí Phật sở, cầu ai xuất gia. Phật ngôn: Thiện lai! Tức thành tỳ-kheo, trọng tội tiêu diệt, phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm. Đại vương đương tri, Phật hữu như thị vô lượng, vô biên đại Công đức quả.

Đại vương! Như Lai hữu đệ, Đề-bà-đạt-đa, phá hoại chúng tăng, xuất Phật thân huyết, hại Liên Hoa tỳ-kheo ni, tác tam nghịch tội. Như Lai vị thuyết chủng chủng pháp yếu, linh kỳ trọng tội tầm đắc vi bạc. Thị cố Như Lai vi đại lương y, phi lục sư dã.

Đại vương! Nhược năng tín thân ngữ giả, duy nguyện tốc vãng chí Như Lai sở. Nhược bất kiến tín, nguyện thiện tư chi.

Đại vương chư Phật Thế Tôn, đại bi phổ phú, bất hạn nhất nhân, chánh pháp hoàng quảng, vô sở bất bao. Oán, thân bình đẳng, tâm vô tăng, ái. Chung bất thiên vị nhất nhân, linh đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, dư nhân bất đắc. Như Lai phi độc tứ bộ chi sư, phổ thị nhất thiết thiên, nhân, long, quý, địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ đẳng sư. Nhất thiết chúng sanh diệc đương thị Phật như phụ mẫu tướng.

Đại vương đương tri: Như Lai bất dân độc vị hào quý chi nhân, Bạt-đề-ca vương, nhi diễn thuyết pháp; diệc vị hạ tiện Ưu-ba-ly đẳng. Bất độc thiên thọ Tu-đạt-đa A-na-bân-đàn sở

邠壇所奉飯食。亦受貧人須達多食。不但獨為舍利弗等利根說法。亦為鈍根周梨槃特。不但獨聽大迦葉等無貪之性出家求道。亦聽大貪難陀出家。不但獨聽煩惱薄者優樓頻螺迦葉等出家求道。亦聽煩惱深厚造重罪者波斯匿王弟優陀耶出家求道。不以莎草恭敬供養拔其瞋根。鶩崛魔羅惡心欲害捨而不救。不但獨為有智男子而演說法。亦為極愚判合智者女人說法。

不但獨令出家之人得四道果。亦令在家得三道果。不但獨為富多羅等捨諸勿務閑寂思惟而說法要。亦為頻婆娑羅王等統領國事理王務者而說法要。不但獨為斷酒之人。亦為耽酒郁伽長者荒醉者說。不但獨為入禪定者離婆多等。亦為喪子亂心婆羅門女婆私吒說。不但獨為己之弟子。亦為外道尼乾子說。不但獨為盛壯之年二十五者。亦為衰老八十者說。不但獨為根熟之人。亦為善根未熟者說。不但獨為末利夫人。亦為姪女蓮花女說。不但獨受波斯匿王上饌甘味。亦受長者尸利鞠多雜毒之食。大王當知。尸利鞠多往昔亦作逆罪之因。以遇佛聞法即發阿耨多羅三藐三菩提心。

大王。假使一月常以衣食供養恭敬一切眾生。不如有人一念念佛。所得功德十六分一。

phụng ẩm thực; diệc thọ bản nhân Tu-đạt-đa thực. Bát dẫn độc vị Xá-lợi-phất đẳng lợi căn thuyết pháp; diệc vị độn căn Châu-lợi-bàn-đặc. Bát dẫn độc thính Đại Ca-diếp đẳng vô tham chi tánh xuất gia cầu đạo; diệc thính đại tham Nan-đà xuất gia. Bát dẫn độc thính phiền não bạc giả, Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp đẳng, xuất gia cầu đạo; diệc thính phiền não thâm hậu tạo trọng tội giả, Ba-tư-nặc vương đệ, Tu-đạt-đa xuất gia cầu đạo. Bát dĩ Sa Thảo cung kính cúng dường, bạt kỳ sơn căn; Ương-quật-ma-la ác tâm dục hại, xả nhi bất cứu? Bát dẫn độc vị hữu trí nam tử nhi diễn thuyết pháp; diệc vị cực ngu phán hiệp trí giả nữ nhân thuyết pháp.

Bát dẫn độc linh xuất gia chi nhân đắc Tứ đạo quả; diệc linh tại gia đắc Tam đạo quả. Bát dẫn độc vị Phú-đa-la đẳng, xả chư thông vụ, nhân tịch tư duy, nhi thuyết pháp yếu; diệc vị Tần-bà-sa-la vương đẳng, thống lãnh quốc sự, lý vương vụ giả, nhi thuyết pháp yếu. Bát dẫn vị đoạn tửu chi nhân; diệc vị đam tửu Úc-già trưởng giả hoang túy giả thuyết. Bát dẫn độc vị nhập Thiên định giả Ly-bà-đa đẳng; diệc vị táng tử loạn tâm bà-la-môn nữ Bà-tư-trá thuyết. Bát dẫn độc vị kỷ chi đệ tử; diệc vị ngoại đạo Ni-kiền tử thuyết. Bát dẫn độc vị thanh tráng chi niên, nhị thập ngũ giả; diệc vị suy lão, bát thập giả thuyết. Bát dẫn độc vị căn thực chi nhân, diệc vị thiện căn vị thực giả thuyết. Bát dẫn độc vị Mạt-lợi phu nhân; diệc vị dâm nữ Liên Hoa nữ thuyết. Bát dẫn độc thọ Ba-tư-nặc vương thượng soạn cam vị; diệc thọ trưởng giả Thi-lợi-cúc-đa tạp độc chi thực. Đại vương đương tri, Thi-lợi-cúc-đa vãng tích diệc tác nghịch tội chi nhân. Dĩ ngộ Phật văn pháp, tức phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm.

Đại vương! Giả sử nhất nguyệt, thường dĩ y thực, cúng dường cung kính nhất thiết chúng sanh; bất như hữu nhân nhất niệm niệm Phật; sở đắc công đức, thập lục phần nhất.

大王。假使鍛金為人車馬載寶。其數各百以用布施。不如有人發心向佛舉足一步。

大王。假使復以象車百乘載大秦國種種珍寶。及其女人身佩瓔珞。數亦滿百持用布施。猶故不如發心向佛舉足一步。

復置是事。若以四事供養三千大千世界所有眾生。猶亦不如發心向佛舉足一步。

復置是事。若使大王供養恭敬恒河沙等無量眾生。不如一往娑羅雙樹到如來所誠心聽法。

爾時大王答言。耆婆。如來世尊性已調柔。故得調柔以為眷屬。如栴檀林純以栴檀而為圍遶。如來清淨所有眷屬亦復清淨。猶如大龍純以諸龍而為眷屬。如來寂靜所有眷屬亦復寂靜。如來無貪所有眷屬亦復無貪。佛無煩惱所有眷屬亦無煩惱。吾今既是極惡之人。惡業纏裹其身臭穢繫屬地獄。云何當得至如來所。吾設往者恐不顧念接敘言說。卿雖勸吾令往佛所。然吾今日深自鄙悼都無去心。

爾時虛空尋出聲言。無上佛法將欲衰殄。甚深法河於是欲涸。大法明燈將滅不久。法山欲頹法船欲沈。法橋欲壞法殿欲崩。法幢欲倒法樹欲折。善友欲去。大怖將至。法餓眾生將至不久。煩惱疫病

Đại vương! Giả sử đoàn kim vi nhân, xa mã tải bảo, kỳ số các bá, dĩ dụng bố thí; bất như hữu nhân phát tâm hướng Phật, cử túc nhất bộ.

Đại vương! Giả sử phục dĩ tượng xa bá thặng tải Đại Tần quốc chủng chủng trân bảo cập kỳ nữ nhân thân bội anh lạc số diệp mãn bá, trì dụng bố thí, du cố bất như phát tâm hướng Phật, cử túc nhất bộ!

Phục trí thị sự: Nhược dĩ tứ sự cúng dường Tam thiên đại thiên thế giới sở hữu chúng sanh, du diệp bất như phát tâm hướng Phật, cử túc nhất bộ!

Phục trí thị sự: nhược sử đại vương cúng dường cung kính Hằng hà sa đẳng vô lượng chúng sanh, bất như nhất vãng sa-la song thọ, đáo Như Lai sở, thành tâm thỉnh pháp.

Nhĩ thời, đại vương đáp ngôn: Kỳ-bà! Như Lai Thế Tôn, tánh dĩ điều nhu, cố đắc điều nhu, dĩ vi quyến thuộc; như chiêm-đàn lâm, thuần dĩ chiêm-đàn nhi vi vi nhiều. Như Lai thanh tịnh, sở hữu quyến thuộc, diệp phục thanh tịnh, do như đại long, thuần dĩ chư long nhi vi quyến thuộc. Như Lai tịch tĩnh, sở hữu quyến thuộc diệp phục tịch tĩnh. Như Lai vô tham, sở hữu quyến thuộc diệp phục vô tham. Phật vô phiền não, sở hữu quyến thuộc diệp vô phiền não. Ngô kim ký thị cực ác chi nhân, ác nghiệp triền lửa, kỳ thân xú ứ, hệ thuộc địa ngục. Vân hà đương đắc chí Như Lai sở? Ngô thiết vãng giả, khùng bất cố niệm tiếp tự ngôn thuyết. Khanh tuy khuyến ngô linh vãng Phật sở, nhiên ngô kim nhật thâm tự bỉ điệu, đô vô khú tâm.

Nhĩ thời, hư không tâm xuất thanh ngôn: Vô thượng Phật pháp tương dục suy diễn! Thậm thâm pháp hà, ư kim dục hạt! Đại pháp minh đăng tương diệt bất cửu! Pháp sơn dục đồi, pháp thuyền dục trầm! Pháp kiều dục hoại, pháp điện dục băng! Pháp tràng dục đảo, pháp thọ dục chiết! Thiện hữu dục khú! Đại bố tương chí! Pháp ngã chúng sanh tương chí bất cửu! Phiền não dịch bệnh tương dục lưu hành! Đại ám thời chí,

將欲流行。大闇時至渴法時來。魔王欣慶解釋甲冑。佛日將沒大涅槃山。

大王。佛若去世王之重惡更無治者。大王。汝今已造阿鼻地獄極重之業。以是業緣必受不疑。

大王。阿者言無。鼻者名間。間無暫樂。故名無間。大王。假使一人獨墮是獄。其身長大八萬由延。遍滿其中間無空處。其身周匝受種種苦。設有多人身亦遍滿不相妨礙。

大王。寒地獄中暫遇熱風以之為樂。熱地獄中暫遇寒風亦名為樂。活地獄中設命終已。若聞活聲即便還活。阿鼻地獄都無此事。

大王阿鼻地獄四方有門。一一門外各有猛火。東西南北交過通徹八萬由旬。周匝鐵牆鐵網彌覆其地亦鐵。上火徹下下火徹上。大王。若魚在熬脂膏焦然。是中罪人亦復如是。

大王。作一逆者則便具受如是一罪。若造二逆罪則二倍。五逆具者罪亦五倍。

大王。我今定知王之惡業必不得免。唯願大王。速往佛所。除佛世尊餘無能救。我今愍汝故相勸導。

爾時大王聞是語已。心懷怖懼舉身顫慄。五體掉動如芭蕉樹。仰而答曰。汝為是誰。不現色像而但有聲。

khát pháp thời lai! Ma vương hân khánh, giải thích giáp trụ! Phật nhật tương một Đại Niết-bàn sơn!

Đại vương! Phật nhược khú thể, vương chi trọng ác, cánh vô trị giả! Đại vương! Nhữ kim dĩ tạo A-tỳ địa ngục cực trọng chi nghiệp, dĩ thị nghiệp duyên, tất thọ bất nghi!

Đại vương! A giả ngôn Vô; tỳ giả danh Gián. Gián vô tạm lạc, cố ngôn Vô gián. Đại vương! giả sử nhất nhân, độc đọa thị ngục, kỳ thân trường đại bát vạn do diên, biến mãn kỳ trung, gián vô không xứ; kỳ thân châu táp, thọ chủng chủng khổ. Thiết hữu đa nhân, thân diệc biến mãn, bất tương thường ngại.

Đại vương! Hàn địa ngục trung, tạm ngộ nhiệt phong, dĩ chi vi lạc. Nhiệt địa ngục trung, tạm ngộ hàn phong, diệc danh vi lạc. Hoạt địa ngục trung, thiết mạng chung dĩ, nhược văn hoạt thanh, tức tiện hoàn hoạt. A-tỳ địa ngục, đô vô tử sự!

Đại vương! A-tỳ địa ngục, tứ phương hữu môn. Nhất nhất môn ngoại, các hữu mãnh hỏa: Đông, Tây, Nam, Bắc giao quá thông triệt. Bát vạn do tuần, châu táp thiết tường; thiết võng di phú; kỳ địa diệc thiết. Thượng hỏa triệt hạ, hạ hỏa triệt thượng. Đại vương! Nhược ngư tại ngao, chi cao tiêu nhiên! Thị trung tội nhân diệc phục như thị.

Đại vương! Tác nhất nghịch giả, tắc tiện cụ thọ như thị nhất tội. Nhược tạo nhị nghịch, tội tắc nhị bội. Ngũ nghịch cụ giả, tội diệc ngũ bội.

Đại vương! Ngã kim định tri vương chi ác nghiệp tất bất đắc miễn. Duy nguyện Đại vương tốc vãng Phật sở. Trừ Phật Thế Tôn, dư vô năng cứu. Ngã kim mẫn nhữ, cố tương khuyến đạo.

Nhĩ thời, Đại vương văn thị ngữ dĩ, tâm hoài bố cụ, cử thân chiến lật, ngũ thể trạo động như ba tiêu thọ. Ngưỡng nhi đáp viết: Nhữ vi thị thù, bất hiện sắc tượng, nhi đãn hữu thanh?

大王。吾是汝父頻婆娑羅。汝今當隨耆婆所說。莫隨邪見六臣之言。

時王聞已悶絕躄地。身瘡增劇臭穢倍前。雖以冷藥塗而治之。瘡烝毒熱但增無損。

## 大般涅槃經卷第十九

終

Đại vương! Ngô thị nữ phụ, Tần-bà-sa-la. Nữ kim đương tùy Kỳ-bà sở thuyết; mạc tùy tà kiến lục thân chi ngôn.

Thời vương văn dĩ, muộn tuyệt tích địa, thân sang tăng kịch, xú uest bội tiên. Tuy dĩ lãnh dược đô nhi trị chi, sang chưng độc nhiệt đản tăng vô tổn.

## Đại Bát Niết-bàn Kinh quyển đệ thập cửu

Chung

# KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

## QUYỂN MƯỜI CHÍN

### PHẨM HẠNH THANH TỊNH

#### Phẩm thứ tám - Phần năm

Bấy giờ, trong thành lớn Vương Xá có vua A-xà-thế là người tánh tình xấu ác, ưa làm việc giết hại, lời nói phạm vào đủ bốn điều ác,<sup>(1)</sup> tham lam, giận dữ, ngu si, trong lòng luôn hung hăng, sôi sục. Vua chỉ nhìn thấy hiện tại, chẳng quan tâm việc về sau, dùng toàn những người xấu ác làm thân thuộc.

Vì tham đắm vướng mắc vào năm món dục lạc<sup>(2)</sup> trước mắt nên vua cha là Tần-bà-sa-la không có tội mà A-xà-thế ngang ngược giết đi. Nhân việc giết cha rồi mới bị lòng hối hận nung nấu, không còn muốn trang sức trên thân, cũng chẳng thấy vui với việc đàn ca múa hát. Do lòng hối hận nung nấu nên khắp người vua phát sanh ghê độc, dơ nhớp hôi hám, không thể đến gần được. Vua liền tự nghĩ rằng: “Nay thân ta đây đã chịu sự báo ứng ngay trước mắt,<sup>(3)</sup> quả báo địa ngục cũng không còn xa nữa.”

Mẹ vua là bà Vi-đề-hy dùng đủ mọi thứ thuốc mà thoa xức cho vua, nhưng ghê độc ngày càng tăng thêm, không giảm bớt chút nào. Vua thưa với mẹ rằng: “Những ghê này từ trong tâm mà sanh ra, chẳng phải sanh ra do bốn đại.<sup>(4)</sup> Nếu nói rằng trong chúng sanh có người có thể trị dứt được thì thật vô lý.”

Lúc ấy, có một viên đại thần tên là Nguyệt Xung, đi đến chỗ vua, đứng bên mà tâu rằng: “Đại vương! Vì sao lại ưu sầu tiêu tụy, dung nhan chẳng vui? Ngài đau đớn trong thân chẳng? Hay là đau đớn ở trong tâm?”

Vua đáp rằng: “Nay cả thân và tâm của ta làm sao có thể không đau đớn? Cha ta không có tội, ta lại ngang ngược giết hại. Ta từng nghe những bậc trí giả nói rằng: ‘Ở đời có năm hạng người không thể thoát khỏi địa ngục, đó là những người phạm vào năm tội nghịch.’<sup>(5)</sup> Nay tội của ta đã là vô lượng vô biên, làm sao thân tâm ta lại có thể không đau đớn? Đã vậy, lại không có lương y nào có thể chữa trị được thân tâm của ta.”

Quan đại thần Nguyệt Xung liền nói: “Xin Đại vương chớ quá sầu khổ.” Rồi ông liền đọc bài kệ rằng:

*Nếu thường sầu khổ,  
Sầu khổ càng tăng.  
Như người ham ngủ,  
Ngủ càng thêm nhiều.  
Tham dâm, nghiện rượu,  
Cũng đều như vậy.*

“Như lời vua nói, ở đời có năm hạng người không thể thoát khỏi địa ngục. Có ai đã đến [địa ngục] nhìn thấy rồi trở về nói lại với vua chẳng? Nói địa ngục đó, chỉ là lời nói của người thế gian nhiều mưu trí.

“Như lời vua nói, trong đời không có lương y nào chữa trị được thân tâm của vua. Nay có một vị đại lương y tên là Phú-lan-na,<sup>(6)</sup> thấy biết tất cả, được phép định tự tại, đã tu tập xong Phạm hạnh thanh tịnh, thường vì vô số chúng sanh mà diễn thuyết đạo vô thượng Niết-bàn. Người vì các đệ tử mà thuyết dạy các pháp như thế này:

‘Không có nghiệp ác, không có quả báo của nghiệp ác. Không có nghiệp thiện, không có quả báo của nghiệp thiện. Không có nghiệp vừa thiện vừa ác; không có quả báo của nghiệp vừa thiện vừa ác. Không có nghiệp cao và nghiệp thấp.’

“Vị thầy ấy nay đang ở trong thành *Vương Xá*. Xin đại vương ngự giá đến đó để vị thầy ấy chữa trị thân tâm cho đại vương.”

Vua liền đáp rằng: “Nếu quả thật người ấy có thể dứt trừ được tội của ta, ta sẽ quy y.”

Lại có một vị quan khác tên là *Tạng Đức* cũng đi đến chỗ vua, tâu rằng: “Đại vương! Vì sao dung nhan ngài tiêu tụy, môi miệng khô bong, giọng nói nhỏ yếu dường như người nhút nhát khi gặp phải kẻ đại thù địch? Nay da mặt của ngài nhăn nhó, khô nứt, ắt có điều gì khổ sở lắm chăng? Là sự đau đớn nơi thân hay đau đớn nơi tâm?”

Vua đáp: “Nay thân tâm của ta làm sao có thể không đau đớn? Ta thật là ngu si mù tối, không có mắt tuệ nên gần gũi thân cận với kẻ ác, nghe theo lời kẻ ác là *Điều-bà-đạt*,<sup>(7)</sup> ngỗ nghịch muốn giết hại vị vua Chánh pháp.<sup>(8)</sup> Trước đây ta từng nghe bậc có trí thuyết kệ rằng:

*Người đối với cha mẹ,  
Phật và đệ tử Phật,  
Nếu sanh lòng bất thiện,  
Làm những việc ác hại,  
Ắt phải chịu tội báo,  
Sanh địa ngục A-tỳ.*

“Vì việc như thế nên lòng ta sợ sệt, sanh khổ não lớn, lại không có vị lương y nào để ta tìm đến chữa trị.”

Đại thần ấy tâu rằng: “Xin Đại vương đừng ưu sầu sợ sệt. Pháp có hai loại, một là pháp của hàng xuất gia, hai là pháp của vua. Đối với pháp của vua thì kẻ giết hại cha ắt cai trị được cả đất nước, nên tuy nói như thế là ngỗ nghịch nhưng thật không có tội! Như loài sâu *ca-la-la* cần phải phá thủng bụng mẹ rồi mới sanh ra được. Sự sanh ra như vậy, tuy phá thủng bụng mẹ nhưng thật không có tội. Con la<sup>(9)</sup> khi mang thai cũng giống như vậy. Về phép trị nước cũng nên như vậy. Dù có giết cha, giết anh cũng không có tội. Còn đối với pháp của hàng xuất gia thì cho đến con muỗi, con kiến mà giết chết cũng là có tội. Xin Đại vương mở lòng đừng sầu khổ nữa. Vì sao vậy?”

*Nếu thường sầu khổ,  
Sầu khổ càng tăng;  
Như người ham ngủ,  
Ngủ càng thêm nhiều.  
Tham dâm, nghiện rượu,  
Cũng đều như vậy.*

“Như lời vua nói, trong đời không có lương y nào chữa trị được thân tâm của vua. Nay có một vị đại sư tên là *Mạt-già-lê Câu-xá-ly tử*,<sup>(10)</sup> thấy biết tất cả, thương xót chúng sanh đều như con mình. Vị ấy đã lìa khỏi phiền não, có thể nhổ bật mũi tên nhọn ba độc<sup>(11)</sup> cho chúng sanh. Hết thảy chúng sanh đối với các pháp đều không thấy, không biết, không hiểu được, chỉ duy nhất một vị này có thể thấy, biết và hiểu được.

“Vị đại sư ấy thường vì đệ tử mà thuyết pháp rằng: ‘Cái thân của hết thảy chúng sanh đều có bảy phần. Những gì là bảy? Đó là đất, nước, lửa, gió, khổ, vui và

mạng sống. Bầy pháp ấy chẳng phải do biến hóa mà có, chẳng phải do tạo tác mà thành; không thể bị hủy hoại, như loài cỏ *y-sư-ca*;<sup>(12)</sup> trụ yên chẳng động như núi *Tu-di*; chẳng buông bỏ, chẳng làm ra được như sữa hay kem sữa. Hết thảy đều không cần tranh cãi cho là khổ hay là vui, thiện hay bất thiện, [thân này dù] ném vào lưỡi đao sắc cũng không bị thương tích, tổn hại. Vì sao vậy? Vì bầy phần nói trên là ở giữa hư không, chẳng bị ngăn ngại. Mạng sống cũng không bị tổn hại. Vì sao vậy? Vì không có người làm hại, không có người chết, không có người tạo tác, không có người nhận chịu, không có người nói, không có người nghe, không có người ghi nhớ, không có người thuyết dạy.’

“Đại sư ấy thường thuyết pháp như vậy, có thể khiến cho chúng sanh diệt trừ hết thảy vô số tội nặng. Nay vị thầy ấy đang ở tại thành lớn *Vương Xá*. Xin Đại vương ngự đến chỗ ở của vị ấy. Nếu vua gặp được vị ấy rồi, mọi tội lỗi đều sẽ được tiêu diệt.”

Vua nói: “Nếu thật vị ấy có thể dứt trừ được tội lỗi của ta, ta sẽ quy y.”

Lại có một vị quan khác tên là *Thật Đức*, cũng đi đến chỗ vua, đọc kệ rằng:

“Đại vương vì sao,  
Chẳng đeo chuỗi ngọc?  
Đầu tóc rối bời,  
Cho đến nổi này?  
Thân vua vì sao,  
Run rẩy chẳng yên,  
Như cơn gió lớn,  
Lay động cành hoa?”

“Hôm nay vì sao vẻ mặt của vua lại buồn rầu tiêu tụy, như người làm ruộng gieo giống rồi không gặp được cơn mưa? Ngài sầu khổ như vậy, là đau đớn trong tâm hay đau đớn nơi thân?”

Vua đáp rằng: “Nay thân tâm ta làm sao lại có thể không đau đớn? Đấng tiên vương cha ta vốn một lòng từ ái, đặc biệt thương yêu ta, thật không có tội lỗi chi cả. Ngày trước khi sanh ta ra, người có đến hỏi thầy tướng, thầy tướng nói rằng: ‘Đứa trẻ ấy sanh ra rồi, chắc chắn sẽ giết hại cha.’ Dù nghe nói như vậy nhưng người vẫn cương chiều nuôi dưỡng ta. Ta từng nghe bậc có trí nói rằng: ‘Kẻ nào gian dâm với mẹ hoặc *tỳ-kheo* ni, hoặc trộm lấy tài vật của *Tam bảo*,<sup>(13)</sup> hoặc giết hại người phát tâm vô thượng *Bồ-đề*, hoặc giết hại cha mình, những kẻ ấy nhất định phải đọa vào địa ngục *A-tỳ*. Nay thân tâm ta làm sao lại có thể không đau đớn?’

Đại thần ấy tâu: “Xin Đại vương chớ nên sầu khổ. Về chuyện vua cha, nếu là người tu đạo giải thoát mà giết hại thì có tội, nếu theo phép trị nước mà giết thì không có tội. Đại vương! Không đúng pháp thì gọi là phi pháp, không có pháp thì gọi là vô pháp.

“Ví như không có con thì gọi là không con, có con xấu ác cũng gọi là không con. Tuy nói là không con, nhưng thật chẳng phải không có con. Như trong thức ăn không có muối gọi là không muối, nếu thức ăn có ít muối, cũng nói là không muối. Như sông không có nước gọi là không nước, nếu sông có ít nước cũng nói là không nước. Như mỗi một khoảnh khắc đều nối nhau diệt mất gọi là vô thường, tuy tồn tại được một kiếp cũng gọi là vô thường.<sup>(14)</sup> Như người chịu khổ gọi là không vui, tuy được vui ít cũng gọi

là không vui. Như người không được tự tại gọi là không có *ngã*, tuy có ít tự tại cũng gọi là không có *ngã*.<sup>(15)</sup> Như khi đêm tối gọi là không có mặt trời, khi có nhiều mây mù, cũng nói là không có mặt trời.

“Đại vương! Tuy nói rằng ít pháp cũng gọi là không có pháp, nhưng thật chẳng phải là không có pháp. Xin vua lắng nghe thần diễn thuyết. Hết thảy chúng sanh đều có nghiệp đời trước còn lại. Do duyên có nghiệp nên phải chịu nhiều đời sanh tử. Ví như tiên vương có nghiệp đời trước còn lại, nay vua giết đi thì xét cho cùng đâu có tội gì? Xin đại vương mở lòng đừng sầu khổ. Vì sao vậy?

*“Nếu thường sầu khổ,  
Sầu khổ càng tăng.  
Như người ham ngủ,  
Ngủ càng thêm nhiều.  
Tham dâm, nghiện rượu,  
Cũng đều như vậy.”*

“Như lời vua nói, trong đời không có lương y nào chữa trị được thân tâm của vua. Nay có một vị đại sư tên là *San-xà-da Tỳ-la-chi tử*,<sup>(16)</sup> thấy biết tất cả, trí tuệ uyên thâm như biển lớn, có oai đức lớn, đủ phép thần thông lớn, có thể khiến cho chúng sanh lìa khỏi mọi sự nghi ngờ. Hết thảy chúng sanh đối với các pháp đều không thấy, không biết, không hiểu được; chỉ duy nhất một vị này thấy, biết và hiểu được. Hiện nay vị ấy ở gần thành *Vương Xá*, vì các đệ tử mà thuyết pháp như thế này: ‘Nếu là vị vua của dân chúng thì [có thể] tùy ý làm các việc thiện hay ác. Tuy làm các việc ác cũng không có tội. Như lửa thiêu đốt mọi vật, không kể là dơ hay sạch. Vị vua cũng vậy, cùng một tính chất với lửa.’

“Như cõi đất lớn, mọi thứ dơ sạch đều dung chứa. Tuy dung chứa như vậy mà không hề có sự giận tức hoặc vui mừng. Vị vua cũng vậy, cùng một tính chất với đất.

“Như tính chất của nước, mọi thứ dơ sạch đều có thể rửa. Tuy rửa như vậy mà không hề có sự buồn lo hoặc vui mừng. Vị vua cũng vậy, cùng một tính chất với nước.

“Như tính chất của gió, mọi thứ dơ sạch đều thổi như nhau. Tuy thổi như vậy mà không hề có sự buồn lo hoặc vui mừng. Vị vua cũng vậy, cùng một tính chất với gió.

“Như mùa thu xén tỉa cây cối, đến mùa xuân cây sanh trưởng trở lại. Tuy xén tỉa cành cây nhưng thật không có tội. Hết thảy chúng sanh cũng là như vậy, chết đi ở nơi này, rồi sanh trở lại cũng ở nơi này. Vì sanh trở lại nên đâu có tội gì?

“Hết thảy những quả báo khổ hoặc vui của chúng sanh đều không phải do nơi nghiệp của đời hiện tại. Do nhân từ quá khứ mà hiện tại mới chịu quả báo. Hiện tại không có nhân, tương lai không có quả. Vì có quả báo hiện tại nên chúng sanh phải trì giới, chuyên cần tu tập tinh tấn để ngăn ngừa quả xấu trong hiện tại. Nhờ trì giới nên được vô lậu.<sup>(17)</sup> Nhờ được vô lậu nên dứt hết nghiệp hữu lậu. Vì dứt hết nghiệp nên mọi khổ não đều dứt hết. Vì mọi khổ não đều dứt hết nên được giải thoát!

“Xin đại vương mau mau đến chỗ đại sư, để vị ấy liệu trị những nỗi đau đớn khổ não trong thân tâm của ngài. Nếu vua gặp được vị ấy rồi, mọi tội lỗi đều sẽ tiêu diệt.”

Vua đáp: “Nếu thật vị ấy có thể dứt trừ được tội của ta, ta sẽ quy y.”

Lại có một vị quan tên là Tất Tri Nghĩa, đi đến chỗ vua tâu rằng: “Vì sao hôm nay hình dung của vua không được đoan nghiêm, giống như kẻ mất nước, như suối cạn khô, như ao hồ không có hoa sen, như cây không hoa lá, như *tỳ-kheo* phá giới thân không có oai đức? Là đau đớn nơi thân chăng? Hay đau đớn trong tâm?”

Vua đáp: “Nay thân tâm ta làm sao lại có thể không đau đớn? Đáng tiên vương cha ta là người từ hòa trầm ẩn, luôn thương yêu ta, nhưng ta đây bất hiếu, chẳng biết báo ơn. Người thường làm cho ta được yên vui, nhưng ta lại bội ơn, dứt mất sự yên vui của người. Tiên vương không có tội, ta lại ngỗ nghịch giết hại. Ta từng nghe bậc có trí nói rằng: ‘Nếu có người giết hại cha mình, người ấy sẽ phải chịu khổ báo lớn trong vô số kiếp. Không bao lâu nữa ắt ta phải đọa vào địa ngục. Lại không có vị lương y nào cứu chữa được [căn bệnh] tội lỗi của ta.’”

Đại thần tâu rằng: “Xin đại vương hãy buông bỏ đi sự sầu khổ. Lẽ nào đại vương không nghe việc ngày xưa có vua *La-ma* giết cha rồi nối ngôi. Lại còn các vị vua như *Bạt-đề*, *Tỳ-lâu-chân*, *Na-hầu-sa*, *Ca-đế-ca*, *Tỳ-xá-khư*, *Nguyệt Quang Minh*, *Nhật Quang Minh*, *Ái*, *Trì-đa-nhân*, đều đã giết hại cha để nối ngôi vua, nhưng không có một vị vua nào phải đọa vào địa ngục cả! Hiện nay có các vị vua như *Tỳ-lưu-ly*, *Ưu-đà-na*, *Ác Tánh*, *Thử*, *Liên Hoa*, đều đã giết hại cha, nhưng không một vị vua nào sanh tâm sầu não. Tuy nói có địa ngục, ngạ quỷ, cõi trời, nhưng có ai thấy được chăng?”

“Đại vương! Chỉ có hai cõi mà thôi: một là cõi người, hai là cõi súc sanh. Tuy có hai cõi ấy, nhưng không phải do nhân duyên mà sanh, không phải do nhân duyên mà

chết. Nếu không do nhân duyên, làm sao lại có những việc thiện, ác? Xin Đại vương chớ ôm lòng lo buồn sợ sệt. Vì sao vậy?”

“*Nếu thường sầu khổ,  
Sầu khổ càng tăng.  
Như người ham ngủ,  
Ngủ càng thêm nhiều.  
Tham dâm, nghiện rượu,  
Cũng đều như vậy.*”

“Như lời vua nói, trong đời không có lương y nào chữa trị được thân tâm của vua. Nhưng nay có một vị đại sư tên là *A-kỳ-đa Sí-xá Khâm-bà-la*,<sup>(18)</sup> thấy biết tất cả, xem vàng với đất đều bình đẳng không sai khác. Đối với kẻ dùng dao chém vào hông bên mặt với kẻ lấy bột thơm *chiên-đàn* thoa phết lên hông bên trái, đều xem như nhau, không phân biệt sai khác. Đối với kẻ oán, người thân đều xem như nhau. Vị thầy ấy quả thật là bậc lương y trong đời. Khi đi, đứng, ngồi, nằm đều thường ở trong *Tam-muội*, không phân tâm tán loạn. Vị ấy có dạy đệ tử rằng: ‘Như tự mình làm hoặc khuyên bảo kẻ khác làm, tự mình chém hoặc khuyên bảo kẻ khác chém, tự mình đốt hoặc khuyên bảo kẻ khác đốt, tự mình làm hại hoặc khuyên bảo kẻ khác làm hại, tự mình trộm cắp hoặc khuyên bảo kẻ khác trộm cắp, tự mình dâm dục hoặc khuyên bảo kẻ khác dâm dục, tự mình nói dối hoặc khuyên bảo kẻ khác nói dối, tự mình uống rượu hoặc khuyên bảo kẻ khác uống rượu, hoặc giết chết dân trong một làng, một thành, một nước, hoặc dùng vòng đao giết hết thảy chúng sanh, hoặc về phía nam sông Hằng bố thí cho chúng sanh, về phía bắc sông Hằng giết

hại chúng sanh... hết thảy đều không có tội, không có phước. Không có bố thí, trì giới và định!

“Hiện nay vị thầy ấy đang ở gần thành *Vương Xá*, xin vua mau mau đến đó. Nếu vua được gặp vị ấy, mọi tội lỗi sẽ dứt trừ.”

Vua liền đáp: “Nếu thật vị ấy có thể dứt trừ được tội lỗi của ta, ta sẽ quy y.”

Lại có một vị đại thần tên là *Cát Đức*, cũng đến chỗ vua tâu rằng: “Hôm nay vì sao vẻ mặt vua không được tươi sáng, như ngọn đèn giữa ánh nắng, như mặt trăng giữa ban ngày, như ông vua mất nước, như ruộng đất bỏ hoang? Đại vương! Hiện nay bốn phương thanh bình vui vẻ, không có kẻ thù địch, sao ngài lại sầu khổ như thế? Ngài đau đớn nơi thân chăng? Hay đau đớn nơi tâm? Có những vương tử thường luôn nghĩ rằng: ‘Như ta biết đến bao giờ mới được tự do tùy ý thích?’ Còn đại vương đã toại ý nguyện, tự do tùy ý cai trị đất nước *Magià-đà*, kho báu của tiên vương ngài đã có được đầy đủ. Chỉ nên thích ý, mặc tình hưởng sự vui sướng, sao lại ôm lòng buồn đau khổ sở như vậy làm gì?”

Vua đáp: “Nay ta sao lại có thể không sầu não? Đại thần! Ví như người ngu chỉ tham vị ngon mà chẳng thấy con dao bén, như người ăn các món độc chẳng thấy sự tai hại. Ta cũng như vậy. Như con nai thấy cỏ, chẳng thấy hố bẫy sâu; như con chuột tham ăn chẳng thấy con mèo. Ta cũng như vậy, thấy sự vui sướng trong hiện tại mà chẳng thấy quả báo bất thiện, khổ não trong tương lai. Ta từng nghe bậc có trí nói rằng: ‘Thà trong một ngày chịu đâm ba trăm mũi giáo, chứ không nẩy sanh

dù chỉ một ý tưởng ác đối với cha mẹ. Nay ta đã ở kề bên lửa nóng địa ngục, làm sao có thể không sầu não?”

Đại thần liền tâu: “Ai đã đến đây đối gặt đại vương rằng có địa ngục? Như mũi gai nhọn, ai là người làm ra? Lại như các giống chim có màu khác nhau, nào ai làm ra như vậy đâu? Như tính chất của nước là thấm ướt, tính chất của đá là cứng chắc, tính chất của gió là chuyển động, tính chất của lửa là nóng ấm... hết thảy muôn vật đều tự sanh ra, tự chết đi. Ai là người làm ra những việc ấy? Nói địa ngục đó, chính là lời bịa đặt của những người có trí. Nói địa ngục đó là có nghĩa gì? Thần sẽ nói đây:

“Chữ *địa* gọi là đất, chữ *ngục* gọi là phá; vì phá địa ngục không có tội báo nên gọi là địa ngục. Lại nữa, chữ *địa* gọi là người, chữ *ngục* gọi là trời; vì giết hại cha nên sanh lên cõi người, cõi trời.

“Vì những nghĩa ấy nên vị tiên nhân *Bà-tẩu* nói rằng: ‘Giết dê được hưởng sự vui sướng ở cõi người, cõi trời.’ Cho nên gọi là địa ngục. Lại nữa, chữ *địa* gọi là mạng sống, chữ *ngục* gọi là lâu dài. Nhờ giết hại mạng sống nên được mạng sống lâu dài, cho nên gọi là địa ngục. Đại vương! Vậy nên biết rằng thật không có địa ngục.

“Đại vương! Như gieo lúa thì được lúa, gieo lúa mì thì được lúa mì. Giết hại địa ngục lại mắc vào địa ngục; giết hại con người ta phải được trở lại làm người. Nay xin đại vương nghe thần nói đây: ‘Thật không có việc giết hại. Nếu có cái bản ngã thì thật chẳng có việc giết hại, như không có cái bản ngã thì cũng không có việc giết hại. Vì sao vậy? Nếu có bản ngã thì đó là thường còn, không biến đổi. Vì thường còn nên không thể giết hại,

không thể phá hoại, không thể trói buộc, không giận tức, không vui mừng, dường như hư không. Như vậy làm sao có tội giết hại?

“Nếu là không có bản ngã thì các pháp đều là vô thường. Vì là vô thường, nên mỗi khoảnh khắc đều nối nhau hoại diệt. Vì mỗi khoảnh khắc đều nối nhau hoại diệt nên kẻ giết, kẻ bị giết chết đều mỗi khoảnh khắc nối nhau hoại diệt. Nếu mỗi khoảnh khắc đều nối nhau hoại diệt thì ai là người có tội?”

“Đại vương! Như lửa đốt cháy cây, lửa không có tội; như rìu đốn củi, rìu cũng vô tội; như liềm cắt cỏ, liềm thật vô tội. Như dao giết người, dao thật chẳng phải người; dao đã không có tội, người sao lại có tội? Như thuốc độc giết người, thuốc độc thật chẳng phải người; thuốc độc không có tội, người sao lại có tội? Hết thủy vạn vật cũng đều như vậy, thật không có việc giết hại, làm sao có tội? Xin đại vương đừng sanh sầu khổ. Vì sao vậy?”

*Nếu thường sầu khổ,  
Sầu khổ càng tăng.  
Như người ham ngủ,  
Ngủ càng thêm nhiều.  
Tham dâm, nghiện rượu,  
Cũng đều như vậy.*

“Như lời vua nói, trong đời không có lương y nào chữa trị được thân tâm của vua. Nay có một vị đại sư tên là *Ca-la-cưu-đà Ca-chiên-diên*,<sup>(19)</sup> thấy biết tất cả, hiểu rõ cả ba đời, chỉ trong một khoảnh khắc có thể thấy được vô lượng vô biên thế giới, nghe được âm thanh cũng nhiều như vậy, có thể khiến cho chúng sanh lìa xa những việc lỗi lầm, hung ác.

“Như sông Hằng có thể làm cho những sự dơ nhớp ở trong hoặc ở ngoài đều trở nên trong sạch, vị đại sư ấy lại cũng như vậy, có thể trừ dứt mọi tội lỗi ở bên trong và bên ngoài của chúng sanh. Vị ấy vì các đệ tử mà thuyết pháp rằng: ‘Nếu có người giết hại hết thủy chúng sanh mà lòng không hổ thẹn thì không bao giờ đọa vào đường ác, cũng như hư không chẳng tiếp nhận nước và bụi bặm. Nếu có hổ thẹn liền đọa vào địa ngục, cũng như nước thấm vào lòng đất. Hết thủy chúng sanh đều là do vị Tự Tại Thiên tạo ra. Vị Tự Tại Thiên vui thì chúng sanh được an vui; vị Tự Tại Thiên giận thì chúng sanh phải khổ não. Tội hay phước của hết thủy chúng sanh đều do vị Tự Tại Thiên làm ra. Sao lại nói rằng người ta có tội, có phước?’

“Ví như người thợ khéo làm ra người gỗ có máy móc, có thể đi, đứng, ngồi, nằm, chỉ không biết nói thôi. Chúng sanh cũng như người gỗ ấy. Vị Tự Tại Thiên ví như người thợ khéo, người gỗ ví như thân chúng sanh. Biến hóa tạo ra như vậy thì ai là người có tội?”

“Vị đại sư ấy hiện nay đang ở gần thành *Vương Xá*. Xin đại vương mau ngự giá đến đó. Nếu vua gặp được vị ấy thì mọi tội lỗi đều sẽ diệt mất.”

Vua đáp: “Nếu quả thật vị ấy có thể trừ dứt được tội của ta, ta sẽ quy y.”

Lại có một vị quan tên Vô Sở Ủy, đi đến chỗ vua tâu rằng: “Đại vương! Ở đời có kẻ ngu, trong một ngày mà trăm lần vui, trăm lần buồn, trăm lần ngủ, trăm lần thức, trăm lần sợ, trăm lần khóc. Người trí không có những việc như vậy. Vì sao đại vương ưu sầu đến thế, như kẻ đi đường lạc lối, như kẻ sa xuống bùn sâu chẳng ai cứu vớt, như kẻ khát cháy không gặp được nước, như

kẻ mê lầm không ai dắt dẫn, như kẻ bệnh nặng không thầy cứu chữa, như thuyền đắm trên biển không người cứu vớt? Nay đại vương đau đớn nơi thân, hay là đau đớn trong tâm?”

Vua đáp: “Nay thân tâm ta làm sao có thể không đau đớn? Ta gần gũi bạn ác mà chẳng xét điều sai trái trong lời nói.<sup>(20)</sup> Tiên vương vốn không có tội, ta ngỗ nghịch dựng chuyện giết hại. Nay ta biết chắc sẽ phải vào địa ngục, lại không có vị lương y nào để ta tìm gặp xin cứu giúp.”

Vị quan ấy liền tâu: “Xin đại vương đừng sanh lòng sầu khổ. Dòng *sát-lợi* là dòng vua chúa, nếu vì đất nước, vì hàng *sa-môn* hoặc *bà-la-môn*, vì sự an ổn của nhân dân, dù có giết hại cũng không có tội. Tiên vương tuy có cung kính hàng *sa-môn*, nhưng chẳng phụng sự hàng *bà-la-môn*, lòng không bình đẳng. Vì lòng không bình đẳng nên chẳng phải dòng *sát-lợi*. Nay đại vương vì muốn cúng dường các thầy *bà-la-môn* mà giết hại tiên vương thì nào có tội gì?

“Đại vương! Thật không có việc giết hại. Nói giết hại là giết hại mạng sống. Mạng sống ấy là hơi gió. Tánh của hơi gió không thể giết hại được, vậy làm sao giết hại mạng sống mà có tội? Xin đại vương đừng sầu khổ nữa. Vì sao vậy?

*Nếu thường sầu khổ,  
Sầu khổ càng tăng.  
Như người ham ngủ,  
Ngủ càng thêm nhiều.  
Tham dâm, nghiện rượu,  
Cũng đều như vậy.*

“Nhu lời vua nói, trong đời không có lương y nào chữa trị được thân tâm của vua. Nhưng nay có một vị đại sư tên là *Ni-kiên-đà Nhã-đề tử*,<sup>(21)</sup> thấy biết tất cả, thương xót chúng sanh, khéo biết được căn tánh lạnh lợi và chậm lụt của chúng sanh, đạt đến chỗ thấu hiểu tất cả, biết tùy nghi phương tiện, tám pháp thế gian<sup>(22)</sup> không thể làm ô nhiễm, tu tập Phạm hạnh thanh tịnh vắng lặng. Vị ấy vì các đệ tử mà thuyết dạy rằng: ‘Không có bố thí, không có việc thiện, không có cha, không có mẹ, không có đời này, không có đời sau, không có *A-la-hán*, không có tu tập, không có đạo. Hết thầy chúng sanh [sau khi] trải qua đủ tám muôn kiếp trong vòng sanh tử rồi tự nhiên sẽ được thoát ra. Dù có tội hay không có tội cũng đều như nhau. Cũng như bốn con sông lớn: *Tân-đầu*, *Hằng hà*, *Bác-xoa*, *Tư-đà*, chảy đều vào biển cả, không có sai khác. Hết thầy chúng sanh cũng như vậy, khi được giải thoát thì đều như nhau, không có gì sai khác.

“Vị thầy ấy nay đang ở tại thành *Vương Xá*. Xin đại vương mau mau đến đó. Nếu vua gặp được vị ấy, mọi tội lỗi đều sẽ diệt mất.”

Vua đáp: “Nếu quả thật vị ấy có thể dứt trừ được tội lỗi của ta, ta sẽ quy y.”

Bấy giờ có một vị đại lương y tên là *Kỳ-bà*,<sup>(23)</sup> đến chỗ vua ngự và tâu rằng: “Đại vương! Ngài ngủ có được yên giấc chăng?”

Vua liền đọc kệ đáp rằng:

*“Nếu ai trừ dứt được,  
Hết thầy mọi phiền não,  
Chẳng tham đắm Ba cõi,  
Mới được giấc ngủ yên.*

Nếu đạt Đại Niết-bàn,  
Diễn thuyết nghĩa rất sâu,  
Đích thật bà-la-môn,  
Mới được giấc ngủ yên.

Thân không các nghiệp ác,  
Miệng lìa bốn lỗi lầm,<sup>(24)</sup>  
Lòng không có nghi nan,  
Mới được giấc ngủ yên.

Thân tâm không nóng nảy,  
Trụ yên nơi vắng lặng,  
Được chỗ vui cao nhất,  
Mới được giấc ngủ yên.

Lòng không có đấm cháp,  
Lìa xa mọi oán thù,  
Hiền hòa không tranh chấp,  
Mới được giấc ngủ yên.

Nếu không tạo nghiệp ác,  
Lòng thường biết hổ thẹn,  
Tin việc ác có báo,  
Mới được giấc ngủ yên.

Cung kính nuôi cha mẹ,  
Không giết hại vật sống,  
Không cướp tài vật người,  
Mới được giấc ngủ yên.

Điều phục được các căn,  
Gần gũi thiện tri thức,  
Phá hoại Bốn chúng ma,<sup>(25)</sup>  
Mới được giấc ngủ yên.

Chẳng thấy việc lành, dữ,  
Chẳng phân biệt khổ, vui,  
Chỉ vì mọi chúng sanh,  
Mà luân chuyển sanh tử.  
Ai làm được như vậy,  
Mới được giấc ngủ yên.

Ai được ngủ yên giấc?  
Đó chính là chư Phật,  
Quán sâu Không Tam-muội  
Thân tâm yên chẳng động.

Ai được ngủ yên giấc?  
Là bậc có từ bi,  
Thường tu không buông thả,  
Thương muôn loài như con.

Chúng sanh do vô minh,  
Không thấy quả phiền não,  
Thường tạo các nghiệp ác,  
Chẳng được giấc ngủ yên.

Nếu là vì thân mình,  
Hoặc vì thân người khác,  
Mà làm Mười nghiệp ác,<sup>(26)</sup>  
Chẳng được giấc ngủ yên.

Nếu nói: 'Vì được vui,  
Giết cha không có tội.'  
Tin theo kẻ ác này,  
Chẳng được giấc ngủ yên.

Ăn nhiều không điều độ,  
Uống nước lạnh rất nhiều,

*Như vậy phải bệnh khổ,  
Chẳng được giấc ngủ yên.*

*Nếu có lỗi với vua,  
Gian dâm vợ người khác,  
Hoặc đi đường vắng vẻ,  
Chẳng được giấc ngủ yên.*

*Giữ giới chưa thành tựu,  
Thái tử chưa nối ngôi,  
Kẻ trộm chưa được của,  
Chẳng được giấc ngủ yên.*

“Kỳ-bà! Nay ta bệnh nặng, đối với vị Vua Chánh pháp lại khởi lên việc ác làm hại, nên hết thầy lương y, thuốc hay, chú thuật, cùng việc giới chẩn đoán bệnh đều không thể trị được [bệnh của ta]. Vì sao vậy? Đấng tiên vương cha ta trị nước đúng phép tắc, thật không có lỗi, ta lại ngã nghịch giết hại. Ta nay như con cá nằm trên cạn, có vui sướng gì? Như con hươu mắc bẫy, có vui sướng gì? Lại cũng giống như người tự biết mình sắp chết trong ngày, như ông vua mất nước trốn sang nước khác, như người nghe biết bệnh mình không thể trị dứt, như kẻ phá giới nghe người khác nói ra tội lỗi.

“Trẫm từng nghe bậc có trí nói rằng: ‘Nếu ba nghiệp thân, khẩu và ý không được thanh tịnh, nên biết rằng người ấy chắc chắn phải đọa địa ngục.’ Ta nay cũng vậy, làm sao được ngủ yên giấc? Nay ta lại không được vị Vô thượng đại y<sup>(27)</sup> diễn thuyết cho bài thuốc Chánh pháp để dứt trừ bệnh khổ của ta.”

Kỳ-bà nói: “Lành thay! Tuy vua đã tạo tội nhưng sanh tâm hối hận mạnh mẽ, biết ôm lòng hổ thẹn.

“Đại vương! Chư Phật Thế Tôn thường dạy rằng: ‘Có hai pháp lành<sup>(28)</sup> có thể cứu được chúng sanh, một là biết xấu hổ với người khác, hai là biết tự thẹn. Biết xấu hổ thì tự mình không làm điều tội lỗi; biết tự thẹn thì không xúi giục người khác làm điều tội lỗi. Biết xấu hổ thì tự trong lòng mình thấy nhục, thấy xấu; biết tự thẹn thì [sẵn sàng] bày tỏ sự lỗi lầm của mình với người khác [để hối cải].

“Biết xấu hổ là cảm thấy xấu với mọi người khác; biết tự thẹn là cảm thấy xấu với chư thiên, [những người làm điều lành]. Đó gọi chung là hổ thẹn.

“Nếu ai không biết hổ thẹn thì không đáng gọi là người, nên gọi là loài súc sanh. Nếu biết hổ thẹn ắt sẽ biết cung kính các bậc cha mẹ, sư trưởng... Nhờ có sự hổ thẹn nên có thể nói là có đủ cha mẹ, anh em, chị em... Lành thay! Đại vương thật có đầy đủ lòng hổ thẹn.

“Xin đại vương hãy lắng nghe. Hạ thần có nghe đức Phật dạy rằng: Người trí có hai điều, một là không làm việc ác, hai là nếu lỡ làm rồi liền sám hối. Người ngu cũng có hai điều, một là làm những việc tội lỗi xấu ác, hai là [đã làm rồi lại] che giấu tội lỗi. Tuy trước có làm việc ác, nhưng sau đó nếu có thể bộc lộ, hối tiếc rồi hổ thẹn, [thì sẽ] không dám phạm vào nữa. Cũng như đặt hạt minh châu vào nước đục, nhờ công dụng của hạt châu nên nước liền lắng trong. Như khói mây tan hết thì vàng trắng sáng tỏ. Người làm việc ác rồi biết hối tiếc cũng giống như vậy. Nếu vua có thể sám hối, ôm lòng hổ thẹn thì tội lỗi ắt sẽ được dứt trừ, trở nên trong sạch như trước.

“Đại vương! Những người giàu sang có hai hạng. Một là có nhiều voi, ngựa và mọi thứ vật nuôi; hai là có nhiều

vàng bạc và mọi thứ châu báu. Voi ngựa tuy nhiều cũng không thể sánh bằng chỉ một hạt châu. Đại vương! Chúng sanh cũng vậy, một là có nhiều việc ác, hai là có nhiều việc thiện; làm nhiều việc ác không bằng làm một việc thiện. [Vì thế,] thần có nghe Phật dạy rằng: ‘Tu tập một tâm thiện phá được trăm việc ác.’

‘Đại vương! Cũng như một ít kim cương có thể phá hoại cả núi *Tu-di*, lại như một chút lửa có thể đốt cháy tất cả, như một chút thuốc độc có thể làm hại mạng chúng sanh. Việc thiện dù ít cũng vậy, có thể phá trừ được việc ác lớn. Tuy gọi là ít, nhưng thật ra lại là lớn. Vì sao vậy? Vì phá trừ được việc ác lớn.’

‘Đại vương! Như Phật có dạy, che giấu tội lỗi là phiền não,<sup>(29)</sup> không che giấu tội lỗi ắt không có phiền não. Nhờ bộc lộ và hối lỗi nên không có phiền não. Vậy nên, nếu đã lỡ phạm các tội lỗi thì đừng che giấu. Nhờ không che giấu, ắt tội [nặng] có thể thành ra nhẹ. Nếu biết ôm lòng hổ thẹn, ắt tội ấy có thể được trừ diệt mất.’

‘Đại vương! Giọt nước tuy nhỏ, nhưng dần dần làm đầy vật chứa lớn. Tâm lành cũng như vậy, mỗi một tâm lành đều có thể phá được điều ác lớn. Nếu mình che giấu tội, ắt tội càng lớn thêm. Nếu bộc lộ và biết hổ thẹn, ắt tội phải diệt mất. Vì thế nên chư Phật dạy rằng: ‘Người có trí không che giấu tội lỗi.’

‘Lành thay! Đại vương có thể tin vào nhân quả, tin vào nghiệp báo. Xin Đại vương đừng ôm lòng buồn rầu lo sợ. Nếu có chúng sanh nào làm những việc tội lỗi rồi che giấu, lòng không hối tiếc, không biết hổ thẹn, không thấy nhân quả và nghiệp báo, không biết thưa hỏi người có trí tuệ, không gần gũi những người bạn tốt, thì dù tất

cả lương y có chẩn đoán bệnh cũng không điều trị được cho người như vậy. Cũng như bệnh *ca-ma-la*,<sup>(30)</sup> thầy thuốc ở thế gian đành phải bó tay! Kẻ che giấu tội lỗi cũng giống như vậy!

‘Thế nào là những kẻ có tội phải gọi là *nhất-xiển-đề*? *Nhất-xiển-đề* là kẻ không tin nhân quả, không biết hổ thẹn, không tin nghiệp báo, không thấy có đời hiện tại và đời vị lai, không thân cận gần gũi những người bạn tốt, không vâng theo những lời răn dạy của chư Phật. Những kẻ như vậy gọi là *nhất-xiển-đề*. Chư Phật Thế Tôn không thể cứu chữa được. Vì sao vậy? Như người đã chết, y thuật thế gian không thể cứu chữa được. Kẻ *nhất-xiển-đề* cũng giống như vậy, chư Phật Thế Tôn cũng không thể cứu chữa gì được. Nay đại vương không phải kẻ *nhất-xiển-đề*, sao lại nói rằng không thể cứu chữa được?’

‘Như lời đại vương nói là không ai có thể chữa trị được [khổ não trong thân tâm đại vương]. Nhưng đại vương nên biết, có người con của vua *Tịnh-phạn* ở thành *Ca-tỳ-la*, họ *Cô-dàm*, tên là *Tất-đạt-đa*, không có thầy mà tự mình có thể giác ngộ, đạt được quả vị *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.’

‘Ngài có đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm nơi thân hình. Ngài có đủ Mười sức, Bốn đức chẳng sợ, thấy biết rõ ràng tất cả, có lòng đại từ, đại bi thương xót muôn loài đồng như con một của ngài là *La-hầu-la*. Ngài luôn theo giúp những chúng sanh có lòng lành, cũng như ghé con luôn theo bò mẹ; ngài biết thuyết giảng đúng lúc, khi không thích hợp thì không nói ra, và chỉ nói những lời chân thật, trong sạch, tốt

đẹp, có ý nghĩa, đúng Chánh pháp, không thay đổi và có thể giúp cho chúng sanh mãi mãi xa lìa phiền não. Ngài khéo biết mọi cội nguồn tâm tánh của chúng sanh, tùy nghi sử dụng nhiều phương tiện, tất cả đều thông đạt. Trí tuệ ngài cao lớn như núi *Tu-di*, sâu rộng mênh mông như biển lớn.

“Vị Phật Thế Tôn này có trí tuệ kim cương, có thể làm tiêu tan hết thảy mọi tội ác của chúng sanh, nếu nói Phật không thể [giải trừ tội lỗi cho đại vương] thì thật là vô lý!

“Hiện nay đức Phật đang ở cách đây 12 do-tuần, tại thành *Câu-thi-na*, chỗ có hai cây *sa-la* mọc đôi, vì vô số các vị tăng Bồ Tát mà diễn thuyết đủ các pháp như: pháp có hoặc pháp không, hữu vi hoặc vô vi, hữu lậu hoặc vô lậu, quả báo của phiền não hoặc quả báo của pháp lành; hoặc pháp thuộc về hình sắc, hoặc pháp chẳng thuộc về hình sắc, hoặc pháp chẳng phải sắc cũng không phải chẳng phải sắc; hoặc ngã, chẳng phải ngã hoặc chẳng phải ngã cũng không phải chẳng phải ngã; hoặc thường, chẳng phải thường, hoặc chẳng phải thường cũng không phải chẳng phải thường; hoặc lạc, chẳng phải lạc, hoặc chẳng phải lạc cũng không phải chẳng phải lạc; hoặc tướng, chẳng phải tướng, hoặc chẳng phải tướng cũng không phải chẳng phải tướng; hoặc dứt đoạn, chẳng phải dứt đoạn, hoặc chẳng phải dứt đoạn cũng không phải chẳng phải dứt đoạn; hoặc thế gian, xuất thế gian, hoặc chẳng phải thế gian cũng chẳng phải xuất thế gian; hoặc giáo pháp, chẳng phải giáo pháp, hoặc chẳng phải giáo pháp cũng không phải chẳng phải giáo pháp; hoặc tự mình làm tự mình chịu;

hoặc tự mình làm người khác chịu, hoặc không có tạo tác không có nhận chịu...

“Nếu đại vương đến chỗ Phật và được nghe giáo pháp không tạo tác, không nhận chịu, thì những tội nặng của đại vương sẽ tức thời diệt mất.

“Nay xin đại vương hãy nghe qua việc này. Khi thọ mạng của *Thích-đề-hoàn-nhân*<sup>(31)</sup> sắp hết liền có năm tướng suy mất hiện ra. Một là y phục nhơ nhớp; hai là hoa trên đầu héo rũ; ba là thân thể hôi hám nhơ nhớp; bốn là mồ hôi thường ra dưới nách; năm là không còn ưa thích chỗ ngồi của mình.

“Bấy giờ vị Thiên Đế-thích ấy thấy ở những nơi vắng vẻ tịch tĩnh có vị *sa-môn* hoặc *bà-la-môn* nào đều tìm đến, nghĩ rằng những vị ấy là Phật. Nhưng những *sa-môn* hoặc *bà-la-môn* ấy khi nhìn thấy Đế-thích đều lấy làm mừng rỡ, nói rằng: ‘Thưa đức vua cõi trời, nay tôi xin được quy y với ngài.’ Đế-thích nghe như vậy liền biết họ không phải là Phật, tự nghĩ rằng: ‘Nếu họ không phải là Phật thì không thể cứu chữa được năm tướng suy mất của ta.’

“Bấy giờ, vị quan đánh xe cho vua trời Đế-thích là *Bát-già-thi* liền tâu rằng: ‘*Kiều-thi-ca*<sup>(32)</sup> Có vị vua *càn-thát-bà*<sup>(33)</sup> tên là *Đôn-phù-lâu*, có người con gái tên *Tu-bạt-đà*. Nếu ngài chịu ban cô công chúa ấy cho hạ thân, hạ thân sẽ chỉ cho ngài nơi có thể trừ dứt các tướng suy mất.’

“Đế-thích liền đáp: ‘Thiện nam tử! Vua *a-tu-la*<sup>(34)</sup> là *Tỳ-ma-chất-đa* có công chúa *Xá-chỉ* là người ta yêu kính nhất; nếu khanh có thể chỉ cho ta nơi trừ dứt được

các tướng xấu thì ta sẽ ban công chúa ấy cho khanh, huống chi là công chúa *Tu-bạt-đà*?

“Quan đánh xe tâu rằng: ‘*Kiều-thi-ca*! Có đức Phật Thế Tôn là *Thích-ca Mâu-ni* nay đang ở tại thành lớn *Vương Xá*. Nếu ngài có thể đến đó thưa hỏi những điều chưa biết thì chắc chắn sẽ có thể diệt trừ được những tướng suy mất kia.’

“Đế-thích nói: ‘Thiện nam tử! Nếu quả đức Phật Thế Tôn có thể trừ dứt được các tướng suy cho ta thì khanh hãy đưa ta đến ngay chỗ của ngài.’

“Quan đánh xe vâng lời, liền quay xe hướng đến thành *Vương Xá*, núi *Kỳ-xà-quật*. Khi đến chỗ Phật, Đế-thích cúi đầu lễ bái dưới chân Phật, rồi ngồi sang một bên, bạch Phật rằng: ‘Bạch Thế Tôn! Trong hai cõi trời người, có những gì là trói buộc?’

“Phật dạy: ‘*Kiều-thi-ca*! Tham tiếc keo lặn và ganh ghét ghen ty [là những sự trói buộc].’

“Đế-thích lại thưa hỏi: ‘Tham tiếc keo lặn và ganh ghét ghen ty do đâu sanh ra?’

“Phật dạy: ‘Do vô minh sanh ra.’

“Lại hỏi: ‘Vô minh do đâu sanh ra?’

“Phật dạy: ‘Do phóng túng buông thả sanh ra.’

“Lại hỏi: ‘Phóng túng buông thả do đâu sanh ra?’

“Phật dạy: ‘Do điên đảo sanh ra.’

“Lại hỏi: ‘Điên đảo do đâu mà sanh ra?’

“Phật dạy: ‘Do lòng nghi ngờ sanh ra.’

“Đế-thích liền bạch Phật: ‘Bạch Thế Tôn! Quả đúng như lời Phật dạy, pháp điên đảo là do lòng nghi ngờ

sanh ra. Vì sao vậy? Vì con đây quả thật có lòng nghi, vì có lòng nghi nên sanh ra điên đảo, chẳng phải Thế Tôn lại tưởng là Thế Tôn. Nay con được gặp Phật, lòng nghi liền dứt trừ; lòng nghi dứt trừ nên sự điên đảo cũng dứt hết; điên đảo dứt hết nên không có lòng tham lam, cho đến không ghen ty.’

“Phật dạy: ‘Ông nói rằng không có lòng tham lam, ghen ty, vậy đã đắc quả *A-na-hàm* rồi chăng? Người đắc quả *A-na-hàm* không có lòng tham. Nếu không có lòng tham, sao lại vì mạng sống mà tìm đến chỗ ta? Nếu thật là đắc quả *A-na-hàm* thì không tham cầu mạng sống.’

“Đế-thích thưa: ‘Bạch Thế Tôn! Nếu có điên đảo ắt có mong cầu mạng sống, người không điên đảo ắt không mong cầu mạng sống. Nay con thật không còn mong cầu mạng sống, chỉ cầu được pháp thân Phật và trí tuệ Phật mà thôi.’

“Phật dạy: ‘*Kiều-thi-ca*! Người cầu pháp thân Phật và trí tuệ Phật thì trong tương lai chắc chắn sẽ được.’

“Lúc ấy, Đế-thích nghe Phật thuyết pháp rồi, năm tướng suy tức thời diệt mất, liền đứng dậy kính lễ, đi quanh Phật ba vòng,<sup>(35)</sup> cung kính chấp tay bạch Phật: ‘Thế Tôn! Nay con vừa chết đi sống lại, mạng sống mất rồi nay có lại, còn được nghe Phật thọ ký sẽ đắc quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Đó chính là được sanh ra lần nữa, được mạng sống lần nữa.’

“Bạch Thế Tôn! Như tất cả [chúng sanh] trong loài người và chư thiên, phải làm thế nào để được tăng ích, lại do nhân duyên gì phải bị tổn giảm?’

“Phật dạy: ‘*Kiều-thi-ca*! Đấu tranh giành giệt là nhân duyên làm tổn giảm trong cả hai cõi trời, người. Khéo tu tập phép hòa kính<sup>(36)</sup> ắt sẽ được sự tăng ích.’

“Đế-thích thưa: ‘Bạch Thế Tôn! Nếu sự đấu tranh làm tổn giảm thì từ nay con sẽ không đánh nhau với loài *a-tu-la* nữa.’

“Phật dạy: ‘Lành thay, lành thay! *Kiêu-thi-ca*, chư Phật Thế Tôn dạy rằng pháp nhân nhục là nhân của quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.’

“Lúc ấy, *Thích-đề-hoàn-nhân* liền lễ bái trước Phật rồi quay về.

“Thưa đại vương! Như Lai có thể dứt trừ các tướng xấu ác, vì thế nên tôn xưng Phật là đáng không thể nghĩ bàn. Nếu đại vương đến đó ắt là có bao nhiêu tội nặng đều sẽ được dứt trừ.

“Lại xin đại vương hãy nghe qua việc này.

“Có người dòng *bà-la-môn* tên Bát Hại, vì đã giết chết rất nhiều người nên mọi người đều gọi anh ta là *Ương-quật-ma*.<sup>(37)</sup> Người này lại muốn giết mẹ, khi lòng ác khởi lên thì thân cũng theo đó mà động; thân tâm đều động [như thế] tức là nhân của Năm tội nghịch; do nhân là Năm tội nghịch nên chắc chắn phải đọa địa ngục.

“Sau đó, khi [người này] gặp Phật thì thân tâm cũng đều động, liền muốn làm hại Phật. Thân tâm đều động tức là nhân của Năm tội nghịch; do nhân là Năm tội nghịch nên chắc chắn phải đọa vào địa ngục.

“Nhưng khi người ấy được gặp bậc thầy lớn là đức Như Lai, tức thì được trừ dứt nhân duyên vào địa ngục, phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Vì thế nên tôn xưng Phật là bậc lương y cao trổi nhất, không giống như bọn Sáu thầy [ngoại đạo].<sup>(38)</sup>

“Đại vương! Lại có vị vương tử là *Tu-tỳ-la*<sup>(39)</sup> bị vua cha nổi giận sai chặt hết tay chân rồi xô xuống giếng

sâu. Người mẹ thương xót, sai người cứu lên và đưa đến chỗ Phật. Khi vừa gặp Phật, tay chân liền được lành lặn như cũ, liền phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Đại vương! Nhờ gặp Phật mà được những quả báo [tốt lành] ngay trong hiện tại như vậy, nên tôn xưng Phật là bậc lương y cao trổi nhất, không giống như bọn Sáu thầy [ngoại đạo].

“Đại vương! Như trên bờ sông Hằng có năm trăm ngạ quỷ, trải qua vô số năm không hề nhìn thấy nước. Tuy đứng trên dòng sông nhưng chỉ thấy toàn lửa đỏ cuộn chảy,<sup>(40)</sup> bức bách vì đói khát nên kêu gào than khóc. Lúc ấy, Như Lai đang ở trong khu rừng *Uất-đàm-bát* ven sông, ngồi dưới một cội cây. Những ngạ quỷ này đi đến chỗ Phật, bạch rằng: ‘Thế Tôn! Chúng con quá đói khát, chẳng sống được bao lâu nữa!’ Phật dạy: ‘Nước chảy dưới sông Hằng, sao các người không uống?’ Bọn ngạ quỷ đáp: ‘Như Lai thấy đó là nước, nhưng chúng con thấy đó là lửa.’ Phật dạy: ‘Nước sông Hằng trong mát, thật không phải lửa! Vì nghiệp xấu ác của các người nên trong lòng tự điên đảo cho đó là lửa. Ta sẽ vì các người trừ dứt sự điên đảo, khiến các người nhìn thấy nước.’

“Lúc ấy, đức Thế Tôn vì bọn ngạ quỷ mà giảng thuyết chỗ sai lầm tai hại của lòng tham lam keo lặn. Bọn quỷ thưa rằng: ‘Nay chúng con đang khát nước, tuy được nghe giảng pháp nhưng chẳng thể nào đưa vào trong tâm.’ Phật dạy: ‘Các người khát nước thì trước hết có thể xuống sông, tùy ý mà uống.’ Khi ấy, bọn quỷ nhờ sức Phật liền uống được nước. Khi uống nước rồi, đức Như Lai lại vì chúng mà giảng thuyết đủ mọi pháp. Nghe

thuyết pháp rồi, hết thảy đều phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, liền xả bỏ thân hình ngọc quý, [sinh về cõi trời] được thân chư thiên. Đại vương! Vì thế nên tôn xưng Phật là bậc lương y cao trổi nhất, chẳng phải như bọn Sáu thầy [ngoại đạo].

“Đại vương! Tại nước *Xá-bà-đề*<sup>(41)</sup> có bọn cướp năm trăm người, bị vua *Ba-tư-nặc* móc mắt, không nhìn thấy đường đi nên không thể tìm đến chỗ Phật. Đức Phật thương xót liền hiện đến chỗ bọn cướp ấy, an ủi khuyên bảo rằng: ‘Thiện nam tử! Hãy khéo giữ gìn thân và miệng, đừng bao giờ làm việc ác nữa.’<sup>(42)</sup>

“Bọn cướp nghe được giọng nói của Như Lai trong trẻo, mâu nhiệm, thấu suốt mọi nơi, trong phút chốc được sáng mắt trở lại, liền đến trước đức Phật, chấp tay lễ kính, bạch rằng: ‘Thế Tôn! Nay chúng con biết rằng Phật đem lòng từ che chở tất cả chúng sanh, chẳng riêng gì trong hai cõi trời người.’

“Lúc ấy, đức Như Lai liền vì họ mà thuyết pháp. Nghe thuyết pháp rồi, họ đều phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Vì thế nên đức Như Lai quả thật là bậc lương y cao trổi nhất của thế gian, chẳng phải như bọn Sáu thầy [ngoại đạo].

“Đại vương! Tại nước *Xá-bà-đề* có người dòng *chiên-đà-la* tên là *Khí Hư*, đã giết hại rất nhiều người. Khi gặp được đệ tử Phật là ngài Đại *Mục-kiền-liên* liền trừ dứt nhân duyên địa ngục, được sanh lên cõi trời *Ba mươi ba*.<sup>(43)</sup> Vì có hàng đệ tử bậc thánh như vậy nên đức Phật

Như Lai được tôn xưng là vị thầy thuốc cao trổi nhất, chẳng phải như bọn sáu thầy [ngoại đạo].

“Đại vương! Tại thành *Ba-la-nại* có người con nhà trưởng giả tên *A-dật-đa*, lén lút loạn dâm với mẹ, rồi vì việc ấy mà nhẫn tâm giết cha. Người mẹ sau đó lại thông dâm với người ngoài. Khi biết được sự việc, người ấy liền giết chết mẹ.

“Người ấy có quen biết với một vị *A-la-hán*, lại sanh lòng xấu hổ, thẹn nhục nên giết cả vị *A-la-hán* ấy. Giết xong, liền đi đến tinh xá *Kỳ-hoàn*<sup>(44)</sup> xin xuất gia. Lúc ấy, chư *tỳ-kheo* đều biết rằng người ấy có ba tội nghịch<sup>(45)</sup> nên không dám nhận cho. Không được phép xuất gia, người ấy càng thêm tức giận, ngay trong đêm liền phóng hỏa thiêu rụi chỗ ở của chư tăng, làm chết rất nhiều người vô tội.

“Sau đó, người ấy lại vào thành *Vương Xá*, tìm đến chỗ Phật, cầu xin Phật thương xót cho được xuất gia. Như Lai liền chấp thuận, vì người ấy diễn thuyết pháp yếu, khiến cho tội nặng dần dần thành nhẹ, liền phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Vì thế nên tôn xưng Phật là bậc lương y của thế gian, chẳng phải như bọn Sáu thầy [ngoại đạo].

“Đại vương! Tánh tình của ngài vốn là hung bạo độc ác, lại tin lời kẻ xấu ác là *Đề-bà-đạt-đa* mà thả con voi lớn đang say rượu, muốn đạp chết Phật. Nhưng khi voi thấy Phật liền tức thời tỉnh táo, Phật đưa tay ra xoa đầu, lại thuyết pháp cho voi nghe, khiến nó phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.<sup>(46)</sup>

“Đại vương! Loài súc sanh được thấy Phật còn phá trừ hết nghiệp quả súc sanh, huống chi loài người? Đại

vương nên biết, nếu được gặp Phật thì có bao nhiêu tội nặng cũng đều trừ diệt hết.

“Đại vương! Khi đức Thế Tôn chưa đắc quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, Ma vương cùng với vô số quyến thuộc cùng đến chỗ của Bồ Tát.<sup>(47)</sup> Bảy giờ, Bồ Tát dùng sức nhẫn nhục để trừ hết tâm ác của ma, khiến ma nhận lãnh Chánh pháp, mau chóng phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Đức Phật có sức công đức lớn lao đến như vậy!

“Đại vương! Có quý Khoáng Dã đã giết hại rất nhiều chúng sanh. Bảy giờ, Như Lai vì trưởng giả Thiên Hiền<sup>(48)</sup> nên hiện đến thôn Khoáng Dã, thuyết pháp với quý. Lúc ấy, quý Khoáng Dã nghe pháp rồi hoan hỷ, liền đem trưởng giả dâng cho Như Lai, rồi sau đó phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Đại vương! Ở thành *Ba-la-nại*<sup>(49)</sup> có người đồ tể tên là *Quảng Ngạch*, mỗi ngày đều giết chẳng biết bao nhiêu con dê. Đến khi gặp ngài *Xá-lợi-phất*, người ấy liền thọ giữ *Tám giới*<sup>(50)</sup> trong suốt một ngày một đêm. Nhờ nhân duyên ấy, đến khi mạng chung được làm con của vị Thiên vương *Tỳ-sa-môn* ở phương bắc. Đệ tử của Như Lai còn có công đức lớn lao như vậy, huống chi là Phật?

“Đại vương! Ở miền bắc nước Thiên Trúc<sup>(51)</sup> có thành *Tế Thạch*, trong thành có vua Long Ấn. Vua ấy trước vì tham muốn ngôi vua nên giết hại cha mình. Giết cha rồi trong lòng sanh ra hối hận, bỏ cả việc nước tìm đến chỗ Phật, cầu Phật thương xót cho xuất gia. Phật dạy: ‘Lành thay, ông đã đến đây!’ Lời nói vừa dứt thì vua lập tức hóa thành một vị *tỳ-kheo*, tội nặng diệt mất, liền phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Đại

vương nên biết, đức Phật có công đức lớn lao vô lượng vô biên như thế!

“Đại vương! Như Lai có người em họ là *Đề-bà-đạt-đa* phạm ba tội nghịch là phá hoại chúng tăng, làm thân Phật chảy máu và hại bà *tỳ-kheo ni* Liên Hoa. Như Lai vì ông ấy mà thuyết giảng mọi lẽ pháp yếu, khiến cho tội nặng chẳng bao lâu đã thành ra nhẹ. Vì thế nên đức Như Lai là bậc đại lương y, chẳng phải như bọn Sáu thầy [ngoại đạo].

“Đại vương! Nếu có thể tin lời hạ thân, xin mau mau đến chỗ Như Lai. Nếu chưa tin được cũng xin suy xét kỹ.

“Đại vương! Lòng đại bi của chư Phật Thế Tôn bao trùm khắp cả, chẳng trừ bất cứ một ai. Chánh pháp trải rộng, chẳng nơi nào là không bao quát. [Đức Thế Tôn có lòng] bình đẳng đối với người thân, kẻ oán, lòng không phân biệt thương ghét, chẳng bao giờ thiên vị người nào để khiến cho riêng người ấy được thành tựu quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* mà những người khác lại không được. Như Lai không chỉ là thầy của *Bốn chúng*,<sup>(52)</sup> mà cũng là thầy của tất cả chư thiên, nhân loại, các loài rồng, loài quỷ, địa ngục, súc sanh, quỷ đói... Hết thầy chúng sanh nhìn thấy Phật đều khởi sanh tư tưởng [cung kính thương yêu] như [nhìn thấy] cha mẹ mình.

“Đại vương nên biết, Như Lai không chỉ vì những người giàu có cao quý như vua *Bạt-đề-ca*<sup>(53)</sup> mà thuyết pháp, Ngài cũng vì cả những người hạ tiện như *Ưu-ba-ly*.<sup>(54)</sup> Như Lai không chỉ nhận thức ăn do *Tu-đạt-đa A-na-bân-đàn*<sup>(55)</sup> dâng cúng, mà cũng nhận thức ăn của

ông *Tu-đạt-đa* rất nghèo khó;<sup>(56)</sup> không chỉ thuyết pháp vì những người căn tánh sáng suốt như *Xá-lợi-phất*, mà cũng vì những người căn tánh ngu độn như *Châu-lợi-bàn-đặc*; không chỉ cho những người tánh không tham lam như Đại *Ca-diếp* xuất gia cầu đạo, mà cũng cho những kẻ rất tham lam như *Nan-đà* cũng được xuất gia; không chỉ nhận những người ít phiền não như nhóm ông *Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp* xuất gia cầu đạo, mà cũng cho những kẻ nhiều phiền não, tạo tội nặng như em vua *Ba-tư-nặc* là *Tu-đà-da* cũng được xuất gia.

“Ngài không phải vì ông *Sa Thảo* cung kính cúng dường mà dứt trừ tận gốc lòng sân hận, còn như *Ương-quật-ma-la* có lòng ác muốn làm hại thì buông bỏ không cứu độ; ngài không chỉ thuyết pháp vì những nam nhân có trí tuệ, mà cũng vì những nữ nhân rất kém trí nữa. Ngài không chỉ giúp cho người xuất gia được bốn quả đạo,<sup>(57)</sup> mà cũng giúp cho người tại gia được ba quả đạo.<sup>(58)</sup> Không chỉ thuyết pháp vì những người như *Phú-đa-la*, đã buông bỏ hết mọi việc, chuyên tâm suy xét ở nơi vắng vẻ yên tĩnh, mà cũng vì những người như vua *Tần-bà-sa-la*, đang [bận rộn] cai quản việc nước, làm vua cai trị một nước. Ngài không chỉ thuyết pháp vì những người đã bỏ uống rượu, mà cũng vì những người đang nghiện rượu như trưởng giả *Úc-già*. Ngài không chỉ thuyết pháp vì những người nhập thiền định như *Ly-bà-đa*, mà cũng vì những người rối loạn tâm trí bởi mất con như cô *bà-la-môn* tên *Bà-tư-tra*.

“Nhu Lai không chỉ thuyết pháp vì đệ tử của ngài, mà cũng vì ngoại đạo như phái *Ni-kiên*; không chỉ thuyết pháp vì những người thanh xuân tráng kiện, tuổi chưa

quá hai mươi lăm, mà cũng vì những người già suy ở tuổi tám mươi. Ngài không chỉ thuyết pháp vì những người căn tánh thuần thực, mà cũng vì cả những người căn lành chưa thuần thực. Ngài không chỉ thuyết pháp vì hàng phu nhân cao quý như bà *Mạt-lợi*, mà cũng vì hạng dân nữ như cô *Liên Hoa*. Ngài không chỉ thọ nhận các món ngon quý thịnh soạn của vua *Ba-tư-nặc*, mà cũng thọ nhận cả thức ăn hỗn tạp có độc của trưởng giả *Thi-lợi-cúc-đa*. Đại vương nên biết, *Thi-lợi-cúc-đa* thuở trước cũng tạo nhân duyên tội nghịch, nhưng nhờ gặp Phật và nghe pháp, liền phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Đại vương! Ví như trong suốt một tháng thường dùng y phục, vật thực để cúng dường cung kính hết thảy chúng sanh, cũng không bằng người niệm Phật chỉ trong một khoảnh khắc; công đức có được của người cúng dường kia so với người niệm Phật chỉ bằng được một phần mười sáu mà thôi!<sup>(59)</sup>

“Đại vương! Ví như đúc vàng thành hình người, dùng xe ngựa chở đồ quý báu, mỗi thứ đều đến số trăm, rồi mang hết ra bố thí, cũng không bằng người phát tâm tìm đến chỗ Phật [nhưng chỉ vừa] nhắc chân đi một bước.<sup>(60)</sup>

“Đại vương! Lại ví như dùng một trăm cỗ xe kéo bằng voi để chở các thứ trân bảo của nước Đại Tần, cùng hàng trăm nữ nhân thân đeo vòng chuỗi, mang hết ra bố thí, cũng không bằng người phát tâm tìm đến chỗ Phật [nhưng chỉ vừa] nhắc chân đi một bước.

“Lại ví như dùng đủ bốn thứ nhu yếu<sup>(61)</sup> mà cúng dường cho hết thảy chúng sanh trong cõi Tam thiên đại

thiên, cũng không bằng người phát tâm tìm đến chỗ Phật [nhưng chỉ vừa] nhắc chân đi một bước.

“Đại vương! Ví như ngài cung kính cúng dường vô lượng chúng sanh nhiều như số cát sông Hằng cũng không bằng một lần đến chỗ giữa hai cây *sa-la* mọc sòng đôi, gặp đức Như Lai và thành tâm nghe thuyết pháp.”

Lúc ấy, vua A-xà-thế đáp rằng: “*Kỳ-bà!* Như Lai Thế Tôn tánh đã điều hòa nhu thuận, nên quanh ngài chỉ toàn những người đã được điều hòa nhu thuận; cũng như rừng chiên đàn chỉ có toàn những cây *chiên-đàn* bao quanh. Như Lai là thanh tịnh nên chung quanh ngài cũng toàn là những người thanh tịnh, cũng như con rồng lớn, chung quanh đều là rồng. Như Lai là vắng lặng yên tĩnh, nên chung quanh ngài cũng chỉ toàn là những người vắng lặng yên tĩnh. Như Lai không tham lam, nên chung quanh ngài cũng chỉ toàn là những người không tham lam. Phật không có phiền não, nên chung quanh ngài cũng chỉ toàn là những người không có phiền não. Nay ta đã là người hết sức xấu xa, mang nặng nghiệp ác, thân thể hôi thối, thuộc về cảnh địa ngục, làm sao có thể đến chỗ Như Lai? Dù ta có đến đó e cũng không được tiếp đón chuyện trò. Tuy khanh khuyên ta đến chỗ Phật, nhưng hôm nay ta rất lấy làm xấu hổ, đau xót, không lòng dạ nào mà đi đến đó.”

Bấy giờ, giữa không trung liền phát ra tiếng nói rằng: “Pháp Phật cao cả nhất nay sắp suy mất rồi! Con sông Chánh pháp sâu thẳm nay sắp cạn khô! Ngọn đèn Đại pháp cũng gần tắt! Ngọn núi Chánh pháp gần sụp đổ! Con thuyền Chánh pháp sắp chìm mất! Nhịp cầu Chánh pháp sắp hư gãy! Ngôi đền Chánh pháp sắp sụp

đổ! Ngọn cờ Chánh pháp sắp ngã! Cội cây pháp sắp gãy đổ! Bậc giúp ta sanh khởi mọi điều lành đã sắp ra đi!<sup>(62)</sup> Mối lo sợ lớn sắp tới rồi! Con đoi thiếu Chánh pháp của chúng sanh sắp đến! Bệnh dịch phiền não sắp hoành hành! Thời tối tăm u ám sắp đến! Thời khát khao Chánh pháp sắp tới! Ma vương vui mừng cởi bỏ áo giáp! Mặt trời Phật pháp sắp lặn khuất sau núi Đại Niết-bàn!

“Đại vương! Nếu đức Phật rời khỏi thế gian này, tội ác nặng nề của vua sẽ không còn ai trừ diệt được. Đại vương! Nay vua đã tạo nghiệp nặng nề nhất, ắt phải đọa vào địa ngục A-tỳ. Do nghiệp duyên ấy nên phải thọ tội báo, không còn nghi ngờ gì nữa.

“Đại vương! A-tỳ nghĩa là không gián đoạn.<sup>(63)</sup> Vì không có lúc nào được tạm an vui, nên gọi là không gián đoạn. Đại vương! Ví như chỉ có một người đọa vào ngục ấy, thì thân thể cũng tự nhiên dài rộng ra choán trọn cả ngục, không có chỗ hở, và khắp thân thể đều phải chịu mọi nỗi khổ. Dù khi có nhiều người vào ngục, thân thể của mỗi người cũng choán đầy cả ngục, không chướng ngại nhau.

“Đại vương! Trong địa ngục lạnh, nếu tạm thời gặp cơn gió nóng liền cho là vui sướng. Trong địa ngục nóng, nếu tạm thời gặp cơn gió lạnh cũng cho là vui sướng. Trong địa ngục Đẳng hoạt,<sup>(64)</sup> ví như chết rồi mà nghe một âm thanh sống liền sống lại. Trong địa ngục A-tỳ hoàn toàn không có những việc ấy!

“Đại vương! Trong địa ngục A-tỳ, bốn hướng đều có cửa, phía ngoài mỗi cửa đều có lửa dữ, lửa từ bốn hướng đông, tây, nam, bắc qua lại giao nhau khắp hết. Tường sắt bao quanh đến tám vạn do-tuần, phía trên có lưới

sắt che trùm, mặt đất cũng toàn bằng sắt. Lửa trên phủ xuống tận bên dưới, lửa dưới bùng lên tận bên trên. Đại vương! Như con cá bị chiên nóng thì mỡ chảy ra cháy sạch, tội nhân trong địa ngục ấy cũng giống như vậy!

“Đại vương! Ai phạm vào một tội nghịch, sẽ phải vào đó chịu đủ hình phạt của một tội. Nếu phạm vào hai tội nghịch, phải chịu tội gấp hai lần. Người phạm vào năm tội nghịch sẽ phải chịu tội gấp năm lần.

“Đại vương! Nay ta biết chắc rằng nghiệp ác của vua sẽ không tránh khỏi [đọa vào địa ngục A-tỳ], nên chỉ cầu mong cho vua mau đến chỗ Phật. Trừ đức Phật Thế Tôn ra không còn ai khác có thể cứu vớt được vua. Nay ta thương vua nên mới khuyên bảo dẫn dắt. như vậy!”

Lúc ấy, vua A-xà-thế nghe những lời đó rồi, trong lòng khiếp sợ, toàn thân run rẩy, năm vóc<sup>(65)</sup> gieo xuống đất như cây chuối đổ, nhưng cố ngẩng mặt lên hỏi rằng: “Người là ai, sao chẳng hiện hình chỉ nghe tiếng nói?”

[Liên có tiếng đáp rằng:] “Đại vương! Ta là Tần-bà-sa-la, cha của con đây. Nay con nên nghe theo lời khuyên của Kỳ-bà, đừng tin lời sáu viên quan tà kiến.”

Vua A-xà-thế vừa nghe xong liền té nhào xuống đất, ghê độc nơi thân bộc phát kịch liệt, hôi thối gấp nhiều lần trước đó. Tuy dùng nhiều loại thuốc mát thoa lên mà ghê nóng cứ bộc phát, không giảm bớt chút nào!

## KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

### HẾT QUYỂN MƯỜI CHÍN

## CHÚ GIẢI

1. Lời nói phạm vào đủ bốn điều ác: chỉ bốn điều ác của khẩu nghiệp, đó là: nói dối, nói thêu dệt, nói hai lưỡi và nói lời độc ác.
2. Năm món dục lạc (ngũ dục): Sự khoái lạc do năm giác quan được thỏa mãn, như mắt được nhìn ngắm sắc đẹp, tai được nghe âm thanh hòa dịu...
3. Báo ứng ngay trước mắt: Kinh văn dùng “hoa báo”, chỉ sự báo ứng do nghiệp thiện ác chiêu cảm tức thời, chưa phải là kết quả cuối cùng. Như người trồng cây, trước phải thấy có hoa rồi sau mới được quả.
4. Bốn đại (Tứ đại): Chỉ chung các yếu tố vật chất, ý nói bệnh ghê này không do nơi những nguyên nhân vật chất.
5. Năm tội nghịch (Ngũ nghịch tội), gồm có: 1. Giết cha, 2. Giết mẹ, 3. Giết A-la-hán, 4. Phá hòa hiệp tăng, 5. Làm thân Phật chảy máu.
6. Phú-lan-na, tức Phú-lan-na Ca-diếp, phiên âm từ Phạn ngữ Pūraṇa-kāśyapa, là một trong sáu vị thầy ngoại đạo vào thời đức Phật, thường gọi chung là Lục sư ngoại đạo.
7. Điều-bà-đạt: tức Đề-bà-đạt-đa, cũng gọi là Điều-đạt.
8. Đây nhắc lại việc vua nghe lời Đề-bà-đạt-đa, dùng con voi say Hộ Tài muốn giết hại đức Phật nhưng không thành. Sự việc được kể rõ trong quyển 18, Tập II.
9. Con la: con vật lai giữa hai loài lừa và ngựa.
10. Mặt-già-lê Câu-xá-ly tử: Phiên âm từ Phạn ngữ là Maskarī-gośāliputra, cũng đọc là Mặt-già-lê Câu-xá-la, Mặt-già-lê Câu-xá-lợi... Mặt-già-lê là họ, Hán dịch là “thường hành”; Câu-xá-ly là tên người mẹ, nên gọi là Câu-xá-ly tử, Hán dịch là “ngưu xá”. Vị này là một trong 6 thầy ngoại đạo (lục sư) vào thời đức Phật.
11. Mũi tên nhọn ba độc (tam độc lợi tiễn): Ba độc là tham, sân và si, như mũi tên nhọn cắm vào thân tâm chúng sanh, khiến cho chúng sanh phải chịu nhiều khổ não, nên gọi là mũi tên nhọn ba độc.
12. Cỏ y-sư-ca (Tṣīka), một loài cỏ có tính bền bỉ, chắc chắn, dùng để ví với những gì chắc chắn, không thể phá hoại. Sách Du-già lược toản (瑜伽略纂) quyển 3 có viết: “有草名伊師迦，體性堅實” (Hữu thảo danh y-sư-ca, thể tánh kiên thật - Có loài cỏ tên y-sư-ca, bản tính bền chắc.)
13. Nguyên văn dùng “Tăng-kỳ vật”, chỉ cho những vật thuộc quyền sở hữu của Tăng-già, hay Tăng đoàn, giáo hội, tức là những tài sản chung ở các ngôi chùa, tinh xá... nói chung là tài vật thuộc về ngôi Tam bảo, không phải của riêng ai.
14. Tuy thấy là tồn tại trong một kiếp, nhưng thật ra thì mỗi khoảnh khắc đều biến đổi, hoại diệt, nên gọi là vô thường.
15. Ở đây quan niệm rằng nếu thật có ngã thì phải làm chủ được cái ngã ấy, phải được tự do, tự tại.
16. San-xà-da Tỳ-la-chi tử: phiên âm từ Phạn ngữ là Sañjaya-vairāṭi putra, cũng đọc là San-thệ-di Tỳ-lạt-tri tử, là một trong sáu vị thầy ngoại đạo (Lục sư ngoại đạo)

- vào thời đức Phật. Vì là con của bà Tỳ-la-chi nên gọi là Tỳ-la-chi tử, còn San-xà-da (刪闍耶) là tên, Hán dịch là Đẳng thắng, cũng viết là San-xà-dạ (刪闍夜).
17. Vô lậu: không có sự rỉ chảy những điều bất tịnh, được dùng chỉ sự ô nhiễm của sáu căn do tiếp xúc với sáu trần. Vô lậu tức là thanh tịnh, không còn bị ô nhiễm.
18. A-kỳ-da Sí-xá Khâm-bà-la, phiên âm từ tên Phạn ngữ là *Ajita-keśa-kambara*, là một trong sáu vị thầy ngoại đạo thời đức Phật. Ngài Huyền Trang dịch nghĩa tên ông này là “Vô Thắng Phát Hạt”.
19. Ca-la-cưu-đa Ca-chiên-diên: phiên âm từ Phạn ngữ là *Kakuda-katyāyana*, cũng đọc là Cước-câu-đa Ca-na-diễn-na, Hán dịch là Hắc Lĩnh, là một trong 6 vị thầy ngoại đạo thời đức Phật.
20. Đây chỉ việc vua nghe lời xúi giục của Đề-bà-đạt-đa mà giết cha, hại Phật.
21. Ni-kiền-đa Nhã-đề tử: phiên âm từ Phạn ngữ *Nirgranthađātīputra*, cũng gọi tắt là Ni-kiền, Hán dịch là Ly Hệ hoặc Bát Hệ, là một trong 6 vị thầy ngoại đạo (Lục sư) thời đức Phật.
22. Tám pháp thế gian: cũng gọi là bát phong (tám ngọn gió), chỉ những điều kiện tác động làm ô nhiễm tâm thức. Tám pháp ấy là: lợi (những điều có lợi), suy (những sự bất lợi, suy kém), hủy (những sự mạ nhục, xúc phạm), dự (những danh thơm, tiếng tốt), xưng (những sự khen ngợi, tán tụng), cơ (những sự chê trách, ghét bỏ), khổ (những sự đau đớn, khổ sở), lạc (những sự mừng vui, thích thú).
23. Kỳ-bà: phiên âm từ Phạn ngữ là *Jīvaka*, cũng đọc là Kỳ-vực, Kỳ-bà-già, là lương y nổi danh đương thời. Theo Phật thuyết Nại nữ Kỳ-bà kinh (Đại Chánh tạng quyển 12, kinh số 554) do ngài An Thế Cao dịch vào thời Hậu Hán thì Kỳ-bà là anh trai cùng cha khác mẹ với vua A-xà-thế, là con của vua Tần-bà-sa-la (Bình Sa vương) với một người kỹ nữ. Ông theo học y thuật tinh thông, thường trị bệnh cho chúng tăng và là người am hiểu cũng như chí thành tin sâu Phật pháp.
24. Tức là bốn nghiệp ác của lời nói, gồm: nói dối (vọng ngữ), nói thêu dệt (ỷ ngữ), nói hai lưỡi (luông thiệt) và nói lời độc ác (ác khẩu).
25. Bốn chúng Ma, cũng gọi là Bốn loại Ma (Tứ chủng ma), chỉ bốn thứ nghịch hại, gây rối loạn nơi thân tâm chúng sanh: 1. Phiền não ma (hết thảy mọi phiền não trong đời sống). 2. Ấm ma (hay ngũ ấm ma, chỉ các ấm: sắc, thọ, tưởng, hành, thức, là các yếu tố cấu thành thân tâm, cũng là nguyên nhân của đau khổ), 3. Tử ma (Ma chết, chấm dứt mạng sống của chúng sanh), 4. Tha hóa tự tại thiên tử ma (Ma trời dưới quyền Ma vương ở cõi trời Tha hóa tự tại, thường gây mọi trở ngại cho người tu tập chánh đạo.)
26. Mười nghiệp ác (Thập bất thiện): cũng gọi là Thập ác, bao gồm: 1. Sát sanh, 2. Trộm cắp, 3. Tà dâm, 4. Vọng ngữ, 5. Ý ngữ, 6. Lưỡn thiệt, 7. Ác khẩu, 8. Tham dục, 9. Sân khuể, 10. Tà kiến.
27. Vô thượng đại y: chỉ đức Phật, vì tôn xưng Phật là vị thầy thuốc trị liệu được tất cả mọi căn bệnh thân tâm của chúng sanh, không còn ai có thể vượt hơn được.
28. Nguyên văn dùng “bach pháp”, chỉ chung các thiện pháp, pháp lành.
29. Nguyên văn dùng chữ lậu (漏), có nghĩa là rỉ chảy, chỉ cho những phiền não hiện hành làm thân tâm chúng sanh ngày đêm rỉ chảy không dứt những căn lành, nên gọi là lậu. Không che giấu tội lỗi thì có thể bộc lộ sám hối, không còn mắc phải lỗi lầm, không rơi vào nghiệp ác, nhờ đó mà dứt được phiền não.

30. Bệnh ca-ma-la (*kāmalā*), cũng đọc là ca-mạt-la, dịch là hoàng bệnh, là một loại bệnh làm cho người mắc bệnh nhìn thấy tất cả các màu sắc đều hóa ra màu vàng. Vào thời xưa không ai có thể trị dứt được. Huyền ứng âm nghĩa, quyển 23, gọi bệnh này là ác cấu. Nói “phúc trung ác cấu” là để biểu thị nghĩa “không thể trị được”.
31. Thích-đề-hoàn-nhân: vị vua cõi trời, tức là Đế-thích.
32. Kiều-thi-ca: một trong các tên riêng của đức Đế-thích.
33. Càn-thát-bà (*Gandharva*), một trong tám loài chúng sanh, thường được gọi chung là Tám bộ chúng, bao gồm: chư thiên, loài rồng, dạ-xoa, a-tu-la, càn-thát-bà, ca-lâu-la, khẩn-na-la và ma-hầu-la-già. Tên gọi này cũng được đọc là kiền-thát-bà, kiển-đa-la... dịch nghĩa là hương thân, là loài chuyên lo về âm nhạc trên cung trời Đế-thích. Loài càn-thát-bà không ăn thịt, không uống rượu, chỉ thích hương thơm, vì vậy nên trong thân thường tỏa ra mùi thơm, gọi là hương thân.
34. A-tu-la (*asura*), một trong tám bộ chúng vừa nói trên, cũng nói tắt là tu-la, dịch nghĩa là phi thiên (không phải chư thiên), vì loài này tuy có thần lực, có cung điện, song hình thể không được đoan chánh như chư thiên ở các cõi trời. Trong loài a-tu-la, nam giới mang hình tướng xấu nhưng nữ giới lại rất đẹp.
35. Đi quanh... ba vòng: Theo nghi thức Ấn Độ thời cổ là để biểu thị sự cung kính. Khi viếng các tháp Phật, người ta cũng dùng hình thức đi quanh như thế này để tỏ lòng cung kính, gọi là nhiễu tháp.
36. Phép hòa kính, hay lục hòa kính, chỉ sáu pháp giúp người ta chung sống hòa hợp trong một cộng đồng, nhất là trong Tăng đoàn. Sáu pháp này gồm có: 1. Thân hòa cộng trú; 2. Khẩu hòa vô tranh; 3. Ý hòa đồng sự; 4. Giới hòa đồng tu; 5. Kiến hòa đồng giải; 6. Lợi hòa đồng quân. Nếu mọi người trong một cộng đồng đều sống theo những nguyên tắc hòa kính này thì đời sống tập thể đó sẽ luôn có được sự hòa hợp, an ổn.
37. Ương-quật-ma (*Āṅgulimālya*), cũng đọc là Ương-quật-ma-la, Ương-cừu-ma-la hay Ương-quật-man, dịch nghĩa là chỉ man (指鬘), nghĩa là dùng ngón tay người kết làm vòng để đội trên đầu. Gọi tên như thế là vì người này tin theo ngoại đạo tà thuyết, cho rằng giết chết nhiều người thì được vào Niết-bàn. Ông ta đã giết chết đến 999 người, đều chặt lấy ngón tay xâu lại thành chuỗi đội lên đầu. Mọi người đều sợ hãi, không còn ai dám đến gần để ông ta giết nữa, vì thế nên ông định giết mẹ mình cho đủ số 1.000 người. Đức Phật biết được việc này liền hiện đến giáo hóa, khiến ông ta cải tà quy chánh, từ bỏ việc giết hại và quy y theo Phật, phát tâm cầu Phật đạo.
38. Bọn Sáu thầy (Lục sư): chỉ bọn sáu thầy ngoại đạo cùng thời với Phật, mỗi người đều thuyết dạy một luận thuyết tà kiến, lôi kéo rất nhiều người tin theo họ. Trong các đoạn trước đã có nói đến các vị thầy ngoại đạo này và những tà thuyết của họ.
39. Tu-tỳ-la: phiên âm từ Phạn ngữ là *Suvira*.
40. Những nga quý này do nghiệp lực nên phải chịu đói khát, không thể nhìn thấy nước nên chẳng bao giờ được uống. Dòng sông thật có nước mà nghiệp lực của họ khiến cho chỉ nhìn thấy toàn là lửa đỏ cuộn chảy.
41. Xá-bà-đề (*Śrāvastī*), cách đọc khác thường gặp hơn là Xá-vệ, kinh đô của nước Câu-tát-la (Kosala), cũng đọc là Kiều-tát-la. Đúng ra đây chỉ là tên thành, nhưng nhiều khi cũng được dùng để chỉ cả nước Câu-tát-la, như ở đây gọi là nước Xá-

- bà-đề, hoặc có nơi khác gọi là nước Xá-vệ, đều là để chỉ nước Câu-tát-la, vào thời ấy do vua Ba-tư-nặc cai trị.
42. Câu chuyện về bọn cướp này cũng đã được đức Phật nhắc đến trong phần giảng về đức từ trước đây.
43. Cõi trời Ba mươi ba (Tam thập tam thiên): tức cõi trời Đao-lợi (Trāyastriṃśa), thuộc Dục giới.
44. Tinh xá Kỳ-hoàn, tức tinh xá Kỳ-viên (Jetavanānāthapiṇḍadasyārāma), cũng gọi là tinh xá Kỳ-đà, hoặc Kỳ-thọ Cấp Cô Độc viên.
45. Ba tội nghịch: Có Năm tội nghịch là giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá hòa hợp tăng và làm thân Phật chảy máu. Trong số này thì người này đã phạm đủ ba tội.
46. Chuyện này cũng đã được đức Phật nhắc đến trong phần giảng về đức từ.
47. Bồ Tát: Đây nói đức Phật khi còn trong giai đoạn tu hạnh Bồ Tát, chưa chứng đắc quả Phật.
48. Chuyện quỷ Khoáng Dã đã kể rõ ở quyển 16. Trưởng giả Thiện Hiền khi ấy là người đến phiên phải nộp mạng cho quỷ ăn thịt, được Phật cứu thoát, đổi tên cho là Thủ Trưởng giả.
49. Ba-la-nại (Vāraṇasi): tên nước thuộc lưu vực sông Hằng, trong nước có vườn Lộc uyển là nơi đức Phật thuyết pháp lần đầu tiên.
50. Tám giới (Bát giới), tức là Bát quan trai giới, là những giới được truyền cho người thọ giới (giới tử) trong một thời gian nhất định, thường là một ngày một đêm. Các giới này gồm: 1. Không sát sanh, 2. Không trộm cắp, 3. Không dâm dục, 4. Không nói dối, 5. Không uống rượu, 6. Không dùng các thứ trang sức, hương hoa, phấn sáp, dầu thơm để tô điểm thân thể, 7. Không nằm ngồi trên giường ghế cao rộng và không ca hát nhảy múa hoặc đi xem người khác ca hát nhảy múa, 8. Không ăn phi thời. Năm giới đầu giống như Ngũ giới của cư sĩ, nhưng khác một điểm là dứt hẳn việc dâm dục trong thời gian giữ giới, còn Ngũ giới chỉ quy định là không tà dâm, nghĩa là không làm việc dâm dục với người không phải là vợ hoặc chồng mình.
51. Thiên Trúc: một tên khác trước đây người Trung Hoa dùng để chỉ Ấn Độ.
52. Bốn chúng (Tứ chúng): Bốn chúng đệ tử Phật, gồm hai chúng xuất gia là tỳ-kheo và tỳ-kheo ni, hai chúng tại gia là cư sĩ nam và cư sĩ nữ.
53. Phiên âm từ Phạn ngữ là Bhadrīka, cũng đọc tắt là Bạt-đề.
54. Ưu-ba-ly, phiên âm từ Phạn ngữ là Upāli, về sau là một trong Mười đại đệ tử của đức Phật. Ngài vốn xuất thân hạ tiện nhưng được Phật cho xuất gia đồng thời với các vương tử dòng họ Thích-ca như các ngài A-nan, Nan-đà... Quyết định này của đức Phật vừa khích lệ sự phát tâm của ngài Ưu-ba-ly, vừa trừ được tâm kiêu mạn của các vị vương tử vào lúc đó.
55. Tu-đạt-đa A-na-bân-đàn (Sudatta Anāthapiṇḍada), cũng đọc là Tu-đạt-đa A-na-bân-đề, là tên và hiệu của một vị trưởng giả giàu có, hiền thiện, cũng là đại thần của vua Ba-tư-nặc. Tên ông là Tu-đạt-đa, nhưng vì thường làm việc cấp thí cho những người cô độc, đói thiếu, nên được dân chúng xưng hiệu là A-na-bân-đàn, Hán dịch là Cấp Cô Độc, nghĩa là người thường chu cấp, bố thí cho những kẻ cô độc.

56. Tu-đạt-đa rất nghèo: người này tuy cùng tên với trưởng giả Tu-đạt-đa, nhưng là người hết sức nghèo khó. Một hôm bói trong đồng phân hôi được khúc gỗ chiên đàn quý, mang bán lấy tiền mua được 4 đấu gạo, vui mừng bảo vợ nấu ngay một đấu gạo để cùng ăn. Đức Phật quán xét nhân duyên biết đã đến lúc cứu độ được người này, liền bảo ngài Xá-lợi-phất ngay khi ấy đến khát thực. Người vợ Tu-đạt-đa hoan hỷ cúng dường trọn số cơm ấy cho ngài. Lại nấu một đấu gạo nữa, Phật bảo ngài Mục-kiền-liên đến khát thực. Người vợ cũng vui vẻ cúng dường. Nấu lần thứ ba, Phật lại bảo ngài Ca-diếp đến khát thực, người vợ lại cũng vui vẻ cúng dường. Đến khi nấu chín đấu gạo cuối cùng, đức Phật tự đến khát thực, vợ chồng Tu-đạt-đa cũng hoan hỷ cúng dường cả phần cơm cuối cùng này. Phật thọ nhận, chú nguyện cho hai người, ngay trong ngày đó liền diệt hết mọi tội chướng trước đây, sanh đại phước đức, các thứ trân bảo quý giá tự nhiên sanh ra đầy nhà, trở nên giàu có. Họ lại thường xuyên thỉnh Phật và chửi tăng đến thọ cúng dường. Phật vì họ mà thuyết pháp, khiến cho đều được hiểu đạo. Câu chuyện này có ghi chép trong kinh Tạp thí dụ, quyển hạ; kinh Tạp bảo tạng, quyển 2 và Kinh luật dị tướng, quyển 35.
57. Tức là Bốn thánh quả: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán.
58. Ba quả đạo: là ba trong số bốn thánh quả, trừ ra quả A-la-hán chỉ người xuất gia mới có thể chứng đắc.
59. Một phần mười sáu: cách nói biểu trưng thường gặp trong nhiều kinh điển khác, có ý nói là rất nhỏ nhoi, không thể so bằng.
60. Công đức của người này có được chưa phải là do gặp Phật, mà chỉ vừa khởi tâm muốn đến chỗ Phật, chỉ mới đi được một bước đầu tiên mà thôi, nhưng đã là lớn lao đến như thế!
61. Bốn thứ nhu yếu: 1. Y phục, 2. Thức ăn uống, 3. Chỗ ngủ, đồ ngủ, 4. Thuốc men trị bệnh.
62. Nguyên bản Hán văn dùng thiện hữu, là dịch từ Phạn ngữ kalyānamitra, không chỉ đơn giản là người bạn lành, mà chỉ chung những người giúp chúng ta sanh khởi các hạnh lành. Sách Tham huyền ký, quyển 6 nói: “Khởi ngã hạnh cố danh thiện hữu.” (Làm sanh khởi công hạnh của ta nên gọi là thiện hữu.) Trong văn cảnh này là chỉ đến đức Phật nên chúng tôi dịch như trên.
63. A-tỳ (Avīci), Hán dịch là vô gián (無間), nghĩa là không gián đoạn, vì sự thọ hình trong địa ngục này liên tục không có lúc nào gián đoạn nên gọi là vô gián.
64. Địa ngục Đẳng hoạt (Samjīva), một trong 8 cảnh địa ngục nóng (Nhiệt địa ngục). Trong địa ngục ấy, các tội nhân đánh đập, tàn hại lẫn nhau, xâu xé thân thể nhau nhưng chẳng bao giờ chết. Mỗi khi họ đau đớn quá mà chết đi thì lập tức sống lại, tiếp tục chịu khổ, nên gọi là đẳng hoạt.
65. Năm vóc (ngũ thể): năm phần của thân thể, bao gồm: đầu, hai tay và hai chân.

# 大般涅槃經

## 卷第二十 梵行品第八之六

爾時世尊。在雙樹間見阿闍世王悶絕躄地。即告大眾。我今當為是王住世至無量劫不入涅槃。

迦葉菩薩白佛言。世尊。如來當為無量。眾生不入涅槃。何故獨為阿闍世王。

佛言。善男子。是大眾中無有一人謂我畢定入於涅槃。阿闍世王定謂我當畢竟永滅。是故悶絕自投於地。

善男子。如我所言。為阿闍世不入涅槃。如是密義汝未能解。何以故。我言為者。一切凡夫。阿闍世者普及一切造五逆者。又復為者。即是一切有為眾生。我終不為無為眾生而住於世。何以故。夫無為者。非眾生也。阿闍世者。即是具足煩惱等者。又復為者。即是不見佛性眾生。若見佛性我終不為久住於世。何以故。見佛性者。非眾生也。阿闍世者。即是一切未發阿耨多羅三藐三菩提心者。又復為者。即是阿難迦葉二眾。阿闍世者。即是阿闍世王後宮妃后及王舍城一切婦女。又復為者。名為佛性。言阿闍者。名為不生。世者名怨。以不生

# ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH

QUYỂN ĐỆ NHỊ THẬP - PHẠM HẠNH PHẨM - *Đệ bát chi lục*

Nhĩ thời, Thế Tôn tại song thọ gian, kiến A-xà-thế vương muộn tuyệt, tích địa, tức cáo đại chúng: Ngã kim đương vị thị vương, trụ thế chí vô lượng kiếp, bất nhập Niết-bàn.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Lai đương vị vô lượng chúng sanh, bất nhập Niết-bàn. Hà cố độc vị A-xà-thế vương?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Thị đại chúng trung, vô hữu nhất nhân vị ngã tất định nhập ư Niết-bàn. A-xà-thế vương định vị ngã đương tất cánh vĩnh diệt, thị cố muộn tuyệt, tự đầu ư địa.

Thiện nam tử! Như ngã sở ngôn, vị A-xà-thế, bất nhập Niết-bàn. Như thị mật nghĩa, nhữ vị năng giải. Hà dĩ cố? Ngã ngôn vị giả, nhất thiết phàm phu: A-xà-thế giả phổ cập nhất thiết tạo ngũ nghịch giả. Hựu phục vị giả, tức thị nhất thiết hữu vị chúng sanh. Ngã chung bất vị vô vị chúng sanh nhi trụ ư thế. Hà dĩ cố? Phù vô vị giả, phi chúng sanh dã. A-xà-thế giả, tức thị cụ túc phiền não đẳng giả. Hựu phục vị giả, tức thị bất kiến Phật tánh chúng sanh. Nhược kiến Phật tánh, ngã chung bất vị cửu trụ ư thế. Hà dĩ cố? Kiến Phật tánh giả, phi chúng sanh dã. A-xà-thế giả, tức thị nhất thiết vị phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm giả. Hựu phục vị giả, tức thị A-nan, Ca-diếp nhị chúng. A-xà-thế giả, tức thị A-xà-thế vương hậu cung phi hậu cập Vương Xá thành nhất thiết phụ nữ. Hựu phục vị giả danh vị Phật tánh. Ngôn A-xà giả, danh vị bất sanh; thế giả, danh oán. Dĩ bất sanh Phật tánh cố,

佛性故則煩惱怨生。煩惱怨生故不見佛性。以不生煩惱故則見佛性。以見佛性故。則得安住大般涅槃。是名不生。是故名為阿闍世。

善男子。阿闍者名不生。不生者名涅槃。世名世法。為者名不污。以世八法所不污故。無量無邊阿僧祇劫不入涅槃。是故我言。為阿闍世。無量億劫不入涅槃。

善男子。如來密語不可思議。佛法眾僧亦不可思議。菩薩摩訶薩亦不可思議。大涅槃經亦不可思議。

爾時世尊大悲導師。為阿闍世王入月愛三昧。入三昧已放大光明。其光清涼往照王身。身瘡即愈鬱蒸除滅。王覺瘡愈身體清涼。語耆婆言。曾聞人說劫將欲盡三月並現。當是之時一切眾生患苦悉除。時既未至。此光何來照觸吾身。瘡苦除愈身得安樂。

耆婆答言。此非劫盡三月並照。亦非火日星宿藥草寶珠天光。

王又問言。此光若非三月並照寶珠明者。為是誰光。

大王當知。是天中天所放光明。是光無根非有邊際。非熱非冷非常非滅。非色非無色。非相非無相。非青非黃非赤非白。欲度眾生。故使可見有

tác phiền não oán sanh. Phiền não oán sanh cố, bất kiến Phật tánh. Dĩ bất sanh phiền não cố, tác kiến Phật tánh. Dĩ kiến Phật tánh cố, tác đắc an trụ Đại Bát Niết-bàn. Thị danh bất sanh. Thị cố danh vi vị A-xà-thế.

Thiện nam tử! A-xà giả, danh bất sanh; bất sanh giả; danh Niết-bàn; thế danh thế pháp. Vị giả danh bất ô. Dĩ thế bất pháp sở bất ô cố, vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp, bất nhập Niết-bàn. Thị cố ngã ngôn vị A-xà-thế, vô lượng ức kiếp, bất nhập Niết-bàn.

Thiện nam tử! Như Lai mật ngữ bất khả tư nghị; Phật, pháp, chúng tăng diệc bất khả tư nghị. Bồ Tát ma-ha-tát diệc bất khả tư nghị. Đại Niết-bàn kinh diệc bất khả tư nghị.

Nhĩ thời, Thế Tôn đại bi đạo sư, vị A-xà-thế vương, nhập Nguyệt ái Tam-muội. Nhập Tam-muội dĩ, phóng đại quang minh. Kỳ quang thanh lương, vãng chiếu vương thân. Thân sang tức dữ, uất chưng trừ diệt. Vương giác sang dữ, thân thể thanh lương, ngữ Kỳ-bà ngôn: Tăng văn nhân thuyết, kiếp tương dục tận, tam nguyệt tịnh hiện. Đương thị chi thời, nhất thiết chúng sanh hoạn khổ tất trừ. Thời ký vị chí, thử quang hà lai, chiếu xúc ngô thân, sang khổ trừ dữ, thân đắc an lạc?

Kỳ-bà đáp ngôn: Thử phi kiếp tận, tam nguyệt tịnh chiếu. Diệc phi hỏa, nhật, tinh tú, dục thảo, bảo châu, thiên quang.

Wương hựu vấn ngôn: Thử quang nhược phi tam nguyệt tịnh chiếu, bảo châu minh giả, vi thị thù quang?

Đại vương đương tri thị Thiên Trung Thiên sở phóng quang minh. Thị quang vô căn, phi hữu biên tế, phi nhiệt, phi lãnh, phi thường, phi diệt, phi sắc, phi vô sắc, phi tướng, phi vô tướng, phi thanh, phi hoàng, phi xích, phi bạch. Dục độ chúng sanh, cố sử khả kiến hữu tướng khả thuyết, hữu căn, hữu biên,

相。可說有根有邊有熱有冷青黃赤白。大王。是光雖爾實不可說不可睹見。乃至無有青黃赤白。

王言。耆婆。彼天中天。以何因緣放斯光明。

大王。今是瑞相將為大王。以王先言世無良醫療治身心。故放斯光先治王身然後治心。

王言。耆婆。如來世尊亦見念耶。

耆婆答言。譬如一人而有七子。是七子中一子遇病。父母之心非不平等。然於病子心則偏多。

大王。如來亦爾。於諸眾生非不平等。然於罪者心則偏重。於放逸者佛則慈念。不放逸者心則放捨。何等名為不放逸者。謂六住菩薩。

大王。諸佛世尊於諸眾生不觀種姓老少中年貧富時節。日月星宿工巧下賤僮僕婢使。惟觀眾生有善心者。若有善心則便慈念。

大王當知。如是瑞相。即是如來入月愛三昧所放光明。

王即問言。何等名為月愛三昧。耆婆答言。譬如月光能令一切優鉢羅花開敷鮮明。月愛三昧亦復如是。能令眾生善心開敷。是故名為月愛三昧。

hữu nhiệt, hữu lãnh, thanh, hoàng, xích, bạch. Đại vương! Thị quang tuy nhĩ, thật bất khả thuyết, bất khả đồ kiến, nãi chí vô hữu thanh, hoàng, xích, bạch.

Vương ngôn: Kỳ-bà! Bỉ thiên trung thiên dĩ hà nhân duyên phóng tứ quang minh?

Đại vương! Kim thị thụy tướng, tương vị Đại vương. Dĩ vương tiên ngôn thế vô lương y liệu trị thân tâm, cố phóng tứ quang, tiên trị vương thân, nhiên hậu trị tâm.

Vương ngôn: Kỳ-bà! Như Lai Thế Tôn diệc kiến niệm da?

Kỳ-bà đáp ngôn: Thí như nhất nhân nhi hữu thất tử. Thị thất tử trung, nhất tử ngộ bệnh. Phụ mẫu chi tâm, phi bất bình đẳng. Nhiên ư bệnh tử, tâm tắc thiên đa.

Đại vương! Như Lai diệc nhĩ, ư chư chúng sanh, phi bất bình đẳng. Nhiên ư tội giả, tâm tắc thiên trọng. Ư phóng dật giả, Phật tắc từ niệm; bất phóng dật giả, tâm tắc phóng xả. Hà đẳng danh vi bất phóng dật giả? Vị lục trụ Bồ Tát.

Đại vương! Chư Phật Thế Tôn, ư chư chúng sanh, bất quán chủng tánh, lão, thiếu, trung niên, bản, phú, thời tiết, nhật, nguyệt, tinh tú, công xảo, hạ tiện, đồng bộc, tỳ sử. Duy quán chúng sanh hữu thiện tâm giả. Nhược hữu thiện tâm, tắc tiện từ niệm.

Đại vương đương tri, như thị thụy tướng, tức thị Như Lai nhập Nguyệt ái Tam-muội sở phóng quang minh.

Vương tức vấn ngôn: Hà đẳng danh vi Nguyệt ái Tam-muội?

Kỳ-bà đáp ngôn: Thí như nguyệt quang năng linh nhất thiết ưu-bát-la hoa khai phu tiên minh. Nguyệt ái Tam-muội diệc phục như thị, năng linh chúng sanh thiện tâm khai phu. Thị cố danh vi nguyệt ái Tam-muội.

大王。譬如月光能令一切行路之人心生歡喜。月愛三昧亦復如是。能令修習涅槃道者心生歡喜。是故復名月愛三昧。

大王。譬如月光從初一日至十五日形色光明漸漸增長。月愛三昧亦復如是。令初發心諸善根本漸漸增長。乃至具足大般涅槃。是故復名月愛三昧。

大王。譬如月光從十六日至三十日形色光明漸漸損減。月愛三昧亦復如是。光所照處所有煩惱能令漸減。是故復名月愛三昧。

大王。譬如盛熱之時一切眾生常思月光。月光既照鬱熱即除。月愛三昧亦復如是。能令眾生除貪惱熱。

大王。譬如滿月眾星中王為甘露味。一切眾生之所愛樂。月愛三昧亦復如是。諸善中王為甘露味。一切眾生之所愛樂。是故復名月愛三昧。

王言。我聞如來不與惡人同止坐起語言談論。猶如大海不宿死屍。如鴛鴦鳥不住圜廁。釋提桓因不與鬼住。鳩翅羅鳥不棲枯樹。如來亦爾。我當云何而得往見。設其見者。我身將不陷入地耶。我觀如來。寧近醉象師子虎狼猛火絕焰。終不近於重惡之人。是故我今思忖是已。當有何心往見如來。

Đại vương! Thí như nguyệt quang năng linh nhất thiết hành lộ chi nhân tâm sanh hoan hỷ. Nguyệt ái *Tam-muội* diệc phục như thị, năng linh tu tập *Niết-bàn* đạo giả tâm sanh hoan hỷ. Thị cố phục danh nguyệt ái *Tam-muội*.

Đại vương! Thí như nguyệt quang từng sơ nhất nhật chí thập ngũ nhật, hình sắc quang minh tiệm tiệm tăng trưởng. Nguyệt ái *Tam-muội* diệc phục như thị, linh sơ phát tâm chư thiện căn bốn tiệm tiệm tăng trưởng, nãi chí cụ túc Đại Bát Niết-bàn. Thị cố phục danh nguyệt ái *Tam-muội*.

Đại vương! Thí như nguyệt quang, từng thập lục nhật chí tam thập nhật, hình sắc quang minh tiệm tiệm tổn giảm. Nguyệt ái *Tam-muội* diệc phục như thị, quang sở chiếu xứ, sở hữu phiền não, năng linh tiệm diệt. Thị cố phục danh nguyệt ái *Tam-muội*.

Đại vương! Thí như thanh nhiệt chi thời, nhất thiết chúng sanh thường tư nguyệt quang. Nguyệt quang ký chiếu, uất nhiệt tức trừ. Nguyệt ái *Tam-muội* diệc phục như thị, năng linh chúng sanh trừ tham não nhiệt.

Đại vương! Thí như mãn nguyệt, chúng tinh trung vương, vi cam lộ vị, nhất thiết chúng sanh chi sở ái nạo. Nguyệt ái *Tam-muội* diệc phục như thị, chư thiện trung vương, vi cam lộ vị, nhất thiết chúng sanh chi sở ái nạo. Thị cố phục danh Nguyệt ái *Tam-muội*.

Vương ngôn: Ngã văn Như Lai bất dĩ ác nhân đồng chỉ, tọa, khởi, ngữ ngôn, đàm luận, do như đại hải bất túc tử thi; như uyên ương điều bất trụ thanh xỉ, *Thích-đề-hoàn-nhân* bất dĩ quỷ trụ; *cưu-sí-la* điều bất thê khô thọ. Như Lai diệc nhĩ. Ngã đương vân hà nhi đắc vãng kiến? Thiết kỳ kiến giả, ngã thân tương bất hãm nhập địa da? Ngã quán Như Lai ninh cận túy tượng, sư tử, hổ, lang, mãnh hỏa tuyệt diệm; chung bất cận ư trọng ác chi nhân. Thị cố ngã kim tư thốn thị dĩ; đương hữu hà tâm vãng kiến Như Lai?

耆婆答言。大王。譬如渴人速赴清泉。飢者求食。怖者求救。病求良醫。熱求蔭涼。寒者求火。王今求佛亦應如是。

大王。如來尚為一闍提等演說法要。何況大王非一闍提。而當不蒙慈悲救濟。

王言。耆婆。我昔曾聞。一闍提者不信不聞不能觀察不得義理。何故如來而為說法。

耆婆答言。大王。譬如有人身遇重病是人夜夢昇一柱殿服酥油脂及以塗身。臥灰食灰攀上枯樹。或與獼猴遊行坐臥沈水沒泥。墮墜樓殿高山林木。象馬牛羊身著青黃赤黑色衣喜笑歌舞。或見烏鷲狐狸之屬。齒髮墮落裸形枕狗臥糞穢中。復與亡者行住坐起攜手食噉。毒蛇滿路而從中過。或復夢與被髮女人共相抱持。多羅樹葉以為衣服。乘壞驢車正南而遊。

是人夢已心生愁惱。以愁惱故身病逾增。以病增故諸家親屬遣使命醫。所可遣使形體缺短根不具足。頭蒙塵土著弊壞衣載故壞車。語彼醫言。速疾上車。

爾時良醫即自思惟。今見是使相貌不吉。當知病者難可療治。復作是念。使雖不吉復當占日為可

Kỳ-bà đáp ngôn: Đại vương! Thí như khát nhân tốc phó thanh tuyên; cơ giả cầu thực; bố giả cầu cứu, bệnh cầu lương y; nhiệt cầu âm lương; hàn giả cầu hỏa. Vương kim cầu Phật, diệc ưng như thị.

Đại vương! Như Lai thượng vị *nhất-xiển-đề* đẳng, diễn thuyết pháp yếu. Hà huống Đại vương phi *nhất-xiển-đề*, nhi đương bất mộng từ bi cứu tế?

Vương ngôn: Kỳ-bà! Ngã tích tàng văn: *nhất-xiển-đề* giả bất tín, bất văn, bất năng quán sát, bất đắc nghĩa lý. Hà cố Như Lai nhi vị thuyết pháp?

Kỳ-bà đáp ngôn: Đại vương! Thí như hữu nhân, thân ngộ trọng bệnh. Thị nhân dạ mộng, thẳng nhất trụ điện; phục tô, du, chỉ, cập dĩ đồ thân; ngọa hôi, thực hôi; phan thượng khô thọ. Hoặc dĩ di hầu du hành, tọa, ngọa, trầm thủy, một nê; đọa trụ lâu điện, cao sơn, lâm mộc, tượng, mã, ngư, dương. Thân trước thanh, hoàng, xích, hắc sắc y, hỷ tiểu ca vũ. Hoặc kiến điều thúu, hồ ly chi thuộc; xỉ, phát đọa lạc, lỏa hình chảm cầu, ngọa phấn uest trung. Phục dĩ vong giả hành, trụ, tọa, khởi, huê thủ thực hám; độc xà mẫn lộ, nhi tùng trung quá. Hoặc phục mộng, dĩ bị phát nữ nhân cộng tương bảo trì, đa-la thọ diệp, dĩ vi y phục; thừa hoại lư xa, chánh nam nhi du!

Thị nhân mộng dĩ, tâm sanh sầu não. Dĩ sầu não cố, thân bệnh du tăng. Dĩ bệnh tăng cố, chư gia thân thuộc khiển sứ mạng y. Sở khả khiển sứ, hình thể khuyết đoạn, căn bất cụ túc, đầu mộng trần thổ, trước tộ hoại y, tải cố hoại xa, ngư bỉ y ngôn: Tốc tậ thượng xa!

Nhĩ thời, lương y túc tự tư duy: Kim kiến thị sứ, tướng mạo bất cát; đương tri bệnh giả nan khả liệu trị. Phục tác thị niệm: Sứ tuy bất cát, phục đương chiêm nhật, vi khả trị phủ! Nhược tứ nhật, lục nhật, bát nhật, thập nhị nhật, thập tứ nhật, như

治不。若四日六日八日十二日十四日。如是日者病亦難治。復作是念。日雖不吉復當占星為可治不。若是火星奎星昴星閻羅王星溼星滿星。如是星時病亦難治。復作是念。星雖不吉復當觀時。若是秋時冬時及日入時夜半時月入時。當知是病亦難可治。

復作是念。如是眾相雖復不吉或定不定。當觀病人若有福德皆可療治。若無福德雖吉何益思惟是已尋與使俱。在路復念。若彼病者有長壽相則可療治。短壽相者則不可治。即於前路見二小兒。相牽鬥爭捉頭拔髮。瓦石刀杖共相撩打。見人持火自然殄滅。或見有人斫伐樹木。或復見人手曳皮革隨路而行。或見道路有遺落物。或見有人執持空器。或見沙門獨行無侶。復見虎狼烏鷲狸狐。見是事已復作是念。所遣使人乃至道路所見諸相悉皆不祥。當知病者定難療治。

復作是念。我若不往則非良師。如其往者不可療治。復更念言。如是眾相雖復不祥。且當捨置往至病所。思惟是已復於前路聞如是聲。所謂亡失死喪崩破壞折剝脫墮墜焚燒。不來不可療治不能拔濟。復聞南方有飛鳥聲。所謂烏鷲舍利鳥聲。若狗若鼠狸狐兔豬。聞是聲已復作是念。當知病者難可療治。

thị nhật giả, bệnh diệc nan trị. Phục tác thị niệm: Nhật tuy bất cát, phục đương chiêm tinh, vi khả trị phủ! Nhược thị hỏa tinh, khuê tinh, mao tinh, Diêm-la vương tinh, thấp tinh, mãn tinh; như thị tinh thời, bệnh diệc nan trị. Phục tác thị niệm: Tinh tuy bất cát, phục đương quán thời. Nhược thị thu thời, đông thời, cập nhật nhập thời, dạ bán thời, nguyệt nhập thời, đương tri thị bệnh diệc nan khả trị.

Phục tác thị niệm: Như thị chúng tướng tuy phục bất cát, hoặc định, bất định, đương quán bệnh nhân. Nhược hữu phước đức, giai khả liệu trị. Nhược vô phước đức, tuy cát, hà ích? Tư duy thị dĩ, tâm dữ sù câu. Tại lộ phục niệm: Nhược bỉ bệnh giả hữu trường thọ tướng, tắc khả liệu trị. Đoản thọ tướng giả, tắc bất khả trị. Tức ư tiền lộ, kiến nhị thiếu nhi tương khiên đầu tránh, tróc đầu bạt phát; ngõa thạch đao trượng, cộng tương liêu đả. Kiến nhân trì hỏa, tự nhiên điển diệt. Hoặc kiến hữu nhân chúc phạt thọ mộc. Hoặc phục kiến nhân, thủ tuệ bì cách, tùy lộ nhi hành. Hoặc kiến đạo lộ, hữu di lạc vật. Hoặc kiến hữu nhân chấp trì không khí. Hoặc kiến sa-môn, độc hành vô lữ. Phục kiến hồ, lang, ô, thúu, ly hồ. Kiến thị sự dĩ, phục tác thị niệm: Sở khiến sứ nhân, nãi chí đạo lộ sở kiến chư tướng, tất giai bất tường. Đương tri bệnh giả, định nan liệu trị.

Phục tác thị niệm: Ngã nhược bất vãng, tắc phi lương y. Như kỳ vãng giả, bất khả liệu trị. Phục cánh niệm ngôn: Như thị chúng tướng, tuy phục bất tường, thả đương xả trí, vãng chí bệnh sở. Tư duy thị dĩ, phục ư tiền lộ, vãn như thị thanh, sở vị vong thất, tử táng, băng phá, hoại chiết, bác thoát, đọa trụ, phần thiêu, bất lai, bất khả liệu trị, bất năng bạt tế. Phục vãn nam phương, hữu phi điều thanh, sở vị: ô, thúu, xá-lợi điều thanh; nhược cầu, nhược thủ, ly hồ, thố, trụ. Vãn thị thanh dĩ, phục tác thị niệm: Đương tri bệnh giả, nan khả liệu trị.

爾時即入病人舍宅。見彼病人數寒數熱骨節疼痛。目赤流淚耳聲聞外咽喉結痛舌上裂破其色正黑。頭不自勝體枯無汗。大小便利擁隔不通。身平肥大紅赤異常。語聲不均或麤或細。舉體班駁異色青黃。其腹脹滿言語不了。醫見是已問瞻病言。病者昨來意志云何。答言。大師。其人本來敬信三寶及以諸天。今者變異敬信情息。本喜惠施今者慳悞。本性少食今則過多。本性和善今則弊惡。本性慈孝恭敬父母。今於父母無恭敬心。

醫聞是已，即前嗅之優鉢羅香沈水雜香畢陵迦香多伽羅香多摩羅跋香鬱金香栴檀香。炙肉臭蒲桃酒臭燒筋骨臭魚臭糞臭。知香臭已即前觸身。覺身細軟猶如繒綿劫貝娑花。或硬如石或冷如冰或熱如火或澀如沙。

爾時良醫見如是等種種相已。定知病者必死不疑然不定言是人當死語瞻病者。吾今遽務明當更來隨其所須恣意勿遮。即便還家明日使到復語使言。我事未訖兼未合藥。智者當知如是病者必死不疑。

大王。世尊亦爾。於一闍提輩善知根性而為說法。何以故。若不為說。一切凡夫當言如來無大慈悲。有慈悲者名一切智若無慈悲云何說言一切智人。是故如來為一闍提而演說法。

Nhĩ thời, tức nhập bệnh nhân xá trạch, kiến bỉ bệnh nhân sắc hàn, sắc nhiệt, cốt tiết đông thống, mục xích lưu lệ, nhĩ thanh văn ngoại, yết hầu kết thống, thiết thượng liệt phá, kỳ sắc chánh hắc, đầu bất tự thắng, thể khô vô hàn; đại, tiểu tiện lợi ủng cách bất thông. Thân bình phì đại; hồng, xích dị thường. Ngũ thanh bất quân: hoặc thô, hoặc tế. Cử thể ban bác: dị sắc thanh hoàng. Kỳ phúc trưởng mãn; ngôn ngũ bất liễu. Y kiến thị dĩ, vấn chiêm bệnh ngôn: Bệnh giả tạc lai, ý chí vân hà? Đáp ngôn: Đại sư! Kỳ nhân bản lai kính tín Tam bảo cập dĩ chư Thiên; kim giả biến dị, kính tín tình tức. Bản hỷ tuệ thí; kim giả khan lận. Bản tánh thiếu thực, kim tác quá đa. Bản tánh hoà thiện; kim tác tệ ác. Bản tánh từ hiếu, cung kính phụ mẫu; kim ư phụ mẫu, vô cung kính tâm.

Y văn thị dĩ, tức tiền khứu chi: ưu-bát-la hương, trâm thủy tạp hương, *tát-lãng-ca* hương, đa-già-la hương, đa-ma-la-bạt hương, *uất-kim* hương, *chiên-đàn* hương, chá nhục xú, bồ đào tửu xú, thiêu cân cốt xú, ngư xú, phấn xú. Tri hương, xú dĩ, tức tiền xúc thân: giác thân tế nhuyễn, do như tăng, miên, *kiếp-bối-ta* hoa; hoặc ngạnh như thạch; hoặc lãnh như băng, hoặc nhiệt như hỏa, hoặc sáp như sa.

Nhĩ thời, lương y kiến như thị đẳng chủng chủng tướng dĩ, định tri bệnh giả tất tử bất nghi. Nhiên bất định ngôn: thị nhân đương tử. Ngũ chiêm bệnh giả: Ngô kim cự vụ, minh đương cánh lai. Tùy kỳ sở tu, tứ ý vật già. Tức tiện hoàn gia. Minh nhật sứ đáo, phục ngũ sứ ngôn: Ngã sự vị ngật, kiêm vị hiệp dược. Trí giả đương tri như thị bệnh giả tất tử bất nghi.

Đại vương! Thế Tôn diệc nhĩ; ư *nhất-xiển-đề* bối, thiện tri căn tánh, nhi vị thuyết pháp. Hà dĩ cố? Nhược bất vị thuyết, nhất thiết phàm phu đương ngôn: Như Lai vô đại từ bi. Hữu từ bi giả, danh nhất thiết trí. Nhược vô từ bi, vân hà thuyết ngôn nhất thiết trí nhân? Thị cố Như Lai, vị nhất xiển đề, nhi diễn thuyết pháp.

大王。如來世尊見諸病者常施法藥。病者不服非如來咎。

大王。一闍提輩分別有二。一者得現在善根。二者得後世善根。如來善知一闍提輩能於現在得善根者則為說法。後世得者亦為說法。今雖無益作後世因。是故如來為一闍提演說法要。

一闍提者復有二種。一者利根。二者中根。利根之人於現在世能得善根。中根之人後世則得。諸佛世尊不空說法。

大王。譬如淨人墜墮園廁。有善知識見而愍之。尋前捉髮而拔出之。諸佛如來亦復如是。見諸眾生墜三惡道。方便救濟令得出離。是故如來為一闍提而演說法。

王語耆婆。若使如來審如是者。明當選擇良日吉辰然後乃往。

耆婆白王。大王。如來法中無有選擇良日吉辰。大王。如重病人猶不看日時節吉凶惟求良醫。王今病重求佛良醫。不應選擇良時好日。

大王。如梅檀火及伊蘭火。二俱燒相無有異也。吉日凶日亦復如是。若到佛所俱得滅罪。惟願大王今日速往。

Đại vương! Như Lai Thế Tôn kiến chư bệnh giả, thường thí pháp dược. Bệnh giả bất phục, phi Như Lai cữu!

Đại vương! Nhất xiển đề bối, phân biệt hữu nhị: nhất giả đắc hiện tại thiện căn, nhị giả đắc hậu thế thiện căn. Như Lai thiện tri nhất xiển đề bối, năng ư hiện tại đắc thiện căn giả, tác vị thuyết pháp. Hậu thế đắc giả, diệc vị thuyết pháp. Kim tuy vô ích, tác hậu thế nhân. Thị cố Như Lai vị nhất xiển đề, diễn thuyết pháp yếu.

Nhất xiển đề giả, phục hữu nhị chủng: nhất giả lợi căn, nhị giả trung căn. Lợi căn chi nhân, ư hiện tại thế, năng đắc thiện căn. Trung căn chi nhân, hậu thế tác đắc. Chư Phật Thế Tôn bất không thuyết pháp.

Đại vương! Thí như tịnh nhân trụ đọa thanh xỉ. Hữu thiện tri thức kiến nhi mẫn chi; tâm tiên tróc phát, nhi bạt xuất chi. Chư Phật Như Lai diệc phục như thị; kiến chư chúng sanh đọa tam ác đạo, phương tiện cứu tế, linh đắc xuất ly. Thị cố Như Lai vị *nhất-xiển-đề* nhi diễn thuyết pháp.

Vương ngữ Kỳ-bà: Nhược sử Như Lai thẩm như thị giả, minh đương tuyền trạch lương nhật cát thân, nhiên hậu nãi vãng.

Kỳ-bà bạch vương: Đại vương Như Lai pháp trung, vô hữu tuyền trạch lương nhật cát thân. Đại vương! Như trọng bệnh nhân du bất khán nhật thời tiết cát hung, duy cầu lương y. Vương kim bệnh trọng, cầu Phật lương y, bất ứng tuyền trạch lương thời hảo nhật.

Đại vương! Như *chiên-đàn* hỏa cập *y-lan* hỏa, nhị câu thiêu tướng, vô hữu dị dã. Cát nhật, hung nhật diệc phục như thị. Nhược đão Phật sở, câu đắc diệt tội. Duy nguyện Đại vương kim nhật tốc vãng.

爾時大王即命一臣名曰吉祥。而告之言。大臣當知吾今欲往佛世尊所。速辦供養所須之具。

臣言。大王。善哉善哉所須供具一切悉有。

阿闍世王與其夫人嚴駕車乘一萬二千。殊壯大象其數五萬。一一象上各載三人。齎持幡蓋花香伎樂種種供具無不備足。導從馬騎有十八萬。摩伽陀國所有人民尋從王者。其數足滿五十八萬。

爾時拘尸那城所有大眾滿十二由延。悉皆遙見阿闍世王與其眷屬尋路而來。

爾時佛告諸大眾言。一切眾生為阿耨多羅三藐三菩提近因緣者莫先善友。何以故。阿闍世王若不隨順耆婆語者。來月七日必定命終墮阿鼻獄。是故近因莫若善友。

阿闍世王。復於前路聞舍婆提毘流離王乘船入海遇火而死。瞿伽離比丘生身入地至阿鼻獄。須那剌多作種種惡到於佛所眾罪得滅。聞是語已語耆婆言。吾今雖聞如是二言猶未審定。汝來耆婆。吾欲與汝同載一象。設我當至阿鼻地獄。冀汝捉持不令我墮。何以故。吾昔曾聞得道之人不入地獄。

Nhĩ thời, Đại vương tức mạng nhất thân, danh viết Cát Tường, nhi cáo chi ngôn: Đại thần đương tri, ngô kim dục vãng Phật Thế Tôn sở. Túc biện cúng dường sở tu chi cụ.

Thần ngôn: Đại vương! Thiện tai! Thiện tai! Sở tu cúng cụ, nhất thiết tất hữu.

A-xà-thế vương dĩ kỳ phu nhân, nghiêm giá xa thặng nhất vạn nhị thiên. Xu tráng đại tượng, kỳ số ngũ vạn. Nhất nhất tượng thượng, các tải tam nhân, tê trì phan, cái, hoa, hương, kỹ nhạc. Chủng chủng cúng cụ, vô bất bị túc. Đạo tòng mã kỳ, hữu thập bát vạn. Ma-già-đà quốc sở hữu nhân dân, tầm tòng vương giả, kỳ số túc mãn ngũ thập bát vạn.

Nhĩ thời, Câu-thi-na thành sở hữu đại chúng, mãn thập nhị do diên, tất giai dao kiến A-xà-thế vương dĩ kỳ quyền thuộc, tâm lộ nhi lai.

Nhĩ thời Phật cáo chư đại chúng ngôn: Nhất thiết chúng sanh, vị A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề cận nhân duyên giả, mạc tiên thiện hữu. Hà dĩ cố? A-xà-thế vương, nhược bất tùy thuận Kỳ-bà ngũ giả, lai nguyệt thất nhật, tất định mạng chung, đọa A-tỳ ngục. Thị cố cận nhân, mạc nhược thiện hữu.

A-xà-thế vương, phục ư tiên lộ, văn: Xá-bà-đề, Tỳ-lưu-ly vương, thừa thuyền nhập hải, ngộ hỏa nhi tử. Cô-ca-ly tỳ-kheo, sanh thân nhập địa chí A-tỳ ngục. Tu-na-sát-đa, tác chủng chủng ác, đọa ư Phật sở, chúng tội đắc diệt. Văn thị ngũ dĩ, ngũ Kỳ-bà ngôn: Ngô kim tuy văn như thị nhị ngôn, du vị thâm định. Nhữ lai Kỳ-bà! Ngô dục dĩ nhữ đồng tải nhất tượng. Thiết ngã đương chí A-tỳ địa ngục, ký nhữ tróc trì, bất linh ngã đọa. Hà dĩ cố? Ngô tích tàng văn: đắc đạo chi nhân, bất nhập địa ngục.

爾時佛告諸大眾言。阿闍世王猶有疑心。我今當為作決定心。

爾時會中有一菩薩。名持一切。白佛言。世尊。如佛先說一切諸法皆無定相所謂色無定相乃至涅槃亦無定相。如來今者云何而言。為阿闍世作決定心。

佛言。善哉善哉。善男子。我今定為阿闍世王作決定心。何以故。若王疑心可破壞者。當知諸法無有定相。是故我為阿闍世王作決定心。當知是心為無決定。

善男子。若彼王心是決定者。王之逆罪云何可壞。以無定相其罪可壞。是故我為阿闍世王作決定心。

爾時大王即到娑羅雙樹間。至於佛所仰瞻如來三十二相八十種好。猶如微妙真金之山。

爾時世尊出八種聲告言。大王。

時阿闍世左右顧視此大眾中誰是大王。我既罪戾又無福德。如來不應稱為大王。

爾時如來即復喚言。阿闍世大王。

時王聞已心大歡喜即作是言。如來今日顧命語言。真知如來於諸眾生大悲憐愍等無差別。

Nhĩ thời, Phật cáo chư đại chúng ngôn: *A-xà-thế* vương du hữu nghi tâm. Ngã kim đương vị, tác quyết định tâm.

Nhĩ thời, hội trung hữu nhất Bồ Tát danh Trì Nhất Thiết, bạch Phật ngôn: Thế Tôn như Phật tiên thuyết, nhất thiết chư pháp giai vô định tướng, sở vị: Sắc vô định tướng, nãi chí *Niết-bàn* diệc vô định tướng. Như Lai kim giả, vân hà nhi ngôn, vị *A-xà-thế* vương, tác quyết định tâm?

Phật ngôn: Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! Ngã kim định vị *A-xà-thế* vương, tác quyết định tâm. Hà dĩ cố? Nhược vương nghi tâm, khả phá hoại giả, đương tri chư pháp vô hữu định tướng. Thị cố ngã vị *A-xà-thế* vương, tác quyết định tâm. Đương tri thị tâm vi vô quyết định.

Thiện nam tử! Nhược bỉ vương tâm thị quyết định giả, vương chi nghịch tội, vân hà khả hoại? Dĩ vô định tướng, kỳ tội khả hoại. Thị cố ngã vi *A-xà-thế* vương, tác quyết định tâm.

Nhĩ thời, Đại vương tức đáo *sa-la* song thọ gian, chí ư Phật sở, ngưỡng chiêm Như Lai, tam thập nhị tướng, bát thập chủng hảo, do như vi diệu chân kim chi sơn.

Nhĩ thời, Thế Tôn xuất bát chủng thanh, cáo ngôn: Đại vương!

Thời, *A-xà-thế* vương tả hữu cố thị: Thủ đại chúng trung, thù thị đại vương? Ngã ký tội lệ, hựu vô phước đức; Như Lai bất ưng xưng vi Đại vương!

Nhĩ thời, Như Lai tức phục hoán ngôn: *A-xà-thế* vương!

Thời, vương văn dĩ, tâm đại hoan hỷ, tức tác thị ngôn: Như Lai kim nhật, cố mạng ngữ ngôn. Chân tri Như Lai, ư chư chúng sanh, đại bi lân mẫn, đẳng vô sai biệt.

白佛言。世尊。我今疑心永無遺餘。定知如來真是眾生無上大師。

爾時迦葉菩薩語持一切菩薩言。如來已為阿闍世王作決定心。

爾時阿闍世王即白佛言。世尊。假使我今得與梵王釋提桓因坐起飲食猶不歡悅。得遇如來一言顧命深以欣慶。

爾時阿闍世王即以所持幡蓋香花伎樂供養。前禮佛足右遶三匝。禮敬畢已卻坐一面。

爾時佛告阿闍世王言。大王。今當為汝說正法要。汝當一心諦聽諦聽。

凡夫常當繫心觀身。有二十事。所謂。一，我此身中空無無漏。二，無諸善根本。三，我此生死未得調順。四，墮墜深坑無處不畏。五，以何方便得見佛性。六，云何修定得見佛性。七，生死常苦無常我淨。八，八難之難難得遠離。九，恒為怨家之所追逐。十，無有一法能遮諸有。十一，於三惡趣未得解脫。十二，具足種種諸惡邪見。十三，亦未造立度五逆津。十四，生死無際未得其邊。十五，不作諸業不得果報。十六，無有我作他人受果。十七，不作樂因終無樂果。十八，若有造業果終不失。十九，因無明生亦因而死。二十，去來現在常行放逸。

Bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã kim nghi tâm, vĩnh vô di dư. Định tri Như Lai chân thị chúng sanh vô thượng Đại sư!

Nhĩ thời, Ca-diếp Bồ Tát ngữ Trì Nhất Thiết Bồ Tát ngôn: Như Lai dĩ vi A-xà-thế vương, tác quyết định tâm.

Nhĩ thời, A-xà-thế vương tức bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Giả sử ngã kim đắc dĩ Phạm vương, Thích-đề-hoàn-nhân tọa khởi, ẩm thực, du bất hoan duyệt; đắc ngộ Như Lai nhất ngôn cố mạng, thâm dĩ hân khánh.

Nhĩ thời, A-xà-thế vương tức dĩ sở trì phan, cái, hoa, hương, kỹ nhạc cúng dường, tiền lễ Phật túc, hữu nhiều tam táp. Lễ kính tất dĩ, khuốc tọa nhất diện.

Nhĩ thời, Phật cáo A-xà-thế vương ngôn: Đại vương! Kim đương vị nhữ, thuyết Chánh pháp yếu. Nhữ đương nhất tâm. Đế thính! Đế thính!

Phàm phu thường đương hệ tâm quán thân, hữu nhị thập sự. Sở vị: nhất, ngã thủ thân trung, không vô, vô lậu. Nhị, vô chư thiện căn bản. Tam, ngã thủ sanh tử vị đắc điều thuận. Tứ, đọa trụ thâm khanh, vô xứ bất úy. Ngũ, dĩ hà phương tiện, đắc kiến Phật tánh? Lục, vân hà tu định, đắc kiến Phật tánh? Thất, sanh tử thường khổ, vô: thường, ngã, tịnh. Bát, bất nạn chi nan, nan đắc viễn ly. Cửu, hằng vi oán gia chi sở truy trực. Thập, vô hữu nhất pháp năng già chư hữu. Thập nhất, ư tam ác thú, vị đắc giải thoát. Thập nhị, cụ túc chủng chủng ác tà kiến. Thập tam, diệc vị tạo lập, độ ngũ nghịch tân. Thập tứ, sanh tử vô tế, vị đắc kỳ biên. Thập ngũ, bất tác chư nghiệp, bất đắc quả báo. Thập lục, vô hữu ngã tác, tha nhân thọ quả. Thập thất, bất tác lạc nhân, chung vô lạc quả. Thập bát, nhược hữu tạo nghiệp, quả chung bất thất. Thập cửu, nhân vô minh sanh, diệc nhân nhi tử. Nhị thập, khứ, lai, hiện tại, thường hành phóng dật.

大王。凡夫之人當於此身常作如是二十種觀。作是觀已不樂生死。不樂生死則得止觀。爾時次第觀心生相住相滅相。次第觀心生住滅相，定慧進戒亦復如是觀生住滅已。知心相乃至戒相。終不作惡。無有死畏三惡道畏。若不繫心觀察如是二十事者。心則放逸無惡不造。

阿闍世言。如我解佛所說義者。我從昔來初未曾觀是二十事故造眾惡。造眾惡故則有死畏三惡道畏。

世尊。自我招殃造茲重惡。父王無辜橫加逆害。是二十事設觀不觀。必定當墮阿鼻地獄。

佛告大王。一切諸法性相無常無有決定。王云何言必定當墮阿鼻地獄。

阿闍世王白佛言。世尊。若一切法無定相者。我之殺罪亦應不定。若殺定者一切諸法則非不定。

佛言。大王。善哉善哉。諸佛世尊說一切法悉無定相。王復能知殺亦不定。是故當知殺無定相。

大王。如汝所言。先父無辜橫加逆害者。何者是父。但於假名眾生五陰妄生父想。於十二入十八界中何者是父。若色是父四陰應非。若四是父色亦應非。若色非色合為父者無有是處。何以故。色與非色性無合故。

Đại vương! Phàm phu chi nhân, đương ư thử thân, thường tác như thị nhị thập chủng quán. Tác thị quán dĩ, bất nhạo sanh tử. Bất nhạo sanh tử, tắc đắc chỉ quán. Nhĩ thời, thứ đệ quán tâm, sanh tướng, trụ tướng, diệt tướng. Thứ đệ quán tâm, sanh trụ diệt tướng. Định, tuệ, tấn, giới, diệp phục như thị. Quán sanh, trụ, diệt dĩ, tri tâm tướng, nãi chí giới tướng. Chung bất tác ác, Vô hữu tử úy, tam ác đạo úy. Nhược bất hệ tâm quán sát như thị nhị thập sự giả, tâm tắc phóng dật; vô ác bất tạo.

*A-xà-thế* ngôn: Như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa giả, ngã từng tích lai, sơ vị tăng quán thị nhị thập sự; cố tạo chúng ác. Tạo chúng ác cố, tắc hữu tử úy, tam ác đạo úy.

Thế Tôn! Tự ngã chiêu ương, tạo tư trọng ác: phụ vương vô cô, hoạnh gia nghịch hại. Thị nhị thập sự, thiết quán, bất quán, tất định đương đọa *A-tỳ* địa ngục.

Phật cáo Đại vương: Nhất thiết chư pháp, tánh tướng vô thường, vô hữu quyết định. Vương vân hà ngôn tất định đương đọa *A-tỳ* địa ngục?

*A-xà-thế* vương bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Nhược nhất thiết pháp vô định tướng giả, ngã chi sát tội diệp ưng bất định. Nhược sát định giả, nhất thiết chư pháp tắc phi bất định.

Phật ngôn: Đại vương! Thiện tai! Thiện tai! Chư Phật Thế Tôn thuyết nhất thiết pháp tất vô định tướng. Vương phục năng tri sát diệp bất định. Thị cố đương tri sát vô định tướng.

Đại vương! Như nhữ sở ngôn, phụ vương vô cô, hoạnh gia nghịch hại giả. Hà giả thị phụ? Đãn ư giả danh, chúng sanh ngũ ấm, vọng sanh phụ tướng. Ư thập nhị nhập, thập bát giới trung, hà giả thị phụ? Nhược sắc thị phụ, tứ ấm ưng phi! Nhược tứ thị phụ, sắc diệp ưng phi! Nhược sắc, phi sắc hiệp vi phụ giả, vô hữu thị xứ. Hà dĩ cố? Sắc dữ phi sắc, tánh vô hiệp cố.

大王。凡夫眾生於是色陰妄生父想。如是色陰亦不可害。何以故。色有十種。是十種中唯色一種。可見可持可稱可量可牽可縛。雖可見縛其性不住。以不住故不可得見不可捉持不可稱量不可牽縛。色相如是云何可殺。若色是父可殺可害獲罪報者。餘九應非。若九非者則應無罪。

大王。色有三種。過去未來現在。過去現在則不可害。何以故。過去過去故。現在念念滅故。遮未來故名之為殺。如是一色或有可殺。或不可殺。不殺色則不定。若色不定殺亦不定。殺不定故報亦不定。云何說言定入地獄。

大王。一切眾生所作罪業凡有二種。一者輕二者重。若心口作則名為輕。身口心作則名為重。大王。心念口說身不作者所得報輕。大王。昔日口不敕殺但言削足。大王。若敕侍臣立斬王首坐時乃斬猶不得罪。況王不敕云何得罪。王若得罪。諸佛世尊亦應得罪。何以故。汝父先王頻婆娑羅。常於諸佛種諸善根。是故今日得居王位。諸佛若不受其供養則不為王。若不為王汝則不得為國生害。若汝殺父當有罪者。我等諸佛亦應有罪。若諸佛世尊無得罪者。汝獨云何而得罪耶。

Đại vương! Phàm phu chúng sanh, ư thị sắc ấm, vọng sanh phụ tướng. Như thị sắc ấm diệt bất khả hại. Hà dĩ cố? Sắc hữu thập chủng. Thị thập chủng trung, duy sắc nhất chủng khả kiến, khả trì, khả xứng, khả lượng, khả khiên, khả phục. Tuy khả kiến, phục, kỳ tánh bất trụ. Dĩ bất trụ cố, bất khả đắc kiến, bất khả tróc trì, bất khả xứng lượng, bất khả khiên phục. Sắc tướng như thị, vân hà khả sát? Nhược sắc thị phụ, khả sát, khả hại, hoạch tội báo giả, dư cửu ưng phi! Nhược cửu phi giả, tắc ưng vô tội!

Đại vương! Sắc hữu tam chủng: quá khứ, vị lai, hiện tại. Quá khứ, hiện tại tắc bất khả hại. Hà dĩ cố? Quá khứ, quá khứ cố. Hiện tại, niệm niệm diệt cố. Già vị lai cố, danh chi vi sát. Như thị nhất sắc, hoặc hữu khả sát, hoặc bất khả sát. Bất sát, sắc tắc bất định. Nhược sắc bất định, sát diệt bất định. Sát bất định cố, báo diệt bất định. Vân hà thuyết ngôn định nhập địa ngục?

Đại vương! Nhất thiết chúng sanh sở tác tội nghiệp, phàm hữu nhị chủng: nhất giả khinh, nhị giả trọng. Nhược tâm, khẩu tác, tắc danh vi khinh; thân, khẩu, tâm tác, tắc danh vi trọng. Đại vương! Tâm niệm, khẩu thuyết, thân bất tác giả, sở đắc báo khinh. Đại vương tích nhật, khẩu bất sắc sát, dẫn ngôn tước tước. Đại vương nhược sắc thị thân lập trảm vương thủ, tọa thời nãi trảm, du bất đắc tội. Huống vương bất sắc, vân hà đắc tội? Vương nhược đắc tội, chư Phật Thế Tôn diệt ưng đắc tội. Hà dĩ cố? Nhữ phụ tiên vương, Tần-bà-sa-la thường ư chư Phật, chủng chư thiện căn, thị cố kim nhật, đắc cư vương vị. Chư Phật nhược bất thọ kỳ cúng dường, tắc bất vi vương. Nhược bất vi vương, nhữ tắc bất đắc vị quốc sanh hại. Nhược nhữ sát phụ, đương hữu tội giả, ngã đẳng chư Phật diệt ưng hữu tội. Nhược chư Phật Thế Tôn vô đắc tội giả, nhữ độc vân hà nhi đắc tội da?

大王。頻婆娑羅往有惡心。於毘富羅山遊行獵鹿。周遍曠野悉無所得。唯見一仙五通具足。見已即生瞋恚惡心。我今遊獵所以不得。正坐此人驅逐令去。即敕左右而令殺之。其人臨終生瞋惡心退失神通。而作誓言。我實無辜汝以心口橫加戮害。我於來世亦當如是還以心口而害於汝。

時王聞已即生悔心供養死屍。是王如是尚得輕受不墮地獄。況王不爾。而當地獄受果報耶。先王自作還自受之。云何令王而得殺罪。

如王所言父王無辜者。大王。云何言無。夫有罪者則有罪報。無惡業者則無罪報。汝父先王若無辜罪云何有報。頻婆娑羅於現世中亦得善果及以惡果。是故先王亦復不定。以不定故殺亦不定。殺不定故云何而言定入地獄。

大王。眾生狂惑凡有四種。一者貪狂。二者藥狂。三者咒狂。四者本業緣狂。

大王。我弟子中有是四狂。雖多作惡。我終不記是人犯戒。是人所作不至三惡。若還得心亦不言犯。王本貪國逆害父王。貪狂心作云何得罪。

大王。如人耽醉逆害其母。既醒寤已心生悔恨。當知是業亦不得報。王今貪醉非本心作。若非本心云何得罪。

Đại vương! *Tần-bà-sa-la* vãng hữu ác tâm; ư *Tỳ-phú-la* sơn, du hành lạc lạc. Châu biến khoáng dã, tất vô sở đắc. Duy kiến nhất tiên, ngũ thông cụ túc. Kiến dĩ, tức sanh sân khuể ác tâm: Ngã kim du lạc, sở dĩ bất đắc, chánh tọa thử nhân khu trục linh khứ! Tức sắc tả hữu, nhi linh sát chi. Kỳ nhân lâm chung, sanh sân ác tâm, thối thất thân thông, nhi tác thệ ngôn: Ngã thật vô cô. Nhữ dĩ tâm, khẩu, hoạnh gia lục hại. Ngã ư lai thế, diệc đương như thị, hoàn dĩ tâm, khẩu nhi hại ư nhữ!

Thời vương văn dĩ, tức sanh hối tâm, cúng dường tử thi. Tiên vương như thị, thượng đắc khinh thọ, bất đọa địa ngục. Huống vương bất nhĩ, nhi đương địa ngục thọ quả báo da? Tiên vương tự tác, hoàn tự thọ chi. Vân hà linh vương nhi đắc sát tội?

Như vương sở ngôn phụ vương vô cô giả. Đại vương! Vân hà ngôn vô? Phù hữu tội giả, tắc hữu tội báo; vô ác nghiệp giả, tắc vô tội báo. Nhữ phụ tiên vương nhược vô cô tội, vân hà hữu báo? *Tần-bà-sa-la*, ư hiện thế trung, diệc đắc thiện quả cập dĩ ác quả. Thị cố tiên vương diệc phục bất định. Dĩ bất định cố, sát diệc bất định. Sát bất định cố, vân hà nhi ngôn định nhập địa ngục?

Đại vương! Chúng sanh cuồng hoặc, phạm hữu tứ chủng: nhất giả tham cuồng, nhị giả dục cuồng, tam giả chú cuồng, tứ giả bồn nghiệp duyên cuồng.

Đại vương! Ngã đệ tử trung, hữu thị tứ cuồng. Tuy đa tác ác, ngã chung bất ký thị nhân phạm giới. Thị nhân sở tác, bất chí tam ác. Nhược hoàn đắc tâm, diệc bất ngôn phạm! Vương bồn tham quốc, nghịch hại phụ vương, tham cuồng tâm tác, vân hà đắc tội?

大王譬如幻師四衢道頭幻作種種男女象馬瓔珞衣服。愚癡之人謂為真實。有智之人知非真有。殺亦如是。凡夫謂實。諸佛世尊知其非真。

大王。譬如山間響聲。愚癡之人謂之實聲。有智之人知其非真。殺亦如是。凡夫謂實。諸佛世尊知其非真。

大王。如人有怨詐來親附。愚癡之人謂為實親。智者了達乃知虛詐。殺亦如是。凡夫謂實。諸佛世尊知其非真。

大王。如人執鏡自見面像。愚癡之人謂為真面。智者了達知其非真。殺亦如是。凡夫謂實。諸佛世尊知其非真。

大王。如熱時燄。愚癡之人謂之是水。智者了達知其非水。殺亦如是。凡夫謂實諸佛世尊知其非真。

大王。如乾闥婆城。愚癡之人謂為真實。智者了達知其非真。殺亦如是。凡夫謂實。諸佛世尊知其非真。

大王。如人夢中受五欲樂。愚癡之人謂之為實。智者了達知其非真。殺亦如是。凡夫謂實。諸佛世尊知其非真。

Đại vương! Như nhân đam túy, nghịch hại kỳ mẩu; ký tỉnh ngộ dĩ, tâm sanh hối hận. Đương tri thị nghiệp, diệc bất đắc báo. Vương kim tham túy, phi bổn tâm tác. Nhược phi bổn tâm, vân hà đắc tội?

Đại vương! Thí như huyễn sư, tứ cù đạo đầu, huyễn tác chủng chủng nam, nữ, tượng, mã, anh lạc, y phục. Ngu si chi nhân vị vi chân thật, hữu trí chi nhân tri phi chân hữu. Sát diệc như thị; phạm phu vị thật; chư Phật Thế Tôn tri kỳ phi chân.

Đại vương! Thí như sơn giản hưởng thanh, ngu si chi nhân vị chi thật thanh, hữu trí chi nhân tri kỳ phi chân. Sát diệc như thị, phạm phu vị thật, chư Phật Thế Tôn tri kỳ phi chân.

Đại vương! Như nhân hữu oán trá lai thân phụ. Ngu si chi nhân vị vi thật thân; trí giả liễu đạt, nãi tri hư trá. Sát diệc như thị, phạm phu vị thật; chư Phật Thế Tôn tri kỳ phi chân.

Đại vương! Như nhân chấp kính, tự kiến diện tượng. Ngu si chi nhân vị vi chân diện; trí giả liễu đạt, tri kỳ phi chân. Sát diệc như thị, phạm phu vị thật; chư Phật Thế Tôn tri kỳ phi chân.

Đại vương! Như nhiệt thời diệm. Ngu si chi nhân vị chi thị thủy; trí giả liễu đạt, tri kỳ phi thủy. Sát diệc như thị, phạm phu vị thật; chư Phật Thế Tôn tri kỳ phi chân.

Đại vương! Như *càn-thát-bà* thành. Ngu si chi nhân vị vi chân thật; trí giả liễu đạt, tri kỳ phi chân. Sát diệc như thị, phạm phu vị thật; chư Phật Thế Tôn tri kỳ phi chân.

Đại vương! Như nhân mộng trung, thọ ngũ dục lạc. Ngu si chi nhân vị chi vi thật; trí giả liễu đạt, tri kỳ phi chân. Sát diệc như thị, phạm phu vị thật; chư Phật Thế Tôn tri kỳ phi chân.

大王。殺法殺業殺者殺果及以解脫。我皆了之則無有罪。王雖知殺。云何有罪。

大王。譬如有人主知典酒。如其不飲則亦不醉。雖復知火亦不燒然。王亦如是雖復知殺云何有罪。

大王。有諸眾生於日出時作種種罪。於月出時復行劫盜。日月不出則不作罪。雖因日月令其作罪。然此日月實不得罪。殺亦如是。雖復因王王實無罪。

大王。如王宮中常敕屠羊心初無懼。云何於父獨生懼心。雖復人畜尊卑差別。寶命畏死二俱無異。何故於羊心輕無懼。於父先王生重憂苦。

大王。世間之人是愛僮僕不得自在。為愛所使而行殺害。設有果報乃是愛罪。王不自在當有何咎。

大王。譬如涅槃非有非無而亦是有。殺亦如是。雖非有非無而亦是有。慚愧之人則為非有。無慚愧者則為非無。受果報者名之為有。空見之人則為非有。有見之人則為非無。有有見者亦名為有。何以故。有有見者得果報故。無有見者則無果報。常見之人則為非有。無常見者則為非無。常常見者不得為無。何以故。常常見者有惡業果故。是故常常見者不得為無。以是義故雖非有非無而亦是有。

Đại vương! Sát pháp, sát nghiệp, sát giả, sát quả cập dĩ giải thoát, ngã giai liễu chi, tắc vô hữu tội. Vương tuy tri sát, vân hà hữu tội?

Đại vương! Thí như hữu nhân, chủ tri điển tửu. Như kỳ bất ẩm, tắc diệc bất túy. tuy phục tri hỏa, diệc bất thiêu nhiên. Vương diệc như thị. Tuy phục tri sát, vân hà hữu tội?

Đại vương! Hữu chư chúng sanh, ư nhật xuất thời, tác chủng chủng tội; ư nguyệt xuất thời, phục hành kiếp đạo. Nhật, nguyệt bất xuất, tắc bất tác tội. Tuy nhân nhật, nguyệt linh kỳ tác tội, nhiên thử nhật, nguyệt thật bất đắc tội. Sát diệc như thị; tuy phục nhân vương, vương thật vô tội.

Đại vương! Như vương cung trung, thường sắc đồ dương; tâm sơ vô cụ. Vân hà ư phụ, độc sanh cụ tâm? Tuy phục nhân súc, tôn, ty sai biệt, bảo mạng, úy tử: nhị câu vô dị! Hà cố ư dương, tâm khinh vô cụ; ư phụ tiên vương, sanh trọng ưu khổ?

Đại vương! Thế gian chi nhân, thị ái đồng bộc, bất đắc tự tại. Vi ái sở sử, nhi hành sát hại. Thiết hữu quả báo, nãi thị ái tội. Vương bất tự tại, đương hữu hà cữu?

Đại vương! Thí như Niết-bàn; phi hữu, phi vô, nhi diệc thị hữu. Sát diệc như thị; tuy phi hữu, phi vô, nhi diệc thị hữu. Tâm quý chi nhân, tắc vi phi hữu; vô tâm quý giả, tắc vi phi vô. Thọ quả báo giả, danh chi vi hữu. Không kiến chi nhân, tắc vi phi hữu; hữu kiến chi nhân, tắc vi phi vô; hữu hữu kiến giả, diệc danh vi hữu. Hà dĩ cố? Hữu hữu kiến giả, đắc quả báo cố; vô hữu kiến giả, tắc vô quả báo. Thường kiến chi nhân, tắc vi phi hữu; vô thường kiến giả, tắc vi phi vô; thường thường kiến giả bất đắc vi vô. Hà dĩ cố? Thường thường kiến giả, hữu ác nghiệp quả cố. Thị cố thường thường kiến giả bất đắc vi vô. Dĩ thị nghĩa cố, tuy phi hữu, phi vô nhi diệc thị hữu.

大王。夫眾生者名出入息。斷出入息故名為殺。諸佛隨俗亦說為殺。

大王。色是無常。色之因緣亦是無常。從無常因生色云何常。乃至識是無常。識之因緣亦是無常。從無常因生識云何常。以無常故苦。以苦故空。以空故無我。若是無常苦空無我為何所殺。

殺無常者得常涅槃。殺苦得樂殺空得實。殺於無我而得真我。大王。若殺無常苦空無我者則與我同。我亦殺於無常苦空無我不入地獄。汝云何入。

爾時阿闍世王。如佛所說觀色乃至觀識。作是觀已即白佛言。世尊。我今始知色是無常乃至識是無常。我本若能如是知者則不作罪。

世尊。我昔曾聞諸佛世尊常為眾生而作父母。雖聞是語猶未審定。今則定知。

世尊。我亦曾聞須彌山王四寶所成。所謂金銀琉璃玻瓈。若有眾鳥隨所集處則同其色。雖聞是言亦不審定。我今來至佛須彌山則與同色。與同色者則知諸法無常苦空無我。

世尊。我見世間從伊蘭子生伊蘭樹。不見伊蘭生栴檀樹。我今始見從伊蘭子生栴檀樹。伊蘭子者我身是也。栴檀樹者即是我心無根信也。無根者。我初不知恭敬如來。不信法僧。是名無根。

Đại vương! Phù chúng sanh giả, danh xuất nhập tức; đoạn xuất nhập tức, cố danh vi sát. Chư Phật tùy tục, diệc thuyết vi sát!

Đại vương! Sắc thị vô thường; sắc chi nhân duyên diệc thị vô thường. Tùng vô thường nhân sanh, sắc vân hà thường? Nãi chí thức thị vô thường; thức chi nhân duyên diệc thị vô thường. Tùng vô thường nhân sanh, thức vân hà thường? Dĩ vô thường cố khổ; dĩ khổ cố không; dĩ không cố vô ngã. Nhược thị vô thường, khổ, không, vô ngã, vi hà sở sát?

Sát vô thường giả, đắc thường Niết-bàn; sát khổ, đắc lạc; sát không, đắc thật, sát ư vô ngã, nhi đắc chân ngã. Đại vương nhược sát vô thường, khổ, không, vô ngã giả, tắc dĩ ngã đồng. Ngã diệc sát ư vô thường, khổ, không, vô ngã, bất nhập địa ngục. Nhữ vân hà nhập?

Nhĩ thời, A-xà-thế vương, như Phật sở thuyết, quán sắc, nãi chí quán thức. Tác thị quán dĩ, tức bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã kim thủy tri sắc thị vô thường; nãi chí thức thị vô thường. Ngã bổn nhược năng như thị tri giả, tắc bất tác tội.

Thế Tôn! Ngã tích tăng văn: Chư Phật Thế Tôn thường vị chúng sanh, nhi tác phụ mẫu. Tuy văn thị ngữ, du vị thẩm định. Kim tác định tri.

Thế Tôn! Ngã diệc tăng văn: Tu-di sơn vương, tứ bảo sở thành, sở vị: kim, ngân, lưu ly, pha lê. Nhược hữu chúng điều tùy sở tập xử, tắc đồng kỳ sắc. Tuy văn thị ngôn, diệc bất thẩm định. Ngã kim lai chí Phật Tu-di sơn, tắc dĩ đồng sắc. Dĩ đồng sắc giả, tắc tri chư pháp vô thường, khổ, không, vô ngã.

Thế Tôn! Ngã kiến thế gian, tùng y-lan tử, sanh y-lan thọ; bất kiến y-lan sanh chiên đàn thọ. Ngã kim thủy kiến tùng y-lan tử, sanh chiên đàn thọ. Y-lan tử giả, ngã thân thị dã; chiên đàn thọ giả, tức thị ngã tâm vô căn tín dã. Vô căn giả, ngã sở bất tri cung kính Như Lai, bất tín pháp, tăng. Thị danh vô căn.

世尊。我若不遇如來。世尊。當於無量阿僧祇劫在大地獄受無量苦。我今見佛以是見佛所得功德。破壞眾生所有一切煩惱惡心。

佛言。大王。善哉善哉。我今知汝必能破壞眾生惡心。

世尊。若我審能破壞眾生諸惡心者。使我常在阿鼻地獄。無量劫中為諸眾生受大苦惱不以為苦。

爾時摩伽陀國無量人民悉發阿耨多羅三藐三菩提心。以如是等無量人民發大心故。阿闍世王所有重罪即得微薄。王及夫人後宮嫔女悉皆同發阿耨多羅三藐三菩提心。

爾時阿闍世王語耆婆言。我今未死已得天身捨於短命而得長命。捨無常身而得常身。令諸眾生發阿耨多羅三藐三菩提心。即是天身長命常身。即是一切諸佛弟子。

說是語已即以種種寶幢幡蓋香花瓔珞微妙伎樂而供養佛。復以偈頌而讚歎言。

實語甚微妙  
善巧於句義  
甚深祕密藏  
為眾故顯示。  
所有廣博言

Thế Tôn! Ngã nhược bát ngộ Như Lai Thế Tôn, đương ư vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, tại đại địa ngục, thọ vô lượng khổ. Ngã kim kiến Phật. Dĩ thị kiến Phật sở đắc công đức, phá hoại chúng sanh sở hữu nhất thiết phiền não ác tâm.

Phật ngôn: Đại vương! Thiện tai! Thiện tai! Ngã kim tri nhữ tất năng phá hoại chúng sanh ác tâm.

Thế Tôn! Nhược ngã thẩm năng phá hoại chúng sanh chư ác tâm giả, sử ngã thường tại A-tỳ địa ngục vô lượng kiếp trung, vị chư chúng sanh, thọ đại khổ não, bất dĩ vi khổ!

Nhĩ thời, Ma-già-đa quốc, vô lượng nhân dân tất phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm. Dĩ như thị đẳng vô lượng nhân dân phát đại tâm cố, A-xà-thế vương sở hữu trọng tội, tức đắc vi bạc. Vương cập phu nhân, hậu cung thể nữ, tất giai đồng phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm.

Nhĩ thời, A-xà-thế vương ngữ Kỳ-bà ngôn: Ngã kim vị tử, dĩ đắc thiên thân; xả ư đoản mạng, nhi đắc trường mạng; xả vô thường thân, nhi đắc thường thân. Linh chư chúng sanh phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm, tức thị thiên thân, trường mạng, thường thân; tức thị nhất thiết chư Phật đệ tử.

Thuyết thị ngữ dĩ, tức dĩ chủng chủng bảo tràng, phan, cái, hương, hoa, anh lạc, vi diệu kỹ nhạc nhi cúng dường Phật. Phục dĩ kệ tụng nhi tán thán ngôn:

Thật ngữ thậm vi diệu,  
Thiện xảo ư cú nghĩa,  
Thậm thâm bí mật tạng,  
Vị chúng cố hiển thị.  
Sở hữu quảng bác ngôn,

為眾故略說  
 具足如是語  
 善能療眾生。  
 若有諸眾生  
 得聞是語者  
 若信及不信  
 定知是佛說。  
 諸佛常軟語  
 為眾故說麤  
 麤語及軟語  
 皆歸第一義。  
 是故我今者  
 歸依於世尊  
 如平語一味  
 猶如大海水。  
 是名第一諦  
 故無無義語  
 如來今所說  
 種種無量法。  
 男女大小聞  
 同獲第一義  
 無因亦無果  
 無生及無滅。  
 是名大涅槃  
 聞者破諸結

Vị chúng cố lược thuyết;  
 Cụ túc như thị ngữ,  
 Thiện năng liệu chúng sanh.  
 Nhược hữu chư chúng sanh  
 Đắc văn thị ngữ giả,  
 Nhược tín cập bất tín,  
 Định tri thị Phật thuyết.  
 Chư Phật thường nhuãn ngữ,  
 Vị chúng cố thuyết thô;  
 Thô ngữ cập nhuãn ngữ,  
 Giai quy đệ nhất nghĩa.  
 Thị cố ngã kim giả  
 Quy y ư Thế Tôn.  
 Như bình ngữ nhất vị,  
 Do như đại hải thủy.  
 Thị danh đệ nhất đế,  
 Cố vô vô nghĩa ngữ.  
 Như Lai kim sở thuyết  
 Chủng chủng vô lượng pháp.  
 Nam nữ đại tiểu văn,  
 Đồng hoạch đệ nhất nghĩa.  
 Vô nhân diệt vô quả,  
 Vô sanh cập vô diệt.  
 Thị danh đại Niết-bàn,  
 Văn giả phá chư kết.

如來為一切  
常作慈父母  
當知諸眾生  
皆是如來子  
世尊大慈悲  
為眾故苦行。  
如人著鬼魅  
狂亂多所作  
我今得見佛  
所得三業善。  
願以此功德  
迴向無上道  
我今所供養  
佛法及眾僧  
願以此功德  
三寶常在世。  
我今所當得  
種種諸功德  
願以此破壞  
眾生四種魔。  
我遇惡知識  
造作三世罪  
今於佛前悔  
願後更莫造。

Như Lai vị nhất thiết,  
Thường tác từ phụ mẫu;  
Đương tri chư chúng sanh  
Giai thị Như Lai tử.  
Thế Tôn đại từ bi,  
Vị chúng cố khổ hạnh.  
Như nhân trước quỷ my,  
Cuồng loạn đa sở tác.  
Ngã kim đắc kiến Phật,  
Sở đắc tam nghiệp thiện.  
Nguyện dĩ thủ công đức,  
Hồi hướng vô thượng đạo.  
Ngã kim sở cúng dường  
Phật pháp cập chúng tăng,  
Nguyện dĩ thủ công đức,  
Tam bảo thường tại thế.  
Ngã kim sở đương đắc  
Chủng chủng chư công đức,  
Nguyện dĩ thủ phá hoại  
Chúng sanh tứ chủng ma.  
Ngã ngộ ác tri thức,  
Tạo tác tam thế tội,  
Kim ư Phật tiền hối,  
Nguyện hậu cánh mạc tạo.

願諸眾生等  
悉發菩提心  
繫心常思念  
十方一切佛。  
復願諸眾生  
永破諸煩惱  
了了見佛性  
猶如妙德等。

爾時世尊讚阿闍世王。善哉善哉。若有人能發菩提心。當知是人則為莊嚴諸佛大眾。

大王。汝昔已於毘婆尸佛初發阿耨多羅三藐三菩提心。從是已來至我出世。於其中間未曾墮於地獄受苦。大王當知。菩提之心乃有如是無量果報。大王。從今已往常當勤修菩提之心。何以故。從是因緣當得消滅無量惡故。

爾時阿闍世王。及摩伽陀舉國人民從座而起繞佛三匝辭退還宮。

天行品者如雜花說。

Nguyện chư chúng sanh đấng,  
Tất phát Bồ-đề tâm;  
Hệ tâm thường tư niệm  
Thập phương nhất thiết Phật.  
Phục nguyện chư chúng sanh  
Vĩnh phá chư phiền não,  
Liễu liễu kiến Phật tánh  
Do như Diệu Đức đấng.

Nhĩ thời, Thế Tôn tán *A-xà-thế* vương: Thiện tai! Thiện tai! Nhược hữu nhân năng phát *Bồ-đề* tâm, đương tri thị nhân tấ vi trang nghiêm chư Phật đại chúng.

Đại vương! Nhữ tích dĩ ư *Tỳ-bà-thi* Phật, sơ phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm. Tùng thị dĩ lai, chí ngã xuất thế, ư kỳ trung gian, vị tầng đọa ư địa ngục thọ khổ. Đại vương đương tri: *Bồ-đề* chi tâm nãi hữu như thị vô lượng quả báo. Đại vương tùng kim dĩ vãng, thường đương cần tu *Bồ-đề* chi tâm. Hà dĩ cố? Tùng thị nhân duyên, đương đắc tiêu diệt vô lượng ác cố.

Nhĩ thời, *A-xà-thế* vương cập *Ma-già-đà* cử quốc nhân dân, tùng tòa nhi khởi, nhiễu Phật tam táp, từ thối hoàn cung.

Thiên Hạnh phẩm giả, như Tạp hoa thuyết.

# 嬰兒行品

## 第九

善男子。云何名為嬰兒行。

善男子。不能起住來去語言。是名嬰兒。如來亦爾不能起者。如來終不起諸法相。不能住者。如來不著一切諸法。不能來者。如來身行無有動搖。不能去者。如來已到大般涅槃。不能語者。如來雖為一切眾生演說諸法實無所說。

何以故。有所說者名有為法。如來世尊非是有為是故無說。又無語者猶如嬰兒。語言未了。雖復有語實亦無語。如來亦爾。語未了者即是諸佛祕密之言。雖有所說眾生不解故名無語。

又嬰兒者名物不一未知正語。雖名物不一未知正語。非不因此而得識物。如來亦爾。一切眾生方類各異所言不同。如來方便隨而說之。亦令一切因而得解。

又嬰兒者能說大字。如來亦爾說於大字。所謂婆伽。伽者有為婆者無為。是名嬰兒。伽者名為無常。婆者名為有常。如來說常眾生聞已為常法故斷於無常。是名嬰兒行。

# ANH NHI HẠNH PHẨM

## Đệ cửu

Thiện nam tử! Vân hà danh vi Anh nhi hạnh?

Thiện nam tử! Bất năng khởi, trụ, lai, khứ, ngữ ngôn; thị danh anh nhi. Như Lai diệc nhĩ. Bất năng khởi giả, Như Lai chung bất khởi chư pháp tướng. Bất năng trụ giả, Như Lai bất trước nhất thiết chư pháp. Bất năng lai giả, Như Lai thân hành, vô hữu động dao. Bất năng khứ giả, Như Lai dĩ đạo Đại Bát Niết-bàn. Bất năng ngữ giả, Như Lai tuy vị nhất thiết chúng sanh, diễn thuyết chư pháp, thật vô sở thuyết.

Hà dĩ cố? Hữu sở thuyết giả, danh hữu vi pháp. Như Lai Thế Tôn phi thị hữu vi. Thị cố vô thuyết. Hựu vô ngữ giả, do như anh nhi, ngôn ngữ vị liễu, tuy phục hữu ngữ, thật diệc vô ngữ. Như Lai diệc nhĩ. Ngữ vị liễu giả, tức thị chư Phật bí mật chi ngôn; tuy hữu sở thuyết, chúng sanh bất giải. Cố danh vô ngữ.

Hựu anh nhi giả, danh vật bất nhất, vị tri chánh ngữ. Tuy danh vật bất nhất, vị tri chánh ngữ, phi bất nhân thủ nhi đắc thức vật. Như Lai diệc nhĩ. Nhất thiết chúng sanh, phương loại các vị, sở ngôn bất đồng. Như Lai phương tiện, tùy nhi thuyết chi; diệc linh nhất thiết, nhân nhi đắc giải.

Hựu anh nhi giả, năng thuyết đại tự. Như Lai diệc nhĩ, thuyết ư đại tự, sở vị: Bà, Hòa. Hòa giả, hữu vi; Bà giả, vô vi. Thị danh anh nhi. Hòa giả, danh vi vô thường; Bà giả, danh vi hữu thường. Như Lai thuyết thường, chúng sanh văn dĩ, vị thường pháp cố, đoạn ư vô thường. Thị danh anh nhi hạnh

又嬰兒者。不知苦樂晝夜父母。菩薩摩訶薩亦復如是。為眾生故不知苦樂無晝夜想。於諸眾生其心平等。故無父母親疎等相。

又嬰兒者。不能造作大小諸事。菩薩摩訶薩亦復如是。菩薩不造生死作業是名不作大事。大事者即五逆也。菩薩摩訶薩終不造作五逆重罪。小事者即二乘心。菩薩終不退菩提心而作聲聞辟支佛乘。

又嬰兒行者。如彼嬰兒啼哭之時。父母即以楊樹黃葉而語之言。莫啼莫啼我與汝金。嬰兒見已生真金想便止不啼。然此楊葉實非金也。木牛木馬木男木女。嬰兒見已亦復生於男女等想。即止不啼。實非男女。以作如是男女想故名曰嬰兒。如來亦爾。若有眾生欲造眾惡。如來為說三十三天常樂淨端正自恣於妙宮殿受五欲樂。六根所對無非是樂。眾生聞有如是樂故心生貪樂。止不為惡。勤作三十三天善業。實是生死無常無樂無我無淨。為度眾生方便說言常樂我淨。

又嬰兒者。若有眾生厭生死時。如來則為說於二乘。然實無有二乘之實。以二乘故知生死過見涅槃樂。以是見故則能自知。有斷不斷有真不真有修不修有得不得。

Hựu anh nhi giả, bất tri khổ, lạc, trú, dạ, phụ, mẫu. Bồ Tát *ma-ha-tát* diệc phục như thị. Vị chúng sanh cố, bất tri khổ, lạc; vô trú, dạ tưởng. Ư chư chúng sanh, kỳ tâm bình đẳng cố vô phụ mẫu, thân, sở đẳng tướng.

Hựu anh nhi giả, bất năng tạo tác đại, tiểu chư sự. Bồ Tát *ma-ha-tát* diệc phục như thị. Bồ Tát bất tạo sanh tử tác nghiệp; thị danh bất tác đại sự. Đại sự giả, tức ngũ nghịch dã. Bồ Tát *ma-ha-tát* chung bất tạo tác ngũ nghịch trọng tội. Tiểu sự giả, tức nhị thừa tâm. Bồ Tát chung bất thối *Bồ-đề* tâm nhi tác Thanh văn, *Bích-chi* Phật thừa.

Hựu anh nhi hạnh giả, như bỉ anh nhi đề khốc chi thời, phụ mẫu tức dĩ dương thọ hoàng diệp, nhi ngư chi ngôn: Mạc đề! Mạc đề! Ngã dữ nhữ kim. Anh nhi kiến dĩ, sanh chân kim tướng, tiện chỉ bất đề. Nhiên thủ dương diệp thật phi kim dã. Mộc ngư, mộc mã, mộc nam, mộc nữ, anh nhi kiến dĩ, diệc phục sanh ư nam, nữ đẳng tướng, tức chỉ bất đề. Thật phi nam, nữ, dĩ tác như thị nam, nữ tướng cố, danh viết anh nhi. Như Lai diệc nhĩ; nhược hữu chúng sanh dục tạo chúng ác, Như Lai vị thuyết tam thập tam thiên, thường, lạc, ngã, tịnh, đoan chánh, tự tứ, ư diệu cung điện, thọ ngũ dục lạc; lục căn sở đối, vô phi thị lạc. Chúng sanh văn hữu như thị lạc cố, tâm sanh tham lạc, chỉ bất vi ác, cần tác tam thập tam thiên thiện nghiệp! Thật thị sanh tử, vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Vị độ chúng sanh, phương tiện thuyết ngôn: thường, lạc, ngã, tịnh.

Hựu anh nhi giả, nhược hữu chúng sanh, yếm sanh tử thời, Như Lai tác vị thuyết ư nhị thừa. Nhiên thật vô hữu nhị thừa chi thật. Dĩ nhị thừa cố, tri sanh tử quá, kiến *Niết-bàn* lạc. Dĩ thị kiến cố, tác năng tự tri hữu đoan, bất đoan, hữu chân, bất chân, hữu tu, bất tu, hữu đắc, bất đắc.

善男子。如彼嬰兒於非金中而生金想。如來亦爾。於不淨中而說為淨。如來已得第一義故則無虛妄。

如彼嬰兒於非牛馬作牛馬想。若有眾生於非道中作真道想。如來亦說非道為道。非道之中實無有道。以能生道微因緣故說非道為道。

如彼嬰兒於木男女生男女想。如來亦爾。知非眾生說眾生想。而實無有眾生相也。若佛如來說無眾生。一切眾生則墮邪見。是故如來說有眾生。於眾生中作眾生想者。則不能破眾生相也。若於眾生破眾生相者。是則能得大般涅槃。以得如是大涅槃故止不啼哭。是名嬰兒行。

善男子。若有男女受持讀誦書寫解說是五行者。當知是人必定當得如是五行。

迦葉菩薩白佛言。世尊。如我解佛所說義者。我亦定當得是五行。

佛言。善男子。不獨汝得如是五行。今此會中九十三萬人亦同於汝得是五行。

## 大般涅槃經卷第二十

終

Thiện nam tử! Như bỉ anh nhi, ư phi kim trung, nhi sanh kim tướng. Như Lai diệc nhĩ. Ư bất tịnh trung, nhi thuyết vi tịnh. Như Lai dĩ đắc đệ nhất nghĩa cố, tắc vô hư vọng.

Như bỉ anh nhi, ư phi ngư, mã, tác ngư, mã tướng. Nhược hữu chúng sanh, ư phi đạo trung, tác chân đạo tướng; Như Lai diệc thuyết phi đạo vi đạo. Phi đạo chi trung, thật vô hữu đạo. Dĩ năng sanh đạo vi nhân duyên cố, thuyết phi đạo vi đạo.

Như bỉ anh nhi, ư mộc nam, nữ, sanh nam, nữ tướng. Như Lai diệc nhĩ; tri phi chúng sanh, thuyết chúng sanh tướng. Nhi thật vô hữu chúng sanh tướng dã. Nhược Phật Như Lai thuyết vô chúng sanh, nhất thiết chúng sanh tắc đọa tà kiến. Thị cố Như Lai thuyết hữu chúng sanh. Ư chúng sanh trung, tác chúng sanh tướng giả, tắc bất năng phá chúng sanh tướng dã. Nhược ư chúng sanh, phá chúng sanh tướng dã, thị tắc năng đắc Đại Bát Niết-bàn. Dĩ đắc như thị Đại Niết-bàn cố, chỉ bất đề khóc. Thị danh anh nhi hạnh.

Thiện nam tử! Nhược hữu nam, nữ thọ trì, độc, tụng, thơ tả, giải thuyết thị ngũ hạnh giả, đương tri thị nhân tất định đương đắc như thị ngũ hạnh.

*Ca-diếp* Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa giả, ngã diệc định đương đắc thị ngũ hạnh.

Phật ngôn: Thiện nam tử! Bất độc nữ đắc như thị ngũ hạnh, kim thử hội trung, cửu thập tam vạn nhân diệc đồng ư nữ, đắc thị ngũ hạnh.

## Đại Bát Niết-bàn Kinh quyển đệ nhị thập Chung

# KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

## QUYỂN HAI MƯƠI<sup>(1)</sup>

### PHẨM HẠNH THANH TỊNH

#### Phẩm thứ tám - Phần sáu

**B**ấy giờ, đức Thế Tôn đang ở chỗ hai cây sa-la mọc sòng đôi, thấy được việc vua A-xà-thế té nhào xuống đất bất tỉnh liền bảo đại chúng rằng: “Nay ta vì vua A-xà-thế mà sẽ trụ thế đến vô lượng kiếp, không nhập Niết-bàn.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Như Lai nên vì vô lượng chúng sanh mà không nhập Niết-bàn, sao lại chỉ riêng vì vua A-xà-thế?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Trong đại chúng này không một ai cho rằng ta nhất định sẽ nhập Niết-bàn; chỉ có vua A-xà-thế tin chắc rằng ta sẽ vĩnh viễn tịch diệt, nên mới té nhào xuống đất bất tỉnh.

“Thiện nam tử! Như lời ta nói: ‘Vì vua A-xà-thế mà không nhập Niết-bàn,’ ý nghĩa sâu kín như thế ông chưa thể hiểu nổi. Vì sao vậy? Ta nói ‘vì’, đó là vì hết thảy những kẻ phạm phu, [nghĩa là] vua A-xà-thế cùng với tất cả những ai phạm vào năm tội nghịch.

“Lại nữa, nói ‘vì’ tức là vì hết thảy chúng sanh hữu vi. Ta không bao giờ vì những chúng sanh vô vi mà trụ thế. Vì sao vậy? Vô vi chẳng phải là chúng sanh.

“Nói A-xà-thế là chỉ chung [tất cả] những người có đủ các loại phiền não. Lại nữa, nói ‘vì’ tức là vì những chúng sanh chưa thấy được tánh Phật. Nếu ai thấy được tánh Phật, ta không bao giờ vì họ mà ở lâu nơi thế gian. Vì sao vậy? Thấy được tánh Phật thì không còn là chúng sanh.

“Nói A-xà-thế cũng là nói hết thảy những ai chưa phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Lại nữa, nói ‘vì’ tức là vì hai chúng đệ tử của A-nan và Ca-diếp. Nói A-xà-thế đó cũng tức là chỉ chung hoàng hậu, cung phi mỹ nữ trong hậu cung vua A-xà-thế cùng với hết thảy phụ nữ trong thành Vương Xá.

“Lại nữa, nói ‘vì’ đó tức là tánh Phật; nói A-xà đó tức là không sanh; nói thế đó tức là oán thù. Vì không sanh tánh Phật nên oán thù là phiền não sanh ra; vì oán thù phiền não sanh ra nên không thấy tánh Phật. Nhờ không sanh phiền não nên chắc chắn thấy được tánh Phật; nhờ thấy được tánh Phật nên được trụ yên nơi Đại Niết-bàn. Đó gọi là không sanh. Vì thế nên ta nói là ‘vì A-xà-thế’.

“Thiện nam tử! Nói A-xà đó gọi là không sanh; nói không sanh gọi là Niết-bàn. Nói thế gọi là pháp thế gian. Nói ‘vì’ đó, gọi là không ô nhiễm. Vì tám pháp<sup>(2)</sup> của thế gian không làm ô nhiễm được nên trong vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp không nhập Niết-bàn. Vì thế nên ta nói là ‘vì vua A-xà-thế mà trong vô lượng ức kiếp không nhập Niết-bàn’.

“Thiện nam tử! Lời nói sâu kín của Như Lai không thể nghĩ bàn. Phật, Pháp, Tăng cũng không thể nghĩ bàn. Bồ Tát ma-ha-tát cũng không thể nghĩ bàn. Kinh Đại Niết-bàn cũng không thể nghĩ bàn!”

Bấy giờ, bậc Đạo sư Đại bi Thế Tôn liền vì vua A-xà-thế mà nhập tam-muội Nguyệt Ái. Khi nhập tam-muội ấy rồi liền phóng ra hào quang chói sáng. Hào quang ấy trong sạch mát mẻ, chiếu đến chỗ thân vua, [khiến cho] những ghê độc liền được khỏi, hơi nóng tích tụ đều dứt sạch.

Vua tự biết ghê độc đã khỏi, thân thể sạch sẽ, mát mẻ, liền bảo Kỳ-bà: “Ta từng nghe nói rằng, khi kiếp số sắp tận sẽ ba mặt trăng cùng hiện ra. Trong lúc ấy, hoạn khổ của tất cả chúng sanh đều dứt hết. Nhưng nay thời kỳ ấy chưa đến, vậy hào quang này từ đâu chiếu ra mà khi chạm vào thân ta lại khiến cho nổi khổ vì ghê độc lập tức dứt trừ, thân thể được an vui?”

Kỳ-bà tâu: “Đại vương! Đây chẳng phải lúc kiếp tận, ba mặt trăng cùng chiếu. Cũng chẳng phải ánh lửa, mặt trời, tinh tú, cỏ thuốc, hạt châu quý hay hào quang chư thiên.”

Vua lại hỏi: “Nếu hào quang này chẳng phải do ba mặt trăng cùng chiếu, cũng chẳng phải do ánh sáng của hạt châu quý... vậy là hào quang của ai?”

Kỳ-bà thưa: “Đại vương nên biết, đó là hào quang do đức Thiên Trung Thiên<sup>(3)</sup> chiếu ra. Hào quang ấy không có nguồn gốc, không có giới hạn, không nóng, không lạnh, không phải thường, không phải diệt, không phải sắc, không phải vô sắc, không phải tướng, không phải vô tướng, không xanh, không vàng, không đỏ, không trắng... Vì muốn độ chúng sanh nên khiến cho chúng sanh có thể nhìn thấy được, có hình tướng để mô tả, có nguồn gốc, có giới hạn, có nóng, có lạnh, có xanh, vàng, đỏ, trắng... Đại vương! Hào quang ấy tuy là như vậy,

nhưng thật không thể mô tả, không thể nhìn thấy, cho đến không có xanh, vàng, đỏ, trắng...”

Vua hỏi: “Kỳ-bà! Vì nhân duyên gì mà đức Thiên Trung Thiên phóng ra hào quang ấy?”

Kỳ-bà tâu: “Đại vương! Điềm lành hôm nay là vì đại vương đó. Trước đây đại vương có nói rằng thế gian không có vị lương y nào liệu trị được [bệnh khổ trong] thân tâm của ngài, nên [đức Phật] phóng hào quang này trước để trị lành thân thể, sau đó mới liệu trị trong tâm cho ngài.”

Vua lại hỏi: “Kỳ-bà! Như Lai Thế Tôn cũng biết được ý nghĩ ấy [của ta] sao?”

Kỳ-bà đáp: “Ví như một người có bảy đứa con. Trong bảy đứa con ấy, có một đứa mắc bệnh. Lòng cha mẹ không phải là không bình đẳng, nhưng đối với đứa con có bệnh ắt phải có phần đặt nặng hơn.

“Đại vương! Như Lai cũng thế, đối với chúng sanh ngài không phải là không bình đẳng. Nhưng đối với người có tội ắt phải thương tưởng đến nhiều hơn. Đối với những kẻ phóng túng buông thả, Phật sẽ đem lòng từ mà nhớ tưởng đến. Đối với người không phóng túng buông thả, lòng Phật ắt buông xả không lo. Những ai là không phóng túng buông thả? Đó là nói hàng Bồ Tát trụ ở sáu địa vị.<sup>(4)</sup>

“Đại vương! Chư Phật Thế Tôn đối với chúng sanh không phân biệt chủng tộc, tuổi tác già, trẻ hoặc trung niên; nghèo khó hay giàu sang, cũng không phân biệt thời tiết, mặt trời, mặt trăng, tinh tú, người khéo léo, kẻ hạ tiện, tôi trai, tớ gái... chỉ quán xét lòng lành của

chúng sanh. Nếu ai có lòng lành, Phật đều đem lòng từ mà hộ niệm.

“Đại vương nên biết, điềm lành này là ánh hào quang Như Lai phóng ra trong khi nhập tam-muội Nguyệt ái.”

Vua hỏi: “Sao gọi là phép tam-muội Nguyệt ái?”

Kỳ-bà đáp: “Ví như ánh sáng mặt trăng có thể khiến cho tất cả hoa ưu-bát-la đều nở ra tươi sáng. Phép tam-muội Nguyệt ái cũng giống như vậy, có thể khiến cho căn lành của chúng sanh khai mở. Vì thế nên gọi là phép tam-muội Nguyệt ái.

“Đại vương! Ví như ánh sáng mặt trăng có thể khiến cho tất cả những người đi đường sanh lòng vui thích. Phép tam-muội Nguyệt ái cũng giống như vậy, có thể khiến cho những người tu tập tâm đạo Niết-bàn sanh lòng hoan hỷ. Vì thế nên gọi là phép tam-muội Nguyệt ái.

“Đại vương! Ví như mặt trăng từ đầu tháng cho đến đêm rằm, hình dáng và độ sáng cứ tăng dần. Phép tam-muội Nguyệt ái cũng giống như vậy, khiến cho căn lành của người mới phát tâm cứ dần dần tăng trưởng, cho đến được đầy đủ Đại Bát Niết-bàn. Vì thế nên gọi là phép tam-muội Nguyệt ái.

“Đại vương! Ví như mặt trăng từ sau đêm rằm cho đến cuối tháng, hình dáng và độ sáng cứ giảm dần. Phép tam-muội Nguyệt ái cũng giống như vậy, hào quang chiếu đến nơi nào thì khiến cho các phiền não dần dần diệt mất. Vì thế nên gọi là phép tam-muội Nguyệt ái.

“Đại vương! Ví như lúc thời tiết nóng nực, hết thấy chúng sanh thường nhớ đến ánh sáng mặt trăng. Khi

ánh trăng chiếu sáng thì sự nóng nực liền dứt mất. Phép tam-muội Nguyệt ái cũng giống như vậy, có thể giúp cho chúng sanh trừ dứt sự khổ não nóng nảy do lòng tham dục.

“Đại vương! Ví như mặt trăng tròn là vua của các tinh tú, là món cam lộ mà tất cả chúng sanh ưa thích. Phép tam-muội Nguyệt ái cũng giống như vậy, là vua trong các điều lành, là món cam lộ mà tất cả chúng sanh ưa thích. Vì thế nên gọi là phép tam-muội Nguyệt ái.”

Vua A-xà-thế nói: “Trẫm nghe rằng Như Lai không cùng đi đứng, nằm ngồi, nói năng, trò chuyện với những kẻ xấu ác, cũng như biển lớn không giữ lại xác chết, như chim uyên ương không đậu nơi nhà xí,<sup>(5)</sup> như Thích-đề-hoàn-nhân không ở chung với loài quý, như chim cưu-sí-la không đậu trên cây khô. Như Lai cũng thế, [không gần gũi những kẻ xấu ác]. Nay ta làm sao có thể đến gặp ngài? Ví như có được gặp rồi, thì thân ta đây há chẳng phải sắp đọa vào địa ngục đó sao? Ta thấy rằng đức Như Lai thà gần gũi với voi say, sư tử, cọp, sói, lửa dữ bùng bùng, chứ không bao giờ gần gũi những kẻ tội ác nặng nề. Nay ta nghĩ thế, còn lòng dạ nào đến đó gặp đức Như Lai?”

Kỳ-bà thưa: “Đại vương! Như người khát nước phải mau tìm đến suối nước trong, người đói cầu được thức ăn, người sợ hãi cầu cứu giúp, người bệnh cầu gặp lương y, người nóng nực cầu chỗ mát mẻ, người rét lạnh cầu được lửa ấm. Nay vua cầu Phật cũng nên cầu như vậy.

“Đại vương! Như Lai còn vì kẻ nhất-xiển-đề mà diễn giảng pháp yếu, hướng chỉ đại vương chẳng phải nhất-xiển-đề, sao lại không mong được đức từ bi cứu độ?”

Vua nói: “Kỳ-bà! Ta từng nghe rằng, kẻ nhất-xiển-đê không có lòng tin, không chịu nghe, không chịu quan sát, không hiểu nghĩa lý. Vì sao Như Lai lại vì họ mà thuyết pháp?”

Kỳ-bà đáp: “Đại vương! Ví như có người mắc bệnh nặng, đêm nằm mộng thấy mình đi lên cung điện một cột, ăn những kem sữa, dầu, mỡ và dùng những chất ấy thoa lên thân mình, nằm lên tro, ăn tro, trèo lên cây khô; hoặc cùng đi chơi, cùng ngồi, nằm với loài khỉ; hoặc chìm xuống nước, ngập dưới bùn lầy; hoặc té từ trên lầu cao, núi cao; hoặc thấy rừng cây, voi, ngựa, bò, dê; hoặc thấy mặc áo xanh, vàng, đỏ, đen, cười đùa, ca múa; hoặc thấy các loài chim ó, chồn cáo, thấy răng rụng, tóc rụng, hình thể lỏa lồ gối đầu trên mình chó, nằm trong phần dơ, lại cùng với những người đã chết đi, đứng, nằm, ngồi, nắm tay nhau ăn uống; hoặc thấy phải đi qua đường đầy rắn độc; hoặc thấy cùng với người đàn bà xoa tóc ôm ấp nhau, dùng lá cây đa-la làm quần áo; hoặc thấy cưỡi chiếc xe lừa hư hỏng mà đi về hướng nam...

“Người ấy nằm mộng như vậy rồi, sanh lòng sầu não. Vì sầu não nên thân bệnh càng tăng. Vì bệnh nặng thêm nên thân thuộc trong nhà bèn cho người đi mời lương y. Người được sai đi mời lương y có hình thể lùn thấp, các căn chẳng đủ, đầu tóc rối bời bám đầy bụi đất, mặc áo cũ rách, đi xe hư xấu, đến nơi nói với lương y rằng: ‘Ông mau mau lên xe!’

“Lúc ấy, lương y liền tự suy xét rằng: ‘Nay người đi mời ta tướng mạo không tốt đẹp, nên biết rằng bệnh nhân rất khó trị.’ Rồi lại xét rằng: ‘Cho dù người đi mời ta không được xinh đẹp, cũng nên xem qua ngày để biết có thể trị bệnh được hay chẳng.’ Nếu rơi vào các ngày

mồng bốn, mồng sáu, mồng tám, mười hai, mười bốn thì biết bệnh cũng khó trị. Rồi [lương y ấy] lại xét rằng: ‘Cho dù ngày chẳng được tốt, cũng nên xem thiên văn để biết có thể trị bệnh được chẳng.’ Nếu xem rồi thấy rơi vào sao Hỏa, sao Khuê, sao Mão, sao Diêm-la vương, sao Thấp, sao Mãn, những sao như vậy thì bệnh cũng khó trị. Rồi [lương y ấy] lại xét rằng: ‘Cho dù xem sao chẳng được tốt, cũng nên xem qua thời tiết.’ Nếu rơi vào mùa thu, mùa đông, khi mặt trời lặn, lúc nửa đêm, khi trăng lặn, nên biết những lúc ấy bệnh cũng khó trị.

“Rồi [lương y ấy] lại nghĩ rằng: ‘Cho dù các tướng như thế đều chẳng tốt, nhưng có khi là đúng, cũng có khi là không đúng, ta nên đến xem qua người bệnh. Nếu có phước đức thì có thể trị được. Nếu không có phước đức thì điềm tốt cũng có ích gì?’ Nghĩ như vậy rồi liền cùng đi với người nhà bệnh nhân. Trên đường đi lại suy nghĩ rằng: ‘Nếu người bệnh kia có tướng trường thọ thì có thể trị được. Nếu là tướng đoản thọ, ắt không thể trị được.’ Ngay khi ấy trên đường đi bỗng thấy hai đứa trẻ đánh nhau, nắm đầu giạt tóc, dùng gạch, đá, dao, gậy mà ném nhau, đánh nhau; lại thấy người cầm lửa, tự nhiên lửa tắt; hoặc thấy người đốn cây, hoặc thấy người kéo lê tấm da thú đi dọc theo đường, hoặc thấy vật rơi trên đường, hoặc thấy người cầm bồn chậu trống không, hoặc thấy thầy sa-môn đi một mình, không có người cùng đi; hoặc thấy cọp, sói, quạ, ó, chồn, cáo... Thấy những việc [xấu] ấy rồi, lại suy nghĩ rằng: ‘Từ người đi mời cho đến mọi hình tướng mà ta thấy trên đường, thấy đều là chẳng lành. Vậy nên biết chắc là khó trị được bệnh.’

“Rồi [lương y ấy] lại nghĩ rằng: ‘Nếu ta không đến thì chẳng phải lương y, nhưng dù có đến cũng không thể trị

được.’ Rồi lại nghĩ rằng: ‘Tuy các tướng như vậy đều là chẳng lành, nhưng hãy tạm bỏ qua, cứ đến chỗ người bệnh trước đã.’ Nghĩ như vậy rồi, liền nghe thấy bên đường vang lên những tiếng như: mất mát, chết chôn, rơi nát, hư gãy, lột da, rớt té, đốt cháy, chẳng đến, không thể liệu trị, không thể cứu giúp... Lại nghe từ hướng nam có những tiếng kêu của quạ, ó, chim xá-lợi, hoặc tiếng chó sủa, chuột kêu, tiếng chôn, thỏ, heo... Nghe những tiếng ấy rồi, ông lại nghĩ: ‘Nên biết rằng bệnh ấy rất khó chữa trị.’

“Bấy giờ, lương y liền vào nhà, thấy bệnh nhân ấy khi lạnh khi nóng từng chập, đau nhức từng lóng xương, mắt đỏ rơi lệ, tai nghe tiếng ngoài xa, yết hầu thất lại và đau, lưỡi hư rách, nhan sắc đen sạm, không tự nhấc đầu lên nổi, thân thể khô héo không có mồ hôi, đại tiện, tiểu tiện đều ngăn bít chẳng thông. Thân thể sưng phù, có sắc hồng, đỏ khác thường. Giọng nói chẳng đều, khi to khi nhỏ. Khắp người nổi lên những mảng màu lẫn lộn xanh, vàng rất lạ. Bụng trướng đầy lên, lời nói không rõ nghĩa.

“Thấy như vậy rồi, lương y mới hỏi để đoán bệnh: ‘Người bệnh này từ trước đến nay ý chí thế nào?’ Đáp rằng: ‘Thưa thầy, người này từ trước vốn kính tin Tam bảo và chư thiên, nhưng nay thay đổi, lòng kính tín không còn nữa. Từ trước vốn thường vui vẻ bố thí, nhưng nay lại keo kiệt, bủn xỉn. Từ trước vốn ăn ít, nhưng nay lại ăn quá nhiều. Từ trước vốn hiền hòa, nhưng nay lại xấu ác. Từ trước vốn thương yêu, hiếu thuận, cung kính cha mẹ, nhưng nay đối với cha mẹ không có lòng cung kính.’

“Lương y nghe vậy rồi, liền đến trước người bệnh để ngửi xem có những mùi như mùi hương ưu-bát-la, mùi hương trầm thủy lãn tạp, mùi hương tất-lăng-ca, mùi

hương đa-già-la, mùi hương đa-ma-la-bạt, mùi hương uất-kim, mùi hương chiêm-đàn, mùi hôi thịt nướng, mùi hôi rượu bồ đào, mùi hôi gân cốt bị đốt, mùi cá tanh, mùi phần thối... hay không. Khi đã biết được mùi của người bệnh rồi, liền đến sờ vào thân người bệnh để xem là mềm mại như lụa, như bông gòn, như hoa kiếp-bối-ta; hoặc cứng như đá, hoặc lạnh như băng, hoặc nóng như lửa, hoặc nhám như cát...

“Lúc ấy, lương y thấy biết hết mọi tướng trạng như vậy rồi, biết chắc là người bệnh sẽ chết, không còn nghi ngờ gì nữa. Nhưng ông cũng không nói chắc rằng: ‘Người này sẽ chết.’ Ông chỉ nói với người nuôi bệnh rằng: ‘Nay tôi có việc gấp phải đi, ngày mai sẽ trở lại. Bệnh nhân có muốn gì xin cứ chiều ý, đừng ngăn cản.’ Rồi ông trở về nhà.

“Hôm sau, người nhà bệnh nhân đến đón, lương y nói rằng: ‘Công việc của tôi chưa xong, thuốc cũng chưa chế được.’ Người có trí nên biết rằng như vậy là bệnh nhân chắc chắn phải chết, không còn nghi ngờ gì nữa.

“Đại vương! Thế Tôn cũng như vậy. Đối với những kẻ nhất-xiển-đề, biết rõ căn tánh nhưng cũng vì họ mà thuyết pháp. Vì sao vậy? Nếu ngài không vì họ mà thuyết pháp thì hết thảy người thế gian đều sẽ nói rằng: ‘Nhu Lai không có lòng đại từ bi. Bởi có lòng từ bi nên mới được xưng là Bạc biết hết tất cả. Nếu không có lòng từ bi, sao được gọi là Bạc biết hết tất cả?’ Vì thế nên Như Lai vì những kẻ nhất-xiển-đề mà thuyết pháp.

“Đại vương! Như Lai Thế Tôn thấy những người bệnh thường ban cho món thuốc Chánh pháp. Nếu người bệnh không chịu uống, đó chẳng phải lỗi của Như Lai!

“Đại vương! Những kẻ nhất-xiển-đề phân ra hai hạng. Một là được căn lành trong hiện tại, hai là được căn lành vào đời sau. Như Lai khéo rõ biết những kẻ nhất-xiển-đề, nên có thể vì những người được căn lành trong hiện tại mà thuyết pháp. Đối với những người sẽ được căn lành vào đời sau ngài cũng thuyết pháp. Tuy hiện thời không ích lợi gì nhưng có thể gieo nhân cho đời sau. Vì thế nên Như Lai vì những người nhất-xiển-đề mà thuyết giảng những điều pháp yếu.

“Những kẻ nhất-xiển-đề lại còn phân ra hai hạng. Một là những người căn tánh lạnh lợi, hai là những người căn tánh trung bình. Những người căn tánh lạnh lợi, trong đời hiện tại có thể được căn lành. Những người căn tánh trung bình, đến đời sau ắt sẽ được căn lành. Chư Phật Thế Tôn không thuyết pháp một cách vô ích.

“Đại vương! Ví như có người sạch sẽ bị rơi xuống hố xí. Bậc tri thức hiền thiện thấy vậy thương xót liền lập tức đến nắm tóc người ấy kéo ra khỏi hố xí. Chư Phật Như Lai cũng giống như vậy, thấy chúng sanh đọa vào ba đường ác liền dùng phương tiện mà cứu giúp, khiến cho được ra khỏi. Cho nên đức Như Lai vì những kẻ nhất-xiển-đề mà thuyết pháp.”

Vua bảo Kỳ-bà: “Nếu quả đúng Như Lai là như vậy, ngày mai ta sẽ chọn ngày tốt giờ lành rồi mới đến gặp ngài.”

Kỳ-bà tâm rằng: “Đại vương! Trong giáo pháp của Như Lai không có sự lựa chọn ngày tốt giờ lành. Đại vương! Như người mang bệnh nặng còn chẳng xem ngày giờ, thời tiết lành dữ, chỉ cầu được lương y. Nay vua cũng

mang bệnh nặng, cầu vị lương y là Phật, không nên lựa chọn ngày tốt giờ lành.

“Đại vương! Như lửa từ cây chiên-đàn và cây y-lan<sup>(6)</sup> cũng đều có tính chất thiêu đốt, chẳng khác gì nhau. Ngày lành ngày dữ cũng là như vậy. Nếu tìm đến chỗ Phật thì dù là ngày nào cũng được dứt trừ tội lỗi. Xin đại vương ngay hôm nay hãy mau đến đó.”

Lúc ấy, vua liền cho gọi một viên quan tên là Cát Tường, bảo rằng: “Ông nên biết là nay ta muốn đi đến chỗ đức Phật Thế Tôn. Hãy mau chóng sắp đặt đầy đủ những phẩm vật cúng dường.”

Viên quan tâm rằng: “Đại vương! Lành thay, lành thay! Những phẩm vật cúng dường thầy đều đã có đủ.”

Vua A-xà-thế và phu nhân ngự giá ra đi, có mười hai ngàn cỗ xe theo hầu nghiêm trang, lại có đến năm mươi ngàn thớt voi lớn đẹp đi theo. Trên mỗi thớt voi đều có ba người ngồi, cầm những thứ phướn, lọng, hương, hoa, kỹ nhạc... Các phẩm vật cúng dường đầy đủ, không thiếu món gì. Quân cưỡi ngựa theo hầu có đến một trăm tám mươi ngàn. Nhân dân nước Ma-già-đà nhanh chóng tụ tập đi theo vua có đến năm trăm tám mươi ngàn người.

Lúc ấy, hết thầy đại chúng ở thành Câu-thi-na trong khoảng mười hai do-diên<sup>(7)</sup> đều được trông thấy vua A-xà-thế từ xa cùng với quyến thuộc trên đường nhanh chóng đi về hướng Phật.

Bấy giờ, đức Phật bảo đại chúng rằng: “Nhân duyên gần gũi của hết thầy chúng sanh muốn cầu quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề không gì hơn bạn tốt. Vì sao vậy? Vua A-xà-thế nếu chẳng nghe lời Kỳ-bà thì ngày

mông bảy tháng tới đây chắc chắn sẽ phải chết, đọa vào địa ngục A-tỳ. Vì thế, nhân duyên gần gũi không có gì hơn bạn tốt!”

Vua A-xà-thế trên đường đi lại nghe rằng: Vua Tỳ-lưu-ly ở Xá-bà-đề đi thuyền ra biển gặp nạn lửa mà chết; tỳ-kheo Cồ-ca-ly đang còn sống bị chìm sâu xuống đất đến tận địa ngục A-tỳ; Tu-na-sát-đa làm đủ mọi việc ác, nhờ đến chỗ Phật mà trừ diệt hết mọi tội lỗi.

“Nghe những việc ấy rồi, vua bảo Kỳ-bà: ‘Nay tuy ta nghe hai việc khác nhau ấy,<sup>(8)</sup> nhưng chưa biết chắc là có đúng thật hay không. Kỳ-bà hãy đến đây, ta muốn cùng với khanh ngồi chung một thớt voi. Ví như ta có phải rơi xuống địa ngục A-tỳ, khanh hãy nắm giữ ta lại, đừng để ta rơi xuống. Vì sao vậy? Trước đây ta có nghe rằng người đắc đạo thì không phải vào địa ngục.’<sup>(9)</sup>”

Bấy giờ, đức Phật bảo đại chúng rằng: “Vua A-xà-thế vẫn còn tâm nghi. Nay ta sẽ vì vua ấy mà khiến cho sanh tâm quyết định.”

Lúc ấy, trong chúng hội có một vị Bồ Tát tên là Trì Nhất Thiết bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Như trước đây Phật có dạy, hết thảy các pháp đều không có tướng nhất định, ấy là: sắc không có tướng nhất định, cho đến Niết-bàn cũng không có tướng nhất định. Tại sao hôm nay Như Lai nói là sẽ vì vua A-xà-thế mà làm cho sanh tâm quyết định?”

Phật dạy: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Nay ta định làm cho vua A-xà-thế sanh tâm quyết định. Vì sao vậy? Nếu tâm nghi của vua có thể bị phá hoại thì nên biết rằng các pháp không có tướng cố định. Vì vậy

nên ta vì vua A-xà-thế mà làm cho [ông ấy] sanh tâm quyết định. Nên biết rằng tâm ấy là không cố định.

“Thiện nam tử! Nếu tâm của vua ấy là cố định thì tội nghịch của vua làm sao có thể phá trừ? Bởi không có tướng cố định, nên tội của vua mới có thể phá trừ được. Vì vậy nên ta mới vì vua A-xà-thế mà làm cho sanh tâm quyết định.”

Bấy giờ, vua A-xà-thế đi đến chỗ hai cây sa-la mọc sòng đôi, đến tận chỗ Phật rồi chiêm ngưỡng Như Lai với ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, như một tòa núi bằng vàng ròng đẹp đẽ mầu nhiệm.

Lúc ấy, đức Thế Tôn phát ra tiếng nói có tám loại âm thanh<sup>(10)</sup> gọi rằng: “Đại vương!”

Vua A-xà-thế ngay khi đó liền quay nhìn hai bên, nghĩ rằng: “Trong đại chúng đây, có ai là đại vương? Ta đã là người đã phạm tội, lại không có phước đức, Như Lai hẳn không gọi ta là đại vương!”

Lúc ấy, Như Lai lại gọi một lần nữa: “Đại vương A-xà-thế!”

Vua nghe như vậy rồi hết sức vui sướng, liền nói rằng: “Hôm nay Như Lai đoái tưởng đến con mà trò chuyện, khiến con biết chắc rằng Như Lai đối với chúng sanh thật có lòng đại bi thương xót bình đẳng như nhau.”

Vua liền bạch Phật: “Thế Tôn! Nay tâm nghi của con đã dứt hẳn. Con biết chắc rằng Như Lai thật là bậc đại sư cao trội hơn hết của tất cả chúng sanh.”

Lúc ấy, Bồ Tát Ca-diếp nói với Bồ Tát Trì Nhất Thiết: “Như Lai đã khiến cho vua A-xà-thế có tâm quyết định.”

Bấy giờ, vua A-xà-thế bạch Phật: “Thế Tôn! Ví như con được đứng ngồi, ăn uống cùng với đấng Phạm vương, Thích-đề-hoàn-nhân, cũng không lấy làm vui sướng, nhưng được gặp đức Như Lai, được Như Lai gọi đến một tiếng, thật hết sức hân hoan vui sướng.”

Vua A-xà-thế khi đó liền đem những phướn, lọng, hoa, hương, kỹ nhạc... mang theo dâng lên cúng dường, lễ bái dưới chân Phật và đi nhiễu quanh ba vòng cung kính về bên phải. Lễ kính xong liền ngồi sang một bên.

Lúc ấy, Phật dạy vua A-xà-thế: “Đại vương! Nay ta vì ông mà nói ra chỗ cốt yếu của Chánh pháp. Ông hãy hết lòng lắng nghe cho kỹ, lắng nghe cho kỹ!

“Người phạm phu thường nên chú tâm quán xét thân mình có hai mươi việc:

1. Trong thân này vốn là trống không, không có các phiền não.
2. Trong thân này không có cội gốc của những căn lành.
3. Thân này đang ở trong sanh tử, chưa được điều thuận.
4. Thân này như rơi xuống hố sâu, không có nơi nào mà không đáng sợ.
5. Thân này biết dùng phương tiện gì để thấy được tánh Phật?
6. Thân này làm thế nào tu định để thấy được tánh Phật?
7. Thân này ở trong sanh tử thường chịu khổ, không có thường, ngã, tịnh.

8. Tám nạn<sup>(11)</sup> là khó tu, nhưng thân này rất khó tránh xa [tám nạn ấy].<sup>(12)</sup>
9. Thân này thường bị những kẻ oán thù truy đuổi.<sup>(13)</sup>
10. Trong thân này không có pháp nào có thể ngăn được các pháp hiện hữu.<sup>(14)</sup>
11. Thân này đối với ba đường ác<sup>(15)</sup> còn chưa được giải thoát.
12. Thân này có đủ mọi thứ tà kiến xấu ác.<sup>(16)</sup>
13. Thân này cũng chưa được tạo lập<sup>(17)</sup> để có thể vượt qua năm nghịch.<sup>(18)</sup>
14. Thân này ở trong vòng sanh tử không bờ bến chưa vượt qua được.
15. Thân này nếu không tạo các nghiệp thì không phải chịu quả báo.
16. Thân này tự làm tự chịu, không có việc mình làm mà người khác phải nhận chịu quả báo.
17. Thân này nếu chẳng gieo nhân an vui thì không bao giờ được quả an vui.
18. Thân này nếu có tạo nghiệp thì nghiệp quả ấy không bao giờ mất.
19. Thân này do vô minh mà sanh ra, cũng do vô minh mà diệt đi.
20. Thân này trước đây, hiện nay và mai sau thường phóng túng buông thả.

“Đại vương! Người phạm phu thường nên thực hành hai mươi phép quán như vậy đối với thân này. Quán

xét như vậy rồi thì không còn ưa thích sanh tử. Không còn ưa thích sanh tử, ắt sẽ được hai phép chỉ và quán.<sup>(19)</sup> Bây giờ sẽ lần lượt quán các tướng sanh, trụ và diệt của tâm. Lần lượt quán các tướng sanh, trụ và diệt của tâm rồi lại quán các tướng của định, tuệ, tinh tấn, giới cũng giống như vậy. Quán các tướng sanh, trụ, diệt rồi thì rõ biết các tướng của tâm cho đến các tướng của giới. Bây giờ sẽ không bao giờ làm các việc ác, không còn sợ chết, không sợ ba đường ác. Nếu không chú tâm quán sát hai mươi việc như vậy, trong lòng sẽ phóng túng buông thả, không điều ác nào không làm.”

Vua A-xà-thế thưa: “Theo như con hiểu nghĩa Phật vừa nói, từ trước đến nay con chưa từng quán sát hai mươi việc như vậy nên mới làm mọi việc ác. Vì làm mọi việc ác nên phải sợ chết, sợ ba đường ác.

“Thế Tôn! Tự con chuốc lấy tai ương, đã làm việc ác lớn lao như thế này: Cha con không có tội, con ngỗ nghịch giết hại. Nay đối với hai mươi việc ấy, dù có quán xét hay không thì cũng nhất định sẽ đọa vào địa ngục A-tỳ.”

Phật dạy: “Đại vương! Tánh và tướng của hết thảy các pháp đều là vô thường, không có sự nhất định. Vì sao vua lại nói rằng nhất định sẽ đọa vào địa ngục A-tỳ?”

Vua A-xà-thế bạch Phật: “Thế Tôn! Nếu hết thảy các pháp đều không có tướng nhất định thì tội giết hại của con hẳn cũng là không nhất định. Nếu tội giết hại là nhất định thì hết thảy các pháp ắt chẳng phải là không nhất định.”

Phật dạy: “Đại vương! Lành thay, lành thay! Chư Phật Thế Tôn dạy rằng hết thảy các pháp đều không có

tướng nhất định. Vua lại có thể biết rằng việc giết hại cũng là không nhất định. Vậy nên biết rằng việc giết hại không có tướng nhất định.

“Đại vương! Như lời vua vừa nói, vua cha không có tội nhưng ngài đã ngỗ nghịch giết hại. Vậy cha đó là gì? Chẳng qua là cái tên gọi giả tạo, chúng sanh đối với năm ấm mà hư vọng cho đó là cha. Trong mười hai nhập, mười tám giới, cái gì là cha? Nếu sắc là cha, thì bốn ấm kia lẽ ra không phải. Nếu bốn ấm kia là cha, thì sắc lẽ ra không phải. Nếu sắc và không phải sắc hợp lại là cha thì không có lý. Vì sao vậy? Vì tánh của sắc và không phải sắc không hợp lại.

“Đại vương! Chúng sanh phạm phu đối với sắc ấm lại hư vọng cho đó là cha! Cái sắc ấm như vậy cũng không thể bị giết hại. Vì sao vậy? Vì có mười loại sắc. Trong mười loại ấy, chỉ có một loại có thể nhìn thấy, có thể cầm nắm, có thể cân đong, có thể đo lường, có thể lôi kéo, buộc trói. Tuy có thể nhìn thấy... cho đến có thể buộc trói, nhưng tánh vốn chẳng trụ. Vì chẳng trụ nên không thể thấy, không thể cầm nắm, cân lường, lôi kéo, buộc trói. Tướng của sắc là như vậy, làm sao có thể giết hại? Nếu sắc là ‘cha’, là có thể giết, có thể hại, nhận chịu tội báo, thì chín thứ khác lẽ ra không phải. Vì chín thứ kia không phải, nên theo lẽ là không có tội.

“Đại vương! Có ba loại sắc: quá khứ, vị lai và hiện tại. [Sắc của] quá khứ và hiện tại không thể giết hại. Vì sao vậy? Quá khứ đã qua rồi, còn hiện tại trong từng khoảnh khắc luôn nối nhau diệt mất. Vì ngăn cản cái sắc tương lai [hiện hữu] nên gọi là giết. Một cái sắc như vậy, hoặc có thể giết hại, hoặc không thể giết hại. Không giết thì sắc ắt là không nhất định. Nếu cái sắc ấy là không nhất

định, thì việc giết [hại nó] cũng không nhất định. Việc giết hại là không nhất định thì tội báo cũng không nhất định. Vì sao lại nói rằng nhất định phải vào địa ngục?

“Đại vương! Hết thảy những tội nghiệp chúng sanh gây ra có hai loại: một là nhẹ, hai là nặng. Nếu do nơi tâm ý và miệng gây ra thì gọi là nhẹ; nếu do nơi thân, miệng và tâm ý cùng gây ra thì gọi là nặng.

“Đại vương! Trong tâm ý suy nghĩ, miệng nói ra, nhưng thân không làm thì chịu tội báo nhẹ. Ngày trước, miệng của đại vương không ra lệnh giết, chỉ bảo chặt chân. Ví như đại vương có ra lệnh cho quan thị thần chém đứng vua cha, nhưng khi ngồi xuống mới chém thì cũng không có tội. Huống chi vua không ra lệnh, sao lại có tội?<sup>(20)</sup>

“Nếu vua có tội thì chư Phật Thế Tôn lẽ ra cũng phải có tội. Vì sao vậy? Tiên vương Tần-bà-sa-la trước đây thường đối trước chư Phật gieo trồng các căn lành, nên ngày nay mới được ở ngôi vua. Nếu chư Phật không nhận sự cúng dường thì ông ấy đã không được làm vua. Nếu không được làm vua thì đại vương không thể vì muốn trị nước mà giết hại ông ấy. Nếu nay vua giết cha mà có tội, thì chư Phật Thế Tôn theo lẽ cũng phải có tội! Nếu chư Phật Thế Tôn không có tội, vì sao chỉ riêng một mình vua có tội?

“Đại vương! [Trong một tiền kiếp] xưa kia, Tần-bà-sa-la vốn có lòng ác, một hôm đi săn hươu ở núi Tỳ-phú-la, đi đã khắp vùng rừng núi mà không săn được con nào, chỉ gặp một vị tiên<sup>(21)</sup> đã đạt được năm phép thần thông.<sup>(22)</sup> Khi gặp vị tiên ấy rồi, Tần-bà-sa-la sanh lòng giận tức, độc ác, nghĩ rằng: ‘Ta đi săn khắp nơi mà

chẳng được con mồi nào, chính là do người này đã đuổi thú đi hết.’ Liền ra lệnh cho kẻ tả hữu giết chết vị tiên. Người ấy lúc lâm chung sanh lòng giận tức độc ác, mất hết phép thần thông, phát lời thề rằng: ‘Ta thật không có tội mà ông dùng tâm ý và miệng ngang ngược giết hại ta. Trong tương lai ta cũng sẽ làm như ông, cũng sẽ dùng tâm ý và miệng mà giết hại ông.’

“Bấy giờ, vua Tần-bà-sa-la nghe như vậy rồi sanh lòng hối hận, liền cúng dường xác người đã chết. Tiên vương làm như vậy còn được chịu tội nhẹ, không đọa địa ngục, huống chi đại vương nay chẳng như thế, lại đáng đọa địa ngục chịu quả báo sao? Tiên vương tự làm, trở lại tự chịu, vì sao lại khiến cho đại vương phải chịu tội giết hại?

“Theo như lời vua nói là vua cha không có tội. Đại vương! Sao lại nói rằng không? Phạm người có tội, tức có tội báo; người không tạo nghiệp ác, ắt không có tội báo. Tiên vương cha của ngài nếu không có tội, vì sao có quả báo? Tần-bà-sa-la ngay trong đời này có cả quả báo thiện và quả báo ác. Cho nên tiên vương cũng là không nhất định. Vì tiên vương không nhất định nên việc giết hại cũng không nhất định. Việc giết hại đã là không nhất định, vì sao lại nói rằng nhất định vào địa ngục?

“Đại vương! Chúng sanh điên cuồng mê hoặc có bốn loại: một là điên cuồng vì tham lam, hai là điên cuồng vì thuốc độc, ba là điên cuồng vì chú thuật, bốn là điên cuồng vì nghiệp duyên từ trước.

“Đại vương! Trong các đệ tử của ta cũng có bốn loại điên cuồng ấy. Tuy họ làm nhiều việc ác, nhưng ta không bao giờ nói rằng những người này phạm giới. Những việc làm của họ không đưa họ đến ba đường ác. Nếu họ

dứt điên cuồng, được sáng suốt trở lại, cũng không nói rằng họ đã phạm tội. Đại vương vì tham quyền trị nước nên ngộ nghịch giết hại vua cha. Đó là điên cuồng vì tham lam mà làm như vậy, sao lại có tội?

“Đại vương! Ví như người say rượu, ngộ nghịch giết hại mẹ mình. Đến khi tỉnh rượu rồi, sanh lòng hối hận. Nên biết rằng nghiệp như vậy cũng không có quả báo. Vua ngày nay là trong cơn say bởi lòng tham, chẳng phải tự bản tâm muốn làm. Nếu chẳng phải bản tâm làm, sao lại có tội?”

“Đại vương! Ví như người làm ảo thuật, đứng ở ngã tư đường tạo ra các hình ảo hóa như nam, nữ, voi, ngựa, xâu chuỗi, y phục... Kẻ ngu si cho đó là thật, người có trí biết là chẳng phải thật. Việc giết hại cũng như thế. Người phạm phu cho là thật, chư Phật Thế Tôn biết rằng đó chẳng phải thật.

“Đại vương! Ví như trong khe núi có tiếng vang. Kẻ ngu si cho đó là tiếng thật, người có trí biết rằng đó chẳng phải tiếng thật. Việc giết hại cũng vậy, kẻ phạm phu cho là thật, chư Phật Thế Tôn biết rằng đó chẳng phải thật.

“Đại vương! Như người có thù oán nên giả vờ đến thân cận. Kẻ ngu si cho đó thật là thân, người có trí thấu rõ mới biết rằng đó là dối trá. Việc giết hại cũng vậy, kẻ phạm phu cho là thật, chư Phật Thế Tôn biết rằng đó chẳng phải thật.

“Đại vương! Ví như người cầm gương soi tự thấy được hình tượng khuôn mặt mình. Kẻ ngu si cho đó là khuôn mặt thật, người có trí thấu rõ, biết đó chẳng phải thật.

Việc giết hại cũng vậy, kẻ phạm phu cho là thật, chư Phật Thế Tôn biết rằng đó chẳng phải thật.

“Đại vương! Ví như khi nắng nóng có hơi nóng bốc lên lung linh. Kẻ ngu si cho đó là nước, người có trí thấu rõ, biết rằng đó chẳng phải nước. Việc giết hại cũng vậy, kẻ phạm phu cho là thật, chư Phật Thế Tôn biết rằng đó chẳng phải thật.

“Đại vương! Ví như thành quách của loài càn-thát-bà tạo ra,<sup>(23)</sup> kẻ ngu si cho đó là thật, người có trí thấu rõ, biết rằng đó chẳng phải thật. Việc giết hại cũng vậy, kẻ phạm phu cho là thật, chư Phật Thế Tôn biết rằng đó chẳng phải thật.

“Đại vương! Như người nằm mộng thấy được thọ hưởng năm món dục lạc.<sup>(24)</sup> Kẻ ngu si cho đó là thật, người có trí thấu rõ, biết rằng đó chẳng phải thật. Việc giết hại cũng vậy, kẻ phạm phu cho là thật, chư Phật Thế Tôn biết rằng đó chẳng phải thật.

“Đại vương! Về pháp giết hại, nghiệp giết hại, người giết hại, quả báo giết hại cùng với sự giải thoát ta đều rõ biết, ắt là không có tội. Đại vương tuy biết việc giết hại nhưng làm sao lại có tội?”

“Đại vương! Ví như người chủ tiệm rượu, nếu như không uống rượu ắt không thể say. Như người tuy biết về lửa nhưng không [vì thế mà] bị đốt cháy. Đại vương cũng như thế, tuy có biết việc giết hại nhưng làm sao lại có tội?”

“Đại vương! Có những chúng sanh khi mặt trời mọc thì làm đủ mọi tội lỗi, khi trăng mọc lại đi ăn trộm. Nếu mặt trời, mặt trăng không mọc thì họ không tạo tội. Tuy là nhân nơi mặt trời, mặt trăng mà họ tạo tội, nhưng

mặt trời, mặt trăng thật không có tội. Việc giết hại cũng như thế, tuy nhân nơi nhà vua mà có, nhưng vua thật không có tội.

“Đại vương! Như ở trong cung, vua thường sai làm thịt dê, nhưng trong lòng không hề sợ sệt, vì sao riêng đối với chuyện giết vua cha lại sanh lòng sợ sệt? Tuy giữa con người và súc vật có chỗ cao quý và hèn kém khác nhau, nhưng chỗ tham sống sợ chết thì hai bên đều không khác. Vì sao đối với dê lại xem nhẹ không sợ, còn đối với vua cha lại nặng lòng lo âu, buồn khổ?”

“Đại vương! Người thế gian làm tôi tớ cho luyến ái nên không được tự do tùy ý. Do luyến ái sai khiến nên làm chuyện giết hại. Nếu như có quả báo, đó chính là tội của luyến ái. Đại vương không được tự do tùy ý, há có lỗi gì sao?”

“Đại vương! Ví như Niết-bàn, chẳng phải có, chẳng phải không, nhưng cũng là có. Việc giết hại cũng vậy, tuy chẳng phải có, chẳng phải không, nhưng cũng là có. Với người biết hổ thẹn ắt là chẳng phải có, với người không biết hổ thẹn ắt là chẳng phải không. Với người chịu quả báo thì gọi là có. Với người chấp không ắt là chẳng phải có. Với người chấp có, ắt là chẳng phải không. Người có chấp có cũng gọi là có. Vì sao vậy? Người có chấp có thì có quả báo, người không chấp có thì không có quả báo. Với người chấp thường ắt là chẳng phải có, với người chấp vô thường ắt là chẳng phải không. Với người thường giữ thường kiến thì chẳng phải không. Vì sao vậy? Vì người thường giữ thường kiến thì có nghiệp quả ác. Cho nên với người thường giữ thường kiến thì chẳng phải không. Vì những nghĩa ấy, tuy chẳng phải có, chẳng phải không, nhưng cũng là có.

“Đại vương! Nói chúng sanh đó là những hơi thở ra vào, dứt mất hơi thở ra vào thì gọi là giết hại. Chư Phật vì tùy theo người thế gian nên cũng nói là có sự giết hại.

“Đại vương! Sắc là vô thường, nhân duyên của sắc cũng là vô thường. Do nơi nhân vô thường mà sanh ra thì sắc làm sao là thường được? Cho đến thức cũng là vô thường, nhân duyên của thức cũng là vô thường. Do nơi nhân vô thường mà sanh ra thì thức làm sao là thường được? Vì là vô thường cho nên khổ, vì khổ cho nên là không, vì là không cho nên vô ngã. Nếu là vô thường, khổ, không, vô ngã, làm sao có chỗ [gọi là] giết hại?”

“Người giết mất vô thường thì được Niết-bàn thường tồn; giết mất khổ thì được vui; giết mất pháp không thì được pháp thật; giết mất vô ngã thì được chân ngã. Nếu đại vương giết mất vô thường, khổ, không, vô ngã, ắt cũng sánh bằng như ta. Ta cũng giết mất vô thường, khổ, không, vô ngã nhưng không vào địa ngục, sao đại vương lại phải vào?”

Lúc ấy, vua A-xà-thế theo lời Phật dạy mà quán xét từ sắc cho đến thức.<sup>(25)</sup> Sau khi quán xét rồi, liền bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Nay con mới biết rằng sắc là vô thường, cho đến thức cũng là vô thường. Trước đây nếu con biết được như vậy, ắt đã không tạo tội.

“Bạch Thế Tôn! Trước đây con có nghe rằng, chư Phật Thế Tôn thường vì chúng sanh mà làm bậc cha mẹ. Tuy nghe như vậy nhưng con chưa biết có đúng thật hay không. Nay con đã biết chắc đúng là như vậy!

“Thế Tôn! Con cũng từng nghe rằng, núi chúa Tu-di do bốn món báu hợp thành, ấy là: vàng, bạc, lưu ly và pha lê. Nếu có các loài chim tụ tập về đó thì cũng sẽ

có cùng màu sắc như bốn món báu. Tuy nghe như vậy nhưng con chưa biết là có đúng hay không. Nay con đến chỗ Phật cũng như núi chúa Tu-di, liền có cùng một màu sắc với Phật. Vì cùng màu sắc nên biết được rằng các pháp là vô thường, khổ, không, vô ngã.

“Thế Tôn! Con thấy trong thế gian, hạt y-lan sanh ra cây y-lan, không thấy có hạt y-lan nào sanh ra cây chiên-đàn. Nay con mới thấy được hạt y-lan sanh ra cây chiên-đàn. Hạt y-lan tức là thân con đây, mà cây chiên-đàn tức là tâm con, [trước đây] không có cội rễ của lòng tin. Nói không có cội rễ là vì [trước đây] con không biết cung kính Như Lai, không tin Chánh pháp, Chư tăng. Như vậy gọi là không có cội rễ [của lòng tin].

“Bạch Thế Tôn ! Nếu con không gặp Như Lai Thế Tôn thì trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp ắt phải đọa vào địa ngục lớn, chịu vô số sự khổ não. Nay con được gặp Phật, nhờ công đức của việc gặp Phật mà phá tan được hết thảy những phiền não do tâm xấu ác của chúng sanh gây ra.”

Phật dạy: “Đại vương! Lành thay, lành thay! Nay ta biết rằng vua có thể phá tan được tâm xấu ác của chúng sanh.”

Vua A-xà-thế thưa: “Bạch Thế Tôn! Nếu con thật có thể phá tan được các tâm xấu ác của chúng sanh, thì dù con có thường ở tại địa ngục A-tỳ trong vô lượng kiếp, vì chúng sanh mà chịu khổ não lớn cũng không cho đó là khổ.”

Lúc ấy, trong nước Ma-già-đà có vô số nhân dân đều phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Vì có vô số nhân dân phát tâm lớn lao như thế, nên tội nặng của

vua A-xà-thế liền trở nên nhẹ. Vua và phu nhân cùng với những thê nữ ở hậu cung thấy đều phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Lúc ấy, vua A-xà-thế bảo Kỳ-bà: “Nay ta chưa chết mà đã được thân cõi trời, buông bỏ mạng sống ngắn ngủi mà được đời sống lâu dài, buông bỏ cái thân vô thường mà được cái thân thường còn. Ta giúp cho chúng sanh phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, đó là được thân cõi trời. Mạng sống lâu dài và cái thân thường còn tức là được làm đệ tử của hết thảy chư Phật.”

Vua nói như vậy rồi, liền đem các món cờ quý, phướn, lọng, hương, hoa, vòng chuỗi, kỹ nhạc tốt đẹp mà dâng lên cúng dường Phật, rồi đọc kệ tán thán rằng:

Lời chân thật, mầu nhiệm,  
Khéo léo ở nghĩa câu,  
Tặng vô cùng sâu kín,  
Vì đại chúng nói rõ.

Biết bao lời rộng nghĩa,  
Vì đại chúng lược bày.  
Đầy đủ lời như thế,  
Khéo chữa trị chúng sanh.

Nếu có chúng sanh nào,  
Được nghe lời như thế,  
Hoặc tin, hoặc không tin,  
Cũng biết chắc lời Phật.

Phật dùng lời êm ái,  
Vì chúng nên nặng lời.  
Nặng lời hay êm ái,  
Cũng đều nói nghĩa thật.

Vì thế nay con xin,  
 Quy y đức Thế Tôn.  
 Lời Phật đồng một vị,  
 Như nước trong biển lớn,  
 Gọi là nghĩa chân thật,  
 Nên không lời vô nghĩa.  
 Nay Như Lai giảng thuyết  
 Vô lượng, đủ mọi pháp,  
 Dù nam nữ, già trẻ,  
 Nghe rồi hiểu nghĩa thật,  
 Không nhân cũng không quả,  
 Không sanh và không diệt,  
 Đó là đại Niết-bàn,  
 Nghe rồi trừ phiền não.  
 Như Lai vì tất cả,  
 Thường làm bậc cha mẹ.  
 Nên biết các chúng sanh,  
 Đều là con Như Lai.  
 Thế Tôn đại từ bi,  
 Vì chúng mà khổ hạnh.  
 Như người vương quỉ mỵ,  
 Làm nhiều việc cuồng loạn;  
 Nay con được gặp Phật,  
 Ba nghiệp đều được lành.  
 Nguyện đem công đức này,  
 Hướng về đạo vô thượng.  
 Nay con xin cúng dường,  
 Phật, Pháp và Chúng tăng,  
 Nguyện nhờ công đức ấy,  
 Tam bảo thường tại thế.

Hết thảy mọi công đức,  
 Mà nay con sẽ được,  
 Nguyện dùng để phá tan,  
 Bốn ma của chúng sanh.  
 Con gặp phải bạn ác,  
 Nên tạo tội ba đời.  
 Nay sám hối trước Phật,  
 Nguyện từ nay không phạm.  
 Nguyện hết thảy chúng sanh,  
 Đều phát tâm Bồ-đề;  
 Thường chú tâm nghĩ nhớ,  
 Chư Phật khắp mười phương.  
 Lại nguyện cho chúng sanh  
 Dứt hẳn mọi phiền não,  
 Thấy rõ được tánh Phật,  
 Như Bồ Tát Diệu Đức.<sup>(26)</sup>

Lúc ấy, Phật khen ngợi vua A-xà-thế rằng: “Lành thay, lành thay! Nếu người nào có thể phát tâm Bồ-đề, nên biết rằng người ấy là sự trang nghiêm cho đại chúng của chư Phật.

“Thuở xưa đại vương đã từng đối trước Phật Tỳ-bà-thi<sup>(27)</sup> lần đầu phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Trong quãng thời gian từ đó cho đến khi ta ra đời hôm nay, đại vương chưa từng phải đọa vào địa ngục chịu khổ. Đại vương nên biết, chỉ có tâm Bồ-đề mới có được quả báo vô lượng như vậy. Từ nay trở đi đại vương thường nên tinh tấn tu tâm Bồ-đề. Vì sao vậy? Nhờ nhân duyên ấy sẽ tiêu diệt được vô số những điều xấu ác.”

Lúc ấy, vua A-xà-thế và nhân dân cả nước Ma-già-đà cùng đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đi quanh Phật ba vòng cung kính, rồi vua từ biệt trở về cung.

Về Hạnh chư thiên thì như trong kinh Tạp hoa đã giảng nói.<sup>(28)</sup>

## PHẨM HẠNH ANH NHI

### *Phẩm thứ chín*<sup>(29)</sup>

“Thiện nam tử! Vì sao gọi là hạnh Anh nhi?<sup>(30)</sup>

“Thiện nam tử! Không thể khởi dậy, không thể trụ yên, không thể đến, không thể đi, không thể nói năng, đó gọi là trẻ thơ.

“Như Lai cũng như thế. Nói không thể khởi dậy, đó là Như Lai chẳng bao giờ khởi dậy các tướng của pháp. Nói không thể trụ yên, đó là Như Lai không vướng mắc hết thảy các pháp. Nói không thể đến, đó là Như Lai tuy thân có đi nhưng không hề có sự dao động. Nói không thể đi, đó là Như Lai đã đến [và trụ yên] nơi Đại Bát Niết-bàn. Nói không thể nói năng, đó là Như Lai tuy vì hết thảy chúng sanh mà diễn thuyết các pháp nhưng thật không có chỗ thuyết giảng.

“Vì sao vậy? Nếu có chỗ thuyết giảng thì gọi là pháp hữu vi. Như Lai Thế Tôn chẳng phải hữu vi, nên không có chỗ thuyết giảng. Lại nữa, không nói năng đó cũng như đứa trẻ thơ chưa rõ biết ngôn ngữ, tuy có nói nhưng

thật cũng không nói. Như Lai cũng như thế. Chưa rõ biết ngôn ngữ, tức là lời sâu kín của chư Phật, tuy có chỗ nói ra nhưng chúng sanh không hiểu được nên gọi là không nói.

“Lại nữa, trẻ thơ gọi tên vật không chuẩn nhất, chưa biết đúng tên. Tuy gọi tên vật không chuẩn nhất, chưa biết đúng tên, nhưng vẫn nhờ đó mà hiểu biết được vật. Như Lai cũng như thế. Hết thảy chúng sanh ở các địa phương, chủng tộc khác nhau, lời nói khác nhau. Như Lai phương tiện, tùy theo mỗi chúng sanh mà thuyết giảng khác nhau, nhưng cũng khiến cho hết thảy chúng sanh đều nhờ sự thuyết giảng đó mà hiểu được.

“Lại nữa, trẻ thơ có thể nói được những âm chính. Như Lai cũng thế, nói ra những âm chính, như âm bà, âm hòa. Nói hòa tức là hữu vi, nói bà tức là vô vi. Đó gọi là như trẻ thơ. Nói hòa gọi là vô thường, nói bà gọi là hữu thường. Như Lai nói thường, chúng sanh nghe rồi liền vì pháp thường mà trừ bỏ vô thường. Đó gọi là hạnh Anh nhi.

“Lại nữa, trẻ thơ không biết phân biệt khổ, vui, ngày, đêm, cha, mẹ... Bồ Tát ma-ha-tát cũng vậy, vì chúng sanh mà không biết khổ vui, không nghĩ đến đêm ngày. Lòng bình đẳng đối với chúng sanh nên không có các tướng như cha, mẹ, kẻ thân, người sơ...

“Lại nữa, trẻ thơ không thể làm ra mọi việc lớn nhỏ. Bồ Tát ma-ha-tát cũng vậy; không tạo nghiệp sanh tử, gọi là không làm ra việc lớn. Việc lớn đó, tức là năm tội nghịch. Bồ Tát ma-ha-tát không bao giờ làm năm tội nghịch nặng nề. Việc nhỏ đó, tức là tâm Nhị thừa. Bồ

Tát không bao giờ suy mất tâm Bồ-đề mà hướng theo các thừa Thanh văn, Phật Bích-chi.

“Lại nữa, hạnh Anh nhi đó, ví như đứa trẻ thơ kia đang khi kêu khóc, cha mẹ liền lấy chiếc lá cây dương màu vàng đưa cho mà nói rằng: ‘Đừng khóc, đừng khóc! Ta cho con vàng đây.’ Đứa trẻ nhìn thấy tưởng là vàng thật, liền thôi khóc. Nhưng lá cây dương thật chẳng phải vàng. Cho đến trẻ thơ nhìn thấy con bò gỗ, ngựa gỗ, búp bê [có hình] con trai, con gái... cũng đều tưởng đó là bò, ngựa, con trai, con gái... liền nín khóc. Thật không phải là con trai, con gái... mà sanh ra những ý tưởng cho đó là con trai, con gái... Như vậy nên gọi là trẻ thơ.

“Như Lai cũng vậy. Nếu có chúng sanh muốn làm những việc ác, Như Lai bèn vì họ mà nói rằng cõi trời Ba mươi ba<sup>(31)</sup> là thường, lạc, ngã, tịnh, đoan chánh, được tùy ý phóng túng, cư trú trong cung điện xinh đẹp, hưởng thụ năm món dục lạc, chỗ tiếp xúc của sáu căn không gì là không vui thích. Chúng sanh nghe rằng có những sự vui thích như vậy, trong lòng ham muốn liền thôi không làm việc ác, siêng làm các nghiệp lành để được sanh lên cõi trời Ba mươi ba. Nhưng thật ra thì ở đó cũng là nằm trong vòng sanh tử, không có thường, lạc, ngã, tịnh; vì cứu độ chúng sanh nên Phật dùng phương tiện mà nói là có thường, lạc, ngã, tịnh.

“Lại nữa, nói trẻ thơ đó là nếu có chúng sanh chán sợ sanh tử, Như Lai liền vì họ mà giảng thuyết về Hai thừa. Nhưng thật ra không có lẽ chân thật trong Hai thừa. Tuy thế, nhờ vào Hai thừa mà chúng sanh rõ biết

được những tội lỗi trong sanh tử, thấy được sự vui Niết-bàn. Nhờ thấy biết như vậy nên có thể tự phân biệt sự dứt mất, không dứt mất; chân thật, không chân thật; có tu tập, không tu tập; có chúng đắc, không chúng đắc.

“Thiện nam tử! Như đứa trẻ thơ kia, đối với vật không phải là vàng lại tưởng là vàng. Như Lai cũng như vậy, đối với sự bất tịnh mà thuyết dạy là thanh tịnh, nhưng vì Như Lai đã rõ biết nghĩa chân thật rất ráo nên [thuyết dạy như vậy mà] không phải là hư dối.

“Như đứa trẻ thơ kia, tuy không phải là bò, ngựa... lại tưởng là bò, ngựa... Nếu có chúng sanh nào ở nơi không phải đạo mà tưởng là đạo chân thật, Như Lai cũng thuyết dạy rằng chỗ không phải đạo đó là đạo. Nhưng ở nơi không phải đạo thì thật không có đạo! Chỉ vì [thuyết dạy như thế] có thể làm sanh ra nhân duyên rất nhỏ của đạo, nên không phải đạo mà nói đó là đạo.

“Như đứa trẻ thơ kia, ở nơi những búp bê con trai, con gái mà tưởng là con trai, con gái. Như Lai cũng như vậy, tuy rõ biết không phải chúng sanh mà nói chỗ lầm tưởng là chúng sanh; nhưng thật không có tướng chúng sanh. Nếu Phật Như Lai nói rằng không có chúng sanh, hết thấy chúng sanh ắt phải rơi vào tà kiến. Vì thế nên Như Lai nói là có chúng sanh. Người nào ở trong chỗ chúng sanh mà cho rằng đó là chúng sanh thì không thể phá trừ được tướng chúng sanh. Nếu ở trong chỗ chúng sanh mà phá trừ được tướng chúng sanh thì có thể được Đại Bát Niết-bàn. Vì được Đại Bát Niết-bàn như vậy nên thôi không còn kêu khóc [như trẻ thơ]. Đó gọi là hạnh Anh nhi.

“Thiện nam tử! Nếu có kẻ nam, người nữ thọ trì, đọc tụng, sao chép, giảng thuyết năm hạnh<sup>(32)</sup> này, nên biết rằng người ấy nhất định sẽ đạt được năm hạnh như vậy.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Theo con hiểu nghĩa Phật vừa thuyết dạy thì con đây chắc chắn cũng sẽ được năm hạnh này.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Không riêng gì ông được năm hạnh này, mà hôm nay trong chúng hội đây còn có chín trăm ba mươi ngàn người cũng đạt được năm hạnh giống như ông.”

## KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

### HẾT QUYỂN HAI MƯƠI

## CHÚ GIẢI

1. Theo Nam bản thì từ đây bắt đầu quyển 18, tiếp tục phẩm Phạm hạnh thứ 20, phần thứ 5.
2. Tám pháp: tám món vật bất tịnh. Có nhiều thuyết nói khác nhau về tám món bất tịnh này, theo sách Án Luật (案律) thì bao gồm: 1. ruộng vườn, đất đai (điền viên), 2. các giống cây trồng (chúng thực) 3. lúa thóc, tơ lụa (cốc bạch) 4. tôi tớ, người giúp việc (nhân bộc), 5. các loại chim thú, gia súc (cầm thú) 6. tiền bạc, của cải (tiền bảo) 7. chăn đệm, nôi chảo (nhục phủ) 8. vàng bạc, đồ trang sức và hết thảy các vật nặng (tượng kim sức sàng cập chư trọng vật). Theo giới luật thì vị tỳ-kheo không được sở hữu các vật bất tịnh này, vì gây trở ngại cho việc tu tập và làm mất oai nghi, đạo hạnh. Tuy nhiên, Tám pháp này cũng được hiểu là tám điều kiện gây ô nhiễm, tán loạn tâm thức, còn gọi là Tám ngọn gió (Bát phong), bao gồm những điều như: 1. lợi (những điều có lợi), 2. suy (những sự bất lợi, suy kém), 3. hủy (những sự mạ nhục, xúc phạm), 4. dự (những danh thơm, tiếng tốt), 5. xung (những sự khen ngợi, tán tụng), 6. cơ (những sự chê trách, ghét bỏ), 7. khổ (những sự đau đớn, khổ sở), 8. lạc (những sự mừng vui, thích thú). Trong văn cảnh này chúng tôi nghĩ là ý nghĩa được trình bày sau thích hợp hơn.
3. Thiên Trung Thiên: một trong các danh hiệu để tôn xưng đức Phật. Như đối với loài người thì chư thiên là tôn quý, nhưng đức Phật còn tôn quý hơn tất cả chư thiên, nên gọi ngài là vị cao quý nhất trong tất cả chư thiên.
4. Bồ Tát trụ ở sáu địa vị (lục trụ Bồ Tát): sự tu tập chứng đắc của hàng Bồ Tát chia làm sáu địa vị, đều đã đạt đến chỗ vững vàng không thối lui nữa, nên gọi là sáu trụ (lục trụ). Sáu trụ ấy cũng tương đương với Thập địa, phân ra như sau: 1. Chủng tánh trụ, là hàng Bồ Tát tu thập hạnh; 2. Giải hạnh trụ, là hàng Bồ Tát tu Thập hồi hướng; 3. Tĩnh tâm trụ, là hàng Bồ Tát tu chứng Sơ địa; 4. Hành đạo trụ, là hàng Bồ Tát tu chứng từ Nhị địa cho đến Thất địa; 5. Quyết định trụ, là hàng Bồ Tát tu chứng Bát địa và Cửu địa; 6. Cứu cánh trụ, là hàng Bồ Tát tu chứng Thập địa.
5. Bản tính loài chim này không thích mùi hôi hám; còn biển cả không giữ xác chết là nói hiện tượng tất cả xác chết trên biển đều bị sóng đưa dấn vào bờ.
6. Gỗ chiên-đàn có mùi rất thơm, còn cây y-lan lại có mùi rất hôi thối.
7. Do-diên (Yojana), cũng đọc là do-tuần, một đơn vị đo chiều dài thời cổ Ấn Độ.
8. Là việc những người làm ác phải chịu quả báo, phải đọa địa ngục và việc tìm đến gặp Phật được dứt trừ mọi tội lỗi.
9. Vua A-xà-thế tin rằng Kỳ-bà là người đắc đạo nên không phải vào địa ngục, vì thế muốn nhờ ông này níu giữ mình lại.
10. Tiếng nói có tám loại âm thanh (Bát chủng thanh): Tiếng nói của Phật có đủ tám loại mang tám tính chất khác nhau là: 1. Cục hảo âm: Tiếng nói rất tốt, rất vi diệu. 2. Nhu nhuyễn âm: Tiếng nói êm dịu, nhu thuận. 3. Hòa thích âm: Tiếng

- nói điều hòa, đúng mực. 4. Tôn tuệ âm: Tiếng nói làm người nghe tôn trọng và khai sáng trí tuệ. 5. Bất nữ âm: Tiếng nói hùng hồn, khác với tiếng phụ nữ. 6. Bất ngộ âm: Tiếng nói rõ rệt, không thể lẫn lộn. 7. Thâm viễn âm: Tiếng nói rất sâu xa, ở gần nghe không quá lớn, ở xa nghe không quá nhỏ. 8. Bất kiệt âm: Tiếng nói không bao giờ cạn kiệt, dứt mất.
11. Tám nạn (Bát nạn): Tám hoàn cảnh rất khó tu tập, nên gọi là tám nạn, cũng gọi là tám nạn xứ, gồm có: 1. Địa ngục, 2. Ngạ quỷ, 3. Súc sanh, 4. Châu uất-đan-việt (vì được hưởng sự sung sướng mãi nên khó tu tập), 5. Cảnh trời Trường thọ (tức là Vô tưởng thiên), 6. Làm người bị đui, điếc, câm, ngọng, 7. Làm người thế trí biện thông (vì thông minh, giỏi biện luận thế sự nên kiêu mạn, không muốn tu tập), 8. Không gặp Phật ra đời.
12. Do nghiệp duyên dẫn dắt mà chúng sanh thường phải sanh vào tám cảnh khó tu như trên, nếu không biết tu tập thì rất khó tránh được những cảnh ấy.
13. Do tham lam, sân hận và si mê mà tất cả chúng sanh thường giết hại lẫn nhau, vì thế trôi lăn trong nhiều đời thường luôn theo đuổi nhau để trả những mối oán thù từ trước. Oan oan tương báo chẳng bao giờ dứt được, chỉ trừ khi biết thức tỉnh tu tập.
14. Hết thấy các pháp hữu vi đều là tướng biến đổi, hoại diệt nên không thể dựa vào đó để đạt được giải thoát. Nhưng thân này vốn cũng là pháp hữu vi, tự nó không có pháp nào trừ được các pháp hữu vi. Quán xét như vậy, hành giả sẽ biết rằng chỉ có thể mượn thân này như một phương tiện để tu tập chứ không thể đắm chấp, nương cậy vào nó.
15. Ba đường ác: địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh.
16. Nguồn gốc của hết thấy mọi kiến chấp sai lầm (62 tà kiến) đều bắt nguồn từ việc nhận thức sai lầm về tính chất không thật có của thân này.
17. Chưa được tạo lập: ở đây có nghĩa là tạo lập chánh tín và chánh kiến, những điều kiện thiết yếu để giúp chúng sanh không phạm vào năm tội nghịch như sẽ kể ra dưới đây.
18. Năm nghịch (ngũ nghịch): năm tội nghịch, theo Tiểu thừa thì năm tội nghịch là: 1. Giết cha, 2. Giết mẹ, 3. Giết A-la-hán, 4. Phá hòa hợp tăng, 5. Làm thân Phật chảy máu. Tuy nhiên, theo Đại thừa thì khái niệm năm tội nghịch rộng hơn, do đó cũng có nhiều chúng sanh dễ phạm vào hơn. Chúng tôi nghiêng về việc hiểu khái niệm năm tội nghịch ở đây theo Đại thừa, bao gồm: 1. Phá hoại tháp Phật, chùa, tịnh xá... hoặc trộm, cướp tài vật của Tam bảo, hoặc tự mình làm, hoặc bảo người khác làm, hoặc thấy người khác làm mà sanh tâm vui mừng. 2. Phỉ báng, khinh chê giáo pháp của Phật, bao gồm cả Tiểu thừa và Đại thừa. 3. Cưỡng bức, ép buộc tỳ-kheo hoàn tục, hoặc giết hại tỳ-kheo. 4. Phạm vào một trong 5 tội nghịch của Tiểu thừa như vừa kể trên. 5. Khinh chê nhân quả, cho rằng không có nghiệp thiện, nghiệp ác, thường làm 10 nghiệp bất thiện, không sợ quả báo đời sau, thường tự làm hoặc bảo người khác làm 10 nghiệp ác. Theo cách hiểu này thì hầu hết chúng sanh tà kiến đều rất dễ dàng phạm vào năm nghịch, và như thế có phần phù hợp với văn cảnh của kinh văn ở đây hơn.
19. Chỉ và quán (śamatha và vipaśyana): phiên âm là xa-ma-tha và tỳ-bà-xá-na,

- cũng dịch là định tuệ. Chỉ (止) có nghĩa là dừng, ở đây là dừng mọi sự loạn động của tâm ý, nên đạt được trạng thái định, hay định tâm. Quán (觀) có nghĩa là quán xét, suy xét, do đó mà thấu rõ, hiểu biết được thật tánh, bản chất của sự việc, nên đạt được trạng thái sáng suốt, tức là trí tuệ.
20. Đoạn này muốn chỉ rõ tính chất không nhất định của tất cả các pháp, trong đó có cả những việc đã làm của vua A-xà-thế.
21. Tức là người ẩn cư trên rừng núi để tu theo tiên đạo.
22. Năm phép thần thông: Ở đây chỉ Ngũ thông do tu theo tiên đạo mà có được.
23. Loài càn-thát-bà thường dùng phép biến hóa để tạo ra những cảnh thành quách giống như thật, nhưng khi đến gần mới biết là không có gì cả.
24. Năm món dục lạc: sự thỏa mãn đối với năm giác quan, như mắt được thấy sắc đẹp, tai được nghe âm thanh êm dịu, mũi được ngửi mùi thơm thích ý, lưỡi được nếm vị ngon ngọt, thân được xúc chạm mềm mại trơn láng...
25. Tức là quán xét đủ năm ấm: sắc, thọ, tưởng, hành và thức.
26. Bồ Tát Diệu Đức, tức Bồ Tát Văn-thù-sư-lợi (Mañjuśrī), vì danh xưng Phạm ngữ này được dịch nghĩa là “diệu đức”, cũng dịch là “diệu thủ”, “diệu cát tường”.
27. Phật Tỳ-bà-thi (Vipaśyin): một vị Phật quá khứ, đã ra đời trong kiếp Trang nghiêm. Sau kiếp Trang nghiêm mới đến kiếp Hiền. Đức Phật Thích-ca-Mâu-ni ra đời trong kiếp Hiền này.
28. Kinh Tạp hoa: tên khác của kinh Hoa nghiêm. Hạnh chư thiên (Thiên hạnh) là một trong năm hạnh mà đức Phật đang giảng thuyết. Theo như trong một đoạn trước, đức Phật dạy có năm hạnh là: 1. Thánh hạnh, 2. Phạm hạnh, 3. Thiên hạnh, 4. Anh nhi hạnh, 5. Bệnh hạnh. Đến đây đã giảng xong phần Phạm hạnh, nhưng thay vì nói tiếp phần Thiên hạnh, kinh văn chuyển chú sang kinh Tạp hoa, tức là kinh Hoa nghiêm. Vì thế, phần tiếp theo của kinh này sẽ nói về Anh nhi hạnh mà bỏ qua phần Thiên hạnh.
29. Theo Nam bản thì từ đây cũng bắt đầu phẩm Anh nhi hạnh, nhưng là phẩm thứ 21.
30. Anh nhi: trẻ thơ, đứa trẻ sanh ra còn hồn nhiên chưa biết gì.
31. Tức là cõi trời Đạo-lợi (Đạo-lợi thiên).
32. Năm hạnh: nhắc lại năm hạnh mà Phật giảng thuyết trong kinh này: 1. Thánh hạnh, 2. Phạm hạnh, 3. Thiên hạnh (dẫn chú kinh Hoa nghiêm), 4. Anh nhi hạnh, 5. Bệnh hạnh.

# 大般涅槃經

## 卷第二十一

### 光明遍照高貴德王菩薩品

#### 第十之一

爾時世尊。告光明遍照高貴德王菩薩摩訶薩言。善男子。若有菩薩摩訶薩修行如是大涅槃經。得十事功德。不與聲聞辟支佛共。不可思議聞者驚怪。非內非外非難非易非相非非相。非是世法無有相貌世間所無。

何等為十。一者有五。何等為五。一者所不聞者而能得聞。二者聞已能為利益。三者能斷疑惑之心。四者慧心正直無曲。五者能知如來密藏。是為五事。

何等不聞而能得聞。所謂甚深微密之義。一切眾生悉有佛性。佛法眾僧無有差別。三寶性相常樂我淨。一切諸佛無有畢竟入涅槃者常住無變。如來涅槃。非有非無。非有為非無為。非有漏非無漏。非色非不色。非名非不名。非相非不相。非有非不

# ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH

## QUYỂN ĐỆ NHỊ THẬP NHẤT

### QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG BỒ TÁT PHẨM

#### ĐỆ THẬP CHI NHẤT

Nhĩ thời, Thế Tôn cáo Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Bồ Tát ma-ha-tát ngôn: Thiện nam tử! Nhược hữu Bồ Tát ma-ha-tát tu hành như thị Đại Niết-bàn kinh, đắc thập sự công đức, bất dữ Thanh văn, Bích-chi Phật cộng; bất khả tư nghị, văn giả kinh quái; phi nội, phi ngoại, phi nan, phi dị, phi tướng, phi phi tướng, phi thị thế pháp, vô hữu tướng mạo, thế gian sở vô.

Hà đẳng vi thập? Nhất giả hữu ngũ. Hà đẳng vi ngũ? Nhất giả, sở bất văn giả, nhi năng đắc văn. Nhị giả, văn dĩ, năng vi lợi ích. Tam giả, năng đoạn nghi hoặc chi tâm. Tứ giả, tuệ tâm chánh trực, vô khúc. Ngũ giả, năng tri Như Lai mật tạng. Thị vi ngũ sự.

Hà đẳng bất văn, nhi năng đắc văn? Sở vi thậm thâm vi mật chi nghĩa: Nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh. Phật, Pháp, Chúng tăng, vô hữu sai biệt. Tam bảo tánh tướng: thường, lạc, ngã, tịnh. Nhất thiết chư Phật vô hữu tất cánh nhập Niết-bàn giả thường trụ vô biến. Như Lai Niết-bàn phi hữu, phi vô, phi hữu vi, phi vô vi, phi hữu lậu, phi vô lậu, phi sắc, phi bất sắc, phi danh, phi bất danh, phi tướng, phi bất tướng, phi hữu, phi bất hữu, phi vật, phi bất vật, phi nhân, phi quả, phi đái, phi

有。非物非不物。非因非果。非待非不待。非明非闇。非出非不出。非常非不常。非斷非不斷。非始非終。非過去非未來非現在。非陰非不陰。非入非不入。非界非不界。非十二因緣非不十二因緣。如是等法甚深微密。昔所不聞而能得聞。

復有不聞。所謂一切外道經書四毘陀論毘伽羅論衛世師論迦毘羅論。一切咒術醫方伎藝。日月博蝕星宿運變圖書識記如是等經。初未曾聞。祕密之義今於此經而得知之。

復有十一部經除毘佛略。亦無如是深密之義。今因此經而得知之。善男子。是名不聞而能得聞。

聞已利益者。若能聽受是大涅槃經。悉能具知一切方等大乘經。典甚深義味。譬如男女於明淨鏡見其色像了了分明。大涅槃鏡亦復如是。菩薩執之悉得明見大乘經典甚深之義。亦如有人在闇室中執大炬火悉見諸物。大涅槃炬亦復如是。菩薩執之得見大乘深奧之義。亦如日出有千光明。悉能照了諸山幽闇。令一切人遠見諸物。是大涅槃清淨慧日亦復如是。照了大乘深邃之處。令二乘人遠見佛道。所以者何。以能聽受是大涅槃微妙經故。

善男子。若有菩薩摩訶薩聽受如是大涅槃經。

bất đãi, phi minh, phi ám, phi xuất, phi bất xuất, phi thường, phi bất thường, phi đoạn, phi bất đoạn, phi thủy, phi chung, phi quá khứ, phi vị lai, phi hiện tại, phi âm, phi bất âm, phi nhập, phi bất nhập, phi giới, phi bất giới, phi thập nhị nhân duyên, phi bất thập nhị nhân duyên. Như thị đấng Pháp thậm thâm vi mật, tích sở bất văn, nhi năng đắc văn.

Phục hữu bất văn, sở vị nhất thiết, ngoại đạo kinh thơ: Tú Tỳ-đà luận, Tỳ-già-la luận, Vệ-thế-sư luận, Ca-tỳ-la luận, nhất thiết chú thuật, y phương, kỹ nghệ, nhật nguyệt bác thực, tinh tú vận biến, đồ thơ, sám ký. Như thị đấng kinh, sơ vị tăng văn bí mật chi nghĩa, kim ư thủ kinh nhi đắc tri chi.

Phục hữu thập nhất bộ kinh, trừ Tỳ-phật-lược, diệc vô như thị thậm mật chi nghĩa. Kim nhân thủ kinh nhi đắc tri chi. Thiện nam tử! Thị danh bất văn, nhi năng đắc văn.

Văn dĩ lợi ích giả: nhược năng thính thọ thị đại Niết-bàn kinh, tất năng cụ tri nhất thiết Phương đẳng Đại thừa kinh điển thậm thâm nghĩa vị. Thí như nam, nữ, ư minh tịnh kính, kiến kỳ sắc tượng, liễu liễu phân minh. Đại Niết-bàn kính, diệc phục như thị. Bồ Tát chấp chi, tất đắc minh kiến Đại thừa kinh điển thậm thâm chi nghĩa. Diệc như hữu nhân, tại ám thất trung, chấp đại cự hỏa, tất kiến chư vật. Đại Niết-bàn cự, diệc phục như thị. Bồ Tát chấp chi, đắc kiến Đại thừa thậm áo chi nghĩa. Diệc như nhật xuất, hữu thiên quang minh, tất năng chiếu liễu chư sơn u ám, linh nhất thiết nhân viển kiến chư vật. Thị Đại Niết-bàn thanh tịnh tuệ nhật diệc phục như thị, chiếu liễu Đại thừa thậm thúy chi xứ, linh nhị thừa nhân viển kiến Phật đạo. Sở dĩ giả hà? Dĩ năng thính thọ thị Đại Niết-bàn vi diệu kinh cố.

Thiện nam tử! Nhược hữu Bồ Tát ma-ha-tát thính thọ như thị Đại Niết-bàn kinh, đắc tri nhất thiết chư pháp danh tự.

得知一切諸法名字。若能書寫讀誦通利。為他廣說思惟其義。則知一切諸法義理。

善男子。其聽受者唯知名字。不知其義。若能書寫受持讀誦。為他廣說思惟其義。則能知義。

復次善男子。聽是經者聞有佛性未能得見。書寫讀誦為他廣說思惟其義則得見之。

聽是經者聞有檀名未能得見檀波羅蜜。書寫讀誦為他廣說思惟其義。則能得見檀波羅蜜。乃至般若波羅蜜亦復如是。

善男子。菩薩摩訶薩若能聽是大涅槃經。則知法知義具二無礙。於諸沙門婆羅門等。若天魔梵一切世中得無所畏。開示分別十二部經演說其義無有差違。不從他聞而能自知。近於阿耨多羅三藐三菩提。善男子。是名聞已能為利益。

斷疑心者。疑有二種。一者疑名。二者疑義。聽是經者斷疑名心。思惟義者斷疑義心。

復次善男子。疑有五種。一者疑佛定涅槃不。二者疑佛是常住不。三者疑佛是真樂不。四者疑佛是真淨不。五者疑佛是實我不。聽是經者疑佛涅槃則得永斷。書寫讀誦為他廣說思惟其義四疑永斷。

Nhược năng thơ tả, đọc, tụng thông lợi, vị tha quảng thuyết, tư duy kỳ nghĩa, tác tri nhất thiết chư pháp nghĩa lý.

Thiện nam tử! Kỳ thánh thọ giả, duy tri danh tự, bất tri kỳ nghĩa. Nhược năng thơ tả, đọc, tụng, vị tha quảng thuyết, tư duy kỳ nghĩa, tác năng tri nghĩa.

Phục thứ, thiện nam tử! Thánh thị kinh giả, văn hữu Phật tánh, vị năng đắc kiến. Thơ tả, đọc, tụng, vị tha quảng thuyết, tư duy kỳ nghĩa, tác đắc kiến chi.

Thánh thị kinh giả, văn hữu Đàn danh, vị năng đắc kiến Đàn *Ba-la-mật*. Thơ tả, đọc, tụng, vị tha quảng thuyết, tư duy kỳ nghĩa, tác năng đắc kiến Đàn *Ba-la-mật*. Nãi chí Bát nhã *Ba-la-mật*, diệc phục như thị.

Thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* nhược năng thánh thị Đại *Niết-bàn* kinh, tác tri Pháp, tri nghĩa, cụ nhị vô ngại. Ư chư *sa-môn*, *bà-la-môn* đẳng, nhược thiên, ma, phạm, nhất thiết thế trung, đắc vô sở úy; khai thị, phân biệt thập nhị bộ kinh, diễn thuyết kỳ nghĩa, vô hữu sai vi. Bất tòng tha văn, nhi năng tự tri, cận ư *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Thiện nam tử! Thị danh văn dĩ, năng vi lợi ích.

Đoạn nghi tâm giả, nghi hữu nhị chủng: nhất giả nghi danh, nhị giả nghi nghĩa. Thánh thị kinh giả, đoạn nghi danh tâm; tư duy nghĩa giả, đoạn nghi nghĩa tâm.

Phục thứ, thiện nam tử! Nghi hữu ngũ chủng: Nhất giả, nghi Phật định *Niết-bàn* phủ? Nhị giả, nghi Phật thị thường trụ phủ? Tam giả nghi Phật thị chân lạc phủ? Tứ giả, nghi Phật thị chân tịnh phủ? Ngũ giả, nghi Phật thị chân ngã phủ? Thánh thị kinh giả, nghi Phật *Niết-bàn* tác đắc vĩnh đoạn. Thơ tả, đọc, tụng, vị tha quảng thuyết, tư duy kỳ nghĩa, tứ nghi vĩnh đoạn.

復次善男子。疑有三種。一疑聲聞為有為無。二疑緣覺為有為無。三疑佛乘為有為無。聽是經者如是三疑永滅無餘。書寫讀誦為他廣說思惟其義。則能了知一切眾生悉有佛性。

復次善男子。若有眾生不聞如是大涅槃經其心多疑。所謂若常無常若樂不樂若淨不淨若我無我。若命非命。若眾生非眾生。若畢竟不畢竟。若他世若過世。若有若無。若苦若非苦若集若非集若滅若非滅若道若非道。若法若非法。若善若非善。若空若非空。聽是經者如是諸疑悉得永斷。

復次善男子。若有不聞如是經者。復有種種眾多疑心。所謂色是我耶受想行識是我耶。眼能見耶我能見耶。乃至識能知耶我能知耶。色受報耶我受報耶。乃至識受報耶我受報耶。色至他世耶我至他世耶。乃至識亦復如是。生死之法有始有終耶。無始無終耶聽是經者如是等疑亦得永斷。

復有人疑。一闡提人犯四重禁作五逆罪謗方等經。如是等輩有佛性耶無佛性耶。聽是經者如是等疑悉得永斷。

復有人疑。世間有邊耶世間無邊耶。有十方世界耶無十方世界耶。聽是經者如是等疑亦得永斷。是名能斷疑惑之心。

Phục thứ, thiện nam tử! Nghi hữu tam chủng: Nhất nghi Thanh văn vi hữu vi vô? Nhị nghi Duyên giác vi hữu vi vô? Tam nghi Phật thừa vi hữu vi vô? Thính thị kinh giả, như thị tam nghi vĩnh diệt vô dư. Thơ tả, độc, tụng, vị tha quảng thuyết, tư duy kỳ nghĩa, tác năng liễu tri nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh.

Phục thứ, thiện nam tử! Nhược hữu chúng sanh bất văn như thị Đại Niết-bàn kinh, kỳ tâm đa nghi, sở vị: nhược thường, vô thường, nhược lạc, bất lạc, nhược tịnh, bất tịnh, nhược ngã, vô ngã, nhược mạng, phi mạng, nhược chúng sanh, phi chúng sanh, nhược tất cánh, bất tất cánh, nhược tha thể, nhược quá thể, nhược hữu, nhược vô, nhược khổ, nhược phi khổ, nhược tập, nhược phi tập, nhược diệt, nhược phi diệt, nhược đạo, nhược phi đạo, nhược pháp, nhược phi pháp, nhược thiện, nhược phi thiện, nhược không, nhược phi không. Thính thời kinh giả, như thị chư nghi, tất đắc vĩnh đoạn.

Phục thứ, thiện nam tử! Nhược hữu bất văn như thị kinh giả, phục hữu chủng chủng chúng đa nghi tâm, sở vị: sắc thị ngã da? Thọ, tưởng, hành, thức thị ngã da? Nhân năng kiến da? Ngã năng kiến da? Nãi chí thức năng tri da? Ngã năng tri da? Sắc thọ báo da? Ngã thọ báo da? Nãi chí thức thọ báo da? Ngã thọ báo da? Sắc chí tha thể da? Ngã chí tha thể da? Nãi chí thức, diệt phục như thị. Sanh tử chi pháp hữu thủy, hữu chung da? Vô thủy, vô chung da? Thính thị kinh giả, như thị đẳng nghi, diệt đắc vĩnh đoạn.

Phục hữu nhân nghi: nhất-xiển-đề nhân, phạm tứ trọng cấm, tác ngũ nghịch tội, báng Phương đẳng kinh. Như thị đẳng bối hữu Phật tánh da? Vô Phật tánh da? Thính thị kinh giả, như thị đẳng nghi, tất đắc vĩnh đoạn.

Phục hữu nhân nghi: Thế gian hữu biên da? Thế gian vô biên da? Hữu thập phương thế giới da? Vô thập phương thế giới da? Thính thị kinh giả, như thị đẳng nghi, diệt đắc vĩnh đoạn. Thị danh năng đoạn nghi hoặc chi tâm.

慧心正直無邪曲者。心若有疑則所見不正。一切凡夫若不得聞是大涅槃微妙經典所見邪曲。乃至聲聞辟支佛人所見亦曲。

云何名為一切凡夫所見邪曲。於有漏中見常樂我淨。於如來所見無常苦不淨無我。見有眾生壽命知見。計非有想非無想處以為涅槃。見自在天有八聖道。有見斷見如是等見名為邪曲。菩薩摩訶薩若得聞是大涅槃經。修行聖行則得斷除如是邪曲。

云何名為聲聞緣覺邪曲見耶。見於菩薩從兜率下化乘白象降神母胎。父名淨飯母曰摩耶。迦毘羅城處胎滿足十月而生。生未至地帝釋捧接。難陀龍王及婆難陀吐水而浴。摩尼跋陀大鬼神王執持寶蓋隨後侍立地神化花以承其足。四方各行滿足七步。到於天廟令諸天像悉起承迎。阿私陀仙抱持占相。既占相已生大悲苦。自傷當終不睹佛興。詣師學書算計射禦圖讖伎藝。處在深宮六萬婁女娛樂受樂。出城遊觀至迦毘羅園。道見老人乃至沙門法服而行。還至宮中見諸婁女形體狀貌猶如枯骨。所有宮殿塚墓無異。厭惡出家夜半踰城。至鬱陀伽阿羅邏等大仙人所。聞說識處及非有想非無想處。既聞是已諦觀是處是非常苦不淨無我捨至樹下具修苦行滿足六年。知是苦行不能得成阿耨多羅三藐三菩提。

Tuệ tâm chánh trực vô tà khúc giả, tâm nhược hữu nghi, tất sở kiến bất chánh. Nhất thiết phàm phu nhược bất đắc văn thị Đại Niết-bàn, vi diệu kinh điển, sở kiến tà khúc. Nãi chí Thanh văn, Bích-chi Phật nhân, sở kiến diệc khúc.

Vân hà danh vi nhất thiết phàm phu sở kiến tà khúc? Ư hữu lậu trung, kiến thường, lạc, ngã, tịnh; ư Như Lai sở, kiến vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã. Kiến hữu chúng sanh, thọ mạng, tri kiến. Kế phi hữu tướng phi vô tướng xứ, dĩ vi Niết-bàn. Kiến Tự tại thiên hữu bát thánh đạo. Hữu kiến, đoạn kiến. Như thị đẳng kiến, danh vi tà khúc. Bồ Tát ma-ha-tát nhược đắc văn thị Đại Niết-bàn kinh, tu hành thánh hạnh, tất đắc đoạn trừ như thị tà khúc.

Vân hà danh vi Thanh văn, Duyên giác tà khúc kiến da? Kiến ư Bồ Tát tùng Đâu-suất há, hóa thừa Bạch tượng, giáng thân mẫu thai, phụ danh Tịnh-phạn, mẫu viết Ma-da, Ca-tỳ-la thành. Xử thai mãn túc thập nguyệt nhi sanh. Sanh vị chí địa, Đế-thích bồng tiếp; Nan-đa long vương cập Bạt-nan-đa thổ thủy nhi dục. Ma-ni-bạt-đa, đại quý thân vương chấp trì bảo cái, tùy hậu thị lập. Địa thân hóa hoa dĩ thừa kỳ túc. Tứ phương các hành, mãn túc thất bộ. Đáo ư Thiên miếu, linh chư thiên tượng tất khởi thừa nghinh. A-tư-đa tiên bảo trì chiêm tướng. Ký chiêm tướng dĩ, sanh đại bi khổ, tự thương đương chung, bất đồ Phật hưng. Nghệ sư học thơ, toán kế, xạ ngự, đồ sấm, kỹ nghệ. Xử tại thâm cung, lục vạn thể nữ, ngâu lạc thọ lạc. Xuất thành du quán, chí Ca-tỳ-la viên. Đạo kiến lão nhân, nãi chí sa-môn, pháp phục nhi hành. Hoàn chí cung trung, kiến chư thể nữ hình thể trạng mạo do như khô cốt; sở hữu cung điện, trùng mộ vô dị. Yếm ố, xuất gia: dạ bán du thành, chí Uất-đa-già, A-la-la đẳng đại tiên nhân sở. Văn thuyết thức xứ cập phi hữu tướng phi vô tướng xứ. Ký văn thị dĩ, đế quán thị xứ thị phi thường, khổ, bất tịnh, vô ngã. Xả chí thọ hạ, cụ tu khổ hạnh mãn túc lục niên. Tri thị khổ hạnh, bất năng đắc thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Nhĩ

爾時復到阿利跋提河中洗浴。受牧牛女所奉乳糜。受已轉至菩提樹下。破魔波旬得成阿耨多羅三藐三菩提。於波羅奈為五比丘初轉法輪。乃至於此拘尸那城入般涅槃。如是等見。是名聲聞緣覺曲見。

善男子。菩薩摩訶薩聽受如是大涅槃經。悉得斷除如是等見。若能書寫讀誦通利為他演說思惟其義。則得正直無邪曲見。

善男子。菩薩摩訶薩修行如是大涅槃經。諦知菩薩無量劫來不從兜率降神母胎。乃至拘尸那城入般涅槃。是名菩薩摩訶薩正直之見。

能知如來深密義者。所謂即是大般涅槃一切眾生悉有佛性。懺四重禁除謗法心盡五逆罪滅一闍提。然後得成阿耨多羅三藐三菩提。是名甚深祕密之義。

復次善男子。云何復名甚深之義。雖知眾生實無有我。而於未來不失業果。雖知五陰於此滅盡。善惡之業終不敗亡。雖有諸業不得作者。雖有至處無有去者。雖有繫縛無受縛者。雖有涅槃亦無滅者。是名甚深祕密之義。

爾時光明遍照高貴德王菩薩摩訶薩白佛言。世尊。如我解佛所說聞不聞義。是義不然。何以故。法若有者，便應定有。法若無者便應定無。無不應

thời, phục áo *A-lợi-bạt-đề* hà trung tẩy dục. Thọ mục ngư nữ sở phụng nhũ my. Thọ dĩ, chuyển chỉ *Bồ-đề* thọ hạ, phá ma *Ba-tuần*, đắc thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Ở *Ba-la-nại*, vị ngũ *tỳ-kheo*, sơ chuyển pháp luân; nãi chí ư thủ *Câu-thi-na* thành, nhập *Bát Niết-bàn*. Như thị đẳng kiến, thị danh Thanh văn, Duyên giác khúc kiến.

Thiện nam tử! *Bồ Tát ma-ha-tát*, thính thọ như thị *Đại Niết-bàn* kinh, tất đắc đoạn trừ như thị đẳng kiến. Nhược năng thơ tả, đọc, tụng thông lợi, vị tha diễn thuyết, tư duy kỳ nghĩa, tắc đắc chánh trực, vô tà khúc kiến.

Thiện nam tử! *Bồ Tát ma-ha-tát*, tu hành như thị *đại Niết-bàn* kinh, để tri *Bồ Tát* vô lượng kiếp lai, bất tùng *Đâu-suất* giáng thân mẫu thai, nãi chí *Câu-thi-na* thành, nhập *Bát Niết-bàn*. Thị danh *Bồ Tát ma-ha-tát* chánh trực chi kiến.

Năng tri Như Lai thâm mật nghĩa giả, sở vị: tức thị *Đại Bát Niết-bàn*, nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh, sám tứ trọng cấm, trừ báng Pháp tâm, tận ngũ nghịch tội, diệt *nhất-xiển-đề*; nhiên hậu đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Thị danh thậm thâm bí mật chi nghĩa.

Phục thứ, thiện nam tử! Vân hà phục danh thậm thâm chi nghĩa? Tuy tri chúng sanh thật vô hữu ngã, nhi ư vị lai, bất thất nghiệp quả. Tuy tri ngũ ấm, ư thủ diệt tận, thiện ác chi nghiệp, chung bất bại vong. Tuy hữu chư nghiệp, bất đắc tác giả. Tuy hữu chí xú, vô hữu khú giả. Tuy hữu hệ phược, vô thọ phược giả. Tuy hữu *Niết-bàn*, diệt vô diệt giả. Thị danh thậm thâm bí mật chi nghĩa.

Nhĩ thời, Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương *Bồ Tát ma-ha-tát* bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Như ngã giải Phật sở thuyết văn bất văn nghĩa; thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Pháp nhược hữu giả, tiện ưng định hữu; Pháp nhược vô giả,

生，有不應滅。如其聞者是則為聞。若不聞者則為不聞。云何而言聞所不聞。

世尊。若不可聞是為不聞。若已聞者則更不聞。何以故。已得聞故。云何而言聞所不聞。譬如去者。到則不去，去則不到。亦如生已不生，不生不生。得已不得，不得不得。聞已不聞，不聞不聞，亦復如是。

世尊。若不聞聞者。一切眾生未有菩提即應有之。未得涅槃亦應得之。未見佛性應見佛性。云何復言十住菩薩雖見佛性未得明了。

世尊。若不聞聞者。如來往昔從誰得聞。若言得聞。何故如來於阿含中復言無師。若不聞不聞如來得成阿耨多羅三藐三菩提者。一切眾生不聞不聞亦應得成阿耨多羅三藐三菩提。如來若當不聞如是大涅槃經見佛性者。一切眾生不聞是經亦應得見。

世尊。凡是色者或有可見或不可見。聲亦如是或是可聞或不可聞。是大涅槃非色非聲。云何而言可得見聞。

世尊。過去已滅則不可聞。未來未至亦不可聞。現在聽時則不名聞。聞已聲滅更不可聞。是大涅槃亦非過去未來現在。若非三世則不可說。若不可說則不可聞。云何而言菩薩修是大涅槃經聞所不聞。

tiện ưng định vô. Vô bất ưng sanh; hữu bất ưng diệt. Như kỳ văn giả, thị tác vi văn; nhược bất văn giả, tác vi bất văn. Vân hà nhi ngôn văn sở bất văn?”

Thế Tôn! Nhược bất khả văn, thị vi bất văn; nhược dĩ văn giả, tác cánh bất văn. Hà dĩ cố? Dĩ đắc văn cố. Vân hà nhi ngôn văn sở bất văn? Thí như khứ giả; đáo, tác bất khứ; khứ, tác bất đáo. Diệc như sanh dĩ, bất sanh, bất sanh, bất sanh. Đắc dĩ, bất đắc, bất đắc, bất đắc. Văn dĩ, bất văn, bất văn, bất văn, diệc phục như thị.

Thế Tôn! Nhược bất văn, văn giả, nhất thiết chúng sanh vị hữu *Bồ-đề*, tức ưng hữu chi; vị đắc *Niết-bàn*, diệc ưng đắc chi; vị kiến Phật tánh, ưng kiến Phật tánh. Vân hà phục ngôn thập trụ Bồ Tát tuy kiến Phật tánh, vị đắc minh liễu?

Thế Tôn! Nhược bất văn, văn giả, Như Lai vãng tích, tùng thù đắc văn? Nhược ngôn đắc văn, hà cố Như Lai, ư A-hàm trung, phục ngôn vô sư? Nhược bất văn, bất văn, Như Lai đắc thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* giả; nhất thiết chúng sanh bất văn, bất văn, diệc ưng đắc thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*! Như Lai nhược đương bất văn như thị Đại *Niết-bàn* kinh, kiến Phật tánh giả; nhất thiết chúng sanh bất văn thị kinh, diệc ưng đắc kiến!

Thế Tôn! Phàm thị sắc giả, hoặc hữu khả kiến, hoặc bất khả kiến. Thanh diệc như thị; hoặc thị khả văn, hoặc bất khả văn. Thị Đại *Niết-bàn* phi sắc phi thanh; Vân hà nhi ngôn khả đắc kiến, văn?

Thế Tôn! Quá khứ dĩ diệt, tác bất khả văn; vị lai vị chí, diệc bất khả văn; hiện tại thính thời, tác bất danh văn: văn dĩ, thanh diệt, cánh bất khả văn. Thị Đại *Niết-bàn* diệc phi quá khứ, vị lai, hiện tại. Nhược phi tam thế, tác bất khả thuyết. Nhược bất khả thuyết, tác bất khả văn. Vân hà nhi ngôn Bồ Tát tu thị Đại *Niết-bàn* kinh, văn sở bất văn?

爾時世尊讚光明遍照高貴德王菩薩摩訶薩言。善哉善哉。善男子。汝今善知一切諸法。如幻如焰如乾闥婆城畫水之跡。亦如泡沫芭蕉之樹空無有實。非命非我無有苦樂。如十住菩薩之所知見。

時大眾中忽然之頃有大光明。非青見青非黃見黃非赤見赤非白見白。非色見色非明見明非見而見。

爾時大眾遇斯光已身心快樂。譬如比丘入師子王定。

爾時文殊師利菩薩摩訶薩白佛言。世尊。今此光明誰之所放。爾時如來默然不說。

迦葉菩薩復問文殊師利。何因緣故有此光明照於大眾。文殊師利默然不答。

爾時無邊身菩薩復問迦葉菩薩。今此光明誰之所有。迦葉菩薩默然不說。

淨住王子菩薩復問無邊身菩薩。何因緣故是大眾中有此光明。無邊身菩薩默然不說。如是五百菩薩皆亦如是。雖相諮問然無答者。

爾時世尊問文殊師利。何因緣故。是大眾中有此光明。

文殊師利言。世尊。如是光明名為智慧。智慧

Nhĩ thời, Thế Tôn tán Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đúc Vương Bồ Tát *ma-ha-tát* ngôn: Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! Nhĩ kim thiện tri nhất thiết chư Pháp như huyễn, như diệm, như *Càn-thát-bà* thành, họa thủy chi tích; diệc như bào, mật, ba tiêu chi thọ; không vô hữu thật; phi mạng, phi ngã, vô hữu khổ lạc, như thập trụ Bồ Tát chi sở tri kiến.

Thời, đại chúng trung, hốt nhiên chi khoảnh, hữu đại quang minh, phi thanh kiến thanh, phi hoàng kiến hoàng, phi xích kiến xích, phi bạch kiến bạch, phi sắc kiến sắc, phi minh kiến minh, phi kiến nhi kiến.

Nhĩ thời, đại chúng ngộ tư quang dĩ, thân tâm khoái lạc, thí như tỳ-kheo nhập Sư tử vương định.

Nhĩ thời, *Văn-thù-sư-lợi* Bồ Tát *ma-ha-tát* bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Kim thử quang minh, thùy chư sở phóng? Nhĩ thời, Như Lai mặc nhiên bất thuyết.

*Ca-diếp* Bồ Tát phục vấn *Văn-thù-sư-lợi*: Hà nhân duyên cố, hữu thử quang minh chiếu ư đại chúng? *Văn-thù-sư-lợi* mặc nhiên bất đáp.

Nhĩ thời, Vô Biên Thân Bồ Tát phục vấn *Ca-diếp* Bồ Tát: Kim thử quang minh, thùy chi sở hữu? *Ca-diếp* Bồ Tát mặc nhiên bất thuyết.

Tịnh Trụ Vương Tử Bồ Tát phục vấn Vô Biên Thân Bồ Tát: Hà nhân duyên cố, thị đại chúng trung, hữu thử quang minh? Vô Biên Thân Bồ Tát mặc nhiên bất thuyết. Như thị ngũ bá Bồ Tát giai diệc như thị. Tuy tương tư vấn, nhiên vô đáp giả.

Nhĩ thời, Thế Tôn vấn *Văn-thù-sư-lợi*: Hà nhân duyên cố, thị đại chúng trung, hữu thử quang minh?

*Văn-thù-sư-lợi* ngôn: Thế Tôn! Như thị quang minh, danh vi trí tuệ. Trí tuệ giả, tức thị thường trụ. Thường trụ chi pháp,

者即是常住。常住之法無有因緣。云何佛問何因緣故有是光明。

是光明者名大涅槃。大涅槃者則名常住。常住之法不從因緣。云何佛問何因緣故有是光明。

是光明者即是如來。如來者即是常住。常住之法不從因緣。云何如來問於因緣。

光明者名大慈大悲。大慈大悲者名為常住。常住之法不從因緣。云何如來問於因緣。

光明者即是念佛。念佛者是名常住。常住之法不從因緣。云何如來問於因緣。

光明者即是一切聲聞緣覺不共之道。聲聞緣覺不共之道即名常住。常住之法不從因緣。云何如來問於因緣。

世尊。亦有因緣。因滅無明。則得熾然阿耨多羅三藐三菩提燈。

佛言。文殊師利。汝今莫入諸法甚深第一義諦。應以世諦而解說之。

文殊師利言。世尊。於此東方過二十恒河沙等世界。有佛世界名曰不動。其佛住處縱廣正等足滿一萬二千由延。其地七寶無有土石。平正柔軟無諸溝坑。其諸樹木四寶所成。金銀琉璃及以玻瓈。花

vô hữu nhân duyên. Vân hà Phật vấn hà nhân duyên cố, hữu thị quang minh?

Thị quang minh giả, danh Đại Niết-bàn. Đại Niết-bàn giả, tấ danh thường trụ. Thường trụ chi pháp bất tùng nhân duyên. Vân hà Phật vấn hà nhân duyên cố, hữu thị quang minh?

Thị quang minh giả, tức thị Như Lai. Như Lai giả, tức thị thường trụ. Thường trụ chi Pháp bất tùng nhân duyên. Vân hà Như Lai vấn ư nhân duyên?

Quang minh giả, danh Đại từ Đại bi. Đại từ Đại bi giả, danh vi thường trụ. Thường trụ chi Pháp bất tùng nhân duyên. Vân hà Như Lai vấn ư nhân duyên?

Quang minh giả, tức thị niệm Phật. Niệm Phật giả, thị danh thường trụ. Thường trụ chi Pháp bất tùng nhân duyên. Vân hà Như Lai vấn ư nhân duyên?

Quang minh giả, tức thị nhất thiết Thanh văn, Duyên giác bất cộng chi đạo. Thanh văn, Duyên giác bất cộng chi đạo, tức danh thường trụ. Thường trụ chi Pháp bất tùng nhân duyên. Vân hà Như Lai vấn ư nhân duyên?

Thế Tôn, diệt hữu nhân duyên: nhân diệt vô minh, tấ đắc xí nhiên A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề đấng.

Phật ngôn: Văn-thù-sư-lợi! Nhữ kim mạc nhập chư pháp thậm thâm Đệ nhất nghĩa đế. Ưng dĩ Thế đế nhi giải thuyết chi.

Văn-thù-sư-lợi ngôn: Thế Tôn! Ư thủ đông phương quá nhị thập hằng hà sa đấng thế giới, hữu Phật thế giới, danh viết bất động. Kỳ Phật trụ xứ, tưng quảng chánh đấng túc mãn nhất vạn nhị thiên do-diên. Kỳ địa thấ bảo, vô hữu thổ thạch, bình chánh, nhu nhuyễn, vô chư câu khanh. Kỳ chư thọ mộc, tứ bảo sở thành: kim ngân, lưu ly cập dĩ pha lê. Hoa quả mậ thanh,

菓茂盛無時不有。若有眾生聞其花香身心安樂。譬如比丘入第三禪。

周匝復有三千大河。其水微妙八味具足。若有眾生在中浴者。所得喜樂譬如比丘入第二禪。其河多有種種諸花。優鉢羅花波頭摩花拘物頭花分陀利花香花大香花微妙香花常花一切眾生無遮護花。其河兩岸亦有眾花。所謂阿提目多伽花占婆花波吒羅花婆師羅花摩利迦花大摩利迦花新摩利迦花須摩那迦花由提迦花檀菟迦利花常花一切眾生無遮護花。底布金沙有四梯檉金銀琉璃雜色玻瓈。多有眾鳥遊集其上。

復有無量虎狼師子諸惡禽獸。其心相視猶如赤子。

彼世界中一切無有犯重禁者。誹謗正法及一闍提五逆等罪。

其土調適無有寒熱飢渴苦惱。無貪欲恚放逸嫉妒。無有日月晝夜時節。猶如第二忉利天上。

其土人民等有光明。各各無有憍慢之心。一切悉是菩薩大士。皆得神通具大功德。其心悉皆尊重正法。乘於大乘愛念大乘貪樂大乘護惜大乘。大慧成就得大總持。心常憐愍一切眾生。其佛號曰滿月光明如來應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。隨所住處有所講宣。其土眾生

vô thời bất hữu. Nhược hữu chúng sanh văn kỳ hoa hương, thân tâm an lạc, thí như *tỳ-kheo* nhập đệ tam thiên.

Châu táp phục hữu tam thiên đại hà, kỳ thủy vi diệu, bát vị cụ túc. Nhược hữu chúng sanh tại trung dục giả, sở đắc hỷ lạc, thí như *tỳ-kheo* nhập đệ nhị thiên. Kỳ hà đa hữu chủng chủng chư hoa: ưu bát-la hoa, ba-đầu-ma hoa, câu vật-đầu hoa, phân đà-lợi hoa, hương hoa, đại hương hoa, vi diệu hương hoa, thường hoa, nhất thiết chúng sanh vô già hộ hoa. Kỳ hà lưỡng ngạn, diệc hữu chúng hoa, sở vị: a-đề-mục-đa-già hoa, chiêm-bà hoa, ba-trá-la hoa, bà-sư-la hoa, ma-lợi-ca hoa, đại ma-lợi-ca hoa, tân ma-lợi-ca hoa, tu-ma-na hoa, do-đề ca hoa, đàn-nậu-ca-lợi hoa, thường hoa, nhất thiết chúng sanh vô già hộ hoa. Để bố kim sa; hữu tứ thê bệ, kim, ngân, lưu ly, tạp sắc pha lê; đa hữu chúng điều du tập kỳ thượng.

Phục hữu vô lượng hổ, lang, sư tử, chư ác cầm thú; kỳ tâm tương thị do như xích tử.

Bỉ thế giới trung, nhất thiết vô hữu phạm trọng cấm giả, phỉ báng Chánh Pháp, cập *nhất-xiển-đề*, ngũ nghịch đặng tội.

Kỳ độ điều thích, vô hữu hàn nhiệt, cơ khát khổ não. Vô tham dục, nhuế, phóng dật tật đố. Vô hữu nhật nguyệt trú dạ, thời tiết, do như đệ nhị Đao-lợi thiên thượng.

Kỳ độ nhân dân, đặng hữu quang minh; các các vô hữu kiêu mạn chi tâm. Nhất thiết tất thị Bồ Tát Đại sĩ, giai đắc thần thông, cụ đại công đức; kỳ tâm tất giai tôn trọng Chánh pháp, thừa ư Đại thừa, ái niệm Đại thừa, tham nhạo Đại thừa, hộ tích Đại thừa. Đại tuệ thành tựu, đắc đại tổng trì, tâm thường lân mẫn nhất thiết chúng sanh.

Kỳ Phật hiệu viết Mãn Nguyệt Quang Minh, Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn. Tùy sở trụ xứ, hữu sở giảng tuyên. Kỳ độ chúng sanh, vô

無不得聞為琉璃光菩薩摩訶薩講宣如是大涅槃經。佛言。善男子。菩薩摩訶薩若能修行大涅槃經。所不聞者悉皆得聞。

彼琉璃光菩薩摩訶薩問滿月光明佛。亦如此問光明遍照高貴德王菩薩摩訶薩所問等無有異。

彼滿月光明佛即告琉璃光菩薩言。善男子。西方去此二十恒河沙佛土。彼有世界名曰娑婆。其土多有山陵堆阜土沙礫石荊棘毒刺周遍充滿。常有飢渴寒熱苦惱。

其土人民不能恭敬沙門婆羅門父母師長。貪著非法欲於非法修行邪法不信正法壽命短促。有行姦詐王者懲之。王雖有國不知滿足。於他所有生貪利心。興師相伐枉死者眾。王者修行如是非法。四天善神心無歡喜。故降災旱穀米不登人民多病苦惱無量。

彼中有佛號釋迦牟尼如來應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。大悲純厚愍眾生故。於拘尸那城娑羅雙樹間。為諸大眾敷演如是大涅槃經。

彼有菩薩名光明遍照高貴德王。已問斯事如汝無異。

佛今答之汝可速往自當得聞。

bất đắc văn. Vị Lưu Ly Quang Bồ Tát *ma-ha-tát*, giảng tuyên như thị Đại Niết-bàn kinh. Phật ngôn: Thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* nhược năng tu hành Đại Niết-bàn kinh, sở bất văn giả, tất giai đắc văn.

Bỉ Lưu Ly Quang Bồ Tát *ma-ha-tát* vấn Mãn Nguyệt Quang Minh Phật, diệc như thử gian, Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Bồ Tát *ma-ha-tát* sở vấn, đẳng vô hữu dị.

Bỉ Mãn Nguyệt Quang Minh Phật tức cáo Lưu Ly Quang Bồ Tát ngôn: Thiện nam tử! Tây phương khứ thử nhị thập hằng hà sa Phật độ, bỉ hữu thế giới, danh viết *Ta-bà*. Kỳ độ đa hữu sơn lãng đôi phụ, thổ sa lịch thạch; kinh cức độc thích châu biến sung mãn, thường hữu cơ khát, hàn thử khổ não.

Kỳ độ nhân dân, bất năng cung kính *sa-môn*, *bà-la-môn*, phụ mẫu, sư trưởng; tham trước phi pháp, dục ư phi pháp, tu hành tà pháp, bất tín chánh pháp, thọ mạng đoản xúc. Hữu hành gian trá, vương giả trừng chi. Vương tuy hữu quốc, bất tri mãn túc; ư tha sở hữu, sanh tham lợi tâm, hưng sư tương phạt, uổng tử giả chúng. Vương giả tu hành như thị phi pháp, tứ thiên thiện thần tâm vô hoan hỷ, cố giáng tai hạn, cốc mễ bất đẳng, nhân dân đa bệnh, khổ não vô lượng.

Bỉ trung hữu Phật hiệu *Thích-ca Mâu-ni*, Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn. Đại bi thuận hậu, mãn chúng sanh cố, ư *Câu-thi-na* thành *sa-la song-thọ* gian, vị chư đại chúng phu diễn như thị Đại Niết-bàn kinh.

Bỉ hữu Bồ Tát danh Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương, dĩ vấn tư sự như nhữ vô dị.

Phật kim đáp chi. Nhữ khả tốc vãng, tự đương đắc văn.

世尊。彼琉璃光菩薩聞是事已。與八萬四千菩薩摩訶薩欲來至此故先現瑞。以此因緣有此光明。是名因緣亦非因緣。

爾時琉璃光菩薩與八萬四千諸菩薩俱。持諸幡蓋香花瓔珞種種伎樂倍勝於前。俱來至此拘尸那城娑羅雙樹間。以已所持供養之具供養於佛。頭面禮足合掌恭敬右繞三匝。修敬已畢卻坐一面。

爾時世尊問彼菩薩。善男子。汝為到來為不到來。

琉璃光菩薩言。世尊。到亦不來不到亦不來。我觀是義都無有來。

世尊。諸行若常亦復不來。若是無常亦無有來。若人見有眾生性者有來不來。我今不見眾生定性。云何當言有來不來。有憍慢者見有去來。無憍慢者則無去來。有取行者見有去來。無取行者則無去來。若見如來畢竟涅槃則有去來。不見如來畢竟涅槃則無去來。不聞佛性則有去來。聞佛性者則無去來。若見聲聞辟支佛人有涅槃者則有去來。不見聲聞辟支佛人有涅槃者則無去來。若見聲聞辟支佛人常樂我淨則有去來。若不見者則無去來。若見如來無常樂我淨則有去來。若見如來常樂我淨則無去來。

世尊。且置斯事。欲有所問，唯垂哀愍少見聽許。

Thế Tôn! Bỉ Lưu Ly Quang Bồ Tát văn thị sự dĩ, dĩ bát vạn tứ thiên Bồ Tát *ma-ha-tát*, dục lai chí thủ, cố tiên hiện thụy. Dĩ thủ nhân duyên, hữu thủ quang minh. Thị danh nhân duyên, diệc phi nhân duyên.

Nhĩ thời, Lưu Ly Quang Bồ Tát dĩ bát vạn tứ thiên chư đại Bồ Tát câu, trì chư phan, cái, hương hoa anh lạc, chủng chủng kỹ nhạc, bội thắng ư tiên. Câu lai chí thủ *Câu-thi-na* thành, *sa-la* song thọ gian; dĩ kỷ sở trì cúng dường chi cụ, cúng dường ư Phật, đầu diện lễ túc, hiệp chưởng cung kính, hữu nhiều tam táp. Tu kính dĩ tất, khước tọa nhất diện.

Nhĩ thời, Thế Tôn vấn bỉ Bồ Tát: Thiện nam tử! Nhữ vi đáo, lai, vi bất đáo, lai?

Lưu Ly Quang Bồ Tát ngôn: Thế Tôn! Đáo diệc bất lai; bất đáo diệc bất lai. Ngã quán thị nghĩa, đô vô hữu lai.

Thế Tôn! Chư hành nhược thường, diệc phục bất lai; nhược thị vô thường, diệc vô hữu lai. Nhược nhân kiến hữu chúng sanh tánh giả: hữu lai, bất lai, ngã kim bất kiến chúng sanh định tánh. Văn hà đương ngôn hữu lai, bất lai? Hữu kiêu mạn giả kiến hữu khứ, lai, vô kiêu mạn giả, tắc vô khứ, lai. Hữu thủ hạnh giả kiến hữu khứ, lai; vô thủ hạnh giả, tắc vô khứ, lai. Nhược kiến Như Lai tất cánh *Niết-bàn*, tắc hữu khứ, lai, bất kiến Như Lai tất cánh *Niết-bàn*, tắc vô khứ, lai. Bất văn Phật tánh, tắc hữu khứ, lai. Văn Phật tánh giả, tắc vô khứ, lai. Nhược kiến Thanh văn, *Bích-chi* Phật nhân hữu *Niết-bàn* giả, tắc hữu khứ, lai; bất kiến Thanh văn, *Bích-chi* Phật nhân hữu *Niết-bàn* giả, tắc vô khứ, lai. Nhược kiến Thanh văn, *Bích-chi* Phật nhân thường, lạc, ngã, tịnh, tắc hữu khứ, lai; nhược bất kiến giả, tắc vô khứ, lai. Nhược kiến Như Lai vô: thường, lạc, ngã, tịnh, tắc hữu khứ, lai; nhược kiến Như Lai thường, lạc, ngã, tịnh, tắc vô khứ, lai.

Thế Tôn! Thả trí tư sự. Dục hữu sở vấn, duy thùy ai mẫn, thiếu kiến thính hứa.

佛言。善男子。隨意所問今正是時。我當為汝分別解說。所以者何。諸佛難值如優曇花。法亦是難可得聞。十二部經中方等復難。是故應當專心聽受。

時琉璃光菩薩摩訶薩。既蒙聽許兼被誠教。即白佛言。世尊。云何菩薩摩訶薩有能修行大涅槃經聞所不聞。

爾時如來讚言。善哉善哉。善男子。汝今欲盡如是大乘大涅槃海。正復值我能善解說。汝今所有疑網毒箭。我為大醫能善拔出。汝於佛性猶未明了。我有慧炬能為照明。汝今欲度生死大河。我能為汝作大船師。汝於我所生父母想。我亦於汝生赤子心。汝心今者貪正法寶。值我多有能相惠施。諦聽諦聽善思念之。吾當為汝分別宣釋。

善男子。欲聽法者今正是時。若聞法已當生敬信。至心聽受恭敬尊重。於正法所莫求其過。莫念貪欲瞋恚愚癡。莫觀法師種姓好惡。既聞法已莫生驕慢。莫為恭敬名譽利養。當為度世甘露法利。亦莫生念。我聽法已先自度身然後度人。先自解身然後解人。先自安身然後安人。先自涅槃然後令人而得涅槃。於佛法僧應生等想。於生死中生大苦想。於大涅槃應生常樂我淨之想。先為他人然後為身。當為大乘

Phật ngôn: Thiện nam tử! Tùy ý sở vấn. Kim chánh thị thời, ngã đương vị nhữ, phân biệt giải thuyết. Sở dĩ giả hà? Chư Phật nan trị, như Ưu-đàm hoa. Pháp diệc như thị, nan khả đắc văn. Thập nhị bộ kinh trung, Phương đẳng phục nan. Thị cố ưng đương chuyên tâm thính thọ.

Thị Lưu Ly Quang Bồ Tát *ma-ha-tát* ký mông thính hứa, kiêm bị giới sắc, tức bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Vân hà Bồ Tát *ma-ha-tát* hữu năng tu hành Đại *Niết-bàn* kinh, văn sở bất văn?

Nhĩ thời, Như Lai tán ngôn: Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! Nhữ kim dục tận như thị Đại thừa Đại *Niết-bàn* hải, chánh phục trị ngã năng thiện giải thuyết. Nhữ kim sở hữu nghi võng độc tiễn, ngã vi đại y năng thiện bạt xuất. Nhữ ư Phật tánh, du vị minh liễu, ngã hữu tuệ cự năng vị chiếu minh. Nhữ kim dục độ sanh tử đại hà, ngã năng vị nhữ, tác Đại thuyết sư. Nhữ ư ngã sở, sanh phụ mẫu tưởng, ngã diệc ư nhữ, sanh xích tử tâm. Nhữ tâm kim giả tham chánh Pháp bảo, trị ngã đa hữu năng tương tuệ thí. Đế thính! Đế thính! Thiện tư niệm chi. Ngô đương vị nhữ, phân biệt tuyên thích.

Thiện nam tử! Dục thính pháp giả, kim chánh thị thời. Nhược văn Pháp dĩ, đương sanh kính tín; chí tâm thính thọ, cung kính tôn trọng. Ư Chánh Pháp sở, mạc cầu kỳ quá; mạc niệm tham dục, sân khuể, ngu si. Mạc quán pháp sư chủng tánh hảo, ác. Ký văn Pháp dĩ, mạc sanh kiêu mạn; mạc vị cung kính danh dự, lợi dưỡng; đương vị độ thế, cam lộ pháp lợi. Diệc mạc sanh niệm: Ngã thính pháp dĩ, tiên tự độ thân; nhiên hậu độ nhân. Tiên tự giải thân; nhiên hậu giải nhân. Tiên tự an thân; nhiên hậu an nhân. Tiên tự *Niết-bàn*; nhiên hậu linh nhân nhi đắc *Niết-bàn*. Ư Phật, Pháp, tăng, ưng sanh đẳng tưởng. Ư sanh tử trung, sanh đại khổ tưởng. Ư Đại *Niết-bàn*, ưng sanh thường, lạc, ngã, tịnh chi tưởng. Tiên vị tha nhân, nhiên hậu vị thân. Đương vị Đại thừa; mạc vị nhị thừa. Ư nhất

莫為二乘。於一切法當無所住。亦莫專執一切法相。  
於諸法中莫生貪想。常生知法見法之想。

善男子。汝能如是至心聽法。是則名為聞所不聞。

善男子。有不聞聞有不聞不聞有聞不聞有聞聞。

善男子。如不生生。不生不生。生不生。生生。如不到到。不到不到。到不到。到到。

世尊。云何不生生。

善男子。安住世諦初出胎時。是名不生生。

云何不生不生。

善男子。是大涅槃無有生相。是名不生不生。

云何名生不生。

善男子。世諦死時是名生不生。

云何生生。

善男子。一切凡夫是名生生。何以故。生生不斷故。一切有漏念念生故。是名生生。四住菩薩名生不生。何以故。生自在故是名生不生。

善男子。是名內法。云何外法。未生生。未生未生。生未生。生生。

thiết pháp, đương vô sở trụ, diệt mặc chuyên chấp nhất thiết pháp tướng. Ư chữ pháp trung, mặc sanh tham tướng. Thường sanh tri pháp, kiến pháp chi tướng.

Thiện nam tử! Nhữ năng như thị, chí tâm thính pháp, thị tác danh vi văn sở bất văn.

Thiện nam tử! Hữu bất văn, văn; hữu bất văn, bất văn; hữu văn, bất văn; hữu văn, văn.

Thiện nam tử! Như bất sanh, sanh; bất sanh, bất sanh; sanh, bất sanh; sanh, sanh. Như bất đáo, đáo; bất đáo, bất đáo; đáo, bất đáo; đáo, đáo.

Thế Tôn! Vân hà bất sanh, sanh?

Thiện nam tử! An trụ Thế đế, sơ xuất thai thời, thị danh bất sanh, sanh.

Vân hà bất sanh, bất sanh?

Thiện nam tử! Thị đại Niết-bàn vô hữu sanh tướng, thị danh bất sanh, bất sanh.

Vân hà danh sanh, bất sanh?

Thiện nam tử! Thế đế tử thời, thị danh sanh, bất sanh.

Vân hà sanh, sanh?

Thiện nam tử! Nhất thiết phạm phu, thị danh sanh, sanh. Hà dĩ cố? Sanh sanh bất đoạn cố, nhất thiết hữu lậu niệm niệm sanh cố, thị danh sanh, sanh. Tứ trụ Bồ Tát, danh sanh, bất sanh. Hà dĩ cố? Sanh tự tại cố, thị danh sanh, bất sanh.

Thiện nam tử! Thị danh nội pháp. Vân hà ngoại pháp? Vị sanh sanh; vị sanh, vị sanh; sanh vị sanh; sanh, sanh.

善男子。譬如種子未生牙時。得四大和合人功作業然後乃生。是名未生生。

云何未生未生。譬如敗種及未遇緣。如是等輩名未生未生。

云何生未生。如牙生已而不增長。是名生未生。

云何生生。如牙增長。若生不生則無增長。如是一切有漏是名外法生生。

琉璃光菩薩摩訶薩白佛言。世尊。有漏之法若有生者。為是常耶是無常乎。生若是常有漏之法則無有生。生若無常則有漏是常。

世尊。若生能自生生無自性。若能生他以何因緣不生無漏。

世尊。若未生時有生者。云何於今乃名為生。若未生時無生者。何故不說虛空為生。

佛言。善哉善哉。善男子。不生生不可說。生生亦不可說。生不生亦不可說。不生不生亦不可說。生亦不可說。不生亦不可說。有因緣故亦可得說。

云何不生生不可說。不生名為生。云何可說。何以故。以其生故。

云何生生不可說。生生故生。生生故不生。亦不可說。

Thiện nam tử! Thí như chủng tử, vị sanh nha thời, đắc tứ đại hòa hiệp, nhân công tác nghiệp; nhiên hậu nãi sanh. Thị danh vị sanh, sanh.

Vân hà vị sanh, vị sanh? Thí như bại chủng, cập vị ngô duyên. Như thị đẳng bối, danh vị sanh, vị sanh.

Vân hà sanh, vị sanh? Như nha sanh dĩ, nhi bất tăng trưởng. Thị danh sanh, vị sanh.

Vân hà sanh, sanh? Như nha tăng trưởng, nhược sanh; bất sanh, tác vô tăng trưởng. Như thị nhất thiết hữu lậu, thị danh ngoại Pháp sanh, sanh.

Lưu Ly Quang Bồ Tát *ma-ha-tát* bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Hữu lậu chi Pháp, nhược hữu sanh giả, vi thị thường da? Thị vô thường hồ? Sanh nhược thị thường, hữu lậu chi pháp, tác vô hữu sanh! Sanh nhược vô thường, tác hữu lậu thị thường!

Thế Tôn! Nhược sanh năng tự sanh, sanh vô tự tánh. Nhược năng sanh tha, dĩ hà nhân duyên, bất sanh vô lậu?

Thế Tôn! Nhược vị sanh thời, hữu sanh giả, vân hà ư kim nãi danh vị sanh? Nhược vị sanh, thời vô sanh giả, hà cố bất thuyết hư không vị sanh?

Phật ngôn: Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! Bất sanh, sanh, bất khả thuyết. Sanh, sanh, diệt bất khả thuyết. Sanh, bất sanh, diệt bất khả thuyết. Bất sanh, bất sanh, diệt bất khả thuyết. Sanh, diệt bất khả thuyết. Bất sanh, diệt bất khả thuyết. Hữu nhân duyên cố, diệt khả đắc thuyết.

Vân hà bất sanh, sanh, bất khả thuyết? Bất sanh, danh vị sanh. Vân hà khả thuyết? Hà dĩ cố? Dĩ kỳ sanh cố.

Vân hà sanh, sanh bất khả thuyết? Sanh sanh, cố sanh. Sanh sanh, cố bất sanh, diệt bất khả thuyết.

云何生不生不可說。生即名為生。生不自生故不可說。

云何不生不生不可說。不生者名為涅槃。涅槃不生故不可說。何以故。以修道得故。

云何生亦不可說。以生無故。

云何不生不可說。以有得故。

云何有因緣故亦可得說。十因緣法為生作因。以是義故亦可得說。

善男子。汝今莫入甚深空定。何以故。大眾鈍故。

善男子。有為之法生亦是常。以住無常生亦無常住亦是常。以生生故住亦無常異亦是常。以法無常異亦無常壞亦是常。以本無今有故壞亦無常。

善男子。以性故生住異壞皆悉是常。念念滅故不可說常。是大涅槃能斷滅故故名無常。

善男子。有漏之法未生之時已有生性故生能生。無漏之法本無生性是故生不能生。如火有本性遇緣則發。眼有見性因色因明因心故見。眾生法亦復如是。由本有性遇業因緣。父母和合則便有生。

爾時琉璃光菩薩摩訶薩。及八萬四千菩薩摩訶薩。聞是法已踊在虛空高七多羅樹。恭敬合掌而白佛

Vân hà sanh, bất sanh, bất khả thuyết? Sanh, tức danh vi sanh. Sanh, bất tự sanh, cố bất khả thuyết.

Vân hà bất sanh, bất sanh, bất khả thuyết? Bất sanh giả, danh vi Niết-bàn. Niết-bàn bất sanh, cố bất khả thuyết. Hà dĩ cố? Dĩ tu đạo đắc cố.

Vân hà sanh, diệt bất khả thuyết? Dĩ sanh vô cố.

Vân hà bất sanh, bất khả thuyết? Dĩ hữu đắc cố.

Vân hà hữu nhân duyên cố, diệt khả đắc thuyết? Thập nhân duyên pháp, vị sanh tác nhân. Dĩ thị nghĩa cố, diệt khả đắc thuyết.

Thiện nam tử! Nhữ kim mặc nhập thậm thâm không định. Hà dĩ cố? Đại chúng độn cố.

Thiện nam tử! Hữu vi chi pháp, sanh diệt thị thường. Dĩ trụ vô thường, sanh diệt vô thường. Trụ diệt thị thường. Dĩ sanh sanh cố, trụ diệt vô thường. Dĩ diệt thị thường. Dĩ pháp vô thường, dĩ diệt vô thường. Hoại diệt thị thường. Dĩ bản vô kim hữu cố, hoại diệt vô thường.

Thiện nam tử! Dĩ tánh cố, sanh, trụ, dị, hoại, giai tất thị thường. Niệm niệm diệt cố, bất khả thuyết thường. Thị Đại Niết-bàn, năng đoạn diệt cố, cố danh vô thường.

Thiện nam tử! Hữu lậu chi pháp, vị sanh chi thời, dĩ hữu sanh tánh, cố sanh, năng sanh. Vô lậu chi pháp, bản vô sanh tánh, thị cố sanh, bất năng sanh. Như hỏa hữu bản tánh, ngộ duyên tắc phát. Nhân hữu kiến tánh: nhân sắc, nhân minh, nhân tâm, cố kiến. Chúng sanh sanh pháp diệt phục như thị; do bản hữu tánh, ngộ nghiệp nhân duyên, phụ mẫu hòa hiệp, tắc tiện hữu sanh.

Nhĩ thời, Lưu Ly Quang Bồ Tát *ma-ha-tát* cập bát vạn tứ thiên Bồ Tát *ma-ha-tát*, văn thị pháp dĩ, đồng tại hư không, cao thất đa-la thọ, cung kính hiệp chưởng, nhi bạch Phật

言。世尊。我蒙如來慇懃教誨。因大涅槃始得悟解聞所不聞。亦令八萬四千菩薩深解諸法不生等。

世尊。我今已解斷諸疑網。然此會中有一菩薩名曰無畏。復欲諮稟唯垂聽許。

爾時世尊告無畏菩薩。善男子。隨意問難吾當為汝分別解說。

爾時無畏菩薩與八萬四千諸菩薩等俱從座起。更整衣服長跪合掌而白佛言。世尊。此土眾生當造何業而得生彼不動世界。其土菩薩云何而得智慧成就。人中象王有大威德。具修諸行利智捷疾聞則能解。

爾時世尊即說偈言。

不害眾生命  
堅持諸禁戒  
受佛微妙教  
則生不動國。

不奪他人財  
常施惠一切  
造招提僧坊  
則生不動國。

不犯他婦女  
自妻不非時  
施持戒臥具  
則生不動國。

ngôn: Thế Tôn! Ngã môn Như Lai ân cần giáo hối; nhân Đại Niết-bàn, thủy đắc ngộ giải, văn sở bất văn; diệc linh bát vạn tứ thiên Bồ Tát thâm giải chư pháp bất sanh, sanh đẳng.

Thế Tôn! Ngã kim dĩ giải, đoạn chư nghi võng. Nhiên thử hội trung, hữu nhất Bồ Tát danh viết Vô Úy, phục dục tư bả, duy thùy thính hứa.

Nhĩ thời, Thế Tôn cáo Vô Úy Bồ Tát: Thiện nam tử! Tùy ý vấn nạn. Ngộ đương vị nhữ, phân biệt giải thuyết.

Nhĩ thời, Vô Úy Bồ Tát dĩ bát vạn tứ thiên chư Bồ Tát đẳng, câu tùng tòa khởi, cánh chỉnh y phục, trường quy hiệp chưởng, nhi bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Thủ độ chúng sanh đương tạo hà nghiệp nhi đắc sanh bỉ Bất Động thế giới? Kỳ độ Bồ Tát vân hà nhi đắc trí tuệ thành tựu, nhân trung tượng vương, hữu đại oai đức, cụ tu chư hạnh, lợi trí tiệp tậ, văn tác năng giải?

Nhĩ thời, Thế Tôn tức thuyết kệ ngôn:

Bất hại chúng sanh mạng,  
Kiên trì chư cấm giới,  
Thọ Phật vi diệu giáo,  
Tắc sanh Bất Động quốc.

Bất đoạt tha nhân tài,  
Thường thí tuệ nhất thiết,  
Tạo chiêu đề tăng phường,  
Tắc sanh Bất Động quốc.

Bất phạm tha phụ nữ,  
Tự thê bất phi thời,  
Thí trì giới ngoại cụ,  
Tắc sanh Bất Động quốc.

不為自他故  
求利及恐怖  
慎口不妄語  
則生不動國。

莫壞善知識  
遠離惡眷屬  
口常和合語  
則生不動國。

如諸菩薩等  
常離諸惡口  
所說人樂聞  
則生不動國。

乃至於戲笑  
不說非時語  
護慎常時語  
則生不動國。

見他得利養  
常生歡喜心  
不起嫉妒結  
則生不動國。

不惱於眾生  
常生於慈心  
不生方便惡  
則生不動國。

邪見言無施,  
父母及去來

Bất vị tự tha cố,  
Cầu lợi cập khủng bố,  
Thận khẩu bất vọng ngữ,  
Tắc sanh Bất Động quốc.

Mạc hoại thiện tri thức,  
Viễn ly ác quyến thuộc,  
Khẩu thường hòa hiệp ngữ,  
Tắc sanh Bất Động quốc.

Như chư Bồ Tát đẳng,  
Thường ly chư ác khẩu,  
Sở thuyết nhân nhạo văn,  
Tắc sanh Bất Động quốc.

Nãi chí ư hý tiếu,  
Bất thuyết phi thời ngữ,  
Hộ thận thường thời ngữ,  
Tắc sanh Bất Động quốc.

Kiến tha đắc lợi dưỡng,  
Thường sanh hoan hỷ tâm  
Bất khởi tật đố kết,  
Tắc sanh Bất Động quốc.

Bất nảo ư chúng sanh,  
Thường sanh ư từ tâm,  
Bất sanh phương tiện ác,  
Tắc sanh Bất Động quốc.

Tà kiến ngôn vô thí,  
Phụ mẫu cập khú lai,

不起如是見  
則生不動國。  
曠路作好井  
殖果樹林  
常施乞食者  
則生不動國。  
若於佛法僧  
供養一香燈  
乃至獻一花  
則生不動國。  
若為恐怖故  
利養及福德  
書是經一偈  
則生不動國。  
若為憍利福  
能於一日中  
讀誦是經典  
則生不動國。  
若為無上道  
一日一夜中  
受持八齋戒  
則生不動國。  
不與犯重禁  
呵謗方等者  
同共一處住  
則生不動國。

Bất khởi như thị kiến,  
Tắc sanh Bất Động quốc.  
Khoáng lộ tác hảo tỉnh,  
Chủng thực quả thọ lâm,  
Thường thí khát thực giả,  
Tắc sanh Bất Động quốc.  
Nhược ư Phật, Pháp, tăng,  
Cúng dường nhất hương, đăng,  
Nãi chí hiến nhất hoa,  
Tắc sanh Bất Động quốc.  
Nhược vị khủng bố cố,  
Lợi dưỡng cập phước đức,  
Thơ thị kinh nhất kệ,  
Tắc sanh Bất Động quốc.  
Nhược vị hy lợi phước,  
Năng ư nhất nhật trung,  
Độc tụng thị kinh điển,  
Tắc sanh Bất Động quốc.  
Nhược vị vô thượng đạo,  
Nhất nhật nhất dạ trung,  
Thọ trì bát trai giới,  
Tắc sanh Bất Động quốc.  
Bất dữ phạm trọng cấm,  
Ha báng Phương đẳng giả,  
Đồng cộng nhất xứ trụ,  
Tắc sanh Bất Động quốc.

若能施病者  
乃至於一果  
歡喜而瞻視  
則生不動國。

不犯僧鬘物  
善守於佛物  
塗掃佛僧地  
則生不動國。

造像及佛塔  
猶如大拇指  
常生歡喜心  
則生不動國。

若為是經典  
自身及財寶  
施於說法者  
則生不動國。

若能聽書寫  
受持及讀誦  
諸佛祕密藏  
則生不動國。

爾時無畏菩薩摩訶薩白佛言。世尊。我今已知所  
造業緣得生彼國。是光明遍照高貴德王菩薩摩訶薩。  
普為憐愍一切眾生先所諮問。如來若說則能利益安樂  
人天阿修羅乾闥婆迦樓羅緊那羅摩睺羅伽等。

Nhược năng thí bệnh giả,  
Nãi chí ư nhất quả,  
Hoan hỷ nhi chiêm thị,  
Tắc sanh Bất Động quốc.

Bất phạm tăng-man vật,  
Thiện thủ ư Phật vật,  
Đồ tảo Phật tăng địa,  
Tắc sanh Bất Động quốc.

Tạo tượng cập Phật tháp,  
Do như đại mẫu chỉ,  
Thường sanh hoan hỷ tâm  
Tắc sanh Bất Động quốc.

Nhược vị thị kinh điển,  
Tự thân cập tài bảo,  
Thí ư thuyết pháp giả,  
Tắc sanh Bất Động quốc.

Nhược năng thính thư tả,  
Thọ trì cập đọc, tụng,  
Chư Phật bí mật tạng,  
Tắc sanh Bất Động quốc.

Nhĩ thời, Vô Úy Bồ Tát *ma-ha-tát* bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã kim dĩ tri sở tạo nghiệp duyên đắc sanh bỉ quốc. Thị Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đúc Vương Bồ Tát *ma-ha-tát*, phổ vị lân mẫn nhất thiết chúng sanh, tiên sở tư vấn. Như Lai nhược thuyết, tắc năng lợi ích an lạc nhân, thiên, *a-tu-la, cà-thát-bà, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già* đẳng.

爾時世尊即告光明遍照高貴德王菩薩。善哉善哉。善男子。汝今於此當至心聽。吾當為汝分別解說。有因緣故未到不到。有因緣故不到到。有因緣故到不到。有因緣故到到。

何因緣故未到不到。善男子。夫不到者是大涅槃。凡夫未到以有貪欲瞋恚愚癡故。身業口業不清淨故。及受一切不淨物故。犯四重故謗方等故一闡提故五逆罪故。以是義故未到不到。

善男子。何因緣故不到到。不到者名大涅槃。何義故到。永斷貪欲瞋恚愚癡身口惡故。不受一切不淨物故。不犯四重故。不謗方等經故。不作一闡提故。不作五逆罪故。以是義故名不到到。須陀洹者八萬劫到。斯陀含者六萬劫到。阿那含者四萬劫到。阿羅漢者二萬劫到。辟支佛者十千劫到。以是義故名不到到。

善男子。何因緣故名到不到。到者名為二十五有。一切眾生常為無量煩惱諸結之所覆蔽。往來不離猶如車輪。是名為到。聲聞緣覺及諸菩薩已得永離。故名不到。為欲化度諸眾生故示現在中。亦名為到。

善男子。何因緣故名到到。到者即是二十五有。一切凡夫須陀洹乃至阿那含。煩惱因緣故名到到。

Nhĩ thời Thế Tôn tức cáo Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đúc Vương Bồ Tát: Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! Nhĩ kim ư thủ, đương chí tâm thính. Ngô đương vị nhĩ, phân biệt giải thuyết. Hữu nhân duyên cố, vị đáo, bất đáo. Hữu nhân duyên cố, bất đáo, đáo. Hữu nhân duyên cố, đáo, bất đáo. Hữu nhân duyên cố, đáo, đáo.

Hà nhân duyên cố, vị đáo, bất đáo? Thiện nam tử! Phù bất đáo giả, thị danh Đại Niết-bàn. Phạm phu vị đáo, dĩ hữu tham dục, sân khuể, ngu si cố; thân nghiệp, khẩu nghiệp bất thanh tịnh cố; cập thọ nhất thiết bất tịnh vật cố; phạm tứ trọng cố; báng Phương đẳng cố; nhất-xiển-đề cố; ngũ nghịch tội cố. Dĩ thị nghĩa cố, vị đáo, bất đáo.

Thiện nam tử! Hà nhân duyên cố, bất đáo, đáo? Bất đáo giả, danh Đại Niết-bàn. Hà nghĩa cố đáo? Vĩnh đoạn tham dục, sân khuể, ngu si, thân, khẩu ác cố; bất thọ nhất thiết bất tịnh vật cố; bất phạm tứ trọng cố; bất báng Phương đẳng kinh cố; bất tác nhất-xiển-đề cố; bất tác ngũ nghịch tội cố. Dĩ thị nghĩa cố, danh bất đáo, đáo. Tu-đà-hoàn giả, bát vạn kiếp đáo. Tu-đà-hàm giả, lục vạn kiếp đáo. A-na-hàm giả, tứ vạn kiếp đáo. A-la-hán giả, nhị vạn kiếp đáo. Bích-chi Phật giả, thập thiên kiếp đáo. Dĩ thị nghĩa cố, danh bất đáo, đáo.

Thiện nam tử! Hà nhân duyên cố, danh đáo, bất đáo? Đáo giả, danh vi nhị thập ngũ hữu. Nhất thiết chúng sanh thường vi vô lượng phiền não chư kết chi sở phú tế, vãng lai bất ly, do như xa luân. Thị danh vi đáo. Thanh văn, Duyên giác cập chư Bồ Tát dĩ đắc vĩnh ly cố, danh bất đáo. Vị dục hóa độ chư chúng sanh cố, thị hiện tại trung, diệc danh vi đáo.

Thiện nam tử! Hà nhân duyên cố, danh vi đáo, đáo? Đáo giả, tức thị nhị thập ngũ hữu. Nhất thiết phạm phu, Tu-đà-hoàn nãi chí A-na-hàm, phiền não nhân duyên cố, danh đáo, đáo.

善男子。聞所不聞亦復如是。有不聞聞。有不聞不聞。有聞不聞。有聞聞。

云何不聞聞。善男子。不聞者名大涅槃。何故不聞。非有為故非音聲故不可說故。云何亦聞。得聞名故。所謂常樂我淨。以是義故名不聞聞。

爾時光明遍照高貴德王菩薩摩訶薩白佛言。世尊。如佛所說大涅槃者不可得聞。云何復言常樂我淨而可得聞。何以故。

世尊。斷煩惱者名得涅槃。若未斷者名為不得。以是義故涅槃之性本無今有。若世間法本無今有則名無常。譬如瓶等本無今有已有還無。故名無常。涅槃亦爾。云何說言常樂我淨。

復次世尊。凡因莊嚴而得成者。悉名無常。涅槃若爾應是無常。何等因緣所謂三十七品六波羅蜜四無量心。觀於骨相，阿那波那，六念處，破析六大。如是等法皆是成就涅槃因緣。故名無常。

復次世尊。有名無常。若涅槃是有亦應無常。如佛昔於阿含中說。聲聞緣覺諸佛世尊皆有涅槃。以是義故名為無常。

復次世尊。可見之法名為無常。如佛先說。見涅槃者則得斷除一切煩惱。復次世尊。譬如虛空於諸眾

Thiện nam tử! Văn sở bất văn, diệc phục như thị. Hữu bất văn, văn; hữu bất văn, bất văn, hữu văn, bất văn, hữu văn, văn.

Vân hà bất văn, văn? Thiện nam tử! Bất văn giả, danh Đại Niết-bàn. Hà cố bất văn? Phi hữu vi cố, phi âm thanh cố, bất khả thuyết cố. Văn hà diệc văn? Đắc văn danh cố, sở vị: thường, lạc, ngã, tịnh. Dĩ thị nghĩa cố, danh bất văn, văn.

Nhĩ thời, Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đúc Vương Bồ Tát *ma-ha-tát* bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Phật sở thuyết, Đại Niết-bàn giả, bất khả đắc văn. Vân hà phục ngôn: thường, lạc, ngã, tịnh, nhi khả đắc văn? Hà dĩ cố?

Thế Tôn! Đoạn phiền não giả, danh đắc Niết-bàn. Nhược vị đoạn giả, danh vi bất đắc. Dĩ thị nghĩa cố, Niết-bàn chi tánh, bản vô kim hữu. Nhược thế gian pháp, bản vô kim hữu, tắc danh vô thường. Thí như bình đẳng, bản vô kim hữu, dĩ hữu hoàn vô, cố danh vô thường. Niết-bàn nhược nhĩ, vân hà thuyết ngôn: thường, lạc, ngã, tịnh?

Phục thứ Thế Tôn! Phạm nhân trang nghiêm nhi đắc thành giả, tất danh vô thường. Niết-bàn nhược nhĩ, ưng thị vô thường. Hà đẳng nhân duyên? Sở vị: Tam thập thất phẩm, Lục *Ba-la-mật*, Tứ vô lượng tâm, quán ư cốt tướng, A-na-bana, Lục niệm xứ, phá tích lục đại. Như thị đẳng pháp giai thị thành tựu Niết-bàn nhân duyên. Cố danh vô thường.

Phục thứ Thế Tôn! Hữu danh vô thường. Nhược Niết-bàn thị hữu. Diệc ưng vô thường. Như Phật tích ư A-hàm trung thuyết: Thanh văn, Duyên giác, chư Phật Thế Tôn giai hữu Niết-bàn. Dĩ thị nghĩa cố, danh vi vô thường.

Phục thứ Thế Tôn! Khả kiến chi pháp danh vi vô thường. Như Phật tiên thuyết, kiến Niết-bàn giả tắc đắc đoạn trừ nhất thiết phiền não. Phục thứ Thế Tôn! Thí như hư không, ư chư chúng sanh, đẳng vô chúng ngại, cố danh vi vô thường. Nhược

生等無障礙。故名為常。若使涅槃是常等者。何故眾生有得不得。涅槃若爾於諸眾生不平等者則不名常。

世尊。譬如百人共有一怨。若害此怨則多人受樂。若使涅槃是平等法。一人得時應多人得。一人斷結應多人亦斷。若不如是云何名常。

譬如有人恭敬供養尊重讚歎國王王子父母師長。則得利養是不名常。涅槃亦爾不名為常。何以故。如佛昔於阿含經中告阿難言。若有人能恭敬涅槃。則得斷結受無量樂。以是義故不名為常。

世尊。若涅槃中有常樂我淨名者不名為常。如其無者云何可說。

爾時世尊告光明遍照高貴德王菩薩摩訶薩言。涅槃之體非本無今有。若涅槃體本無今有者。則非無漏常住之法。有佛無佛性相常住。以諸眾生煩惱覆故不見涅槃便謂為無。菩薩摩訶薩以戒定慧勤修其心。斷煩惱已便得見之。當知涅槃是常住法。非本無今有是故為常。

善男子。如閻室中井種種七寶。人亦知有閻故不見。有智之人善知方便然大明燈持往照了悉得見之。是人於此終不生念。水及七寶本無今有。涅槃亦爾本自有之非適今也。煩惱閻故眾生不見。大智

sử Niết-bàn thị thường đẳng giả, hà cố chúng sanh hữu đắc, bất đắc? Niết-bàn nhược nhĩ, ư chư chúng sanh, bất bình đẳng giả, tắc bất danh thường.

Thế Tôn! Thí như bá nhân, cộng hữu nhất oán. Nhược hại thử oán, tắc đa nhân thọ lạc. Nhược sử Niết-bàn thị bình đẳng pháp, nhất nhân đắc thời, ưng đa nhân đắc, nhất nhân đoạn kết, ưng đa nhân diệt đoạn. Nhược bất như thị, vân hà danh thường.

Thí như hữu nhân cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán quốc vương, vương tử, phụ mẫu, sư trưởng, tắc đắc lợi dưỡng. Thị bất danh thường. Niết-bàn diệt nhĩ; bất danh vi thường. Hà dĩ cố? Như Phật tích ư A-hàm kinh trung, cáo A-nan-ngôn: Nhược hữu nhân năng cung kính Niết-bàn, tắc đắc đoạn kết, thọ vô lượng lạc. Dĩ thị nghĩa cố, bất danh vi thường.

Thế Tôn! Nhược Niết-bàn trung, hữu thường, lạc, ngã, tịnh danh giả, bất danh vi thường. Như kỳ vô giả, vân hà khả thuyết.

Nhĩ thời, Thế Tôn cáo Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đúc Vương Bồ Tát *ma-ha-tát* ngôn: Niết-bàn chi thể phi bản vô kim hữu. Nhược Niết-bàn thể bản vô kim hữu giả, tắc phi vô lậu. Thường trụ chi pháp, hữu Phật, vô Phật, tánh tướng thường trụ. Dĩ chư chúng sanh, phiền não phú cố, bất kiến Niết-bàn, tiện vị vi vô. Bồ Tát *ma-ha-tát* dĩ giới, định, tuệ, cần tu kỳ tâm, đoạn phiền não dĩ, tiện đắc kiến chi. Đương tri Niết-bàn thị thường trụ pháp, phi bản vô kim hữu. Thị cố vi thường.

Thiện nam tử! Như ám thất trung tịnh, chủng chủng thất bảo. Nhân diệt tri hữu, ám cố bất kiến. Hữu trí chi nhân, thiện tri phương tiện, nhiên đại minh đăng, trì vãng chiếu liễu, tất đắc kiến chi. Thị nhân ư thử, chung bất sanh niệm: thủy cập thất bảo bản vô kim hữu. Niết-bàn diệt nhĩ; bản tự hữu chi, phi đích kim dã. Phiền não ám cố, chúng sanh bất kiến. Đại trí

如來以善方便然智慧燈。令諸菩薩得見涅槃常樂我淨。是故智者於此涅槃不應說言本無今有。

善男子。汝言因莊嚴故得成涅槃應無常者。是亦不然。何以故。

善男子。涅槃之體非生非出非實非虛。非作業生非是有漏有為之法。非聞非見非墮非死。非別異相亦非同相。非往非還非去來今非一非多。非長非短非圓非方非尖非斜非有相非無相非名非色。非因非果非我我所。以是義故。涅槃是常恆不變易。是以無量阿僧祇劫修集善法。以自莊嚴然後乃見。

善男子。譬如地下有八味水。一切眾生而不能得。有智之人施功穿掘則便得之。涅槃亦爾。

譬如盲人不見日月。良醫療之則便得見。而是日月非是本無今有。涅槃亦爾先自有之非適今也。

善男子。如人有罪繫之囹圄久乃得出。還家得見父母兄弟妻子眷屬。涅槃亦爾。

善男子。汝言因緣故涅槃之法應無常者。是亦不然。何以故。

善男子。因有五種。何等為五。一者生因。二者和合因。三者住因。四者增長因。五者遠因。

Như Lai, dĩ thiện phương tiện, nhiên trí tuệ đăng, linh chú Bồ Tát đắc kiến *Niết-bàn*, thường, lạc, ngã, tịnh. Thị cố trí giả, ư thủ *Niết-bàn*, bất ưng thuyết ngôn bản vô kim hữu.

Thiện nam tử! Nhữ ngôn: nhân trang nghiêm cố, đắc thành *Niết-bàn*, ưng vô thường giả. Thị diệc bất nhiên. Hà dĩ cố?

Thiện nam tử! *Niết-bàn* chi thể phi sanh, phi xuất, phi thật, phi hư, phi tác nghiệp sanh; phi thị hữu lậu, hữu vi chi pháp. Phi văn, phi kiến, phi đạo, phi tử, phi biệt dị tướng, diệc phi đồng tướng. Phi vãng, phi hoàn; phi khứ, lai, kim; phi nhất, phi đa, phi trường, phi đoản, phi viên, phi phương, phi tiêm, phi tà, phi hữu tướng, phi vô tướng, phi danh, phi sắc, phi nhân, phi quả, phi ngã, ngã sở. Dĩ thị nghĩa cố, *Niết-bàn* thị thường, hằng bất biến dị. Thị dĩ vô lượng *a-tăng-kỳ* kiếp, tu tập thiện pháp, dĩ tự trang nghiêm; nhiên hậu nãi kiến.

Thiện nam tử! Thí như địa hạ, hữu bát vị thủy; nhất thiết chúng sanh nhi bất năng đắc. Hữu trí chi nhân, thi công xuyên quật, tác tiện đắc chi. *Niết-bàn* diệc nhĩ.

Thí như manh nhân bất kiến nhật, nguyệt; lương y liệu chi, tác tiện đắc kiến. Nhi thị nhật, nguyệt phi thị bản vô kim hữu. *Niết-bàn* diệc nhĩ; tiên tự hữu chi, phi đích kim dã.

Thiện nam tử! Như nhân hữu tội, hệ chi linh ngục; cữu nãi đắc xuất. Hoàn gia đắc kiến phụ mẫu, huynh đệ, thê tử quyến thuộc. *Niết-bàn* diệc nhĩ.

Thiện nam tử! Nhữ ngôn: nhân duyên cố, *Niết-bàn* chi Pháp ưng vô thường giả. Thị diệc bất nhiên. Hà dĩ cố?

Thiện nam tử! Nhân, hữu ngũ chủng. Hà đẳng vi ngũ? Nhất giả sanh nhân, nhị giả hòa hiệp nhân, tam giả trụ nhân, tứ giả tăng trưởng nhân, ngũ giả viễn nhân.

云何生因。生因者即是業煩惱等。及外諸草木子。是名生因。

云何和合因。如善與善心和合。不善與不善心和合。無記與無記心和合。是名和合因。

云何住因。如下有柱屋則不墮。山河樹木因大地故而得住立。內有四大無量煩惱眾生得住。是名住因。

云何增長因。因緣衣服飲食等故令眾生增長。如外種子火所不燒鳥所不食則得增長。如諸沙門婆羅門等。依因和尚善知識等而得增長。如因父母子得增長。是名增長因。

云何遠因。譬如因咒鬼不能害毒不能中。依憑國王無有盜賊。如芽依因地水火風等。如水鑽人為酥遠因。如明色等為識遠因。父母精血為眾生遠因。如時節等悉名遠因。

善男子。涅槃之體非是如是五因所成。云何當言是無常耶。

復次善男子。復有二因。一者作因。二者了因。如陶師輪繩。是名作因。如燈燭等照闇中物。是名了因。

Vân hà sanh nhân? Sanh nhân giả, tức thị nghiệp phiền não đẳng, cập ngoại chư thảo mộc tử. Thị danh sanh nhân.

Vân hà hòa hiệp nhân? Như thiện dữ thiện tâm hòa hiệp, bất thiện dữ bất thiện tâm hòa hiệp, vô ký dữ vô ký tâm hòa hiệp. Thị danh hòa hiệp nhân.

Vân hà trụ nhân? Như hạ hữu trụ, ốc tắc bất đọa; sơn hà thọ mộc nhân đại địa cố, nhi đắc trụ lập. Nội hữu tứ đại, vô lượng phiền não, chúng sanh đắc trụ. Thị danh trụ nhân.

Vân hà tăng trưởng nhân? Nhân duyên y phục, ẩm thực đẳng cố, linh chúng sanh tăng trưởng. Như ngoại chủng tử, hỏa sở bất thiêu, điều sở bất thực, tắc đắc tăng trưởng. Như chư sa-môn, bà-la-môn đẳng y nhân hòa thượng, thiện tri thức đẳng, nhi đắc tăng trưởng. Như nhân phụ mẫu, tử đắc tăng trưởng. Thị danh tăng trưởng nhân.

Vân hà viễn nhân? Thí như nhân chú, quỷ bất năng hại, độc bất năng trúng; y bằng quốc vương, vô hữu đạo tặc. Như nha y nhân: địa, thủy, hỏa, phong đẳng. Như thủy, toàn, nhân vi tô viễn nhân. Như minh, sắc đẳng vi thức viễn nhân. Phụ mẫu tinh huyết vi chúng sanh viễn nhân. Như thời tiết đẳng, tất danh viễn nhân.

Thiện nam tử! Niết-bàn chi thể, phi thị như thị ngũ nhân sở thành. Vân hà đương ngôn thị vô thường da?

Phục thứ, thiện nam tử! Phục hữu nhị nhân: nhất giả tác nhân, nhị giả liễu nhân. Như đào sư, luân, thàng, thị danh tác nhân. Như đăng, chúc đẳng, chiếu ám trung vật, thị danh liễu nhân.

善男子。大涅槃者。不從作因而有。唯有了因。了因者。所謂三十七助道法六波羅蜜。是名了因。

善男子。布施者是涅槃因。非大涅槃因。檀波羅蜜乃得名為大涅槃因。三十七品是涅槃因。非大涅槃因。無量阿僧祇助菩提法。乃得名為大涅槃因。

爾時光明遍照高貴德王菩薩摩訶薩白佛言。世尊。云何布施不得名為檀波羅蜜。云何布施而得之檀波羅蜜。乃至般若波羅蜜。云何不得名為般若波羅蜜。云何得名為般若波羅蜜。云何名涅槃。云何名大涅槃。

佛言。善男子。菩薩摩訶薩修行方等大般涅槃。不聞布施不見布施。不聞檀波羅蜜不見檀波羅蜜。乃至不聞般若不見般若。不聞般若波羅蜜不見般若波羅蜜。不聞涅槃不見涅槃。不聞大涅槃不見大涅槃。

菩薩摩訶薩修大涅槃。知見法界解了實相空無所有。無有和合覺知之相。得無漏相無所作相如幻化相。熱時炎相乾闥婆城虛空之相。菩薩爾時得如是相。無貪恚癡不聞不見。是名菩薩摩訶薩真實之相安住實相。菩薩摩訶薩自知此是檀此是檀波羅蜜。乃至此是般若此是般若波羅蜜。此是涅槃此是大涅槃。

善男子。云何是施非波羅蜜。見有乞者然後乃

Thiện nam tử! Đại Niết-bàn giả, bất tùng tác nhân nhi hữu. Duy tùng liễu nhân. Liễu nhân giả, sở vi: tam thập thất trợ đạo pháp, lục Ba-la-mật. Thị danh liễu nhân.

Thiện nam tử! Bố thí giả, thị Niết-bàn nhân; phi Đại Niết-bàn nhân. Đàn Ba-la-mật nãi đắc danh vi Đại Niết-bàn nhân. Tam thập thất phẩm, thị Niết-bàn nhân; phi Đại Niết-bàn nhân. Vô lượng a-tăng-kỳ trợ bồ-đề pháp nãi đắc danh vi Đại Niết-bàn nhân.

Nhĩ thời Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Bồ Tát ma-ha-tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Vân hà bố thí, bất đắc danh vi Đàn Ba-la-mật? Vân hà bố thí nhi đắc danh chi Đàn Ba-la-mật? Nãi chí Bát-nhã Ba-la-mật? Vân hà bất đắc danh vi Bát-nhã Ba-la-mật? Vân hà đắc danh vi Bát-nhã Ba-la-mật? Vân hà danh Niết-bàn? Vân hà danh Đại Niết-bàn?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát tu hành Phương đẳng Đại Niết-bàn, bất văn bố thí, bất kiến bố thí, bất văn Đàn Ba-la-mật, bất kiến Đàn Ba-la-mật; nãi chí bất văn Bát-nhã, bất kiến Bát-nhã, bất văn Bát-nhã Ba-la-mật, bất kiến Bát-nhã Ba-la-mật bất văn Niết-bàn, bất kiến Niết-bàn, bất văn Đại Niết-bàn, bất kiến Đại Niết-bàn.

Bồ Tát ma-ha-tát tu Đại Niết-bàn, tri kiến pháp giới, giải liễu thật tướng: Không, vô sở hữu, vô hữu hòa hiệp giác tri chi tướng, đắc vô lậu tướng, vô sở tác tướng, như ảo hóa tướng, nhiệt thời diệm tướng, Càn-thát-bà thành, không hư chi tướng. Bồ Tát nhĩ thời đắc như thị tướng, vô tham, nhuế, si; bất văn, bất kiến. Thị danh Bồ Tát ma-ha-tát chân thật chi tướng. An trụ thật tướng, Bồ Tát ma-ha-tát tự tri thủ thị Đàn, thủ thị Đàn Ba-la-mật; nãi chí thủ thị Bát-nhã, thủ thị Bát-nhã Ba-la-mật; thủ thị Niết-bàn, thủ thị Đại Niết-bàn.

Thiện nam tử! Vân hà thị thí phi Ba-la-mật? Kiến hữu khát giả, nhiên hậu nãi dĩ, thị danh vi thí, phi Ba-la-mật.

與。是名為施非波羅蜜。若無乞者開心自施是則名為檀波羅蜜。若時時施是名為施非波羅蜜。若修常施是則名為檀波羅蜜。若施他已還生悔心是名為施非波羅蜜。施已不悔是則名為檀波羅蜜。菩薩摩訶薩於財物中生四怖心。王賊水火。歡喜施與是則名為檀波羅蜜。若望報施是名為施非波羅蜜。施不望報是則名為檀波羅蜜。

若為恐怖名聞利養家法相續天上五欲。為憍慢故為勝他故為知識故為求報故。如市易法。

善男子。如人種樹。為得蔭涼為得花菓及以材木。若人修行如是等施是名為施非波羅蜜菩薩摩訶薩修行如是大涅槃者。不見施者受者財物。不見時節不見福田及非福田。不見因不見緣不見果報。不見作者不見受者。不見多不見少。不見淨不見不淨。不輕受者。己身財物。不見見者不見不見者不計己他。唯為方等大般涅槃常住法故修行布施。為利一切諸眾生故而行布施。為斷一切眾生煩惱故。故行於施。為諸眾生不見受者施者財物故。故行於施。

善男子。譬如有人墮大海水抱持死屍則得度脫。菩薩摩訶薩修大涅槃行布施時。亦復如是如彼死屍。

善男子。譬如有人閉在深獄門戶堅牢。唯有廁

Nhược vô khát giả, khai tâm tự thí, thí tác danh vi Đàn *Ba-la-mật*. Nhược thời thời thí, thí danh vi thí, phi *Ba-la-mật*. Nhược tu thường thí, thí tác danh vi Đàn *Ba-la-mật*. Nhược thí tha dĩ, hoàn sanh hối tâm, thí danh vi thí, phi *Ba-la-mật*. Thí dĩ bất hối, thí tác danh vi Đàn *Ba-la-mật*. Bồ Tát *ma-ha-tát*, ư tài vật trung, sanh tứ bố tâm: vương, tặc, thủy, hỏa; hoan hỷ thí dữ, thí tác danh vi Đàn *Ba-la-mật*. Nhược vọng báo thí, thí danh vi thí, phi *Ba-la-mật*. Thí bất vọng báo, thí tác danh vi Đàn *Ba-la-mật*.

Nhược vị khủng bố, danh văn lợi dưỡng, gia pháp tương tục, thiên thượng ngũ dục, vị kiêu mạn cố, vị thắng tha cố, vị tri thức cố, vị cầu báo cố, như thí dịch pháp!

Thiện nam tử! Như nhân chủng thọ, vị đắc ấm lương, vị đắc hoa quả, cập dĩ tài mộc. Nhược nhân tu hành như thí đẳng thí, thí danh vi thí, phi *Ba-la-mật*. Bồ Tát *ma-ha-tát* tu hành như thí Đại *Niết-bàn* giả, bất kiến thí giả, thọ giả, tài vật; bất kiến thời tiết; bất kiến phước điền, cập phi phước điền; bất kiến nhân, bất kiến duyên, bất kiến quả báo, bất kiến tác giả, bất kiến thọ giả; bất kiến đa, bất kiến thiếu; bất kiến tịnh, bất kiến bất tịnh; bất khinh thọ giả, kỷ thân, tài vật; bất kiến kiến giả, bất kiến bất kiến giả; bất kế kỷ, tha. Duy vị Phương đẳng Đại Bát *Niết-bàn* thường trụ pháp cố, tu hành bố thí. Vị lợi nhất thiết chư chúng sanh cố, nhi hành bố thí. Vị đoạn nhất thiết chúng sanh phiền não cố, cố hành ư thí. Vị chư chúng sanh, bất kiến thọ giả, thí giả, tài vật cố, cố hành ư thí.

Thiện nam tử! Thí như hữu nhân đọa đại hải thủy, bảo trì tử thi, tác đắc độ thoát. Bồ Tát *ma-ha-tát* tu Đại *Niết-bàn*, hành bố thí thời, diệp phục như thí; như bỉ tử thi.

Thiện nam tử! Thí như hữu nhân bế tại thâm ngục, môn hộ kiên lao; duy hữu xí không. Tiệm tòng trung xuất, đáo vô

孔便從中出到無礙處。菩薩摩訶薩修大涅槃行布施時亦復如是。

善男子。譬如貴人恐怖急厄更無恃怙依旃陀羅。菩薩摩訶薩修大涅槃行於布施亦復如是。

善男子。譬如病人為除病苦得安樂故服食不淨。菩薩摩訶薩修大涅槃行於布施亦復如是。

善男子。如婆羅門值穀湧貴，為壽命故食噉狗肉。菩薩摩訶薩修大涅槃行於布施亦復如是。

善男子。大涅槃中如是之事。從無量劫來不聞而聞。尸羅尸羅波羅蜜。乃至般若般若波羅蜜。如佛雜花經中廣說。

## 大般涅槃經卷第二十一

終

ngại xú. Bồ Tát *ma-ha-tát* tu Đại Niết-bàn, hành bố thí thời, diệc phục như thị.

Thiện nam tử! Thí như quý nhân, khủng bố cấp ách, cánh vô thị hỷ, y *chiên-đà-la*. Bồ Tát *ma-ha-tát* tu Đại Niết-bàn, hành ư bố thí, diệc phục như thị.

Thiện nam tử! Thí như bệnh nhân, vị trừ bệnh khổ, đắc an lạc cố, phục thực bất tịnh. Bồ Tát *ma-ha-tát* tu Đại Niết-bàn, hành ư bố thí, diệc phục như thị.

Thiện nam tử! Như *bà-la-môn* trị cốc dũng quý, vị thọ mạng cố, thực đạm cầu nhục. Bồ Tát *ma-ha-tát* tu Đại Niết-bàn, hành ư bố thí, diệc phục như thị.

Thiện nam tử! Đại Niết-bàn trung, như thị chi sự, tòng vô lượng kiếp lai, bất văn nhi văn. Thi-la, Thi-la *Ba-la-mật*, nãi chí Bát-nhã, Bát-nhã *Ba-la-mật*, như Phật Tạng hoa kinh trung quảng thuyết.

## Đại Bát Niết-bàn Kinh quyển đệ nhị thập nhất

Chung

# KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN QUYỂN HAI MƯƠI MỐT<sup>(1)</sup>

## PHẨM BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG

### Phẩm thứ mười - Phần một

**B**ấy giờ, đức Thế Tôn bảo Đại Bồ Tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương: “Thiện nam tử! Nếu có vị Đại Bồ Tát nào tu hành kinh Đại Niết-bàn này sẽ được mười công đức không thể nghĩ bàn, không cùng chia sẻ với hàng Thanh văn và Phật Bích-chi, khiến người nghe đến đều phải kinh ngạc quái lạ, chẳng phải trong chẳng phải ngoài, chẳng phải khó chẳng phải dễ, chẳng phải tướng, chẳng phải không tướng, chẳng phải pháp thế gian, không có tướng mạo, thế gian không có được!

“Những gì là mười công đức? Trong công đức thứ nhất<sup>(2)</sup> có năm điều. Những gì là năm? Một là nghe được những điều không [thể] nghe.<sup>(3)</sup> Hai là được nghe rồi có thể làm lợi ích. Ba là có thể trừ dứt lòng nghi hoặc. Bốn là tâm sáng suốt ngay thẳng không tà vạy. Năm là có thể biết được ý nghĩa sâu kín của Như Lai. Đó là năm điều [trong công đức thứ nhất].

“Thế nào là nghe được những điều không [thể] nghe? Đó là nói những ý nghĩa hết sức sâu kín như: Tất cả

chúng sanh đều có tánh Phật; Phật, Pháp, chư Tăng không có gì khác nhau; tánh tướng của Tam bảo là *thường, lạc, ngã, tịnh*; hết thảy chư Phật đều không dứt tất cả để nhập *Niết-bàn* mà luôn thường còn, không biến đổi.

“*Niết-bàn* của Như Lai chẳng phải có, chẳng phải không; chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi; chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu; chẳng phải sắc, chẳng phải không sắc; chẳng phải tên gọi, chẳng phải không tên gọi; chẳng phải tướng, chẳng phải không tướng; chẳng phải có, chẳng phải không có; chẳng phải vật, chẳng phải không vật; chẳng phải nhân, chẳng phải quả; chẳng phải chờ đợi, chẳng phải không chờ đợi; chẳng phải sáng, chẳng phải tối; chẳng phải xuất, chẳng phải không xuất; chẳng phải thường, chẳng phải không thường; chẳng phải dứt, chẳng phải không dứt; chẳng phải khởi đầu, chẳng phải kết thúc; chẳng phải quá khứ, chẳng phải tương lai, chẳng phải hiện tại; chẳng phải các âm, chẳng phải không các âm;<sup>(4)</sup> chẳng phải các nhập, chẳng phải không các nhập;<sup>(5)</sup> chẳng phải các giới, chẳng phải không các giới;<sup>(6)</sup> chẳng phải mười hai nhân duyên, chẳng phải không mười hai nhân duyên.

“Các pháp như vậy là hết sức sâu kín, từ trước [vị Bồ Tát ấy] chưa từng nghe được mà nay có thể nghe được.

“Lại nữa, không [thể] nghe đó [cũng] là nói tất cả kinh sách của ngoại đạo, như bốn bộ luận *Tỳ-đà*,<sup>(7)</sup> luận *Tỳ-già-la*,<sup>(8)</sup> luận *Vệ-thế-sư*,<sup>(9)</sup> luận *Ca-tỳ-la*,<sup>(10)</sup> cùng tất cả những chú thuật, y phương, kỹ nghệ, nhật thực, nguyệt thực, tinh tú vận chuyển, sách địa lý, sấm ký... Những thứ kinh sách ấy, từ trước chưa từng nghe được ý nghĩa

sâu kín, nay ở trong kinh Đại Niết-bàn này đều được [nghe] biết rõ.

“Lại nữa, trong Mười một bộ kinh, trừ kinh *Tỳ-phật-lược*,<sup>(11)</sup> cũng không có nghĩa sâu kín như thế này. Nay nhân nơi kinh này mà được biết những nghĩa ấy. Thiện nam tử! Đó gọi là nghe được những điều không [thể] nghe.

“Thế nào là nghe rồi có thể làm lợi ích? Những ai có thể nghe và tin nhận kinh Đại Niết-bàn này ắt đều có thể rõ biết đầy đủ những nghĩa rất sâu của hết thảy kinh điển Phương đẳng Đại thừa. Ví như người đàn ông hay đàn bà khi nhìn vào tấm gương sáng sạch liền thấy được rõ ràng hình sắc, dáng vẻ của họ. Kinh Đại Niết-bàn cũng như tấm gương sáng, vị Bồ Tát cầm gương ấy liền thấy rõ được ý nghĩa rất sâu của kinh điển Đại thừa. Lại như người ở trong nhà tối cầm cây đuốc lớn liền soi thấy rõ hết thảy mọi vật. Kinh Đại Niết-bàn cũng như cây đuốc, Bồ Tát cầm đuốc ấy liền thấy được ý nghĩa sâu xa khó hiểu của Đại thừa. Lại như khi mặt trời hiện ra, có cả muôn ngàn tia sáng, ắt có thể soi rõ cả những chỗ tối tăm trong rừng núi, khiến hết thảy mọi người đều thấy được mọi vật ở xa. Mặt trời trí tuệ thanh tịnh Đại Niết-bàn này cũng vậy, soi rõ những chỗ sâu xa kín đáo của Đại thừa, khiến cho người theo Hai thừa có thể từ xa nhìn thấy Phật đạo. Vì sao vậy? Vì có thể nghe và tin nhận kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn này.

“Thiện nam tử! Nếu có vị Bồ Tát *ma-ha-tát* nào nghe và tin nhận kinh Đại Niết-bàn này, liền biết được tên gọi của hết thảy các pháp. Nếu có thể sao chép, tụng đọc thông suốt, vì người khác mà giảng rộng, suy xét ý nghĩa trong kinh, ắt rõ biết được nghĩa lý của hết thảy các pháp.

“Thiện nam tử! Người nghe và tin nhận kinh này chỉ biết được tên gọi, không biết được ý nghĩa. Nếu sao chép, tụng đọc, vì người khác giảng rộng, suy xét ý nghĩa trong kinh, ắt có thể biết được nghĩa.

“Lại nữa, thiện nam tử! Người vừa nghe qua kinh này, tuy biết rằng tự mình có tánh Phật nhưng không thể thấy được. Nếu sao chép, tụng đọc, vì người khác giảng rộng, suy xét ý nghĩa trong kinh, ắt có thể thấy được tánh Phật.

“Người nghe qua kinh này tuy có nghe tên gọi pháp bố thí nhưng không thể thấy pháp Bố thí *Ba-la-mật*. Nếu sao chép, tụng đọc, vì người khác giảng rộng, suy xét ý nghĩa trong đó, ắt có thể thấy được pháp Bố thí *Ba-la-mật*. Cho đến pháp Trí tuệ *Ba-la-mật* cũng vậy.<sup>(12)</sup>

“Thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* nếu có thể nghe được kinh Đại Niết-bàn này ắt rõ biết các pháp và ý nghĩa của pháp, đầy đủ hai đức không ngăn ngại,<sup>(13)</sup> đối với các *sa-môn*, *bà-la-môn*, hoặc chư thiên, ma, *Phạm thiên*, hết thảy các loài trong thế gian đều không có sự sợ sệt; [có thể] mở mang chỉ bày, phân biệt Mười hai bộ kinh, diễn thuyết ý nghĩa không chút sai lệch; không nghe nơi người khác mà có thể tự rõ biết, đến gần quá vị *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Thiện nam tử! Đó gọi là nghe rồi có thể làm lợi ích.

“Thế nào là có thể trừ dứt lòng nghi hoặc? Lòng nghi có hai loại, một là nghi tên gọi, hai là nghi ý nghĩa. Người nghe qua kinh này dứt được lòng nghi về tên gọi. Người suy xét ý nghĩa kinh này dứt được lòng nghi về ý nghĩa.

“Lại nữa, thiện nam tử! Có năm mối nghi. Một là nghi việc Phật có chắc chắn nhập *Niết-bàn* hay không? Hai là nghi việc Phật có thường trụ hay không? Ba là nghi việc Phật có phải *chân lạc* hay không? Bốn là nghi việc Phật có phải *chân tịnh* hay không? Năm là nghi việc Phật có phải *chân ngã* hay không? Người nghe qua kinh này liền dứt trừ mãi mãi mối nghi về việc Phật nhập *Niết-bàn*. Nếu sao chép, tụng đọc, vì người khác giảng rộng, suy xét ý nghĩa trong kinh thì mãi mãi dứt trừ được cả bốn mối nghi kia.

“Lại nữa, thiện nam tử! Có ba việc nghi. Một là nghi việc có thừa *Thanh văn* hay không? Hai là nghi việc có thừa *Duyên giác* hay không? Ba là nghi việc có *Phật thừa* hay không? Người nghe qua kinh này, cả ba việc nghi ấy liền dứt sạch. Nếu sao chép, tụng đọc, vì người khác giảng rộng, suy xét ý nghĩa trong kinh, ắt có thể biết rõ rằng tất cả chúng sanh đều có tánh Phật.

“Lại nữa, thiện nam tử! Như có những chúng sanh không được nghe kinh Đại *Niết-bàn* này thì trong lòng có nhiều sự nghi hoặc, như là *thường* hay *vô thường*; *lạc* hay *bất lạc*; *tịnh* hay *bất tịnh*; *ngã* hay *vô ngã*; *mạng* hay *chẳng phải mạng*; *chúng sanh* hay *chẳng phải chúng sanh*; *rốt ráo* hay *không rốt ráo*; hoặc đời khác, hoặc đời đã qua, hoặc có, hoặc không, hoặc *khô*, hoặc *chẳng phải khô*; hoặc *tập*, hoặc *chẳng phải tập*; hoặc *diệt*, hoặc *chẳng phải diệt*; hoặc *đạo*, hoặc *chẳng phải đạo*; hoặc *pháp*, hoặc *chẳng phải pháp*; hoặc *thiện*, hoặc *chẳng phải thiện*; hoặc *không*, hoặc *chẳng phải không*. Ngay khi được nghe kinh này, những sự nghi hoặc như thế ắt đều dứt sạch.

“Lại nữa, thiện nam tử! Như có người không được nghe kinh này, trong lòng lại có đủ mọi sự nghi hoặc, như là: *Sắc* có phải là ta hay chẳng? *Thọ*, *tưởng*, *hành*, *thức* có phải là ta hay chẳng? Là con mắt có thể nhìn thấy, hay bản ngã nhìn thấy? Cho đến là *thức* có thể nhận biết, hay *bản ngã* nhận biết? Là *sắc* thọ báo hay bản ngã thọ báo? Cho đến là *thức* thọ báo, hay *bản ngã* thọ báo? Là *sắc* đi đến một đời sống khác, hay *bản ngã* đi đến đời sống khác? Cho đến là *thức* <sup>(14)</sup> cũng nghi hoặc như vậy. [Lại nghi về việc] pháp sanh tử có khởi đầu, có kết thúc; hay là không có khởi đầu, không có kết thúc? Người được nghe qua kinh này rồi thì những sự nghi hoặc như thế cũng đều được dứt hẳn.

“Lại có người nghi ngờ rằng: những kẻ *nhất-xiển-đề*, kẻ phạm bốn giới cấm nặng, tạo năm tội nghịch, phỉ báng kinh *Phương đẳng*, những kẻ như vậy có tánh Phật hay không có tánh Phật? Người được nghe qua kinh này rồi thì những sự nghi hoặc như thế đều được dứt hẳn.

“Lại có người nghi rằng: Thế gian là giới hạn hay không giới hạn? Có các thế giới mười phương hay không có các thế giới mười phương? Người được nghe qua kinh này rồi thì những sự nghi hoặc như thế cũng đều được dứt hẳn.

“Như vậy gọi là có thể dứt trừ lòng nghi hoặc.

“Thế nào là tâm sáng suốt ngay thẳng không tà vạy? Nếu trong lòng có nghi ngờ ắt chỗ thấy biết không chân chánh. Hết thấy người thế gian nếu không được nghe kinh điển vi diệu Đại *Niết-bàn* này thì chỗ thấy biết đều sai lệch, tà vạy. Cho đến hàng Thanh văn, Phật *Bích-chi*, chỗ thấy biết cũng đều sai lệch.

“Thế nào gọi là chỗ thấy biết sai lệch, tà vạy của tất cả người thế gian? Trong chỗ hữu lậu mà thấy có *thường, lạc, ngã, tịnh*; đối với Như Lai mà thấy là *vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã*; thấy có chúng sanh, mạng sống, chỗ thấy biết, cho rằng có cõi trời *phi hữu tướng phi vô tướng*<sup>(15)</sup> là *Niết-bàn*; thấy vị trời *Tự tại*<sup>(16)</sup> có *Tám thánh đạo*, có chấp có, chấp đoạn diệt. Những chỗ thấy như vậy gọi là sai lệch, tà vạy. Bồ Tát *ma-ha-tát* nếu nghe được kinh Đại *Niết-bàn* này, tu tập và thực hành *Thánh hạnh* ắt dứt trừ được những chỗ thấy sai lệch, tà vạy như vậy.

“Thế nào gọi là chỗ thấy biết sai lệch, tà vạy của hàng Thanh văn, Duyên giác?<sup>(17)</sup> Họ thấy Bồ Tát từ cung trời Đâu-suất xuống, cưỡi voi trắng giáng thân vào thai mẹ, có cha là *Tịnh-phạn*, mẹ là *Ma-da* ở thành *Ca-tỳ-la*. Ngài ở trong thai đủ mười tháng rồi sanh ra. Khi ngài sanh ra chưa rơi xuống đất thì có Đế-thích đón lấy giữa hư không, có hai vị Long vương là *Nan-đà* và *Bạt-nan-đà* phun nước tắm. Đại quý thần vương là *Ma-ni-bạt-đà* cầm lọng báu đứng hầu phía sau. Thần đất hóa ra hoa đở dưới chân ngài. Ngài đi theo đủ bốn hướng, mỗi hướng bảy bước. Khi đến *Thiên miếu*, các tượng chư thiên đều đứng dậy nghinh tiếp. Vị tiên *A-tư-đà* bế ngài lên xem tướng. Xem tướng xong liền sanh lòng buồn đau thảm thiết, tự đau xót rằng mình sắp qua đời, không được thấy *Phật đạo* hưng thịnh.

“[Họ cũng thấy] Bồ Tát theo thầy học sử sách, toán pháp, bắn tên, cưỡi ngựa, địa lý, sấm ký, các môn kỹ nghệ. Ngài ở trong cung có sáu mươi ngàn cung nữ để giúp vui. Ngài ra khỏi thành dạo chơi quán sát, đến vườn *Ca-tỳ-la*, trên đường gặp người già yếu cho đến vị sa-

*môn* mặc pháp phục mà đi.<sup>(18)</sup> Khi trở về trong cung, ngài thấy hình thể và dung mạo của các cung nữ dường như những bộ xương khô, cung điện hiện có chẳng khác gì gò mộ trong bãi tha ma. Ngài nhàm chán, muốn xuất gia, giữa đêm liền vượt thành tìm đến chỗ những vị đại tiên nhân như các ông *Uất-đà-già*,<sup>(19)</sup> *A-la-la*<sup>(20)</sup>... nghe dạy về cảnh giới của *thức* và cảnh giới *phi hữu tướng phi vô tướng*. Nghe như vậy rồi, ngài quán sát kỹ những cảnh giới ấy, thấy cũng là *vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã*, liền từ bỏ mà đến dưới cội cây tu khổ hạnh đủ sáu năm.<sup>(21)</sup>

“Sau đó biết rằng khổ hạnh như thế không thể thành tựu *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, Bồ Tát liền đi đến sông *A-lợi-bạt-đề*<sup>(22)</sup> tắm rửa sạch sẽ, rồi thọ nhận món cháo sữa do cô gái chăn bò phụng hiến. Dùng cháo xong, ngài đến ngồi dưới gốc cây *Bồ-đề*, phá ma *Ba-tuần*,<sup>(23)</sup> thành tựu quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Ở thành *Ba-la-nại*,<sup>(24)</sup> ngài vì năm vị *tỳ-kheo*<sup>(25)</sup> mà Chuyển bánh xe pháp lần đầu tiên, cho đến khi tại thành *Câu-thi-na* này thị hiện *Niết-bàn*.

“Những chỗ thấy như vậy của hàng Thanh văn, Duyên giác gọi là sai lệch, tà vạy.

“Thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát*, nghe và thọ nhận kinh Đại *Niết-bàn* này ắt được dứt trừ những chỗ thấy biết như vậy. Nếu có thể sao chép, đọc tụng kinh này thông suốt, vì người khác giảng nói, suy xét nghĩa kinh, ắt được chỗ thấy biết ngay thẳng, không sai lệch, tà vạy.

“Thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* tu hành kinh Đại *Niết-bàn* này biết rõ rằng: Từ vô lượng kiếp đến nay, đức Bồ Tát chẳng hề giáng thân từ cung Đâu-suất vào thai mẹ, cho đến cũng không có việc nhập *Niết-bàn* tại

thành *Câu-thi-na* này. Đó gọi là chỗ thấy biết ngay thẳng của hàng Bồ Tát *ma-ha-tát*.

“[Thế nào là] có thể hiểu được ý nghĩa sâu kín của Như Lai? Đó là [những ý nghĩa về] Đại Bát *Niết-bàn*; là tất cả chúng sanh đều có tánh Phật, [nhưng phải] sám hối bốn giới cấm nặng, trừ bỏ lòng chê bai giáo pháp, dứt hết năm tội nghịch, trừ bỏ tâm bất tín,<sup>(26)</sup> sau đó mới chứng đắc quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Như vậy gọi là những ý nghĩa rất sâu xa kín đáo.

“Này thiện nam tử! Vì sao gọi là ý nghĩa rất sâu xa? Tuy biết chúng sanh thật không có *tự ngã*, nhưng nghiệp quả trong tương lai không hề dứt mất. Tuy biết rằng năm ấm tan rã trong đời này, nhưng nghiệp lành nghiệp dữ đều chẳng mất. Tuy có các nghiệp nhưng không có người tạo tác; tuy có chỗ đến nhưng không có người đi đến; tuy có sự trói buộc nhưng không có người bị trói buộc; tuy có *Niết-bàn* nhưng không có người nhập *Niết-bàn*. Đó gọi là ý nghĩa rất sâu kín.”

Lúc ấy, Bồ Tát *ma-ha-tát* Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đúc Vương bạch Phật: “Thế Tôn! Theo như con hiểu nghĩa Phật đã dạy về chỗ nghe và không nghe thì không phải như thế! Vì sao vậy? Nếu pháp là có, liền phải xác định là có; nếu pháp là không, liền phải xác định là không. Cái *không* lẽ ra chẳng sanh, cái *có* lẽ ra chẳng diệt. Như có nghe tức là nghe; không nghe tức là không nghe, vì sao nói rằng nghe được những điều không [thể] nghe?

“Bạch Thế Tôn! Nếu không thể nghe, đó là không nghe; nếu đã nghe rồi, xét cho cùng cũng là không nghe.

Vì sao vậy? Vì đã nghe rồi [nên hiện nay không nghe]! Vì sao nói rằng nghe được những điều không [thể] nghe?

“Ví như có người đi, khi đến rồi ắt là không đi, khi đang đi ắt là không đến. Cũng như khi đã sanh rồi là không có sự sanh, [nếu] không sanh cũng không có sự sanh. Khi đạt được rồi là không [còn gì để] được, [nếu] không đạt được cũng là không được. Khi nghe rồi là không [còn sự] nghe, [nếu] không nghe [cũng] là không nghe, [ý nghĩa] đều là như vậy!

“Bạch Thế Tôn! Nếu không nghe [cũng là] nghe thì tất cả chúng sanh chưa có *Bồ-đề* lẽ ra phải có, chưa được *Niết-bàn* lẽ ra phải được, chưa thấy tánh Phật lẽ ra phải thấy. Vì sao [Như Lai] nói rằng hàng Bồ Tát ở Mười trụ địa tuy thấy tánh Phật nhưng chưa [thấy] được rõ ràng?

“Thế Tôn! Nếu không nghe [cũng là] nghe, Như Lai trong quá khứ từng được nghe [Chánh pháp] từ nơi ai? Nếu là được nghe, sao trong kinh *A-hàm* Như Lai nói rằng không có thầy dạy?

“Nếu không nghe [là] không nghe mà Như Lai thành tựu quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, thì tất cả chúng sanh không nghe [là] không nghe, lẽ ra cũng đều thành tựu quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*! Nếu Như Lai chưa nghe kinh Đại *Niết-bàn* này mà thấy được tánh Phật, thì tất cả chúng sanh chưa nghe kinh này lẽ ra cũng phải thấy được tánh Phật!

“Bạch Thế Tôn! Phạm là hình sắc thì hoặc có thể thấy, hoặc không thể thấy. Âm thanh cũng vậy, hoặc có thể nghe, hoặc không thể nghe.

“Đại Niết-bàn này chẳng phải hình sắc, chẳng phải âm thanh, sao lại nói rằng có thể thấy, có thể nghe?”

“Bạch Thế Tôn! Quá khứ đã dứt rồi nên không thể nghe, tương lai chưa đến nên cũng không thể nghe. Vào lúc đang nghe trong hiện tại cũng không gọi là nghe, vì vừa nghe rồi thì âm thanh liền diệt mất, nên xét cho cùng là không thể nghe!”

“Đại Niết-bàn này cũng không thuộc về quá khứ, tương lai, hiện tại. Nếu không thuộc về quá khứ, tương lai, hiện tại thì không thể thuyết giảng. Nếu không thể thuyết giảng ắt là không thể nghe! Vì sao [Như Lai] nói rằng Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết-bàn này nghe được những điều không [thể] nghe?”

Lúc ấy, đức Thế Tôn khen ngợi Bồ Tát *ma-ha-tát* Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Nay ông biết rõ rằng tất cả các pháp dường như ảo hóa, như tia lửa lóe ra, như cảnh thành quách biến hóa, như hình vẽ trên mặt nước, lại cũng như bọt sóng, bọt nước, như thân cây chuối, rỗng không chẳng thật, chẳng phải mạng sống, chẳng phải ta, không khổ không vui, đồng như chỗ thấy biết của hàng Bồ Tát ở *Mười trụ địa*.”

Lúc ấy, giữa đại chúng bỗng trong khoảnh khắc xuất hiện ánh hào quang rực rỡ. Trong ánh hào quang ấy, không phải màu xanh lại thấy là xanh, không phải màu vàng lại thấy là vàng, không phải màu đỏ lại thấy là đỏ, không phải màu trắng lại thấy là trắng, không có hình sắc lại thấy là hình sắc, không phải sáng tỏ lại thấy là sáng tỏ, không phải sự thấy mà lại nhìn thấy.

Bấy giờ, đại chúng thấy hào quang ấy rồi, thân tâm

đều khoái lạc, như vị *tỳ-kheo* nhập phép thiền định Sư tử vương.

Đại Bồ Tát *Văn-thù-sư-lợi* liền bạch Phật: “Thế Tôn! Nay ánh hào quang này là do ai phát ra?”

Lúc ấy, đức Như Lai lặng thinh chẳng nói.

Bồ Tát *Ca-diếp* lại hỏi Bồ Tát *Văn-thù-sư-lợi*: “Do nhân duyên gì mà có ánh hào quang này chiếu soi đại chúng?”

Bồ Tát *Văn-thù-sư-lợi* lặng thinh chẳng đáp.

Lúc ấy, Bồ Tát Vô Biên Thân lại hỏi Bồ Tát *Ca-diếp*: “Ánh hào quang hôm nay là của ai vậy?”

Bồ Tát *Ca-diếp* lặng thinh chẳng đáp.

Bồ Tát Tịnh Trụ Vương Tử lại hỏi Bồ Tát Vô Biên Thân: “Do nhân duyên gì mà trong đại chúng có ánh hào quang này?”

Bồ Tát Vô Biên Thân lặng thinh chẳng đáp.

Cứ như vậy, năm trăm vị Bồ Tát lần lượt hỏi nhau, nhưng chẳng ai trả lời!

Bấy giờ, đức Thế Tôn hỏi Bồ Tát *Văn-thù-sư-lợi*: “Do nhân duyên gì mà trong đại chúng có ánh hào quang này?”

Bồ Tát *Văn-thù-sư-lợi* đáp: “Bạch Thế Tôn! Hào quang ấy gọi là trí tuệ. Trí tuệ tức là thường trụ; pháp thường trụ không do nhân duyên, sao Phật lại hỏi do nhân duyên gì có hào quang ấy?”

“Hào quang ấy gọi là Đại Niết-bàn. Đại Niết-bàn tức là thường trụ, pháp thường trụ không do nhân duyên, sao Phật lại hỏi do nhân duyên gì có hào quang ấy?”

“Hào quang ấy tức là Như Lai. Như Lai tức là thường trụ. Pháp thường trụ không do nhân duyên, sao Phật lại hỏi nơi nhân duyên?”

“Hào quang ấy gọi là đại từ đại bi. Đại từ đại bi gọi là thường trụ. Pháp thường trụ không do nhân duyên, sao Phật lại hỏi nơi nhân duyên?”

“Hào quang ấy tức là nghĩ nhớ đến Phật. Nghĩ nhớ đến Phật gọi là thường trụ. Pháp thường trụ không do nhân duyên, sao Phật lại hỏi nơi nhân duyên?”

“Hào quang ấy là đạo không chung cùng với hết thảy hàng Thanh văn, Duyên giác. Đạo chẳng chung cùng với Thanh văn, Duyên giác tức là thường trụ. Pháp thường trụ không do nhân duyên, sao Phật lại hỏi nơi nhân duyên?”

“Bạch Thế Tôn, thật cũng có nhân duyên. Đó là nhân dứt trừ vô minh liền thấp sáng được ngọn đèn *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.”

Phật dạy: “*Văn-thù-sư-lợi!* Nay ông chớ nên đi vào ý nghĩa rất ráo sâu xa nhất của các pháp, hãy theo ý nghĩa chân thật [tương đối] của thế gian mà giảng nói về [hào quang] ấy.”

*Văn-thù-sư-lợi* thưa: “Bạch Thế Tôn! Về phương đông của thế giới này, trải qua số thế giới nhiều như số cát của hai mươi sông Hằng, có một thế giới Phật tên là Bất Động. Nơi ở của đức Phật tại thế giới ấy hai bề ngang dọc đều rộng đủ mười hai ngàn *do-tuần*.<sup>(27)</sup> Mặt đất nơi cõi ấy bằng bảy báu, không có các loại đất đá; bằng phẳng, mềm mại, không có hầm hố. Cây cối nơi ấy đều do bốn món báu<sup>(28)</sup> tạo thành. Hoa quả um tùm tươi tốt, mùa nào cũng có. Chúng sanh ngửi được mùi thơm của hoa thì thân tâm an lạc như vị *tỳ-kheo* vào cảnh thiên thứ ba.<sup>(29)</sup>

“Bao quanh cõi ấy lại có ba ngàn con sông lớn, nước sông màu nhiệm, có đủ tám vị.<sup>(30)</sup> Chúng sanh tắm trong

nước sông ấy liền được vui vẻ khoái lạc, như vị *tỳ-kheo* vào cảnh thiên thứ hai.<sup>(31)</sup> Các sông ấy có rất nhiều đủ mọi loại hoa như hoa *ưu-bát-la*, hoa *ba-đầu-ma*, hoa *câu-vật-đầu*, hoa *phân-đà-lợi*, hoa hương, hoa hương loại lớn, hoa vi diệu hương, hoa thường, các loại hoa không cần tất cả chúng sanh che chở, bảo vệ.

“Hai bên bờ sông cũng có đủ các loại hoa như hoa *a-đề-mục-đa-già*, hoa *chiêm-bà*, hoa *ba-trá-la*, hoa *bà-sư-la*, hoa *ma-lợi-ca*, hoa *ma-lợi-ca* loại lớn, hoa *tân-ma-lợi-ca*, hoa *tu-ma-na*, hoa *do-đề-ca*, hoa *đàn-nậu-ca-lợi*, hoa thường, các loại hoa không cần tất cả chúng sanh che chở, bảo vệ. Đáy sông đầy cát bằng vàng, có bốn bậc thang đi lên bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê đủ màu. Có nhiều loài chim tụ tập vui đùa trên bờ sông.

“Lại có vô số cọp, sói, sư tử và các giống thú dữ, chim dữ, nhưng chúng nhìn nhau hiền hậu và thương nhau như mẹ con.

“Trong thế giới ấy không có một người nào phạm các điều trọng cấm<sup>(32)</sup> hoặc phỉ báng Chánh pháp, cũng không có những kẻ *nhất-xiển-đề*, không có năm tội nghịch.<sup>(33)</sup>

“Thế giới ấy điều hòa thích hợp, không có những nỗi khổ vì nóng, lạnh, đói, khát. Không có những mối tham dục, giận tức, lừa dối, nhác buông thả, ghen ghét ganh tỵ. Không có mặt trời, mặt trăng, ban ngày, ban đêm, không phân biệt thời tiết, giống như ở cõi trời *Đao-lợi*, cõi trời thứ hai trong Dục giới.

“Nhân dân ở thế giới ấy đều có hào quang, hết thảy đều không có lòng kiêu mạn. Tất cả đều là những vị Đại sĩ Bồ Tát, đều đã chứng đắc thân thông, đầy đủ công đức lớn, lòng tôn trọng Chánh pháp, nương theo

Đại thừa, yêu mến nghĩ nhớ đến Đại thừa, ham thích Đại thừa, trân trọng gìn giữ Đại thừa. Thấy đều thành tựu trí tuệ lớn lao, được phép Đại tổng trì, trong lòng thường thương xót tất cả chúng sanh.

“Đức Phật nơi ấy hiệu là Mãn Nguyệt Quang Minh Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn. Tùy nơi an trụ mà ngài tuyên giảng Chánh pháp, chúng sanh ở cõi ấy thấy đều được nghe.

“Đức Phật ấy đã vì Đại Bồ Tát Lưu Ly Quang mà tuyên giảng kinh Đại Niết-bàn này. Ngài dạy: ‘Thiện nam tử! Nếu Bồ Tát *ma-ha-tát* có thể tu hành kinh Đại Niết-bàn thì đối với những điều không [thể] nghe đều có thể nghe được.’

“Đại Bồ Tát Lưu Ly Quang thưa hỏi Phật Mãn Nguyệt Quang Minh cũng không khác với câu hỏi của Bồ Tát *ma-ha-tát* Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương ở cõi này.

“Phật Mãn Nguyệt Quang Minh liền dạy Bồ Tát Lưu Ly Quang rằng: ‘Thiện nam tử! Về phương tây của thế giới này, cách đây số cõi Phật nhiều như số cát của hai mươi sông Hằng, có một thế giới tên là *Ta-bà*. Cõi ấy có nhiều núi đồi gò nổng, đất cát đá sỏi, gai góc và chông độc đầy dẫy khắp nơi, thường có những nỗi khổ vì đói, khát, nóng, lạnh.

“Nhân dân ở cõi ấy không biết cung kính hàng *sa-môn, bà-la-môn*, cha mẹ, thầy dạy; họ tham đắm những việc không đúng pháp, ưa muốn những việc không đúng pháp, tu hành theo tà pháp, chẳng tin vào chánh pháp,

tuổi thọ ngắn ngủi. Có những kẻ làm việc gian trá bị phép vua trừng phạt. Những vị vua tuy có đất đai cai trị nhưng không thấy thỏa mãn, nhìn sang nước của vua khác mà sanh lòng tham muốn rồi khởi binh đánh nhau, người chết oan rất nhiều. Bậc vua chúa làm việc không đúng pháp như thế, các vị thiện thần ở bốn cõi trời không có lòng hoan hỷ, cho nên giáng xuống nạn hạn hán, lúa thóc mất mùa, nhân dân nhiều bệnh tật, khổ não vô cùng.

“Nơi cõi ấy có đức Phật hiệu là *Thích-ca-Mâu-ni* Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn. Vì lòng đại bi thuận hậu, thương xót chúng sanh nên ngài ở tại thành *Câu-thi-na*, trong rừng có cây *sa-la* mọc sóng đôi mà giảng rộng với đại chúng kinh Đại Niết-bàn này.

“Cõi ấy có vị Bồ Tát tên là Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương, cũng thưa hỏi về việc này giống như lời ông hỏi. Nay đức Phật *Thích-ca Mâu-ni* sắp trả lời câu hỏi ấy, ông mau đến đó, tự nhiên sẽ được nghe.’

“Bạch Thế Tôn! Bồ Tát Lưu Ly Quang nghe vậy rồi liền cùng với tám vạn bốn ngàn vị Đại Bồ Tát sắp đến đây, cho nên trước hết hiện ra điềm lành. Do nhân duyên ấy mà có ánh hào quang này. Như thế gọi là nhân duyên, cũng không phải nhân duyên.”

Lúc ấy, Bồ Tát Lưu Ly Quang cùng tám vạn bốn ngàn vị Đại Bồ Tát, thấy đều cầm phướn, lọng, hương hoa, chuỗi anh lạc, các món kỹ nhạc, tốt đẹp thù thắng hơn nhiều lần so với các món đã được cúng dường [ở pháp hội này] trước đây. Tất cả cùng đến thành *Câu-thi-na*, chỗ hai cây *sa-la* mọc sóng đôi, mang các thức cúng dường dâng lên phụng hiến Phật, cúi đầu và mặt lễ bái sát chân

Phật, chấp tay cung kính đi nhiễu quanh theo chiều bên phải ba vòng. Lễ kính xong, các vị đều ngồi sang một bên.

Bấy giờ, đức Thế Tôn hỏi các vị Bồ Tát kia: “Thiện nam tử! Các ông đến đây như vậy là có [sự] đi đến hay không có [sự] đi đến?”

Bồ Tát Lưu Ly Quang thưa: “Bạch Thế Tôn! Có đi đến cũng chẳng đến; không đi đến cũng chẳng đến. Chúng con quán xét trong nghĩa này hoàn toàn không có việc đến đây.

“Bạch Thế Tôn! Nếu các hành là thường, cũng không có việc đến đây; nếu là vô thường, lại cũng không có việc đến đây. Nếu người thấy có tánh chúng sanh thì có việc đến hay không đến. Chúng con nay không thấy có tánh nhất định của chúng sanh, làm sao nói rằng có việc đến hay không đến?”

“Kẻ có lòng kiêu mạn liền thấy rằng có đi, có đến; người không có lòng kiêu mạn ắt không có đi, không có đến.

“Người chấp giữ các hành thì thấy rằng có đi, có đến; người không chấp giữ các hành ắt không có đi, không có đến.

“Nếu thấy rằng đức Như Lai dứt hết tất cả mà nhập *Niết-bàn*, ắt là có đi, có đến; nếu thấy đức Như Lai không dứt hết tất cả mà nhập *Niết-bàn* thì không có đi, không có đến.

“Không nghe biết tánh Phật ắt là có đi, có đến; người nghe biết được tánh Phật thì không có đi, không có đến.

“Nếu thấy hàng Thanh văn và Phật *Bích-chi* có *Niết-bàn*, ắt là có đi, có đến; nếu không thấy Thanh văn và Phật *Bích-chi* có *Niết-bàn* thì không có đi, không có đến.

“Nếu thấy hàng Thanh văn và Phật *Bích-chi* là *thường, lạc, ngã, tịnh*, ắt là có đi, có đến; nếu người không thấy như vậy thì không có đi, không có đến.

“Nếu thấy Như Lai không có *thường, lạc, ngã, tịnh*, ắt là có đi, có đến; nếu thấy Như Lai là *thường, lạc, ngã, tịnh*, ắt là không có đi, không có đến.

“Bạch Thế Tôn! Xin hãy tạm gác việc đó lại. Nay con có chỗ muốn thưa hỏi, xin Như Lai rủ lòng thương xót cho phép con được hỏi.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ông cứ tùy ý mà hỏi, nay chính là lúc thích hợp. Ta sẽ vì ông mà phân biệt giảng thuyết. Vì sao vậy? Chư Phật thật khó gặp, cũng như hoa ưu-đàm. Chánh pháp cũng vậy, rất khó được nghe. Trong Mười hai bộ kinh, kinh *Phương đẳng* lại càng khó được nghe hơn hết. Cho nên phải hết lòng lắng nghe và nhận lãnh.”

Lúc ấy, Bồ Tát *ma-ha-tát* Lưu Ly Quang được Phật cho phép và ân cần răn dạy, liền bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Vì sao Bồ Tát *ma-ha-tát* tu hành kinh *Đại Niết-bàn* lại nghe được những điều không [thể] nghe?”

Bấy giờ, đức Như Lai ngợi khen rằng: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Nay ông muốn thấu triệt kinh *Đại thừa Đại Niết-bàn* sâu rộng như biển lớn này, lại gặp được ta có thể khéo léo giảng thuyết. Nay ông đang bị trúng mũi tên độc nghi ngờ, ta là vị đại lương y có thể khéo nhổ mũi tên ấy ra. Ông đối với tánh Phật chưa được sáng rõ, ta có ngọn đuốc trí tuệ có thể vì ông soi sáng. Nay ông muốn vượt qua dòng sông lớn sanh tử, ta có thể vì ông làm vị đại thuyền sư. Ông đối với ta sanh ý tưởng xem như cha mẹ, ta đối với ông cũng có lòng thương như

con đẽ. Nay lòng ông ham muốn Chánh pháp, lại gặp được Như Lai có nhiều của quý, sắp ban cho ông.

“Hãy lắng nghe cho kỹ! Hãy nghe cho kỹ! Và hãy suy xét cho rõ. Ta sẽ vì ông mà phân biệt phân biệt giảng thuyết.

“Thiện nam tử! Nay ông muốn được nghe pháp thật là đúng lúc. Nếu được nghe pháp rồi nên sanh tâm cung kính, tin theo, hết lòng lắng nghe và nhận lãnh, tôn trọng cung kính. Đối với Chánh pháp đừng tìm chỗ lỗi lầm, đừng nhớ nghĩ những sự tham dục, sân khuê, ngu si. Đừng xét tìm những chỗ tánh nét tốt xấu của người thuyết pháp. Được nghe pháp rồi đừng sanh lòng kiêu mạn. Đừng vì sự cung kính, danh dự hay lợi dưỡng; hãy vì sự cứu độ thế gian, vì lợi ích của món cam lộ Chánh pháp. Cũng đừng sanh ý nghĩ rằng: “Ta được nghe pháp rồi, trước tiên sẽ tự độ mình, sau đó mới độ người khác. Trước tiên sẽ giải thoát cho mình, sau đó mới giải thoát cho người khác. Trước tiên sẽ tự an ổn cho mình, sau đó mới làm an ổn người khác. Trước tiên sẽ tự mình có *Niết-bàn*, sau đó mới khiến cho người khác được *Niết-bàn*.”

“Đối với Phật, Pháp và Chư tăng nên sanh ý tưởng bình đẳng như nhau. Đối với cuộc sanh tử nên sanh ý tưởng cho là hết sức khổ não. Đối với Đại *Niết-bàn*, nên sanh ý tưởng là *thường, lạc, ngã, tịnh*.

“Trước hết nên vì người khác, sau đó mới vì bản thân mình. Nên vì Đại thừa, đừng vì hai thừa Thanh văn và Duyên giác. Đối với tất cả các pháp nên không có chỗ trụ, cũng đừng chuyên chấp vào tướng trạng của tất cả các pháp. Đối với các pháp đừng sanh lòng tham muốn. Thường sanh những ý tưởng rõ biết pháp, thấy pháp.

“Thiện nam tử! Nếu ông có thể giữ tâm như vậy mà

hết lòng nghe pháp thì có thể gọi là nghe được những điều chưa nghe.

“Thiện nam tử! Có các trường hợp là: không nghe [cũng là] nghe, không nghe [là] không nghe, nghe [cũng là] không nghe và nghe [là] nghe.

“Thiện nam tử! Cũng giống như các trường hợp không sanh [cũng là] sanh, không sanh [là] không sanh, sanh [cũng là] không sanh và sanh [là] sanh; hoặc như không đến [cũng là] đến, không đến [là] không đến, đến [cũng là] không đến và đến [là] đến.”

[Bồ Tát Lưu Ly Quang thưa hỏi:] “Bạch Thế Tôn! Thế nào là không sanh [cũng là] sanh?”

[Phật dạy:] “Thiện nam tử! [Khi Bồ Tát] trụ yên nơi lý chân thật của thế gian, lúc [thị hiện] vừa ra khỏi bào thai, đó gọi là không sanh [cũng là] sanh.”

[Lại hỏi:] “Còn thế nào là không sanh [là] không sanh?”

[Phật dạy:] “Thiện nam tử! Đại *Niết-bàn* này không hề có tướng sanh, đó gọi là không sanh [là] không sanh.”

[Lại hỏi:] “Thế nào là sanh [cũng là] không sanh?”

[Phật dạy:] “Thiện nam tử! Theo lẽ chân thật [tương đối] của thế gian thì lúc chết đi gọi rằng sanh [cũng là] không sanh.”

[Lại hỏi:] “Còn thế nào gọi rằng sanh [là] sanh?”

[Phật dạy:] “Thiện nam tử! Hết thủy phàm phu đều thuộc về trường hợp sanh [là] sanh. Vì sao vậy? Vì sự sanh này nối tiếp sự sanh kia, không hề gián đoạn. Hết thủy các pháp hữu lậu trong từng giây phút đều sanh ra, nên gọi rằng sanh [là] sanh.

“Hàng Bồ Tát trụ ở địa vị thứ tư thì sanh [cũng là] không sanh. Vì sao vậy? Vì sanh ra một cách tự do tùy ý nên gọi rằng sanh [cũng là] không sanh.

“Thiện nam tử! Như vậy gọi là những pháp trong [Phật pháp]. Còn thế nào là những pháp ngoài [Phật pháp]? Đó là các trường hợp chưa sanh [cũng là] sanh, chưa sanh [là] chưa sanh, sanh [cũng là] chưa sanh và sanh [là] sanh.

“Thiện nam tử! Ví như hạt giống chưa nảy mầm, được có đủ bốn đại hòa hợp, được người ra công chăm sóc, sau đó mới sanh ra mầm. Như vậy gọi rằng chưa sanh [cũng là] sanh.

“Thế nào gọi là chưa sanh [là] chưa sanh? Ví như hạt giống bị hỏng, cùng với hạt giống chưa gặp đủ điều kiện nhân duyên. Các trường hợp như vậy gọi rằng chưa sanh [là] chưa sanh.

“Thế nào là sanh [cũng là] chưa sanh? Như hạt nảy mầm rồi nhưng không tăng trưởng. Như vậy gọi rằng sanh [cũng là] chưa sanh.

“Thế nào gọi rằng sanh [là] sanh? Như hạt giống nảy mầm thì mới tăng trưởng, nếu không nảy mầm thì không tăng trưởng. Tất cả pháp hữu lậu cũng đều như thế. Như vậy là những trường hợp sanh [là] sanh của các pháp ngoài [Phật pháp].”

Đại Bồ Tát Lưu Ly Quang bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Các pháp hữu lậu nếu như có sanh thì [sự sanh] đó là thường chăng? Hay là vô thường?”

“Nếu sự sanh là thường thì các pháp hữu lậu ắt không có sự sanh. Nếu sự sanh là vô thường thì các pháp hữu lậu ắt phải là thường.

“Bạch Thế Tôn! Nếu cái sanh có thể tự sanh ra, thì sự sanh không có tự tánh. Nếu có thể sanh ra cái khác thì do nhân duyên gì không sanh ra vô lậu?”

“Bạch Thế Tôn! Nếu trong khi chưa sanh mà có sự sanh, vì sao đến nay mới gọi là sanh? Nếu khi chưa

sanh mà không có cái sanh, sao chẳng nói rằng hư không là sanh?”

Phật dạy: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! [Những điều như] không sanh [cũng là] sanh là không thể thuyết giảng; sanh [là] sanh cũng không thể thuyết giảng. [Các trường hợp] sanh [là] không sanh cũng không thể thuyết giảng; không sanh [là] không sanh cũng không thể thuyết giảng!

“Sự sanh cũng không thể thuyết giảng; sự không sanh cũng không thể thuyết giảng. Nhưng vì có nhân duyên nên có thể thuyết giảng.

“Thế nào là không sanh [là] sanh không thể thuyết giảng? [Cái] không sanh đó gọi là sanh, làm sao còn có thể thuyết giảng? Vì sao vậy? Vì cái không sanh đó đã sanh rồi.

“Thế nào gọi rằng sanh [là] sanh không thể thuyết giảng? Vì sanh [là] sanh nên có sự sanh; vì sanh [là] sanh nên có sự không sanh. [Như vậy] cũng là không thể thuyết giảng.

“Thế nào là sanh [là] không sanh không thể thuyết giảng? [Có sự] sanh nên gọi tên là sanh, sự sanh không tự nó sanh ra nên không thể thuyết giảng.

“Thế nào gọi rằng không sanh [là] không sanh cũng không thể thuyết giảng? Không sanh đó gọi là *Niết-bàn*. *Niết-bàn* không sanh ra nên không thể thuyết giảng. Vì sao vậy? Vì nhờ tu tập theo Chánh đạo mà được *Niết-bàn* [chứ không có sự sinh ra].

“Thế nào là sự sanh cũng không thể thuyết giảng? Vì [tuy nói là có] sự sanh [nhưng vốn thật] là không.

“Thế nào là sự không sanh cũng không thể thuyết giảng? Vì [tuy nói là không sanh nhưng thật] có sự chúng đắc.

“Thế nào là vì có nhân duyên nên có thể thuyết giảng? Vì có mười pháp nhân duyên làm nhân cho sự sanh ra. Vì nghĩa ấy nên cũng có thể thuyết giảng.

“Thiện nam tử! Nay các ông chớ nên nhập phép Không định<sup>(34)</sup> rất sâu xa. Vì sao vậy? Vì đại chúng nơi đây căn tánh chậm lụt.

“Thiện nam tử! Sự sanh ra của các pháp hữu vi cũng là thường, [nhưng] vì sự tồn tại [của chúng] không thường nên sự sanh ra đó cũng là vô thường.

“Sự tồn tại của các pháp hữu vi cũng là thường, [nhưng] vì sanh [tiếp nối] sanh, [liên tục biến đổi] nên sự tồn tại [của chúng] cũng là vô thường.

“Sự biến đổi cũng là thường, [nhưng] vì pháp là vô thường nên sự biến đổi cũng là vô thường.

“Sự hoại diệt cũng là thường, [nhưng] vì vốn [từ chỗ] không mà nay thành có nên sự hoại diệt cũng là vô thường.

“Thiện nam tử! Do nơi thật tánh [mà nói] thì sự sanh ra, tồn tại, biến đổi, hoại diệt thảy đều là thường. [Nhưng] vì trong từng khoảnh khắc luôn tiếp nối nhau diệt mất nên không thể nói là thường. Vì Đại Niết-bàn này có công năng trừ dứt [các pháp ấy], nên gọi [chúng] là vô thường.

“Thiện nam tử! Các pháp hữu lậu khi chưa sanh ra vốn sẵn có tánh sanh, nên sự sanh mới có thể sanh ra. Các pháp vô lậu vốn không có tánh sanh, nên sự sanh không thể sanh ra. Cũng như lửa sẵn có tánh [cháy], gặp đủ điều kiện ắt sẽ bùng cháy. Mắt sẵn có tánh thấy, nhân có đủ các điều kiện như hình sắc, ánh sáng, tâm thức nên [có sự] thấy.

“Pháp sanh ra của chúng sanh cũng là như vậy, do sẵn có tánh [sanh], gặp đủ [các điều kiện] nhân duyên, nghiệp lực, cha mẹ hòa hợp, liền có sự sanh ra.”

Lúc ấy, Bồ Tát *ma-ha-tát* Lưu Ly Quang cùng tám mươi bốn ngàn vị Bồ Tát *ma-ha-tát* nghe pháp ấy rồi liền vọt lên hư không, cao bằng bảy cây đa-la,<sup>(35)</sup> cung kính chấp tay bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Chúng con nhờ ơn Như Lai ân cần dạy bảo, nhân nơi kinh Đại Niết-bàn mà lần đầu tiên nhận hiểu được ý nghĩa nghe được những điều không [thể] nghe, lại cũng giúp cho tám mươi bốn ngàn vị Bồ Tát *ma-ha-tát* hiểu sâu được sự sanh, không sanh... của các pháp.

“Bạch Thế Tôn! Nay con đã hiểu rõ, trừ dứt mọi sự nghi ngờ. Nhưng trong hội này còn có một vị Bồ Tát tên là Vô Úy muốn thưa hỏi, xin Phật rủ lòng thương cho phép vị ấy được thưa hỏi.”

Lúc ấy, đức Thế Tôn bảo Bồ Tát Vô Úy: “Thiện nam tử! Ông cứ tùy ý chất vấn, ta sẽ vì ông mà phân biệt giảng thuyết.”

Bấy giờ, Bồ Tát Vô Úy cùng với tám mươi bốn ngàn vị Bồ Tát đều từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh trang y phục, rồi quỳ xuống chấp tay bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Chúng sanh ở cõi này cần phải thực hiện những nghiệp lành nào để được sanh về cõi Phật Bất Động kia? Bồ Tát ở cõi này làm thế nào để được thành tựu trí tuệ, thành bậc oai dũng vượt trội trong loài người; có oai đức lớn, tu tập đầy đủ các hạnh, tâm trí sáng suốt nhanh lẹ, vừa nghe qua liền có thể hiểu rõ?”

Đức Thế Tôn liền nói kệ đáp rằng:

*Không giết hại chúng sanh,  
Giữ theo mọi giới cấm,  
Tìn pháp Phật nhiệm mầu,  
Át sanh cõi Bất Động.*

Không cướp đoạt tiền tài,  
 Thường bố thí khắp cả,  
 Xây chùa khắp bốn phương,<sup>(36)</sup>  
 Ất sanh cõi Bất Động.

Không dan díu vợ người,  
 Không tham dâm vợ mình.  
 Cúng dường bậc trì giới,  
 Ất sanh cõi Bất Động.

Chẳng vì mình, vì người,  
 Mưu cầu lợi, khủng bố.  
 Chỉ nói lời chân thật,  
 Ất sanh cõi Bất Động.

Chớ nghịch hại người lành,  
 Lìa xa mọi kẻ ác,  
 Thường nói lời hòa hợp,  
 Ất sanh cõi Bất Động.

Như các vị Bồ Tát,  
 Dứt bỏ lời nói độc,  
 Chỉ nói lời dễ nghe,  
 Ất sanh cõi Bất Động.

Ngay cả lúc đùa vui,  
 Cũng nói khi thích hợp,  
 Nói năng thường thận trọng,  
 Ất sanh cõi Bất Động.  
 Thấy người được tài lợi,  
 Lòng cũng mừng vui theo,  
 Không khởi lòng ganh ghét,  
 Ất sanh cõi Bất Động.

Chẳng gây sự phiền giận,  
 Thường khởi lòng thương yêu,  
 Chẳng tìm cách làm ác,  
 Ất sanh cõi Bất Động.

Tà kiến phủ nhận thí,  
 Không cha mẹ, xưa nay.  
 Chẳng thấy biết như vậy,  
 Ất sanh cõi Bất Động.

Đào giếng trên đường vắng,  
 Trồng cây trái rừng sâu,<sup>(37)</sup>  
 Cúng dường người khát thực,  
 Ất sanh cõi Bất Động.

Cúng dường Phật, Pháp, Tăng,  
 Một nén hương, ngọn đèn,  
 Hoặc chỉ một cành hoa,  
 Ất sanh cõi Bất Động.

Dù chỉ do sợ hãi,  
 Hoặc cầu lợi, cầu phước,  
 Mà sao chép kinh này,  
 Ất sanh cõi Bất Động.

Nếu vì cầu phúc lộc,  
 Dù chỉ trong một ngày,  
 Tụng đọc kinh điển này,  
 Ất sanh cõi Bất Động.

Nếu vì đạo Vô thượng,  
 Trong suốt một ngày đêm,  
 Thọ trì tám trai giới,  
 Ất sanh cõi Bất Động.

*Những kẻ phạm cấm giới,  
Hoặc chê bai Đại thừa,  
Chớ chung đưng, gần gũi,  
Át sanh cõi Bất Động.*

*Bố thí người bệnh tật,  
Dù chỉ một trái cây,  
Vui vẻ mà thăm nom,  
Át sanh cõi Bất Động.*

*Không đoạt của bố thí,<sup>(38)</sup>  
Khéo giữ vật cúng Phật,  
Quét dọn nơi chùa tháp,  
Át sanh cõi Bất Động.*

*Tạo tượng và tháp Phật,  
Dù nhỏ như ngón tay,  
Thường khởi lòng hoan hỷ,  
Át sanh cõi Bất Động.*

*Nếu vì kinh điển này,  
Mang thân thể, tài vật,  
Cúng dường người thuyết pháp,  
Át sanh cõi Bất Động.*

*Nếu nghe rồi sao chép,  
Thọ trì và tụng đọc,  
Nghĩa sâu kín Phật dạy,  
Át sanh cõi Bất Động.*

Lúc ấy, Bồ Tát Vô Úy bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Nay con đã biết được những nghiệp duyên tốt đẹp để sanh về cõi Bất Động.

“Bồ Tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương vì thương xót khắp cả chúng sanh nên đã có lời thưa hỏi.

Nếu Như Lai giảng thuyết việc ấy ắt có thể làm lợi ích, an lạc cho loài người và chư thiên cùng các loài *a-tu-la*, *càn-thát-bà*, *ca-lâu-la*, *khẩn-na-la*, *ma-hầu-la-già*.”

Bấy giờ, đức Thế Tôn liền bảo Bồ Tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Đối với việc này ông nên hết lòng lắng nghe. Nay ta sẽ vì ông mà phân biệt giảng thuyết. Có những trường hợp: vì có nhân duyên nên chưa đến [là] không đến; vì có nhân duyên nên đến [cũng là] không đến; vì có nhân duyên nên không đến [cũng là] đến; vì có nhân duyên nên đến [là] đến.

“Do nhân duyên gì mà chưa đến [là] không đến? Thiện nam tử! Nói không đến đó là nói kẻ phạm phước chưa đến được Đại Niết-bàn vì có những sự tham dục, sân khuể, ngu si; vì các nghiệp thân, miệng chẳng trong sạch; vì nhận lãnh hết thấy những vật bất tịnh, phạm bốn tội nặng, chê bai phỉ báng kinh Phương đẳng, làm kẻ *nhất-xiển-đề* dứt mất lòng tin, phạm vào năm tội nghịch. Vì những nghĩa ấy nên [họ] chưa đến [là] không đến.

“Thiện nam tử! Do nhân duyên gì mà không đến [cũng là] đến? Không đến đó gọi là Đại Niết-bàn. Vì nghĩa gì mà [nói là] đến [được Đại Niết-bàn]? Đó là vì đã dứt hẳn tham dục, sân khuể, ngu si và những nghiệp ác của thân, của miệng; vì không nhận lãnh hết thấy những vật bất tịnh; vì không phạm vào bốn tội nặng; vì không chê bai phỉ báng kinh Phương đẳng; vì không làm kẻ *nhất-xiển-đề* đoạn dứt niềm tin; vì không tạo năm tội nghịch. Vì những nghĩa ấy nên gọi là không đến [cũng là] đến.

“Hàng *Tu-đà-hoàn* tuy chưa đến nhưng trải qua tám vạn kiếp thì đến; hàng *Tư-đà-hàm* trải qua sáu vạn

kiếp thì đến; hàng *A-na-hàm* trải qua bốn vạn kiếp thì đến; hàng *A-la-hán* trải qua hai vạn kiếp thì đến; hàng Phật *Bích-chi* trải qua một vạn kiếp thì đến. Vì nghĩa ấy nên gọi là không đến [cũng là] đến.

“Thiện nam tử! Vì nhân duyên gì mà đến [cũng là] không đến? [Chỗ] đến đó gọi là hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu. Tất cả chúng sanh thường bị vô lượng phiền não trói buộc, che lấp, không ra khỏi được sự luân chuyển đến đi trong các cảnh giới ấy, như cái bánh xe quay tròn mãi, nên gọi đó là [chỗ] đến. Hàng Thanh văn, Duyên giác và các vị Bồ Tát đều đã vĩnh viễn dứt trừ [sự luân chuyển trong các cõi ấy] nên gọi là không đến. Nhưng vì muốn hóa độ chúng sanh nên thị hiện vào trong đó, cũng gọi là đến. [Vì nghĩa ấy nên nói rằng đến cũng là không đến.]

“Thiện nam tử! Vì nhân duyên gì mà đến [là] đến? [Chỗ] đến đó tức là hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu. Hết thấy phàm phu, từ *Tu-đà-hoàn* cho đến *A-na-hàm*, vì nhân duyên phiền não nên gọi rằng đến [là] đến [chỗ ấy].

“Thiện nam tử! [Về ý nghĩa] nghe được những điều không [thể] nghe cũng là như vậy. Có các trường hợp không nghe [cũng là] nghe, không nghe [là] không nghe, nghe [cũng là] không nghe và nghe [là] nghe.

“Thế nào là không nghe [cũng là] nghe? Thiện nam tử! Không nghe đó, gọi là Đại *Niết-bàn*. Vì sao [nói là] không nghe? Vì không phải pháp hữu vi, vì không phải âm thanh, vì không thể thuyết giảng. [Nhưng] vì sao cũng là nghe? Vì nghe được các danh xưng [của Đại *Niết-bàn*] như là *thường, lạc, ngã, tịnh*. Vì nghĩa ấy nên gọi rằng không nghe [cũng là] nghe.”

Lúc ấy, Bồ Tát *ma-ha-tát* Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Như Phật có nói, Đại *Niết-bàn* không thể nghe được, vì sao lại nói rằng *thường, lạc, ngã, tịnh* là có thể nghe được?

“Vì sao vậy? Thế Tôn! Người dứt trừ phiền não gọi là đạt được *Niết-bàn*, chưa dứt trừ thì gọi là không đạt được [Niết-bàn]. Vì nghĩa ấy nên tánh của *Niết-bàn* trước vốn là không mà sau thành có. Nếu pháp thế gian trước vốn là không mà nay thành có ắt phải gọi là vô thường. Ví như các loại bình chứa... trước vốn là không, sau lại thành có, đã có rồi sau lại [hư hoại] thành không, nên gọi là vô thường. *Niết-bàn* nếu cũng như thế thì sao lại nói là *thường, lạc, ngã, tịnh*?

“Lại nữa, bạch Thế Tôn! Thường thì hết thấy những việc do nhân duyên tu tập [trang nghiêm] mà thành đều gọi là vô thường. *Niết-bàn* nếu cũng như thế thì lẽ ra là vô thường. Là những nhân duyên gì [thành tựu *Niết-bàn*]? Đó là ba mươi bảy phẩm trợ đạo, sáu pháp *ba-la-mật*, bốn tâm vô lượng; là pháp quán tưởng tướng xương trắng, là pháp quán đếm hơi thở, là sáu niệm xứ, là phân tích chia chẻ sáu đại...<sup>(39)</sup> Những pháp như vậy đều là nhân duyên tạo thành *Niết-bàn*, cho nên [Niết-bàn] gọi là vô thường.

“Lại nữa, bạch Thế Tôn! Sự hiện hữu gọi là vô thường. Nếu như *Niết-bàn* là hiện hữu, thì lẽ ra phải là vô thường. Như trước đây Phật có dạy trong kinh *A-hàm*: ‘Hàng Thanh văn, Duyên giác, các đức Phật Thế Tôn đều có *Niết-bàn*.’ Do nơi nghĩa ấy nên [Niết-bàn] gọi là vô thường.

“Lại nữa, bạch Thế Tôn! Các pháp có thể nhìn thấy được gọi là vô thường. Như trước đây Phật có dạy: ‘Người nào thấy được *Niết-bàn* ắt đoạn trừ hết thấy phiền não.’

“Lại nữa, bạch Thế Tôn! Ví như hư không, đối với hết thảy chúng sanh đều bình đẳng không chướng ngại, nên gọi là thường. Nếu *Niết-bàn* là thường và bình đẳng, vì sao chúng sanh lại có kẻ được, người không được? *Niết-bàn* nếu là như thế, đối với chúng sanh không bình đẳng như nhau, ắt không thể gọi là thường.

“Thế Tôn! Ví như có trăm người cùng oán hận một người. Nếu kẻ bị oán hận ấy bị hại, ắt có nhiều người được vui. Nếu như *Niết-bàn* là pháp bình đẳng thì khi một người đạt được, lẽ ra cũng có nhiều người được; khi một người dứt trừ những sự trói buộc, lẽ ra cũng có nhiều người được dứt trừ. Nếu không phải như vậy, làm sao gọi là thường?

“Ví như có người cung kính cúng dường, tôn trọng, ca ngợi vị quốc vương hay vương tử, cha mẹ, sư trưởng... người ấy ắt được sự lợi dưỡng. [Việc] như vậy không gọi là thường. *Niết-bàn* cũng giống như vậy nên không gọi là thường. Vì sao vậy? Như Phật trước đây trong kinh *A-hàm* có dạy *A-nan* rằng: “Nếu ai thường cung kính *Niết-bàn* thì người ấy dứt trừ được phiền não trói buộc, thọ hưởng niềm vui vô lượng.’ Do nơi nghĩa ấy nên không gọi là thường.

“Bạch Thế Tôn! Nếu trong *Niết-bàn* có những danh xưng như *thường, lạc, ngã, tịnh* thì không gọi là thường. Còn như không có [những danh xưng ấy] thì [Niết-bàn] làm sao có thể thuyết giảng?”

Lúc ấy, đức Thế Tôn bảo Bồ Tát *ma-ha-tát* Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương: “Thực thể của *Niết-bàn* chẳng phải trước là không mà sau thành có. Nếu thực thể của *Niết-bàn* là trước không sau có thì ắt không phải pháp vô lậu thường trụ. Dù có Phật hay

không có Phật thì tánh và tướng [của Niết-bàn] vẫn là thường trụ, chỉ vì chúng sanh bị phiền não che lấp nên không thấy được *Niết-bàn*, liền nói là không có. Hàng Bồ Tát *ma-ha-tát* dùng *giới, định, tuệ*, chuyên cần tu sửa trong tâm, khi dứt hết phiền não rồi liền thấy được *Niết-bàn*. [Vì thế] nên biết rằng *Niết-bàn* là pháp thường trụ, chẳng phải là trước vốn không mà sau thành có; vì thế nên gọi [Niết-bàn] là thường.

“Thiện nam tử! Ví như dưới giếng nước trong căn nhà tối, có đủ bảy báu. Người ta cũng biết là có, nhưng vì tối nên không nhìn thấy. Người khôn ngoan khéo biết phương cách liền thắp lên ngọn đèn lớn, mang đến soi sáng, thấy được tất cả. Người ấy đối với việc đó không hề nghĩ rằng: ‘Nước và bảy món báu trước là không mà nay thành có.’

“*Niết-bàn* cũng như thế, vốn luôn sẵn có, chẳng phải đến nay mới có. Vì phiền não tối tăm nên chúng sanh không thấy. Bạc Như Lai trí tuệ lớn lao khéo dùng phương tiện, thắp lên ngọn đèn trí tuệ, khiến cho các vị Bồ Tát thấy được *Niết-bàn, thường, lạc, ngã, tịnh*. Vì thế, người có trí tuệ đối với *Niết-bàn* không nên nói rằng trước vốn là không mà nay mới có.

“Thiện nam tử! Ông nói rằng do nhân duyên tu tập [trang nghiêm] mà được thành tựu *Niết-bàn*, nên [Niết-bàn] là vô thường. Nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy?

“Thiện nam tử! Thực thể của *Niết-bàn* là chẳng phải sanh ra, chẳng phải xuất hiện, chẳng phải chân thật, chẳng phải hư dối; không do sự tạo tác các nghiệp mà sanh, [nên] không phải là pháp hữu lậu, hữu vi.

“*Niết-bàn* cũng không phải nghe, không phải thấy; không sa đọa, không chết mất; không phải tướng riêng

biệt, cũng không phải tương tương đồng. *Niết-bàn* cũng không đi qua, không trở lại; không phải quá khứ, tương lai hay hiện tại; không phải duy nhất cũng không phải nhiều; không dài, không ngắn, không tròn, không vuông, không sắc nhọn, không tà lệch; không phải có tướng, cũng không phải không có tướng; không phải tên gọi, không phải hình sắc; không phải nhân, không phải quả; không phải ta và vật của ta.

“Vì những nghĩa ấy nên *Niết-bàn* là thường còn không hề biến chuyển, thay đổi. [Nhưng] phải dùng sự tu tập các pháp lành trong vô lượng *a-tăng-kỳ* kiếp để trang nghiêm tự thân rồi sau mới thấy được *Niết-bàn*.

“Thiện nam tử! Ví như dưới lòng đất có [mạch] nước đủ tám vị<sup>(40)</sup> nhưng chúng sanh chẳng ai lấy được. Người có trí tuệ liền ra công đào xuyên qua đất, lấy được [mạch] nước ấy. *Niết-bàn* cũng giống như thế.

“Ví như người mù không thấy được mặt trời, mặt trăng. Nhờ thầy thuốc điều trị rồi liền thấy được. Nhưng mặt trời, mặt trăng ấy không phải trước vốn là không mà nay thành có. *Niết-bàn* cũng thế, từ trước vẫn tự sẵn có, không phải đến nay mới có.

“Thiện nam tử! Ví như người có tội, bị trói giữ trong ngục tù, lâu lắm mới được thả ra. Khi trở về nhà liền thấy được cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc. [Cha mẹ, anh em... đó thật không phải trước vốn là không mà nay thành có.] *Niết-bàn* cũng là như thế.

“Thiện nam tử! Ông nói rằng *Niết-bàn* là do nhân duyên mà được nên lẽ ra phải là vô thường. Điều này cũng không đúng. Vì sao vậy?

“Thiện nam tử! Có năm loại nguyên nhân. Những gì là năm? Một là nguyên nhân sanh ra, hai là nguyên nhân hòa hợp, ba là nguyên nhân tồn tại, bốn là nguyên nhân tăng trưởng, năm là nguyên nhân bên ngoài.

“Thế nào là nguyên nhân sanh ra? Nguyên nhân sanh ra tức là các thứ nghiệp phiền não [trong tâm], các loại hạt giống cây cỏ bên ngoài. Những thứ ấy gọi là nguyên nhân sanh ra.

“Thế nào là nguyên nhân hòa hợp? Như tâm thiện với tâm thiện cùng hòa hợp; tâm bất thiện với tâm bất thiện cùng hòa hợp, tâm vô ký với tâm vô ký cùng hòa hợp. Đó gọi là nguyên nhân hòa hợp.

“Thế nào là nguyên nhân tồn tại? Như nhờ có những cây cột chống giữ bên dưới nên mái nhà không sập; núi sông, cây cối, nhờ có mặt đất chống giữ nên mới đứng vững; trong thân chúng sanh có bốn đại với vô lượng phiền não nên mới tồn tại. Đó gọi là nguyên nhân tồn tại.

“Thế nào là nguyên nhân tăng trưởng? Như nhờ có các điều kiện quần áo, thức ăn uống... nên chúng sanh mới tăng trưởng. Như các hạt giống ngoài trời nếu không bị lửa thiêu cháy, không bị chim ăn mất... thì mới được tăng trưởng. Như các vị *sa-môn*, *bà-la-môn* nhờ nương theo hòa thượng, thiện tri thức mà được tăng trưởng. Như con nhờ cha mẹ mà được tăng trưởng. Đó gọi là nguyên nhân tăng trưởng.

“Thế nào là nguyên nhân [khác] từ bên ngoài? Ví như nhờ có thần chú nên ma quỷ, chất độc đều không thể làm hại; như nhờ vị quốc vương nên không có giặc cướp; như hạt nảy mầm nhờ các điều kiện: đất, nước, độ ẩm, không khí...

“Như để làm ra món bơ sữa thì cần phải có nước, sự khuấy đảo, công người làm, đó là nguyên nhân [khác] bên ngoài. Như ánh sáng, hình sắc... là nguyên nhân bên ngoài của nhãn thức. Như tinh huyết cha mẹ là nguyên nhân bên ngoài của chúng sanh. Như các điều kiện thời tiết đều gọi là nguyên nhân bên ngoài.

“Thiện nam tử! Thực thể của Niết-bàn chẳng phải do năm loại nguyên nhân như vậy mà thành, sao lại nói rằng Niết-bàn là vô thường?

“Thiện nam tử! Lại có hai loại nguyên nhân, một là nguyên nhân tạo thành, hai là nguyên nhân làm rõ. Như các dụng cụ vòng, dây... của người thợ làm đồ gốm, đó gọi là nguyên nhân tạo thành. Như đèn, đuốc... soi sáng những vật trong chỗ tối, đó gọi là nguyên nhân làm rõ.

“Thiện nam tử! Đại Niết-bàn không do nhân tạo thành mà có, chỉ do nhân làm rõ [để thấy được]. Nhân làm rõ Niết-bàn là ba mươi bảy pháp trợ đạo, sáu pháp ba-la-mật... Đó gọi là nguyên nhân làm rõ, [vì nhân đó mà thấy được Niết-bàn.]

“Thiện nam tử! Bồ thí là nhân Niết-bàn, chẳng phải là nhân Đại Niết-bàn. Pháp Bồ thí ba-la-mật mới được gọi là nhân Đại Niết-bàn. Ba mươi bảy phẩm là nhân Niết-bàn, chẳng phải là nhân Đại Niết-bàn. Vô lượng vô số pháp trợ Bồ-đề mới được gọi là nhân Đại Niết-bàn.”

Bấy giờ, Bồ Tát ma-ha-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật: “Thế Tôn! Bồ thí thế nào không gọi là Bồ thí ba-la-mật? Bồ thí thế nào gọi là Bồ thí ba-la-mật? Tương tự cho đến Bát-nhã ba-la-mật,<sup>(41)</sup> thế nào không gọi là Bát-nhã ba-la-mật? Thế

nào gọi là Bát-nhã ba-la-mật? Thế nào gọi là Niết-bàn? Thế nào gọi là Đại Niết-bàn?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Hàng Bồ Tát ma-ha-tát tu hành kinh Phương đẳng Đại Bát Niết-bàn không nghe đến bố thí, không thấy có bố thí, không nghe đến Bồ thí ba-la-mật, không thấy có Bồ thí ba-la-mật, cho đến không nghe Bát-nhã, không thấy có Bát-nhã, không nghe Bát-nhã ba-la-mật, không thấy có Bát-nhã ba-la-mật; không nghe đến Niết-bàn, không thấy có Niết-bàn, không nghe đến Đại Niết-bàn, không thấy có Đại Niết-bàn.

“Bồ Tát ma-ha-tát tu hành Đại Niết-bàn, thấy biết pháp giới, hiểu rõ tướng chân thật vốn là không, không có vật sở hữu, không có các tướng tri giác hòa hợp; đạt đến chỗ thấy được các tướng vô lậu, tướng không tạo tác, tướng như ảo hóa, tướng như hơi nắng nóng, như cảnh thành biến hóa mà có, tướng rỗng không.

“Khi Bồ Tát thấy được những tướng như vậy thì không còn có tham, sân, si; không nghe, không thấy. Đó gọi là tướng chân thật của Bồ Tát ma-ha-tát.

“Bồ Tát trụ yên nơi tướng chân thật liên tục biết phân biệt: đây là bố thí, đây là Bồ thí ba-la-mật, cho đến đây là Bát-nhã, đây là Bát-nhã ba-la-mật; đây là Niết-bàn, đây là Đại Niết-bàn...”

“Thiện nam tử! Thế nào là bố thí, không phải [Bồ thí] ba-la-mật? Thấy có người đến xin rồi sau mới cho, đó gọi là bố thí, không phải [Bồ thí] ba-la-mật. Nếu người không đến xin mà tự mình mở rộng lòng cho, đó gọi là Bồ thí Ba-la-mật.

“Nếu thường bố thí theo thời gian [có gián đoạn], đó cũng gọi là bố thí, không phải [Bồ thí] ba-la-mật. Như

tu tập trong tâm lúc nào cũng bố thí, đó gọi là Bố thí Ba-la-mật.

“Nếu bố thí cho người khác rồi sanh lòng tiếc nuối, đó gọi là bố thí, không phải là [Bố thí] ba-la-mật. Bố thí rồi không hề tiếc nuối, đó gọi là Bố thí ba-la-mật.

“Hàng Bồ Tát ma-ha-tát quán xét rằng giữ lấy tài vật thì sanh ra bốn điều lo sợ: một là sợ vua quan thu mất, hai là sợ giặc cướp lấy mất, ba là sợ nước lụt cuốn mất, bốn là sợ nạn lửa thiêu mất. [Quán xét như vậy rồi] liền hoan hỷ bố thí cho kẻ khác, đó gọi là Bố thí ba-la-mật.

“Nếu bố thí mà mong cầu được báo đáp thì gọi là bố thí, không phải [Bố thí] ba-la-mật. Bố thí không mong cầu báo đáp, đó gọi là Bố thí Ba-la-mật.

“Nếu bố thí vì sự khiếp sợ, vì cầu được danh tiếng, lợi dưỡng, vì cầu cho phép nhà truyền nối chẳng dứt, vì mong cầu năm món dục ở cõi trời, hoặc vì lòng kiêu mạn, vì muốn hơn kẻ khác, vì tình quen biết, vì cầu được báo đáp... [những cách bố thí như vậy] đều chỉ giống như sự đổi chác nơi chợ búa mà thôi!<sup>(42)</sup>

“Thiện nam tử! Như người trồng cây là vì muốn có bóng mát, vì muốn được hoa quả, hoặc để có cây gỗ. Nếu người tu hành bố thí theo những cách như vậy thì gọi là bố thí, không phải là [Bố thí] ba-la-mật.

“Bồ Tát ma-ha-tát tu hành pháp Đại Niết-bàn này không thấy có người bố thí, không thấy có người thọ nhận [vật bố thí], không thấy có tài vật bố thí; không thấy có thời điểm thích hợp hay không thích hợp [để bố thí]; không thấy [người nhận bố thí] là phước điền hay không phải phước điền; không thấy có nhân, không

thấy có duyên, không thấy có quả báo; không thấy có người tạo tác, không thấy có kẻ thọ nhận; không thấy là nhiều, không thấy là ít; không thấy là trong sạch hay không trong sạch; không khinh thường người thọ nhận, không khinh thường thân mình hay tài vật; không thấy có người thấy hay người không thấy; chẳng phân biệt mình và người khác; chỉ vì pháp thường trụ Phương đẳng Đại Bát Niết-bàn nên tu hành bố thí. Vì lợi ích hết thảy chúng sanh nên thực hành bố thí. Vì dứt trừ phiền não của tất cả chúng sanh nên thực hành bố thí. Vì chúng sanh nên thực hành việc bố thí mà không thấy có kẻ thọ nhận, có người bố thí và tài vật bố thí.

“Thiện nam tử! Như người rơi xuống biển sâu, ôm lấy xác chết mà được thoát nạn. Bồ Tát ma-ha-tát tu pháp Đại Niết-bàn thực hành việc bố thí cũng vậy, giống như người ôm lấy xác chết kia.

“Thiện nam tử! Như người bị nhốt trong ngục kín, cửa nẻo kiên cố, chỉ có một lỗ trống nơi nhà xí, liền chui theo lỗ ấy mà thoát ra, không còn bị giam cầm. Bồ Tát ma-ha-tát tu pháp Đại Niết-bàn thực hành việc bố thí cũng vậy, [giống như người chui theo lỗ trống ở nhà xí kia.]

“Thiện nam tử! Như người thuộc dòng quý tộc, gặp nạn khủng bố cấp bách, không có chỗ nương cậy, phải nương theo kẻ hạ tiện dòng chiên-đà-la [để thoát hiểm]. Bồ Tát ma-ha-tát tu pháp Đại Niết-bàn thực hành việc bố thí cũng vậy, [giống như người quý tộc nương theo kẻ hạ tiện kia].

“Thiện nam tử! Như người có bệnh, vì muốn dứt bệnh khổ, được an vui, nên phải uống loại thuốc nhơ nhớp. Bồ Tát ma-ha-tát tu pháp Đại Niết-bàn thực hành việc

bố thí cũng vậy, [giống như người bệnh phải uống loại thuốc nhờ nhờ kia].

“Thiện nam tử! Như người bà-la-môn gặp lúc cơm gạo đất đỏ, vì sự sống nên phải ăn thịt chó. Bồ Tát ma-ha-tát tu pháp Đại Niết-bàn thực hành việc bố thí cũng vậy, [giống như người bà-la-môn bắt đực dĩ phải ăn thịt chó kia].

“Thiện nam tử! Trong Đại Niết-bàn, những việc như vậy từ vô lượng kiếp tới nay, không [thể] nghe mà được nghe. Về việc giữ giới luật và Trì giới ba-la-mật, cho đến bát-nhã và Bát-nhã ba-la-mật, ta đã giảng rộng trong kinh Hoa nghiêm.<sup>(43)</sup>

## KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

### HẾT QUYỂN HAI MƯƠI MỐT

## CHÚ GIẢI

1. Theo Nam bản thì từ đây bắt đầu quyển 19, phẩm Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Bồ Tát thứ 22, phần 1.
2. Chỉ riêng công đức thứ nhất này được trình bày suốt trong 3 quyển, từ quyển 21 đến cuối quyển 23.
3. Nguyên bản ở đây dùng “bất văn”, nghĩa là “không nghe”, nhưng theo ý nghĩa được diễn giảng về sau thì chúng tôi hiểu đây là “không thể nghe”, tức là những điều “không thể giảng thuyết” (bất khả thuyết), là những ý nghĩa vượt ra khỏi phạm trù diễn đạt của ngôn ngữ thế gian.
4. Tức là năm ấm: sắc, thọ, tưởng, hành và thức.
5. Tức là 12 nhập, do sáu căn thiệp nhập với sáu trần.
6. Tức là 18 giới, do sáu căn ở trong, sáu trần ở ngoài với sáu thức ở giữa.

7. Luận Tỳ-dà (Veda), cũng đọc là Vi-dà, Phê-dà, một bộ luận rất cổ của đạo Bà-la-môn, có từ trước thời đức Phật.
8. Luận Tỳ-già-la (Vyākaraṇa), cũng đọc là Tỳ-da-yết-thích-nam hay Tỳ-hà-yết-lợi-nã, Hán dịch là Thanh minh ký luận (聲明記論), cũng là tên chỉ chung các bộ luận về ngữ học của thế tục.
9. Luận Vệ-thế-sư (Vaiśeṣika), cũng đọc là Tỳ-thế-sư hay Phê-thế-sử, Hán dịch là Thắng luận (勝論), một trong các bộ luận rất nổi tiếng của ngoại đạo thời đức Phật.
10. Luận Ca-tỳ-la (Kapila), cũng đọc là Ca-tỳ-lê hay Kiếp-tỳ-la, Hán dịch nghĩa là Hoàng đầu (黃頭) hay Xích sắc (赤色), đúng ra là tên của vị luận sư ngoại đạo đã chế tác bộ luận căn bản của phái Số luận, còn có tên là Tăng-khư luận, nêu lên ý nghĩa nhị thập ngũ đế. Ở đây lấy tên người làm tên bộ luận.
11. Tỳ-phật-lược (Vaipulya), cũng đọc là Tỳ-phú-la, xếp thứ mười trong 12 bộ kinh, dịch nghĩa là kinh Phương quảng, lấy nghĩa “phương chánh quảng đại” (ngay thẳng chân chánh và rộng lớn).
12. Đây nói tóm cả sáu pháp ba-la-mật: 1. Bố thí Ba-la-mật 2. Trì giới Ba-la-mật 3. Nhẫn nhục Ba-la-mật 4. Tinh tấn Ba-la-mật 5. Thiền định Ba-la-mật 6. Trí tuệ Ba-la-mật
13. Tức là hai đức Pháp không ngăn ngại và Nghĩa không ngăn ngại, trong bốn đức không ngăn ngại của Bồ Tát được giảng rõ ở Tập 3. Hai đức còn lại là Lối lẽ không ngăn ngại và Vui thích thuyết diễn không ngăn ngại.
14. Cách nói “là sắc... .. cho đến là thức...” nghĩa là nói tóm về cả sáu căn và sáu thức. Ở đây nói sự nghi hoặc về tính tồn tại độc lập của căn, thức hay bản ngã.
15. Tức cõi trời Phi tưởng phi phi tưởng, là cõi trời thứ tư thuộc Sắc giới, là cõi trời cao nhất trong Tam giới, cũng gọi là cõi trời Hữu đỉnh (Hữu đỉnh thiên).
16. Vị trời Tự tại (Tự tại thiên), dịch từ Phạn ngữ là **Maheśvara**, phiên âm là Ma-hê-thủ-la, là vị thiên chủ ở cảnh trời cao nhất thuộc Sắc giới, cũng là cao nhất trong Tam giới, cũng gọi là Đại tự tại thiên. Ngoại đạo cho rằng chính vị này tạo tác ra hết thủy chúng sanh trong ba cõi.
17. Đoạn trước có nói là Thanh văn và Phật Bích-chi, ở đây gọi là Duyên giác, vì hai tên gọi này là một. Bích-chi hay Bích-chi-ca là phiên âm từ tiếng Phạn là **Pratyeka**, còn Duyên giác là dịch nghĩa, vị này chứng ngộ do quán lý nhân duyên nên gọi là “duyên giác”.
18. Đây nói tóm lược các chuyển đi ra ngoài thành của thái tử Tất-đạt-đa, kể đầy đủ trong các chuyển đi này thì ngài đã gặp một người già yếu, một người bệnh, một người chết và cuối cùng là một vị sa-môn sống cuộc sống không nhà. Thông qua đó ngài thấy rõ được rằng những nỗi khổ “sanh, lão, bệnh, tử” luôn bao trùm lên cuộc sống của tất cả mọi chúng sanh, và chỉ có con đường xuất thế mới có thể cứu thoát chúng sanh ra khỏi vòng sanh tử.
19. Uất-đà-già (Udraka Rāmaputra), cũng đọc là Uất-đầu Lam-phát, Uất-đà-la La-ma tử hay Uất-đà La-già, Ôt-đạt Lạc-ca, Ưu-đà-la La-ma tử... đều chỉ là những

- cách đọc khác nhau để chỉ cùng một người, Hán dịch nghĩa là Mãnh Hỷ hay Cực Hỷ, là một trong các vị tiên nhân mà đức Phật đã tìm đến để hỏi đạo. Vị này tu thiền đã chứng đắc cảnh giới Phi tưởng định, được năm phép thần thông.
20. A-la-la (*Ārāḍa-kālāma*), cũng đọc là A-lam, A-lam-ca-lam hay Ca-la-ma, Hán dịch nghĩa là Tự dẫn hay Giải đãi, là vị tiên nhân mà đức Phật đã đến hỏi đạo trước tiên. Đức Phật đã ở lại chỗ vị này nhiều tháng, sau đó không hài lòng với giáo pháp do ông truyền dạy nên mới từ giã mà tìm đến chỗ ông Uất-đà-già. Khi Phật thành đạo, có ý muốn hóa độ các vị này trước hết, nhưng khi ấy thì các ông đều đã qua đời.
21. Khoảng thời gian tu khổ hạnh này, Phật ở trong một khu rừng gọi là rừng Khổ hạnh (Khổ hạnh lâm), tên Phạn ngữ là Tapovana, thuộc địa phận xứ Ưu-lâu-tần-loa (*Uruvelā*), ngày nay nằm về phía đông của thôn Mục-chi-lân-đà (*Mucilinda*), cho đến thời gian gần đây vẫn còn tồn tại một vùng cây rậm rạp ở đó.
22. Sông A-lợi-bạt-đề. Các kinh sách khác đều gọi đây là sông Ni-liên-thiên (*Nairāñjana*), cũng đọc là Ni-liên-thiên-na. Đức Phật sau khi từ bỏ pháp tu khổ hạnh đã xuống tắm ở sông này. Kinh Quá khứ hiện tại nhân quả (*過去現在因果經*), quyển 3 (Đại Chánh tạng, tập 3, kinh số 189, bắt đầu từ dòng thứ 25, trang 639, tờ a) kể rằng khi ngài xuống sông tắm rửa xong thì do thân thể quá suy nhược nên không thể lên được, liền có chư thiên cõi trời Tịnh cư hiện xuống nâng đỡ thân Ngài, sau đó Ngài mới thọ nhận bát sữa cúng dường của nàng Nan-đà-ba-la (*難陀波羅*).
23. Ma Ba-tuần (*Pāpīyas*), cũng đọc là Ba-tuần-du hay Ba-ty-diện, Hán dịch nghĩa là Sát giả hay Ác giả, là tên gọi của Ma vương.
24. Ba-la-nại (*Vāraṇasi*), là địa danh thuộc miền Trung Ấn Độ cổ, nơi có khu vườn Lộc uyển mà đức Phật thuyết pháp lần đầu tiên.
25. Năm vị tỳ-kheo: là nhóm ông Kiều-trần-như, trước có cùng đức Phật tu khổ hạnh trong rừng, sau vì thấy Phật từ bỏ cách tu khổ hạnh nên cho rằng ngài đã thối chí, liền bỏ đi nơi khác. Do nhân duyên này nên đức Phật hóa độ cho năm vị này trước nhất. Đó là các ông: Kiều-trần-như, Át-bệ, Thập-lực Ca-diếp, Ma-nam Câu-ly và Bạc-đề.
26. Nguyên bản Hán văn dùng “diệt nhất-xiển-đề”, ở đây phải hiểu là diệt tâm nhất-xiển-đề, tức là tâm bất tín, không có lòng tin nơi Tam bảo, nơi nhân quả.
27. Nguyên bản dùng do-diên, là cách phiên âm khác của do-tuần.
28. Bốn món báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê.
29. Cảnh thiền thứ ba (đệ tam thiền): người tu thiền khi đạt đến cảnh thiền thứ ba thì thần thức vào ba cảnh giới là Thiếu tịnh thiên (*Parīṭṭa-sūbha*), Vô lượng tịnh thiên (*Apramāṇa-sūbha*) và Biến tịnh thiên (*Sūbha-kṛtsna*), đều thuộc Sắc giới.
30. Nước có đủ tám vị: cũng gọi là nước có tám công đức.
31. Cảnh thiền thứ hai (đệ nhị thiền): người tu thiền khi đạt đến cảnh thiền thứ hai thì thần thức vào ba cảnh giới là Thiếu quang thiên (*Parīttābha*), Vô lượng quang thiên (*Apramāṇābha*), Quang âm thiên (*Ābhassara*), đều thuộc Sắc giới.

32. Trọng cấm: chỉ bốn trọng cấm, gồm giết hại, trộm cắp, dâm dục và nói dối.
33. Năm tội nghịch: chỉ các tội giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá hòa hợp tăng và làm thân Phật chảy máu.
34. Không định: phép thiền định quán sát thấy thật tánh của tất cả các pháp đều là không, không thật có tự tánh.
35. Đa-la: tên cây phiên âm từ Phạn ngữ là *tāla*, tên khoa học là *borassus flabelliformis*, mọc phổ biến ở Ấn Độ, Myanma, *Śrī Lanka* và một số vùng nhiệt đới thuộc châu Phi. Sách Tuệ uyển âm nghĩa nói rằng người xưa ước lệ chiều cao cây này là 10 trượng (tức 100 thước cổ) để làm đơn vị đo chiều cao. Nếu vậy thì ngang tầm một cây đa-la là khoảng hơn 30 mét, bảy cây là khoảng 210 mét.
36. Nguyên bản Hán văn là “tạo chiêu đề tăng phường”. Danh từ chiêu đề viết đủ là chiêu-đấu-đề-xá (*拓門提舍*) dịch âm từ tiếng Phạn là *Caturdeśa*, có nghĩa là bốn phương. Vì thế, chiêu đề tăng phường chỉ chung tất cả những nơi chư tăng cư trú khắp bốn phương.
37. Đào giếng trên đường vắng, trồng cây trái rừng sâu: Do lòng vị tha nên làm các việc ấy, để khách đi đường vắng có giếng nước uống đỡ khát, người đi qua rừng sâu có trái cây ăn đỡ đói.
38. Không đoạt của bố thí: nguyên bản Hán văn dùng “bất phạm tăng-man vật”. Danh từ tăng-man được dịch âm từ tiếng Phạn. Từ điển Đỉnh Phúc Bảo dẫn Giới số, quyển 2, tập thượng, ghi rõ danh từ này dịch nghĩa là “đối diện vật thí”, nhưng không thấy ghi nguyên ngữ. Như vậy, hiểu theo nghĩa này là “tài sản được bố thí trong hiện tại”. Các bản trước đây đều hiểu chữ tăng trong tăng-man là chỉ chư tăng, vì câu tiếp theo nói đến Phật. Nhưng như vậy thì chữ man (𠵼 - mái tóc mượt) ở đây hoàn toàn không có nghĩa.
39. Sáu đại: sáu chất lớn, gồm tứ đại: địa, thủy, hỏa, phong, thêm vào hai đại nữa là không và thức. Theo vũ trụ quan này thì tất cả các sự vật hữu tình, vô tình đều do nơi sáu đại này tạo thành.
40. Nước có tám vị, hay tám công đức, đó là: 1. Trừng tịnh: lắng gạn trong sạch; 2. Thanh lãnh: trong trẻo mát lạnh; 3. Cam mỹ: mùi vị ngon ngọt; 4. Khinh nhuyễn: nhẹ nhàng mềm mại; 5. Nhuận trạch: thấm nhuần tươi mát; 6. An hòa: yên ổn hòa nhã; 7. Trừ được đói khát và vô số khổ não; 8. Trưởng dưỡng thân tứ đại, tăng trưởng các thiện căn.
41. Tương tự cho đến Bát-nhã ba-la-mật: Câu này nói tóm lại, có nghĩa là thưa hỏi tương tự như vậy về cả sáu pháp ba-la-mật, từ Bố thí ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Thiền định ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật.
42. Vì đưa cái này ra để mong có được cái kia nên chỉ là sự đổi chác, trao đổi.
43. Nguyên bản dùng “Tạp hoa kinh”, là tên gọi khác của kinh Hoa nghiêm.

# 大般涅槃經

## 卷第二十二

### 光明遍照高貴德王菩薩品

#### 第十之二

善男子。云何菩薩摩訶薩修大涅槃不聞而聞。十二部經其義深邃昔來不聞。今因是經得具足聞。先雖得聞唯聞名字。而今於此大涅槃經乃得聞義。聲聞緣覺唯聞十二部經名字不聞其義。今於此經具足得聞。是名不聞而聞。

善男子。一切聲聞緣覺經中。不曾聞佛有常樂我淨不畢竟滅。三寶佛性無差別相。犯四重罪謗方等經作五逆罪及一闍提悉有佛性。今於此經而得聞之。是名不聞而聞。

爾時光明遍照高貴德王菩薩摩訶薩白佛言。世尊。若犯重禁謗方等經作五逆罪一闍提等有佛性者。是等云何復墮地獄。

世尊。若使是等有佛性者。云何復言無常樂我淨。

# ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH

## QUYỂN ĐỆ NHỊ THẬP NHỊ

### QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG BỒ TÁT PHẨM

#### ĐỆ THẬP CHI NHỊ

Thiện nam tử! Vân hà Bồ Tát *ma-ha-tát* tu Đại Niết-bàn, bát văn nhi văn? Thập nhị bộ kinh, kỳ nghĩa thâm thúy, tích lai bất văn; kim nhân thị kinh, đắc cụ túc văn. Tiên tuy đắc văn, duy văn danh tự; nhi kim ư thủ Đại Niết-bàn kinh, nãi đắc văn nghĩa. Thanh văn, Duyên giác duy văn Thập nhị bộ kinh danh tự, bát văn kỳ nghĩa, kim ư thủ kinh cụ túc đắc văn. Thị danh bát văn nhi văn.

Thiện nam tử! Nhất thiết Thanh văn, Duyên giác kinh trung bát tạng văn: Phật hữu thường, lạc, ngã, tịnh, bất tất cánh diệt, Tam bảo Phật tánh vô sai biệt tướng; phạm tứ trọng tội, báng Phương đẳng kinh, tác ngũ nghịch tội cập *nhất-xiển-đề*, tất hữu Phật tánh. Kim ư thủ kinh, nhi đắc văn chi. Thị danh bát văn nhi văn.

Nhĩ thời Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Bồ Tát *ma-ha-tát* bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Nhược phạm trọng cấm, báng Phương đẳng kinh, tác ngũ nghịch tội; *nhất-xiển-đề* đẳng hữu Phật tánh giả, thị đẳng vân hà phục đọa địa ngục?

Thế Tôn! Nhược sử thị đẳng hữu Phật tánh giả, vân hà phục ngôn vô thường, lạc, ngã, tịnh?

世尊。若斷善根名一闍提者。斷善根時所有佛性云何不斷。佛性若斷云何復言常樂我淨。如其不斷何故名為一闍提耶。

世尊。犯四重禁名為不定。謗方等經作五逆罪及一闍提悉名不定。如是等輩若決定者。云何得成阿耨多羅三藐三菩提。得須陀洹乃至辟支佛亦名不定。若須陀洹至辟支佛是決定者。亦不應成阿耨多羅三藐三菩提。

世尊。若犯四重不決定者。須陀洹乃至辟支佛亦不決定。如是不定諸佛如來亦復不定。若佛不定。涅槃體性亦復不定。至一切法亦復不定。云何不定名一闍提。除一闍提則成佛道。諸佛如來亦應如是。入涅槃已。亦應還出不入涅槃。若如是者涅槃之性則為不定。不決定故當知無有常樂我淨。云何說言一闍提等當得涅槃。

爾時世尊告光明遍照高貴德王菩薩摩訶薩言。善哉善哉。善男子。為欲利益無量眾生令得安樂。憐愍慈念諸世間故。為欲增長發菩提心諸菩薩故，作如是問。

善男子。汝已親近過去無量諸佛世尊。於諸佛所種諸善根。久已成就菩提功德。降伏眾魔令其退散。已教無量無邊眾生。悉令得至阿耨多羅三藐三

Thế Tôn! Nhược đoạn thiện căn, danh *nhất-xiển-đề* giả; đoạn thiện căn thời, sở hữu Phật tánh, vân hà bất đoạn? Phật tánh nhược đoạn, vân hà phục ngôn thường, lạc, ngã, tịnh? Như kỳ bất đoạn, hà cố danh vi *nhất-xiển-đề* da?

Thế Tôn! Phạm tứ trọng cấm, danh vi bất định. Báng phương đẳng kinh, tác ngũ nghịch tội cập *nhất-xiển-đề*, tất danh bất định. Như thị đẳng bối, nhược quyết định giả, vân hà đắc thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*? Đắc Tu-đà-hoàn nãi chí *Bích-chi* Phật, diệc danh bất định. Nhược *Tu-đà-hoàn* chí *Bích-chi* Phật thị quyết định giả, diệc bất ưng thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

Thế Tôn! Nhược phạm tứ trọng bất quyết định giả, Tu-đà-hoàn nãi chí *Bích-chi* Phật diệc bất quyết định. Như thị bất định, chư Phật Như Lai diệc phục bất định. Nhược Phật bất định, *Niết-bàn* thể tánh diệc phục bất định, chí nhất thiết pháp diệc phục bất định. Vân hà bất định danh *nhất-xiển-đề*? Trừ *nhất-xiển-đề*, tác thành Phật đạo. Chư Phật Như Lai diệc ưng như thị; nhập *Niết-bàn* dĩ, diệc ưng hoàn xuất, bất nhập *Niết-bàn*. Nhược như thị giả, *Niết-bàn* chi tánh tác vi bất định. Bất quyết định cố, đương tri vô hữu thường, lạc, ngã, tịnh. Vân hà thuyết ngôn *nhất-xiển-đề* đẳng đương đắc *Niết-bàn*?

Nhĩ thời Thế Tôn, cáo Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đúc Vương Bồ Tát *ma-ha-tát* ngôn: Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! Vị dục lợi ích vô lượng chúng sanh, linh đắc an lạc, lân mãn từ niệm chư thế gian cố; vị dục tăng trưởng phát bồ đề tâm chư Bồ Tát cố, tác như thị vấn.

Thiện nam tử! Nhữ dĩ thân cận quá khứ vô lượng chư Phật Thế Tôn; ư chư Phật sở, chủng chư thiện căn; cứu dĩ thành tựu bồ đề công đức; hàng phục chúng ma, linh kỳ thối tán; dĩ giáo vô lượng, vô biên chúng sanh, tất linh đắc chí *A-nậu-đa-la Tam-*

菩提。久已通達諸佛如來所有甚深祕密之藏。已問過去無量無邊恒河沙等諸佛世尊如是甚深微密之義。我都不見一切世間。若人若天沙門婆羅門若魔若梵。有能諮問如來是義。今當誠心諦聽諦聽。吾當為汝分別演說。

善男子。一闡提者亦不決定。若決定者是一闡提終不能得阿耨多羅三藐三菩提。以不決定是故能得。如汝所言佛性不斷。云何一闡提斷善根者。

善男子。善根有二種。一者內。二者外。佛性非內非外。以是義故佛性不斷。復有二種。一者有漏。二者無漏。佛性非有漏非無漏。是故不斷。復有二種。一者常。二者無常。佛性非常非無常。是故不斷。若是斷者則應還得。若不還得則名不斷。若斷已得名一闡提。

犯四重者亦是不定。若決定者。犯四重禁終不能得阿耨多羅三藐三菩提。謗方等經亦復不定。若決定者。謗正法人終不能得阿耨多羅三藐三菩提。作五逆罪亦復不定。若決定者。五逆之人終不能得阿耨多羅三藐三菩提。色與色相二俱不定。香味觸相生相。至無明相陰入界相二十五有相四生乃至一切諸法。皆亦不定。

善男子。譬如幻師在大眾中化作四兵車步象

*miệu Tam-bồ-đề*. Cứu dĩ thông đạt chư Phật Như Lai sở hữu thậm thâm bí mật chi tạng. Dĩ vấn quá khứ vô lượng, vô biên, hằng hà sa đẳng chư Phật Thế Tôn, như thị thậm thâm vi mật chi nghĩa. Ngã đô bất kiến nhất thiết thế gian, nhược nhân, nhược thiên, sa-môn, bà-la-môn, nhược ma, nhược phạm, hữu năng tư vấn Như Lai thị nghĩa. Kim đương thành tâm. Đế thính! Đế thính! Ngô đương vị nhữ phân biệt diễn thuyết.

Thiện nam tử! *Nhất-xiển-đề* giả, diệc bất quyết định. Nhược quyết định giả, thị *nhất-xiển-đề* chung bất năng đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Dĩ bất quyết định, thị cố năng đắc. Như nhữ sở ngôn: Phật tánh bất đoạn. Vân hà *nhất-xiển-đề*, đoạn thiện căn giả?

Thiện nam tử! Thiện căn hữu nhị chủng: nhất giả nội, nhị giả ngoại. Phật tánh phi nội, phi ngoại. Dĩ thị nghĩa cố, Phật tánh bất đoạn. Phục hữu nhị chủng: nhất giả hữu lậu, nhị giả vô lậu. Phật tánh phi hữu lậu, phi vô lậu. Thị cố bất đoạn. Phục hữu nhị chủng: nhất giả thường, nhị giả vô thường. Phật tánh phi thường, phi vô thường. Thị cố bất đoạn. Nhược thị đoạn giả, tắc ung hoàn đắc. Nhược bất hoàn đắc, tắc danh bất đoạn. Nhược đoạn dĩ đắc, danh *nhất-xiển-đề*.

Phạm tứ trọng giả, diệc thị bất định. Nhược quyết định giả, phạm tứ trọng cấm, chung bất năng đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Báng Phương đẳng kinh, diệc phục bất định. Nhược quyết định giả, báng Chánh pháp nhân chung bất năng đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Tác ngũ nghịch tội diệc phục bất định. Nhược quyết định giả, ngũ nghịch chi nhân chung bất năng đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Sắc dữ sắc tướng, nhị câu bất định. Hương, vị, xúc tướng sanh tướng chí vô minh tướng, âm, nhập, giới tướng, nhị thập ngũ hữu tướng, tứ sanh, nãi chí nhất thiết chư Pháp, giai diệc bất định.

Thiện nam tử! Thí như huyễn sư, tại đại chúng trung, hóa

馬。作諸瓔珞嚴身之具。城邑聚落山林樹木泉池河井。而彼眾中有諸小兒無有智慧。睹見之時悉以為實。其中智人知其虛誑以幻力故惑人眼目。

善男子。一切凡夫乃至聲聞辟支佛等。於一切法見有定相亦復如是。諸佛菩薩於一切法不見定相。

善男子。譬如小兒於盛夏月見熱時焰謂之為水。有智之人於此熱焰終不生於實水之想。但是虛焰誑人眼目非實是水。一切凡夫聲聞緣覺見一切法。亦復如是悉謂是實。諸佛菩薩於一切法不見定相。

善男子。譬如山澗因聲有響。小兒聞之謂是實聲。有智之人解無定實。但有聲相誑於耳識。

善男子。一切凡夫聲聞緣覺於一切法。亦復如是見有定相。諸菩薩等解了諸法悉無定相。見無常相空寂等相無生滅相。以是義故。菩薩摩訶薩見一切法是無常相。

善男子。亦有定相。云何為定。常樂我淨。在何處耶。所謂涅槃。

善男子。須陀洹果亦復不定。不決定故經八萬劫得阿耨多羅三藐三菩提心。斯陀含果亦復不定。

tác tứ binh: xa, bộ, tượng, mã; tác chư anh lạc nghiêm thân chi cụ; thành ấp tụ lạc, sơn lâm thọ mộc, tuyên trì hà tịnh. Nhi bỉ chúng trung, hữu chư tiểu nhi, vô hữu trí tuệ, đồ kiến chi thời, tất dĩ vi thật. Kỳ trung trí nhân tri kỳ hư cưỡng: dĩ huyễn lực cố, hoặc nhân nhân mục.

Thiện nam tử! Nhất thiết phàm phu nãi chí Thanh văn, Bích-chi Phật đẳng, ư nhất thiết Pháp, kiến hữu định tướng, diệc phục như thị. Chư Phật, Bồ Tát, ư nhất thiết Pháp, bất kiến định tướng.

Thiện nam tử! Thí như tiểu nhi, ư thanh hạ nguyệt, kiến nhiệt thời diệm, vị chi vi thủy. Hữu trí chi nhân, ư thủ nhiệt diệm, chung bất sanh ư thật thủy chi tướng: dẫn thị hư diệm cưỡng nhân nhân mục, phi thật thị thủy. Nhất thiết phàm phu, Thanh văn, Duyên giác, kiến nhất thiết Pháp, diệc phục như thị; tất vị thị thật. Chư Phật, Bồ Tát, ư nhất thiết pháp, bất kiến định tướng.

Thiện nam tử! Thí như sơn giản, nhân thanh hữu hưởng. Tiểu nhi văn chi, vị thị thật thanh. Hữu trí chi nhân giải vô định thật: dẫn hữu thanh tướng cưỡng ư nhĩ thức.

Thiện nam tử! Nhất thiết phàm phu, Thanh văn, Duyên giác, ư nhất thiết Pháp, diệc phục như thị; kiến hữu định tướng. Chư Bồ Tát đẳng giải liễu chư pháp tất vô định tướng; kiến vô thường tướng, không tịch đẳng tướng, vô sanh diệt tướng. Dĩ thị nghĩa cố, Bồ Tát *ma-ha-tát* kiến nhất thiết Pháp thị vô thường tướng.

Thiện nam tử! Diệc hữu định tướng. Vân hà vi định? Thường, lạc, ngã, tịnh. Tại hà xứ da? Sở vị *Niết-bàn*.

Thiện nam tử! Tu-đà-hoàn quả diệc phục bất định. Bất quyết định cố, kinh bát vạn kiếp, đắc *A-nậu-đa-la Tam-miêu Tam-bồ-đề* tâm. *Tư-đà-hàm* quả diệc phục bất định. Bất quyết

不決定故經六萬劫得阿耨多羅三藐三菩提心。阿那含果亦復不定。不決定故經四萬劫得阿耨多羅三藐三菩提心。阿羅漢果亦復不定。不決定故經二萬劫得阿耨多羅三藐三菩提心。辟支佛道亦復不定。不決定故經十千劫得阿耨多羅三藐三菩提心。

善男子。如來今於拘尸那城娑羅雙樹間。示現倚臥師子之床欲入涅槃。令諸未得阿羅漢果眾弟子等及諸力士生大憂苦。亦令天人阿修羅乾闥婆迦樓羅緊那羅摩睺羅伽等大設供養。欲使諸人以千端氎纏裹其身。七寶為棺盛滿香油。積諸香木以火焚之。唯除二端不可得燒。一者襯身。二者最在外。為諸眾生分散舍利以為八分。一切所有聲聞弟子。咸言如來入於涅槃。當知如來亦不畢定入於涅槃。何以故。如來常住不變易故。以是義故。如來涅槃亦復不定。

善男子。當知如來亦復不定。如來非天。何以故。有四種天。一者世間天二者生天。三者淨天。四者義天。

世間天者如諸國王。

生天者從四天王乃至非有想非無想天。

淨天者從須陀洹至辟支佛。

định cố, kinh lục vạn kiếp, đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm*. A-na-hàm quả diệc phục bất định. Bất quyết định cố, kinh tứ vạn kiếp, đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm*. A-la-hán quả diệc phục bất định. Bất quyết định cố, kinh nhị vạn kiếp, đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm*. Bích-chi Phật đạo diệc phục bất định. Bất quyết định cố, kinh thập thiên kiếp, đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm*.

Thiện nam tử! Như Lai kim ư *Câu-thi-na* thành, *sa-la* song thọ gian, thị hiện ỷ ngoại sư tử chi sàng, dục nhập *Niết-bàn*, linh chư vị đắc *A-la-hán* quả chúng đệ tử đẳng cấp chư *Lực-sĩ* sanh đại ưu khổ. Diệc linh thiên, nhân, *a-tu-la*, *càn-thát-bà*, *ca-lâu-la*, *khẩn-na-la*, *ma-hầu-la-già* đẳng đại thiết cúng dường. Dục sử chư nhân dĩ thiên đoan điệp triền lửa kỳ thân; thất bảo vi quan, thanh mãn hương du; tích chư hương mộc, dĩ hỏa phân chi. Duy trừ nhị đoan bất khả đắc thiêu: nhất giả sấn thân, nhị giả tối tại ngoại. Vị chư chúng sanh, phân tán xá lợi, dĩ vi bát phần. Nhất thiết sở hữu Thanh văn đệ tử hàm ngôn: Như Lai nhập ư *Niết-bàn*. Đương tri Như Lai diệc bất tất định nhập ư *Niết-bàn*. Hà dĩ cố? Như Lai thường trụ, bất biến dị cố. Dĩ thị nghĩa cố, Như Lai *Niết-bàn* diệc phục bất định.

Thiện nam tử! Đương tri Như Lai diệc phục bất định. Như Lai phi thiên. Hà dĩ cố? Hữu tứ chủng thiên: Nhất giả, Thế gian thiên. Nhị giả, sanh thiên. Tam giả, tịnh thiên. Tứ giả, nghĩa thiên.

Thế gian thiên giả, như chư quốc vương.

Sanh thiên giả, tòng Tứ thiên vương nãi chí Phi hữu tướng phi vô tướng thiên.

Tịnh thiên giả, tòng *Tu-đà-hoàn* chí *Bích-chi* Phật.

義天者十住菩薩摩訶薩等。

以何義故十住菩薩名為義天。以能善解諸法義故。云何為義。見一切法是空義故。

善男子。如來非王亦非四天乃至非有想非無想天。從須陀洹至辟支佛十住菩薩。以是義故。如來非天。然諸眾生亦復稱佛為天中天。是故如來非天非非天。非人非非人。非鬼非非鬼。非地獄畜生餓鬼。非非地獄畜生餓鬼。非眾生非非眾生。非法非非法。非色非非色。非長非非長。非短非非短。非相非非相。非心非非心。非有漏非無漏。非有為非無為。非常非無常。非幻非非幻。非名非非名。非定非非定。非有非非有，非無非非無。非說非非說。非如來非不如來。以是義故。如來不定。

善男子。何故如來不名世天。世天者即是諸王。如來久於無量劫中已捨王位。是故非王。非非王者。如來生於迦毘羅城淨飯王家。是故非非王。

非生天者。如來久已離諸有故。是故非生天。非非生天。何以故。昇兜率天下閻浮提故。是故如來非非生天。

Nghĩa thiên giả, Thập trụ Bồ Tát *ma-ha-tát* đẳng.

Dĩ hà nghĩa cố Thập trụ Bồ Tát danh vi nghĩa thiên? Dĩ năng thiện giải chư pháp nghĩa cố. Vân hà vi nghĩa? Kiến nhất thiết pháp thị không nghĩa cố.

Thiện nam tử! Như Lai phi vương, diệc phi tứ thiên nãi chí phi hữu tướng phi vô tướng thiên, từng *Tu-đà-hoàn* chí *Bích-chi* Phật, Thập trụ Bồ Tát. Dĩ thị nghĩa cố, Như Lai phi thiên. Nhiên chư chúng sanh diệc phục xưng Phật vi thiên trung thiên. Thị cố Như Lai phi thiên, phi phi thiên; phi nhân, phi phi nhân; phi quỷ, phi phi quỷ; phi địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ; phi phi địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ; phi chúng sanh, phi phi chúng sanh; phi pháp, phi phi pháp; phi sắc, phi phi sắc; phi trường, phi phi trường; phi đoản, phi phi đoản; phi tướng, phi phi tướng; phi tâm, phi phi tâm; phi hữu lậu, phi vô lậu; phi hữu vi, phi vô vi; phi thường, phi vô thường; phi huyễn, phi phi huyễn; phi danh, phi phi danh; phi định, phi phi định; phi hữu, phi phi hữu; phi vô, phi phi vô; phi thuyết, phi phi thuyết; phi Như Lai, phi bất Như Lai. Dĩ thị nghĩa cố, Như Lai bất định.

Thiện nam tử! Hà cố Như Lai bất danh Thế thiên? Thế thiên giả tức thị chư vương. Như Lai cứu ư vô lượng kiếp trung, dĩ xả vương vị, thị cố phi vương. Phi phi vương giả, Như Lai sanh ư *Ca-tỳ-la* thành, *Tịnh-phạn* vương gia, thị cố phi phi vương.

Phi sanh thiên giả, Như Lai cứu dĩ ly chư hữu cố. Thị cố phi sanh thiên. Phi phi sanh thiên. Hà dĩ cố? Thăng Đâu-suất thiên, há Diêm-phù-đề cố. Thị cố Như Lai phi phi sanh-thiên.

Diệc phi tịnh thiên. Hà dĩ cố? Như Lai phi thị *Tu-đà-hoàn*

亦非淨天。何以故。如來非是須陀洹乃至非辟支佛。是故如來非是淨天。非非淨天。何以故。世間八法所不能染。猶如蓮花不受塵水。是故如來非非淨天。

亦非義天。何以故。如來非是十住菩薩故。是故如來非義天也。非非義天。何以故。如來常修十八空義故。是故如來非非義天。

如來非人。何以故。如來久於無量劫中離人有故。是故非人。亦非非人。何以故。生於迦毘羅城故是故非非人。

如來非鬼。何以故。不害一切諸眾生故。是故非鬼。亦非非鬼。何以故。亦以鬼像化眾生故。是故非非鬼。

如來亦非地獄畜生餓鬼。何以故。如來久離諸惡業故。是故非地獄畜生餓鬼。亦非非地獄畜生餓鬼。何以故。如來亦復現受三惡諸趣之身化眾生故。是故非非地獄畜生餓鬼。

亦非眾生。何以故。久已遠離眾生性故。是故如來非眾生。亦非非眾生。何以故。或時演說眾生相故。是故如來非非眾生。

如來非法。何以故。諸法各各有別異相。如來不爾唯有一相。是故非法。亦非非法。何以故。如來。法界故。是故非非法。

nãi chí phi Bích-chi Phật. Thị cố Như Lai phi thị tịnh thiên. Phi phi tịnh thiên. Hà dĩ cố? Thế gian bát pháp sở bất năng nhiễm, do như liên hoa bất thọ trần thủy. Thị cố Như Lai phi phi tịnh thiên.

Diệc phi nghĩa thiên. Hà dĩ cố? Như Lai phi thị thập trụ Bồ Tát cố. Thị cố Như Lai phi nghĩa thiên dã. Phi phi nghĩa thiên. Hà dĩ cố? Như Lai thường tu thập bát không nghĩa cố. Thị cố Như Lai phi phi nghĩa thiên.

Như Lai phi nhân. Hà dĩ cố? Như Lai cứu ư vô lượng kiếp trung ly nhân hữu cố. Thị cố phi nhân. Diệc phi phi nhân. Hà dĩ cố? Sanh ư Ca-tỳ-la thành cố. Thị cố phi phi nhân.

Như Lai phi quý. Hà dĩ cố? Bất hại nhất thiết chư chúng sanh cố. Thị cố phi quý. Diệc phi phi quý. Hà dĩ cố? Diệc dĩ quý tượng, hóa chúng sanh cố. Thị cố phi phi quý.

Như Lai diệc phi địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Hà dĩ cố? Như Lai cứu ly chư ác nghiệp cố. Thị cố phi địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Diệc phi phi địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Hà dĩ cố? Như Lai diệc phục hiện thọ tam ác chư thú chi thân, hóa chúng sanh cố. Thị cố phi phi địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ.

Diệc phi chúng sanh. Hà dĩ cố? Cứu dĩ viễn ly chúng sanh tánh cố. Thị cố Như Lai phi chúng sanh. Diệc phi phi chúng sanh. Hà dĩ cố? Hoặc thời diễn thuyết chúng sanh tướng cố. Thị cố Như Lai phi phi chúng sanh.

Như Lai phi pháp. Hà dĩ cố? Chư pháp các các hữu biệt dị tướng. Như Lai bất nhị; duy hữu nhất tướng. Thị cố phi pháp. Diệc phi phi pháp. Hà dĩ cố? Như Lai pháp giới cố. Thị cố phi phi pháp.

如來非色。何以故。十色入所不攝故。是故非色。亦非非色。何以故。身有三十二相八十種好故。是故非非色。

如來非長。何以故。斷諸色故。是故非長。亦非非長。何以故。一切世間無有能見頂髻相故。是故非非長。

如來非短。何以故。久已遠離憍慢結故。是故非短。亦非非短。何以故。為瞿師羅長者示三尺身故。是故非非短。

如來非相。何以故。久已遠離諸相相故。是故非相。亦非非相。何以故。善知諸相故。是故非非相。

如來非心。何以故。虛空相故。是故非心。亦非非心。何以故。有十力心法故。亦能知他眾生心故。是故非非心。

如來非有為。何以故。常樂我淨故。是故非有為。亦非無為。何以故。有來去坐臥示現涅槃故。是故非無為。

如來非常。何以故。身有分故是故非常。

云何非常。以有知故。常法無知猶如虛空。如來有知是故非常。

云何非常。有言說故。常法無言亦如虛空。如來有言是故無常。有姓氏故名曰無常。無姓之法乃

Như Lai phi sắc. Hà dĩ cố? Thập sắc nhập sở bất nhiếp cố. Thị cố phi sắc. Diệc phi phi sắc. Hà dĩ cố? Thân hữu tam thập nhị tướng, bát thập chủng hảo cố. Thị cố phi phi sắc.

Như Lai phi trường. Hà dĩ cố? Đoạn chư sắc cố. Thị cố phi trường. Diệc phi phi trường. Hà dĩ cố? Nhất thiết thế gian, vô hữu năng kiến đỉnh kế tướng cố. Thị cố phi phi trường.

Như Lai phi đoản. Hà dĩ cố? Cửu dĩ viễn ly kiêu mạn kết cố. Thị cố phi đoản. Diệc phi phi đoản. Hà dĩ cố? Vị Cô-sư-la trưởng giả, thị tam xích thân cố. Thị cố phi phi đoản.

Như Lai phi tướng. Hà dĩ cố? Cửu dĩ viễn ly chư tướng tướng cố. Thị cố phi tướng. Diệc phi phi tướng. Hà dĩ cố? Thiện tri chư tướng cố. Thị cố phi phi tướng.

Như Lai phi tâm. Hà dĩ cố? Hư không tướng cố. Thị cố phi tâm. Diệc phi phi tâm. Hà dĩ cố? Hữu thập lực tâm pháp cố, diệc năng tri tha chúng sanh tâm cố. Thị cố phi phi tâm.

Như Lai phi hữu vi. Hà dĩ cố? Thường, lạc, ngã, tịnh cố. Thị cố phi hữu vi. Diệc phi vô vi. Hà dĩ cố? Hữu lai, khứ, tọa, ngọa, thị hiện Niết-bàn cố. Thị cố phi vô vi.

Như Lai phi thường. Hà dĩ cố? Thân hữu phạm cố. Thị cố phi thường.

Vân hà phi thường? Dĩ hữu tri cố. Thường Pháp vô tri, do như hư không. Như Lai hữu tri, thị cố phi thường.

Vân hà phi thường? Hữu ngôn thuyết cố. Thường pháp vô ngôn, diệc như hư không. Như Lai hữu ngôn, thị cố vô thường. Hữu tánh thị cố, danh viết vô thường; vô tánh chi pháp, nãi danh vi thường. Hư không thường cố, vô hữu tánh thị. Như

名為常。虛空常故無有姓氏。如來有姓姓瞿曇氏是故無常。有父母故名曰無常。無父母者乃名曰常。虛空常故無有父母。佛有父母是故無常。有四威儀名曰無常。無四威儀乃名曰常。虛空常故無四威儀。佛有四威儀是故無常。

常住之法無有方所。虛空常故無有方所。如來出在中天竺地。住舍婆提或王舍城。是故無常。以是義故如來非常。

亦非非常。何以故。生永斷故。有生之法名曰無常。無生之法乃名為常。如來無生是故為常。常法無性。有性之法名曰無常。如來無生無性無生無性故常。有常之法遍一切處。猶如虛空無處不有。如來亦爾遍一切處。是故為常。無常之法或言此有或言彼無。如來不爾不可說言是處有彼處無。是故為常。無常之法有時是有，有時是無。如來不爾，有時是有，有時是無。是故為常。

常住之法無名無色。虛空常故無名無色。如來亦爾無名無色是故為常。常住之法無因無果。虛空常故無因無果。如來亦爾無因無果。是故為常。常住之法三世不攝。如來亦爾三世不攝是故為常。

Lai hữu tánh: tánh *Cô-đàm* thị; thị cố vô thường. Hữu phụ mẫu cố, danh viết vô thường; vô phụ mẫu giả, nãi danh viết thường. Hư không thường cố, vô hữu phụ mẫu. Phật hữu phụ mẫu, thị cố vô thường. Hữu tứ oai nghi, danh viết vô thường; vô tứ oai nghi, nãi danh viết thường. Hư không thường cố, vô tứ oai nghi. Phật hữu tứ oai nghi, thị cố vô thường.

Thường trụ chi pháp, vô hữu phương sở. Hư không thường cố, vô hữu phương sở. Như Lai xuất tại Trung Thiên Trúc địa, trụ *Xá-bà-đề* hoặc Vương Xá thành, thị cố vô thường. Dĩ thị nghĩa cố, Như Lai phi thường.

Diệc phi phi thường. Hà dĩ cố? Sanh vĩnh đoạn cố. Hữu sanh chi pháp, danh viết vô thường; vô sanh chi pháp, nãi danh vi thường. Như Lai vô sanh, thị cố vi thường. Thường pháp vô tánh; hữu tánh chi pháp, danh viết vô thường. Như Lai vô sanh, vô tánh; vô sanh, vô tánh cố thường. Hữu thường chi pháp biến nhất thiết xứ, do như hư không, vô xứ bất hữu. Như Lai diệc nhĩ, biến nhất thiết xứ, thị cố vi thường. Vô thường chi pháp, hoặc ngôn thủ hữu, hoặc ngôn bĩ vô. Như Lai bất nhĩ, bất khả thuyết ngôn: thị xứ hữu, bĩ xứ vô; thị cố vi thường. Vô thường chi pháp: hữu thời thị hữu, hữu thời thị vô. Như Lai bất nhĩ, hữu thời thị hữu, hữu thời thị vô; thị cố vi thường.

Thường trụ chi pháp vô danh, vô sắc. Hư không thường cố, vô danh vô sắc. Như Lai diệc nhĩ, vô danh vô sắc; thị cố vi thường. Thường trụ chi pháp vô nhân, vô quả. Hư không thường cố, vô nhân, vô quả; Như Lai diệc nhĩ, vô nhân, vô quả, thị cố vi thường. Thường trụ chi pháp, tam thế bất nhiếp; Như Lai diệc nhĩ, tam thế bất nhiếp, thị cố vi thường.

Như Lai phi huyễn. Hà dĩ cố? Vĩnh đoạn nhất thiết hư

如來非幻。何以故。永斷一切虛誑心故。是故非幻。亦非非幻。何以故。如來或時分此一身為無量身。無量之身復為一身。山壁直過無有障礙。履水如地入地如水行空如地。身出煙焰如大火聚。雲雷震動其聲可畏。或為城邑聚落舍宅山川樹木。或作大身或作小身。男身女身童男童女身。是故如來亦非非幻。

如來非定。何以故。如來於此拘尸那城娑羅雙樹間。示現入於般涅槃故。是故非定。亦非非定。何以故。常樂我淨故。是故如來亦非非定。

如來非有漏。何以故。斷三漏故。故非有漏。三漏者。欲界一切煩惱除無明是名欲漏。色無色界一切煩惱除無明是名有漏。三界無明名無明漏。如來永斷是故非漏。

復次一切凡夫不見有漏。云何凡夫不見有漏。一切凡夫於未來世悉有疑心。未來世中當得身耶不得身耶。過去世中身本有耶為本無耶。現在世中是身有耶是身無耶。若有我者。是色耶非色耶。色非色耶非色非非色耶。想耶非想耶。想非想耶非想非非想耶。是身屬他耶不屬他耶。屬不屬耶非屬非不屬耶。有命無身耶有身無命耶。有身有命耶無身無

cuống tâm cố, thị cố phi huyễn. Diệc phi phi huyễn. Hà dĩ cố? Như Lai hoặc thời phân thủ nhất thân vi vô lượng thân; vô lượng chi thân, phục vi nhất thân, sơn, bích trực quá, vô hữu chướng ngại. Lý thủy như địa; nhập địa như thủy; hành không như địa, thân xuất yên diệm, như đại hỏa tụ; vân, lôi, chấn động, kỳ thanh khả úy. Hoặc vi thành ấp, tụ lạc, xá trạch, sơn xuyên, thọ mộc. Hoặc tác đại thân, hoặc tác tiểu thân, nam thân, nữ thân, đồng nam, đồng nữ thân. Thị cố Như Lai diệc phi phi huyễn.

Như Lai phi định. Hà dĩ cố? Như Lai ư thủ Câu-thi-na thành, sa-la song thọ gian, thị hiện nhập ư Bát-Niết-bàn cố. Thị cố phi định. Diệc phi phi định. Hà dĩ cố? Thường, lạc, ngã, tịnh cố. Thị cố Như Lai diệc phi phi định.

Như Lai phi hữu lậu. Hà dĩ cố? Đoạn tam lậu cố. Cố phi hữu lậu. Tam lậu giả: dục giới nhất thiết phiền não, trừ vô minh, thị danh dục lậu. Sắc, vô sắc giới nhất thiết phiền não, trừ vô minh, thị danh hữu lậu. Tam giới vô minh, danh vô minh lậu. Như Lai vĩnh đoạn; thị cố phi lậu.

Phục thứ, nhất thiết phàm phu bất kiến hữu lậu. Vân hà phàm phu bất kiến hữu lậu? Nhất thiết phàm phu, ư vị lai thế, tất hữu nghi tâm: Vị lai thế trung, đương đắc thân da? Bất đắc thân da? Quá khứ thế trung, thân bốn hữu da? Vi bốn vô da? Hiện tại thế trung, thị thân hữu da? Thị thân vô da? Nhược hữu ngã giả, thị sắc da? Phi sắc da? Sắc phi sắc da? Phi sắc phi phi sắc da? Tưởng da? Phi tưởng da? Tưởng phi tưởng da? Phi tưởng phi phi tưởng da? Thị thân thuộc tha da? Bất thuộc tha da? Thuộc bất thuộc da? Phi thuộc phi bất thuộc da? Hữu mạng, vô thân da? Hữu thân, vô mạng da? Hữu thân, hữu mạng da? Vô thân, vô mạng da? Thân chi dữ mạng, hữu thường da? Vô thường da? Thường vô thường da? Phi thường

命耶。身之與命有常耶無常耶。常無常耶非常非無常耶。身之與命自在作耶,時節作耶。無因作耶,世性作耶。微塵作耶法非法作耶。士夫作耶煩惱作耶父母作耶。我住心耶。住眼中耶遍滿身中耶。從何來耶去何至耶。誰生耶誰死耶。我於過去是婆羅門姓耶。是刹利姓耶。是毘舍姓耶。是首陀羅姓耶。當於未來得何姓耶。我此身者。過去之時是男身耶是女身耶畜生身耶。若我殺生當有罪耶當無罪耶。乃至飲酒當有罪耶當無罪耶。我自作耶為他作耶。我受報耶身受報耶。

如是疑見無量煩惱覆眾生心。因是疑見生六種心。決定有我。決定無我。我見我。我見無我。無我見我。我作我受我知。是名邪見。如來永拔如是無量見漏根本。是故非漏。

善男子。菩薩摩訶薩於大涅槃修聖行者。亦得永斷如是諸漏。諸佛如來常修聖行。是故無漏。

善男子。凡夫不能善攝五根。則有三漏為惡所牽至不善處。

善男子。譬如惡馬其性狠戾能令乘者至險惡處。不能善攝此五根者。亦復如是。令人遠離涅槃善道至諸惡處。

phi vô thường da? Thân chi dữ mạng, tự tại tác da? Thời tiết tác da? Vô nhân tác da? Thế tánh tác da? Vi trần tác da? Pháp, phi Pháp tác da? Sĩ phu tác da? Phiền não tác da? Phụ mẫu tác da? Ngã trụ tâm da? Trụ nhãn trung da? Biến mãn thân trung da? Tùng hà lai da? Khứ hà chí da? Thùy sanh da? Thùy tử da? Ngã ư quá khứ, thị *bà-la-môn* tánh da? Thị *Sát-lợi* tánh da? Thị *Tỳ-xá* tánh da? Thị *Thủ-đà* tánh da? Đương ư vị lai đắc hà tánh da? Ngã thủ thân giả, quá khứ chi thời, thị nam thân da? Thị nữ thân da? Súc sanh thân da? Nhược ngã sát sanh, đương hữu tội da? Đương vô tội da? Nãi chí ẩm tửu, đương hữu tội da? Đương vô tội da? Ngã tự tác da? Vị tha tác da? Ngã thọ báo da? Thân thọ báo da?

Như thị nghi kiến, vô lượng phiền não, phú chúng sanh tâm. Nhân thị nghi kiến, sanh lục chủng tâm: quyết định hữu ngã; quyết định vô ngã; ngã kiến ngã; ngã kiến vô ngã; vô ngã kiến ngã; ngã tác, ngã thọ, ngã tri. Thị danh tà kiến. Như Lai vĩnh bạt như thị vô lượng kiến lậu căn bốn. Thị cố phi lậu.

Thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát*, ư Đại Niết-bàn tu thánh hạnh giả, diệc đắc vĩnh đoạn như thị chư lậu. Chư Phật Như Lai thường tu thánh hạnh, thị cố vô lậu.

Thiện nam tử! Phạm phu bất năng thiện nhiếp ngũ căn, tác hữu tam lậu, vi ác sở khiên chí bất thiện xứ.

Thiện nam tử! Thí như ác mã, kỳ tánh hận lệ, năng linh thừa giả chí hiểm ác xứ. Bất năng thiện nhiếp thủ ngũ căn giả diệc phục như thị, linh nhân viễn ly Niết-bàn thiện đạo chí chư ác xứ.

Thí như ác tượng, tâm vị điều thuận. Hữu nhân thừa chi, bất tùy ý khứ, viễn ly thành ấp chí không khoáng xứ. Bất năng

譬如惡象心未調順。有人乘之不隨意去遠離城邑至空曠處。不能善攝此五根者。亦復如是。將人遠離涅槃城邑至於生死曠野之處。

善男子。譬如佞臣教王作惡。五根佞臣。亦復如是。常教眾生造無量惡。

善男子。譬如惡子不受師長父母教敕則無惡不造。不調五根。亦復如是。不受師長善言教敕無惡不造。

善男子。凡夫之人不攝五根。常為地獄畜生餓鬼之所殘害。亦如惡賊害及善人。

善男子。凡夫之人不攝五根馳騁五塵。譬如牧牛不善守護犯人苗稼。凡夫之人不攝五根常在諸有多受苦惱。

善男子。菩薩摩訶薩修大涅槃行聖行時。常能善調守攝五根。怖畏貪欲瞋恚愚癡憍慢嫉妒。為得一切諸善法故。

善男子。若能善守此五根者則能攝心。若能攝心則攝五根。譬如有人擁護於王則護國土。護國土者則護於王。菩薩摩訶薩。亦復如是。若得聞是大涅槃經則得智慧。得智慧故則得專念。五根若散念則能止。何以故。是念慧故。

善男子。如善牧者設牛東西噉他苗稼則便遮止不令犯暴。菩薩摩訶薩。亦復如是。念慧因緣故守

thiện nhiếp thủ ngũ căn giả diệt phục như thị, tương nhân viễn ly Niết-bàn thành ấp, chí ư sanh tử khoáng dã chi xứ.

Thiện nam tử! Thí như nịnh thần giáo vương tác ác. Ngũ căn nịnh thần diệt phục như thị, thường giáo chúng sanh tạo vô lượng ác.

Thiện nam tử! Thí như ác tử bất thọ sư trưởng phụ mẫu giáo sắc, tác vô ác bất tạo. Bất điều ngũ căn diệt phục như thị, bất thọ sư trưởng thiện ngôn giáo sắc, vô ác bất tạo.

Thiện nam tử! Phàm phu chi nhân bất nhiếp ngũ căn, thường vi địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, chi sở tàn hại. Diệt như ác tặc hại cập thiện nhân.

Thiện nam tử! Phàm phu chi nhân bất nhiếp ngũ căn, trì sinh ngũ trần. Thí như mục ngư bất thiện thủ hộ, phạm nhân miêu giá. Phàm phu chi nhân bất nhiếp ngũ căn thường tại chư hữu đa thọ khổ não.

Thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* tu Đại Niết-bàn hành thánh hạnh thời, thường năng thiện điều thủ nhiếp ngũ căn, bố úy tham dục, sân khuể, ngu si, kiêu mạn, tật đố, vị đắc nhất thiết chư thiện pháp cố.

Thiện nam tử! Nhược năng thiện thủ thủ ngũ căn giả, tác năng nhiếp tâm. Nhược năng nhiếp tâm, tác nhiếp ngũ căn. Thí như hữu nhân ủng hộ ư vương, tác hộ quốc thổ. Hộ quốc thổ giả, tác hộ ư vương. Bồ Tát *ma-ha-tát* diệt phục như thị. Nhược đắc văn thị Đại Niết-bàn kinh, tác đắc trí tuệ. Đắc trí tuệ cố, tác đắc chuyên niệm. Ngũ căn nhược tán, niệm tác năng chỉ. Hà dĩ cố? Thị niệm tuệ cố.

Thiện nam tử! Như thiện mục giả, thiết ngư đông tây hám tha miêu giá, tác tiện già chỉ, bất linh phạm bạo. Bồ Tát *ma-ha-tát* diệt phục như thị. Niệm tuệ nhân duyên cố, thủ nhiếp ngũ căn, bất linh trì tán. Bồ Tát *ma-ha-tát* hữu niệm

攝五根不令馳散。菩薩摩訶薩有念慧者。不見我相不見我所相不見眾生及所受用。見一切法同法性相。生於土石瓦礫之相。譬如屋舍從眾緣生無有定性。見諸眾生四大五陰之所成立推無定性。無定性故菩薩於中不生貪著。一切凡夫見有眾生故起煩惱。菩薩摩訶薩修大涅槃。有念慧故於諸眾生不生貪著。復次菩薩摩訶薩修大涅槃經者。不著眾生相作種種法相。

善男子。譬如畫師以眾雜彩畫作眾像若男若女若牛若馬。凡夫無智見之則生男女等相。畫師了知無有男女。菩薩摩訶薩。亦復如是。於法異相觀於一相。終不生於眾生之相。何以故。有念慧故。菩薩摩訶薩修大涅槃。或時睹見端正女人終不生於貪著之相。何以故。善觀相故。

善男子。菩薩摩訶薩知五欲法無有歡樂，不得暫停。如犬嚙枯骨。如人持火逆風而行。如篋毒蛇。夢中所得路首果樹多人所擲。亦如段肉眾鳥競逐。如水上泡畫水之跡。如織經盡。如囚趣市。猶如假借勢不得久。觀欲如是多諸過惡。

復次。菩薩摩訶薩觀諸眾生為色聲香味觸因緣故。從昔無數無量劫來常受苦惱。一一眾生一劫之

tuệ giả, bất kiến ngã tướng, bất kiến ngã sở tướng, bất kiến chúng sanh cập sở thọ dụng; kiến nhất thiết pháp đồng pháp tánh tướng, sanh ư thổ thạch ngõa lịch chi tướng. Thí như ốc xá, tùng chúng duyên sanh, vô hữu định tánh. Kiến chư chúng sanh tứ đại ngũ ấm chi sở thành lập; suy vô định tánh. Vô định tánh cố, Bồ Tát ư trung, bất sanh tham trước. Nhất thiết phàm phu kiến hữu chúng sanh, cố khởi phiền não. Bồ Tát *ma-ha-tát* tu Đại Niết-bàn, hữu niệm tuệ cố, ư chư chúng sanh, bất sanh tham trước. Phục thứ, Bồ Tát *ma-ha-tát* tu Đại Niết-bàn kinh giả, bất trước chúng sanh tướng, tác chủng chủng pháp tướng.

Thiện nam tử! Thí như họa sư, dĩ chúng tạp thể, họa tác chúng tượng, nhược nam nhược nữ, nhược ngư, nhược mã. Phàm phu vô trí kiến chi, tác sanh nam, nữ đẳng tướng. Họa sư liễu tri vô hữu nam, nữ. Bồ Tát *ma-ha-tát* diệc phục như thị. Ư pháp dị tướng, quán ư nhất tướng; chung bất sanh ư chúng sanh chi tướng. Hà dĩ cố? Hữu niệm tuệ cố. Bồ Tát *ma-ha-tát* tu Đại Niết-bàn, hoặc thời đồ kiến đoan chánh nữ nhân; chung bất sanh ư tham trước chi tâm. Hà dĩ cố? Thiện quán tướng cố.

Thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* tri ngũ dục pháp, vô hữu hoan lạc, bất đắc tạm đình. Như khuyến niết khô cốt; như nhân trì hỏa, nghịch phong nhi hành; như khiếp độc xà; mộng trung sở đắc; lộ thủ quả thọ, đa nhân sở trích. Diệc như đoạn nhục, chúng điều cạnh trực; như thủy thượng bào; họa thủy chi tích; như chúc kinh tận; như tù thú thị; do như giả tá, thể bất đắc cử. Quán dục như thị, đa chư quá ác.

Phục thứ, Bồ Tát *ma-ha-tát* quán chư chúng sanh vị sắc, thanh, hương, vị, xúc nhân duyên cố, tùng tích vô số, vô lượng kiếp lai, thường thọ khổ não. Nhất nhất chúng sanh, nhất kiếp chi trung, sở tích thân cốt, như Vương Xá thành, *Tỳ-phú-la*

中所積身骨。如王舍城毘富羅山。所飲乳汁如四海水。身所出血多四海水。父母兄弟妻子眷屬命終哭泣所出目淚多四大海。盡地草木為四寸籌以數父母亦不能盡。無量劫來或在地獄畜生餓鬼所受行苦不可稱計。搏此大地猶如棗等易可窮極生死難盡。菩薩摩訶薩如是深觀一切眾生以是欲因緣故受苦無量。菩薩以是生死行苦故不失念慧。

善男子。譬如世間有諸大眾滿二十五里。王敕一臣持一油鉢經由中過莫令傾覆。若棄一滴當斷汝命。復遣一人拔刀在後隨而怖之。臣受王教盡心堅持經歷爾所大眾之中。雖見可意五邪欲等心常念言。我若放逸著彼邪欲當棄所持命不全濟。是人以是怖因緣故乃至不棄一滴之油。菩薩摩訶薩。亦復如是。於生死中不失念慧。以不失故雖見五欲心不貪著。若見淨色不生色相唯觀苦相。乃至識相亦復如是。不作生相不作滅相不作因相觀和合相。菩薩爾時五根清淨。根清淨故護根戒具。一切凡夫五根不淨。不能善持名曰根漏。菩薩永斷是故無漏。如來拔出永斷根本是故非漏。

復次善男子。復有離漏。菩薩摩訶薩欲為無上甘露佛果故離於惡漏。云何為離。若能修行大涅槃經。

son. Sở ẩm nũ trấp như tứ hải thủy. Thân sở xuất huyết, đa tứ hải thủy. Phụ mẫu huynh đệ, thê tử quyến thuộc, mạng chung khóc khắp, sở xuất mục lệ, đa tứ đại hải. Tận địa thảo mộc, vi tứ thốn trụ, dĩ số phụ mẫu, diệc bất năng tận! Vô lượng kiếp lai, hoặc tại địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, sở thọ hành khổ, bất khả xưng kể. Đoàn thử đại địa do như tảo đảng, dị khả cùng cực; sanh tử nan tận. Bồ Tát *ma-ha-tát* như thị tâm quán nhất thiết chúng sanh dĩ thị dục nhân duyên cố, thọ khổ vô lượng. Bồ Tát dĩ thị sanh tử hành khổ cố, bất thất niệm tuệ.

Thiện nam tử! Thí như thế gian, hữu chư đại chúng mãn nhị thập ngũ lý, vương sắc nhất thân: Trì nhất du bát, kinh do trung quá, mạc linh khuynh phúc. Nhược khí nhất trích, đương đoạn nũ mạng. Phục khiển nhất nhân bạt đao tại hậu, tùy nhi bố chi. Thần thọ vương giáo, tận tâm kiên trì. Kinh lịch nhĩ sở đại chúng chi trung, tuy kiến khả ý ngũ tà dục đảng, tâm thường niệm ngôn: Ngã nhược phóng dật, trước bỉ tà dục, đương khí sở trì, mạng bất toàn tế! Thị nhân dĩ thị bố nhân duyên cố, nãi chí bất khí nhất trích chi du! Bồ Tát *ma-ha-tát* diệc phục như thị; ư sanh tử trung, bất thất niệm tuệ. Dĩ bất thất cố, tuy kiến ngũ dục, tâm bất tham trước. Nhược kiến tịnh sắc, bất sanh sắc tướng, duy quán khổ tướng. Nãi chí thức tướng, diệc phục như thị. Bất tác sanh tướng, bất tác diệt tướng, bất tác nhân tướng; quán hòa hiệp tướng. Bồ Tát nhĩ thời ngũ căn thanh tịnh. Căn thanh tịnh cố, hộ căn giới cụ. Nhất thiết phạm phu, ngũ căn bất tịnh, bất năng thiện trì, danh viết căn lậu. Bồ Tát vĩnh đoạn, thị cố vô lậu. Như Lai bạt xuất, vĩnh đoạn căn bản, thị cố phi lậu.

Phục thứ, thiện nam tử! Phục hữu ly lậu. Bồ Tát *ma-ha-tát* dục vị vô thượng cam lộ Phật quả cố, ly ư ác lậu. Vân hà vi ly? Nhược năng tu hành Đại Niết-bàn kinh, thơ tả, thọ trì, độc tụng, giải thuyết, tư duy kỳ nghĩa, thị danh vi ly. Hà dĩ cố?

書寫受持讀誦解說思惟其義是名為離。何以故。

善男子。我都不見十二部經能離惡漏如此方等大涅槃經。

善男子。譬如良師教諸弟子。諸弟子中有受教者心不造惡。菩薩摩訶薩修大涅槃微妙經典。亦復如是心不造惡。

善男子。譬如世間有善咒術。若有一聞卻後七年不為一切毒藥所中蛇不能螫。若有誦者乃至命盡無有眾惡。

善男子。是大涅槃經。亦復如是。若有眾生一經耳者卻後七劫不墮惡道。若有書寫讀誦解說思惟其義。必得阿耨多羅三藐三菩提得見佛性。如彼聖王得甘露味。

善男子。是大涅槃有如是等無量功德。

善男子。若有人能書寫是經讀誦解說為他敷演思惟其義。當知是人真我弟子善受我教。是我所見我之所念是人諦知我不涅槃。隨如是人所住之處若城邑聚落山林曠野房舍田宅樓閣殿堂。我亦在中常住不移我於是人常作受施。或作比丘比丘尼優婆塞優婆夷婆羅門梵志貧窮乞人。云何當令是人得知如來受其所施之物。

善男子。是人或於夜臥夢中夢見佛像。或見天

Thiện nam tử! Ngã đô bát kiến thập nhị bộ kinh năng ly ác lậu như thử Phương đẳng Đại Niết-bàn kinh.

Thiện nam tử! Thí như lương sư, giáo chư đệ tử. Chư đệ tử trung, hữu thọ giáo giả, tâm bất tạo ác. Bồ Tát ma-ha-tát tu Đại Niết-bàn vi diệu kinh điển, diệc phục như thị; tâm bất tạo ác.

Thiện nam tử! Thí như thế gian, hữu thiện chú thuật. Nhược hữu nhất văn, khước hậu thất niên, bất vi nhất thiết độc dược sở trúng xà bất năng thích. Nhược hữu tụng giả, nãi chí mạng tận, vô hữu chúng ác.

Thiện nam tử! Thị Đại Niết-bàn kinh diệc phục như thị. Nhược hữu chúng sanh, nhất kinh nhĩ giả, khước hậu thất kiếp, bất đọa ác đạo. Nhược hữu thơ tả, độc tụng, giải thuyết, tư duy kỳ nghĩa, tất đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề; đắc kiến Phật tánh, như bử Thánh vương đắc cam lộ vị.

Thiện nam tử! Thị Đại Niết-bàn hữu như thị đẳng vô lượng công đức.

Thiện nam tử! Nhược hữu nhân năng thơ tả thị kinh, độc tụng, giải thuyết, vị tha phu diễn, tư duy kỳ nghĩa, đương tri thị nhân chân ngã đệ tử, thiện thọ ngã giáo, thị ngã sở kiến, ngã chi sở niệm. Thị nhân đế tri ngã bát Niết-bàn. Tùy như thị nhân sở trụ chi xứ, nhược thành ấp, tụ lạc, sơn lâm, khoáng dã, phòng xá, điền trạch, lâu các, điện đường, ngã diệc tại trung, thường trụ bất di. Ngã ư thị nhân, thường tác thọ thí: hoặc tác tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, bà-la-môn, Phạm-chí, bản cùng khát nhân. Vân hà đương linh thị nhân đắc tri Như Lai thọ kỳ sở thí chi vật?

Thiện nam tử! Thị nhân hoặc ư dạ ngoạ mộng trung, mộng kiến Phật tượng, hoặc kiến thiên tượng, sa-môn chi tượng, quốc vương, thánh vương, sư tử vương tượng, liên hoa hình tượng, ưu-đàm hoa tượng. Hoặc kiến đại sơn, hoặc đại hải

像沙門之像國王聖王師子王像蓮花形像優曇花像。或見大山或大海水。或見日月或見白象及白馬像。或見父母得花得果金銀琉璃玻瓈等寶五種牛味。爾時當知。即是如來受其所施。寤已喜樂尋得種種所須之物。心不念惡樂修善法。

善男子。是大涅槃悉能成就如是無量阿僧祇等不可思議無邊功德。

善男子。汝今應當信受我語。若有善男子善女人欲見我者欲恭敬我。欲同法性而見於我。欲得空定，欲見實相。欲得修習首楞嚴定師子王定。欲破八魔。八魔者。所謂四魔無常無樂無我無淨。欲得人中天上樂者。見有受持大涅槃經書寫讀誦為他解說思惟義者。當往親近依附諮受供養恭敬尊重讚歎。為洗手足布置床席四事供給令無所乏。若從遠來應十由延路次奉迎為是經故。所重之物應以奉獻。如其無者應自賣身。何以故。是經難遇過優曇花。

善男子。我念過去無量無邊那由他劫。爾時世界名曰娑婆。有佛世尊號釋迦牟尼如來應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。為諸大眾宣說如是大涅槃經。

我於爾時從善友所。轉聞彼佛當為大眾說大涅槃

thủy; hoặc kiến nhật, nguyệt; hoặc kiến bạch tượng cập bạch mã tượng; hoặc kiến phụ mẫu, đấc hoa, đấc quả, kim, ngân, lưu ly, pha lê đẳng bảo, ngũ chủng ngưu vị. Nhĩ thời đưong tri túc thị Như Lai thọ kỳ sở thí. Ngộ dĩ, hỷ lạc, tâm đấc chủng chủng sở tu chi vật, tâm bát niệm ác, nhạo tu thiện pháp.

Thiện nam tử! Thị Đại Niết-bàn tất năng thành tựu như thị vô lượng a-tăng-kỳ đẳng, bất khả tư nghị, vô biên công đức.

Thiện nam tử! Nhữ kim ưng đưong tín thọ ngã ngữ. Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân dục kiến ngã giả, dục cung kính ngã, dục đổng pháp tánh nhi kiến ư ngã, dục đấc không địnđ, dục kiến thật tướng, dục đấc tu tập Thủ lẳng nghiêđ địnđ, Sư tử vương địnđ, dục phá Bát ma - Bát ma giả, sở vị: Tứ ma, vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh - dục đấc nhân trung, thiên thượng lạc giả, kiến hữu thọ trì Đại Niết-bàn kinh, thơ tả, độc, tụng, vị tha giải thuyết, tư duy nghiã giả, đưong vẫng thân cận, y phụ, tư thọ, cúng đưong, cung kính, tôn trọng, tán thán, vị tẩy thủ túc, bố trí sàng tịch, tứ sự cung cấp, linh vô sở pháp. Nhược tủng viễn lai, ưng thập do diên, lộ thứ phụng nghinh. Vị thị kinh cố, sở trọng chi vật, ưng dĩ phụng hiến. Như kỳ vô giả, ưng tự mại thân. Hà dĩ cố? Thị kinh nan ngộ, quá ưu-đàm hoa.

Thiện nam tử! Ngã niệđ quá khứ, vô lượng vô biên na-do-tha kiếp, nhĩ thời thế giới danh viết Ta-bà. Hữu Phật Thế Tôn hiệđ Thích-ca-Mâu-ni, Như Lai, Ưng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn. Vị chư đại chúng, tuyên thuyết như thị Đại Niết-bàn kinh.

Ngã ư nhĩ thời tủng thiện hữu sở, chuyển văn bỉ Phật đưong vị đại chúng, thuyết Đại Niết-bàn. Ngã văn thị dĩ, kỳ tâm hoan hỷ, dục thiết cúng đưong. Cư bản vô vật, dục tự mại

槃。我聞是已其心歡喜欲設供養。居貧無物欲自賣身薄福不售。即欲還家路見一人而便語言。吾欲賣身君能買不。其人答曰。我家作業人無堪者。汝設能為我當買汝。

我即問言。有何作業人無堪能。其人見答吾有惡病良醫處藥。應當日服人肉三兩。卿若能以身肉三兩日日見給。便當與汝金錢五枚。

我時聞已心中歡喜。我復語言。汝與我錢假我七日。須我事訖便還相就。其人見答七日不可。審能爾者當許一日。

善男子。我於爾時即取其錢還至佛所。頭面禮足盡其所有而以奉獻。然後誠心聽受是經。我時聞鈍雖得聞經。唯能受持一偈文句。

如來證涅槃  
永斷於生死  
若有至心聽  
常得無量樂

受是偈已即便還至彼病人家。

善男子。我時雖復日日與三兩肉。以念偈因緣故不以為痛。日日不廢足滿一月。

善男子。以是因緣其病得差。我身平復亦無瘡

thân. Bạc phước bất thụ. Túc dục hoàn gia; lộ kiến nhất nhân, nhi tiện ngư ngôn: Ngô dục mại thân, quân năng mại phủ? Kỳ nhân đáp viết: Ngã gia tác nghiệp, nhân vô kham giả. Nhữ thiết năng vi, ngã đương mại nhữ.

Ngã túc vấn ngôn: Hữu hà tác nghiệp, nhân vô năng kham? Kỳ nhân kiến đáp: Ngô hữu ác bệnh, lương y xử dược, ưng đương nhật phục nhân nhục tam lượng. Khanh nhược năng dĩ thân nhục tam lượng, nhật nhật kiến cấp, tiện đương dĩ nhữ kim tiền ngũ mai.

Ngã thời văn dĩ, tâm trung hoan hỷ. Ngã phục ngư ngôn: Nhữ dĩ ngã tiền, giả ngã thất nhật; tu ngã sự ngật, tiện hoàn tương tựu. Kỳ nhân kiến đáp: Thất nhật bất khả. Thẩm năng nhĩ giả, đương hứa nhất nhật.

Thiện nam tử! Ngã ư nhĩ thời, túc thủ kỳ tiền, hoàn chí Phật sở, đầu diện lễ túc; tận kỳ sở hữu, nhi dĩ phụng hiến; nhiên hậu thành tâm thính thọ thị kinh. Ngã thời ám độn, tuy đắc văn kinh, duy năng thọ trì nhất kệ văn cú:

Như Lai chứng Niết-bàn,  
Vĩnh đoạn ư sanh tử;  
Nhược hữu chí tâm thính,  
Thường đắc vô lượng lạc.

Thọ thị kệ dĩ, túc tiện hoàn chí bỉ bệnh nhân gia.

Thiện nam tử! Ngã thời tuy phục nhật nhật dĩ tam lượng nhục, dĩ niệm kệ nhân duyên cố, bất dĩ vi thống. Nhật nhật bất phế, túc mãn nhất nguyệt.

Thiện nam tử! Dĩ thị nhân duyên, kỳ bệnh đắc sai. Ngã thân bình phục, diệp vô sang di. Ngã thời kiến thân cụ túc hoàn cụ, túc phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm.

瘥。我時見身具足完具即發阿耨多羅三藐三菩提心。

一偈之力尚能如是。何況具足受持讀誦。我見此經有如是利復倍發心。願於未來成得佛道字釋迦牟尼。

善男子。以是一偈因緣力故。令我今日於大眾中為諸天人具足宣說。

善男子。以是因緣是大涅槃不可思議。成就無量無邊功德。乃是諸佛如來甚深祕密之藏。以是義故。能受持者斷離惡漏。所謂惡者惡象惡馬惡牛惡狗。毒蛇住處惡刺土地懸崖險岸暴水迴復。惡人惡國惡城惡舍惡知識等。如是等輩若作漏因菩薩即離。若不能作則不遠離。若增有漏則便離之。若不增長則不遠離。若作惡法則便離之。若能作善則不遠離。

云何為離。不持刀杖常以正慧方便而遠離之。是故名為正慧遠離。為生善法則離惡法。菩薩摩訶薩自觀其身相。譬如瘡如癰如怨。如箭入體是大苦聚。悉是一切善惡根本。是身雖復不淨念是。菩薩猶故瞻視將養。

何以故。非為貪身為善法故。為於涅槃不為生死。為常樂我淨不為無常無樂無我無淨。為菩提道不為有道。為於一乘不為三乘。為三十二相八十種

Nhất kệ chi lực thượng năng như thị, hà huống cụ túc thọ trì, độc, tụng? Ngã kiến thủ kinh hữu như thị lợi, phục bội phát tâm nguyện ư vị lai, thành đắc Phật đạo, tự Thích-ca Mâu-ni.

Thiện nam tử! Dĩ thị nhất kệ nhân duyên lực cố, linh ngã kim nhật, ư đại chúng trung, vị chư thiên, nhân, cụ túc tuyên thuyết.

Thiện nam tử! Dĩ thị nhân duyên, thị Đại Niết-bàn bất khả tư nghị, thành tựu vô lượng vô biên công đức; nãi thị chư Phật Như Lai thậm thâm bí mật chi tạng. Dĩ thị nghĩa cố, năng thọ trì giả, đoạn ly ác lậu. Sở vị ác giả: ác tượng, ác mã, ác ngư, ác cẩu, độc xà trụ xứ, ác thích thổ địa, huyền nhai hiểm nạn, bạo thủy hồi phục, ác nhân, ác quốc, ác thành, ác xá, ác tri thức đẳng. Như thị đẳng bói, nhược tác lậu nhân, Bồ Tát tức ly; nhược bất năng tác, tác bất viễn ly. Nhược tăng hữu lậu, tác tiện ly chi; nhược bất tăng trưởng, tác bất viễn ly. Nhược tác ác pháp, tác tiện ly chi; nhược năng tác thiện, tác bất viễn ly.

Vân hà vi ly? Bất trì đao trượng, thường dĩ chánh tuệ phương tiện, nhi viễn ly chi. Thị cố danh vi chánh tuệ viễn ly. Vị sanh thiện pháp, tác ly ác pháp. Bồ Tát *ma-ha-tát* tự quán kỳ thân tướng, thí như sang, như ung, như oán, như tiền nhập thể. Thị đại khổ tụ; tất thị nhất thiết thiện ác căn bản. Thị thân tuy phục bất tịnh niệm thị, Bồ Tát do cố chiêm thị tương dưỡng.

Hà dĩ cố? Phi vị tham thân, vị thiện pháp cố. Vị ư Niết-bàn, bất vị sanh tử. Vị thường, lạc, ngã, tịnh; bất vị vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Vị Bồ-đề đạo, bất vị hữu đạo. Vị ư nhất thừa, bất vị tam thừa. Vị tam thập nhị tướng, bất thập chủng hảo, vi diệu chi thân; bất vị nãi chí phi hữu tướng phi vô tướng thân. Vị Pháp luân vương, bất vị Chuyển luân vương.

好微妙之身。不為乃至非有想非無想身。為法輪王不為轉輪王。

善男子。菩薩摩訶薩常當護身。何以故。若不護身命則不全。命若不全則不能得書寫是經，受持讀誦。為他廣說思惟其義。是故菩薩應善護身。以是義故。菩薩得離一切惡漏。

善男子。如欲渡者應善護筏臨路之人善護良馬。田夫種植善護糞穢如為差毒善護毒蛇。如人為財護旃陀羅。為壞賊故將護健兒。亦如寒人愛護於火。如癩病者求於毒藥。菩薩摩訶薩亦復如是。雖見是身無量不淨具足充滿。為欲受持大涅槃經故。猶好將護不令乏少。

菩薩摩訶薩。觀於惡象及惡知識等無有二。何以故。俱壞身故。菩薩摩訶薩於惡象等心無怖懼。於惡知識生畏懼心。何以故。是惡象等唯能壞身不能壞心。惡知識者二俱壞故。是惡象等唯壞一身。惡知識者壞無量善身無量善心。是惡象等唯能破壞不淨臭身。惡知識者能壞淨身及以淨心。是惡象等能壞肉身。惡知識者壞於法身。為惡象殺不至三惡。為惡友殺必至三惡。是惡象等但為身怨。惡知識者為善法怨。是故菩薩常當遠離諸惡知識。如是等漏凡夫不離是故生漏。菩薩離之則不生漏。菩薩

Thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* thường dương hộ thân. Hà dĩ cố? Nhược bất hộ thân, mạng tác bất toàn. Mạng nhược bất toàn, tác bất năng đắc thọ tả thị kinh, thọ trì, độc tụng, vị tha quảng thuyết, tư duy kỳ nghĩa. Thị cố Bồ Tát ưng thiện hộ thân. Dĩ thị nghĩa cố, Bồ Tát đắc ly nhất thiết ác lậu.

Thiện nam tử! Như dục độ giả, ưng thiện hộ phiệt. Lâm lộ chi nhân, thiện hộ lương mã. Điền phu chủng thực, thiện hộ phần uế. Như vị sái độc, thiện hộ độc xà. Như nhân vị tài, hộ *chiên-đà-la*; vị hoại tác cố, tương hộ kiện nhi. Diệc như hàn nhân ái hộ ư hỏa. Như lại bệnh giả cầu ư độc dược. Bồ Tát *ma-ha-tát* diệc phục như thị. Tuy kiến thị thân, vô lượng bất tịnh cụ túc sung mãn, vị dục thọ trì Đại-Niết-bàn kinh cố, do hảo tương hộ, bất linh phạp thiếu.

Bồ Tát *ma-ha-tát* quán ư ác tượng cập ác tri thức, đẳng vô hữu nhị. Hà dĩ cố? Câu hoại thân cố. Bồ Tát *ma-ha-tát*, ư ác tượng đẳng, tâm vô bố cụ; ư ác tri thức, sanh úy cụ tâm. Hà dĩ cố? Thị ác tượng đẳng duy năng hoại thân, bất năng hoại tâm; ác tri thức giả, nhị câu hoại cố. Thị ác tượng đẳng duy hoại nhất thân; ác tri thức giả hoại vô lượng thiện thân, vô lượng thiện tâm. Thị ác tượng đẳng duy năng phá hoại bất tịnh xú thân; ác tri thức giả năng hoại tịnh thân cập dĩ tịnh tâm. Thị ác tượng đẳng năng hoại nhục thân, ác tri thức giả hoại ư pháp thân. Vị ác tượng sát, bất chí tam ác; vi ác hữu sát, tất chí tam ác. Thị ác tượng đẳng dẫn vi thân oán; ác tri thức giả vi thiện pháp oán. Thị cố Bồ Tát thường dương viễn ly chư ác tri thức. Như thị đẳng lậu, phàm phu bất ly, thị cố sanh lậu. Bồ Tát ly chi, tác bất sanh lậu. Bồ Tát như thị, thượng vô hữu lậu, huống ư Như Lai? Thị cố phi lậu.

Vân hà thân cận lậu? Nhất thiết phàm phu thọ thủ y, thực,

如是尚無有漏。況於如來。是故非漏。

云何親近漏。一切凡夫受取衣食臥具醫藥。為身心樂求如是物造種種惡。不知過失輪迴三趣。是故名漏。

菩薩摩訶薩見如是過則便遠離。若須衣時即便受取。不為身故但為於法。不長憍慢心常卑下。不為嚴飾但為羞恥。障諸寒暑惡風惡雨惡蟲蚊虻蠅蚤蝮螫。

雖受飲食心不貪著。不為身故常為正法。不為膚肌但為眾生。不為憍慢為身力故。不為怨害為治饑瘡。雖得上味心無貪著。

受取房舍亦復如是。貪慢之結不令居心。為菩提舍遮止結賊。障惡風雨故受屋舍。

求醫藥者心無貪慢。但為正法不為壽命為常命故。

善男子。如人病瘡為酥麩塗以衣裹之。為出膿血酥麩塗傳。為瘡愈故以藥塗之。為惡風故在深屋中。菩薩摩訶薩亦復如是。觀身是瘡故以衣覆。為九孔膿求索飲食。為惡風雨取受房舍。為四毒發求覓醫藥。菩薩受取四種供養。為菩提道非為壽命。

何以故。菩薩摩訶薩作是思惟。我若不受是四供養身則磨滅不得堅牢。若不堅牢則不忍苦。若不忍苦則不能得修習善法。若能忍苦則得修習無量善

ngọa cụ, y dược. Vị thân tâm lạc, cầu như thị vật; tạo chủng ác, bất tri quá thất, luân hồi tam thú. Thị cố danh lậu.

Bồ Tát *ma-ha-tát*, kiến như thị quá, tác tiện viễn ly. Nhược tu y thời, tức tiện thọ thủ; bất vị thân cố, dẫn vị ưu pháp; bất trưởng kiêu mạn, tâm thường ty hạ; bất vị nghiêm sức, dẫn vị tử si, chướng chư hàn thử, ác phong, ác vũ, ác trùng, vãn, manh, dăng, tảo, phúc, thích.

Tuy thọ ẩm thực, tâm bất tham trước. Bất vị thân cố, thường vị Chánh pháp; bất vị phu cơ, dẫn vị chúng sanh. Bất vị kiêu mạn, vị thân lực cố; bất vị oán hại, vị trị cơ sang! Tuy đắc thượng vị, tâm vô tham trước.

Thọ thủ phòng xá, diệp phục như thị. Tham mạn chi kết, bất linh cư tâm; vi *Bồ-đề* xá, già chỉ kết tặc. Chướng ác phong vũ, cố thọ ốc xá.

Câu y dược giả, tâm vô tham mạn. Dẫn vị Chánh pháp, bất vị thọ mạng, vị thường mạng cố.

Thiện nam tử! Như nhân bệnh sang, vị tô xiểu đồ, dĩ y khả chi. Vị xuất nùng huyết, tô xiểu đồ truyền; vị sang dĩ cố, dĩ dược phẩn chi; vị ác phong cố, tại thâm ốc trung. Bồ Tát *ma-ha-tát* diệp phục như thị. Quán thân thị sang, cố dĩ y phú; vị cứu không nùng, cầu sách ẩm thực; vị ác phong vũ, thọ thủ phòng xá; vị tứ độc phát, cầu mịch y dược. Bồ Tát thọ thủ tứ chủng cúng dường, vị *Bồ-đề* đạo, phi vị thọ mạng.

Hà dĩ cố? Bồ Tát *ma-ha-tát* tác thị tư duy: Ngã nhược bất thọ thị tứ cúng dường, thân tác ma diệt, bất đắc kiên lao. Nhược bất kiên lao, tác bất nhẫn khổ. Nhược bất nhẫn khổ, tác bất năng đắc tu tập thiện Pháp. Nhược năng nhẫn khổ, tác đắc tu tập vô lượng thiện pháp. Ngã nhược bất năng kham

法。我若不能堪忍眾苦。則於苦受生瞋恚心。於樂受中生貪著心。若求樂不得則生無明。是故凡夫於四供養生於有漏。菩薩摩訶薩能深觀察不生於漏。是故菩薩名為無漏。云何如來當名有漏。是故如來不名有漏。

大般涅槃經卷第二十二

終

nhẫn chúng khổ, tác ư khổ thọ, sanh sân khuể tâm; ư lạc thọ trung, sanh tham trước tâm. Nhược cầu lạc bất đắc, tác sanh vô minh. Thị cố phàm phu ư tứ cúng dường, sanh ư hữu lậu. Bồ Tát *ma-ha-tát* năng thâm quán sát, bất sanh ư lậu. Thị cố Bồ Tát danh vi vô lậu. Vân hà Như Lai đương danh hữu lậu? Thị cố Như Lai bất danh hữu lậu.

Đại Bát Niết-bàn Kinh quyển đệ nhị thập nhị  
Chung

## KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN QUYỂN HAI MƯƠI HAI

### PHẨM BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG

#### Phẩm thứ mười - Phần hai

**T**hiện nam tử! Thế nào là Bồ Tát *ma-ha-tát* tu hành pháp Đại *Niết-bàn* được nghe những điều không [thể] nghe? Mười hai bộ kinh, nghĩa lý thâm thúy, xưa nay chưa từng nghe, nay nhân nơi kinh này mà được nghe đầy đủ. Trước đây dù có được nghe cũng chỉ được nghe tên kinh mà thôi, nay ở kinh Đại *Niết-bàn* này mới được nghe ý nghĩa. Hàng Thanh văn và Duyên giác chỉ nghe tên gọi Mười hai bộ kinh chứ không được nghe nghĩa lý, nay ở nơi kinh này được nghe đầy đủ. Đó gọi là không [thể] nghe mà được nghe.

“Thiện nam tử! Tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác đều chưa từng nghe trong kinh nói rằng Phật có những đức thường, lạc, ngã, tịnh, không dứt bỏ tất cả mà nhập Niết-bàn; rằng Tam bảo và tánh Phật không có tướng khác biệt; rằng những kẻ phạm bốn tội nặng, phỉ báng kinh Phương đẳng, tạo năm tội nghịch và những kẻ nhất-xiển-đề, thấy đều có tánh Phật. Nay ở nơi kinh này được nghe đủ những điều ấy. Đó gọi là không [thể] nghe mà được nghe.”<sup>(1)</sup>

Lúc ấy, Đại Bồ Tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật: “Thế Tôn! Nếu những kẻ phạm

giới cấm nặng, phỉ báng kinh Phương đẳng, tạo năm tội nghịch và những kẻ nhất-xiển-đề đều có tánh Phật, vì sao cũng phải đọa vào địa ngục?

“Bạch Thế Tôn! Nếu những kẻ ấy có tánh Phật, vì sao lại nói rằng họ không có thường, lạc, ngã, tịnh?”

“Bạch Thế Tôn! Nếu như dứt mất căn lành mới gọi là nhất-xiển-đề, vậy khi dứt mất căn lành thì tánh Phật sẵn có sao không dứt mất? Nếu tánh Phật bị dứt mất, vì sao lại nói [tánh Phật] là thường, lạc, ngã, tịnh? Như tánh Phật không bị dứt mất, vì sao lại gọi đó là nhất-xiển-đề?”

“Bạch Thế Tôn! Phạm vào bốn giới cấm nặng gọi là không nhất định.<sup>(2)</sup> Phỉ báng kinh Phương đẳng, tạo năm tội nghịch và những kẻ nhất-xiển-đề, thấy đều là không nhất định. Những kẻ như thế nếu là nhất định thì làm sao được thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề? Bạc chứng đắc các quả vị Tu-đà-hoàn cho đến quả vị Phật Bích-chi<sup>(3)</sup> cũng đều là không nhất định. Nếu bậc Tu-đà-hoàn cho đến Bích-chi Phật là nhất định, thì lẽ ra không thể thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Bạch Thế Tôn! Nếu kẻ phạm bốn tội trọng là không nhất định, thì từ bậc Tu-đà-hoàn cho đến Phật Bích-chi cũng là không nhất định. [Nếu những quả vị này] đã là không nhất định như vậy, thì chư Phật Như Lai cũng là không nhất định. Nếu chư Phật là không nhất định, thì thể tánh của Niết-bàn cũng là không nhất định; cho đến tất cả pháp cũng là không nhất định. Vì sao không nhất định lại gọi là nhất-xiển-đề? Nếu trừ dứt [tánh] nhất-xiển-đề ắt sẽ thành Phật đạo. Chư Phật Như Lai lẽ ra cũng vậy, nhập Niết-bàn rồi cũng nên trở ra, chẳng nhập

Niết-bàn [mãi mãi]. Nếu là như vậy, tánh của Niết-bàn ắt là không nhất định. Vì không nhất định nên phải biết là không có thường, lạc, ngã, tịnh. Vì sao lại nói rằng hạng nhất-xiển-đề rồi sẽ chứng đắc Niết-bàn?”

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Đại Bồ Tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Vì muốn lợi ích cho vô lượng chúng sanh, khiến cho họ được sự an vui; vì lòng từ niệm thương xót thế gian; vì muốn tăng trưởng sự phát tâm Bồ-đề của các vị Bồ Tát nên ông mới thưa hỏi như vậy.

“Thiện nam tử! Ông đã thân cận với vô lượng chư Phật Thế Tôn trong quá khứ; đã đối trước chư Phật ấy trông các căn lành, đã thành tựu công đức Bồ-đề từ lâu; đã hàng phục khiến cho chúng ma phải thối lui và tan rã; đã giáo hóa vô lượng, vô biên chúng sanh, khiến cho tất cả đều đạt đến A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Từ lâu ông đã thông đạt kho tàng giáo pháp sâu kín thăm thẳm của chư Phật Như Lai. Ông đã từng thưa hỏi nghĩa lý sâu kín vi diệu này với vô số chư Phật Thế Tôn trong quá khứ, nhiều như số cát sông Hằng. Ta nhìn khắp trong thế gian, dù là loài người, chư thiên, sa-môn hay bà-la-môn, hoặc thiên ma hay Phạm thiên, cũng không thấy ai có khả năng thưa hỏi Như Lai nghĩa lý như vậy!

“Nay ông hãy thành tâm lắng nghe cho kỹ! Lắng nghe cho kỹ! Ta sẽ vì ông mà phân biệt giảng rõ.

“Thiện nam tử! Những kẻ nhất-xiển-đề cũng không phải là nhất định. Nếu là nhất định thì họ chẳng bao giờ có thể chứng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Vì không nhất định nên họ mới có thể chứng đắc [A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề].

“Như ông hỏi rằng: Tánh Phật không dứt mất, vì sao kẻ nhất-xiển-đề dứt mất căn lành? Thiện nam tử! Căn lành có hai loại, một là ở trong, hai là ở ngoài. Tánh Phật là chẳng ở trong, chẳng ở ngoài. Vì nghĩa ấy nên tánh Phật không dứt mất. [Căn lành] lại có hai loại, một là hữu lậu, hai là vô lậu. Tánh Phật chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu nên không dứt mất. [Căn lành] lại có hai loại: một là thường, hai là vô thường. Tánh Phật chẳng phải thường, chẳng phải vô thường nên không dứt mất. Nếu là dứt mất, ắt phải [có thể] có lại. Nếu không thể có lại thì gọi là không dứt mất. Nếu dứt mất rồi [có thể] có lại thì gọi là nhất-xiển-đề.

“Những kẻ phạm bốn tội nặng cũng là không nhất định. Nếu là nhất định thì họ không bao giờ có thể chứng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Những kẻ phỉ báng kinh Phương đẳng cũng là không nhất định. Nếu là nhất định thì những kẻ phỉ báng Chánh pháp không bao giờ có thể chứng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Những kẻ tạo năm tội nghịch cũng là không nhất định. Nếu là nhất định thì họ không bao giờ có thể chứng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Sắc và tướng của sắc, hai thứ ấy đều là không nhất định. Các tướng của mùi hương, vị nếm, sự xúc chạm, tướng sanh ra cho đến tướng vô minh, các tướng của ám, nhập, giới, hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu, bốn cách sanh,<sup>(4)</sup> cho đến tất cả pháp cũng đều là không nhất định.

“Thiện nam tử! Ví như nhà ảo thuật ở giữa công chúng hóa hiện ra bốn loại quân binh: quân dùng xe, quân đánh bộ, quân dùng voi, quân cưỡi ngựa. Người ấy cũng hóa ra mọi thứ râu chuỗi trang sức; hóa ra thành ấp, làng xóm, núi rừng, cây cối, ao, suối, sông, giếng...

Trong số người xem có những trẻ con chưa đủ trí khôn, thấy vậy đều cho là thật, nhưng người có trí khôn đều biết rằng đó chỉ là chuyện hư dối, do nhà ảo thuật kia dùng kỹ xảo mà che mắt, dối gạt người xem đó thôi.

“Thiện nam tử! Hết thấy phàm phu cho đến hàng Thanh văn và Phật Bích-chi cũng là như vậy. Họ thấy tất cả các pháp đều có tướng nhất định; nhưng chư Phật, Bồ Tát đối với tất cả các pháp đều không thấy có tướng nhất định.

“Thiện nam tử! Ví như trẻ con, vào mùa hè nhìn thấy hơi nắng nóng bốc lên [lung linh] liền tưởng đó là nước. Người trí đối với hơi nắng nóng đó không bao giờ có ý tưởng cho rằng đó thật là nước, chẳng qua chỉ là những ảnh tượng hư dối do mắt nhìn thấy mà thôi, không phải thật là nước.

“Hết thấy phàm phu, Thanh văn, Duyên giác nhìn thấy tất cả các pháp cũng giống như đứa trẻ con kia, đều cho đó là thật. Chư Phật, Bồ Tát đối với tất cả các pháp đều không thấy có tướng nhất định.

“Thiện nam tử! Ví như trong khe núi, nhân có âm thanh phát ra liền có tiếng vang dội lại. Trẻ con nghe tiếng vang đó cho là âm thanh thật. Người trí biết rằng đó không phải tướng thật nhất định, chỉ là tướng hư dối của âm thanh do tai nghe như vậy mà thôi.

“Thiện nam tử! Hết thấy phàm phu, Thanh văn, Duyên giác đối với tất cả các pháp cũng giống như đứa trẻ kia, đều thấy có tướng nhất định. Chư Bồ Tát hiểu rõ các pháp đều không có tướng nhất định, thấy được các tướng vô thường, rỗng không vắng lặng, không sanh không diệt. Vì nghĩa ấy, các vị Đại Bồ Tát thấy tất cả pháp đều là tướng vô thường.

“Thiện nam tử! Thật cũng có tướng nhất định. Vì sao là nhất định? [Vì có] thường, lạc, ngã, tịnh. Những tướng ấy ở đâu? Đó là nói [nơi cảnh giới] Niết-bàn.

“Thiện nam tử! Quả Tu-đà-hoàn cũng là không nhất định. Vì không nhất định nên trải qua tám vạn kiếp sẽ được tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Quả Tư-đà-hàm cũng là không nhất định. Vì không nhất định nên trải qua sáu vạn kiếp sẽ được tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Quả A-na-hàm cũng là không nhất định. Vì không nhất định nên trải qua bốn vạn kiếp sẽ được tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Quả A-la-hán cũng là không nhất định. Vì không nhất định nên trải qua hai vạn kiếp sẽ được tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Quả Phật Bích-chi cũng là không nhất định. Vì không nhất định nên trải qua một vạn kiếp sẽ được tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Thiện nam tử! Nay đức Như Lai ở tại thành Câu-thi-na, giữa hai cây sa-la mọc song đôi thị hiện nằm trên giường sư tử sắp nhập Niết-bàn, khiến cho những đệ tử chưa đắc quả A-la-hán và những người họ Lực-sĩ thấy đều sanh lòng đau buồn khổ não; lại cũng khiến cho chư thiên, nhân loại và các loài a-tu-la, càn-thát-bà, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già đều thiết lễ cúng dường long trọng, muốn dùng một ngàn khúc vải lụa mịn mà quấn quanh thân Phật, dùng bảy báu làm quan tài chứa đầy dầu thơm, dùng những cây gỗ thơm đốt lửa để thiêu cháy hết. Nhưng sẽ có hai khúc vải lụa không bị thiêu cháy, một khúc vải lụa quấn [trong

cùng sát] quanh thân Phật và một khúc vải lụa quấn ở ngoài cùng. Lại sẽ [có người] vì chúng sanh mà phân chia xá-lợi của Phật ra làm tám phần. Khi ấy, tất cả hàng đệ tử Thanh văn của Phật đều nói: ‘Như Lai đã nhập Niết-bàn.’

“Nên biết rằng Như Lai cũng không nhất định là đã nhập Niết-bàn. Vì sao vậy? Vì Như Lai là thường trụ, không hề biến đổi. Vì nghĩa ấy nên sự nhập Niết-bàn của Như Lai cũng là không nhất định.

“Thiện nam tử! Nên biết rằng Như Lai cũng là không nhất định. Như Lai chẳng thuộc hàng chư thiên. Vì sao vậy? Có bốn loại chư thiên: một là chư thiên ở thế gian. Hai là sanh về các cõi trời thành chư thiên. Ba là tu hành thanh tịnh thành chư thiên. Bốn là hiểu nghĩa chân thật thành chư thiên.

“Chư thiên ở thế gian, đó là các vị vua chúa. Chư thiên sanh ở các cõi trời, đó là những chúng sanh được sanh về các cõi trời từ Tứ thiên vương cho đến cõi trời Phi hữu tướng phi vô tướng. Tu hành thanh tịnh thành chư thiên, đó là những vị chứng đắc từ quả vị Tu-đà-hoàn cho đến quả vị Phật Bích-chi. Hiểu nghĩa chân thật được thành chư thiên, đó là các vị Đại Bồ Tát ở hàng Thập trụ.

“Vì nghĩa gì mà các vị Bồ Tát Thập trụ được gọi là chư thiên hiểu nghĩa? Vì các vị thấu hiểu rõ ràng ý nghĩa của các pháp. Thế nào là ý nghĩa? Là thấy rõ hết thấy các pháp [rốt ráo] đều là nghĩa không.

“Thiện nam tử! Như Lai chẳng phải vua chúa, cũng chẳng phải sanh ở cõi trời Tứ thiên vương cho đến cõi trời Phi hữu tướng phi vô tướng, cũng chẳng phải Tu-

đà-hoàn cho đến Phật Bích-chi, chẳng phải hàng Bồ Tát Thập trụ. Vì nghĩa ấy, Như Lai chẳng thuộc hàng chư thiên.

“Nhưng chúng sanh cũng xưng tụng Phật là bậc Thiên Trung Thiên.<sup>(5)</sup> Do đó, Như Lai tuy chẳng phải chư thiên cũng chẳng phải không là chư thiên; chẳng phải loài người cũng chẳng phải không là loài người; chẳng phải quý cũng chẳng phải không là quý; chẳng phải [chúng sanh ở các cảnh giới] địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ cũng chẳng phải không là [chúng sanh ở các cảnh giới] địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ; chẳng phải chúng sanh cũng chẳng phải không là chúng sanh; chẳng phải pháp cũng chẳng phải không là pháp; chẳng phải sắc cũng chẳng phải không là sắc; chẳng phải cao cũng chẳng phải không cao; chẳng phải thấp cũng chẳng phải không thấp; chẳng phải tướng cũng chẳng phải không là tướng; chẳng phải tâm cũng chẳng phải không là tâm; chẳng phải hữu lậu cũng chẳng phải vô lậu; chẳng phải hữu vi cũng chẳng phải vô vi; chẳng phải thường, chẳng phải vô thường; chẳng phải huyễn ảo cũng chẳng phải không huyễn ảo; chẳng phải danh xưng cũng chẳng phải không là danh xưng; chẳng phải định cũng chẳng phải không định; chẳng phải có cũng chẳng phải không có; chẳng phải không cũng chẳng phải không không; chẳng phải thuyết, chẳng phải không thuyết; chẳng phải Như Lai, cũng chẳng phải không là Như Lai. Vì nghĩa ấy, Như Lai là không nhất định.

“Thiện nam tử! Vì sao Như Lai không phải là chư thiên ở thế gian? Chư thiên ở thế gian tức là các vị vua chúa. Đức Như lai từ vô lượng kiếp lâu xa trước đây đã

xả bỏ ngôi vị vua chúa nên không phải là vua. Nhưng ngài cũng chẳng phải không là vua, vì ngài thật là con vua Tịnh-phạn, sanh tại thành Ca-tỳ-la.

“Như Lai chẳng phải chư thiên sanh nơi các cõi trời, vì từ lâu ngài đã lìa bỏ các cảnh giới hiện hữu. Ngài cũng chẳng phải không là chư thiên sanh nơi cõi trời. Vì sao vậy? Vì ngài từng [sanh] lên cung trời Đâu-suất, từ đó rồi mới xuống cõi Diêm-phù-đề. Cho nên Như Lai cũng chẳng phải không là chư thiên sanh nơi cõi trời.

“Ngài cũng chẳng phải do [tu hành] thanh tịnh mà thành chư thiên. Vì sao vậy? Như Lai chẳng phải Tu-đà-hoàn, cho đến chẳng phải Phật Bích-chi. Cho nên Như Lai chẳng phải do [tu hành] thanh tịnh mà thành chư thiên. Ngài cũng chẳng phải không do [tu hành] thanh tịnh mà thành chư thiên. Vì sao vậy? Vì tám pháp thế gian không thể ô nhiễm được ngài, như hoa sen không nhiễm bùn nhơ. Cho nên Như Lai chẳng phải không do [tu hành] thanh tịnh mà thành chư thiên.

“Như Lai cũng chẳng phải do hiểu nghĩa chân thật mà thành chư thiên. Vì sao vậy? Vì Như Lai chẳng phải là hàng Bồ Tát Thập trụ, nên Như Lai chẳng phải là do hiểu nghĩa chân thật mà thành chư thiên. Ngài cũng chẳng phải không do hiểu nghĩa chân thật mà thành chư thiên. Vì sao vậy? Vì Như Lai thường tu Mười tám nghĩa không.<sup>(6)</sup> Cho nên Như Lai chẳng phải không do hiểu nghĩa chân thật mà thành chư thiên.

“Như Lai chẳng phải [thuộc loài] người. Vì sao vậy? Vì từ vô lượng kiếp lâu xa trước đây Như Lai đã lìa khỏi cõi người, cho nên ngài chẳng phải [thuộc về loài] người. Ngài cũng chẳng phải không thuộc loài người. Vì sao

vậy? Vì ngài có sanh ra tại thành Ca-tỳ-la-vệ, nên cũng chẳng phải không [thuộc loài] người.

“Như Lai chẳng phải là quý. Vì sao vậy? Vì ngài không làm hại hết thảy chúng sanh, cho nên ngài chẳng phải là quý. Ngài cũng chẳng phải không là quý. Vì sao vậy? Vì ngài cũng dùng hình tượng quý để giáo hóa chúng sanh, nên ngài chẳng phải không là quý.

“Như Lai cũng chẳng phải [chúng sanh trong các cảnh giới] địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Vì sao vậy? Vì Như Lai từ lâu đã lìa bỏ các nghiệp xấu ác, cho nên chẳng phải [chúng sanh trong các cảnh giới] địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Ngài cũng chẳng phải không là [chúng sanh trong các cảnh giới] địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Vì sao vậy? Vì Như Lai cũng thị hiện thọ sanh trong ba đường ác này để giáo hóa chúng sanh, cho nên ngài chẳng phải không là [chúng sanh trong các cảnh giới] địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ.

“Như Lai cũng chẳng phải chúng sanh. Vì sao vậy? Vì từ lâu ngài đã lìa xa tánh chúng sanh, nên chẳng phải là chúng sanh. Ngài cũng chẳng phải không là chúng sanh. Vì sao vậy? Vì có khi ngài diễn thuyết trong hình tướng chúng sanh, cho nên chẳng phải không là chúng sanh.

“Như Lai chẳng phải pháp. Vì sao vậy? Vì các pháp mỗi mỗi đều có tướng khác biệt. Như Lai không phải thế, chỉ có một tướng duy nhất mà thôi, nên ngài chẳng phải pháp. Ngài cũng chẳng phải không là pháp. Vì sao vậy? Vì Như Lai là cõi pháp, nên chẳng phải là không phải pháp.

“Như Lai chẳng phải sắc. Vì sao vậy? Vì ngài không bị chi phối bởi mười sắc nhập,<sup>(7)</sup> nên chẳng phải sắc.

Ngài cũng chẳng phải không là sắc. Vì sao vậy? Vì thân Phật có đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, nên chẳng phải không phải sắc.

“Như Lai chẳng phải cao. Vì sao vậy? Vì đoạn trừ các sắc nên chẳng phải cao. Như Lai cũng chẳng phải không cao. Vì sao vậy? Vì hết thảy thế gian không ai có thể nhìn thấy được tướng đỉnh đầu của ngài, cho nên chẳng phải không cao.

“Như Lai chẳng phải thấp. Vì sao vậy? Vì từ lâu ngài đã lìa xa sự trói buộc của lòng kiêu mạn nên chẳng phải thấp. Như Lai cũng chẳng phải không thấp. Vì sao vậy? [Có lần] vì tưởng giả Cồ-sư-la<sup>(8)</sup> mà ngài hiện ra thân hình chỉ có một thước,<sup>(9)</sup> nên cũng chẳng phải không thấp.

“Như Lai chẳng phải tướng. Vì sao vậy? Vì từ lâu ngài đã lìa xa tướng của các tướng, nên chẳng phải tướng. Như Lai cũng chẳng phải không là tướng. Vì sao vậy? Vì ngài khéo rõ biết các tướng, cho nên cũng chẳng phải không là tướng.

“Như Lai chẳng phải tâm. Vì sao vậy? Vì là tướng như hư không nên chẳng phải tâm. Như Lai cũng chẳng phải không là tâm. Vì sao vậy? Vì ngài có tâm pháp Mười sức, lại có thể biết được tâm ý của hết thảy chúng sanh nên chẳng phải không là tâm.

“Như Lai chẳng phải hữu vi. Vì sao vậy? Vì Như Lai là thường, lạc, ngã, tịnh nên chẳng phải hữu vi. Như Lai cũng chẳng phải vô vi. Vì sao vậy? Vì ngài có đến, có đi, có ngồi, có nằm, có thị hiện Niết-bàn nên cũng chẳng phải vô vi.

“Như Lai chẳng phải thường tồn. Vì sao vậy? Vì thân ngài có nhiều phần hợp lại nên chẳng phải là thường.

Thế nào là chẳng phải thường? Là có sự nhận biết. Pháp thường thì không có sự nhận biết, giống như hư không. Như Lai có sự nhận biết nên chẳng phải thường. Thế nào là chẳng phải thường? Vì có lời nói. Pháp thường thì không có lời nói, cũng giống như hư không. Như Lai có lời nói nên chẳng phải là thường.

“Vì có tên họ nên gọi là vô thường; pháp không có tên họ mới gọi là thường. Hư không là thường nên không có tên họ. Như Lai có tên họ, thuộc dòng họ Cồ-đàm, nên là vô thường. Vì có cha mẹ sanh ra nên gọi là vô thường; không có cha mẹ mới gọi là thường. Vì hư không là thường nên không có cha mẹ sanh ra. Phật có cha mẹ, nên là vô thường.

“Có đi, đứng, nằm, ngồi nên gọi là vô thường; không có những việc đi, đứng, nằm, ngồi mới gọi là thường. Vì hư không là thường nên không có đi, đứng, nằm, ngồi. Phật có đi, đứng, nằm, ngồi, nên là vô thường.

“Pháp thường trụ không có nơi chốn, phương hướng. Vì hư không là thường nên không có nơi chốn, phương hướng. Như Lai xuất thế tại miền Trung Thiên Trúc, đến cư trú nơi thành Xá-bà-đề, hoặc thành Vương Xá, nên là vô thường. Vì những nghĩa ấy nên Như Lai chẳng phải là thường.

“Như Lai cũng chẳng phải vô thường. Vì sao vậy? Vì đã dứt trừ vĩnh viễn sự sanh ra. Pháp có sanh ra là vô thường, pháp không sanh ra mới là thường. Như Lai vốn không sanh ra, nên là thường.

“Pháp thường không có họ tên, pháp có họ tên gọi là vô thường. Như Lai vốn không sanh ra, không có họ tên. Vì không sanh ra, không có họ tên, nên là thường.

“Pháp thường thì có khắp mọi nơi, giống như hư không, không đâu là không có. Như Lai cũng như thế, ở khắp mọi nơi, cho nên là thường.

“Pháp vô thường thì nói rằng chỗ này có, chỗ kia không. Như Lai chẳng phải thế, không thể nói rằng chỗ này là có, chỗ kia là không, cho nên là thường.

“Pháp vô thường thì có lúc là có, có lúc là không. Như Lai chẳng phải như thế, cho nên là thường.

“Pháp thường trụ không có danh, không có sắc.<sup>(10)</sup> Vì hư không là thường nên không có danh, không có sắc. Như Lai cũng thế, không có danh, không có sắc, cho nên là thường.

“Pháp thường trụ không có nhân, không có quả. Vì hư không là thường cho nên không có nhân, không có quả. Như Lai cũng thế, không có nhân, không có quả, cho nên là thường.

“Pháp thường trụ không bị chi phối bởi ba đời: quá khứ, hiện tại và vị lai. Như Lai cũng thế, không bị chi phối bởi ba đời, cho nên là thường.

“Như Lai chẳng phải hư huyễn. Vì sao vậy? Vì ngài đã dứt trừ vĩnh viễn hết thảy các tâm hư dối, cho nên chẳng phải hư huyễn. Như Lai cũng chẳng phải không là hư huyễn. Vì sao vậy? Có khi Như Lai phân một thân này thành vô số thân; rồi vô số thân lại trở về thành một thân, xuyên thẳng qua núi đồi, vách đá, không có gì chướng ngại; hoặc đi trên mặt nước giống như đất liền; đi xuyên vào đất như vào trong nước; đi trên hư không như trên mặt đất; từ nơi thân ngài phát ra khói lửa như đám cháy lớn; hoặc làm ra mây mưa sấm động, âm thanh khiến người khiếp sợ; hoặc hóa ra thành ấp, làng xóm, nhà cửa,

núi sông, cây cối; hoặc hiện thân to lớn, hoặc hiện thân nhỏ bé, hoặc hiện làm đàn ông, đàn bà, trẻ con... Vì thế nên Như Lai cũng chẳng phải là không hư huyễn.

“Như Lai không phải là nhất định. Vì sao vậy? Vì Như Lai ở thành Câu-thi-na này, thị hiện nhập Niết-bàn giữa hai cây sa-la mọc sòng đôi, cho nên không phải là nhất định. Như Lai cũng chẳng phải không nhất định. Vì sao vậy? Vì Như Lai là thường, lạc, ngã, tịnh nên cũng chẳng phải không nhất định.<sup>(11)</sup>

“Như Lai chẳng phải hữu lậu. Vì sao vậy? Vì Như Lai đã dứt ba món lậu hoặc, nên ngài chẳng phải hữu lậu. Ba món lậu hoặc đó là: (1) Trừ vô minh ra thì tất cả phiền não trong Dục giới gọi chung là dục lậu. (2) Trừ vô minh ra thì tất cả phiền não trong Sắc giới và Vô sắc giới gọi chung là hữu lậu. (3) Vô minh trong ba cõi Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới gọi là vô minh lậu. Như Lai đã vĩnh viễn dứt trừ ba món lậu hoặc ấy nên chẳng phải là hữu lậu.

“Lại nữa, hết thảy phàm phu không thấy được hữu lậu. Vì sao phàm phu không thấy hữu lậu? Vì hết thảy phàm phu đối với đời vị lai đều có lòng nghi: ‘Trong đời vị lai, ta sẽ được thân chăng? Hay chẳng được thân? Trong đời quá khứ thân vốn đã sẵn có chăng? Hay vốn chẳng có? Trong đời hiện tại, thân này thật có chăng? Hay là không thật có? Nếu thật có bản ngã, thì đó là sắc chăng? Chẳng phải sắc chăng? Vừa là sắc, vừa chẳng phải sắc chăng? Hay là chẳng phải sắc cũng không chẳng phải sắc? Hay là tướng chăng? Hay chẳng phải tướng? Hay vừa là tướng, vừa chẳng phải tướng? Hay là chẳng phải tướng cũng không chẳng phải tướng? Hay thân này phụ thuộc những đối tượng bên ngoài chăng? Hay là không

phụ thuộc những đối tượng bên ngoài? Hay vừa phụ thuộc vừa không phụ thuộc? Hay là không phụ thuộc cũng chẳng phải không phụ thuộc? Hay là có mạng sống nhưng không có thân chẳng? Hay là có thân nhưng không có mạng sống chẳng? Hay là vừa có thân, vừa có mạng sống? Hay là không có thân cũng không có mạng sống? Thân cùng với mạng sống có thường chẳng? Hay là vô thường? Hay là vừa thường vừa vô thường? Hay là chẳng phải thường, cũng chẳng phải vô thường? Thân và mạng sống được tạo thành một cách tự do tùy ý chẳng? Hay do những điều kiện bên ngoài tạo thành? Không có nhân mà tạo ra chẳng? Hay do tánh của thế gian tạo ra? Do bụi bặm tạo ra chẳng? Do pháp hoặc chẳng phải pháp tạo ra chẳng? Do thần thức tạo ra chẳng? Do phiền não tạo ra chẳng? Do cha mẹ tạo ra chẳng? Bản ngã trụ nơi tâm chẳng? Trụ nơi mắt chẳng? Ở khắp trong thân chẳng? Từ đâu mà đến? Rồi sẽ đi về đâu? Ai là người sanh ra? Ai là người chết đi? Trong đời quá khứ ta là người thuộc dòng bà-la-môn chẳng? Thuộc dòng Sát-lợi chẳng? Thuộc dòng Tỳ-xá chẳng? Thuộc dòng Thủ-đà<sup>(12)</sup> chẳng? Về đời vị lai, ta sẽ làm người thuộc dòng tộc nào? Vào đời quá khứ, thân ta đây là nam chẳng? Hay là nữ chẳng? Hay là súc sanh? Nếu ta làm việc giết hại thì có tội chẳng? Hay là không có tội? Cho đến uống rượu là có tội chẳng?<sup>(13)</sup> Hay là không có tội? Mọi hành vi là do ta tự làm chẳng? Hay là do những điều kiện bên ngoài tạo thành? Bản ngã này thọ nhận nghiệp báo chẳng? Hay là thân này thọ nhận nghiệp báo?

“Những chỗ thấy biết nghi hoặc như thế tạo thành vô lượng phiền não che lấp trong tâm chúng sanh. Do những chỗ thấy biết nghi hoặc như thế mà sanh ra sáu

thứ tâm: (1) tâm kể chắc là có bản ngã; (2) tâm kể chắc là không có bản ngã; (3) tâm thấy rằng bản ngã là hữu ngã; (4) tâm thấy rằng bản ngã là vô ngã; (5) tâm thấy rằng vô ngã là ngã; (6) và tâm thấy rằng bản ngã tạo tác, bản ngã lãnh chịu, bản ngã nhận biết. Những tâm như thế gọi là tà kiến. Như Lai đã vĩnh viễn nhổ bật vô số cội gốc của những chỗ thấy biết lậu hoặc như vậy. Cho nên Như Lai chẳng phải hữu lậu.

“Thiện nam tử! Đại Bồ Tát ở nơi Đại Niết-bàn tu tập Thánh hạnh cũng vĩnh viễn dứt trừ được những lậu hoặc như thế. Chư Phật Như Lai thường tu Thánh hạnh cho nên không có lậu hoặc.

“Thiện nam tử! Những kẻ phạm phu không chế ngự được năm căn<sup>(14)</sup> nên có ba sự lậu hoặc,<sup>(15)</sup> lôi kéo họ đi vào những cảnh giới bất thiện.

“Thiện nam tử! Ví như con ngựa dữ sẵn tánh hung hăng, ngỗ nghịch, có thể khiến cho người cưỡi phải gặp hiểm nguy, tai nạn. Người không khéo chế ngự năm căn cũng vậy, phải lìa xa con đường tốt là Niết-bàn, đi vào những nơi xấu ác.

“Ví như con voi dữ chưa được điều phục, nếu có ai cưỡi lên thì không thể tùy ý điều khiển được, phải lìa xa chỗ thành ấp, đến nơi hoang vắng. Người không khéo chế ngự năm căn cũng vậy, phải lìa xa thành ấp là Niết-bàn, đến những nơi hoang vắng là chốn sanh tử này.

“Thiện nam tử! Ví như kẻ nịnh thần xúi giục vua làm việc ác. Năm căn cũng giống như nịnh thần, thường xúi giục chúng sanh làm vô số việc ác.

“Thiện nam tử! Ví như đứa con xấu ác chẳng nghe theo lời dạy của cha mẹ và các bậc sư trưởng, ắt không

có việc ác nào không làm. Người không điều phục năm căn cũng vậy, chẳng nghe theo lời tốt lành của bậc sư trưởng dạy bảo, nên không việc ác nào không làm.

“Thiện nam tử! Kẻ phàm phu không chế ngự năm căn thường phải chịu những sự tàn hại của [các cảnh giới] địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, cũng giống như giặc cướp hung ác làm hại người hiền lành.

“Thiện nam tử! Kẻ phàm phu không chế ngự năm căn, buông thả chạy theo năm trần, giống như mục đồng chẳng khéo giữ trâu, để giẫm hại vào lúa mạ của người khác. Kẻ phàm phu không chế ngự năm căn thường phải ở trong Ba cõi, lãnh chịu nhiều khổ não.

“Thiện nam tử! Đại Bồ Tát khi tu tập Đại Niết-bàn, thực hành Thánh hạnh, thường khéo điều phục và giữ gìn, chế ngự năm căn, chán sợ những sự tham dục, sân khuê, ngu si, kiêu mạn, tật đố, vì muốn đạt được hết thảy mọi pháp lành.

“Thiện nam tử! Nếu người khéo biết giữ gìn năm căn thì chế ngự được tâm. Nếu chế ngự được tâm thì chế ngự được năm căn. Ví như người phò vua thì bảo vệ đất nước. Bảo vệ đất nước là phò tá cho vua. Đại Bồ Tát cũng vậy, nếu nghe kinh Đại Niết-bàn này thì được trí tuệ. Đạt được trí tuệ thì được sự niệm tưởng chuyên nhất. Nếu như năm căn tán loạn, nhờ vào niệm [chuyên nhất] có thể khiến cho dừng lại. Vì sao vậy? Vì có niệm là có trí tuệ.

“Thiện nam tử! Như người chăn trâu giỏi, nếu trâu bỏ chạy sang đông, sang tây mà ăn lúa mạ của người khác, liền chặn giữ lại, không để làm hư hại của người. Đại Bồ Tát cũng vậy, nhờ có niệm và trí tuệ làm nhân duyên

nên giữ gìn, chế ngự được năm căn, không để tán loạn. Đại Bồ Tát có niệm và trí tuệ không thấy tướng của mình, không thấy tướng những vật của mình, không thấy có chúng sanh cùng những vật thọ dụng; thấy hết thảy các pháp đều cùng một tướng pháp tánh, từ đó sanh ra các tướng đất, đá, ngói, sỏi... Ví như nhà cửa là do các duyên hợp lại mà sanh chứ không có tánh nhất định; [Bồ Tát] thấy chúng sanh là do bốn đại và năm âm hợp thành, xét cho cùng không có tánh nhất định.

“Vì [thấy rằng chúng sanh] không có tánh nhất định nên Bồ Tát ở trong các pháp không sanh tâm tham đắm, vướng mắc. Hết thảy phàm phu vì thấy có chúng sanh nên sanh khởi phiền não. Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết-bàn có được niệm và trí tuệ nên đối với chúng sanh không sanh lòng tham đắm, vướng mắc. Lại nữa, Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết-bàn không vướng mắc nơi tướng chúng sanh, tùy ý tạo ra đủ mọi tướng pháp.

“Thiện nam tử! Ví như người họa sĩ dùng đủ các màu vẽ nên mọi hình tượng, hoặc nam, hoặc nữ, hoặc trâu, hoặc ngựa. Kẻ phàm phu ngu si nhìn thấy liền sanh ra các tướng nam, nữ .v.v... Người họa sĩ thì biết rõ trong đó không hề có nam hay nữ.

“Đại Bồ Tát cũng vậy, đối với các tướng khác nhau của pháp đều quán là một tướng, chẳng bao giờ sanh ra tướng chúng sanh. Vì sao vậy? Vì có niệm và trí tuệ.

“Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết-bàn, khi nhìn thấy mỹ nữ xinh đẹp cũng chẳng bao giờ sanh lòng tham đắm, vướng mắc. Vì sao vậy? Vì khéo quán xét hình tướng.

“Thiện nam tử! Đại Bồ Tát biết pháp năm dục<sup>(16)</sup> không có gì vui, liên tục đổi thay chẳng phút tạm dừng.

Người mê đắm năm dục như con chó gặm khúc xương khô,<sup>(17)</sup> như người cầm lửa đi ngược gió,<sup>(18)</sup> như con rắn độc nằm trong rương,<sup>(19)</sup> như những thứ có được trong giấc mộng,<sup>(20)</sup> như trái cây bên đường nhiều người tranh nhau hái, lại cũng như miếng thịt, cả bầy chim tranh nhau;<sup>(21)</sup> như bọt nổi trên mặt nước, như dấu vết vẽ lên mặt nước;<sup>(22)</sup> như đường chỉ dục dẹt xong, như người tử tù bị đưa ra chợ;<sup>(23)</sup> như vật tạm mượn chẳng dùng được lâu. Bồ Tát quán xét các dục như vậy, có rất nhiều sự xấu xa, tai hại, lầm lỗi.

“Lại nữa, Đại Bồ Tát quán xét thấy các chúng sanh do nơi các nhân duyên hình sắc, âm thanh, mùi hương, vị nếm, sự xúc chạm<sup>(24)</sup> nên trong vô số kiếp sống từ trước đến nay thường chịu khổ não. Nếu lấy xương của mỗi chúng sanh trong thời gian một kiếp chất lại sẽ thành đống to như núi Tỳ-phú-la<sup>(25)</sup> ở thành Vương Xá; lượng sữa đã bú nhiều như nước trong bốn biển, lượng máu từ thân chảy ra lại gấp nhiều lần so với nước trong bốn biển, lượng nước mắt đã khóc vì cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc qua đời cũng gấp nhiều lần so với nước trong bốn biển; nếu lấy hết cây cỏ trên mặt đất để làm thành những thếp đếm dài bốn tấc, rồi dùng để tính đếm số cha mẹ [trong các đời sống] đã qua cũng không thể tính hết; những nỗi khổ đã phải chịu đựng từ vô lượng kiếp cho đến nay hoặc trong các cảnh giới địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ là không thể kể xiết. [Ví như] vỏ trái đất này cho thành trái táo vẫn là việc dễ làm hơn nhiều so với việc dứt hết sanh tử!

Đại Bồ Tát quán xét sâu xa như vậy, thấy rằng hết thảy chúng sanh đều do nhân duyên là các mối tham dục mà phải chịu vô số khổ não. Bồ Tát do quán xét kỹ

những nỗi khổ trong sanh tử như thế nên không đánh mất niệm và trí tuệ.

“Thiện nam tử! Ví như có một đám đông tụ tập đầy trong khoảng đất hai mươi lăm dặm. Nhà vua truyền cho một bề tôi rằng: ‘Khanh hãy mang một bát đựng đầy dầu đi qua giữa đám đông ấy, đừng cho nghiêng đổ. Nếu để rơi rớt một giọt dầu sẽ bị giết.’ Vua lại sai một người khác cầm đao theo sau đe dọa. Bề tôi ấy vâng lệnh vua, hết lòng giữ vững bát dầu trong khi đi qua đám đông, dù nhìn thấy năm tà dục thích ý nhưng lòng luôn tự nghĩ rằng: ‘Nếu ta buông thả, vướng mắc vào các tà dục ấy thì sẽ làm rơi [hoặc nghiêng đổ] bát dầu đang cầm, ắt không giữ được toàn tính mạng!’

“Người ấy do nhân duyên sợ sệt mà không để rơi dù chỉ một giọt dầu! Đại Bồ Tát cũng vậy, ở trong chốn sanh tử chẳng để mất niệm và trí tuệ. Vì chẳng để mất [niệm và trí tuệ] nên nhìn thấy năm dục cũng không sanh lòng tham đắm vướng mắc. Dù thấy sắc trong sạch cũng không cho đó là tướng sắc, chỉ quán xét là tướng khổ. Cho đến đối với tướng của thức cũng vậy,<sup>(26)</sup> chẳng khởi tướng sanh, chẳng khởi tướng diệt, chẳng khởi tướng nguyên nhân, chỉ quán xét tướng hòa hợp.

“Khi ấy, năm căn của Bồ Tát đều thanh tịnh. Nhờ năm căn thanh tịnh nên giữ gìn căn bản của giới được trọn vẹn. Hết thấy phạm phước do năm căn không thanh tịnh nên không thể khéo giữ gìn, gọi là các căn có lậu hoặc. Bồ Tát vĩnh viễn dứt trừ nên gọi là không có lậu hoặc. Đức Như Lai đã vượt ra khỏi, vĩnh viễn dứt trừ cội gốc [của lậu hoặc] nên không phải là hữu lậu.

“Thiện nam tử! Lại có trường hợp lìa bỏ lậu hoặc. Vì muốn được món cam lộ vô thượng là quả vị Phật nên Bồ

Tát lìa bỏ lậu hoặc xấu ác. Thế nào là lìa bỏ? Nếu có thể tu hành kinh Đại Niết-bàn, sao chép, thọ trì, tụng đọc, giảng thuyết, suy ngẫm nghĩa kinh, đó gọi là lìa bỏ.

“Vì sao vậy? Thiện nam tử! Ta hoàn toàn không thấy trong Mười hai bộ kinh [có một kinh nào khác] có thể giúp lìa bỏ lậu hoặc xấu ác như kinh Phương đẳng Đại Niết-bàn này.

“Thiện nam tử! Ví như bậc thầy hiền thiện dạy dỗ các đệ tử. Trong số các đệ tử ấy, có những người nghe theo lời dạy của thầy thì trong lòng không sinh khởi điều xấu ác. Đại Bồ Tát tu tập kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn cũng giống như vậy, trong lòng không sinh khởi điều xấu ác.

“Thiện nam tử! Ví như ở thế gian có câu thần chú rất linh nghiệm. Như ai được nghe qua một lần thì trong vòng bảy năm sau đó hết thấy các loại thuốc độc, rắn độc đều không thể làm hại. Nếu ai đọc tụng thần chú ấy thì trọn đời không gặp phải những điều xấu ác.

“Thiện nam tử! Kinh Đại Niết-bàn này cũng vậy. Nếu có chúng sanh nào chỉ được nghe qua một lần thì trong vòng bảy kiếp sau đó không phải rơi vào các đường ác. Nếu có ai sao chép, tụng đọc, giảng thuyết, suy ngẫm nghĩa kinh, ắt sẽ chứng đắc quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, được thấy tánh Phật, cũng như vị Thánh vương kia được món cam lộ.

“Thiện nam tử! Kinh Đại Niết-bàn này có vô lượng công đức như vậy.

“Thiện nam tử! Nếu có ai sao chép kinh này, tụng đọc, giảng thuyết, vì người khác mà nói rộng, suy xét nghĩa kinh, nên biết rằng người ấy thật là đệ tử Phật, khéo vâng theo lời Phật dạy. Ta luôn nhìn thấy người ấy, nhớ

nghĩ đến người ấy, người ấy cũng biết rõ rằng ta chẳng nhập Niết-bàn. Người như vậy dù ở nơi nào, hoặc thành ấp, xóm làng, hoặc rừng núi, nơi hoang vắng, trong nhà cửa, vườn ruộng, hay lâu các, cung điện, ta cũng đều có ở nơi đó, thường trụ không dời chuyển. Ta đối với người ấy thường làm người thọ nhận sự cúng thí, hoặc hiện thân tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, bà-la-môn, Phạm-chí<sup>(27)</sup> hay kẻ bần cùng đi xin ăn.

“Làm sao khiến cho người ấy biết rằng Như Lai thọ nhận những vật người ấy cúng thí?

“Thiện nam tử! Người ấy hoặc khi nằm mộng trong đêm thấy hình tượng Phật, hoặc thấy các hình tượng chư thiên, sa-môn, quốc vương, thánh vương, chúa sư tử, hoa sen, hoa ưu-đàm; hoặc thấy những hình ảnh như núi lớn, nước biển cả, mặt trời, mặt trăng, hoặc thấy voi trắng, ngựa bạch; hoặc thấy cha mẹ, thấy được hoa, quả, vàng, bạc, lưu ly, pha lê v.v... các loại vật báu, hoặc năm món ăn chế biến từ sữa.<sup>(28)</sup> Khi ấy liền biết được là Như Lai đã thọ nhận đồ cúng thí của mình. Khi tỉnh dậy liền thấy [trong lòng] vui sướng, dần dần có được mọi thứ cần dùng, lòng không nghĩ đến những việc xấu ác, luôn ưa thích việc tu tập các pháp lành.

“Thiện nam tử! Kinh Đại Niết-bàn này có thể thành tựu vô lượng vô biên công đức như vậy, không thể nghĩ bàn.

“Thiện nam tử! Nay ông nên tin nhận lời ta. Nếu có kẻ nam, người nữ nào phát khởi lòng lành muốn được nhìn thấy Phật, muốn cung kính Phật, muốn thể nhập tánh pháp để thấy Phật, muốn đạt được Không định, muốn thấy tướng chân thật, muốn được tu tập phép định Thủ lăng nghiêm, phép định Sư tử vương, muốn

phá trừ tám thứ ma - Tám thứ ma đó là: ma phiền não, ma năm ấm, ma chết, ma trời Tha hóa tự tại và [những sự] vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh - hoặc muốn được những sự vui thích trong hai cõi trời người, thì khi thấy có ai thọ trì kinh Đại Niết-bàn này, sao chép, tụng đọc, vì người khác giảng thuyết, suy xét nghĩa kinh, nên đến gần gũi, nương dựa theo người ấy, thưa hỏi và nhận lời dạy bảo, lại cúng dường cung kính, tôn trọng, xưng tán người ấy; vì người ấy mà rửa tay, rửa chân, sắp đặt giường chiếu, cung cấp đủ bốn thứ cần dùng<sup>(29)</sup> không để thiếu thốn. Nếu người ấy từ xa đến, nên cung kính nghênh tiếp từ xa, ngoài khoảng mười do-tuần. Vì kinh này mà nên mang những đồ vật quý trọng dâng hiến. Như không có gì để dâng hiến thì nên tự bán cả thân mình. Vì sao vậy? Vì kinh này còn khó gặp hơn cả hoa ưu-dàm!

“Thiện nam tử! Ta nhớ lại vào thuở quá khứ, cách nay vô lượng vô biên na-do-tha<sup>(30)</sup> kiếp. Thuở ấy, thế giới tên gọi là Ta-bà, có đức Phật Thế Tôn hiệu là Thích-ca-Mâu-ni, Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn, vì đại chúng mà tuyên thuyết kinh Đại Niết-bàn này.

“Khi ấy ta nhờ theo những người bạn tốt mà được nghe nói lại rằng đức Phật ấy sẽ vì đại chúng thuyết kinh Đại Niết-bàn. Nghe như vậy rồi, lòng ta lấy làm hoan hỷ, muốn dâng lễ cúng dường, nhưng đang trong cảnh nghèo túng không có vật chi sở hữu, liền muốn tự bán thân mình. Thật không may là chẳng có ai mua cả! Trên đường trở về nhà ta gặp một người, bèn hỏi người ấy: ‘Tôi muốn bán thân, ông có thể mua chăng?’

“Người ấy đáp: ‘Nhà tôi có một việc không ai làm nổi, nếu ông có thể làm thì tôi sẽ mua ông.’

“Ta liền hỏi: ‘Ông có việc gì mà không ai làm nổi?’

“Người ấy đáp: ‘Tôi có bệnh ác nghiệt, thầy thuốc dặn mỗi ngày phải ăn ba lượng<sup>(31)</sup> thịt người. Nếu ông có thể mỗi ngày lấy ba lượng thịt nới thân mà cung cấp cho tôi thì nay tôi sẽ trao cho ông năm đồng tiền vàng.’

“Ta nghe vậy rồi lấy làm hoan hỷ trong lòng, liền đáp ngay: ‘Ông hãy trao tiền cho tôi, hẹn trong bảy ngày tôi làm xong công việc sẽ trở lại gặp ông.’

“Người ấy đáp: ‘Bảy ngày thì không được, hãy thỏa thuận thế này: Tôi để cho ông một ngày.’

“Thiện nam tử! Khi ấy ta liền nhận tiền rồi tìm ngay đến chỗ Phật, cúi đầu lễ kính sát dưới chân Phật, đem hết những gì mình có mà phụng hiến; sau đó mới thành tâm lắng nghe và thọ nhận kinh này. Lúc bấy giờ ta thật ngu si tăm tối, tuy được nghe kinh nhưng chỉ có thể thọ trì được mỗi một bài kệ này mà thôi:

*Như Lai chứng Niết-bàn,  
Trừ dứt vòng sanh tử;  
Nếu ai hết lòng nghe,  
Được vui chẳng thể lường.*

“Thọ nhận bài kệ này rồi, ta trở về tìm đến nhà của người bị bệnh kia.

“Thiện nam tử! Khi ấy tuy mỗi ngày ta đều cắt xẻo cho người ấy ba lượng thịt trên thân mình, nhưng nhờ nhân duyên nhớ tưởng bài kệ trong kinh nên không lấy làm đau đớn, không một ngày nào bỏ sót, cho đến trọn cả một tháng.

“Thiện nam tử! Nhờ nhân duyên ấy nên bệnh của người kia được khỏi; mà thân ta cũng bình phục không có thương tích gì. Bấy giờ, ta thấy thân thể được bình phục hoàn toàn, khỏe mạnh như trước, liền phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Súc [niệm tưởng] một bài kệ [trong kinh] còn được như vậy, huống chi việc thọ trì, đọc tụng trọn đủ bộ kinh? Bởi thấy kinh này có lợi ích như vậy nên ta lại phát tâm rộng lớn hơn, nguyện trong đời vị lai sẽ thành Phật đạo, hiệu là Thích-ca Mâu-ni.

“Thiện nam tử! Nhờ sức nhân duyên của một bài kệ ấy, cho nên ngày nay ta ở giữa đại chúng, vì hàng trời người mà tuyên thuyết trọn vẹn [kinh này].

“Thiện nam tử! Do nhân duyên ấy nên Đại Niết-bàn này là không thể nghĩ bàn; thành tựu vô lượng vô biên công đức, quả thật là kho tàng rất sâu kín của chư Phật Như Lai. Vì nghĩa ấy, người có thể thọ trì kinh này sẽ trừ bỏ, lìa xa mọi lậu hoặc xấu ác. Nói xấu ác tức là [những chỗ] như có voi dữ, ngựa dữ, trâu dữ, chó dữ, rắn độc, gai góc và đất đai độc hại, vách núi chơi vơi, đồi cao dốc hiểm, xoáy nước hung bạo, hoặc có những người ác, cõi ác, thành ác, nhà ác, bạn ác... Những điều như vậy, nếu là nhân sanh ra lậu hoặc thì Bồ Tát liền lìa bỏ; nếu không thì Bồ Tát không lìa xa. Nếu những điều ấy làm tăng thêm lậu hoặc thì Bồ Tát liền lìa bỏ, nếu không thì Bồ Tát không lìa xa. Nếu những điều ấy tạo thành việc xấu ác, Bồ Tát liền lìa bỏ; nếu có thể tạo thành việc lành thì Bồ Tát không lìa xa.

“Thế nào lìa xa? [Đó là nói việc] không cầm dao gậy, thường dùng phương tiện là trí tuệ chân chánh mà lìa

xa [những thứ ấy], nên gọi là lìa xa nhờ trí tuệ chân chánh. Vì muốn sanh khỏi các pháp lành nên lìa xa các pháp xấu ác.

“Đại Bồ Tát tự quán xét [tướng trạng] thân mình như ghê độc, như ung nhọt, như kẻ oán thù, như mũi tên đâm vào thân. Đó là nơi các nỗi khổ lớn đều tụ họp, là cội gốc của hết thảy mọi sự thiện ác.

“Tuy xét nghĩ đến thân này là bất tịnh như vậy, nhưng Bồ Tát vẫn chăm sóc nuôi dưỡng. Vì sao vậy? Không phải vì tham tiếc cái thân, mà vì các pháp lành; vì Niết-bàn, chẳng vì sanh tử; vì thường, lạc, ngã, tịnh, chẳng vì vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh; vì đạo Bồ-đề, chẳng vì đạo trong ba cõi; vì một thừa duy nhất [là Phật thừa], chẳng vì ba thừa [phương tiện]; vì thân vi diệu có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thậm chí chẳng vì thân ở cõi trời Phi hữu tướng phi vô tướng; vì làm đáng Pháp luân vương, chẳng vì làm Chuyển luân vương.

“Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát thường nên gìn giữ, bảo vệ thân này. Vì sao vậy? Nếu chẳng giữ gìn, bảo vệ thân này thì không giữ được mạng sống. Nếu mạng sống không giữ được thì không thể sao chép kinh này, thọ trì, tụng đọc, vì người khác giảng rộng, suy xét nghĩa kinh. Vì thế, Bồ Tát nên khéo giữ gìn, bảo vệ thân thể. Vì nghĩa ấy, Bồ Tát lìa xa hết thảy các lậu hoặc xấu ác.

“Thiện nam tử! Như người muốn qua sông phải khéo giữ gìn, bảo vệ thuyền bè; kẻ sắp đi xa phải khéo bảo vệ con ngựa hay; người làm ruộng gieo giống phải khéo giữ gìn phân bón; như vì trị độc phải khéo giữ con rắn độc; như người vì của cải phải nuôi giữ kẻ chiêm-đà-la; như vì trừ bọn giặc cướp phải nuôi dưỡng các dũng sĩ tráng

kiện; lại cũng như kẻ bị lạnh thích giữ ngọn lửa; như kẻ bệnh hủi phải tìm món thuốc độc; Đại Bồ Tát cũng vậy, tuy thấy rõ thân này chất chứa đầy dẫy vô số những điều bất tịnh, nhưng vì muốn thọ trì kinh Đại Niết-bàn nên phải khéo giữ gìn nuôi dưỡng, không để cho có sự mỗi mết, thiếu thốn.

“Vị Đại Bồ Tát quán xét con voi dữ và bạn xấu đều chẳng khác gì nhau. Vì sao vậy? Vì cả hai đều làm hại thân mình. Đại Bồ Tát đối với voi dữ không có lòng khiếp sợ, nhưng đối với bạn xấu lại sanh lòng sợ hãi. Vì sao vậy? Loài voi dữ chỉ làm hại thân thể, chẳng làm hại được tâm mình; người bạn xấu làm hại đến cả thân và tâm. Loài voi dữ chỉ làm hại được một thân trong kiếp này; người bạn xấu làm hại cả vô số thân lành, vô số tâm lành. Loài voi dữ chỉ có thể phá hoại thân thể hôi thối bất tịnh này thôi; người bạn xấu có thể làm hại cả thân trong sạch và tâm trong sạch. Loài voi dữ chỉ có thể phá hoại thân xương thịt này thôi; người bạn xấu có thể phá hoại cả pháp thân. Bị voi dữ giết chết không rơi vào ba đường ác; bị người bạn xấu hại chết ắt phải rơi vào ba đường ác. Loài voi dữ chỉ là kẻ thù của thân xác mà thôi; người bạn xấu là kẻ thù của các pháp lành. Vì thế nên Bồ Tát thường lìa xa những bạn xấu.

“Kẻ phạm phu chẳng lìa bỏ những lậu hoặc ấy nên sanh ra lậu hoặc. Bồ Tát lìa bỏ nên không sanh ra lậu hoặc. Vị Bồ Tát như vậy còn không có lậu hoặc, huống chi là đức Như Lai? Cho nên Như Lai chẳng phải là hữu lậu.

“Thế nào là gần gũi với lậu hoặc? Hết thấy phạm phu đều nhận giữ lấy y phục, thức ăn, giường ghế, thuốc thang. Vì sự vui sướng của thân tâm nên mong cầu

những thứ như vậy, làm mọi việc xấu ác, không biết chỗ lỗi lầm, phải luân hồi trong ba đường ác. Vì thế nên gọi là lậu hoặc.

“Đại Bồ Tát thấy rõ sự lỗi lầm như vậy nên lìa xa. Khi cần y phục liền nhận lấy y phục, chẳng phải vì thân mình, chỉ là vì pháp; chẳng nuôi lớn lòng kiêu mạn, tâm thường khiêm nhượng, hạ mình; chẳng vì sự trang điểm xinh đẹp, chỉ vì hổ thẹn, vì tránh sự nóng lạnh, vì ngăn cản gió độc, mưa dữ, trùng độc, muỗi mòng, ruồi nhặng, rắn rết, bò cạp [mà nhận lấy y phục].

“Bồ Tát tuy nhận lãnh các thức ăn uống nhưng lòng không tham đắm; chẳng vì thân mình, thường vì Chánh pháp; chẳng vì da thịt, chỉ vì chúng sanh; chẳng vì lòng kiêu mạn, chỉ vì sức khỏe; chẳng vì tâm oán hận, chỉ vì đỡ đói. Dù được món ăn ngon cũng không có lòng tham đắm.

“Bồ Tát khi nhận lãnh chỗ ở cũng vậy, chẳng để trong lòng có sự trói buộc của tham lam, kiêu mạn; lấy đó làm căn nhà Bồ-đề để ngăn dứt giặc phiền não; vì che chắn gió độc, mưa dữ mà nhận lãnh chỗ ở.

“Bồ Tát cầu được thuốc thang, trong lòng cũng không tham lam, kiêu mạn; chỉ vì Chánh pháp, chẳng phải vì mạng sống mà muốn sống lâu.

“Thiện nam tử! Ví như người có ung nhọt, dùng bột cám rang xốp đắp lên, lấy vải bó lại. Vì máu mủ chảy ra nên phải dùng bột cám rang xốp đắp lên để rút khô; vì muốn cho nhọt lành nên dùng thuốc rắc lên; vì tránh gió độc nên ở trong nhà kín.

“Đại Bồ Tát cũng vậy, quán xét thân là ung nhọt nên phải dùng y phục che kín; vì chín lỗ nơi thân chảy ra

chất dơ nhớp nên phải cần món ăn thức uống; vì có gió độc, mưa dũ nên nhận lãnh chỗ trú ngụ; vì bốn thứ độc<sup>(32)</sup> phát ra nên phải tìm cầu thuốc thang. Bồ Tát nhận lãnh bốn món cúng dường là vì đạo Bồ-đề, không vì mạng sống.

“Vì sao vậy? Đại Bồ Tát suy xét rằng: ‘Nếu ta không nhận bốn món cúng dường này,<sup>(33)</sup> thân thể ắt phải hao mòn, diệt mất, không được bền chắc. Nếu thân này không được bền chắc, ắt không nhẫn chịu được khổ. Nếu không nhẫn chịu được khổ, ắt không thể tu tập vô lượng pháp lành. Nếu ta không nhẫn chịu được các nỗi khổ thì đối với những cảm thọ khổ liền sanh lòng giận tức; đối với những cảm thọ vui liền sanh lòng tham đắm, vướng mắc. Nếu cầu sự vui không được ắt sanh ra vô minh.’

“Vì thế nên phạm phu đối với bốn món cúng dường sanh ra lậu hoặc. Đại Bồ Tát có thể quán xét sâu xa nên không sanh ra lậu hoặc. [Vì thế,] Bồ Tát còn được gọi là vô lậu, làm sao Như Lai có thể là hữu lậu? Vì thế mà Như Lai không gọi là hữu lậu.”

## KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

### HẾT QUYỂN HAI MƯƠI HAI

## CHÚ GIẢI

1. Theo Nam bản thì từ đây dứt quyển 19, bắt đầu quyển 20, phần thứ hai của phẩm Cao Quý Đức Vương Bồ Tát (Cao Quý Đức Vương Bồ Tát phẩm chi nhị).
2. Nhất định: ở đây dùng để chỉ một tình trạng, trạng thái cố định, nghĩa là xác định chắc chắn như vậy và mãi mãi không thể thay đổi. Trong các đoạn tiếp theo đây, từ này cũng được dùng với nghĩa như vậy.
3. Quả Tu-dà-hoàn cho đến quả Bích-chi Phật: chỉ chung tất cả các quả vị của Nhị thừa.
4. Bốn cách sanh (tứ sanh): chỉ bốn phương cách, bốn hình thức mà tất cả chúng sanh theo đó được sanh ra. Một là sanh ra từ bào thai (thai sanh), hai là sanh ra từ trứng (noãn sanh), ba là sanh ra từ sự ẩm ướt (thấp sanh) và bốn là do sự biến hóa mà sanh ra (hóa sanh).
5. Thiên Trung Thiên: bậc cao quý nhất trong hàng chư thiên.
6. Theo Đại thừa nghĩa chương (quyển 4) và Trí độ luận (quyển 20, quyển 31 và quyển 46) thì 18 nghĩa không gồm có: 1. Nội không, 2. Ngoại không, 3. Nội ngoại không, 4. Không không, 5. Đại không, 6. Đệ nhất nghĩa không, 7. Hữu vi không, 8. Vô vi không, 9. Tất cánh không, 10. Vô thủy không, 11. Tán không, 12. Tánh không, 13. Tự tánh không, 14. Chư pháp không, 15. Bất khả đắc không, 16. Vô pháp không, 17. Hữu pháp không, 18. Vô pháp hữu pháp không.
7. Mười sắc nhập (Thập sắc nhập): bao gồm *nhân nhập, nhĩ nhập, tĩ nhập, thiệt nhập, thân nhập, sắc nhập, thanh nhập, hương nhập, vị nhập* và *xúc nhập*. Nói một cách khái quát là các phạm vi thiệp nhập giữa năm căn và năm trần, nên không bao gồm ý căn và pháp trần.
8. Cô-sư-la (瞿師羅): phiên âm từ Phạn ngữ là *Ghoṣira*, cũng đọc là Cự-sử-la (具史羅) Cù-tư-la (瞿私羅) hay Cù-sử-la (幼史羅), dịch nghĩa là Mỹ âm (美音) hay Diệu âm thanh (妙音聲).
9. Bản Hán văn dùng “tam xích”, nghĩa là 3 thước, nhưng mỗi thước cổ chỉ hơn 3 tấc, nên 3 thước tương đương với khoảng 1 thước (mét) ngày nay mà thôi.
10. Danh và sắc là hai yếu tố tạo thành chúng sanh. Sắc là những phần nhìn thấy được, sờ mó được, như các bộ phận thân thể; danh là những phần không thể nhìn thấy được, như tinh thần, cảm giác...
11. Vì có đủ các yếu tố thường, lạc, ngã, tịnh là thường tồn bất biến nên không thể nói là không nhất định.
12. Bà-la-môn, Sát-lợi (hay Sát-đế-lợi) Tỳ-xá (hay Tỳ-xá-da), Thủ-dà (hay Thủ-dà-la): Bốn giai cấp trong hệ thống phân biệt của xã hội Ấn Độ đã có từ trước thời đức

- Phật. Bà-la-môn chỉ chung các tu sĩ, giữ quyền cúng tế và thực hành các lễ nghi tôn giáo cho cả cộng đồng. Sát-lợi chỉ giai cấp nắm quyền cai trị, gồm vua chúa, tướng lãnh, quan chức... Tỳ-xá chỉ chung những người buôn bán, thương nhân, cũng gọi là Trưởng giả. Thủ-đà là giai cấp thấp hèn, nghèo khó.
13. Đây chỉ kể ra từ việc giết hại cho đến uống rượu, là ý nói tóm gọn cả năm giới cấm căn bản, bao gồm giết hại, trộm cắp, tà dâm, nói dối và uống rượu.
  14. Năm căn: chỉ mắt, tai, mũi, lưỡi và thân. Năm căn nếu buông thả không chế ngự sẽ có khuynh hướng chạy theo năm trần là hình sắc, âm thanh, mùi thơm, vị nếm, sự xúc chạm. Những khoái cảm do năm căn tiếp xúc với năm trần tạo ra luôn thôi thúc chúng sanh tạo tác vô số ác nghiệp. Sự thiệp nhập giữa căn và trần như vậy tạo thành Mười sắc nhập, lôi cuốn chúng sanh xoay chuyển mãi trong luân hồi.
  15. Ba sự lậu hoặc: tức dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu vừa nói ở phần trước.
  16. Năm dục (ngũ dục): năm sự vui sướng, khoái lạc có được khi năm giác quan tiếp xúc với những đối tượng ưa thích, như mắt được ngắm những hình sắc thích ý, tai được nghe những âm thanh êm dịu, mũi được ngửi mùi hương ưa thích...
  17. Con chó gặm khúc xương khô: chỉ có cảm giác thích ý, khoái trá, mà thật ra là chẳng ăn được gì vào bụng cả. Ví dụ này cho thấy sự thỏa mãn năm giác quan thật ra chẳng giúp ích gì cho chúng ta ngoài việc tạo ra cảm giác hài lòng, thích ý. Vì chẳng giúp ích gì nên chúng hoàn toàn không thể nuôi dưỡng thân tâm chúng ta.
  18. Người cầm lửa đi ngược gió: như mối nguy hiểm đang chực chờ, vì bất cứ lúc nào cũng có thể bị lửa tạt vào thân.
  19. Con rắn độc nằm trong rương: cũng là chỉ mối nguy hiểm đang chờ người, vì chỉ cần mở rương là sẽ bị rắn cắn. Cả hai ví dụ tiếp nhau này cho thấy người mê đắm trong năm dục chỉ là vì không ý thức được những mối nguy hại mà chúng mang đến cho mình.
  20. Những thứ có được trong giấc mộng: chỉ là hư ảo, nhưng vẫn tạo cho chúng ta cảm giác sung sướng, hài lòng, đến khi tỉnh thức mới biết là chẳng có gì cả. Năm dục trong cuộc sống của chúng ta cũng là như vậy.
  21. Tuy năm dục không có giá trị thật nhưng hết thấy chúng sanh đều mê đắm, tranh giành lẫn nhau, vì chúng mà khởi nên mọi sự lỗi lầm.
  22. Những ví dụ này cho thấy sự hư huyền, không thật có của năm dục.
  23. Những ví dụ này cho thấy tính tạm bợ, không tồn tại lâu dài của năm dục. Đường chỉ dục dật xong thì không còn dật nữa, người tử tù bị đưa ra chợ là đã đến lúc hành hình, không còn kéo dài được nữa.
  24. Hình sắc, âm thanh, mùi hương, vị nếm, sự xúc chạm: Tức là năm đối tượng của năm giác quan, gồm mắt, tai, mũi, lưỡi và thân.

25. Núi Tỳ-phú-la (Vipula): Tên núi này có nghĩa là rộng lớn (quảng đại), thường được dùng để ví với những gì rất to lớn, không thể hình dung hết, không thể đo lường được (bất khả trắc lượng).
26. Cho đến tướng của thức cũng vậy: Ở đây hàm ý nói tóm gọn cả năm uẩn là sắc, thọ, tưởng, hành và thức, đều quán xét tương tự như vậy.
27. Phạm-chí (Brahmacārin): danh từ này cũng được dùng để chỉ chung cho tất cả những tu sĩ ngoại đạo, cũng dịch là Tịnh hạnh giả, nghĩa là người tu tập giữ gìn hạnh thanh tịnh.
28. Nguyên bản Hán văn dùng Ngũ chủng ngũ vị, chỉ năm món ăn lấy từ con bò cái, tức là sữa và các món được chế biến từ sữa, cụ thể gồm: sữa, kem sữa, bơ sống, bơ chín và đề-hồ.
29. Bốn thứ cần dùng, tức là bốn nhu cầu tối thiểu của người tu hành, bao gồm: y phục, thức ăn uống, chỗ nằm ngồi và thuốc men trị bệnh.
30. Na-do-tha: con số đo lường rất lớn, có nơi nói là một vạn ức, lại có nơi nói là một ngàn ức, hoặc một ngàn vạn ức. Chúng ta chỉ cần hiểu là sự tượng trưng cho một con số rất lớn.
31. Theo đơn vị đo lường xưa thì mỗi cân có 16 lượng.
32. Bốn thứ độc: chỉ Bốn đại (Tứ đại) gồm đất, nước, gió và lửa, được xem là các yếu tố cấu thành vật chất. Vì bốn đại do duyên hợp, không thường tồn, là cội gốc của khổ đau nên người tu hành xem đó là bốn thứ độc, cũng gọi là Bốn con rắn độc (Tứ độc xà).
33. Bốn món cúng dường: chỉ việc cúng dường bốn nhu cầu thiết yếu, gồm thức ăn uống, y phục, chỗ ngủ nghỉ và thuốc thang.

# 大般涅槃經

## 卷第二十三

### 光明遍照高貴德王菩薩品

#### 第十之三

復次善男子。一切凡夫雖善護身心。猶故生於三種惡覺。以是因緣。雖斷煩惱得生非想非非想處。猶故還墮三惡道中。

善男子。譬如有人渡於大海。垂至彼岸沒水而死。凡夫之人亦復如是。垂盡三有還墮三塗。何以故。無善覺故。何等善覺。所謂六念處。凡夫之人善心羸劣不善熾盛。善心羸故慧心薄少。慧心薄故增長諸漏。菩薩摩訶薩慧眼清淨見三覺過。知是三覺有種種患。常與眾生作三乘怨。三覺因緣乃令無量凡夫眾生不見佛性。無量劫中生顛倒心。謂佛世尊。無常樂我唯一淨。如來畢竟入於涅槃。一切眾生無常無樂無我無淨。顛倒心故言有常樂我淨。實無三乘顛倒心故言有三乘。一實之道真實不虛顛倒心故言無一實。

# ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH

## QUYỂN ĐỆ NHỊ THẬP TAM

### QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG BỒ TÁT PHẨM

#### ĐỆ THẬP CHI TAM

Phục thứ, thiện nam tử! Nhất thiết phàm phu tuy thiện hộ thân tâm, du cố sanh ư tam chủng ác giác. Dĩ thị nhân duyên, tuy đoạn phiền não, đắc sanh phi tướng phi phi tướng xứ, du cố hoàn đọa tam ác đạo trung.

Thiện nam tử! Thí như hữu nhân, độ ư đại hải, thùy chí bỉ ngạn, một thủy nhi tử. Phàm phu chi nhân diệc phục như thị, thùy tận tam hữu, hoàn đọa tam đồ. Hà dĩ cố? Vô thiện giác cố. Hà đẳng thiện giác? Sở vị lục niệm xứ. Phàm phu chi nhân, thiện tâm luy liệt, bất thiện xí thịnh. Thiện tâm luy cố, tuệ tâm bạc thiếu. Tuệ tâm bạc cố, tăng trưởng chư lậu. Bồ Tát ma-ha-tát, tuệ nhãn thanh tịnh, kiến tam giác quá, tri thị tam giác hữu chủng chủng hoạn, thường dĩ chúng sanh, tác tam thừa oán. Tam giác nhân duyên nãi linh vô lượng phàm phu chúng sanh bất kiến Phật tánh; vô lượng kiếp trung, sanh diên đảo tâm, vị: Phật Thế Tôn vô: thường, lạc, ngã, duy hữu nhất tịnh, Như Lai tất cánh nhập ư Niết-bàn. Nhất thiết chúng sanh vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh; diên đảo tâm cố, ngôn hữu thường, lạc, ngã, tịnh. Thật vô tam thừa; diên đảo tâm cố, ngôn hữu tam thừa. Nhất thật chi đạo, chân thật bất hư; diên đảo tâm cố, ngôn vô nhất thật.

是三惡覺常為諸佛及諸菩薩之所呵責。是三惡覺常害於我或亦害他。有是三覺一切諸惡常來隨從。是三覺者即為三縛。連綴眾生無邊生死。菩薩摩訶薩常作如是觀察三覺。

菩薩或時有因緣故應生欲覺默然不受。譬如端正淨潔之人不受一切糞穢不淨。如熱鐵丸人無受者。如婆羅門性不受牛肉。如飽滿人不受惡食。如轉輪王不與一切旃陀羅等同坐一床。菩薩摩訶薩惡賤三覺不受，不味，亦復如是。

何以故。菩薩思惟眾生知我是良福田。我當云何受是惡法。若受惡覺則不任為眾生福田。我自不言是良福田。眾生見相便言我是。我今若起如是惡覺。則為欺誑一切眾生。我於往昔以欺誑故。無量劫中流轉生死墮三惡道。我若惡心受人信施。一切天人及五通仙悉當證知而見訶責。我若惡覺受人信施。或令施主果報減少或空無報。我若惡心受檀越施。則與施主而為讎怨。一切施主恒於我所起赤子想。我當云何欺誑於彼而生怨想。何以故。或令施主不得果報或少果報故。

我常自稱為出家人。夫出家者不應起惡。若起惡者則非出家。出家之人身口相應。若不相應則非

Thị tam ác giác thường vi chư Phật cập chư Bồ Tát chi sở ha trách. Thị tam ác giác thường hại ư ngã, hoặc diệc hại tha. Hữu thị tam giác, nhất thiết chư ác thường lai tùy tùng. Thị tam giác giả tức vi tam phược liên chuyết chúng sanh vô biên sanh tử. Bồ Tát *ma-ha-tát* thường tác như thị quán sát tam giác.

Bồ Tát hoặc thời hữu nhân duyên cố, ưng sanh dục giác; mặc nhiên bất thọ. Thí như đoan chánh tịnh khiết chi nhân, bất thọ nhất thiết phần ược bất tịnh. Như nhiệt thiết hoàn, nhân vô thọ giả. Như *bà-la-môn* tánh, bất thọ ngưi nhục. Như bảo mãn nhân, bất thọ ác thực. Như Chuyển luân vương, bất dĩ nhất thiết *Chiên-đà-la* đẳng đồng tọa nhất sàng. Bồ Tát *ma-ha-tát* ố tiện tam giác, bất thọ, bất vị, diệc phục như thị.

Hà dĩ cố? Bồ Tát tư duy: Chúng sanh tri ngã thị lương phước điền. Ngã đương vân hà thọ thị ác pháp? Nhược thọ ác giác, tắc bất nhiệm vi chúng sanh phước điền. Ngã tự bất ngôn thị lương phước điền. Chúng sanh kiến tướng, tiện ngôn ngã thị. Ngã kim nhược khởi như thị ác giác, tắc vi khi cống nhất thiết chúng sanh. Ngã ư vãng tích, dĩ khi cống cố, vô lượng kiếp trung, lưu chuyển sanh tử, đọa tam ác đạo. Ngã nhược ác tâm thọ nhân tín thí, nhất thiết thiên nhân cập ngũ thông tiên tất đương chúng tri, nhi kiến ha trách. Ngã nhược ác giác, thọ nhân tín thí, hoặc linh thí chủ quả báo giảm thiểu, hoặc không vô báo. Ngã nhược ác tâm, thọ đàn-việt thí, tắc dĩ thí chủ nhi vi thù oán! Nhất thiết thí chủ, hằng ư ngã sở, khởi xích tử tưởng. Ngã đương vân hà khi cống ư bỉ nhi sanh oán tưởng? Hà dĩ cố? Hoặc linh thí chủ bất đắc quả báo, hoặc thiểu quả báo cố.

Ngã thường tự xưng vi xuất gia nhân. Phù xuất gia giả bất ưng khởi ác. Nhược khởi ác giả, tắc phi xuất gia. Xuất gia chi nhân, thân khẩu tương ứng. Nhược bất tương ứng, tắc phi xuất

出家。我棄父母兄弟妻子眷屬知識出家修道。正是修習諸善覺時非是修習不善覺時。譬如有人入海求寶不取真寶直取水精。亦如有人棄妙音樂遊戲糞穢。如棄寶女與婢交通。如棄金器用於瓦盆。如棄甘露服食毒藥。如捨親舊良善之醫從怨惡醫求藥而服我亦如是。捨離大師如來世尊甘露法味。而服魔怨種種惡覺。

人身難得如優曇花。我今已得。如來難值過優曇花。我今已值。清淨法寶難得見聞。我今已聞。猶如盲龜值浮木孔。人命不停過於山水。今日雖存，明亦難保。云何縱心令住惡法。壯色不停猶如奔馬。云何恃怙而生憍慢。猶如惡鬼伺求人過。四大惡魔亦復如是常來伺求我之過失。云何當令惡覺發起。譬如朽宅垂崩之屋。我命亦爾。云何起惡。

我名沙門。沙門之人名覺善覺。我今乃起不善之覺。云何當得名沙門也。我名出家。出家之人名修善道。我今行惡云何當得名為出家。我今名為真婆羅門。婆羅門者名修淨行。我今乃行不淨惡覺。云何當得名婆羅門。我今亦名刹利大姓。刹利姓者能除怨敵。我今不能除惡怨敵。云何當得名刹利姓。我名比丘。比丘之人名破煩惱。我今不破惡覺煩惱。云何當得名為比丘。

gia. Ngã khí phụ mẫu, huynh đệ, thê tử, quyến thuộc, tri thức, xuất gia tu đạo, chánh thị tu tập chư thiện giác thời, phi thị tu tập bất thiện giác thời. Thí như hữu nhân nhập hải cầu bảo, bất thủ chân bảo, trực thủ thủy tinh, diệc như hữu nhân, khí diệu âm nhạc, du hý phấn uế. Như khí bảo nữ, dữ tỳ giao thông. Như khí kim khí, dụng ư ngôa bồn. Như khí cam lộ, phục thực độc dược. Như xả thân cật lương thiện chi y, tòng oán ác y, cầu dược nhi phục. Ngã diệc như thị; xả ly đại sư Như Lai Thế Tôn cam lộ pháp vị, nhi phục ma oán chủng chủng ác giác.

Nhân thân nan đắc, như ưu-đàm hoa, ngã kim dĩ đắc. Như Lai nan trị, quá ưu-đàm hoa; ngã kim dĩ trị. Thanh tịnh pháp bảo, nan đắc kiến văn; ngã kim dĩ văn, do như manh qui trị phù mộc khổng. Nhân mạng bất đình, quá ư sơn thủy; kim nhật tuy tồn, minh diệc nan bảo. Vân hà tủng tâm, linh trụ ác pháp? Tráng sắc bất đình, do như bôn mã. Vân hà thị hồ nhi sanh kiêu mạn? Do như ác quỷ tứ cầu nhân quá, tứ đại ác ma diệc phục như thị, thường lai tứ cầu ngã chi quá thất. Vân hà đương linh ác giác phát khởi? Thí như hủ trạch, thùy băng chi ốc; ngã mạng diệc nhĩ. Vân hà khởi ác?

Ngã danh sa-môn. Sa-môn chi nhân, danh giác thiện giác. Ngã kim nãi khởi bất thiện chi giác, vân hà đương đắc danh sa-môn dã? Ngã danh xuất gia. Xuất gia chi nhân, danh tu thiện đạo. Ngã kim hành ác vân hà đương đắc danh vi xuất gia? Ngã kim danh vi chân bà-la-môn. Bà-la-môn giả, danh tu tịnh hạnh. Ngã kim nãi hành bất tịnh ác giác, vân hà đương đắc danh bà-la-môn? Ngã kim diệc danh Sát-lợi đại tánh. Sát-lợi tánh giả năng trừ oán địch. Ngã kim bất năng trừ ác oán địch, vân hà đương đắc danh Sát-lợi tánh? Ngã danh Tỳ-kheo. Tỳ-kheo chi nhân, danh phá phiền não. Ngã kim bất phá ác giác phiền não, vân hà đương đắc danh vi Tỳ-kheo?

世有六處難可值遇我今已得。云何當令惡覺居心。何等為六。一佛世難遇。二正法難聞。三善心難生。四難生中國。五難得人身。六諸根難具。如是六事難得已得。是故不應起於惡覺。

菩薩爾時修行如是大涅槃經。常勤觀察是諸惡心。一切凡夫不見如是惡心過患故受三覺。名為受漏。菩薩見已不受不著放捨不護。依八聖道推之令去斬之令斷。是故菩薩無有受漏。云何當言如來有漏。以是義故。如來世尊非是有漏。

復次善男子。凡夫若遇身心苦惱起種種惡。若得身病若得心病。令身口意作種種惡。以作惡故輪迴三趣具受諸苦。何以故。凡夫之人無念慧故。是故生於種種諸漏。是名念漏。菩薩摩訶薩常自思惟。我從往昔無數劫來為是身心造種種惡。以是因緣流轉生死在三惡道具受眾苦。遂令我遠三乘正路。菩薩以是惡因緣故。於己身心生大怖畏,捨離眾惡,趣向善道。

善男子。譬如有王以四毒蛇盛之一篋,令人瞻養餵飼,臥起摩洗其身。若令一蛇生瞋恚者我當准法戮之都市。爾時其人聞王切令心生惶怖捨篋逃走。王時復遣五旃陀羅拔刀隨後。其人迴顧見後五人遂疾捨去。是時五人以惡方便藏所持刀。密遣一人詐

Thế hữu lục xứ nan khả trị ngộ. Ngã kim dĩ đắc, vân hà đương linh ác giác cư tâm? Hà đẳng vi lục? Nhất, Phật thế nan ngộ. Nhị, Chánh Pháp nan văn. Tam, thiện tâm nan sanh. Tứ, nan sanh trung quốc. Ngũ, nan đắc nhân thân. Lục, chư căn nan cụ. Như thị lục sự nan đắc, dĩ đắc. Thị cố bất ưng khởi ư ác giác.

Bồ Tát nhĩ thời tu hành như thị Đại Niết-bàn kinh, thường cần quán sát thị chư ác tâm. Nhất thiết phạm phu bất kiến như thị ác tâm quá hoạn, cố thọ tam giác, danh vi thọ lậu. Bồ Tát kiến dĩ, bất thọ, bất trước, phóng xả, bất hộ, y Bát Thánh đạo, thô chi linh khứ, trảm chi linh đoạn. Thị cố Bồ Tát vô hữu thọ lậu. Vân hà đương ngôn Như Lai hữu lậu? Dĩ thị nghĩa cố, Như Lai Thế Tôn phi thị hữu lậu.

Phục thứ, thiện nam tử! Phạm phu nhược ngộ thân tâm khổ não, khởi chủng chủng ác, nhược đắc thân bệnh, nhược đắc tâm bệnh, linh thân, khẩu, ý tác chủng chủng ác. Dĩ tác ác cố, luân hồi tam thú, cụ thọ chư khổ. Hà dĩ cố? Phạm phu chi nhân vô niệm tuệ cố. Thị cố sanh ư chủng chủng chư lậu. Thị danh niệm lậu. Bồ Tát *ma-ha-tát* thường tự tư duy: Ngã từng vãng tích vô số kiếp lai, vị thị thân tâm, tạo chủng chủng ác. Dĩ thị nhân duyên, lưu chuyển sanh tử, tại tam ác đạo, cụ thọ chúng khổ, toại linh ngã viễn tam thừa chánh lộ. Bồ Tát dĩ thị ác nhân duyên cố, ư kỳ thân tâm, sanh đại bố úy, xả ly chúng ác, thú hướng thiện đạo.

Thiện nam tử! Thí như hữu vương, dĩ tứ độc xà, tịnh chi nhất khiếp, linh nhân chiêm dưỡng, ủy tứ ngọa khởi, ma tẩy kỳ thân. Nhược linh nhất xà sanh sân khuể giả, ngã đương chuẩn Pháp, lục chi đô thị. Nhĩ thời, kỳ nhân văn vương thiết lệnh, tâm sanh hoàng bố, xả khiếp đào tẩu. Vương thời khiển ngũ *chiên-đà-la* bạt đao tùy hậu. Kỳ nhân hồi cố, kiến hậu ngũ nhân, toại tạt xả khứ. Thị thời, ngũ nhân dĩ ác phương tiện, tàng sở trì đao, mật khiển nhất nhân trá vi thân thiện,

為親善而語之言汝可還來。其人不信投一聚落欲自隱匿。既入聚中闚看諸舍都不見人。執捉坵器悉空無物。既不見人求物不得。即便坐地聞空中聲咄哉男子。此聚空曠無有居民。今夜當有六大賊來。汝設遇者命將不全。汝當云何而得免之。

爾時其人恐怖遂增復捨而去。路值一河其水漂急無有船筏。以怖畏故即取種種草木為筏。復更思惟我設住此。當為毒蛇五旃陀羅一詐親者，及六大賊之所危害。若渡此河筏不可依當沒水死。寧沒水死終不為彼蛇賊所害。即推草筏置之水中。身猗其上手抱腳踏截流而渡。既達彼岸安隱無患心意泰然恐怖消除。

菩薩摩訶薩得聞受持大涅槃經。觀身如篋地水火風如四毒蛇見毒觸毒氣毒齧毒。一切眾生遇是四毒故喪其命。眾生四大亦復如是。或見為惡或觸為惡或氣為惡或齧為惡。以是因緣遠離眾善。

復次善男子。菩薩摩訶薩觀四毒蛇有四種性。所謂剎利婆羅門毘舍首陀。是四大蛇亦復如是。有四種性。堅性濕性熱性動性。是故菩薩觀是四大與四毒蛇同其種性。

復次善男子。菩薩摩訶薩觀是四大如四毒蛇。云何為觀。是四毒蛇常伺人便。何時當視。何時當

ni ngữ chi ngôn: Nhữ khả hoàn lai. Kỳ nhân bất tín, đầu nhất tụ lạc, dục tự ẩn nặc. Kỳ nhập tụ trung, khuy khán chư xá, đô bất kiến nhân; chấp tróc độ khí, tất không vô vật. Kỳ bất kiến nhân, cầu vật bất đắc, tức tiện tọa địa; văn không trung thanh: Đốt tai, nam tử! Thủ tụ không khoáng, vô hữu cư dân. Kim dạ đương hữu lục đại tặc lai. Nhữ thiết ngộ giả, mạng tương bất toàn. Nhữ đương vân hà nhi đắc miễn chi?

Nhĩ thời, kỳ nhân khủng bố toại tăng, phục xả nhi khứ. Lộ trị nhất hà, kỳ thủy phiêu cấp, vô hữu thuyền phiệt. Dĩ bố úy cố, tức thủ chủng chủng thảo mộc vi phiệt phục cánh tư duy: Ngã thiết trụ thủ, đương vi độc xà, ngũ *chiên-đà-la*, nhất trá thân giả, cập lục đại tặc chi sở nguy hại. Nhược độ thủ hà, phiệt bất khả y, đương một thủy tử! Ninh một thủy tử, chung bất vi bỉ xà tặc sở hại! Tức thôi thảo phiệt, trí chi thủy trung, thân ý kỳ thượng, thủ bảo, cước đạp, tiết lưu nhi độ. Kỳ đạt bỉ ngạn, an ổn vô hoạn, tâm ý thái nhiên, khủng bố tiêu trừ.

Bồ Tát *ma-ha-tát*, đắc văn, thọ trì Đại Niết-bàn kinh, quán thân như khiếp, địa, thủy, hỏa, phong như tứ độc xà; kiến độc, xúc độc, khí độc, khiết độc. Nhất thiết chúng sanh, ngộ thị tứ độc, cố táng kỳ mạng. Chúng sanh tứ đại diệc phục như thị; hoặc kiến vi ác, hoặc xúc vi ác, hoặc khí vi ác, hoặc khiết vi ác. Dĩ thị nhân duyên, viễn ly chúng thiện.

Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* quán tứ độc xà hữu tứ chủng tánh, sở vị: *sát-lợi, bà-la-môn, tỳ-xá, thủ-đà*. Thị tứ đại xà diệc phục như thị; hữu tứ chủng tánh: kiên tánh, thấp tánh, nhiệt tánh, động tánh. Thị cố Bồ Tát quán thị tứ đại dữ tứ độc xà đồng kỳ chủng tánh.

Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* quán thị tứ đại như tứ độc xà. Vân hà vi quán thị tứ độc xà? Thường tứ nhân

觸。何時當噓。何時當齧。四大毒蛇亦復如是。常伺眾生求其短缺。

若為四蛇之所殺者。終不至於三惡道中。若為四大之所殺害。必至三惡道定無有疑。

是四毒蛇雖復瞻養亦欲殺人。四大亦爾。雖常供給亦常牽人造作眾惡。

是四毒蛇若一瞋者則能殺人。四大之性亦復如是。若一大發亦能害人。

是四毒蛇雖同一處四心各異。四大毒蛇亦復如是。雖同一處性各別異。

是四毒蛇雖復恭敬難可親近。四大毒蛇亦復如是。雖復恭敬亦難親近。

是四毒蛇若害人時。或有沙門婆羅門等若以咒藥則可療治。四大殺人雖有沙門婆羅門等神咒良藥則不能治。

如自喜人聞四毒蛇氣臭可惡則便遠離。諸佛菩薩亦復如是。聞四大臭即便遠離。

爾時菩薩復更思惟四大毒蛇生大怖畏背之馳走修八聖道。

五旃陀羅者即是五陰。云何菩薩觀於五陰如旃

tiện. Hà thời đương thị? Hà thời đương xúc? Hà thời đương hư? Hà thời đương khiết? Tứ đại độc xà diệc phục như thị; thường tứ chúng sanh, cầu kỳ đoản khuyết.

Nhược vi tứ xà chi sở sát giả, chung bất chí ư tam ác đạo trung. Nhược vi tứ đại chi sở sát hại, tất chí tam ác đạo, định vô hữu nghi.

Thị tứ độc xà tuy phục chiêm dưỡng, diệc dục sát nhân. Tứ Đại diệc nhĩ; tuy thường cung cấp, diệc thường khiên nhân tạo tác chúng ác.

Thị tứ độc xà, nhược nhất sân giả, tác năng sát nhân. Tứ Đại chi tánh, diệc phục như thị; nhược nhất đại phát, diệc năng hại nhân.

Thị tứ độc xà, tuy đồng nhất xứ, tứ tâm các dị. Tứ đại độc xà diệc phục như thị; tuy đồng nhất xứ, tánh các biệt dị.

Thị tứ độc xà, tuy phục cung kính, nan khả thân cận. Tứ đại độc xà diệc phục như thị; tuy phục cung kính, diệc nan thân cận.

Thị tứ độc xà, nhược hại nhân thời, hoặc hữu *sa-môn*, *bà-la-môn* đẳng nhược dĩ chú, dục, tác khả liệu trị. Tứ đại sát nhân, tuy hữu *sa-môn*, *bà-la-môn* đẳng thân chú, lương dục, tác bất năng trị.

Như tự hỷ nhân, văn tứ độc xà khí xú khả ố, tác tiện viễn ly. Chư Phật Bồ Tát diệc phục như thị, văn tứ đại xú, tức tiện viễn ly.

Nhĩ thời, Bồ Tát phục cánh tư duy: Tứ đại độc xà sanh đại bố úy, bội chi trì tẩu, tu Bát Thánh đạo.

Ngũ *chiên-đà-la* giả, tức thị ngũ ám. Vân hà Bồ Tát quán ư ngũ ám như *chiên-đà-la*? *Chiên-đà-la* giả thường năng linh nhân ân ái biệt ly, oán tắng tập hội. Ngũ ám diệc nhĩ, linh

陀羅。旃陀羅者常能令人恩愛別離怨憎集會。五陰亦爾。令人貪近不善之法。遠離一切純善之法。

復次善男子。如旃陀羅種種器仗以自莊嚴。若刀若盾若弓若箭若鎧若稍能害於人。五陰亦爾。以諸煩惱牢自莊嚴。害諸癡人令墮諸有。

善男子。如旃陀羅有過之人得便害之。五陰亦爾。有諸結過常能害人。以是義故。菩薩深觀五陰如旃陀羅。

復次菩薩觀察五陰如旃陀羅。旃陀羅人無慈愍心怨親俱害。五陰亦爾。無慈愍心善惡俱害。如旃陀羅惱一切人。五陰亦爾。以諸煩惱常惱一切生死眾生。是故菩薩觀於五陰如旃陀羅。

復次菩薩觀察五陰如旃陀羅。旃陀羅人常懷害心。五陰亦爾。常懷諸結惱害之心。

如人無足刀杖侍從。當知。必為旃陀羅人之所殺害。眾生亦爾。無足無刀無有侍從。則為五陰之所賊害。足名為戒。刀名為慧。侍從名為善知識也。無此三事故為五陰之所賊害。是故菩薩觀於五陰如旃陀羅。

復次善男子菩薩摩訶薩。觀察五陰過旃陀羅。何以故。眾生若為五旃陀羅之所殺者不墮地獄。為

nhân tham cận bất thiện chi pháp, viễn ly nhất thiết thuận thiện chi pháp.

Phục thứ, thiện nam tử! Như *Chiên-đà-la*, chủng chủng khí trượng, dĩ tự trang nghiêm, nhược đao, nhược thuẫn, nhược cung, nhược tiễn, nhược khải, nhược sóc, năng hại ư nhân. Ngũ ấm diệt nhĩ, dĩ chư phiền não, lao tự trang nghiêm, hại chư si nhân, linh đọa chư hữu.

Thiện nam tử! Như *Chiên-đà-la*, hữu quá chi nhân, đắc tiện hại chi. Ngũ ấm diệt nhĩ; hữu chư kết quá, thường năng hại nhân. Dĩ thị nghĩa cố, Bồ Tát thâm quán ngũ ấm như *Chiên-đà-la*.

Phục thứ, Bồ Tát quán sát ngũ ấm như *chiên-đà-la*. *Chiên-đà-la* nhân vô từ mẫn tâm, oán thân câu hại. Ngũ ấm diệt nhĩ; vô từ mẫn tâm, thiện ác câu hại. Như *chiên-đà-la* não nhất thiết nhân. Ngũ ấm diệt nhĩ; dĩ chư phiền não, thường não nhất thiết sanh tử chúng sanh. Thị cố Bồ Tát quán ư ngũ ấm như *chiên-đà-la*.

Phục thứ, Bồ Tát quán sát ngũ ấm như *chiên-đà-la*. *Chiên-đà-la* nhân thường hoài hại tâm. Ngũ ấm diệt nhĩ; thường hoài chư kết não hại chi tâm.

Như nhân vô túc, đao trượng, thị tùng, đương tri tất vi *chiên-đà-la* nhân chi sở sát hại. Chúng sanh diệt nhĩ, vô túc, vô đao, vô hữu thị tùng; tất vi ngũ ấm chi sở tặc hại. Túc, danh vi giới; đao, danh vi tuệ; Thị tùng, danh vi thiện tri thức dã. Vô thủ tam sự, cố vi ngũ ấm chi sở tặc hại. Thị cố Bồ Tát quán ư ngũ ấm như *chiên-đà-la*.

Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* quán sát ngũ ấm quá *chiên-đà-la*. Hà dĩ cố? Chúng sanh nhược vi ngũ *chiên-đà-la* chi sở sát giả, bất đọa địa ngục; vi ấm sát giả, tất đọa địa

陰殺者則墮地獄。以是義故。菩薩觀陰過旃陀羅。作是觀已而作願言。我寧終身近旃陀羅不能暫時近於五陰。

旃陀羅者唯能害於欲界癡人。是五陰賊遍害三界凡夫眾生。旃陀羅人唯能殺戮有罪之人。是五陰賊不問眾生有罪無罪悉能害之。旃陀羅人不害衰老婦女稚小。是五陰賊不問眾生老稚婦女一切悉害。是故菩薩。深觀五陰過旃陀羅。是故發願寧當終身近旃陀羅。不能暫時親近五陰。

復次善男子。旃陀羅者唯害他人終不自害。五陰之賊自害害他過旃陀羅。

旃陀羅人可以善言錢財寶貨求而得脫。五陰不爾。不可彊以善言誘喻錢財寶貨求而得脫。

旃陀羅人於四時中不必常殺。五陰不爾。常於念念害諸眾生。

旃陀羅人唯在一處可有逃避。五陰不爾。遍一切處無可逃避。

旃陀羅人雖復害人害己不隨。五陰不爾。殺眾生已隨逐不離。

是故菩薩寧以終身近旃陀羅。不能暫時近於五陰。

有智之人以善方便得脫五陰。善方便者。即八聖道六波羅蜜四無量心。以是方便而得解脫身心不為五陰所害。何以故身如金剛心如虛空是故身心難

ngục. Dĩ thị nghĩa cố, Bồ Tát quán sát ngũ ấm quá *chiên-đà-la*. Tác thị quán dĩ, nhi tác nguyện ngôn: Ngã ninh chung thân cận *chiên-đà-la*, bất năng tạm thời cận ư ngũ ấm.

*Chiên-đà-la* giả, duy năng hại ư dục giới si nhân; thị ngũ ấm tặc biến hại tam giới phàm phu chúng sanh. *Chiên-đà-la* nhân duy năng sát lục hữu tội chi nhân; thị ngũ ấm tặc bất vấn chúng sanh hữu tội, vô tội, tất năng hại chi. *Chiên-đà-la* nhân bất hại suy lão, phụ nữ, trẻ tiểu; thị ngũ ấm tặc bất vấn chúng sanh lão, trẻ, phụ nữ, nhất thiết tất hại. Thị cố Bồ Tát thâm quán ngũ ấm quá *Chiên-đà-la*; thị cố phát nguyện: Ninh đương chung thân cận *Chiên-đà-la*, bất năng tạm thời thân cận ngũ ấm!

Phục thứ, thiện nam tử! *Chiên-đà-la* giả duy hại tha nhân, chung bất tự hại; ngũ ấm chi tặc tự hại, hại tha; quá *Chiên-đà-la*.

*Chiên-đà-la* nhân, khả dĩ thiện ngôn, tiên tài, bảo hoá, cầu nhi đắc thoát. Ngũ ấm bất nhĩ, bất khả cưỡng dĩ thiện ngôn dụ dụ, tiên tài, bảo hoá, cầu nhi đắc thoát.

*Chiên-đà-la* nhân, ư tứ thời trung, bất tất thường sát. Ngũ ấm bất nhĩ, thường ư niệm niệm hại chư chúng sanh.

*Chiên-đà-la* nhân duy tại nhất xứ, khả hữu đào ty. Ngũ ấm bất nhĩ; biến nhất thiết xứ, vô khả đào ty.

*Chiên-đà-la* nhân tuy phục hại nhân, hại dĩ bất tùy. Ngũ ấm bất nhĩ; sát chúng sanh dĩ, tùy trực bất ly.

Thị cố Bồ Tát ninh dĩ chung thân cận *Chiên-đà-la*, bất năng tạm thời cận ư ngũ ấm.

Hữu trí chi nhân, dĩ thiện phương tiện, đắc thoát ngũ ấm. Thiện phương tiện giả, tức Bát Thánh đạo, Lục *ba-la-mật*, Tứ vô lượng tâm. Dĩ thị phương tiện nhi đắc giải thoát, thân tâm

可沮壞。以是義故。菩薩觀陰成就種種諸不善法生大怖畏修八聖道。亦如彼人畏四毒蛇。五旃陀羅涉路而去無所顧留。

詐親善者名為貪愛。菩薩摩訶薩深觀愛結如怨詐親。若知實者則無能為。若不能知必為所害。貪愛亦爾。若知其性則不能令眾生輪轉生死苦中。如其不知輪迴六趣具受眾苦。何以故。愛之為病難捨離故。如怨詐親難可遠離。

怨詐親者常伺人便令愛別離怨憎合會。愛亦如是。令人遠離一切善法。近於一切不善之法。以是義故。菩薩摩訶薩深觀貪愛如怨詐親。

見不見故聞不聞故。如凡夫人見生死過雖有智慧以癡覆故後還不見。聲聞緣覺亦復如是。雖見不見雖聞不聞。何以故。以愛心故。所以者何。見生死過不能疾至阿耨多羅三藐三菩提。以是義故。菩薩摩訶薩觀此愛結如怨詐親。

云何名為怨詐親相。如怨不實詐現實相。不可親近詐現近相。實是不善詐現善相。實是不愛詐為愛相。何以故。常伺人便欲為害故。愛亦如是。常為眾生非實詐實非近詐近非善詐善非愛詐愛。常誑一切輪迴生死。以是義故。菩薩觀愛如怨詐親。

bất vi ngũ ấm sở hại. Hà dĩ cố? Thân như kim cang, tâm như hư không; thị cố thân tâm nan khả tư hoại. Dĩ thị nghĩa cố, Bồ Tát quán ấm thành tựu chủng chủng chư bất thiện Pháp, sanh đại bố úy, tu Bát Thánh đạo. Diệc như bỉ nhân, úy tứ độc xà, ngũ *chiên-đà-la*, thiệp lộ nhi khứ, vô sở cố lưu.

Trá thân thiện giả, danh vi tham ái. Bồ Tát *ma-ha-tát* thâm quán ái kết, như oán trá thân. Nhược tri thật giả, tắc vô năng vi; nhược bất năng tri, tất vi sở hại. Tham ái diệc nhĩ. Nhược tri kỳ tánh, tắc bất năng linh chúng sanh luân chuyển sanh tử khổ trung; như kỳ bất tri, luân hồi lục thú, cụ thọ chúng khổ. Hà dĩ cố? Ái chi vi bệnh, nan xả ly cố; như oán trá thân, nan khả viễn ly.

Oán trá thân giả, thường tứ nhân tiện, linh ái biệt ly, oán tăng hiệp hội. Ái diệc như thị; linh nhân viễn ly nhất thiết thiện pháp, cận ư nhất thiết bất thiện chi pháp. Dĩ thị nghĩa cố, Bồ Tát *ma-ha-tát* thâm quán tham ái như oán trá thân.

Kiến bất kiến cố, văn bất văn cố. Như phạm phu nhân kiến sanh tử quá. Tuy hữu trí tuệ, dĩ si phú cố, hậu hoàn bất kiến. Thanh văn, Duyên giác diệc phục như thị; tuy kiến bất kiến, tuy văn bất văn. Hà dĩ cố? Dĩ ái tâm cố. Sở dĩ giả hà? Kiến sanh tử quá, bất năng tận chí *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Dĩ thị nghĩa cố, Bồ Tát *ma-ha-tát* quán thử ái kết, như oán trá thân.

Vân hà danh vi oán trá thân tướng? Như oán bất thật, trá hiện thật tướng; bất khả thân cận, trá hiện cận tướng; thật thị bất thiện, trá hiện thiện tướng; thật thị bất ái, trá vi ái tướng. Hà dĩ cố? Thường tứ nhân tiện, dục vi hại cố. Ái diệc như thị; thường vị chúng sanh, phi thật trá thật, phi cận trá cận, phi thiện trá thiện, phi ái trá ái; thường cuống nhất thiết, luân hồi sanh tử. Dĩ thị nghĩa cố, Bồ Tát quán ái như oán trá thân.

怨詐親者但見身口不睹其心是故能誑。愛亦如是。唯為虛誑實不可得。是故能惑一切眾生。

怨詐親者有始有終易可遠離。愛不如是。無始無終難可遠離。

怨詐親者遠則難知近則易知。愛不如是近尚難知況復遠耶。

以是義故。菩薩觀愛過於詐親。一切眾生以愛結故。遠大涅槃近於生死。遠常樂我淨近無常苦無我不淨。是故我於處處經中說為三垢。於現在事以無明故。不見過患不能捨離。

愛怨詐親。終不能害有智之人。是故菩薩深觀此愛生大怖畏修八聖道。猶如彼人畏四毒蛇五旃陀羅及一詐親。涉路不迴。

空聚落者即是六入。菩薩摩訶薩觀內六入空無所有猶如空聚。如彼怖人既入聚已。乃至不見有一居人。遍捉瓦器不得一物。菩薩亦爾。諦觀六入空無所有不見眾生一物之實。是故菩薩觀內六入空無所有如彼空聚。

善男子。彼空聚落群賊遠望終不生於虛空之想。凡夫之人亦復如是。於六入聚不生空想。以其不能生空想故。輪迴生死受無量苦。

善男子。群賊既至乃生空想。菩薩亦爾。觀此六

Oán trá thân giả, đăn kiến thân, khẩu; bất đồ kỳ tâm; thị cố năng cuống. Ái diệc như thị; duy vi hư cuống, thật bất khả đắc. Thị cố năng hoặc nhất thiết chúng sanh.

Oán trá thân giả, hữu thủy hữu chung, dị khả viễn ly. Ái bất như thị; vô thủy vô chung, nan khả viễn ly.

Oán trá thân giả, viễn tác nan tri, cận tác dị tri. Ái bất như thị; cận thượng nan tri, hướng phục viễn da?

Dĩ thị nghĩa cố, Bồ Tát quán ái quá ư trá thân. Nhất thiết chúng sanh, dĩ ái kết cố, viễn Đại Niết-bàn, cận ư sanh tử; viễn thường, lạc, ngã, tịnh, cận vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh. Thị cố ngã ư xứ xứ kinh trung, thuyết vi tam cấu. Ư hiện tại sự, dĩ vô minh cố, bất kiến quá hoạn, bất năng xả ly.

Ái oán trá thân chung bất năng hại hữu trí chi nhân. Thị cố Bồ Tát thâm quán thử ái, sanh đại bố úy, tu Bát Thánh đạo, do như bỉ nhân, úy tứ độc xà, ngũ Chiên-đà-la cập nhất trá thân, thiệp lộ bất hồi!

Không tụ lạc giả, tức thị lục nhập. Bồ Tát ma-ha-tát quán nội lục nhập, không vô sở hữu, do như không tụ, như bỉ bố nhân, ký nhập tụ dĩ, nãi chí bất kiến hữu nhất cư nhân; biến tróc độ khí, bất đắc nhất vật. Bồ Tát diệc nhĩ; đế quán lục nhập, không vô sở hữu; bất kiến chúng sanh, nhất vật chi thật. Thị cố Bồ Tát quán nội lục nhập, không vô sở hữu, như bỉ không tụ.

Thiện nam tử! Bỉ không tụ lạc, quần tặc viễn vọng, chung bất sanh ư hư không chi tưởng. Phạm phu chi nhân diệc phục như thị; ư lục nhập tụ, bất sanh không tưởng. Dĩ kỳ bất năng sanh không tưởng cố, luân hồi sanh tử, thọ vô lượng khổ.

Thiện nam tử! Quần tặc ký chí, nãi sanh không tưởng. Bồ Tát diệc nhĩ; quán thử lục nhập, thường sanh không tưởng.

入常生空想。生空想故則不輪迴生死受苦。菩薩摩訶薩於此六入常無顛倒。無顛倒故是故不復輪迴生死。

復次善男子。如有群賊入此空聚則得安樂。煩惱諸賊亦復如是。入此六入則得安樂。如賊住空聚心無所畏。煩惱群賊亦復如是。住是六入亦無所畏。

如彼空聚乃是師子虎狼種種惡獸之所住處。是內六入亦復如是。一切眾惡煩惱走獸之所住處。是故菩薩深觀六入空無所有。純是一切不善住處。

復次善男子。菩薩摩訶薩。觀內六入空無所有如彼空聚。何以故。虛誑不實故。空無所有作有想故。實無有樂作樂想故。實無有人作人想故。內六入者亦復如是。空無所有而作有想。實無有樂而作樂想。實無有人而作人想。唯有智人乃能知之得其真實。

復次善男子。如空聚落或時有人或時無人。六入不爾一向無人。何以故。性常空故。智者所知非是眼見。是故菩薩觀內六入多諸怨害。修八聖道不休不息。猶如彼人畏四毒蛇五旃陀羅一詐親善及六大賊怖著正路。

六大賊者即外六塵。菩薩摩訶薩觀此六塵如六大賊。何以故。能劫一切諸善法故。如六大賊能劫一切人民財寶。是六塵賊亦復如是。能劫一切眾生

Sanh không tưởng cố, tác bất luân hồi sanh tử thọ khổ. Bồ Tát *ma-ha-tát*, ư thủ lục nhập thường vô điên đảo. Vô điên đảo cố, thị cố bất phục luân hồi sanh tử.

Phục thứ, thiện nam tử! Như hữu quần tặc nhập thủ không tụ, tác đắc an lạc. Phiền não chi tặc diệt phục như thị; nhập thủ lục nhập, tác đắc an lạc. Như tặc trụ không tụ, tâm vô sở úy. Phiền não quần tặc diệt phục như thị; trụ thị lục nhập, diệt vô sở úy.

Như bỉ không tụ nãi thị sư tử, hổ, lang, chủng chủng ác thú chi sở trụ xứ. Thị nội lục nhập diệt phục như thị; nhất thiết chúng ác phiền não tẩu thú chi sở trụ xứ. Thị cố Bồ Tát thâm quán lục nhập, không vô sở hữu, thuần thị nhất thiết bất thiện trụ xứ.

Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* quán nội lục nhập, không vô sở hữu, như bỉ không tụ. Hà dĩ cố? Hư cuống bất thật cố. Không vô sở hữu, tác hữu tưởng cố; thật vô hữu lạc, tác lạc tưởng cố; thật vô hữu nhân, tác nhân tưởng cố. Nội lục nhập giả, diệt phục như thị; không vô sở hữu, nhi tác hữu tưởng; thật vô hữu lạc, nhi tác lạc tưởng; thật vô hữu nhân, nhi tác nhân tưởng. Duy hữu trí nhân nãi năng tri chi, đắc kỳ chân thật.

Phục thứ, thiện nam tử! Như không tụ lạc, hoặc thời hữu nhân, hoặc thời vô nhân. Lục nhập bất nhĩ; nhất hướng vô nhân. Hà dĩ cố? Tánh thường không cố. Trí giả sở tri, phi thị nhãn kiến. Thị cố Bồ Tát quán nội lục nhập đa chư oán hại; tu Bát Thánh đạo bất hưu bất tức; do như bỉ nhân úy tứ độc xà, ngũ *Chiên-đà-la*, nhất trá thân thiện cập lục đại tặc, bố trước chánh lộ.

Lục đại tặc giả, tức ngoại lục trần. Bồ Tát *ma-ha-tát* quán thủ lục trần như lục đại tặc. Hà dĩ cố? Năng kiếp nhất thiết chư thiện pháp cố. Như lục đại tặc năng kiếp nhất thiết nhân dân tài bảo. Thị lục trần tặc diệt phục như thị, năng kiếp nhất

善財如六大賊。若入人舍則能劫奪現家所有不擇好惡。令巨富者忽爾貧窮。是六塵賊亦復如是。若入人根則能劫奪一切善法。善法既盡，貧窮孤露作一闡提。是故菩薩諦觀六塵如六大賊。

復次善男子。如六大賊欲劫人時要因內人。若無內人則便中還。是六塵賊亦復如是。欲劫善法要因內有眾生知見常樂我淨不空等相。若內無有如是等相六塵惡賊則不能劫一切善法。有智之人內無是相凡夫則有。是故六塵常來侵奪善法之財。不善護故為其所劫。護者名慧有智之人能善防護故不被劫。是故菩薩觀是六塵如六大賊等無差別。

復次善男子。如六大賊能為人民身心苦惱。是六塵賊亦復如是，常為眾生身心苦惱。

六大賊者唯能劫人現在財物。是六塵賊常劫眾生三世善財。

六大賊者夜則歡樂。六塵惡賊亦復如是。處無明闇則得歡樂。

是六大賊唯有諸王乃能遮止。六塵惡賊亦復如是。唯佛菩薩乃能遮止。

是六大賊凡欲劫奪不擇端正種姓聰哲多聞博學豪貴貧賤。六塵惡賊亦復如是。欲劫善法不擇端正乃至貧賤。

thiết chúng sanh thiện tài. Như lục đại tặc, nhược nhập nhân xá, tặc năng kiếp đoạt hiện gia sở hữu, bất trạch hảo ố, linh cự phú giả hốt nhĩ bản cùng. Thị lục trần tặc diệc phục như thị. Nhược nhập nhân căn, tặc năng kiếp đoạt nhất thiết thiện pháp. Thiện pháp ký tận, bản cùng cô lộ, tác nhất-xiển-đề. Thị cố Bồ Tát đế quán lục trần như lục đại tặc.

Phục thứ, thiện nam tử! Như lục đại tặc, dục kiếp nhân thời, yếu nhân nội nhân. Nhược vô nội nhân, tặc tiện trung hoàn. Thị lục trần tặc diệc phục như thị. Dục kiếp thiện pháp, yếu nhân nội hữu chúng sanh tri kiến: thường, lạc, ngã, tịnh, bất không đẳng tướng. Nhược nội vô hữu như thị đẳng tướng, lục trần ác tặc tặc bất năng kiếp nhất thiết thiện pháp. Hữu trí chi nhân, nội vô thị tướng; phàm phu tặc hữu, thị cố lục trần thường lai xâm đoạt thiện pháp chi tài. Bất thiện hộ cố, vi kỳ sở kiếp. Hộ giả, danh tuệ. Hữu trí chi nhân năng thiện phòng hộ, cố bất bị kiếp. Thị cố Bồ Tát quán thị lục trần như lục đại tặc, đẳng vô sai biệt.

Phục thứ, thiện nam tử! Như lục đại tặc năng vi nhân dân thân tâm khổ não. Thị lục trần tặc diệc phục như thị; thường vi chúng sanh thân tâm khổ não.

Lục đại tặc giả duy năng kiếp nhân hiện tại tài vật. Thị lục trần tặc thường kiếp chúng sanh tam thế thiện tài.

Lục đại tặc giả, dạ tặc hoan lạc. Lục trần ác tặc diệc phục như thị; xử vô minh ám, tặc đắc hoan lạc.

Thị lục đại tặc, duy hữu chư vương nãi năng già chỉ. Lục trần ác tặc diệc phục như thị; duy Phật, Bồ Tát nãi năng già chỉ.

Thị lục đại tặc, phàm dục kiếp đoạt, bất trạch đoan chánh, chủng tánh, thông triết, đa văn bác học, hào quý bản tiện. Lục trần ác tặc diệc phục như thị; dục kiếp thiện pháp, bất trạch đoan chánh nãi chí bản tiện.

是六大賊雖有諸王截其手足。猶故不能令其心息。六塵惡賊亦復如是。雖須陀洹斯陀含阿那含截其手足。亦不能令不劫善法。

如勇健人乃能摧伏是六大賊。諸佛菩薩亦復如是。乃能摧伏六塵惡賊。

譬如有人多諸種族宗黨熾盛則不為彼六賊所劫。眾生亦爾。有善知識不為六塵惡賊所劫。

是六大賊若見人物則能偷劫。六塵不爾。若見若知若聞若嗅若觸若覺皆悉能劫。

六大賊者唯能劫奪欲界人財。不能劫奪色無色界。六塵惡賊則不如是。能劫三界一切善寶。是故菩薩諦觀六塵過彼六賊。作是觀已修八聖道直往不迴。如彼怖人畏四毒蛇五旃陀羅一詐親者及六大賊。捨空聚落涉路而去。

路值一河者即是煩惱。云何菩薩觀此煩惱猶如大河。如彼駛河能漂香象。煩惱駛河亦復如是。能漂緣覺。是故菩薩深觀煩惱猶如駛河。

深難得底故名為河。邊不可得故名為大。其中多有種種惡魚煩惱大河亦復如是。唯佛菩薩能得底故名極深。唯佛菩薩得其邊故名廣大。常害一切癡眾生故名惡魚。是故菩薩觀此煩惱猶如大河。

Thị lục đại tặc, tuy hữu chư vương tiệt kỳ thủ túc, du cố bất năng linh kỳ tâm tức. Lục trần ác tặc diệc phục như thị; tuy Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm tiệt kỳ thủ túc, diệc bất năng linh bất kiếp thiện pháp.

Như dũng kiện nhân nãi năng tồi phục thị lục đại tặc. Chư Phật, Bồ Tát diệc phục như thị; nãi năng tồi phục lục trần ác tặc.

Thí như hữu nhân đa chư chủng tộc, tông đảng xí thành, tặc bất vi bỉ lục tặc sở kiếp. Chúng sanh diệc nhĩ; hữu thiện tri thức, bất vi lục trần ác tặc sở kiếp.

Thị lục đại tặc, nhược kiến nhân vật, tặc năng thâu kiếp. Lục trần bất nhĩ; nhược kiến, nhược tri, nhược văn, nhược khứu, nhược xúc, nhược giác, giai tất năng kiếp.

Lục đại tặc giả duy năng kiếp đoạt dục giới nhân tài, bất năng kiếp đoạt Sắc, Vô sắc giới. Lục trần ác tặc tặc bất như thị; năng kiếp tam giới nhất thiết thiện bảo. Thị cố Bồ Tát để quán lục trần quá bỉ lục tặc. Tác thị quán dĩ, tu Bát Thánh đạo, trực vãng bất hồi, như bỉ bố nhân úy tứ độc xà, ngũ Chiên-đà-la, nhất trá thân giả cập lục đại tặc, xả không tụ lạc, thiệp lộ nhi khứ.

Lộ trị nhất hà giả, tức thị phiền não. Vân hà Bồ Tát quán thủ phiền não do như đại hà? Như bỉ sử hà năng phiêu hương tượng. Phiền não sử hà diệc phục như thị; năng phiêu Duyên giác. Thị cố Bồ Tát thâm quán phiền não, do như sử hà.

Thâm nan đắc để, cố danh vi hà. Biên bất khả đắc, cố danh vi đại. Kỳ trung đa hữu chủng chủng ác ngư. Phiền não đại hà diệc phục như thị; duy Phật, Bồ Tát năng đắc để cố, cố danh cực thâm. Duy Phật, Bồ Tát đắc kỳ biên cố, cố danh quảng đại. Thường hại nhất thiết si chúng sanh cố, cố danh ác ngư. Thị cố Bồ Tát quán thủ phiền não, do như đại hà.

如大河水能長一切草木叢林。煩惱大河亦復如是。能長眾生二十五有。是故菩薩觀此煩惱猶如大河。

譬如有人墮大河水無有慚愧。眾生亦爾。墮煩惱河無有慚愧。如墮河者未得其底即便命終。墮煩惱河亦復如是。未盡其底周迴輪轉二十五有。所言底者名為空相。若有不修如是空相。當知是人不得出離二十五有。一切眾生不能善修空無相故。常為煩惱駛河所漂。

如彼大河唯能壞身不能漂沒一切善法。煩惱大河則不如是。能壞一切身心善法。

彼大暴河唯能漂沒欲界中人。煩惱大河乃能漂沒三界人天。

世間大河手抱腳踏則到彼岸。煩惱大河唯有菩薩因六波羅蜜乃能得渡。

如大河水難可得渡。煩惱大河亦復如是難可得渡。

云何名為難可得渡。乃至十住諸大菩薩猶故未能畢竟得渡。唯有諸佛乃畢竟渡。是故名為難可得渡。

譬如有人為河所漂。不能修習毫末善法。眾生亦爾。為煩惱河所漂沒者。亦復不能修習善法。

如人墮河為水所漂。餘有力者則能拔濟。墮煩惱河為一闡提。聲聞緣覺乃至諸佛不能拔濟。

Như đại hà thủy năng trưởng nhất thiết thảo mộc tòng lâm. Phiền não đại hà diệc phục như thị; năng trưởng chúng sanh nhị thập ngũ hữu. Thị cố Bồ Tát quán thử phiền não do như đại hà.

Thí như hữu nhân đọa đại hà thủy, vô hữu tâm quý! Chúng sanh diệc nhĩ; đọa phiền não hà, vô hữu tâm quý. Như đọa hà giả, vị đắc kỳ để, tức tiện mạng chung. Đọa phiền não hà diệc phục như thị; vị tận kỳ để, châu hồi luân chuyển nhị thập ngũ hữu. Sở ngôn để giả, danh vi không tướng. Nhược hữu bất tu như thị không tướng, đương tri thị nhân bất đắc xuất ly nhị thập ngũ hữu. Nhất thiết chúng sanh bất năng thiện tu không vô tướng cố, thường vi phiền não sử hà sử phiêu.

Như bỉ đại hà duy năng hại thân, bất năng phiêu một nhất thiết thiện pháp. Phiền não đại hà tắc bất như thị; năng hoại nhất thiết thân tâm thiện pháp.

Bỉ đại bạo hà duy năng phiêu một dục giới trung nhân. Phiền não đại hà nãi năng phiêu một tam giới nhân thiên.

Thế gian đại hà, thủ bảo, cước đạp tắc đáo bỉ ngạn. Phiền não đại hà, duy hữu Bồ Tát, nhân lục *Ba-la-mật*, nãi năng đắc độ.

Như đại hà thủy, nan khả đắc độ. Phiền não đại hà diệc phục như thị, nan khả đắc độ.

Vân hà danh vi nan khả đắc độ? Nãi chí thập trụ chư đại Bồ Tát du cố vị năng tất cánh đắc độ; duy hữu chư Phật nãi tất cánh độ. Thị cố danh vi nan khả đắc độ.

Thí như hữu nhân vi hà sử phiêu, bất năng tu tập hào mạng thiện pháp. Chúng sanh diệc nhĩ; vi phiền não hà sử phiêu một giả, diệc phục bất năng tu tập thiện pháp.

Như nhân đọa hà, vi thủy sử phiêu; dư hữu lực giả tắc năng bạt tế. Đọa phiền não hà, vi *nhất-xiển-đê*; Thanh văn, Duyên giác nãi chí chư Phật bất năng cứu tế.

世間大河劫盡之時七日並照能令枯涸。煩惱大河則不如是。聲聞緣覺雖修七覺猶不能乾。是故菩薩觀諸煩惱猶如暴河。

譬如彼人畏四毒蛇五旃陀羅。一詐親善及六大賊。捨空聚落隨路而去。既至河上取草為筏者。菩薩亦爾。畏四大蛇五陰旃陀羅愛詐親善六入空聚六塵惡賊至煩惱河。修戒定慧解脫解脫知見六波羅蜜三十七品以為船筏。依乘此筏渡煩惱河到於彼岸常樂涅槃。

菩薩修行大涅槃者作是思惟。我若不能忍受如是身苦心苦。則不能令一切眾生渡煩惱河。以是思惟雖有如是身心苦惱默然忍受。以忍受故則不生漏。如是菩薩尚無諸漏。況佛如來而當有漏。是故諸佛不名有漏。

云何如來非無漏也。如來常行有漏中故。有漏即是二十五有。是故聲聞凡夫之人言佛有漏。諸佛如來真實無漏。

善男子。以是因緣諸佛如來無有定相。

善男子。是故犯四重禁謗方等經及一闍提悉皆不定。

Thế gian đại hà, kiếp tận chi thời, thất nhật tịnh chiếu, năng linh khô hạc. Phiền não đại hà tác bất như thị; Thanh văn, Duyên giác tuy tu thất giác, du bất năng càn. Thị cố Bồ Tát quán chư phiền não do như bạo hà.

Thí như bĩ nhân, úy tứ độc xà, ngũ *Chiên-đà-la*, nhất trá thân thiện cập lục đại tặc, xả không tụ lạc, tùy lộ nhi khứ. Ký chí hà thượng, thủ thảo vi phiệt giả. Bồ Tát diệt nhĩ, úy tứ đại xà, ngũ ám *Chiên-đà-la*, ái trá thân thiện, lục nhập không tụ, lục trần ác tặc, chí phiền não hà; tu giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, lục *Ba-la-mật*, tam thập thất phẩm; dĩ vi thuyên phiệt, y thừa thủ phiệt, độ phiền não hà, đáo ư bĩ ngạn, thường lạc *Niết-bàn*.

Bồ Tát tu hành Đại *Niết-bàn* giả, tác thị tư duy: Ngã nhược bất năng nhẫn thọ như thị thân khổ, tâm khổ, tác bất năng linh nhất thiết chúng sanh độ phiền não hà. Dĩ thị tư duy, tuy hữu như thị thân tâm khổ não, mặc nhiên nhẫn thọ. Dĩ nhẫn thọ cố, tác bất sanh lậu. Như thị Bồ Tát thượng vô chư lậu, huống Phật Như Lai nhi đương hữu lậu? Thị cố chư Phật bất danh hữu lậu.

Vân hà Như Lai phi vô lậu dã? Như Lai thường hành hữu lậu trung cố. Hữu lậu tức thị nhị thập ngũ hữu. Thị cố Thanh văn, phạm phu chi nhân ngôn Phật hữu lậu. Chư Phật Như Lai chân thật vô lậu.

Thiện nam tử! Dĩ thị nhân duyên, chư Phật Như Lai vô hữu định tướng.

Thiện nam tử! Thị cố phạm tứ trọng cấm, báng Phương đẳng kinh cập *nhất-xiển-đề*, tác giai bất định.

爾時光明遍照高貴德王菩薩摩訶薩言。如是如是誠如聖教。一切諸法皆悉不定。以不定故當知如來亦不畢竟入於涅槃。

如佛先說菩薩摩訶薩修大涅槃。聞不聞中有涅槃大涅槃。云何涅槃云何大涅槃。

爾時佛讚光明遍照高貴德王菩薩摩訶薩言。善哉善哉。善男子。若有菩薩得念總持。乃能如汝之所諮問。

善男子。如世人言有海，大海，有河，大河，有山，大山，有地，大地，有城，大城，有眾生，大眾生，有王，大王，有人，大人，有天，大天，有道，大道。涅槃亦爾，有涅槃，有大涅槃。云何涅槃。

善男子。如人飢餓得少飯食名為安樂。如是安樂亦名涅槃。如病得差則名安樂。如是安樂亦名涅槃。如人怖畏得歸依處則得安樂。如是安樂亦名涅槃。如貧窮人獲七寶物則得安樂。如是安樂亦名涅槃。如人觀骨不起貪欲則得安樂。如是安樂亦名涅槃。如是涅槃不得名為大涅槃也。何以故。以飢渴故病故怖故貧故生貪著故。是名涅槃非大涅槃。

善男子。若凡夫人及以聲聞。或因世俗或因聖

Nhĩ thời, Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Bồ Tát *ma-ha-tát* ngôn: Như thị, như thị. Thành như Thánh giáo. Nhất thiết chư Pháp tất giai bất định. Dĩ bất định cố, đương tri Như Lai diệc bất tất cánh nhập ư *Niết-bàn*.

Như Phật tiên thuyết, Bồ Tát *ma-ha-tát*, tu Đại *Niết-bàn*, văn bất văn trung: Hữu *Niết-bàn*, Đại *Niết-bàn*. Văn hà *Niết-bàn*? Văn hà Đại *Niết-bàn*?

Nhĩ thời, Phật tán Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Bồ Tát *ma-ha-tát* ngôn: Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! Nhược hữu Bồ Tát đắc niệm tổng trì, nãi năng như nữ chi sở tư vấn.

Thiện nam tử! Như thế nhân ngôn: hữu hải, đại hải; hữu hà, đại hà; hữu sơn, đại sơn; hữu địa, đại địa; hữu thành, đại thành; hữu chúng sanh, đại chúng sanh; hữu vương, đại vương; hữu nhân, đại nhân; hữu thiên, đại thiên; hữu đạo, đại đạo. *Niết-bàn* diệc nhĩ; hữu *Niết-bàn*, hữu Đại *Niết-bàn*. Văn hà *Niết-bàn*?

Thiện nam tử! Như nhân cơ ngạ, đắc thiếu phạn thực, danh vi an lạc. Như thị an lạc, diệc danh *Niết-bàn*. Như bệnh đắc sái, tắc danh an lạc. Như thị an lạc, diệc danh *Niết-bàn*. Như nhân bố úy, đắc quy y xứ, tắc đắc an lạc. Như thị an lạc, diệc danh *Niết-bàn*. Như bản cùng nhân hoạch thất bảo vật, tắc đắc an lạc. Như thị an lạc, diệc danh *Niết-bàn*. Như nhân quán cốt, bất khởi tham dục, tắc đắc an lạc. Như thị an lạc, diệc danh *Niết-bàn*. Như thị *Niết-bàn*, bất đắc danh vi Đại *Niết-bàn* dã. Hà dĩ cố? Dĩ cơ khát cố, bệnh cố, bố cố, bản cố, sanh tham trước cố, thị danh *Niết-bàn*, phi Đại *Niết-bàn*.

Thiện nam tử! Nhược phàm phu nhân cập dĩ Thanh văn, hoặc nhân thế tục, hoặc nhân Thánh đạo, đoạn dục giới kết,

道。斷欲界結則得安樂。如是安樂亦名涅槃。不得名為大涅槃也。

能斷初禪乃至能斷非想非非想處結則得安樂。如是安樂亦名涅槃。不得名為大涅槃也。何以故。還生煩惱有習氣故。

云何名為煩惱習氣。聲聞緣覺有煩惱氣。所謂我身我衣我去我來我說我聽。諸佛如來入於涅槃。涅槃之性無我無樂唯有常淨。是則名為煩惱習氣。

佛法眾僧有差別相。如來畢竟入於涅槃。聲聞緣覺諸佛如來所得涅槃等無差別。以是義故二乘所得非大涅槃。何以故。無常樂我淨故。常樂我淨乃得名為大涅槃也。

善男子。譬如有處能受眾水名為大海。隨有聲聞緣覺菩薩。諸佛如來所入之處名大涅槃。四禪三三昧八背捨八勝處十一切處。隨能攝取如是無量諸善法者名大涅槃。

善男子。譬如有河第一香象不能得底則名為大。聲聞緣覺至十住菩薩不見佛性。名為涅槃非大涅槃。若能了了見於佛性。則得名為大涅槃也。是大涅槃唯大象王能盡其底。大象王者謂諸佛也。

tác đắc an lạc. Như thị an lạc, diệc danh *Niết-bàn*, bất đắc danh vi Đại *Niết-bàn* dã.

Năng đoạn Sơ thiên nãi chí năng đoạn phi tưởng phi phi tưởng xứ kết, tác đắc an lạc. Như thị an lạc, diệc danh *Niết-bàn*, bất đắc danh vi Đại *Niết-bàn* dã. Hà dĩ cố? Hoàn sanh phiền não hữu tập khí cố.

Vân hà danh vi phiền não tập khí? Thanh văn, Duyên giác hữu phiền não khí, sở vị: ngã thân, ngã y, ngã khứ, ngã lai, ngã thuyết, ngã thính; chư Phật Như Lai nhập ư *Niết-bàn*; *Niết-bàn* chi tánh: vô ngã, vô lạc, duy hữu thường, tịnh. Thị tác danh vi phiền não tập khí.

Phật, Pháp, chúng tăng hữu sai biệt tướng; Như Lai tất cánh nhập ư *Niết-bàn*; Thanh văn, Duyên giác chư Phật Như Lai sở đắc *Niết-bàn* đẳng vô sai biệt. Dĩ thị nghĩa cố, nhị thừa sở đắc phi Đại *Niết-bàn*. Hà dĩ cố? Vô: thường, lạc, ngã, tịnh cố. Thường, lạc, ngã, tịnh nãi đắc danh vi Đại *Niết-bàn* dã.

Thiện nam tử! Thí như hữu xứ năng thọ chúng thủy, danh vi đại hải. Tùy hữu Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, chư Phật Như Lai sở nhập chi xứ, danh Đại *Niết-bàn*. Tứ thiên, tam Tam-muội, Bát bội xả, bát thắng xứ, thập nhất thiết xứ, tùy năng nhiếp thủ như thị vô lượng chư thiện pháp giả, danh Đại *Niết-bàn*.

Thiện nam tử! Thí như hữu hà, đệ nhất hương tượng bất năng đắc để, tác danh vi đại. Thanh văn, Duyên giác, chí thập trụ Bồ Tát bất kiến Phật tánh, danh vi *Niết-bàn*, phi đại *Niết-bàn*. Nhược năng liễu liễu kiến ư Phật tánh, tác đắc danh vi Đại *Niết-bàn* dã. Thị Đại *Niết-bàn*, duy đại tượng vương năng tận kỳ để. Đại tượng vương giả, vị chư Phật dã.

善男子。若摩訶那伽及鉢提陀。大力士等經歷多時所不能上。乃名大山。聲聞緣覺及諸菩薩摩訶那伽大力士等所不能見。如是乃名大涅槃也。

復次善男子。隨有小王之所住處名為小城。轉輪聖王所住之處乃名大城。聲聞緣覺八萬六萬四萬二萬一萬住處名為涅槃。無上法王聖王住處乃得名為大般涅槃。以是故名大般涅槃。

善男子。譬如有人見四種兵不生怖畏。當知是人名大眾生。若有眾生於三惡道煩惱惡業不生怖畏。而能於中廣度眾生。當知是人得大涅槃。

若有人能供養父母恭敬沙門及婆羅門。修治善法所言誠實無有欺誑。能忍諸惡惠施貧乏名大丈夫。菩薩亦爾有大慈悲憐愍一切。於諸眾生猶如父母。能度眾生於生死河。普示眾生一實之道。是則名為大般涅槃。

善男子。大名不可思議。若不可思議一切眾生所不能信。是則名為大般涅槃。唯佛菩薩之所見故名大涅槃。以何因緣復名為大。以無量因緣然後乃得故名為大。

善男子。如世間人以多因緣之所得者。則名為大。涅槃亦爾以多因緣之所得故。故名為大。

Thiện nam tử! Nhược *ma-ha-na-già* cập *bát-kiện-đà*, đại lực sĩ đẳng, kinh lịch đa thời, sở bất năng thượng, nãi danh đại sơn. Thanh văn, Duyên giác cập chư Bồ Tát, *ma-ha-na-già*, đại lực sĩ đẳng, sở bất năng kiến; như thị nãi danh Đại *Niết-bàn* dã.

Phục thứ, thiện nam tử! Tùy hữu tiểu vương chi sở trụ xứ, danh viết tiểu thành. Chuyển luân Thánh vương sở trụ chi xứ, nãi danh đại thành. Thanh văn, Duyên giác bát vạn, lục vạn, tứ vạn, nhị vạn, nhất vạn trụ xứ, danh vi *Niết-bàn*. Vô thượng Pháp vương Thánh vương trụ xứ, nãi đắc danh vi Đại Bát *Niết-bàn*. Dĩ thị cố danh Đại Bát *Niết-bàn*.

Thiện nam tử! Thí như hữu nhân, kiến tứ chủng binh, bất sanh bố úy; đương tri thị nhân danh đại chúng sanh. Nhược hữu chúng sanh, ư trung ác đạo, phiền não ác nghiệp, bất sanh bố úy, nhi năng ư trung, quảng độ chúng sanh, đương tri thị nhân đắc Đại *Niết-bàn*.

Nhược hữu nhân năng cúng dường phụ mẫu, cung kính *sa-môn* cập *bà-la-môn*, tu trì thiện pháp, sở ngôn thành thật, vô hữu khi cưỡng, năng nhẫn chư ác, tuệ thí bản pháp, danh đại trọng phu. Bồ Tát diệc nhĩ; hữu đại từ bi, lân mẫn nhất thiết, ư chư chúng sanh, do như phụ mẫu, năng độ chúng sanh ư sanh tử hà; phổ thị chúng sanh nhất thật chi đạo. Thị tắc danh vi Đại Bát *Niết-bàn*.

Thiện nam tử! Đại, danh bất khả tư nghị. Nhược bất khả tư nghị, nhất thiết chúng sanh sở bất năng tín. Thị tắc danh vi Đại-bát *Niết-bàn*. Duy Phật, Bồ Tát chi sở kiến cố, danh Đại *Niết-bàn*. Dĩ hà nhân duyên phục danh vi đại? Dĩ vô lượng nhân duyên, nhiên hậu nãi đắc, cố danh vi đại.

Thiện nam tử! Như thế gian nhân, dĩ đa nhân duyên chi sở đắc giả, tắc danh vi đại. *Niết-bàn* diệc nhĩ, dĩ đa nhân duyên chi sở đắc cố, cố danh vi đại.

云何復名為大涅槃。有大我故名大涅槃。涅槃無我大自在故名大我。云何名為大自在耶。有八自在則名為我。何等為八。

一者能示一身以為多身。身數大小猶如微塵充滿十方無量世界。如來之身實非微塵。以自在故現微塵身。如是自在則為大我。

二者示一塵身滿於三千大千世界。如來之身實不滿於三千大千世界。何以故。以無礙故。直以自在故。滿於三千大千世界。如是自在名為大我。

三者能以滿此三千大千世界之身輕舉飛空。過於二十恒河沙等諸佛世界而無障礙。如來之身實無輕重。以自在故能為輕重。如是自在名為大我。

四者以自在故而得自在。云何自在。如來一心安住不動。所可示化無量形類各令有心。如來有時或造一事。而令眾生各各成辦。如來之身常住一土。而令他土一切悉見。如是自在名為大我。

五者根自在故。云何名為根自在耶。如來一根亦能見色聞聲嗅香別味覺觸知法。如來六根亦不見色聞聲嗅香別味覺觸知法。以自在故令根自在。如是自在名為大我。

Vân hà phục danh vi Đại Niết-bàn? Hữu đại ngã cố, danh Đại Niết-bàn. Niết-bàn vô ngã, đại tự tại cố, danh vi đại ngã. Vân hà danh vi đại tự tại da? Hữu bát tự tại, tắc danh vi ngã. Hà đẳng vi bát?

Nhất giả, năng thị nhất thân, dĩ vi đa thân; thân số đại tiểu, do như vi trần, sung mãn thập phương vô lượng thế giới. Như Lai chi thân, thật phi vi trần. Dĩ tự tại cố, hiện vi trần thân. Như thị tự tại, tắc vi đại ngã.

Nhị giả, thị nhất trần thân, mãn ư tam thiên đại thiên thế giới. Như Lai chi thân, thật bất mãn ư tam thiên đại thiên thế giới. Hà dĩ cố? Dĩ vô ngại cố, trực dĩ tự tại cố, mãn ư tam thiên đại thiên thế giới. Như thị tự tại, danh vi đại ngã.

Tam giả, năng dĩ mãn thủ tam thiên đại thiên thế giới chi thân, khinh cử phi không quá ư nhị thập Hằng hà sa đẳng chư Phật thế giới nhi vô chướng ngại. Như Lai chi thân, thật vô khinh trọng. Dĩ tự tại cố, năng vi khinh trọng. Như thị tự tại, danh vi đại ngã.

Tứ giả, dĩ tự tại cố, nhi đắc tự tại. Vân hà tự tại? Như Lai nhất tâm an trụ bất động, sở khả thị hóa vô lượng hình loại, các linh hữu tâm. Như Lai hữu thời, hoặc tạo nhất sự, nhi linh chúng sanh, các các thành biện. Như Lai chi thân thường trụ nhất độ, nhi linh tha độ nhất thiết tất kiến. Như thị tự tại, danh vi đại ngã.

Ngũ giả, căn tự tại cố. Vân hà danh vi căn tự tại da? Như Lai nhất căn diệp năng kiến sắc, văn thanh, khứu hương, biệt vị, giác xúc, tri pháp. Như Lai lục căn diệp bất kiến sắc, văn thanh, khứu hương, biệt vị, giác xúc, tri pháp. Dĩ tự tại cố, linh căn tự tại. Như thị tự tại, danh vi đại ngã.

六者以自在故得一切法。如來之心亦無得想。何以故。無所得故。若是有者可名為得。實無所有云何名得。若使如來計有得想。是則諸佛不得涅槃。以無得故名得涅槃。以自在故得一切法。得諸法故名為大我。

七者說自在故。如來演說一偈之義。經無量劫義亦不盡。所謂若戒若定若施若慧。如來爾時都不生念我說彼聽。亦復不生一偈之想。世間之人以四句為偈。隨世俗故說名為偈。一切法性亦無有說。以自在故如來演說。以演說故名為大我。

八者如來遍滿一切諸處猶如虛空。虛空之性不可得見。如來亦爾實不可見。以自在故令一切見。如是自在名為大我。

如是大我名大涅槃。以是義故名大涅槃。

復次善男子。譬如寶藏多諸珍異百種具足故名大藏。諸佛如來甚深奧藏亦復如是。多諸奇異具足無缺名大涅槃。

復次善男子。無邊之物乃名為大。涅槃無邊是故名大。

Lục giả, dĩ tự tại cố, đắc nhất thiết pháp. Như Lai chi tâm diệc vô đắc tướng. Hà dĩ cố? Vô sở đắc cố. Nhược thị hữu giả, khả danh vi đắc. Thật vô sở hữu, vân hà danh đắc? Nhược sử Như Lai kế hữu đắc tướng, thị tác chư Phật bất đắc Niết-bàn. Dĩ vô đắc cố, danh đắc Niết-bàn. Dĩ tự tại cố, đắc nhất thiết pháp. Đắc chư pháp cố, danh vi đại ngã.

Thất giả, thuyết tự tại cố. Như Lai diễn thuyết nhất kệ chi nghĩa, kinh vô lượng kiếp, nghĩa diệc bất tận. Sở vi: nhược giới, nhược định, nhược thí, nhược tuệ. Như Lai nhĩ thời đô bất sanh niệm: ngã thuyết bỉ thính. Diệc phục bất sanh nhất kệ chi tướng. Thế gian chi nhân dĩ tứ cú vi kệ; tùy thế tục cố, thuyết danh vi kệ. Nhất thiết pháp tánh, diệc vô hữu thuyết. Dĩ tự tại cố, Như Lai diễn thuyết. Dĩ diễn thuyết cố, danh vi đại ngã.

Bát giả Như Lai biến mãn nhất thiết chư xứ, do như hư không. Hư không chi tánh, bất khả đắc kiến. Như Lai diệc nhĩ, thật bất khả kiến. Dĩ tự tại cố, linh nhất thiết kiến. Như thị tự tại, danh vi đại ngã.

Như thị đại ngã, danh Đại Niết-bàn. Dĩ thị nghĩa cố, danh Đại Niết-bàn.

Phục thứ, thiện nam tử! Thí như bảo tạng, đa chư trân dị, bá chủng cụ túc, cố danh đại tạng. Chư Phật Như Lai thậm thâm áo tạng diệc phục như thị; đa chư kỳ dị, cụ túc vô khuyết, danh Đại Niết-bàn.

Phục thứ, thiện nam tử! Vô biên chi vật nãi danh vi đại. Niết-bàn vô biên, thị cố danh đại.

復次善男子。有大樂故名大涅槃。涅槃無樂以四樂故名大涅槃。何等為四。

一者斷諸樂故。不斷樂者則名為苦。若有苦者不名大樂。以斷樂故則無有苦。無苦無樂乃名大樂。涅槃之性無苦無樂。是故涅槃名為大樂。以是義故名大涅槃。

復次善男子。樂有二種。一者凡夫。二者諸佛。凡夫之樂無常敗壞是故無樂。諸佛常樂無有變異故名大樂。

復次善男子。有三種受。一者苦受。二者樂受。三者不苦不樂受。不苦不樂是亦為苦。涅槃雖同不苦不樂。然名大樂。以大樂故名大涅槃。

二者大寂靜故名為大樂。涅槃之性是大寂靜。何以故。遠離一切憤鬧法故。以大寂故名大涅槃。

三者一切知故名為大樂。非一切知不名大樂。諸佛如來一切知故名為大樂。以大樂故名大涅槃。

四者身不壞故名為大樂。身若可壞則不名樂。如來之身金剛無壞非煩惱身無常之身。故名大樂。以大樂故名大涅槃。

善男子。世間名字或有因緣。或無因緣。

Phục thứ, thiện nam tử! Hữu đại lạc cố, danh Đại Niết-bàn. Niết-bàn vô lạc, dĩ tứ lạc cố, danh Đại Niết-bàn. Hà đẳng vi tứ?

Nhất giả đoạn chư lạc cố. Bất đoạn lạc giả, tắc danh vi khổ. Nhược hữu khổ giả, bất danh đại lạc. Dĩ đoạn lạc cố, tắc vô hữu khổ. Vô khổ, vô lạc, nãi danh đại lạc. Niết-bàn chi tánh vô khổ, vô lạc. Thị cố Niết-bàn danh vi đại lạc. Dĩ thị nghĩa cố, danh Đại Niết-bàn.

Phục thứ, thiện nam tử! Lạc hữu nhị chủng: nhất giả phàm phu, nhị giả chư Phật. Phàm phu chi lạc, vô thường, bại hoại; thị cố vô lạc. Chư Phật thường lạc, vô hữu biến dị, cố danh đại lạc.

Phục thứ, thiện nam tử! Hữu tam chủng thọ: nhất giả khổ thọ; nhị giả lạc thọ; tam giả bất khổ bất lạc thọ. Bất khổ bất lạc, thị diệt vi khổ. Niết-bàn tuy đồng bất khổ bất lạc, nhiên danh đại lạc. Dĩ đại lạc cố, danh Đại Niết-bàn.

Nhị giả đại tịch tĩnh cố, danh vi đại lạc. Niết-bàn chi tánh thị đại tịch tĩnh. Hà dĩ cố? Viễn ly nhất thiết hội não pháp cố. Dĩ đại tịch cố, danh Đại Niết-bàn.

Tam giả, nhất thiết tri cố, danh vi đại lạc. Phi nhất thiết tri, bất danh đại lạc. Chư Phật Như Lai nhất thiết tri cố, danh vi đại lạc. Dĩ đại lạc cố, danh Đại Niết-bàn.

Tứ giả thân bất hoại cố, danh vi đại lạc. Thân nhược khả hoại, tắc bất danh lạc. Như Lai chi thân, kim cang vô hoại; phi phiến não thân, vô thường chi thân; cố danh đại lạc. Dĩ đại lạc cố, danh Đại Niết-bàn.

Thiện nam tử! Thế gian danh tự, hoặc hữu nhân duyên, hoặc vô nhân duyên.

有因緣者。如舍利弗。母名舍利。因母立字故名舍利弗。如摩鉅羅道人。生摩鉅羅國。因國立名故名摩鉅羅道人。如目犍連。目犍連者即是姓也。因姓立名故名目犍連。如我生於瞿曇種姓。因姓立名稱為瞿曇。如毘舍佉通人。毘舍佉者即是星名。因星為名名毘舍佉。如有六指因六指故名六指人。如佛奴天奴。因佛因天故名佛奴天奴。因濕生故故名濕生。如因聲故名為迦迦羅。名究究羅咀咀羅。如是等名是因緣名。

無因緣者。如蓮花地水火風虛空。如曼陀婆一名二實。一名殿堂。二名飲漿。堂不飲漿亦復得名為陀婆。如薩婆車多名為蛇蓋。實非蛇蓋是名無因彊立名字。如坻羅婆夷名為食油。實不食油彊為立名名為食油。是名無因彊立名字。善男子。是大涅槃亦復如是。無有因緣彊為立名。

善男子。譬如虛空不因小空名為大空。涅槃亦爾不因小相名大涅槃。

善男子。譬如有法不可稱量不可思議故名為大。涅槃亦爾不可稱量不可思議故得名為大般涅槃。以純淨故名大涅槃。

Hữu nhân duyên giả, như *Xá-lợi-phất*. Mẫu danh *Xá-lợi*, nhân mẫu lập tự, cố danh *Xá-lợi-phất*. Như *Ma-du-la* đạo nhân, sanh *Ma-du-la* quốc, nhân quốc lập danh, cố danh *Ma-du-la* đạo nhân. Như *Mục-kiền-liên*. *Mục-kiền-liên* giả, tức thị tánh dã, nhân tánh lập danh, cố danh *Mục-kiền-liên*. Như ngã sanh ư *Cồ-đàm* chủng tánh; nhân tánh lập danh, xưng vi *Cồ-đàm*. Như *Tỳ-xá-khư* thông nhân. *Tỳ-xá-khư* giả, tức thị tinh danh; nhân tinh vi danh, danh *Tỳ-xá-khư*. Như hữu lục chỉ, nhân lục chỉ cố, danh lục chỉ nhân. Như Phật nô, thiên nô. Nhân Phật, nhân thiên, cố danh Phật nô, Thiên nô. Nhân thấp sanh cố, cố danh thấp sanh. Như nhân thanh cố, danh vi *ca-ca-la*, danh *cứu-cứu-la*, *đát-đát-la*. Như thị đẳng danh, thị nhân duyên danh.

Vô nhân duyên giả, như liên hoa, địa, thủy, hỏa, phong, hư không. Như *mạn-đà-bà*, nhất danh, nhị thật; nhất danh diện đường, nhị danh ẩm tương. Đường, bát ẩm tương, diệt phục đặc danh vi *mạn-đà-bà*. Như *tát-bà-xa-đa*, danh vi xà cái. Thật phi xà cái. Thị danh vô nhân; cương lập danh tự. Như *đề-la-bà-di*, danh vi thực du. Thật bát thực du; cương vi lập danh, danh vi thực du. Thị danh vô nhân, cương lập danh tự. Thiệt nam tử! Thị Đại *Niết-bàn* diệt phục như thị; vô hữu nhân duyên, cương vi lập danh.

Thiệt nam tử! Thí như hư không, bất nhân tiểu không, danh vi đại không. *Niết-bàn* diệt nhi, bất nhân tiểu tướng, danh Đại *Niết-bàn*.

Thiệt nam tử! Thí như hữu pháp bất khả xưng lượng, bất khả tư nghị, cố danh vi đại. *Niết-bàn* diệt nhi; bất khả xưng lượng, bất khả tư nghị, cố đặc danh vi Đại bát *Niết-bàn*. Dĩ thuần tịnh cố, danh Đại *Niết-bàn*.

善男子。云何純淨。淨有四種。何等為四。

一者二十五有名為不淨。能永斷故得名為淨。淨即涅槃如是涅槃亦得名有。而是涅槃實非是有。諸佛如來隨世俗故說涅槃有。譬如世人非父言父非母言母。實非父母而言父母。涅槃亦爾。隨世俗故說言諸佛有大涅槃。

二者業清淨故。一切凡夫業不清淨故無涅槃。諸佛如來業清淨故故名大淨。以大淨故名大涅槃。

三者身清淨故。身若無常則名不淨。如來身常故名大淨。以大淨故名大涅槃。

四者心清淨故。心若有漏名曰不淨。佛心無漏故名大淨。以大淨故名大涅槃。

善男子。是名善男子善女人修行如是大涅槃經。具足成就初分功德。

大般涅槃經卷第二十三  
終

Thiện nam tử! Vân hà thuần tịnh? Tịnh hữu tứ chủng. Hà đẳng vi tứ?

Nhất giả, nhị thập ngũ hữu, danh vi bất tịnh; năng vĩnh đoạn cố, đắc danh vi tịnh. Tịnh tức Niết-bàn. Như thị Niết-bàn diệt đắc danh hữu. Nhi thị Niết-bàn thật phi thị hữu. Chư Phật Như Lai tùy thế tục cố, thuyết Niết-bàn hữu. Thí như thế nhân, phi phụ ngôn phụ, phi mẫu ngôn mẫu. Thật phi phụ, mẫu; nhi ngôn phụ, mẫu. Niết-bàn diệt nhĩ; tùy thế tục cố, thuyết ngôn chư Phật hữu Đại Niết-bàn.

Nhị giả, nghiệp thanh tịnh cố. Nhất thiết phàm phu, nghiệp bất thanh tịnh, cố vô Niết-bàn. Chư Phật Như Lai, nghiệp thanh tịnh cố, cố danh đại tịnh. Dĩ đại tịnh cố, danh Đại Niết-bàn.

Tam giả, thân thanh tịnh cố. Thân nhược vô thường, tác danh bất tịnh. Như Lai thân thường, cố danh đại tịnh. Dĩ đại tịnh cố, danh Đại Niết-bàn.

Tứ giả, tâm thanh tịnh cố. Tâm nhược hữu lậu, danh viết bất tịnh. Phật tâm vô lậu, cố danh đại tịnh. Dĩ đại tịnh cố, danh Đại Niết-bàn.

Thiện nam tử! Thị danh thiện nam tử, thiện nữ nhân tu hành như thị Đại Niết-bàn kinh, cụ túc thành tựu sơ phần công đức.

Đại Bát Niết-bàn Kinh quyển đệ nhị thập tam  
Chung

## KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN QUYỂN HAI MƯỜI BA

### PHẨM BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG

#### Phẩm thứ mười - Phần ba

Lại nữa, thiện nam tử! Hết thầy phạm phu tuy khéo giữ gìn, bảo vệ thân tâm, nhưng vẫn còn sanh ra ba loại tư tưởng xấu ác.<sup>(1)</sup> Vì nhân duyên ấy nên dù có dứt trừ được phiền não, sanh lên cõi trời Phi tưởng phi phi tưởng, rồi sau vẫn rơi trở lại trong ba đường ác.<sup>(2)</sup>

“Thiện nam tử! Ví như có người vượt qua biển cả, đã gần đến bờ bên kia nhưng bị chìm xuống nước mà chết. Những kẻ phạm phu cũng như vậy, họ vừa sắp vượt ra khỏi Ba cõi nhưng phải rơi trở lại trong ba đường ác. Vì sao vậy? Vì họ không có những tư tưởng hiền thiện. Những gì là tư tưởng hiền thiện? Đó là sáu chỗ niệm tưởng.<sup>(3)</sup> Kẻ phạm phu tâm thiện yếu ớt, tâm bất thiện mãnh liệt. Vì tâm thiện yếu ớt, nên tâm trí tuệ mỏng manh. Vì tâm trí tuệ mỏng manh nên các lậu hoặc tăng trưởng.

“Đại Bồ Tát có mắt tuệ thanh tịnh, thấy rõ lỗi lầm của ba loại tư tưởng xấu ác, biết rằng ba loại tư tưởng xấu ấy gây nhiều tai hại, thường khiến chúng sanh trở thành oán nghịch với Ba thừa. Do nhân duyên là ba loại tư tưởng xấu ác mà khiến cho vô lượng chúng sanh phạm phu không thấy được tánh Phật. Trong vô lượng

kiếp sanh lòng điên đảo, cho rằng Phật Thế Tôn không có *thường, lạc, ngã*, chỉ duy nhất có *tịnh*; rằng Như Lai dứt bỏ hết tất cả mà nhập *Niết-bàn*.

“Hết thầy chúng sanh đều không có *thường, lạc, ngã, tịnh*, nhưng vì lòng điên đảo nên nói rằng có *thường, lạc, ngã, tịnh*. Thật không có Ba thừa, nhưng vì lòng điên đảo nên nói có Ba thừa. Thật có một đạo chân thật không hư dối, nhưng vì lòng điên đảo nên nói rằng không có.

“Chư Phật và Bồ Tát thường quở trách ba loại tư tưởng xấu ác này. Chúng thường gây hại cho bản thân cũng như gây hại cho người khác. Nếu có ba loại tư tưởng xấu ác này thì hết thầy các việc ác thường theo đó mà sinh ra. Ba loại tư tưởng xấu ác này là ba sợi dây liên kết trói buộc chúng sanh trong vòng sanh tử không bờ bến. Đại Bồ Tát thường quán sát như vậy về ba loại tư tưởng xấu ác.

“Nếu có lúc gặp những nhân duyên nên sanh khởi *dục, giận*, Bồ Tát chỉ lặng lẽ không chấp nhận. Ví như người sạch sẽ, tinh khiết, ắt không nhận lấy các thứ phân dơ; như hòn sắt nóng chẳng có ai cầm lấy; như người thuộc dòng *bà-la-môn* không ăn thịt bò;<sup>(4)</sup> như người đã ăn no không ăn món ăn dở; như vua Chuyển luân không cùng ngồi với bọn *chiên-đà-la*; Bồ Tát cũng như vậy, khinh ghét ba loại tư tưởng xấu ác, không chấp nhận, không [sinh lòng] ưa thích.

“Vì sao vậy? Vì Bồ Tát suy xét rằng: ‘Chúng sanh đều biết ta là thừa ruộng tốt để họ gieo trồng phước lành, làm sao ta lại chấp nhận các pháp xấu ác này? Nếu ta chấp nhận các tư tưởng xấu ác, ắt không thể làm ruộng phước tốt đẹp cho chúng sanh. Tuy ta không tự xưng là ruộng phước tốt, nhưng chúng sanh nhìn thấy hình

tướng [của ta] liền nói rằng ta là ruộng phước tốt. Nay nếu ta sanh khởi những tư tưởng xấu ác như vậy tức là đối gạt hết thảy chúng sanh.

“Thuở xưa, ta vì làm chuyện dối gạt mà phải trải qua vô lượng kiếp lưu chuyển trong sanh tử, rơi vào ba đường ác. Nếu ta đem tâm xấu ác mà thọ nhận sự tín thí của người, tất cả chư thiên và các vị tiên đã đạt năm loại thần thông ắt sẽ rõ biết mà quả trách. Nếu ta sinh khởi tư tưởng xấu ác mà thọ nhận sự tín thí của người thì sẽ khiến cho phước báo của người cúng thí phải giảm bớt, hoặc chẳng được phước báo gì cả. Nếu ta đem tâm xấu ác mà thọ nhận vật cúng thí của đàn-việt, ắt ta sẽ thành kẻ oán thù của người cúng thí. Tất cả những người cúng thí đối với ta thường sanh lòng yêu kính như con đẻ, làm sao ta lại đối gạt họ mà sanh lòng thù oán?”

“Vì sao [nói là] sanh lòng thù oán? Vì ta làm cho họ không được phước báo, hoặc chỉ được chút ít phước báo mà thôi.

“Ta thường tự xưng là người xuất gia. Người xuất gia thì không nên khởi lòng xấu ác; nếu khởi lòng xấu ác thì chẳng phải [người] xuất gia. Người xuất gia thì lời nói phải phù hợp với việc làm; nếu lời nói và việc làm không phù hợp nhau ắt không phải [người] xuất gia. Ta đã dứt bỏ cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, bạn bè... xuất gia tu học đạo, chính là lúc tu tập các tư tưởng hiền thiện, không phải lúc tu tập các tư tưởng bất thiện.

“Ví như có người ra biển tìm châu báu nhưng chẳng lấy châu báu thật, chỉ lấy toàn thủy tinh; lại cũng như người từ bỏ nơi có âm nhạc vi diệu mà đến chơi chỗ có phần dơ; như kẻ ruồng bỏ người con gái cao quý mà

tư thông với con hầu gái; như kẻ vất bỏ chậu vàng mà dùng chậu sành; như người vất bỏ món *cam lộ* mà dùng món thuốc độc; như người bỏ vị lương y tài giỏi và thân thiết từ lâu mà theo thầy thuốc có oán thù, xấu ác để xin thuốc uống. Ta cũng như vậy, nếu khởi lòng xấu ác tức là lìa bỏ món pháp vị *cam lộ* của bậc Đại sư Như Lai Thế Tôn mà dùng đủ mọi thứ tư tưởng xấu ác của bọn oán thù là ma!

“Thân người khó được như hoa ưu-đàm, mà nay ta đã được. Đức Như Lai khó gặp hơn cả hoa ưu-đàm, mà nay ta đã gặp. Pháp bảo thanh tịnh khó được nghe, mà nay ta đã được nghe. Thật [hy hữu] chẳng khác nào con rùa mù gặp bông cây nổi.<sup>(5)</sup>

“Đời người trôi qua nhanh chóng, nhanh hơn cả thác nước đổ xuống từ trên núi cao, chẳng lúc nào ngừng. Ngày nay tuy còn, ngày mai không dám chắc, vì sao lại buông thả tâm mình để rơi vào các pháp xấu ác? Tuổi xuân tráng kiện không dừng lại, đang qua nhanh như ngựa chạy, sao có thể dựa vào đó mà sanh lòng kiêu mạn?”

“Ví như bọn ác quỷ luôn rình rập tìm kiếm lỗi lầm của người, ác ma bốn đại cũng vậy, thường rình rập tìm kiếm những chỗ sai lầm của ta, sao ta lại để cho các tư tưởng xấu ác sanh khởi? Ví như căn nhà mục nát sắp sụp đổ, mạng sống của ta cũng vậy, vì sao lại khởi lòng xấu ác?”

“Ta mang danh là *sa-môn*, tức là người rõ biết các tri giác hiền thiện. Nếu như nay ta sanh khởi những tư tưởng bất thiện, sao đáng gọi là *sa-môn*? Ta mang danh là người xuất gia, tức là người tu tập đạo lành. Như nay ta làm điều ác, sao đáng gọi là [người] xuất gia? Ta mang danh là *bà-la-môn* chân chánh, tức là người tu

tập hạnh thanh tịnh. Như nay ta khởi tư tưởng xấu ác tức là điều bất tịnh, sao đáng gọi là *bà-la-môn*? Ta cũng mang danh thuộc dòng tộc lớn là *Sát-lợi*, tức là người có thể dẹp trừ những kẻ thù địch. Như nay ta không thể dẹp trừ kẻ thù địch là những điều xấu ác, sao đáng gọi là thuộc dòng tộc *Sát-lợi*? Ta mang danh là *tỳ-kheo*, tức là người phá trừ phiền não. Như nay ta không phá trừ phiền não là tư tưởng xấu ác, sao đáng gọi là *tỳ-kheo*?

“Ồ đời có sáu điều khó gặp, khó được. Nay ta đã được rồi, vì sao lại để cho những tư tưởng xấu ác tồn tại trong lòng? Những gì là sáu điều khó gặp, khó được? Một là khó gặp lúc Phật ra đời. Hai là khó được nghe Chánh pháp. Ba là khó sanh khởi tâm lành. Bốn là khó được sanh ra giữa nơi văn minh hội tụ.<sup>(6)</sup> Năm là khó được thân người. Sáu là khó được đầy đủ các giác quan. Sáu việc ấy là khó được, nay ta đều đã được, vì vậy không nên sanh khởi các tư tưởng xấu ác.’

“Bồ Tát khi ấy tu hành kinh Đại Niết-bàn này, thường chuyên cần quán sát các tâm xấu ác như vậy. Hết thấy phạm phu vì không thấy được sự nguy hại của các tâm xấu ác như vậy cho nên chấp nhận chạy theo ba loại tư tưởng xấu ác, đó gọi là nhận lấy lậu hoặc. Bồ Tát thấy rõ những sự nguy hại ấy nên không nhận chịu, không vướng mắc, buông bỏ không nắm giữ, y theo Tám thánh đạo mà loại bỏ, dứt trừ các tư tưởng xấu ác. Vì thế, Bồ Tát còn không nhận lấy lậu hoặc, sao lại nói là Như Lai có lậu hoặc? Do nghĩa ấy nên Như Lai Thế Tôn không phải là hữu lậu.<sup>(7)</sup>

“Lại nữa, thiện nam tử! Kẻ phạm phu khi gặp những sự khổ não nơi thân tâm liền khởi lên mọi điều xấu ác. Do nơi thân có bệnh hay tâm có bệnh mà khiến cho thân, khẩu,

ý của chúng sanh làm đủ mọi việc xấu ác. Do làm ác nên phải luân hồi trong ba đường ác, chịu đủ mọi sự khổ. Vì sao vậy? Vì kẻ phạm phu không có niệm và trí tuệ. Do đó mà sanh ra đủ mọi lậu hoặc. Đó gọi là niệm lậu.

“Đại Bồ Tát thường tự suy xét rằng: ‘Từ xưa đến nay, trải qua vô số kiếp, vì thân tâm này ta đã tạo mọi nghiệp ác. Bởi nhân duyên ấy, ta lưu chuyển sanh tử, ở trong ba đường ác, chịu đủ các nỗi khổ, xa cách con đường chân chánh Ba thừa.’

“Xét như vậy rồi, Bồ Tát đối với thân tâm mình sanh ra rất sợ sệt, liền lìa bỏ mọi việc ác, noi theo đường lành.

“Thiện nam tử! Ví như có vị vua đem bốn con rắn độc nhốt trong một cái lồng, rồi sai một người trông nom nuôi dưỡng, mỗi khi ngủ dậy lại tắm rửa, kỳ cọ thân mình cho rắn. Vua ra lệnh rằng: ‘Nếu người chọc giận một con rắn, ta sẽ mang người ra hành hình giữa chợ.’

“Bấy giờ, nghe lệnh vua như thế, người ấy sợ quá liền bỏ lồng rắn mà chạy trốn. Vua liền sai năm tên *chiên-đà-la* cầm đao rượt theo. Người ấy ngoái lại thấy phía sau có năm người rượt đuổi, liền ra sức chạy nhanh. Năm tên *chiên-đà-la* dùng mưu chước xấu, giấu kín khí giới rồi bí mật sai một người giả vờ thân thiện, đến gần nói với người ấy rằng: ‘Ông nên quay trở lại.’

“Người ấy chẳng tin lời, chạy vào trốn trong một xóm nhà. Khi vào xóm rồi, hé nhìn ở các nhà đều không thấy người. Người ấy xem qua các đồ chứa, đều không thấy có gì trong đó cả. Tìm không thấy người, cũng không thấy có vật dụng gì, người ấy liền ngồi bệt xuống đất.

“Bỗng nghe giữa không trung có tiếng rằng: ‘Hỡi ôi, chàng trai kia! Xóm nhà này trống vắng, không có dân

cư. Đêm nay sẽ có sáu tên giặc cướp đến đây. Nếu anh gặp bọn cướp ấy ắt là không sống được. Anh biết làm sao thoát được?”

“Bấy giờ, người ấy càng thêm sợ sệt, liền bỏ nơi ấy mà đi. Trên đường, gặp một con sông nước chảy xiết, lại không có thuyền bè. Vì sợ hãi, người ấy liền thu nhặt nhiều thứ cỏ cây, kết thành một chiếc bè, rồi suy nghĩ rằng: ‘Nếu ta ở lại đây, ắt sẽ bị hại bởi rắn độc, năm tên *chiên-đà-la*, một kẻ giả vờ thân thiện, cùng với sáu tên giặc cướp. Nếu ta qua sông này mà chiếc bè không đủ sức chịu đựng, ắt phải chết chìm. Nhưng ta thà chết chìm chứ không để bị hại bởi rắn độc và bọn giặc cướp kia.’

“Người ấy liền đẩy bè cỏ xuống nước, nương mình trên bè, tay ôm, chân đạp, rẽ nước mà qua sông. Khi tới bờ bên kia, người ấy được an ổn, không còn tai họa, tâm ý vui sướng nhẹ nhàng, mọi nỗi sợ hãi không còn nữa!

“Đại Bồ Tát được nghe và thọ trì kinh Đại Niết-bàn, quán xét thân này như cái lông nhốt bốn con rắn độc là bốn đại: đất, nước, lửa, gió. Rắn độc có bốn cách gây độc cho người: lấy mắt nhìn gây độc, thân đụng chạm gây độc, phun nọc gây độc và dùng răng cắn gây độc. Tất cả chúng sanh vì gặp bốn cách gây độc ấy nên phải mất mạng. Bốn đại của chúng sanh cũng vậy: hoặc nhìn thấy là xấu ác, hoặc đụng chạm là xấu ác, hoặc hơi thở là xấu ác, hoặc cắn xé là xấu ác. Vì những nhân duyên ấy mà [làm cho chúng sanh] lìa xa mọi điều lành.

“Lại nữa, thiện nam tử! Đại Bồ Tát quán xét bốn con rắn độc có bốn chủng tánh: *sát-lợi*, *bà-la-môn*, *tỳ-xá*, *thủ-đà*. Rắn bốn đại cũng vậy, có bốn tánh chất: tánh bền chắc, tánh ẩm ướt, tánh nóng ấm, tánh chuyển

động. Cho nên Bồ Tát quán xét bốn đại với bốn rắn độc là đồng tánh chất.

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* quán xét bốn đại như bốn rắn độc. Vì sao quán xét bốn đại là bốn rắn độc? Vì rắn độc thường rình rập để tìm lúc thuận tiện hại người. Chúng biết lúc nào nên nhìn để gây độc, lúc nào nên đụng chạm, lúc nào nên phun nọc và lúc nào nên mổ cắn. Rắn độc bốn đại cũng vậy, thường rình rập chúng sanh để tìm chỗ thiếu sót, yếu kém mà gây hại.

“Người bị rắn độc giết hại không đọa vào ba đường ác, nhưng nếu bị bốn đại giết hại thì chắc chắn phải đọa vào ba đường ác, không còn nghi ngờ gì nữa.

“Bốn con rắn độc ấy dù được người chăm sóc nuôi dưỡng nhưng vẫn muốn giết hại người. Bốn đại cũng thế, dù được sự cung cấp [nuôi dưỡng] của người nhưng vẫn thường xúi giục người làm mọi điều ác.

“Trong bốn rắn độc ấy, nếu có một con bị chọc giận, nó có thể giết người. Tánh chất của bốn đại cũng vậy, nếu có một đại bộc phát cũng có thể hại người.

“Bốn rắn độc ấy tuy ở cùng nhau nhưng chẳng đồng lòng với nhau. Rắn độc bốn đại cũng vậy, tuy ở cùng một nơi nhưng là bốn tánh khác nhau.

“Bốn rắn độc ấy, dù có cung kính cũng khó mà gần gũi. Rắn độc bốn đại cũng vậy, dù có cung kính cũng khó gần gũi.

“Khi bốn rắn độc ấy hại người, nếu có vị *sa-môn* hay *bà-la-môn* nào dùng chú thuật hay thuốc thang thì có thể chữa trị được. Bốn đại nếu hại người, dù có thần chú hay thuốc hay của các vị *sa-môn* hoặc *bà-la-môn* cũng không thể chữa trị.

“Như người đang vui, nghe hơi hôi hám đáng ghét của bốn rắn độc liền tức thời lìa xa. Chư Phật và Bồ Tát cũng vậy, nghe hơi hôi hám của bốn đại liền tức thời lìa xa.

“Bấy giờ, Bồ Tát lại suy nghĩ rằng: ‘Rắn độc bốn đại thật rất đáng sợ!’ Liền quay lưng mà tránh xa, chuyên tâm tu tập Tám thánh đạo.

“Năm tên *chiên-đà-la* kia tức là năm ấms.<sup>(8)</sup> Vì sao Bồ Tát quán xét năm ấms như *chiên-đà-la*? *Chiên-đà-la* thường khiến cho những người thương yêu nhau phải chia lìa, những người oán ghét phải gặp gỡ nhau. Năm ấms cũng thế, khiến cho con người ham muốn gần gũi những pháp bất thiện, lìa xa hết thảy mọi pháp thuận thiện.

“Lại nữa, thiện nam tử! Những kẻ *chiên-đà-la* tự trang bị đủ mọi thứ khí giới, như đao, như thuẫn, như cung tên, áo giáp, giáo mác... để có thể hại người. Năm ấms cũng tự trang bị kiên cố bằng các phiền não, làm hại những kẻ ngu si phải chìm đắm trong Ba cõi.

“Thiện nam tử! Những kẻ *chiên-đà-la* bắt được người có tội liền làm hại. Năm ấms cũng vậy, có thể làm hại những người có lỗi lầm phiền não. Vì lẽ ấy, Bồ Tát quán xét sâu xa thấy năm ấms cũng giống như *chiên-đà-la*.

“Lại nữa, Bồ Tát quán sát năm ấms như *chiên-đà-la*, vì *chiên-đà-la* chẳng có lòng thương xót, làm hại cả kẻ oán lẫn người thân. Năm ấms cũng vậy, không có lòng thương xót, làm hại cả người thiện lẫn kẻ ác.

“Như *chiên-đà-la* quấy rối tất cả mọi người. Năm ấms cũng vậy, thường dùng các phiền não mà quấy rối tất cả chúng sanh trong sanh tử. Cho nên Bồ Tát quán xét năm ấms như *chiên-đà-la*.

“Lại nữa, Bồ Tát quán sát năm ấms như *chiên-đà-la*, vì *chiên-đà-la* thường ôm lòng gây hại. Năm ấms cũng vậy, thường chất chứa trong lòng những phiền não trôi buộc gây hại.

“Như một người không có chân để chạy, không có đao kiếm, gậy gộc, không có kẻ đi theo bảo vệ, nên biết rằng người ấy ắt sẽ bị *chiên-đà-la* giết hại. Chúng sanh cũng vậy, nếu không có chân để chạy, không có đao kiếm, không có kẻ đi theo bảo vệ thì sẽ phải bị năm ấms làm hại. *Chân* đó là giới luật, *đao kiếm* đó là trí tuệ, *kẻ đi theo bảo vệ* tức là các vị thiện tri thức, bạn lành. Vì không có ba điều ấy nên mới bị năm ấms làm hại. Vì thế, Bồ Tát quán xét thấy năm ấms giống như *chiên-đà-la*.

“Lại nữa, thiện nam tử! Đại Bồ Tát quán xét năm ấms còn đáng sợ hơn cả *chiên-đà-la*. Vì sao vậy? Chúng sanh bị năm kẻ *chiên-đà-la* giết hại không phải đọa vào địa ngục, nhưng nếu bị năm ấms giết hại thì ắt phải đọa vào địa ngục. Vì nghĩa ấy nên Bồ Tát quán sát năm ấms còn đáng sợ hơn cả *chiên-đà-la*. Quán xét như vậy rồi, Bồ Tát bèn lập nguyện rằng: ‘Ta thà trọn đời ở gần kẻ *chiên-đà-la* chứ không gần gũi năm ấms dù chỉ trong phút chốc.’

“*Chiên-đà-la* chỉ có thể làm hại người ngu si ở *Dục giới* mà thôi; còn giặc năm ấms có thể làm hại chúng sanh phạm phu khắp trong Ba cõi: *Dục giới*, *Sắc giới* và *Vô sắc giới*.

“*Chiên-đà-la* chỉ có thể làm hại người có tội mà thôi; còn giặc năm ấms không phân biệt chúng sanh là có tội hay không có tội, đều làm hại tất cả.

“*Chiên-đà-la* không làm hại những người già yếu, phụ nữ, trẻ con; còn giặc năm ấms không phân biệt

chúng sanh nào là già yếu, trẻ con hay phụ nữ, đều làm hại tất cả.

“Cho nên Bồ Tát quán xét sâu xa thấy năm ấm còn đáng sợ hơn cả *chiên-đà-la*. Vì thế, Bồ Tát phát nguyện rằng: ‘Ta thà trọn đời ở gần kẻ *chiên-đà-la* chứ không gần gũi với năm ấm dù chỉ trong phút chốc.’

“Lại nữa, thiện nam tử! *Chiên-đà-la* chỉ làm hại người khác mà thôi, chẳng bao giờ tự hại mình. Giặc năm ấm làm hại cả mình và người khác, đáng sợ hơn cả *chiên-đà-la*.

“Đối với kẻ *chiên-đà-la*, còn có thể dùng lời khéo léo, tiền của, vật quý mua chuộc chúng để cầu được thoát. Năm ấm chẳng phải vậy, không thể gượng dùng lời khéo léo dẫn dụ, hoặc tiền của, vật quý để cầu được thoát.

“Kẻ *chiên-đà-la* không phải trong bốn thời đều luôn giết hại. Năm ấm thì khác, trong từng khoảnh khắc vẫn thường làm hại chúng sanh.

“Kẻ *chiên-đà-la* chỉ ở tại một nơi mà thôi nên ta có thể trốn tránh đi nơi khác. Năm ấm thì khác, khắp nơi đều có nên ta không thể nào trốn tránh được.

“Kẻ *chiên-đà-la* tuy làm hại người, nhưng đã hại rồi thì không đuổi theo. Năm ấm thì khác, đã giết hại chúng sanh rồi lại còn bám theo mãi mãi không rời.

“Cho nên Bồ Tát thà trọn đời [phải] ở gần kẻ *chiên-đà-la* cũng không chấp nhận gần gũi với năm ấm, dù chỉ trong phút chốc.

“Người có trí tuệ dùng phương tiện khéo léo mà thoát khỏi năm ấm. Phương tiện khéo léo đó tức là *Tám Thánh đạo, Sáu Ba-la-mật, Bốn tâm vô lượng*. Nhờ phương

tiện ấy mà được giải thoát, thân tâm chẳng bị năm ấm làm hại. Vì sao vậy? Vì thân như kim cương, tâm như hư không, nên khó bị hư hoại.

“Do những nghĩa ấy, Bồ Tát quán xét các ấm gây ra đủ mọi pháp bất thiện, sanh ra nỗi sợ lớn, bèn lo tu tập Tám Thánh đạo. Cũng giống như người bỏ trốn kia, vì sợ bốn con rắn độc, năm kẻ *chiên-đà-la* nên băng đường mà chạy đi, không dám quay đầu nhìn lại.

“Kẻ thù oán giả vờ thân thiện kia tức là tham ái. Đại Bồ Tát quán xét sâu xa sự trói buộc của tham ái giống như kẻ thù oán giả vờ thân thiện. Nếu rõ biết sự thật thì kẻ ấy chẳng làm gì được; nếu không rõ biết thì sẽ bị hại. Tham ái cũng vậy. Nếu biết được tánh thật của tham ái thì chúng sanh không còn bị luân chuyển trong biển khổ sanh tử; nếu không biết được tánh thật của tham ái thì phải luân hồi trong sáu nẻo, chịu đủ mọi nỗi khổ. Vì sao vậy? Vì tham ái là bệnh, rất khó buông bỏ xa lìa, cũng như kẻ thù oán giả vờ thân thiện, rất khó lìa xa.

“Kẻ thù oán giả vờ thân thiện thường rình rập tìm chỗ thuận tiện để khiến cho những người thương yêu nhau phải chia lìa, những người oán ghét phải gặp gỡ nhau. Tham ái cũng vậy, khiến cho người ta xa cách hết thảy pháp lành, gần gũi hết thảy các pháp bất thiện. Vì nghĩa ấy nên Bồ Tát quán xét sâu xa thấy tham ái như kẻ thù oán giả vờ thân thiện, vì [khiến cho người ta] thấy [cũng như] không thấy, nghe [cũng như] không nghe. Như kẻ phàm phu tuy có trí tuệ thấy được lỗi lầm của sanh tử, nhưng vì sự ngu si che lấp nên cũng cũng như không thấy. Hàng Thanh văn, Duyên giác cũng vậy, tuy thấy [cũng như] không thấy, tuy nghe [cũng như] không nghe. Vì sao vậy? Vì có tâm tham ái.

“Thế nào là vì có tâm tham ái? Vì thấy chỗ lỗi lầm của sanh tử nhưng không thể nhanh chóng đạt đến quả vị *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Do nghĩa ấy, Đại Bồ Tát quán xét sự trói buộc của tham ái giống như kẻ thù oán giả vờ thân thiện.

“Thế nào là biểu hiện của kẻ thù oán giả vờ thân thiện? Kẻ thù oán là không chân thật nhưng giả vờ ra vẻ chân thật; không thể gần gũi nhưng giả vờ ra vẻ gần gũi; thật là bất thiện nhưng giả vờ ra vẻ hiền thiện; thật không có lòng thương yêu nhưng giả vờ ra vẻ thương yêu. Vì sao vậy? Vì muốn rình rập tìm chỗ thuận tiện để làm hại.

“Tham ái cũng vậy, thường đối với chúng sanh giả vờ ra vẻ chân thật, giả vờ ra vẻ gần gũi, giả vờ ra vẻ hiền thiện, giả vờ ra vẻ thương yêu, thường đối gạt tất cả chúng sanh, khiến họ luân hồi sanh tử. Vì nghĩa ấy, Bồ Tát quán xét tham ái như kẻ thù oán giả vờ thân thiện.

“Với kẻ thù oán giả vờ thân thiện, ta chỉ thấy được hành vi và lời nói, không thấy được trong lòng nên bị đối gạt. Tham ái cũng vậy, chỉ là hư dối, thật không có được, nên có thể đối gạt tất cả chúng sanh.

“Kẻ thù oán giả vờ thân thiện thì có lúc khởi đầu, có lúc kết thúc, nên dễ lìa xa. Tham ái không phải vậy, không có khởi đầu, không có kết thúc, nên rất khó xa lìa.

“Kẻ thù oán giả vờ thân thiện khi ở xa thì khó rõ biết, nhưng khi ở gần mình thì dễ biết được. Tham ái không phải vậy, dù khi ở gần cũng khó rõ biết, huống chi là lúc ở xa?

“Vì những lẽ ấy nên Bồ Tát quán xét tham ái còn đáng sợ hơn cả kẻ giả vờ thân thiện. Vì sự trói buộc của tham ái, tất cả chúng sanh đều xa cách Đại *Niết-bàn*, gần gũi

sanh tử; xa cách *thường, lạc, ngã, tịnh*, gần gũi *vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh*. Cho nên ở nhiều nơi trong các kinh, Phật đều có dạy về ba sự nhớ nhớt là tham ái, sân hận và si mê. Chúng sanh đối với những sự việc trong hiện tại, do vô minh che lấp nên không thấy được những lỗi lầm nguy hại, không thể buông bỏ, xa lìa.

“Tham ái như kẻ oán giả vờ thân thiện, chẳng bao giờ làm hại được người có trí. Vì thế, Bồ Tát quán xét sâu xa tham ái, sanh ra nỗi sợ lớn, bèn lo tu tập Tám Thánh đạo. Cũng như người bỏ trốn kia vì sợ bốn con rắn độc, nắm tên *chiên-đà-la* và kẻ giả vờ thân thiện nên băng đường chạy đi không dám quay lại.

“Xóm nhà trống không kia tức là *sáu nhập*.<sup>(9)</sup> Đại Bồ Tát quán xét sáu nhập bên trong là trống trơn, thật không có gì, như xóm nhà trống không. Như kẻ hoảng sợ kia, khi vào xóm nhà rồi chẳng thấy có người dân nào cả, tìm xem hết mọi thứ đồ chứa cũng chẳng thấy có món vật dụng gì. Bồ Tát cũng vậy, quán xét kỹ sáu nhập không thấy có gì cả, không thấy có chúng sanh, không thấy có một vật gì là thật! Vì thế, Bồ Tát quán xét sáu nhập bên trong không có gì cả, như xóm nhà trống không.

“Thiện nam tử! Xóm nhà trống không kia, bọn giặc cướp từ xa trông đến không hề có ý nghĩ rằng đó là trống không. Những kẻ phạm phu cũng vậy, đối với cái xóm nhà sáu nhập không hề có ý nghĩ rằng đó là trống không. Vì không thể nghĩ rằng sáu nhập là trống không nên phải luân hồi sanh tử, chịu vô số nỗi khổ.

“Thiện nam tử! Khi bọn giặc cướp đến nơi rồi liền sanh khởi ý tưởng đó là trống không. Bồ Tát cũng vậy, quán xét sáu nhập thường sanh ý tưởng cho là trống

không. Vì sanh ý tưởng trống không nên không bị sanh tử luân hồi, không phải chịu khổ. Bồ Tát đối với sáu nhập ấy thường không điên đảo. Vì không điên đảo nên chẳng còn trở lại sanh tử luân hồi.

“Lại nữa, thiện nam tử! Như có giặc cướp vào trú trong xóm nhà trống không ấy sẽ được yên ổn. Giặc phiến não cũng vậy, vào trú trong sáu nhập sẽ được yên ổn. Như giặc cướp trú nơi xóm nhà trống không thì lòng không sợ sệt. Giặc phiến não cũng vậy, trú nơi sáu nhập cũng không còn sợ sệt.

“Như xóm nhà trống không kia chính là chỗ trú ngụ của sư tử, cọp, sói và mọi giống thú dữ. Sáu nhập bên trong cũng vậy, chính là chỗ trú ngụ của tất cả bọn thú dữ phiến não xấu ác. Cho nên Bồ Tát quán xét sâu xa thấy sáu nhập là trống không, không có gì cả, chỉ là chỗ trú ngụ của tất cả những điều bất thiện.

“Lại nữa, thiện nam tử! Đại Bồ Tát quán xét sáu nhập bên trong là trống không, không có gì cả, như xóm nhà trống không kia. Vì sao vậy? Vì là hư dối không chân thật. Xóm nhà trống không kia thật là trống không, không có gì, [người không hiểu biết] lại sanh ra ý tưởng cho là thật có; thật không có gì là vui, lại sanh ra ý tưởng cho là vui; thật không có người ở, lại sanh ra ý tưởng là có người. Sáu nhập bên trong cũng vậy, vốn là trống không, không có gì cả, [người không hiểu biết] lại sanh ra ý tưởng cho là thật có; thật không có gì vui, lại sanh ra ý tưởng cho là vui; thật không có người ở, lại sanh ra ý tưởng là có người. Chỉ người trí mới biết rõ như vậy, đạt đến sự chân thật.

“Lại nữa, thiện nam tử! Như xóm nhà trống không kia cũng có lúc có người, có lúc vắng người. Sáu nhập

không như vậy, lúc nào cũng là không. Vì sao vậy? Vì tánh [của chúng] thường là không. Đó là chỗ biết của người trí, chẳng phải do mắt thấy. Cho nên Bồ Tát quán xét sáu nhập bên trong chứa nhiều oán thù tai hại, liền lo tu tập Tám Thánh đạo không lúc nào dừng, như người kia vì sợ bốn con rắn độc, năm tên *chiên-đà-la*, một kẻ giả vờ thân thiện và sáu tên giặc cướp mà hoảng hốt bỏ chạy theo con đường lớn.

“Sáu tên giặc cướp kia tức là sáu trần bên ngoài.<sup>(10)</sup> Đại Bồ Tát quán xét sáu trần ấy như sáu tên giặc cướp. Vì sao vậy? Vì có thể cướp giết tất cả các pháp lành. Như sáu tên giặc cướp có thể cướp giết của cải và vật quý của tất cả mọi người. Giặc cướp sáu trần này cũng vậy, có thể cướp giết những điều lành quý báu của tất cả chúng sanh.

“Như sáu tên giặc cướp nếu vào trong nhà người ắt có thể cướp giết tài sản hiện có trong nhà, không phân biệt là tốt hay xấu, khiến cho người rất giàu có bỗng chốc hóa ra nghèo túng. Giặc cướp sáu trần cũng vậy, nếu thiệp nhập với sáu căn ắt có thể cướp giết tất cả pháp lành. Pháp lành mất hết thì [chúng sanh] trở nên nghèo túng trợ trợ, làm kẻ *nhất-xiển-đề*. Cho nên Bồ Tát quán xét kỹ thấy sáu trần cũng như sáu tên giặc cướp.

“Lại nữa, thiện nam tử! Như sáu tên giặc cướp khi muốn cướp của người cần phải có kẻ nội ứng. Nếu không có kẻ nội ứng, ắt chúng phải quay về. Giặc cướp sáu trần cũng vậy, nếu muốn cướp đoạt pháp lành cần phải nhân nơi bên trong có sự thấy biết của chúng sanh,<sup>(11)</sup> như các tướng *thường, lạc, ngã, tịnh, chấp hữu*. Nếu bên trong không có những tướng trạng ấy, giặc cướp sáu trần không thể cướp giết hết thảy pháp lành. Người có trí thì bên trong không có những tướng trạng như vậy,

còn kẻ phàm phu ắt là phải có, nên sáu trần thường đến cướp đoạt của cải là pháp lành. Vì không khéo léo giữ gìn nên bị cướp mất. Sự giữ gìn đó gọi là trí tuệ. Người có trí tuệ khéo léo đề phòng và gìn giữ nên không bị cướp. Cho nên Bồ Tát quán xét sáu trần cũng như sáu tên giặc cướp, thật không khác nhau.

“Lại nữa, thiện nam tử! Như sáu tên giặc cướp có thể làm cho thân tâm người dân khổ não. Giặc cướp sáu trần cũng vậy, thường làm cho thân tâm chúng sanh khổ não.

“Sáu tên giặc cướp chỉ cướp được tài sản hiện có của người ta mà thôi, nhưng giặc cướp sáu trần thường cướp đoạt tài sản là điều lành của chúng sanh trong cả ba đời.<sup>(12)</sup>

“Sáu tên giặc cướp kia, khi đêm tối lấy làm vui vẻ. Giặc cướp sáu trần cũng vậy, ở trong sự tăm tối của vô minh lấy làm vui vẻ.

“Sáu tên giặc cướp kia, chỉ có vua quan mới ngăn cản được chúng. Giặc cướp sáu trần cũng vậy, chỉ có Phật và Bồ Tát mới ngăn dừng được chúng.

“Sáu tên giặc cướp kia, khi muốn cướp đoạt thì không phân biệt dòng họ, người đoan chánh hay thông triết, nghe nhiều, học rộng hay sang quý, hèn hạ. Giặc cướp sáu trần cũng vậy, khi muốn cướp đoạt pháp lành thì cũng không phân biệt từ người đoan chánh cho đến kẻ hèn hạ.

Sáu tên giặc cướp kia, dù vua quan có chặt đứt tay chân cũng không thể khiến cho bọn chúng dứt bỏ lòng giặc cướp. Giặc cướp sáu trần cũng vậy, dù các vị *Tu-đà-hoàn*, *Tư-đà-hàm*, *A-na-hàm*<sup>(13)</sup> có chặt đứt tay chân của chúng cũng không thể làm cho chúng từ bỏ không cướp đoạt pháp lành.

“Như người khỏe mạnh, uy dũng mới có thể khuất phục sáu tên giặc cướp. Chư Phật và Bồ Tát cũng vậy, các ngài mới có đủ khả năng khuất phục bọn giặc cướp sáu trần.

“Ví như người có thân tộc đông đảo, bè phái vững mạnh, ắt không bị bọn sáu tên giặc kia cướp giết. Chúng sanh cũng thế, nếu có đủ bạn tốt, thiện tri thức thì không bị bọn giặc sáu trần cướp đoạt.

“Sáu tên giặc kia nếu thấy được tài sản của người khác liền có thể trộm cướp. Giặc sáu trần không phải vậy, hoặc thấy, hoặc biết, hoặc nghe, hoặc ngửi, hoặc xúc chạm, hoặc nhận biết, thấy đều có thể cướp đoạt.

“Sáu tên giặc kia chỉ có thể cướp đoạt tài sản của người ở *Dục giới* mà thôi, không thể cướp đoạt ở các cõi Sắc giới và Vô sắc giới. Giặc cướp sáu trần không phải vậy, chúng có thể cướp đoạt tất cả của báu là pháp lành trong Ba cõi.

“Cho nên Bồ Tát quán xét sáu trần còn đáng sợ hơn cả sáu tên giặc cướp kia. Quán xét như vậy rồi liền tu tập Tám Thánh đạo, thẳng tiến không thối lui; cũng như người kia vì sợ bốn con rắn độc, nắm tên *chiên-đà-la*, một kẻ giả vờ thân thiện và sáu tên giặc cướp mà vội bỏ xóm nhà không người, băng đường chạy đi.

“Trên đường gặp một dòng sông, đó là phiền não. Vì sao Bồ Tát quán xét phiền não như dòng sông lớn? Như dòng sông nước chảy xiết có thể cuốn trôi cả con voi to đang sung sức. Dòng sông phiền não chảy xiết cũng vậy, có thể cuốn trôi cả hàng Duyên giác. Cho nên Bồ Tát quán xét sâu xa thấy phiền não cũng như dòng sông chảy xiết.

“Nước sâu khó dò tới đáy nên gọi là *sông*, bờ xa không vượt sang được nên gọi là *lớn*. Trong dòng nước lại có đủ mọi thứ cá dữ. Sông lớn phiền não cũng vậy, chỉ có Phật

và Bồ Tát mới dò được tận đáy, nên gọi là rất sâu; chỉ có Phật và Bồ Tát mới sang được tới bờ bên kia, nên gọi là rộng lớn. Thường làm hại tất cả chúng sanh ngu si, nên gọi là cá dữ. Vì thế Bồ Tát quán xét phiền não như dòng sông lớn [rất sâu và có nhiều cá dữ].

“Như nước sông lớn có thể làm tăng trưởng tất cả cỏ cây, rừng rậm. Sông lớn phiền não cũng vậy, có thể làm tăng trưởng chúng sanh trong hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu.<sup>(14)</sup> Cho nên Bồ Tát quán xét phiền não cũng như dòng sông lớn.

“Ví như có người rơi xuống dòng nước sông lớn, không có gì là hổ thẹn. Chúng sanh cũng thế, chìm trong dòng sông phiền não không hề hổ thẹn. Như người rơi xuống sông, chưa chìm tới đáy đã mất mạng rồi. Chúng sanh trong dòng sông phiền não cũng vậy, chưa chìm tới đáy đã phải xoay vòng luân chuyển trong hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu.

“Nói đáy sông đó là chỉ cho tướng *Không*. Nên biết rằng, nếu ai không tu tập tướng *Không* này thì không thể ra khỏi hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu. Vì tất cả chúng sanh không khéo tu tập lẽ *Không*, *Vô tướng*, nên thường bị dòng sông phiền não cuốn trôi, nhận chìm.

“Như dòng sông lớn kia chỉ có thể làm hại xác thân, không thể nhận chìm hết thủy pháp lành. Dòng sông lớn phiền não không phải vậy, vì có thể làm hư hoại hết thủy các pháp lành của thân và tâm.

“Dòng sông hung hãn kia cũng chỉ cuốn trôi, nhận chìm người trong cõi *Dục giới*. Dòng sông lớn phiền não có thể cuốn trôi, nhận chìm cả loài người và chư thiên trong Ba cõi.

“Như dòng sông lớn ở thế gian, có thể ôm phao nổi mà đạp chân sang đến bờ bên kia. Với dòng sông lớn phiền não, chỉ có Bồ Tát nhờ nơi sáu pháp *ba-la-mật* mới có thể vượt qua được.

“Như nước sông lớn thật khó mà lội được sang bờ bên kia. Sông lớn phiền não cũng vậy, thật khó mà vượt sang đến bờ bên kia.

“Vì sao nói rằng khó vượt sang được? Cho đến các vị Đại Bồ Tát đạt địa vị Mười trụ vẫn còn chưa thể rảo vượt sang, chỉ có chư Phật mới rảo vượt sang mà thôi. Vì thế nên nói rằng khó vượt sang.

“Ví như có một người bị dòng sông cuốn trôi, không thể tu tập chút pháp lành nào. Chúng sanh cũng vậy, bị dòng sông phiền não cuốn trôi, nhận chìm, cũng không thể tu tập được pháp lành.

“Như người rớt xuống sông bị nước cuốn trôi, nếu gặp người đủ sức mạnh có thể cứu vớt lên. Nhưng với người bị chìm trong dòng sông phiền não, làm kẻ *nhất-xiển-đề* thì dù là Thanh văn, Duyên giác cho đến chư Phật cũng không thể cứu vớt được.

“Vào thuở kiếp tận sẽ có bảy mặt trời cùng chiếu xuống dòng sông lớn ở thế gian, khiến cho khô cạn. Sông lớn phiền não không phải như vậy, hàng Thanh văn, Duyên giác tuy tu tập *Bảy giác chi*<sup>(15)</sup> cũng không thể làm cho khô cạn được. Vì thế, Bồ Tát quán xét các phiền não giống như dòng sông hung bạo.

“Ví như người kia vì sợ bốn con rắn độc, năm tên *chiên-đà-la*, một kẻ giả vờ thân thiện và sáu tên giặc cướp mà rời bỏ xóm nhà trống không để theo đường chạy trốn. Khi đến bờ sông liền kết cỏ làm bè qua sông. Bồ Tát cũng vậy, vì sợ rắn độc là *bốn đại, chiên-đà-la* là

*năm ấm*, kẻ giả vờ thân thiện là *tham ái*, xóm nhà trống không là *sáu nhập*, giặc cướp là *sáu trần*, liên chạy tới bờ sông *phiên não*, tu tập *giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, sáu ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm trợ đạo*, dùng đó làm thuyền bè để nương theo mà vượt qua sông lớn *phiên não*, đến được bờ bên kia là cảnh giới *Niết-bàn* an vui.

“Vị Bồ Tát tu hành Đại *Niết-bàn* có suy nghĩ rằng: ‘Nếu ta không nhẫn chịu được những nỗi khổ của thân, của tâm như thế này, ắt không thể giúp cho tất cả chúng sanh vượt qua được dòng sông *phiên não*.’ Suy nghĩ như vậy, nên dù có những nỗi khổ nào trong thân tâm, [vị Bồ Tát] cũng lặng lẽ nhẫn chịu. Vì nhẫn chịu được nên không sanh ra lậu hoặc.

“Vị Bồ Tát như vậy còn không có các lậu hoặc, huống chi đức Phật Như Lai làm sao có lậu hoặc? Cho nên chư Phật không thể gọi là hữu lậu.

“Vì sao Như Lai cũng không phải vô lậu? Đức Như Lai thường hành đạo trong cõi hữu lậu, tức là hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu. Vì thế nên hàng Thanh văn và những kẻ phàm phu nói rằng Phật là hữu lậu; nhưng chư Phật Như Lai chân thật là vô lậu.

“Thiện nam tử! Do những nhân duyên ấy nên chư Phật Như Lai không hề có tướng nhất định.

“Thiện nam tử! Vì thế nên kẻ phạm bốn giới cấm nặng, phỉ báng kinh Phương đẳng cùng với kẻ *nhất-xiển-đề*, thấy đều là không nhất định.”

Lúc ấy, Đại Bồ Tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật: “Đúng vậy, đúng vậy! Quả như lời Phật dạy, hết thấy các pháp đều là không nhất định.

Vì lẽ không nhất định ấy, nên biết rằng Như Lai không phải dứt bỏ hết tất cả mà nhập *Niết-bàn*.

“Như trước đây Phật có dạy: ‘Đại Bồ Tát tu hành Đại *Niết-bàn* nghe được những điều không [thể] nghe: có *Niết-bàn*, có Đại *Niết-bàn*.’ [Bạch Thế Tôn!] Thế nào là *Niết-bàn*? Thế nào là Đại *Niết-bàn*?”

Bấy giờ, Phật ngợi khen Đại Bồ Tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Chỉ có Bồ Tát nào đã được niệm tổng trì mới có thể thưa hỏi như vậy.

“Thiện nam tử! Như người đời nói có biển, có biển lớn; có sông, có sông lớn; có núi, có núi lớn; có cõi đất, có cõi đất lớn; có thành, có đại thành; có chúng sanh, có đại chúng sanh; có tiểu vương, có đại vương; có chư thiên, có đại thiên; có đạo, có đại đạo. *Niết-bàn* cũng thế, có *Niết-bàn*, có Đại *Niết-bàn*.

“Thế nào là *Niết-bàn*? Thiện nam tử! Như có người đang đói, nếu được chút cơm ăn thì cho là vui sướng. Sự vui sướng như vậy cũng gọi là *Niết-bàn*. Như người bệnh được khỏi thì cho là vui sướng. Sự vui sướng như vậy cũng gọi là *Niết-bàn*. Như người đang sợ sệt gặp chỗ nương dựa, ắt được vui sướng. Sự vui sướng như vậy cũng gọi là *Niết-bàn*. Như người nghèo túng được vật bằng bảy báu, ắt được vui sướng. Sự vui sướng như vậy cũng gọi là *Niết-bàn*. Như người quán tưởng bộ xương, dứt lòng tham muốn, ắt được an vui. Sự an vui như vậy cũng gọi là *Niết-bàn*.

“*Niết-bàn* như vậy không gọi là Đại *Niết-bàn*. Vì sao vậy? Vì có được là do đói khát, do bệnh tật, do sợ sệt, do nghèo túng, do tham đắm vướng mắc, nên gọi là *Niết-bàn*, không phải Đại *Niết-bàn*.

“Thiện nam tử! Như kẻ phàm phu và hàng Thanh văn, hoặc do nơi pháp thế gian, hoặc nhân nơi Thánh đạo mà dứt trừ được phiền não trói buộc ở Dục giới, ắt sẽ được an vui. Sự an vui như vậy cũng gọi là *Niết-bàn*, không gọi là Đại *Niết-bàn*.

“Nếu có thể dứt được phiền não trói buộc từ cảnh Sơ thiên cho đến cảnh Phi tưởng phi phi tưởng ắt được an vui. Sự an vui như vậy cũng gọi là *Niết-bàn*, không gọi là Đại *Niết-bàn*. Vì sao vậy? Vì còn có tập khí<sup>(16)</sup> [làm] sanh khởi phiền não trở lại.

“Thế nào là phiền não tập khí? Hàng Thanh văn, Duyên giác đều có những thói quen phiền não, như là những ý niệm: thân của ta, y phục của ta; ta đi, ta lại, ta nói, ta nghe; chư Phật Như Lai nhập *Niết-bàn*, tánh của *Niết-bàn* là vô ngã, vô lạc, chỉ có thường hằng thanh tịnh mà thôi. [Những ý niệm sai lầm] như thế gọi là phiền não tập khí.

“[Hoặc có những ý niệm như là:] Phật, Pháp, Tăng là những tướng khác biệt nhau, Như Lai rốt cùng dứt bỏ tất cả mà nhập *Niết-bàn*, chỗ chứng đắc *Niết-bàn* của hàng Thanh văn, Duyên giác với chư Phật Như Lai không có gì khác biệt. Do có những ý niệm [sai lầm] như thế nên chỗ chứng đắc của hàng *Nhị thừa*<sup>(17)</sup> không phải là Đại *Niết-bàn*.

“Vì sao vậy? Vì không có *thường, lạc, ngã, tịnh*. Có *thường, lạc, ngã, tịnh* mới được gọi là Đại *Niết-bàn*.

“Thiện nam tử! Ví như nơi có thể dung chứa [tất cả] các dòng nước nên gọi là biển lớn. [Cũng vậy,] nơi mà hàng Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát và chư Phật Như Lai đều đạt đến thì gọi là Đại *Niết-bàn*. Nơi nào có thể dung chứa vô số các thiện pháp như *Bốn cảnh giới thiên*,<sup>(18)</sup> *Ba pháp Tam-muội*,<sup>(19)</sup> *Tám bệ xả*,<sup>(20)</sup> *Tám pháp*

*thắng xứ*,<sup>(21)</sup> *Mười pháp nhất thiết xứ*<sup>(22)</sup> thì gọi là Đại *Niết-bàn*.

“Thiện nam tử! Ví như có dòng sông mà con voi to khỏe nhất cũng không thể lặn tới đáy, ắt phải gọi là sông lớn. Hàng Thanh văn, Duyên giác, cho đến Bồ Tát đã đạt đến địa vị Mười trụ nhưng không thấy tánh Phật, chỉ gọi là *Niết-bàn*, không phải Đại *Niết-bàn*. Nếu ai có thể thấy rõ ràng tánh Phật, ắt phải được gọi là Đại *Niết-bàn*. Như dòng sông lớn chỉ có voi chúa mới lặn được thấu đáy. Voi chúa ấy chính là chư Phật, mới có khả năng thấu suốt Đại *Niết-bàn*.

“Thiện nam tử! Nếu như voi chúa dũng kiện<sup>(23)</sup> cùng với các vị thần *bát-kiện-đà*,<sup>(24)</sup> các đại lực sĩ cùng leo lên một ngọn núi, trải qua thời gian rất lâu vẫn không tới được đỉnh núi, như vậy mới gọi là núi lớn. Nếu như các voi chúa dũng kiện, các đại lực sĩ là Thanh văn, Duyên giác và chư Bồ Tát đều không thể thấy, cảnh giới ấy mới gọi là Đại *Niết-bàn*.

“Lại nữa, thiện nam tử! Nơi vị tiểu vương cư trú gọi là tiểu thành. Nơi vị Chuyển luân Thánh vương cư trú mới gọi là đại thành. Nơi an trụ của tám vạn, sáu vạn, bốn vạn, hai vạn, một vạn Thanh văn, Duyên giác gọi là *Niết-bàn*. Nơi an trụ của bậc Thánh vương là Vô thượng Pháp vương mới được gọi là Đại Bát *Niết-bàn*. Do những nghĩa ấy nên gọi là Đại Bát *Niết-bàn*.

“Thiện nam tử! Như có người nhìn thấy bốn loại quân binh<sup>(25)</sup> mà không sanh lòng sợ sệt, nên biết rằng người ấy đáng gọi là bậc đại nhân. Nếu người nào đối với các cảnh giới xấu ác, phiền não, nghiệp ác không sanh lòng sợ sệt mà có thể ở trong đó để rộng độ chúng sanh, nên biết rằng người ấy thật chứng đắc Đại *Niết-bàn*.

“Nếu ai biết cúng dường cha mẹ, cung kính *sa-môn*, *bà-la-môn*, biết tu tập giữ gìn pháp lành, nói ra lời thành thật, không có sự dối gạt, khinh miệt, có thể nhẫn chịu mọi sự xấu ác, rộng lòng bố thí cho kẻ nghèo đói, người ấy đáng gọi là bậc đại trượng phu. Bồ Tát cũng vậy, có lòng từ bi lớn, thương xót tất cả, lòng thương yêu chúng sanh như các bậc cha mẹ, có thể đưa chúng sanh vượt qua sông sanh tử, chỉ bày cho tất cả chúng sanh đạo chân thật duy nhất. Như vậy gọi là Đại Bát Niết-bàn.

“Thiện nam tử! Đại, đó gọi là không thể nghĩ bàn. Không thể nghĩ bàn, nên là chỗ mà tất cả chúng sanh không đủ sức tin. Như thế gọi là Đại Bát Niết-bàn.

“Vì là cảnh giới chỉ có Phật và Bồ Tát mới thấy được nên gọi là Đại Niết-bàn. Vì nhân duyên gì lại gọi là đại? Vì phải có vô lượng nhân duyên rồi mới đạt được nên gọi là đại.

“Thiện nam tử! Như người thế gian, việc gì phải có nhiều nhân duyên mới đạt được thì gọi là đại. [Đại] Niết-bàn cũng vậy, vì phải có nhiều nhân duyên mới đạt được nên gọi là đại.

“Vì sao lại gọi là Đại Niết-bàn? Vì có đại ngã nên gọi là Đại Niết-bàn. Niết-bàn không có ngã, vì được hoàn toàn tự tại tùy ý nên gọi là đại ngã. Thế nào gọi là hoàn toàn tự tại? Vì có tám đức tự tại, nên gọi là đại ngã.<sup>(26)</sup> Những gì là tám [đức tự tại]?

“Thứ nhất, có thể dùng một thân mà thị hiện nhiều thân. Số thân lớn hoặc nhỏ nhiều như số hạt bụi nhỏ, đầy khắp vô lượng thế giới trong mười phương.

“Thân Như Lai thật ra chẳng phải nhiều như số hạt bụi nhỏ, nhờ được hoàn toàn tự tại nên [có thể] hiện ra số thân nhiều như số hạt bụi nhỏ. Sự hoàn toàn tự tại tùy ý như vậy gọi là đại ngã.

“Thứ hai, có thể dùng một thân nhỏ như hạt bụi mà thị hiện [lớn lên] choán đầy cõi thế giới Tam thiên đại thiên.

Thân Như Lai thật ra không [lớn lên] choán đầy cõi thế giới Tam thiên đại thiên. Nhưng vì sao vậy? Vì không có sự ngăn ngại, và chính là nhờ được hoàn toàn tự tại mà [có thể thị hiện lớn lên] choán đầy khắp cõi thế giới Tam thiên đại thiên. Sự hoàn toàn tự tại như vậy gọi là đại ngã.

“Thứ ba, có thể dùng cái thân rộng lớn choán đầy khắp cõi thế giới Tam thiên đại thiên này mà nhẹ nhàng bay trên hư không, vượt qua các cõi thế giới của chư Phật nhiều như số cát hai mươi con sông Hằng, không có sự chướng ngại nào cả.

“Thân Như Lai thật ra không có nặng nhẹ, nhưng do được hoàn toàn tự tại nên có thể hóa hiện thành nhẹ hay nặng. Sự hoàn toàn tự tại như vậy gọi là đại ngã.

“Thứ tư, do sự tự tại mà được tự tại. Thế nào là tự tại? Như Lai đạt đến sự nhất tâm, trụ yên không xao động. Tâm ấy có thể thị hiện hóa ra vô số hình loại, mỗi hình loại đều khiến cho có tâm thức. Có khi Như Lai tạo ra một sự việc mà khiến cho tất cả chúng sanh đều thành tựu đầy đủ. Thân Như Lai thường trụ ở một cõi mà khiến cho tất cả chúng sanh ở các cõi khác đều nhìn thấy được. Sự hoàn toàn tự tại như vậy gọi là đại ngã.

“Thứ năm, do nơi căn tự tại. Thế nào gọi là căn tự tại? Mỗi một căn của Như Lai đều có thể nhìn thấy hình sắc, nghe âm thanh, ngửi mùi, nếm vị, xúc chạm, biết pháp. Cả sáu căn của Như Lai lại cũng không thấy hình sắc, không nghe âm thanh, không ngửi mùi, không nếm vị, không xúc chạm, không biết pháp. Vì hoàn toàn tự tại nên khiến cho các căn đều được tự tại. Sự hoàn toàn tự tại như vậy gọi là đại ngã.

“Thứ sáu, do hoàn toàn tự tại nên chúng đắc tất cả các pháp. Trong tâm Như Lai cũng không hề có ý tưởng chúng đắc. Vì sao vậy? Vì không có chỗ chúng đắc. Nếu là có mới gọi là chúng đắc. Thật không gì là có, làm sao gọi là chúng đắc? Nếu Như Lai có ý tưởng cho là có chúng đắc, ắt chư Phật không thật chúng đắc *Niết-bàn*. Vì không có chỗ chúng đắc nên mới gọi là chúng đắc *Niết-bàn*. Vì hoàn toàn tự tại nên chúng đắc tất cả các pháp. Vì chúng đắc [tất cả] các pháp nên gọi là *đại ngã*.

“Thứ bảy, do nơi sự giảng thuyết tự tại nên Như Lai [có thể] giảng thuyết rộng ý nghĩa của một bài kệ mà trải qua vô lượng kiếp cũng không hết nghĩa. Như nói về giới, hoặc nói về định, hoặc về bố thí, hoặc về trí tuệ. Như Lai trong lúc ấy chẳng hề sanh khởi ý niệm rằng có người thuyết giảng, có người nghe, cũng không sanh khởi ý tưởng là có bài kệ.

“Người đời lấy hình thức bốn câu gọi là một bài kệ. Như Lai vì tùy thuận thế gian nên thuyết giảng gọi là kệ. Nhưng tánh thật của tất cả các pháp cũng không có sự giảng thuyết. Vì được hoàn toàn tự tại nên Như Lai giảng thuyết. Vì giảng thuyết nên gọi là *đại ngã*.

“Thứ tám, Như Lai biến hiện khắp cả mọi nơi, giống như hư không. Tánh của hư không là không thể nhìn thấy được. Như Lai cũng thế, không thể nhìn thấy được. Nhưng nhờ sự tự tại nên khiến cho tất cả [chúng sanh] đều nhìn thấy. Sự hoàn toàn tự tại như vậy nên gọi là *đại ngã*.

“*Đại ngã* như vậy gọi là *Đại Niết-bàn*. Do những nghĩa ấy nên gọi là *Đại Niết-bàn*.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như kho tàng châu báu có nhiều vật quý hiếm, đầy đủ hàng trăm loại nên gọi là

kho tàng lớn. Kho tàng rất sâu xa uyên áo của chư Phật Như Lai cũng vậy, có nhiều sự vật lạ kỳ, đầy đủ không thiếu sót, nên gọi là *Đại Niết-bàn*.

“Lại nữa, thiện nam tử! Sự vật không có giới hạn mới gọi là *đại*. [*Đại*] *Niết-bàn* không có giới hạn nên gọi là *đại*.

“Lại nữa, thiện nam tử! Vì có niềm vui sướng lớn lao nên gọi là *Đại Niết-bàn*. [*Đại*] *Niết-bàn* thật không có vui. Vì có đủ bốn niềm vui [lớn lao] nên gọi là *Đại Niết-bàn*.

“Những gì là bốn niềm vui [lớn lao]?”

“Thứ nhất là dứt trừ sự vui. Nếu không dứt trừ sự vui ắt gọi là khổ.<sup>(27)</sup> Nếu có khổ thì không gọi là niềm vui lớn lao. Nhờ dứt trừ sự vui nên không có khổ. Không khổ không vui mới gọi là niềm vui lớn lao.

“Tánh của *Niết-bàn* là không khổ, không vui. Cho nên *Niết-bàn* gọi là niềm vui lớn lao. Vì nghĩa ấy nên gọi là *Đại Niết-bàn*.

“Lại nữa, thiện nam tử! Vui có hai loại: một là sự vui của phàm phu, hai là niềm vui của chư Phật. Sự vui của phàm phu là vô thường, bại hoại, nên không thật là vui. Chư Phật thường vui, không có sự biến chuyển thay đổi nên gọi là niềm vui lớn lao.

“Lại nữa, thiện nam tử! Có ba loại cảm thọ, một là cảm thọ khổ, hai là cảm thọ vui, ba là cảm thọ không khổ không vui.

“Cảm thọ không khổ không vui của phàm phu [thật ra] cũng chính là [cảm thọ] khổ. *Niết-bàn* tuy cũng là không khổ không vui, nhưng gọi là niềm vui lớn lao. Vì là niềm vui lớn lao nên gọi là *Đại Niết-bàn*.

“Thứ hai là vì hết sức tĩnh lặng nên gọi là niềm vui lớn lao. Tánh của *Niết-bàn* là hết sức tĩnh lặng. Vì sao vậy? Vì lìa xa tất cả các pháp rối rắm ồn ào. Vì hết sức tĩnh lặng nên gọi là *Đại Niết-bàn*.

“Thứ ba là vì rõ biết tất cả nên gọi là niềm vui lớn lao. Nếu không phải rõ biết tất cả thì không gọi là niềm vui lớn lao. Vì chư Phật Như Lai rõ biết tất cả nên gọi là niềm vui lớn lao. Vì có niềm vui lớn lao nên gọi là Đại Niết-bàn.

“Thứ tư là vì thân không hư hoại nên gọi là niềm vui lớn lao. Nếu thân có sự hư hoại, ắt không gọi là vui. Thân Như Lai [bền chắc] như kim cương, không thể hư hoại, chẳng phải thân phiến não, chẳng phải thân vô thường, cho nên gọi là niềm vui lớn lao. Vì có niềm vui lớn lao nên gọi là Đại Niết-bàn.

“Thiện nam tử! Những tên gọi ở thế gian, hoặc có nhân duyên, hoặc không có nhân duyên.

“Những trường hợp có nhân duyên là như tên ông *Xá-lợi-phất*. Vì mẹ tên là *Xá-lợi*, nhân theo mẹ mà đặt tên nên gọi là *Xá-lợi-phất*; hoặc như đạo nhân *Ma-du-la* sanh ở *Ma-du-la*, nhân theo nơi [sanh] mà đặt tên nên gọi là đạo nhân *Ma-du-la*; hoặc như *Mục-kiên-liên*, vốn có họ là *Mục-kiên-liên*, nhân theo họ mà đặt tên nên vẫn gọi là *Mục-kiên-liên*; hoặc như ta sanh trong dòng họ *Cô-đàm*, nhân theo họ mà đặt tên nên gọi ta là *Cô-đàm*; hoặc như bà đưa tin *Tỳ-xá-khư*,<sup>(28)</sup> *Tỳ-xá-khư* là tên một ngôi sao, nhân theo tên sao mà đặt tên nên gọi là *Tỳ-xá-khư*; hoặc như người có sáu ngón tay, nhân theo sáu ngón tay ấy mà gọi tên là *Lục chỉ*; hoặc như những danh xưng Phật *nô* là tôi tớ của Phật, *Thiên nô* là tôi tớ của chư thiên, đều là nhân nơi Phật, nơi chư thiên mà có; hoặc như những loài từ chỗ ẩm ướt mà sanh ra, người ta liền gọi là *thấp sanh*; hoặc nhân theo tiếng kêu của các giống vật mà đặt tên như *ca-ca-la*,<sup>(29)</sup> *cứu-cứu-la*,<sup>(30)</sup> *đát-đát-la*...<sup>(31)</sup> Những tên gọi như vậy đều do nhân duyên mà có.

“Những trường hợp không do nhân duyên là như các tên gọi hoa sen, đất, nước, lửa, gió, hư không... Như tên gọi *mạn-đà-bà* có hai nghĩa, một là chỉ cung điện, hai là chỉ việc uống nước. Chỉ riêng cung điện, không nói việc uống nước cũng gọi là *mạn-đà-bà*. Như tên gọi *tát-bà-xa-đa* nghĩa là cái dù che con rắn,<sup>(32)</sup> thật chẳng phải là cái dù che rắn. Đó gọi là không có nguyên nhân mà gượng ép đặt thành tên. Như tên gọi *để-la-bà-di* có nghĩa là ăn dầu, nhưng thật không có việc ăn ăn dầu, gượng ép đặt tên gọi là ăn dầu. Đó gọi là không có nhân duyên mà gượng ép đặt thành tên gọi.

“Thiện nam tử! Đại Niết-bàn này cũng là như vậy, không có nhân duyên, chỉ gượng ép đặt thành tên gọi.

“Thiện nam tử! Ví như hư không, chẳng phải nhân nơi khoảng không nhỏ mà gọi là đại không. Niết-bàn cũng vậy, chẳng phải nhân nơi tướng nhỏ nhặt mà gọi là Đại Niết-bàn.

“Thiện nam tử! Ví như sự vật không thể cân lường, không thể nghĩ bàn nên gọi là đại. Niết-bàn cũng vậy, vì không thể cân lường, không thể nghĩ bàn nên được gọi là Đại Niết-bàn. Vì thanh tịnh thuần khiết nên gọi là Đại Niết-bàn.

“Thiện nam tử! Thế nào là thanh tịnh thuần khiết? Thanh tịnh có bốn loại.

“Những gì là bốn?

“Thứ nhất, hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu gọi là không thanh tịnh, vì có thể dứt trừ mãi mãi nên được gọi là thanh tịnh. Thanh tịnh tức Niết-bàn. Niết-bàn như vậy cũng được gọi là hiện hữu. Nhưng Niết-bàn ấy thật chẳng phải là hiện hữu. Chư Phật Như Lai vì tùy

thuận thể tục nên nói rằng Niết-bàn hiện hữu. Ví như người đời, chẳng phải cha gọi là cha, chẳng phải mẹ gọi là mẹ, thật chẳng phải cha mẹ mà gọi là cha mẹ. Niết-bàn cũng như thế, vì tùy thuận thể tục nên nói rằng chư Phật có Đại Niết-bàn.

“Thứ hai là do nghiệp thanh tịnh. Tất cả phàm phu, vì nghiệp không thanh tịnh nên không có Niết-bàn. Chư Phật Như Lai vì nghiệp thanh tịnh nên gọi là thanh tịnh thuần khiết. Vì thanh tịnh thuần khiết nên gọi là Đại Niết-bàn.

“Thứ ba là do thân thanh tịnh. Nếu thân vô thường thì gọi là không thanh tịnh. Thân Như Lai thường tồn nên gọi là thanh tịnh thuần khiết. Vì thanh tịnh thuần khiết nên gọi là Đại Niết-bàn.

“Thứ tư là do tâm thanh tịnh. Nếu tâm có lậu hoặc ắt gọi là không thanh tịnh. Tâm Phật không có lậu hoặc nên gọi là thanh tịnh thuần khiết. Vì thanh tịnh thuần khiết nên gọi là Đại Niết-bàn.

“Thiện nam tử! Như vậy gọi là thiện nam tử, thiện nữ nhân tu tập và hành trì theo kinh Đại Bát Niết-bàn này được thành tựu đầy đủ phần công đức thứ nhất.”

## KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

### HẾT QUYỂN HAI MƯƠI BA

## CHÚ GIẢI

1. Ba loại tư tưởng xấu ác: Nguyên bản Hán văn dùng “ác giác” (惡覺). Sách Đại thừa nghĩa chương, quyển 5 (Đại Chánh tạng, tập 44, kinh số 1851, trang 574, tờ c, dòng 1 và 2) giải thích rằng: “Tà tâm tư tưởng danh chi vi giác; giác vi chánh lý cố xưng vi ác.” - 邪思想名之為覺, 覺達正理故稱為惡。 (Tâm ý, tư tưởng tà vậy gọi là giác; chỗ giác đó trái nghịch lẽ chân chánh nên gọi là xấu ác.) Vì thế chúng tôi dịch là “tư tưởng xấu ác”. Ba loại tư tưởng xấu ác được đề cập ở đây là: dục giác (欲覺), tức tư tưởng tham dục, sanh ra sự ham muốn; hai là khuể giác (恚覺 - hay sân giác 瞋覺), tức tư tưởng nóng giận, bực tức; ba là hại giác (害覺), tức tư tưởng muốn xâm hại kẻ khác. Đối với những việc hài lòng thích ý thì sanh lòng tham đắm nên có dục giác; đối với những việc không ưa thích, trái ý thì sanh ra bực tức, ghét giận nên có sân giác; đối với những kẻ làm trái ý mình thì sanh tâm muốn làm hại, nên có hại giác. Kinh Vô lượng thọ, quyển thượng, dạy rằng hết thấy phàm phu đều có đủ ba loại tư tưởng xấu ác này.
2. Ba nẻo ác (Tam ác đạo), cũng gọi là Tam đồ: 1. Địa ngục (Hỏa đồ): cảnh giới bị lửa thiêu đốt một cách mãnh liệt. 2. Súc sanh (Huyết đồ): cảnh giới súc sanh, thường bị người giết hại để ăn thịt, hoặc tự ăn thịt lẫn nhau. 3. Ngạ quỷ (Đao đồ): cảnh giới quỷ đói, thường xuyên đói khát mà còn bị bức bách, xua đuổi hoặc hành hạ bằng những khí cụ như đao, kiếm, trượng...
3. Sáu chỗ niệm tưởng (Lục niệm xứ). 1. Niệm Phật, 2. Niệm Pháp, 3. Niệm Tăng, 4. Niệm giới, 5. Niệm Thí, 6. Niệm Thiên.
4. Theo tín ngưỡng bà-la-môn thì bò là loại linh vật, nên người theo đạo bà-la-môn không bao giờ ăn thịt bò.
5. Con rùa mù gặp bông cây nổi: ví dụ để chỉ những điều rất khó xảy ra. Có con rùa mù ở giữa biển, cứ 100 năm mới nổi lên một lần, lại có khúc cây có lỗ bông, cứ 100 năm mới trôi ngang qua chỗ con rùa một lần. Nếu có khi nào con rùa tình cờ nổi lên đúng vào lúc khúc cây trôi qua, lại đúng vào chỗ bông cây để chui vào (vì rùa mù không nhìn thấy) thì thật là chuyện cực kỳ hiếm có.
6. Nguyên bản Hán văn dùng “trung quốc” với ý nghĩa đối lại với những nơi “biên địa hạ tiện”, tức là những vùng xa xôi, hẻo lánh, xa cách nếp sống văn minh tiến bộ. Vì thế, “trung quốc” được hiểu là ở giữa những nơi văn minh tiến bộ, được thụ hưởng lợi thế của nền văn hóa, văn minh tiến bộ của con người.
7. Theo Nam bản thì từ đây hết quyển 20, bắt đầu quyển 21, phẩm Bồ Tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương, phần thứ 3 (Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Bồ Tát phẩm chi tam).

8. Năm ấm (ngũ ấm): Tức là sắc ấm, thọ ấm, tưởng ấm, hành ấm và thức ấm. Cũng gọi là năm uẩn (ngũ uẩn).
9. Sáu nhập (lục nhập): ở đây chỉ sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý), tức là sáu nhập bên trong (nội lục nhập). Còn có sáu nhập bên ngoài (ngoại lục nhập) tức là sáu trần (hình sắc, âm thanh, mùi hương, vị nếm, sự xúc chạm và các pháp). Sáu căn bên trong thiệp nhập với sáu trần bên ngoài sanh ra sáu thức, nên gọi là nhập.
10. Sáu trần (Lục trần): hình sắc, âm thanh, mùi hương, vị nếm, sự xúc chạm và các pháp.
11. Sự thấy biết của chúng sanh (chúng sanh tri kiến): sự thấy biết không chân thật, sai lệch, khiến cho chúng sanh phải chìm đắm trong sanh tử, trái lại với sự thấy biết chân thật của bậc giác ngộ (Phật tri kiến). Sự thấy biết sai lệch này cũng gọi là điên đảo (điên đảo kiến).
12. Ba đời: quá khứ, hiện tại và tương lai.
13. Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm: ba quả vị Tiểu thừa thấp hơn quả vị A-la-hán.
14. Hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu (nhị thập ngũ hữu): Chỉ tất cả những cảnh giới trong Ba cõi.
15. Bảy giác chi (Thất giác chi): cũng gọi là Bảy phần Bồ-đề (Thất Bồ-đề phần), vì đây là những yếu tố tạo thành sự giác ngộ. Bảy giác chi bao gồm: Niệm giác chi, Trạch Pháp giác chi, Tinh tấn giác chi, Hỷ giác chi, Khinh an giác chi, Định giác chi và Xả giác chi.
16. Tập khí: những tập quán, thói quen xấu được tích lũy qua một thời gian dài, thậm chí là trong rất nhiều đời nhiều kiếp quá khứ, nên thường rất khó nhận ra.
17. Nhị thừa: chỉ Thanh văn thừa và Duyên giác thừa.
18. Bốn cảnh giới thiên: từ Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên đến Tứ thiên.
19. Ba pháp Tam-muội: cũng gọi là Tam định, Tam đẳng trì, Tam không. Gồm có: Không Tam-muội, Vô tướng Tam-muội và Vô nguyện Tam-muội.
20. Tám bội xả: cũng gọi là Tám giải thoát.
21. Tám pháp thắng xứ, hay tám phép quán tưởng, được kể ra như sau: 1. Nội hữu sắc tưởng quán ngoại sắc thiếu thắng xứ, 2. Nội hữu sắc tưởng quán ngoại sắc đa thắng xứ, 3. Nội vô sắc tưởng quán ngoại sắc thiếu thắng xứ, 4. Nội vô sắc tưởng quán ngoại sắc đa thắng xứ, 5. Thanh thắng xứ, 6. Hoàng thắng xứ, 7. Xích thắng xứ, 8. Bạch thắng xứ. Theo Trí độ luận thì bốn pháp sau (quán bốn màu xanh, vàng, đỏ, trắng) được thay bằng bốn đại (đất, nước, gió, lửa), nhưng nội dung không khác.

22. Mười pháp nhất thiết xứ (Thập nhất thiết xứ, cũng gọi là Thập biến xứ): Hành giả quán mười pháp là: xanh, vàng, đỏ, trắng, đất, nước, gió, lửa, không và thức, thấy các pháp này châu biến khắp pháp giới, nên gọi là nhất thiết xứ.
23. Voi chúa dừng kiền: nguyên bản Hán văn dùng ma-ha-na-già, phiên âm từ Phạn ngữ *Mahānāgā*, Hán dịch là đại hương tượng, chỉ con voi sung sức, khỏe mạnh nhất trong đàn voi.
24. Bát-kiền-đà, phiên âm Phạn ngữ là *Pakkhandin*, cũng đọc là bát-kiền-đề: tên gọi một vị thần có sức mạnh.
25. Bốn thứ binh (Tứ chủng binh): Binh voi, binh ngựa, binh xe, binh bộ. Bốn thứ binh của các nhà vua thuở xưa.
26. Nguyên bản Hán văn chỗ này chỉ nói là ngã (tức danh vi ngã) nhưng hàm ý rõ ràng là đại ngã, vì trong văn cảnh tám đoạn theo sau đều dùng đại ngã. Để tránh sự nhầm lẫn với khái niệm ngã trong vô ngã vừa nói trên, nên ở đây chúng tôi vẫn dịch là đại ngã.
27. Ở đây đang nói đến các niềm vui thế tục, của phàm phu. Về sự vui này, văn Quy Sơn cảnh sách nói rõ: “Vui chính là nguyên nhân của khổ.” (Lạc thị khổ nhân.)
28. Tỳ-xá-khư (*Viśākha*) là một vị ưu-bà-di (nữ cư sĩ) ở thành Xá-vệ. Đức Phật giao cho bà nhiệm vụ thông tin qua lại giữa các vị trong tầng đoàn tỳ-kheo và tỳ-kheo ni. Bà cũng là người đề đạt ý nguyện của các vị ưu-bà-di khác lên đức Phật.
29. Ca-ca-la (*kākāla*): con quạ, nhân theo tiếng kêu của quạ mà tiếng Phạn gọi là ca-ca-la.
30. Cữu-cữu-la (*kaukuṭika*), cũng đọc là cữu-cữu-trá: con gà, nhân theo tiếng kêu của gà mà tiếng Phạn gọi là cữu-cữu-la.
31. Đát-đát-la: tên khác chỉ con gà, vì nghe theo tiếng kêu mà đặt tên nên thành hai tên khác nhau. Huyền ứng âm nghĩa, quyển 2 viết: “Đát-đát-la, thị kê thanh dã.” (Đát-đát-la là tiếng kêu của con gà.). Tuệ Lâm âm nghĩa, quyển 26 viết: “Đát-đát-la, dụng thanh đặc danh.” (Đát-đát-la, dùng tiếng kêu mà đặt tên.) Theo cả hai sách này thì biết đát-đát-la đúng là tên gọi để chỉ con gà.
32. Chỉ cái mang rấn khi phùng lớn ra.

# 大般涅槃經

## 卷第二十四

### 光明遍照高貴德王菩薩品

#### 第十之四

復次善男子。云何菩薩摩訶薩修大涅槃。成就具足第二功德。

善男子。菩薩摩訶薩修大涅槃。昔所不得而今得之。昔所不見而今見之。昔所不聞而今聞之。昔所不到而今得到。昔所不知而今知之。

云何名為昔所不得而今得之。所謂神通。昔所不得而今乃得。通有二種。一者內。二者外。所言外者與外道共。內復有二。一者二乘。二者菩薩。菩薩修行大涅槃經所得神通。不與聲聞辟支佛共。云何名為不與聲聞辟支佛共。二乘所作神通變化一心作一不得眾多。菩薩不爾於一心中則能具足現五趣身。所以者何。以得如是大涅槃經之勢力故。是則名為昔所不得而今得之。

又復云何昔所不得而今得之。所謂身得自在心

# ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH

## QUYỂN ĐỆ NHỊ THẬP TỨ

### QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG BỒ TÁT PHẨM

#### ĐỆ THẬP CHI TỨ

Phục thứ, thiện nam tử! Vân hà Bồ Tát ma-ha-tát tu Đại Niết-bàn, thành tựu cụ túc đệ nhị công đức?

Thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát*, tu Đại Niết-bàn, tích sở bất đắc, nhi kim đắc chi. Tích sở bất kiến, nhi kim kiến chi. Tích sở bất văn, nhi kim văn chi. Tích sở bất đáo, nhi kim đắc đáo. Tích sở bất tri, nhi kim tri chi.

Vân hà danh vi tích sở bất đắc, nhi kim đắc chi? Sở vị thân thông; tích sở bất đắc, nhi kim nãi đắc. Thông hữu nhị chủng: Nhất giả nội, nhị giả ngoại. Sở ngôn ngoại giả, dữ ngoại đạo cộng. Nội phục hữu nhị: Nhất giả Nhị thừa, nhị giả Bồ Tát. Bồ Tát tu hành Đại Niết-bàn kinh, sở đắc thân thông, bất dữ Thanh văn, Bích-chi Phật cộng. Vân hà danh vi bất dữ Thanh văn, Bích-chi Phật cộng? Nhị thừa sở tác thân thông biến hóa, nhất tâm tác nhất, bất đắc chúng đa. Bồ Tát bất nhĩ; ư nhất tâm trung, tác năng cụ túc hiện Ngũ thú thân. Sở dĩ giả hà? Dĩ đắc như thị Đại Niết-bàn kinh chi thế lực cố. Thị tác danh vi tích sở bất đắc nhi kim đắc chi.

Hựu phục vân hà tích sở bất đắc nhi kim đắc chi? Sở vị thân đắc tự tại, tâm đắc tự tại. Hà dĩ cố? Nhất thiết phàm phu

得自在。何以故。一切凡夫所有身心不得自在。或心隨身或身隨心。

云何名為心隨於身。譬如醉人酒在身中。爾時身動心亦隨動。亦如身懶心亦隨懶。是則名為心隨於身。又如嬰兒其身稚小心亦隨小大人身大心亦隨大。又如有人身體羸澀。心常思念。欲得膏油潤漬令軟。是則名為心隨於身。

云何名為身隨於心。所謂去來坐臥修行施戒忍辱精進。愁惱之人身則羸悴。歡喜之人身則肥鮮。恐怖之人身體顫動。專心聽法身則怡悅。悲泣之人涕淚橫流。是則名為身隨於心。

菩薩不爾。於身心中俱得自在。是則名為昔所不得而今得之。

復次善男子。菩薩摩訶薩所現身相猶如微塵。以此微身悉能遍至無量無邊恒河沙等諸佛世界無所障礙。而心常定初不移動。是則名為心不隨身是名為昔所不到而今能到。

何故復名昔所不到而今能到。一切聲聞辟支佛等所不能到菩薩能到。是故名為昔所不到而今能到。

一切聲聞辟支佛等。雖以神通不能變身如細微塵。遍至無量恒河沙等諸佛世界。聲聞緣覺身若動

sở hữu thân tâm, bất đắc tự tại: Hoặc tâm tùy thân, hoặc thân tùy tâm.

Vân hà danh vi tâm tùy ư thân? Thí như túy nhân, tửu tại thân trung. Nhĩ thời thân động, tâm diệc tùy động. Diệc như thân lãn, tâm diệc tùy lãn. Thị tác danh vi tâm tùy ư thân. Hựu như anh nhi, kỳ thân trĩ tiểu, tâm diệc tùy tiểu. Đại nhân thân đại, tâm diệc tùy đại. Hựu như hữu nhân, thân thể thô sáp, tâm thường tư niệm, dục đắc cao du, nhuận tứ linh nhuyễn. Thị tác danh vi tâm tùy ư thân.

Vân hà danh vi thân tùy ư tâm? Sở vị: khứ, lai, tọa, ngọa, tu hành thí, giới, nhẫn nhục, tinh tấn. Sâu não chi nhân, thân tác luy tụy; hoan hỷ chi nhân, thân tác phì tiên. Khủng bố chi nhân, thân thể chiến động. Chuyên tâm thính pháp, thân tác di duyệt. Bi khắp chi nhân, thể lệ hoạnh lưu. Thị tác danh vi thân tùy ư tâm.

Bồ Tát bất nhĩ; ư thân, tâm trung câu đắc tự tại. Thị tác danh vi tích sở bất đắc, nhi kim đắc chi.

Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* sở hiện thân tướng do như vi trần. Dĩ thủ vi thân, tất năng biến chí vô lượng, vô biên, Hằng hà sa đẳng chư Phật thế giới, vô sở chướng ngại, nhi tâm thường định, sơ bất di động. Thị tác danh vi tâm bất tùy thân. Thị danh vi tích sở bất đáo, nhi kim năng đáo.

Hà cố phục danh tích sở bất đáo, nhi kim năng đáo? Nhất thiết Thanh văn, *Bích-chi* Phật đẳng sở bất năng đáo. Bồ Tát năng đáo. Thị cố danh vi tích sở bất đáo, nhi kim năng đáo.

Nhất thiết Thanh văn, *Bích-chi* Phật đẳng, tuy dĩ thần thông, bất năng biến thân như tế vi trần, biến chí vô lượng, Hằng hà sa đẳng chư Phật thế giới. Thanh văn, Duyên giác, thân nhược động

時心亦隨動。菩薩不爾。心雖不動身無不至。是名菩薩心不隨身。

復次善男子。菩薩化身猶如三千大千世界。以此大身入一塵身。其心爾時亦不隨小。聲聞緣覺雖能化身令如三千大千世界。而不能以如此大身入微塵身。於此事中尚自不能。況能令心而不隨動。是名菩薩心不隨身。

復次善男子。菩薩摩訶薩以一音聲能令三千大千世界眾生悉聞。心終不念令是音聲遍諸世界。使諸眾生昔所不聞而今得聞。而是菩薩亦初不言我令眾生昔所不聞而今得聞。菩薩若言因我說法令諸眾生不聞聞者。當知是人終不能得阿耨多羅三藐三菩提。何以故。眾生不聞我為說者。如此之心是生死心。一切菩薩是心已盡。以是義故。菩薩摩訶薩所有身心不相隨逐。

善男子。一切凡夫身心相隨。菩薩不爾。為化眾生故雖現身小心亦不小何以故。諸菩薩等所有心性常廣大故。雖現大身心亦不大。云何大身。身如三千大千世界。云何小心。行嬰兒行。以是義故心不隨身。

菩薩摩訶薩已於無量阿僧祇劫遠酒不飲而心亦動。心無悲苦身亦流淚。實無恐怖身亦顫慄。以是

thời, tâm diệc tùy động. Bồ Tát bất nhĩ; tâm tuy bất động, thân vô bất chí. Thị danh Bồ Tát tâm bất tùy thân.

Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát hóa thân, do như Tam thiên đại thiên Thế giới. Dĩ thủ đại thân, nhập nhất trần thân, kỳ tâm nhĩ thời diệc bất tùy tiểu. Thanh văn, Duyên giác, tuy năng hóa thân, linh như Tam thiên đại thiên Thế giới, nhi bất năng dĩ như thủ Đại thân nhập vi trần thân. Ư thủ sự trung, thượng tự bất năng, huống năng linh tâm nhi bất tùy động. Thị danh Bồ Tát tâm bất tùy thân.

Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát*, dĩ nhất âm thanh, năng linh Tam thiên đại thiên Thế giới chúng sanh tất văn. Tâm chung bất niệm linh thị âm thanh biến chư thế giới, sử chư chúng sanh tích sở bất văn, nhi kim đắc văn. Nhi thị Bồ Tát diệc sơ bất ngôn: Ngã linh chúng sanh tích sở bất văn, nhi kim đắc văn. Bồ Tát nhược ngôn: Nhân ngã thuyết pháp, linh chư chúng sanh bất văn văn giả. Đương tri thị nhân chung bất năng đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Hà dĩ cố? Chúng sanh bất văn, ngã vị thuyết giả, như thủ chi tâm thị sanh tử tâm. Nhất thiết Bồ Tát, thị tâm dĩ tận. Dĩ thị nghĩa cố, Bồ Tát *ma-ha-tát* sở hữu thân, tâm, bất tương tùy trục.

Thiện nam tử! Nhất thiết phàm phu, thân, tâm tương tùy. Bồ Tát bất nhĩ, vị hóa chúng sanh cố, tuy hiện thân tiểu, tâm diệc bất tiểu. Hà dĩ cố? Chư Bồ Tát đẳng, sở hữu tâm tánh, thường quảng đại cố. Tuy hiện đại thân, tâm diệc bất đại. Vân hà đại thân? Thân như tam thiên đại thiên thế giới. Vân hà tiểu tâm? Hành anh nhi hạnh. Dĩ thị nghĩa cố, tâm bất tùy thân.

Bồ Tát *ma-ha-tát* dĩ ư vô lượng *a-tăng-kỳ* kiếp, viễn tửu bất ẩm, nhi tâm diệc động. Tâm vô bi khổ, thân diệc lưu lệ. Thật vô khủng bố, thân diệc chiến lật. Dĩ thị nghĩa cố, đương

義故。當知菩薩身心自在不相隨逐。菩薩摩訶薩唯現一身。而諸眾生各各見異。

復次善男子。云何菩薩摩訶薩修大涅槃。昔所不聞而今得聞。菩薩摩訶薩先取聲相。所謂象聲馬聲車聲人聲貝聲鼓聲簫笛等聲歌聲笑聲而修習之。以修習故能聞無量三千大千世界所有地獄音聲。復轉修習得異耳根。異於聲聞緣覺天耳。何以故。二乘所得清淨耳通。若依初禪淨妙四大。唯聞初禪不聞二禪。乃至四禪亦復如是。雖可一時得聞三千大千世界所有音聲。而不能聞無量無邊恒河沙等世界音聲。以是義故。菩薩所得異於聲聞緣覺耳根。以是義故昔所不聞而今得聞。

雖聞音聲而心初無聞聲之相。不作有相，常相，樂相，我相，淨相，主相，依相，作相，因相，定相，果相。以是義故。諸菩薩等昔所不聞而今得聞。

爾時光明遍照高貴德王菩薩摩訶薩言。若佛所說不作定相不作果相。是義不然。何以故。如來先說。若人聞是大涅槃經一句一字。必定得成阿耨多羅三藐三菩提。如來於今云何復言無定無果。若得阿耨多羅三藐三菩提。即是定相即是果相。云何而言無定無果。聞惡聲故則生惡心。生惡心故則至三塗。若至三塗則是定果。云何而言無定無果。

tri Bồ Tát thân, tâm tự tại, bất tương tùy trục. Bồ Tát *ma-ha-tát* duy hiện nhất thân nhi chư chúng sanh các các kiến dị.

Phục thứ, thiện nam tử! Vân hà Bồ Tát *ma-ha-tát* tu Đại *Niết-bàn*, tích sở bất văn, nhi kim đắc văn? Bồ Tát *ma-ha-tát*, tiên thủ thanh tướng, sở vị tượng thanh, mã thanh, xa thanh, nhân thanh, bối thanh, cổ thanh, tiêu địch đẳng thanh, ca thanh, tiểu thanh, nhi tu tập chi. Dĩ tu tập cố, năng văn vô lượng tam thiên đại thiên thế giới sở hữu địa ngục âm thanh. Phục chuyển tu tập, đắc dị nhĩ căn, dị ư Thanh văn, Duyên giác thiên nhĩ. Hà dĩ cố? Nhị thừa sở đắc thanh tịnh nhĩ căn, nhược y Sơ thiên tịnh diệu tứ đại, duy văn Sơ thiên, bất văn Nhị thiên. Nãi chí Tứ thiên diệc phục như thị; tuy khả nhất thời đắc văn Tam thiên đại thiên thế giới sở hữu âm thanh, nhi bất năng văn vô lượng, vô biên, Hằng hà sa đẳng thế giới âm thanh. Dĩ thị nghĩa cố, Bồ Tát sở đắc dị ư Thanh văn, Duyên giác nhĩ căn. Dĩ thị nghĩa cố, tích sở bất văn, nhi kim đắc văn.

Tuy văn âm thanh, nhi tâm sơ vô văn thanh chi tướng; bất tác hữu tướng, thường tướng, lạc tướng, ngã tướng, tịnh tướng, chủ tướng, y tướng, tác tướng, nhân tướng, định tướng, quả tướng. Dĩ thị nghĩa cố, chư Bồ Tát đẳng tích sở bất văn, nhi kim đắc văn.

Nhĩ thời, Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Bồ Tát *ma-ha-tát* ngôn: Nhược Phật sở thuyết, bất tác định tướng, bất tác quả tướng, thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Như Lai tiên thuyết: Nhược nhân văn thị Đại *Niết-bàn* kinh nhất cú, nhất tự, tất định đắc thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Như Lai ư kim, vân hà phục ngôn vô định, vô quả? Nhược đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, tức thị định tướng, tức thị quả tướng. Vân hà nhi ngôn vô định, vô quả? Văn ác thanh cố, tác sanh ác tâm. Sanh ác tâm cố, tác chí tam đồ. Nhược chí tam đồ, tác thị định, quả. Vân hà nhi ngôn vô định, vô quả?

爾時如來讚言。善哉善哉。善男子。能作是問。若使諸佛說諸音聲有定果相者。則非諸佛世尊之相。是魔王相生死之相遠涅槃相。何以故。一切諸佛凡所演說無定果相。

善男子。譬如刀中照人面像。豎則見長橫則見闊。若有定相云何而得豎則見長橫則見闊。以是義故。諸佛世尊凡所演說無定果相。

善男子。夫涅槃者實非聲果。若使涅槃是聲果者。當知涅槃非是常法。

善男子。譬如世間從因生法。有因則有果無因則無果。因無常故果亦無常。所以者何。因亦作果果亦作因。以是義故一切諸法無有定相。若使涅槃從因生者。因無常故果亦無常。而是涅槃不從因生。體非是果是故為常。善男子。以是義故。涅槃之體無定無果。

善男子。夫涅槃者。亦可言定亦可言果。云何為定。一切諸佛所有涅槃常樂我淨。是故為定。無生老壞是故為定。一闍提等犯四重禁誹謗方等作五逆罪。捨除本心必定得故。是故為定。

善男子。如汝所言。若人聞我說大涅槃一字一句。得阿耨多羅三藐三菩提者。汝於是義猶未了了。汝當諦聽吾當為汝更分別之。

Nhĩ thời, Như Lai tán ngôn: Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! Năng tác thị vấn. Nhược sử chư Phật thuyết chư âm thanh hữu định, quả tướng giả, tác phi chư Phật Thế Tôn chi tướng; thị Ma vương tướng, sanh tử chi tướng, viển Niết-bàn tướng. Hà dĩ cố? Nhất thiết chư Phật, phạm sở diễn thuyết vô định, quả tướng.

Thiện nam tử! Thí như đao trung chiếu nhân diện tượng: Thọ tác kiến trường; hoành tác kiến khoát. Nhược hữu định tướng, vân hà nhi đắc thọ tác kiến trường, hoành tác kiến khoát? Dĩ thị nghĩa cố, chư Phật Thế Tôn, phạm sở diễn thuyết, vô định, quả tướng.

Thiện nam tử! Phù Niết-bàn giả, thật phi thanh quả. Nhược sử Niết-bàn thị thanh quả giả, đương tri Niết-bàn phi thị thường pháp!

Thiện nam tử! Thí như thế gian, từng nhân sanh pháp: Hữu nhân tác hữu quả, vô Nhân tác vô quả. Nhân vô thường cố, quả diệt vô thường. Sở dĩ giả hà? Nhân diệt tác quả, quả diệt tác nhân. Dĩ thị nghĩa cố, nhất thiết chư pháp vô hữu định tướng. Nhược sử Niết-bàn từng nhân sanh giả, nhân vô thường cố, quả diệt vô thường! Nhi thị Niết-bàn bất từng nhân sanh, thể phi thị quả. Thị cố vi thường. Thiện nam tử! Dĩ thị nghĩa cố, Niết-bàn chi thể vô định, vô quả.

Thiện nam tử! Phù Niết-bàn giả, diệt khả ngôn định, diệt khả ngôn quả. Vân hà vi định? Nhất thiết chư Phật sở hữu Niết-bàn thường, lạc, ngã, tịnh, thị cố vi định. Vô sanh, lão, hoại, thị cố vi định. Nhất-xiển-đề đẳng, phạm tứ trọng cấm, phi báng phương đẳng, tác ngũ nghịch tội, xả trừ bốn tâm, tất định đắc cố. Thị cố vi định.

Thiện nam tử! Như nữ sở ngôn: Nhược nhân văn ngã thuyết Đại Niết-bàn nhất tự, nhất cú, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bô-đề giả. Nữ ư thị nghĩa, du vị liễu liễu. Nữ đương đế thính. Ngô đương vị nữ, cánh phân biệt chi.

善男子。若有善男子善女人。聞大涅槃一字一句。不作字相不作句相不作聞相不作佛相不作說相。如是義者名無相相。以無相相故得阿耨多羅三藐三菩提。

善男子。如汝所言聞惡聲故到三塗者。是義不然。何以故。非以惡聲而至三塗。當知是果乃是惡心。所以者何。有善男子善女人等。雖聞惡聲心不生惡。是故當知非因惡聲生三塗中。而諸眾生因煩惱結惡心滋多生三惡趣非因惡聲。若聲有定相。諸有聞者。一切悉應生於惡心。或有生者有不生者。是故當知聲無定相。以無定故雖復因之不生惡心。

世尊。聲若無定。云何菩薩昔所不聞而今得聞。

善男子。聲無定相。昔所不聞令諸菩薩而今得聞。以是義故。我作是說。昔所不聞而今得聞。

善男子。云何昔所不見而今得見。善男子。菩薩摩訶薩修大涅槃微妙經典先取明相。所謂日月星宿庭<sup>(1)</sup>燎燈燭珠火之明藥草等光<sup>(2)</sup>。以修習故得異眼根。異於聲聞緣覺所得。

云何為異。二乘所得清淨天眼。若依欲界四大

<sup>1</sup> Có bản khắc là chữ 焮, cũng đồng nghĩa.

<sup>2</sup> Theo cấu trúc của đoạn kinh văn tương tự trước đây khi giảng về việc tu tập các tướng âm thanh thì chúng tôi ngờ là trong câu này các bản khắc gỗ đều thiếu đi bốn chữ cuối câu: 而修習之.

Thiện nam tử! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân văn Đại Niết-bàn nhất tự, nhất cú, bất tác tự tướng, bất tác cú tướng, bất tác văn tướng, bất tác Phật tướng, bất tác thuyết tướng, như thị nghĩa giả, danh vô tướng tướng. Dĩ vô tướng tướng cố, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Thiện nam tử! Như nữ sở ngôn: Văn ác thanh cố, đảo tam đồ giả. Thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Phi dĩ ác thanh nhi chí tam đồ. Đương tri thị quả, nãi thị ác tâm. Sở dĩ giả hà? Hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân đẳng tuy văn ác thanh, tâm bất sanh ác. Thị cố đương tri phi nhân ác thanh, sanh tam đồ trung. Nhi chư chúng sanh, nhân phiền não kết, ác tâm tư đa, sanh tam ác thú; phi nhân ác thanh. Nhược thanh hữu định tướng, chư hữu văn giả, nhất thiết tất ưng sanh ư ác tâm! Hoặc hữu sanh giả, hữu bất sanh giả. Thị cố đương tri thanh vô định tướng. Dĩ vô định tướng cố, tuy phục nhân chi, bất sanh ác tâm.

Thế Tôn! Thanh nhược vô định, vân hà Bồ Tát tích sở bất văn, nhi kim đắc văn?

Thiện nam tử! Thanh vô định tướng; tích sở bất văn, linh chư Bồ Tát nhi kim đắc văn. Dĩ thị nghĩa cố, ngã tác thị thuyết: tích sở bất văn, nhi kim đắc văn.

Thiện nam tử! Vân hà tích sở bất kiến, nhi kim đắc kiến? Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, tu Đại Niết-bàn vi diệu kinh điển, tiên thủ minh tướng, sở vị: nhật, nguyệt, tinh tú, đình liệu, đảnh chúc, châu hỏa chi minh, được thảo đẳng quang. Dĩ tu tập cố, đắc dị nhãn căn, dị ư Thanh văn, Duyên giác sở đắc.

Vân hà vi dị? Nhị thừa sở đắc thanh tịnh thiên nhãn, nhược y Dục giới tứ đại nhãn căn, bất kiến sơ thiên. Nhược y

眼根不見初禪。若依初禪不見上地。乃至自眼猶不能見。若欲多見極至三千大千世界。

菩薩摩訶薩不修天眼見妙色身悉是骨相。雖見他方恒河沙等世界色相。不作色相。不作常相。有相物相名字等相。作因緣相不作見相。不言是眼微妙淨相。唯見因緣非因緣相。

云何因緣。色是眼緣。若使是色非因緣者。一切凡夫不應生於見色之相。以是義故。色名因緣非因緣者。菩薩摩訶薩雖復見之不生色相。是故非緣。以是義故。菩薩所得清淨天眼異於聲聞緣覺所得。以是義故一時遍見十方世界現在諸佛。是名菩薩昔所不見而今得見。

以是義故能見微塵聲聞緣覺所不能見以是義故。雖見自眼初無見相。見無常相見凡夫身三十六物不淨充滿。如於掌中觀阿摩勒菓。以是義故。昔所不見而今得見。

若見眾生所有色相。則知其人大小乘根。一觸衣故亦知是人善惡諸根差別之相。以是義故。昔所不知而今得知。以一見故昔所不知而今得知。以此知故昔所不見而今得見。

復次善男子。云何菩薩昔所不知而今得知。菩薩摩訶薩雖知凡夫貪恚癡心。初不作心及心數相。

sơ thiên, bất kiến Thượng địa. Nãi chí tự nhãn, du bất năng kiến. Nhược dục đa kiến, cực chí Tam thiên đại thiên thế giới.

Bồ Tát *ma-ha-tát*, bất tu thiên nhãn, kiến diệu sắc thân, tất thị cốt tướng. Tuy kiến tha phương Hằng hà sa đẳng thế giới sắc tướng, bất tác sắc tướng, bất tác thường tướng, hữu tướng, vật tướng, danh tự đẳng tướng. Tác nhân duyên tướng, bất tác kiến tướng; bất ngôn thị nhãn vi diệu tịnh tướng. Duy kiến nhân duyên, phi nhân duyên tướng.

Vân hà nhân duyên? Sắc thị nhân duyên. Nhược sử thị sắc phi nhân duyên giả, nhất thiết phàm phu bất ứng sanh ư kiến sắc chi tướng! Dĩ thị nghĩa cố, sắc danh nhân duyên. Phi nhân duyên giả, Bồ Tát *ma-ha-tát* tuy phục kiến chi bất sanh sắc tướng. Thị cố phi duyên. Dĩ thị nghĩa cố, Bồ Tát sở đắc thanh tịnh thiên nhãn, dị ư Thanh văn, Duyên giác sở đắc. Dĩ thị nghĩa cố, nhất thời biến kiến Thập phương thế giới hiện tại chư Phật. Thị danh Bồ Tát tích sở bất kiến, nhi kim đắc kiến.

Dĩ thị nghĩa cố, năng kiến vi trần, Thanh văn, Duyên giác, sở bất năng kiến. Dĩ thị nghĩa cố, tuy kiến tự nhãn, sơ vô kiến tướng, kiến vô thường tướng, kiến phàm phu thân, tam thập lục vật, bất tịnh sung mãn, như ư chũng trung, quan *a-ma-lặc* quả. Dĩ thị nghĩa cố, tích sở bất kiến, nhi kim đắc kiến.

Nhược kiến chúng sanh sở hữu sắc tướng, tác tri kỳ nhân Đại, Tiểu thừa căn. Nhất xúc y cố, diệc tri thị nhân, thiện ác chư căn sai biệt chi tướng. Dĩ thị nghĩa cố, tích sở bất tri, nhi kim đắc tri. Dĩ nhất kiến cố, tích sở bất tri, nhi kim đắc tri. Dĩ thủ tri cố, tích sở bất kiến, nhi kim đắc kiến.

Phục thứ, thiện nam tử! Vân hà Bồ Tát tích sở bất tri, nhi kim đắc tri? Bồ Tát *ma-ha-tát* tuy tri phàm phu tham, nhuế, si tâm, sơ bất tác tâm cập tâm số tướng, bất tác chúng sanh

不作眾生及以物相。修第一義畢竟空相。何以故。一切菩薩常善修習空性相故。以修空故昔所不知而今得知。

云何為知。知無有我無有我所。知諸眾生皆有佛性以佛性故一闡提等捨離本心。悉當得成阿耨多羅三藐三菩提。如此皆是聲聞緣覺所不能知。菩薩能知。以是義故。昔所不知而今得知。

復次善男子。云何昔所不知而今得知。菩薩摩訶薩修大涅槃微妙經典。念過去世一切眾生所生種姓父母兄弟妻子眷屬知識怨憎。於一念中得殊異智。異於聲聞緣覺智慧。云何為異。聲聞緣覺所有智慧。念過去世所有眾生種姓父母乃至怨憎。而作種姓至怨憎相。菩薩不爾。雖念過去種姓父母乃至怨憎。終不生於種姓父母怨憎等相。常作法相空寂之相。是名菩薩昔所不知而今得知。

復次善男子。云何昔所不知而今得知。菩薩摩訶薩修大涅槃微妙經典得他心智。異於聲聞緣覺所得。云何為異。聲聞緣覺以一念智知人心時。則不能知地獄畜生餓鬼天心。菩薩不爾。於一念中遍知六趣眾生之心。是名菩薩昔所不知而今得知。

復次善男子。復有異知菩薩摩訶薩。於一心中。知須陀洹初心次第至十六心。以是義故。昔所不知而今得知。

cập dĩ vật tướng; tu Đệ nhất nghĩa, tất cánh không tướng. Hà dĩ cố? Nhất thiết Bồ Tát thường thiện tu tập Không tánh tướng cố. Dĩ tu Không cố, tích sở bất tri, nhi kim đắc tri.

Vân hà vi tri? Tri vô hữu ngã, vô hữu ngã sở; tri chư chúng sanh giai hữu Phật tánh. Dĩ Phật tánh cố, *nhất-xiển-đề* đẳng, xả ly bốn tâm, tất đương đắc thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Như thủ giai thị Thanh văn, Duyên giác sở bất năng tri; Bồ Tát năng tri. Dĩ thị nghĩa cố, tích sở bất tri, nhi kim đắc tri.

Phục thứ, thiện nam tử! Vân hà tích sở bất tri nhi kim đắc tri? Bồ Tát *ma-ha-tát*, tu Đại *Niết-bàn*, vi diệu kinh điển, niệm quá khứ thế nhất thiết chúng sanh sở sanh chủng tánh, phụ mẫu, huynh đệ, thê tử, quyến thuộc, tri thức, oán tắng. Ư nhất niệm trung, đắc thù dị trí, dị ư Thanh văn, Duyên giác trí tuệ. Vân hà vi dị? Thanh văn, Duyên giác sở hữu Trí tuệ, niệm quá khứ thế sở hữu chúng sanh chủng tánh, phụ mẫu, nãi chí oán tắng, nhi tác chủng tánh, chí oán tắng tướng. Bồ Tát bất nhĩ; tuy niệm quá khứ chủng tánh, phụ mẫu, nãi chí oán tắng, chung bất sanh ư chủng tánh, phụ mẫu, oán tắng đẳng tướng; thường tác pháp tướng, không tịch chi tướng. Thị danh Bồ Tát tích sở bất tri, nhi kim đắc tri.

Phục thứ, thiện nam tử! Vân hà tích sở bất tri, nhi kim đắc tri? Bồ Tát *ma-ha-tát*, tu Đại *Niết-bàn* vi diệu kinh điển, đắc tha tâm trí, dị ư Thanh văn, Duyên giác sở đắc. Vân hà vi dị? Thanh văn, Duyên giác, dĩ nhất niệm trí, tri nhân tâm thời, tác bất năng tri địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, thiên tâm. Bồ Tát bất nhĩ; ư nhất niệm trung, biến tri lục thú chúng sanh chi tâm. Thị danh Bồ Tát tích sở bất tri, nhi kim đắc tri.

Phục thứ, thiện nam tử! Phục hữu dị tri: Bồ Tát *ma-ha-tát*, ư nhất tâm trung, tri *Tu-đà-hoàn*, sơ tâm, thứ đệ chí thập lục tâm. Dĩ thị nghĩa cố, tích sở bất tri, nhi kim đắc tri.

是為菩薩修大涅槃具足成就第二功德。

復次善男子。云何菩薩摩訶薩修大涅槃成就具足第三功德。

善男子。菩薩摩訶薩修大涅槃捨慈得慈。得慈之時。不從因緣。云何名為捨慈得慈。善男子。慈名世諦。菩薩摩訶薩捨世諦慈得第一義慈。第一義慈不從緣得。

復次云何捨慈得慈。慈若可捨名凡夫慈。慈若可得即名菩薩無緣之慈。捨一闡提慈犯四重禁慈謗方等慈作五逆慈。得憐愍慈得如來慈世尊之慈無因緣慈。

云何復名捨慈得慈。捨黃門慈無根二根女人之慈。屠脍獵師畜養雞豬如是等慈。亦捨聲聞緣覺之慈。得諸菩薩無緣之慈。不見自慈不見他慈。不見持戒不見破戒。雖自見悲不見眾生。雖有苦受不見受者。何以故。以修第一真實義故。是名菩薩修大涅槃成就具足第三功德。

復次善男子。云何菩薩摩訶薩修大涅槃成就具足第四功德。

善男子。菩薩摩訶薩修大涅槃成就具足第四功德。有十事。何等為十。一者根深難可傾拔。二者自身生決定想。三者不觀福田及非福田。四者修淨佛

Thị vi Bồ Tát tu Đại Niết-bàn, cụ túc thành tựu đệ nhị công đức.

Phục thứ, thiện nam tử! Vân hà Bồ Tát *ma-ha-tát* tu Đại Niết-bàn thành tựu cụ túc đệ tam công đức?

Thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* tu Đại Niết-bàn xả từ, đắc từ. Đắc từ chi thời, bất tùng nhân duyên. Vân hà danh vi xả từ, đắc từ? Thiện nam tử! Từ danh thế đế. Bồ Tát *ma-ha-tát* xả thế đế từ, đắc Đệ nhất nghĩa từ. Đệ nhất nghĩa từ, bất tùng duyên đắc.

Phục thứ, vân hà xả từ, đắc từ? Từ nhược khả xả, danh phạm phu từ. Từ nhược khả đắc, tức danh Bồ Tát vô duyên chi từ. Xả *nhất-xiển-đề* từ, phạm tứ trọng cấm từ, báng Phương đẳng từ, tác ngũ nghịch từ; đắc lân mẫn từ, đắc Như Lai từ, Thế Tôn chi từ, vô nhân duyên từ.

Vân hà phục danh xả từ, đắc từ? Xả hoàng môn từ, vô căn, nhị căn, nữ nhân chi từ, đồ khoái lạc sự, súc dưỡng kê trư, như thị đẳng từ. Diệt xả Thanh văn, Duyên giác chi từ. Đắc chư Bồ Tát vô duyên chi từ. Bất kiến tự từ, bất kiến tha từ, bất kiến trì giới, bất kiến phá giới. Tuy tự kiến bi, bất kiến chúng sanh. Tuy hữu khổ thọ, bất kiến thọ giả. Hà dĩ cố? Dĩ tu Đệ nhất chân thật nghĩa cố. Thị danh Bồ Tát tu Đại Niết-bàn thành tựu cụ túc đệ tam công đức.

Phục thứ, thiện nam tử! Vân hà Bồ Tát *ma-ha-tát*, tu Đại Niết-bàn, thành tựu cụ túc đệ tứ công đức?

Thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát*, tu Đại Niết-bàn, thành tựu cụ túc Đệ tứ công đức, hữu thập sự. Hà đẳng vi thập? Nhất giả, căn thâm, nan khả khuynh bạt. Nhị giả, ư tự thân sanh quyết định tưởng. Tam giả, bất quán phước điền cập phi phước điền. Tứ giả, tu tịnh Phật độ. Ngũ giả, diệt trừ hữu dư.

土。五者滅除有餘。六者斷除業緣。七者修清淨身。八者了知諸緣。九者離諸怨敵。十者斷除二邊。

云何根深難可傾拔。所言根者名不放逸。不放逸者為是何根。所謂阿耨多羅三藐三菩提根。

善男子。一切諸佛諸善根本皆不放逸。不放逸故諸餘善根轉轉增長。以能增長諸善根故。於諸善中最高殊勝。

善男子。如諸跡中象跡為上。不放逸法亦復如是。於諸善法最高殊勝。

善男子。如諸明中日光為最。不放逸法亦復如是。於諸善法最高殊勝。

善男子。如諸王中轉輪聖王為最第一。不放逸法亦復如是。於諸善法為最第一。

善男子。如諸流中四河為最。不放逸法亦復如是。於諸善法為上為最。

善男子。如諸山中須彌山王為最第一。不放逸法亦復如是於諸善法為最第一。

善男子。如水生花中青蓮花為最。不放逸法亦復如是。於諸善法為最高上。

Lục giả, đoạn trừ nghiệp duyên. Thất giả, tu thanh tịnh thân. Bát giả, liễu tri chư duyên. Cửu giả, ly chư oán địch. Thập giả, đoạn trừ nhị biên.

Vân hà căn thâm, nan khả khuynh bạt? Sở ngôn căn giả, danh bát phóng dật. Bát phóng dật giả, vi thị hà căn? Sở vị A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề căn.

Thiện nam tử! Nhất thiết chư Phật chư thiện căn bốn giai bát phóng dật. Bát phóng dật cố, chư dư thiện căn chuyển chuyển tăng trưởng. Dĩ năng tăng trưởng chư thiện căn cố, ư chư thiện trung, tối vi thù thắng.

Thiện nam tử! Như chư tích trung, tượng tích vi thượng. Bát phóng dật pháp, diệt phục như thị; ư chư thiện pháp, tối vi thù thắng.

Thiện nam tử! Như chư minh trung, nhật quang vi tối. Bát phóng dật pháp diệt phục như thị; ư chư thiện pháp, tối vi thù thắng.

Thiện nam tử! Như chư vương trung, Chuyển luân Thánh vương vi tối đệ nhất. Bát phóng dật pháp diệt phục như thị; ư chư thiện pháp, vi tối đệ nhất.

Thiện nam tử! Như chư lưu trung, tứ hà vi tối. Bát phóng dật pháp diệt phục như thị; ư chư thiện pháp, vi thượng vi tối.

Thiện nam tử! Như chư sơn trung, Tu-di sơn vương vi tối đệ nhất. Bát phóng dật pháp diệt phục như thị; ư chư thiện pháp, vi tối đệ nhất.

Thiện nam tử! Như thủy sanh hoa trung, thanh liên hoa vi tối. Bát phóng dật pháp diệt phục như thị; ư chư thiện pháp, vi tối, vi thượng.

善男子。如陸生花中婆利師花為最為上。不放逸法亦復如是。於諸善法為最為上。

善男子。如諸獸中師子為最。不放逸法亦復如是。於諸善法為最為上。

善男子。如飛鳥中金翅鳥王為最為上。不放逸法亦復如是。於諸善法為最為上。

善男子。如大身中羅睺阿修羅王為最為上。不放逸法亦復如是於諸善法為最為上。

善男子。如一切眾生若二足四足多足無足中如來為最。不放逸法亦復如是。於善法中為最為上。

善男子。如諸眾中佛僧為上。不放逸法亦復如是。於善法中為最為上。

善男子。如佛法中大涅槃法為最為上。不放逸法亦復如是。於諸善法為最為上。

善男子。以是義故。不放逸根深固難拔。云何不放逸故而得增長。所謂信根,戒根,施根,慧根,忍根,聞根,進根,念根,定根,善知識根。如是諸根不放逸故而得增長。以增長故深固難拔。以是義故。名為菩薩摩訶薩修大涅槃根深難拔。

Thiện nam tử! Như lục sanh hoa trung, bà-lợi-sư hoa vi tối vi thượng. Bất phóng dật pháp diệc phục như thị; ư chư thiên pháp, vi tối, vi thượng.

Thiện nam tử! Như chư thú trung, sư tử vi tối. Bất phóng dật pháp diệc phục như thị; ư chư thiện pháp, vi tối, vi thượng.

Thiện nam tử! Như phi điều trung, Kim sí điều vương vi tối, vi thượng. Bất phóng dật pháp diệc phục như thị; ư chư thiện pháp, vi tối, vi thượng.

Thiện nam tử! Như đại thân trung, *La-hầu A-tu-la* vương vi tối, vi thượng. Bất phóng dật pháp diệc phục như thị; ư chư thiện pháp, vi tối, vi thượng.

Thiện nam tử! Như nhất thiết chúng sanh, nhược nhị túc, tứ túc, đa túc, vô túc trung, Như Lai vi tối. Bất phóng dật pháp diệc phục như thị, ư thiện pháp trung, vi tối, vi thượng.

Thiện nam tử! Như chư chúng trung, Phật tăng vi thượng. Bất phóng dật pháp diệc phục như thị; ư thiện pháp trung, vi tối, vi thượng.

Thiện nam tử! Như Phật pháp trung, Đại Niết-bàn pháp vi tối, vi thượng. Bất phóng dật pháp diệc phục như thị; ư chư thiện pháp, vi tối, vi thượng.

Thiện nam tử! Dĩ thị nghĩa cố, bất phóng dật căn thâm cố nan bạt. Vân hà bất phóng dật cố, nhi đắc tăng trưởng? Sở vị: tín căn, giới căn, thí căn, tuệ căn, nhẫn căn, văn căn, tấn căn, niệm căn, định căn, thiện tri thức căn. Như thị chư căn bất phóng dật cố, nhi đắc tăng trưởng. Dĩ tăng trưởng cố, thâm cố nan bạt. Dĩ thị nghĩa cố, danh vi Bồ Tát *ma-ha-tát*, tu Đại Niết-bàn, căn thâm nan bạt.

云何於身作決定想。於自身所生決定心。我今此身於未來世定當為阿耨多羅三藐三菩提器。心亦如是不作狹小不作變易。不作聲聞辟支佛心。不作魔心及自樂心樂生死心。常為眾生求慈悲心。是名菩薩於自身中生決定心。我於來世當為阿耨多羅三藐三菩提器。以是義故。菩薩摩訶薩修大涅槃。於自身中生決定想。

云何菩薩不觀福田及非福田。云何福田。外道持戒上至諸佛是名福田。若有念言。如是等輩是真福田。當知是心則為狹劣。菩薩摩訶薩悉觀一切無量眾生無非福田。何以故。以善修習異念處故有異念處。善修習者觀諸眾生無有持戒及以毀戒。常觀諸佛世尊所。說施雖四種俱得淨報。何等為四。一者施主清淨受者不淨。二者施主不淨受者清淨。三者施受俱淨。四者施受二俱不淨。

云何施淨受者不淨。施主具有戒聞智慧。知有慧施及施果報。受者破戒專著邪見無施無報。是名施淨受者不淨。

云何名為施主不淨受者清淨。施主破戒專著邪見言無慧施及施果報。受者持戒多聞智慧知有惠施及施果報是名施主不淨受者清淨。

Vân hà ư thân, tác quyết định tưởng? Ư tự thân sở, sanh quyết định tâm: Ngã kim thủ thân, ư vị lai thế, định đương vi *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* khí. Tâm diệc như thị. Bát tác hiệp tiểu, bát tác biến dị, bát tác Thanh văn, *Bích-chi* Phật tâm, bát tác ma tâm cập tự lạc tâm, nhạo sanh tử tâm. Thường vị chúng sanh, cầu từ bi tâm. Thị danh Bồ Tát, ư tự thân trung, sanh quyết định tâm: ngã ư lai thế, đương vi *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* khí. Dĩ thị nghĩa cố, Bồ Tát *ma-ha-tát*, tu Đại Niết-bàn, ư tự thân trung, sanh quyết định tưởng.

Vân hà Bồ Tát bất quán phước điền cập phi phước điền? Vân hà phước điền? Ngoại đạo trì giới thượng chí chư Phật, thị danh phước điền. Nhược hữu niệm ngôn như thị đẳng bối thị chân phước điền, đương tri thị tâm tác vi hiệp liệt. Bồ Tát *ma-ha-tát* quán nhất thiết vô lượng chúng sanh, vô phi phước điền. Hà dĩ cố? Dĩ thiện tu tập dị niệm xứ cố, hữu dị niệm xứ. Thiện tu tập giả, quán chư chúng sanh, vô hữu trì giới cập dĩ hủy giới; thường quán chư Phật Thế Tôn sở thuyết: Thí tuy tứ chủng, câu đắc tịnh báo. Hà đẳng vi tứ? Nhất giả thí chủ thanh tịnh, thọ giả bất tịnh. Nhị giả thí chủ bất tịnh, thọ giả thanh tịnh. Tam giả thí, thọ câu tịnh. Tứ giả thí, thọ, nhị câu bất tịnh.

Vân hà thí tịnh, thọ giả bất tịnh? Thí chủ cụ hữu giới, văn, trí tuệ, tri hữu tuệ thí cập thí quả báo. Thọ giả phá giới, chuyên trước tà kiến, vô thí, vô báo. Thị danh thí tịnh, thọ giả bất tịnh.

Vân hà danh vi thí chủ bất tịnh, thọ giả thanh tịnh? Thí chủ phá Giới, chuyên trước tà kiến, ngôn vô tuệ thí cập thí quả báo. Thọ giả trì giới, đa văn, trí tuệ, tri hữu tuệ thí cập thí quả báo. Thị danh thí chủ bất tịnh, thọ giả thanh tịnh.

云何名為施受俱淨。施者受者俱有持戒多聞智慧。知有惠施及施果報。是名施受二俱清淨。

云何名為二俱不淨。施者受者破戒邪見言無有施及施果報。

若如是者云何復言得淨果報。

以無施無報故名為淨。

善男子。若有不見施及施報。當知是人破戒。專著邪見若依聲聞。言不見施及施果報。是則名為破戒邪見。若依如是大涅槃經不見惠施及施果報。是則名為持戒正見。菩薩摩訶薩有異念處以修習故。不見眾生持戒破戒施者受者及施果報。是故得名持戒正見。以是義故。菩薩摩訶薩不觀福田及非福田。

云何名為修淨佛土。

菩薩摩訶薩修大涅槃微妙經典為阿耨多羅三藐三菩提度眾生故離殺害心。以此善根願與一切眾生共之。願諸眾生得壽命長。有大勢力獲大神通。以是誓願因緣力故。於未來世成佛之時。國土所有一切眾生得壽命長有大勢力獲大神通。

復次善男子。菩薩摩訶薩修大涅槃微妙經典。為阿耨多羅三藐三菩提度眾生故離偷盜心。以此善根願與一切眾生共之。願諸佛國土地所有純是七寶。

Vân hà danh vi thí thọ câu tịnh? Thí giả, thọ giả câu hữu trì giới, đa văn, trí tuệ, tri hữu tuệ thí cập thí quả báo. Thí danh thí, thọ, nhị câu thanh tịnh.

Vân hà danh vi nhị câu bất tịnh? Thí giả, thọ giả phá giới, tà kiến, ngôn vô hữu thí cập thí quả báo.

Nhược như thí giả, vân hà phục ngôn đắc tịnh quả báo?

Dĩ vô thí, vô báo, cố danh vi tịnh.

Thiện nam tử! Nhược hữu bất kiến thí cập thí báo, đương tri thí nhân bất danh phá giới, chuyên trước tà kiến. Nhược y Thanh văn, ngôn bất kiến thí cập thí quả báo, thí tắc danh vi phá giới, tà kiến. Nhược y như thí Đại Niết-bàn kinh, bất kiến tuệ thí cập thí quả báo, thí tắc danh vi trì giới, chánh kiến. Bồ Tát *ma-ha-tát* hữu dị niệm xứ, dĩ tu tập cố, bất kiến chúng sanh trì giới, phá giới, thí giả, thọ giả cập thí quả báo. Thí cố đắc danh trì giới, chánh kiến. Dĩ thí nghĩa cố, Bồ Tát *ma-ha-tát* bất quán phước điền cập phi phước điền.

Vân hà danh vi tu tịnh Phật độ?

Bồ Tát *ma-ha-tát* tu Đại Niết-bàn vi diệu kinh điển, vị *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, độ chúng sanh cố, ly sát hại tâm. Dĩ thủ thiện căn, nguyện dĩ nhất thiết chúng sanh cộng chi; nguyện chư chúng sanh đắc thọ mạng trường, hữu đại thế lực, hoạch đại thân thông. Dĩ thí thế nguyện nhân duyên lực cố, ư vị lai thế, thành Phật chi thời, quốc độ sở hữu nhất thiết chúng sanh đắc thọ mạng trường, hữu đại thế lực, hoạch đại thân thông.

Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* tu Đại Niết-bàn vi diệu kinh điển, vị *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, độ chúng sanh cố, ly thân đạo tâm. Dĩ thủ thiện căn, nguyện dĩ nhất thiết chúng sanh cộng chi; nguyện chư Phật quốc, thổ địa sở hữu thuần thí thất bảo, chúng sanh phú túc, sở dục tự tứ.

眾生富足所欲自恣。以此誓願因緣力故。於未來世成佛之時所得國土純是七寶。眾生富足所欲自恣。

復次善男子。菩薩摩訶薩修大涅槃微妙經典。為阿耨多羅三藐三菩提度眾生故離婬欲心。以此善根願與一切眾生共之。願諸佛土所有眾生。無有貪欲瞋恚癡心。亦無飢渴苦惱之者。以是誓願因緣力故。於未來世成佛之時。國土眾生遠離貪婬瞋恚癡心。一切無有飢渴苦惱。

復次善男子。菩薩摩訶薩修大涅槃微妙經典。為阿耨多羅三藐三菩提。度眾生故離妄語心。以此善根願與一切眾生共之。願諸佛土常有花樹果樹香樹。所有眾生得妙音聲。以是誓願因緣力故。於未來世成佛之時。所有國土常有花樹果樹香樹。其中眾生悉得清淨上妙音聲。

復次善男子。菩薩摩訶薩修大涅槃微妙經典。為阿耨多羅三藐三菩提度眾生故遠離兩舌。以此善根願與一切眾生共之。願諸佛土所有眾生常共和合講說正法。以是誓願因緣力故。於未來世成佛之時。國土所有一切眾生悉共和合講論法要。

復次善男子。菩薩摩訶薩修大涅槃微妙經典。為阿耨多羅三藐三菩提度眾生故遠離惡口。以此善根願與一切眾生共之。願諸佛土地平如掌無有沙礫

Dĩ thử thệ nguyện nhân duyên lực cố, ư vị lai thế, thành Phật chi thời, sở đắc quốc độ, thuần thị thất bảo, chúng sanh phú túc, sở dục tự tứ.

Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát*, tu Đại Niết-bàn, vi diệu Kinh điển, vị *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, độ chúng sanh cố, ly dâm dục tâm. Dĩ thử thiện căn, nguyện dĩ nhất thiết chúng sanh cộng chi, nguyện chư Phật độ sở hữu chúng sanh, vô hữu tham dục, sân khuể, si tâm diệc vô cơ khát khổ não chi giả. Dĩ thị thệ nguyện nhân duyên lực cố, ư vị lai thế, thành Phật chi thời, quốc độ chúng sanh viễn ly tham dâm, sân khuể, si tâm, nhất thiết vô hữu cơ khát khổ não.

Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát*, tu Đại Niết-bàn, vi diệu Kinh điển, vị *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, độ chúng sanh cố, ly vọng ngữ tâm. Dĩ thử thiện căn, nguyện dĩ nhất thiết chúng sanh cộng chi; nguyện chư Phật độ thường hữu hoa thọ, quả thọ, hương thọ; sở hữu chúng sanh đắc diệu âm thanh. Dĩ thị thệ nguyện nhân duyên lực cố, ư vị lai thế, thành Phật chi thời, sở hữu quốc độ thường hữu hoa thọ, quả thọ, hương thọ; kỳ trung chúng sanh tất đắc thanh tịnh thượng diệu âm thanh.

Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát*, tu Đại Niết-bàn, vi diệu Kinh điển, vị *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, độ chúng sanh cố, viễn ly lưỡng thiệt. Dĩ thử thiện căn, nguyện dĩ nhất thiết chúng sanh cộng chi; nguyện chư Phật độ sở hữu chúng sanh, thường cộng hòa hiệp, giảng thuyết Chánh Pháp. Dĩ thị thệ nguyện nhân duyên lực cố, ư vị lai thế, thành Phật chi thời, quốc độ sở hữu nhất thiết chúng sanh, tất cộng hòa hiệp, giảng luận pháp yếu.

Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát*, tu Đại Niết-bàn, vi diệu kinh điển, vị *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, độ chúng sanh cố, viễn ly ác khẩu. Dĩ thử thiện căn, nguyện dĩ nhất thiết chúng sanh cộng chi; nguyện chư Phật độ, địa bình như chưởng, vô hữu sa, lịch, ngõa, thạch chi thuộc, kinh

瓦石之屬荊棘惡刺。所有眾生其心平等。以是誓願因緣力故。於未來世成佛之時。所有國土地平如掌。無有沙礫荊棘惡刺。所有眾生其心平等。

復次善男子。菩薩摩訶薩修大涅槃微妙經典。為阿耨多羅三藐三菩提度眾生故離無義語。以此善根願與一切眾生共之。願諸佛土所有眾生無有苦惱。以是誓願因緣力故。於未來世成佛之時。國土所有一切眾生無有苦惱。

復次善男子。菩薩摩訶薩修大涅槃微妙經典。為阿耨多羅三藐三菩提度眾生故遠離貪嫉。以此善根願與一切眾生共之。願諸佛土一切眾生無有貪嫉，惱害，邪見。以是誓願因緣力故。於未來世成佛之時。國土所有一切眾生悉無貪嫉惱害邪見。

復次善男子。菩薩摩訶薩修大涅槃微妙經典。為阿耨多羅三藐三菩提度眾生故遠離惱害。以此善根願與一切眾生共之。願諸佛土所有眾生悉共修習大慈大悲得一子地。以是誓願因緣力故。於未來世成佛之時。世界所有一切眾生悉共修習大慈大悲得一子地。

復次善男子。菩薩摩訶薩修大涅槃微妙經典。為阿耨多羅三藐三菩提度眾生故遠離邪見。以此善根願與一切眾生共之。願諸佛土所有眾生悉得摩訶

cúc ác thích; sở hữu chúng sanh kỳ tâm bình đẳng. Dĩ thị thệ nguyện nhân duyên lực cố, ư vị lai thế, thành Phật chi thời, sở hữu quốc độ, địa bình như chưởng, vô hữu sa, lịch, kinh súc ác thích; sở hữu chúng sanh kỳ tâm bình đẳng.

Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát*, tu Đại Niết-bàn, vi diệu Kinh điển, vị *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, độ chúng sanh cố, ly vô nghĩa ngữ. Dĩ thủ thiện căn, nguyện dữ nhất thiết chúng sanh cộng chi; nguyện chư Phật độ sở hữu chúng sanh, vô hữu khổ não. Dĩ thị thệ nguyện nhân duyên lực cố, ư vị lai thế, thành Phật chi thời, quốc độ sở hữu nhất thiết chúng sanh, vô hữu khổ não.

Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát*, tu Đại Niết-bàn, vi diệu kinh điển, vị *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, độ chúng sanh cố, viễn ly tham tật. Dĩ thủ thiện căn, nguyện dữ nhất thiết chúng sanh cộng chi; nguyện chư Phật độ nhất thiết chúng sanh, vô hữu tham tật, não hại, tà kiến. Dĩ thị thệ nguyện nhân duyên lực cố, ư vị lai thế, thành Phật chi thời, quốc độ sở hữu nhất thiết chúng sanh, tất vô tham tật, não hại, tà kiến.

Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát*, tu Đại Niết-bàn, vi diệu Kinh điển, vị *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, độ chúng sanh cố, viễn ly não hại. Dĩ thủ thiện căn, nguyện dữ nhất thiết chúng sanh cộng chi; nguyện chư Phật độ sở hữu chúng sanh, tất cộng tu tập đại từ đại bi, đắc Nhất tử địa. Dĩ thị thệ nguyện nhân duyên lực cố, ư vị lai thế thành Phật chi thời, thế giới sở hữu nhất thiết chúng sanh tất cộng tu tập đại từ đại bi, đắc Nhất tử địa.

Phục thứ, thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát*, tu Đại Niết-bàn, vi diệu Kinh điển, vị *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, độ chúng sanh cố, viễn ly tà kiến. Dĩ thủ thiện căn, nguyện dữ nhất thiết chúng sanh cộng chi, nguyện chư Phật độ sở

般若波羅蜜。以是誓願因緣力故。於未來世成佛之時。世界眾生悉得受持摩訶般若波羅蜜。

是名菩薩修淨佛土。

云何菩薩摩訶薩滅除有餘。有餘有三。一者煩惱餘報。二者餘業。三者餘有。

善男子。云何名為煩惱餘報。若有眾生習近貪欲。是報熟故墮於地獄。從地獄出受畜生身。所謂鴿雀鴛鴦鸚鵡耆婆耆婆舍利伽烏青雀魚鱉獼猴獐鹿。若得人身受黃門形女人二根無根婬女。若得出家犯初重戒。是名餘報。

復次善男子。若有眾生以殷重心習近瞋恚。是報熟故墮於地獄。從地獄出受畜生身。所謂毒蛇具四種毒。見毒觸毒齧毒噓毒。師子虎狼熊羆貓狸鷹鷄之屬。若得人身具足十六諸惡律儀。若得出家犯第二重戒。是名餘報。

復次善男子。若有修習愚癡之人。是報熟時墮於地獄。從地獄出受畜生身。所謂象豬牛羊水牛蚤虱蚊虻子等形。若得人身聾盲瘖啞癱殘背癱。諸根不具不能受法。若得出家諸根闇鈍喜犯重戒乃至五錢。是名餘報。

復次善男子。若有修習憍慢之人。是報熟時墮於地獄。從地獄出受畜生身。所謂糞虫駝驢犬馬。

hữu chúng sanh, tất đắc *Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật*. Dĩ thị thệ nguyện nhân duyên lực cố, ư vị lai thế, thành Phật chi thời, thế giới chúng sanh, tất đắc thọ trì *Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật*.

Thị danh Bồ Tát tu tịnh Phật độ.

Vân hà Bồ Tát *ma-ha-tát* diệt trừ hữu dư? Hữu dư hữu tam, nhất giả phiền não dư báo, nhị giả dư nghiệp, tam giả dư hữu.

Thiện nam tử! Vân hà danh vi phiền não dư báo? Nhược hữu chúng sanh tập cận tham dục. Thị báo thực cố, đọa ư địa ngục, tùng địa ngục xuất, thọ súc sanh thân. Sở vị: cấp, tước, uyên ương, anh võ, *kỳ-bà kỳ-bà*, xá-lợi, già điều, thanh tước, ngư, biết, di hầu, chương, lộc... Nhược đắc nhân thân, thọ hoàng môn hình, nữ nhân, nhị căn, vô căn, dâm nữ. Nhược đắc xuất gia, phạm sơ trọng giới. Thị danh dư báo.

Phục thứ, thiện nam tử! Nhược hữu chúng sanh, dĩ ân trọng tâm, tập cận sân khuể. Thị báo thực cố, đọa ư địa ngục, tùng địa ngục xuất, thọ súc sanh thân. Sở vị: độc xà cụ tứ chủng độc: kiến độc, xúc độc, khiết độc, hư độc, sư tử, hổ, lang, hùng, bi, miêu, ly, ưng, diêu chi thuộc. Nhược đắc nhân thân, cụ túc thập lục chư ác luật nghi. Nhược đắc xuất gia, phạm đệ nhị trọng giới. Thị danh dư báo.

Phục thứ, thiện nam tử! Nhược hữu tu tập ngu si chi nhân. Thị báo thực thời, đọa ư địa ngục. Tùng địa ngục xuất, thọ súc sanh thân, sở vị: tượng, trư, ngư, dương, thủy ngư, tảo, sát, vẩn, manh, nghĩ tử đẳng hình. Nhược đắc nhân thân lung, manh, ám, á, long, tàn, bối lữ, chư căn bất cụ, bất năng thọ pháp. Nhược đắc xuất gia, chư căn ám độn, hỷ phạm trọng giới, nãi chí ngũ tiền. Thị danh dư báo.

Phục thứ, thiện nam tử! Nhược hữu tu tập kiêu mạn chi nhân. Thị báo thực thời, đọa ư địa ngục. Tùng địa ngục xuất, thọ súc sanh thân, sở vị: phẩn trùng, đà, lư, khuyển, mã.

若生人中受奴婢身貧窮乞丐。或得出家常為眾生之所輕賤破第四戒。是名餘報。

如是等名煩惱餘報。如是餘報菩薩摩訶薩以能修習大涅槃故悉得除滅。

云何餘業。謂一切凡夫業。一切聲聞業。須陀洹人受七有業。斯陀含人受二有業。阿那含人受色有業。是名餘業。

如是餘業菩薩摩訶薩以能修習大涅槃故悉得斷除。

云何餘有。阿羅漢得阿羅漢果。辟支佛得辟支佛果。無業無結而轉二果。是名餘有。

如是三種有餘之法。菩薩摩訶薩修習大乘大涅槃經故得滅除。是名菩薩摩訶薩滅除有餘。

云何菩薩修清淨身。菩薩摩訶薩修不殺戒有五種心。謂下中上上中上上。乃至正見亦復如是。是五十心名初發心。具足決定成五十心是名滿足。如是百心名百福德。具足百福成於一相。如是展轉具足成就三十二相。名清淨身。

所以復修八十種好。世有眾生事八十種神。何等八十。十二日，十二大天，五大星，北斗，馬天，行道天，婆羅墮跋闍天，功德天，二十八宿，地天，風天，水天，火天，梵天，樓陀天，因提天，拘摩羅天，八臂天，摩醯首羅天，半闍羅天，鬼子母天，四天王天，造

Nhược sanh nhân trung, thọ nô tỳ thân, bần cùng khát cái. Hoặc đắc xuất gia, thường vi chúng sanh chi sở khinh tiện, phá đệ tứ giới. Thị danh dư báo.

Như thị đẳng, danh phiền não dư báo. Như thị dư báo, Bồ Tát *ma-ha-tát* dĩ năng tu tập Đại Niết-bàn cố, tất đắc trừ diệt.

Vân hà dư nghiệp? Vị nhất thiết phàm phu nghiệp, nhất thiết Thanh văn nghiệp: *Tu-dà-hoàn* nhân thọ thất hữu nghiệp. *Tư-dà-hàm* nhân thọ nhị hữu nghiệp; *A-na-hàm* nhân thọ sắc hữu nghiệp. Thị danh dư nghiệp.

Như thị dư nghiệp, Bồ Tát *ma-ha-tát* dĩ năng tu tập Đại Niết-bàn cố, tất đắc đoạn trừ.

Vân hà dư hữu? *A-la-hán* đắc *A-la-hán* quả, *Bích-chi* Phật đắc *Bích-chi* Phật quả; vô nghiệp, vô kết, nhi chuyển nhị quả. Thị danh dư hữu.

Như thị tam chủng hữu dư chi pháp, Bồ Tát *ma-ha-tát*, tu tập Đại thừa Đại Niết-bàn kinh cố đắc diệt trừ. Thị danh Bồ Tát *ma-ha-tát* diệt trừ hữu dư.

Vân hà Bồ Tát tu thanh tịnh thân? Bồ Tát *ma-ha-tát*, tu bát sát giới, hữu ngũ chủng tâm, vị: hạ, trung, thượng, thượng trung, thượng thượng. Nãi chí Chánh kiến, diệc phục như thị. Thị ngũ thập tâm, danh sơ phát tâm. Cụ túc quyết định, thành ngũ thập tâm. Thị danh mãn túc. Như thị bá tâm, danh bá phước đức. Cụ túc bá phước, thành ư nhất tướng. Như thị triển chuyển, cụ túc thành tựu tam thập nhị tướng, danh thanh tịnh thân.

Sở dĩ phục tu bát thập chủng hảo, thế hữu chúng sanh sự bát thập chủng thân. Hà đẳng bát thập? Thập nhị nhật, thập nhị đại thiên, ngũ đại tinh, Bắc đẩu, Mã thiên, Hành đạo thiên, *Bà-la-đọa-bạt-xà* thiên, Công đức thiên, nhị thập bát tú, Địa thiên, Phong thiên, Thủy thiên, Hỏa thiên, Phạm thiên, *Lâu-đà* thiên, *Nhân-đề* thiên, *Câu-ma-la* thiên, Bát tý thiên, *Ma-hê-thủ-la* thiên, *Bán-xà-la* thiên, Quỷ tử mẫu

書天, 婆藪天。是名八十。為此眾生修八十好以自莊嚴。是名菩薩清淨之身。

何以故。是八十天一切眾生之所信伏。是故菩薩修八十好其身不動。令彼眾生隨其所信各各而見。見已尊敬各發阿耨多羅三藐三菩提心。以是義故。菩薩摩訶薩修於淨身。

善男子。譬如有人欲請大王。要當莊嚴所有舍宅極令清淨。辦具種種百味餽膳。然後王當就其所請。菩薩摩訶薩亦復如是。欲請阿耨多羅三藐三菩提法輪王故。先當修身極令清淨。無上法王乃當處之。以是義故。菩薩摩訶薩要當修於清淨之身。

善男子。譬如有人欲服甘露先當淨身。菩薩摩訶薩亦復如是。欲服無上甘露法味般若波羅蜜者。要當先以八十種好清淨其身。

善男子。譬如妙好金銀盃器盛之淨水中表俱淨。菩薩摩訶薩其身清淨亦復如是。盛阿耨多羅三藐三菩提水中表俱淨。

善男子。如波羅奈素白之衣易受染色。何以故。性白淨故。菩薩摩訶薩亦復如是。以身淨故疾得阿耨多羅三藐三菩提。以是義故。菩薩摩訶薩修於淨身。

thiên, Tứ thiên vương thiên, Tạo thư thiên, Bà-tẩu thiên. Thị danh bát thập. Vị thủ chúng sanh, tu bát thập hảo. Dĩ tự trang nghiêm, thị danh Bồ Tát thanh tịnh chi thân.

Hà dĩ cố? Thị bát thập thiên, nhất thiết chúng sanh chi sở tín phục. Thị cố Bồ Tát tu bát thập hảo, kỳ thân bất động, linh bỉ chúng sanh tùy kỳ sở tín, các các nhi kiến. Kiến dĩ tôn kính, các phát *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* tâm. Dĩ thị nghĩa cố, Bồ Tát *ma-ha-tát* tu ư tịnh thân.

Thiện nam tử! Thí như hữu nhân, dục thỉnh Đại vương, yếu đương trang nghiêm sở hữu xá trạch, cực linh thanh tịnh; biện cụ chúng chủng bá vị hào thiện; nhiên hậu vương đương tựu kỳ sở thỉnh. Bồ Tát *ma-ha-tát* diệc phục như thị; dục thỉnh *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* Pháp luân vương cố, tiên đương tu thân, cực linh thanh tịnh Vô thượng Pháp vương nãi đương xử chi. Dĩ thị nghĩa cố, Bồ Tát *ma-ha-tát* yếu đương tu ư thanh tịnh chi thân.

Thiện nam tử! Thí như hữu nhân, dục phục cam lộ; tiên đương tịnh thân. Bồ Tát *ma-ha-tát* diệc phục như thị; dục phục Vô thượng cam lộ pháp vị *Bát-nhã Ba-la-mật* giả, yếu đương tiên dĩ bát thập chủng hảo thanh tịnh kỳ thân.

Thiện nam tử! Thí như diệp hảo kim ngân vu khí, thành chi tịnh thủy, trung biểu câu tịnh. Bồ Tát *ma-ha-tát*, kỳ thân thanh tịnh, diệc phục như thị; thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* thủy, trung biểu câu tịnh.

Thiện nam tử! Như *Ba-la-nại*, tố bạch chi y dị thọ nhiễm sắc. Hà dĩ cố? Tánh bạch tịnh cố. Bồ Tát *ma-ha-tát* diệc phục như thị; dĩ thân tịnh cố, tật đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Dĩ thị nghĩa cố, Bồ Tát *ma-ha-tát* tu ư tịnh thân.

云何菩薩了知諸緣。菩薩摩訶薩不見色相。不見色緣不見色體。不見色生不見色滅。不見一相不見異相。不見見者不見相貌不見受者。何以故。了因緣故。如色一切法亦如是。是名菩薩了知諸緣。

云何菩薩離諸怨敵。一切煩惱是菩薩怨敵。菩薩摩訶薩常遠離故。是名菩薩離諸怨敵。

五住菩薩視諸煩惱不名為怨。所以者何。因煩惱故菩薩有生。以有生故。故能展轉教化眾生。以是義故不名為怨。何等為怨。所謂誹謗方等經者。菩薩隨生不畏地獄畜生餓鬼。唯畏如是謗方等者。一切菩薩有八種魔名為怨家。遠是八魔名離怨家。是名菩薩離諸怨敵。

云何菩薩斷除二邊。言二邊者。謂二十五有及愛煩惱。菩薩常離二十五有及愛煩惱。是名菩薩斷除二邊。

是名菩薩摩訶薩修大涅槃具足成就第四功德。

爾時光明遍照高貴德王菩薩摩訶薩言。如佛所說若有菩薩修大涅槃。悉作如是十事功德。如來何故唯修九事不修淨土。

佛言。善男子。我於往昔亦常具修如是十事。

Vân hà Bồ Tát liễu tri chư duyên? Bồ Tát *ma-ha-tát* bất kiến sắc tướng, bất kiến sắc duyên, bất kiến sắc thể, bất kiến sắc sanh, bất kiến sắc diệt, bất kiến nhất tướng, bất kiến dị tướng, bất kiến kiến giả, bất kiến tướng mạo, bất kiến thọ giả. Hà dĩ cố? Liễu nhân duyên cố. Như sắc, nhất thiết pháp diệt như thị. Thị danh Bồ Tát liễu tri chư duyên.

Vân hà Bồ Tát ly chư oán địch? Nhất thiết phiền não thị Bồ Tát oán địch. Bồ Tát *ma-ha-tát* thường viễn ly cố, thị danh Bồ Tát ly chư oán địch.

Ngũ trụ Bồ Tát thị chư phiền não, bất danh vi oán. Sở dĩ giả hà? Nhân phiền não cố, Bồ Tát hữu sanh. Dĩ hữu sanh cố, cố năng triển chuyển giáo hóa chúng sanh. Dĩ thị nghĩa cố, bất danh vi oán. Hà đẳng vi oán? Sở vị phỉ báng Phương đẳng Kinh giả. Bồ Tát tùy sanh, bất úy địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, duy úy như thị báng Phương đẳng giả. Nhất thiết Bồ Tát, hữu bát chủng ma, danh vi oán gia, viễn thị bát ma, danh ly oán gia. Thị danh Bồ Tát ly chư oán địch.

Vân hà Bồ Tát đoạn trừ nhị biên? Ngôn nhị biên giả, vị: nhị thập ngũ hữu cập ái phiền não. Bồ Tát thường ly nhị thập ngũ hữu cập ái phiền não. Thị danh Bồ Tát đoạn trừ nhị biên.

Thị danh Bồ Tát *ma-ha-tát* tu Đại Niết-bàn cụ túc thành tựu đệ tứ công đức.

Nhĩ thời, Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Bồ Tát *ma-ha-tát* ngôn: Như Phật sở thuyết, nhược hữu Bồ Tát, tu Đại Niết-bàn, tất tác như thị thập sự công đức. Như Lai hà cố duy tu cửu sự, bất tu tịnh độ?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Ngã ư vãng tích, diệt thường cụ tu như thị thập sự. Nhất thiết Bồ Tát cập chư Như Lai, vô hữu

一切菩薩及諸如來無有不修是十事者。若使世界不淨充滿。諸佛世尊於中出者。無有是處。

善男子。汝今莫謂諸佛出於不淨世界。當知是心不善狹劣。汝今當知我實不出閻浮提界。譬如有人說言此界獨有日月。他方世界無有日月。如是之言無有義理。若有菩薩發如是言。此佛世界穢惡不淨。他方佛土清淨嚴麗。亦復如是。

善男子。西方去此娑婆世界度三十二恒河沙等諸佛國土。彼有世界名曰無勝。彼土何故名曰無勝。其土所有嚴麗之事。悉皆平等無有差別。猶如西方安樂世界。亦如東方滿月世界。我於彼土出現於世。為化眾生。故於此土閻浮提中現轉法輪。非但我身獨於此中現轉法輪。一切諸佛亦於此中而轉法輪。以是義故。諸佛世尊非不修行如是十事。

善男子。慈氏菩薩以誓願故。當來之世令此世界清淨莊嚴。以是義故。一切諸佛所有世界無不嚴淨。

復次善男子。云何菩薩摩訶薩。修大涅槃微妙經典。具足成就第五功德。

善男子。菩薩摩訶薩修大涅槃具足成就第五功德。有五事。何等為五。一者諸根完具。二者不生邊地。三者諸天愛念。四者常為天魔沙門刹利婆羅

bát tu thị thập sự giả. Nhược sử thế giới, bất tịnh sung mãn, chư Phật Thế Tôn ư trung xuất giả, vô hữu thị xứ.

Thiện nam tử! Nhữ kim mặc vị chư Phật xuất ư bất tịnh thế giới. Đương tri thị tâm bất thiện, hiệp liệt. Nhữ kim đương tri ngã thật bất xuất *Diêm-phù-đề* giới. Thí như hữu nhân thuyết ngôn: Thủ giới độc hữu nhật, nguyệt, tha phương thế giới vô hữu nhật, nguyệt. Như thị chi ngôn vô hữu nghĩa lý. Nhược hữu Bồ Tát phát như thị ngôn: Thủ Phật thế giới uế, ác, bất tịnh; tha phương Phật độ thanh tịnh, nghiêm lệ. Diệc phục như thị.

Thiện nam tử! Tây phương khứ thủ *Ta-bà* thế giới độ tứ thập nhị Hàng hà sa đẳng chư Phật quốc độ, bỉ hữu thế giới danh viết Vô Thắng. Bỉ độ hà cố danh viết Vô Thắng? Kỳ độ sở hữu nghiêm lệ chi sự, tất giai bình đẳng, vô hữu sai biệt, do như Tây phương An lạc thế giới, diệc như đông phương Mãn nguyệt thế giới. Ngã ư bỉ độ, xuất hiện ư thế; vị hóa chúng sanh, cố ư thủ độ, Diêm phù đề trung, hiện chuyển pháp luân. Phi đản ngã thân độc ư thủ trung, hiện chuyển pháp luân; nhất thiết chư Phật diệc ư thủ trung nhi chuyển pháp luân. Dĩ thị nghĩa cố, chư Phật Thế Tôn phi bất tu hành như thị thập sự.

Thiện nam tử! Từ thị Bồ Tát, dĩ thế nguyện cố, đương lai chi thế, linh thủ thế giới thanh tịnh trang nghiêm. Dĩ thị nghĩa cố, nhất thiết chư Phật sở hữu thế giới, vô bất nghiêm tịnh.

Phục thứ, thiện nam tử! Vân hà Bồ Tát *ma-ha-tát* tu Đại *Niết-bàn* vi diệu kinh điển cụ túc thành tựu đệ ngũ công đức?

Thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát*, tu Đại *Niết-bàn*, cụ túc thành tựu đệ ngũ công đức, hữu ngũ sự. Hà đẳng vi ngũ? Nhất giả chư căn hoàn cụ. Nhị giả bất sanh biên địa. Tam giả chư thiên ái niệm. Tứ giả thường vi thiên ma, *sa-môn*, *sát-lợi*, *bà-*

門等之所恭敬。五者得宿命智。菩薩以是大涅槃經因緣力故。具足如是五事功德。

光明遍照高貴德王菩薩言。如佛所說若有善男子善女人修於布施。則得具足五事功德。今云何言因大涅槃得是五事。

佛言。善哉善哉。善男子。如是之事其義各異。今當為汝分別解說。

施得五事不定不常不淨不勝不異。非無漏。不能利益安樂憐愍一切眾生。若依如是大涅槃經所得五事。是定是常是淨是勝是異。是無漏。則能利益安樂憐愍一切眾生。

善男子。夫布施者則離飢渴。大涅槃經能令眾生悉得遠離二十五有渴愛之病。

布施因緣令生死相續。大涅槃經能令生死斷不相續。

因布施故受凡夫法。因大涅槃得作菩薩。

布施因緣能斷一切貧窮苦惱。大涅槃經能斷一切貧善法者。

布施因緣有分有果。因大涅槃得阿耨多羅三藐三菩提無分無果。

是名菩薩摩訶薩修大涅槃微妙經典。具足成就第五功德。

*la-môn* đấng chi sở cung kính. Ngũ giả đắc Túc mạng trí. Bồ Tát dĩ thị Đại Niết-bàn kinh nhân duyên lực cố, cụ túc như thị ngũ sự công đức.

Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Bồ Tát ngôn: Như Phật sở thuyết, nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân tu ư bố thí, tác đắc cụ túc ngũ sự công đức. Kim vân hà ngôn nhân Đại Niết-bàn, đắc thị ngũ sự?

Phật ngôn: Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử! Như thị chi sự, kỳ nghĩa các dị. Kim đương vị nhữ phân biệt giải thuyết.

Thí, đắc ngũ sự: Bất định, bất thường, bất tịnh, bất thắng, bất dị. Phi vô lậu, bất năng lợi ích, an lạc, lân mẫn nhất thiết chúng sanh. Nhược y như thị Đại Niết-bàn kinh sở đắc ngũ sự: thị định, thị thường, thị tịnh, thị thắng, thị dị. Thị vô lậu, tác năng lợi ích, an lạc, lân mẫn nhất thiết chúng sanh.

Thiện nam tử! Phù bố thí giả tác ly cơ khát. Đại Niết-bàn kinh năng linh chúng sanh tất đắc viễn ly nhị thập ngũ hữu khát ái chi bệnh.

Bố thí nhân duyên linh sanh tử tương tục. Đại Niết-bàn Kinh năng linh sanh tử đoạn bất tương tục.

Nhân bố thí cố thọ phạm phu pháp. Nhân Đại Niết-bàn, đắc tác Bồ Tát.

Bố thí nhân duyên năng đoạn nhất thiết bản cùng khổ não. Đại Niết-bàn Kinh năng đoạn nhất thiết bản thiện pháp giả.

Bố thí nhân duyên, hữu phạm, hữu quả. Nhân Đại Niết-bàn, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, vô phạm, vô quả.

Thị danh Bồ Tát *ma-ha-tát*, tu Đại Niết-bàn, vi diệu kinh điển, cụ túc thành tựu Ngũ Công đức.

復次善男子。云何菩薩修大涅槃微妙經典。具足成就第六功德。

菩薩摩訶薩修大涅槃。得金剛三昧安住是中。悉能破散一切諸法。見一切法皆是無常，皆是動相，恐怖因緣，病苦，劫盜，念念滅壞，無有真實。一切皆是魔之境界無可見相。菩薩摩訶薩住是三昧。雖施眾生乃至不見一眾生實。為眾生故精勤修習尸波羅蜜。乃至修習般若波羅蜜亦復如是。菩薩若見有一眾生。不能畢竟具足成就檀波羅蜜乃至具足般若波羅蜜。

善男子。譬如金剛所擬之處無不碎壞。而是金剛無有折損。金剛三昧亦復如是。所擬之法無不碎壞。而是三昧無有折損。

善男子。如諸寶中金剛最勝。菩薩所得金剛三昧亦復如是。於諸三昧為最第一。何以故。菩薩摩訶薩修是三昧。一切三昧悉來歸屬。

善男子。如諸小王悉來歸屬轉輪聖王。一切三昧亦復如是。悉來歸屬金剛三昧。

善男子。譬如有人為國怨讎人所厭患。有人殺之。一切世人無不稱讚是人功德。金剛三昧亦復如是。菩薩修習能壞一切眾生怨敵。是故常為一切三昧之所尊敬。

Phục thứ, thiện nam tử! Vân hà Bồ Tát, tu Đại Niết-bàn, vi diệu Kinh điển, cụ túc thành tựu Đệ lục Công đức?

Bồ Tát *ma-ha-tát*, tu Đại Niết-bàn, đắc kim cang *Tam-muội*. An trụ thị trung, tất năng phá tán nhất thiết chư pháp; kiến nhất thiết pháp giai thị vô thường, giai thị động tướng, khủng bố nhân duyên, bệnh khổ, kiếp đạo, niệm niệm diệt hoại, vô hữu chân thật. Nhất thiết giai thị ma chi cảnh giới; vô khả kiến tướng. Bồ Tát *ma-ha-tát*, trụ thị *Tam-muội*, tuy thí chúng sanh, nãi chí bất kiến nhất chúng sanh thật. Vị chúng sanh cố, tinh cần tu tập Thi *Ba-la-mật*; nãi chí tu tập Bát nhã *Ba-la-mật*, diệc phục như thị. Bồ Tát nhược kiến hữu nhất chúng sanh, bất năng tất cánh cụ túc thành tựu Đàn *Ba-la-mật*, nãi chí cụ túc Bát nhã *Ba-la-mật*.

Thiện nam tử! Thí như kim cang sở nghĩ chi xứ vô bất toái hoại; nhi thị kim cang vô hữu chiết tổn, kim cang *Tam-muội* diệc phục như thị, sở nghĩ chi pháp, vô bất toái hoại; nhi thị *Tam-muội* vô hữu chiết tổn.

Thiện nam tử! Như chư bảo trung, kim cang tối thắng. Bồ Tát sở đắc Kim cang *Tam-muội*, diệc phục như thị; ư chư *Tam-muội*, vi tối đệ nhất. Hà dĩ cố? Bồ Tát *ma-ha-tát* tu thị *Tam-muội*, nhất thiết *Tam-muội* tất lai quy thuộc.

Thiện nam tử! Như chư tiểu vương tất lai quy thuộc Chuyển luân Thánh vương. Nhất thiết *Tam-muội* diệc phục như thị; tất lai quy thuộc, kim cang *Tam-muội*.

Thiện nam tử! Thí như hữu nhân vi quốc oán thù, nhân sở yếm hoại. Hữu nhân sát chi; nhất thiết thế nhân, vô bất xưng tán thị nhân công đức. Kim cang *Tam-muội* diệc phục như thị; Bồ Tát tu tập, năng hoại nhất thiết chúng sanh oán địch. Thị cố thường vi nhất thiết *Tam-muội* chi sở tôn kính.

善男子。譬如有人其力盛壯人無當者。復更有人力能伏之。當知是人世所稱美。金剛三昧亦復如是。力能摧伏難伏之法。以是義故。一切三昧悉來歸屬。

善男子。譬如有人在大海浴。當知是人已用諸河泉池之水。菩薩摩訶薩亦復如是。修習如是金剛三昧。當知已為修習其餘一切三昧。

善男子。如香山中有一泉水名阿那婆踏多。其泉具足八味之水。有人飲之無諸病苦。金剛三昧亦復如是具八正道。菩薩修習斷諸煩惱瘡疣重病。

善男子。如人供養摩醯首羅。當知是人已為供養一切諸天。金剛三昧亦復如是。有人修習當知已為修習一切諸餘三昧。

善男子。若有菩薩安住如是金剛三昧。見一切法無有障礙。如於掌中觀阿摩勒菓。菩薩雖復得如是見。終不作想見一切法。

善男子。譬如有人坐四衢道頭見諸眾生來去坐臥。金剛三昧亦復如是。見一切法生滅出沒。

善男子。譬如高山有人登之遠望諸方皆悉明了。金剛定山亦復如是。菩薩登之遠望諸法無不明了。

Thiện nam tử! Thí như hữu nhân, kỳ lực thịnh tráng, nhân vô đương giả. Phục cánh hữu nhân, lực năng phục chi. Đương tri thị nhân, thế sở xưng mỹ. Kim cang *Tam-muội* diệt phục như thị; lực năng tồ phục nan phục chi pháp. Dĩ thị nghĩa cố, nhất thiết *Tam-muội* tất lai quy thuộc.

Thiện nam tử! Thí như hữu nhân tại đại hải dục. Đương tri thị nhân dĩ dụng chư hà, tuyền, trì chi thủy. Bồ Tát *ma-ha-tát* diệt phục như thị, tu tập như thị Kim cang *Tam-muội*. Đương tri dĩ vi tu tập kỳ dư nhất thiết *Tam-muội*.

Thiện nam tử! Như Hương sơn trung, hữu nhất tuyền thủy, danh *A-na-bà-đạp-đa*. Kỳ tuyền cụ túc bát vị chi thủy. Hữu nhân ẩm chi, vô chư bệnh khổ. Kim cang *Tam-muội* diệt phục như thị; cụ bát chánh đạo. Bồ Tát tu tập, đoạn chư phiền não sang vưu trọng bệnh.

Thiện nam tử! Như nhân cúng dường *Ma-hê-thủ-la*, đương tri thị nhân dĩ vi cúng dường nhất thiết chư Thiên. Kim cang *Tam-muội* diệt phục như thị; hữu nhân tu tập, đương tri dĩ vi tu tập nhất thiết chư dư *Tam-muội*.

Thiện nam tử! Nhược hữu Bồ Tát an trụ như thị Kim cang *Tam-muội*, kiến nhất thiết pháp, vô hữu chướng ngại, như ư chướng trung, quán *A-ma-lặc* quả. Bồ Tát tuy phục đắc như thị kiến, chung bất tác tưởng kiến nhất thiết pháp.

Thiện nam tử! Thí như hữu nhân, tọa tứ cù đạo đầu; kiến chư chúng sanh lai, khứ, tọa, ngoạ. Kim cang *Tam-muội* diệt phục như thị; kiến nhất thiết pháp sanh, diệt, xuất, một.

Thiện nam tử! Thí như cao sơn, hữu nhân đăng chi, viễn vọng chư phương, giai tất minh liễu. Kim cang định sơn diệt phục như thị; Bồ Tát đăng chi, viễn vọng chư pháp, vô bất minh liễu.

善男子。譬如春月天降甘雨，其滴微緻間無空處。明眼之人見之了了。菩薩亦爾得金剛定清淨之目。遠見東方所有世界。其中或有國土成壞。一切皆見了了無障。乃至十方亦復如是。

善男子。如由乾陀山七日並出。其山所有樹木叢林一切燒盡。菩薩修習金剛三昧亦復如是。所有一切煩惱叢林即時消滅。

善男子。譬如金剛雖能摧破一切有物。終不生念我能摧破。金剛三昧亦復如是。菩薩修已能破煩惱。終不生念我能壞結。

善男子。譬如大地能持萬物。終不生念我力能持。火亦不念我能燒物。水亦不念我能潤漬。風亦不念我能動物。空亦不念我能容受。涅槃亦復不生念言。我令眾生而得滅度。金剛三昧亦復如是。雖能滅除一切煩惱。而初無心言我能滅。

若有菩薩安住如是金剛三昧。於一念中變身如佛。其數無量遍滿十方恒河沙等諸佛世界。而是菩薩雖作是化。其心初無憍慢之想。何以故。菩薩常念。誰有是定能作是化。唯有菩薩安住如是金剛三昧乃能作耳。菩薩摩訶薩安住如是金剛三昧。於一念中遍到

Thiện nam tử! Thí như xuân nguyệt, thiên giáng cam vũ; kỳ tích vi trí, gián vô không xứ; minh nhãn chi nhân kiến chi liễu liễu. Bồ Tát diệc nhĩ; đắc kim cang định, thanh tịnh chi mục, viễn kiến đông phương sở hữu thế giới, kỳ trung hoặc hữu quốc độ thành hoại, nhất thiết giai kiến, liễu liễu vô chướng. Nãi chí thập phương diệc phục như thị.

Thiện nam tử! Như do Càn-đà sơn, thất nhật tịnh xuất, kỳ sơn sở hữu thọ mộc tông lâm, nhất thiết thiêu tận. Bồ Tát tu tập kim cang Tam-muội, diệc phục như thị. Sở hữu nhất thiết phiền não tông lâm tức thời tiêu diệt.

Thiện nam tử! Thí như kim cang, tuy năng tồ phá nhất thiết hữu vật, chung bất sanh niệm: ngã năng tồ phá. Kim cang Tam-muội diệc phục như thị; Bồ Tát tu dĩ, năng phá phiền não, chung bất sanh niệm: Ngã năng hoại kết.

Thiện nam tử! Thí như đại địa, năng trì vạn vật, chung bất sanh niệm: ngã lực năng trì. Hỏa diệc bất niệm: Ngã năng thiêu vật. Thủy diệc bất niệm: Ngã năng nhuận tứ. Phong diệc bất niệm: ngã năng động vật. Không diệc bất niệm: ngã năng dung thọ. Niết-bàn diệc phục bất sanh niệm ngôn: ngã linh chúng sanh nhi đắc diệt độ. Kim cang Tam-muội diệc phục như thị; tuy năng diệt trừ, nhất thiết phiền não, nhi sơ vô tâm ngôn: ngã năng diệt.

Nhược hữu Bồ Tát an trụ như thị Kim cang Tam-muội, ư nhất niệm trung, biến thân như Phật, kỳ số vô lượng, biến mãn Thập phương Hằng hà sa đẵng chư Phật thế giới. Nhi thị Bồ Tát tuy tác thị hóa, kỳ tâm sơ vô kiêu mạn chi tướng. Hà dĩ cố? Bồ Tát thường niệm: Thùy hữu thị định, năng tác thị hóa? Duy hữu Bồ Tát an trụ như thị Kim cang Tam-muội, nãi năng tác nhĩ. Bồ Tát ma-ha-tát an trụ như thị Kim cang Tam-muội, ư nhất niệm trung, biến đáo Thập phương Hằng

十方恒河沙等諸佛世界還其本處。雖有是力亦不念言我能如是。何以故。以是三昧因緣力故。

菩薩摩訶薩安住如是金剛三昧。於一念中能斷十方恒河沙等世界眾生所有煩惱。而心初無斷諸眾生。煩惱之想。何以故。以是三昧因緣力故。

菩薩住是金剛三昧。以一音聲有所演說。一切眾生各隨種類而得解了。示現一色一切眾生各各皆見種種色相。安住一處身不移易能令眾生隨其方面各各而見。演說一法若界若入。一切眾生各隨本解而得聞之。

菩薩安住。如是三昧。雖見眾生而心初無眾生之相。雖見男女無男女相。雖見色法無有色相。乃至見識亦無識相。雖見晝夜無晝夜相。雖見一切無一切相。雖見一切煩惱諸結。亦無一切煩惱之相。雖見八聖道無八聖道相。雖見菩提無菩提相。雖見於涅槃無涅槃相。何以故。善男子。一切諸法本無相故。菩薩以是三昧力故。見一切法如本無相。

何故名為金剛三昧。善男子。譬如金剛若在日中色則不定。金剛三昧亦復如是。在於大眾色亦不定。是故名為金剛三昧。

hà đẳng chư Phật thế giới, hoàn kỳ bản xứ. Tuy hữu thị lực, diệc bất niệm ngôn: Ngã năng như thị. Hà dĩ cố? Dĩ thị *Tam-muội* nhân duyên lực cố.

Bồ Tát *ma-ha-tát*, an trụ như thị Kim cang *Tam-muội*, ư nhất niệm trung, năng đoạn Thập phương Hằng hà sa đẳng thế giới chúng sanh sở hữu phiền não. Nhi tâm sơ vô đoạn chư chúng sanh phiền não chi tướng. Hà dĩ cố? Dĩ thị *Tam-muội* nhân duyên lực cố.

Bồ Tát trụ thị Kim cang *Tam-muội*, dĩ nhất âm thanh, hữu sở diễn thuyết, nhất thiết chúng sanh, các tùy chủng loại nhi đắc giải liễu. Thị hiện nhất sắc, nhất thiết chúng sanh, các các giai kiến chủng chủng sắc tướng. An trụ nhất xứ, thân bất di dịch, năng linh chúng sanh tùy kỳ phương diện, các các nhi kiến; diễn thuyết nhất pháp, nhược giới, nhược nhập, nhất thiết chúng sanh, các tùy bốn giải, nhi đắc văn chi.

Bồ Tát an trụ như thị *Tam-muội*, tuy kiến chúng sanh, nhi tâm sơ vô chúng sanh chi tướng. Tuy kiến nam, nữ, vô nam, nữ tướng. Tuy kiến sắc pháp, vô hữu sắc tướng, nãi chí kiến thức, diệc vô thức tướng. Tuy kiến trú dạ, vô trú, dạ tướng. Tuy kiến nhất thiết, vô nhất thiết tướng. Tuy kiến nhất thiết phiền não chư kết, diệc vô nhất thiết phiền não chi tướng. Tuy kiến Bát thánh đạo, vô Bát thánh đạo tướng. Tuy kiến *Bồ-đề*, vô *Bồ-đề* tướng. Tuy kiến *Niết-bàn*, vô *Niết-bàn* tướng. Hà dĩ cố? Thiện nam tử! Nhất thiết chư pháp, bản vô tướng cố. Bồ Tát dĩ thị *Tam-muội* lực cố, kiến nhất thiết pháp như bản vô tướng.

Hà cố danh vi Kim cang *Tam-muội*? Thiện nam tử! Thí như kim cang, nhược tại nhật trung, sắc tắc bất định. Kim cang *Tam-muội* diệc phục như thị; tại ư Đại chúng, sắc diệc bất định. Thị cố danh vi Kim cang *Tam-muội*.

善男子。譬如金剛一切世人不能評價。金剛三昧亦復如是。所有功德一切人天不能評量。是故復名金剛三昧。

善男子。譬如貧人得金剛寶。則得遠離貧窮困苦惡鬼邪毒。菩薩摩訶薩亦復如是。得是三昧則能遠離煩惱諸苦諸魔邪毒。是故復名金剛三昧。

是名菩薩修大涅槃具足成就第六功德。

大般涅槃經卷第二十四  
終

Thiện nam tử! Thí như kim cang, nhất thiết thế nhân bất năng bình giá. Kim cang Tam-muội diệc phục như thị; sở hữu công đức, nhất thiết nhân thiên bất năng bình lượng. Thị cố phục danh Kim cang Tam-muội.

Thiện nam tử! Thí như bần nhân, đắc kim cang bảo, tắc đắc viễn ly bần cùng khốn khổ, ác quỷ tà độc. Bồ Tát ma-ha-tát diệc phục như thị; đắc thị Tam-muội, tắc năng viễn ly phiền não chư khổ, chư ma tà độc. Thị cố phục danh Kim cang Tam-muội.

Thị danh Bồ Tát tu Đại Niết-bàn, cụ túc thành tựu đệ lục công đức.

Đại Bát Niết-bàn Kinh quyển đệ nhị thập tứ  
Chung

## KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN QUYỂN HAI MƯƠI BỐN<sup>(1)</sup>

### PHẨM BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG

#### Phẩm thứ mười - Phần bốn

**L**ại nữa, thiện nam tử! Thế nào là Đại Bồ Tát tu tập hành trì kinh Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ nhì?<sup>(2)</sup>

“Thiện nam tử! Đại Bồ Tát tu tập hành trì kinh Đại Niết-bàn, những chỗ trước đây không chứng đắc thì nay chứng đắc, trước đây không nhìn thấy thì nay được thấy, trước đây không nghe thì nay được nghe, trước đây không đến thì nay đạt đến, trước đây không biết thì nay được biết.

“Sao gọi là chỗ trước đây không chứng đắc thì nay chứng đắc? Như nói về thân thông, trước đây không chứng đắc thì nay chứng đắc.

“Thân thông có hai loại, một là nội thông, hai là ngoại thông. Ngoại thông là những thần thông mà ngoại đạo cũng có. Nội thông là những thần thông chỉ có trong đạo Phật. Lại phân thành hai loại, một là thần thông của hàng Nhị thừa, hai là thần thông của hàng Bồ Tát.

“Bồ Tát tu tập hành trì kinh Đại Niết-bàn chứng đắc những thần thông mà hàng Thanh văn và Phật Bích-chi đều không có được.

“Vì sao nói là Thanh văn và Phật Bích-chi không cùng có được? Hàng Nhị thừa khi hiện thân thông biến hóa, mỗi một tâm chỉ hóa hiện được một phép, không hóa hiện được nhiều. Bồ Tát không phải vậy, chỉ trong một tâm có thể hóa hiện đầy đủ các thân trong Năm đường.<sup>(3)</sup> Vì sao vậy? Vì có được thế lực của kinh Đại Niết-bàn này. Đó gọi là chỗ trước đây không chứng đắc thì nay chứng đắc.

“Lại nữa, sao gọi là chỗ trước đây không chứng đắc thì nay chứng đắc? Như nói về thân được tự tại, tâm được tự tại. Vì sao vậy? Thân tâm của tất cả phàm phu đều không được tự tại: hoặc tâm tùy theo thân, hoặc thân tùy theo tâm.

“Thế nào là tâm tùy theo thân? Ví như người say rượu, trong thân có rượu. Khi ấy thân chuyển động thì tâm cũng theo đó mà động. Lại như thân mỗi một thì tâm cũng theo đó mà mỗi một. Như thế gọi là tâm tùy theo thân.

“Lại như đứa trẻ thơ, thân thể bé nhỏ, tâm cũng theo đó mà nhỏ. Người trưởng thành rồi thân lớn, tâm cũng theo đó mà lớn. Lại như có người thân thể thô nhám, tâm thường nghĩ nhớ, ao ước có được loại thuốc mỡ để thoa trên thân cho được trơn láng. Như thế gọi là tâm tùy theo thân.

“Thế nào là thân tùy theo tâm? Như nói về những việc đến, đi, ngồi, nằm, tu hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn... Người sâu nã thì thân thể gãy yếu tiêu tụy, người vui vẻ thì thân thể mập mạp tươi nhuận; người hốt hoảng thì thân thể run rẩy, người chú tâm nghe thuyết pháp thì thân thể vui nhẹ, thoải mái; người đau thương khóc lóc thì nước mắt tuôn trào. Như thế gọi là thân tùy theo tâm.

“Bồ Tát không phải vậy, đối với thân và tâm đều được tự tại. Như thế gọi là chỗ trước đây không chứng đắc thì nay chứng đắc.

“Lại nữa, thiện nam tử! Đại Bồ Tát hóa hiện thân tướng như hạt bụi nhỏ, dùng những thân như bụi nhỏ ấy mà có thể hiện đến khắp vô lượng vô biên cõi thế giới Phật nhiều như cát sông Hằng, không có gì chướng ngại, nhưng trong tâm vẫn thường an định không hề xao động. Như thế gọi là tâm không tùy theo thân. Như thế gọi là chỗ trước đây không chứng đắc thì nay chứng đắc.

“Thế nào là chỗ trước đây không đến mà nay đạt đến? Chỗ mà tất cả Thanh văn và Phật Bích-chi đều không thể đạt đến, Bồ Tát có thể đạt đến. Vì thế gọi là chỗ trước đây không đến mà nay đạt đến.

“Tất cả hàng Thanh văn và Phật Bích-chi tuy dùng thân thông cũng không thể biến thân như hạt bụi cực nhỏ mà hiện đến khắp vô lượng thế giới Phật nhiều như cát sông Hằng. Hàng Thanh văn và Duyên giác, khi thân động thì tâm cũng theo đó mà động. Bồ Tát không phải thế, tuy tâm không hề xao động nhưng thân biến hiện đến khắp mọi nơi. Như thế gọi là Bồ Tát tâm không tùy theo thân.

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát hóa thân lớn như cõi thế giới Tam thiên đại thiên, rồi dùng thân to lớn ấy đi vào trong thân nhỏ bé như hạt bụi, nhưng lúc bấy giờ tâm không theo đó mà nhỏ lại. Hàng Thanh văn, Duyên giác tuy có thể hóa thân lớn như cõi thế giới Tam thiên đại thiên, nhưng không thể dùng thân to lớn như vậy đi vào trong thân nhỏ bé như hạt bụi. Việc như thế còn không thể làm được, huống chi lại có thể giữ cho tâm

không tùy động theo thân? Như thế gọi là Bồ Tát tâm không tùy theo thân.

“Lại nữa, thiện nam tử! Đại Bồ Tát dùng một âm thanh có thể khiến cho chúng sanh trong khắp cõi thế giới Tam thiên đại thiên đều nghe được, nhưng trong tâm không hề nghĩ rằng mình khiến cho âm thanh ấy vang đến các thế giới, làm cho các chúng sanh chưa từng nghe mà nay được nghe. Bồ Tát từ trước cũng không hề nói rằng: ‘Ta làm cho chúng sanh từ trước chưa nghe nay được nghe.’

“Nếu người nói rằng: ‘Nhờ sự thuyết pháp của ta nên chúng sanh chưa nghe nay được nghe.’ Nên biết rằng người ấy không thể chứng đắc quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Vì sao vậy? Vì nếu nghĩ rằng: ‘Ta vì những chúng sanh chưa được nghe mà thuyết pháp’, thì tâm như vậy chính là tâm sanh tử. Tâm ấy đã dứt mất nơi tất cả các vị Bồ Tát. Vì nghĩa ấy nên thân tâm của Đại Bồ Tát chẳng tùy theo nhau.

“Thiện nam tử! Thân tâm của tất cả phàm phu đều tùy theo nhau. Bồ Tát không phải vậy. Vì hóa độ chúng sanh nên tuy hiện thân nhỏ bé nhưng tâm không vì thế mà nhỏ bé. Vì sao vậy? Vì tâm tánh của chư Bồ Tát thường rộng lớn. Tuy hóa hiện thân to lớn nhưng tâm cũng không theo đó mà lớn.

“Thế nào là thân to lớn? Là thân lớn như cõi thế giới Tam thiên đại thiên. Thế nào là tâm nhỏ? Là việc làm như đứa trẻ con. Do những nghĩa trên nên Bồ Tát tâm chẳng tùy theo thân.

“Đại Bồ Tát trải qua vô số kiếp [thân] đã xa lìa việc uống rượu, nhưng tâm vẫn xao động; tâm không đau thương khổ não nhưng thân vẫn rơi lệ; [tâm] thật không

hoảng hốt nhưng thân vẫn run rẩy. Vì những nghĩa ấy, nên biết rằng thân tâm của Bồ Tát tự tại, không tùy theo nhau. Đại Bồ Tát chỉ hóa hiện một thân nhưng mỗi chúng sanh đều nhìn thấy khác nhau.

“Lại nữa, thiện nam tử! Thế nào là Đại Bồ Tát tu tập hành trì kinh Đại Niết-bàn, chỗ trước đây không nghe thì nay được nghe? Đại Bồ Tát trước hết dùng tướng trạng của các âm thanh như tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng người, tiếng tù và, tiếng trống, tiếng các loại tiêu, sáo... tiếng ca hát, tiếng cười đùa... mà tu tập. Nhờ tu tập nên có thể nghe được âm thanh ở các cảnh giới địa ngục trong vô lượng thế giới Tam thiên Đại thiên. Lại tiếp tục tu tập nên được nhĩ căn khác lạ, khác với thiên nhĩ của hàng Thanh văn, Duyên giác. Vì sao vậy? Chỗ được nhĩ căn thanh tịnh của hàng Nhị thừa nếu nương theo bốn đại thanh tịnh mẫu nhiệm của Sơ thiên thì chỉ nghe được âm thanh trong cảnh giới Sơ thiên mà thôi, không nghe được âm thanh trong cảnh giới Nhị thiên. Cho đến Tứ thiên cũng là như vậy. Tuy có thể nhất thời nghe được âm thanh trong cõi thế giới Tam thiên đại thiên, nhưng không thể nghe được âm thanh trong vô lượng vô biên thế giới nhiều như số cát sông Hằng. Vì nghĩa ấy nên chỗ được nhĩ căn của Bồ Tát khác với chỗ được nhĩ căn của hàng Thanh văn, Duyên giác. Vì nghĩa ấy nên chỗ trước đây không nghe thì nay [tu tập kinh Đại Bát Niết-bàn này rồi sẽ] được nghe.

“Tuy nghe âm thanh nhưng trong tâm không hề có tướng nghe âm thanh, không khởi các tướng hiện hữu, thường, lạc, ngã, tịnh, tướng tự chủ, tướng nương theo, tướng tạo tác, tướng nguyên nhân, tướng nhất định, tướng kết quả. Vì nghĩa ấy nên những chỗ trước đây các vị Bồ Tát không nghe thì nay được nghe.”

Bấy giờ, Đại Bồ Tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật: “Nếu Như Lai dạy rằng không khởi các tướng nhất định, tướng kết quả thì nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Trước đây Như Lai có dạy: ‘Nếu ai nghe được một câu, một chữ trong kinh Đại Niết-bàn này thì nhất định sẽ được thành tựu quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Vì sao nay Như Lai lại nói rằng không nhất định, không kết quả? Nếu [quả thật sẽ] được thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề thì đó tức là tướng nhất định, là tướng kết quả. Vì sao nói rằng không [có các tướng] nhất định, tướng kết quả? Do nơi việc nghe tiếng xấu ác nên sanh lòng xấu ác. Vì sanh lòng xấu ác, ắt phải rơi vào ba đường ác. Nếu rơi vào ba đường ác thì đó chính là [tướng] nhất định, là [tướng] kết quả. Vì sao lại nói rằng không [có tướng] nhất định, không [có tướng] kết quả?’”

Lúc ấy, đức Như Lai ngợi khen rằng: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử, ông khéo có thể thưa hỏi lời như thế! Giả sử chư Phật dạy rằng các âm thanh có tướng nhất định, có tướng kết quả, ắt đó không phải là tướng của chư Phật Thế Tôn, chính là tướng của Ma vương, tướng sanh tử, tướng xa cách Niết-bàn.

“Vì sao vậy? Chỗ diễn thuyết của tất cả chư Phật đều không có tướng nhất định, tướng kết quả.

“Thiện nam tử! Ví như trong lưỡi đao sáng phản chiếu khuôn mặt người, dựng đứng lưỡi đao thì thấy mặt dài, đặt nằm ngang thì thấy mặt rộng. Nếu có tướng nhất định, vì sao có việc dựng đứng lưỡi đao thì thấy mặt dài, đặt nằm ngang thì thấy mặt rộng? Vì nghĩa ấy, chỗ diễn thuyết của chư Phật Thế Tôn đều không có tướng nhất định, không có tướng kết quả.

“Thiện nam tử! Niết-bàn thật chẳng phải là kết quả của âm thanh. Nếu như Niết-bàn là kết quả của âm thanh thì Niết-bàn không phải pháp thường tồn.

“Thiện nam tử! Ví như ở thế gian, do có nguyên nhân mà sanh ra sự vật. Có nhân ắt có quả, không nhân thì không quả. Vì nhân là vô thường nên quả cũng là vô thường. Vì sao vậy? Vì nhân tạo thành quả, quả cũng tạo thành nhân. Vì nghĩa ấy nên tất cả các pháp đều không có tướng nhất định. Nếu như Niết-bàn do nhân mà sanh, thì nhân là vô thường nên quả cũng phải vô thường.

“Nhưng Niết-bàn chẳng phải do nhân sanh, nên bản thể của Niết-bàn không phải là kết quả, vì thế nên thường tồn.

“Thiện nam tử! Vì nghĩa ấy nên bản thể của Niết-bàn là không nhất định, không kết quả.

“Thiện nam tử! Nhưng Niết-bàn đó cũng có thể nói là nhất định, cũng có thể nói là kết quả. Thế nào là nhất định? Niết-bàn của tất cả chư Phật đều thường, lạc, ngã, tịnh, cho nên là nhất định; đều không có sanh, già, hư hoại, cho nên là nhất định. Những kẻ nhất-xiển-đề, phạm bốn trọng cấm, phỉ báng kinh Phương đẳng, tạo năm tội nghịch, [nếu] buông bỏ tâm ấy thì nhất định sẽ chứng đắc Niết-bàn, cho nên là nhất định.

“Thiện nam tử! Như ông vừa nói, nếu người nào được nghe Phật thuyết giảng một câu, một chữ trong kinh Đại Niết-bàn này, sẽ được thành tựu quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Đối với nghĩa ấy ông chưa thật hiểu rõ. Hãy lắng nghe cho kỹ, ta sẽ vì ông mà phân biệt giảng nói rõ hơn.

“Thiện nam tử! Như có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào nghe được một chữ, một câu trong kinh Đại Niết-bàn

này mà không khởi thành tướng chữ nghĩa văn tự, không khởi thành tướng [được] nghe, không khởi thành tướng Phật, không khởi thành tướng thuyết giảng, ý nghĩa như vậy gọi là tướng vô tướng. Do tướng vô tướng nên được thành tựu quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Thiện nam tử! Như ông có nói, vì nghe âm thanh xấu ác nên rơi vào ba đường ác. Nghĩa này không đúng. Vì sao vậy? Không phải do âm thanh xấu ác mà rơi vào ba đường ác. Nên biết rằng kết quả ấy là do tâm xấu ác.

Vì sao vậy? Có nhiều người tuy nghe âm thanh xấu ác nhưng trong tâm chẳng sanh khởi điều xấu ác. Cho nên phải biết rằng âm thanh xấu ác không phải nguyên nhân sanh vào ba đường ác. Đó là chúng sanh do phiền não trói buộc, tâm xấu ác phát triển thêm nhiều nên phải sanh vào ba đường ác, thật chẳng phải do âm thanh xấu ác.

“Nếu như âm thanh có tướng nhất định thì tất cả những người nghe lẽ ra đều phải sanh tâm xấu ác. Nhưng có người sanh tâm xấu ác, có người lại không sanh tâm xấu ác, vậy nên phải biết rằng âm thanh không có tướng nhất định. Vì không có tướng nhất định nên cũng nhân nơi đó mà có người không sanh tâm xấu ác.”

[Lúc ấy, Bồ Tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương lại thưa hỏi:] “Bạch Thế Tôn! Nếu âm thanh là không nhất định, vì sao Bồ Tát trước đây không nghe mà nay được nghe?”

[Phật dạy:] “Thiện nam tử! Âm thanh không có tướng nhất định, chỗ trước đây không nghe, nay khiến cho các Bồ Tát được nghe. Vì nghĩa ấy nên ta dạy rằng: ‘Chỗ trước đây không nghe mà nay được nghe.’

“Thiện nam tử! Sao gọi là chỗ trước đây không thấy mà nay được thấy?

“Thiện nam tử! Đại Bồ Tát tu tập kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn, trước hết dùng các tướng của ánh sáng như là mặt trời, mặt trăng, tinh tú, đèn đuốc, ánh sáng của các loại minh châu, dược thảo... mà tu tập. Nhờ tu tập nên đạt được nhãn căn khác lạ, khác với chỗ đạt được của hàng Thanh văn, Duyên giác.

“Thế nào là khác? Chỗ đạt được thiên nhãn thanh tịnh của hàng Nhị thừa nếu dựa vào nhãn căn bốn đại ở Dục giới thì không thấy được cảnh giới Sơ thiên. Nếu dựa vào Sơ thiên thì không thấy được những cảnh giới cao hơn. Thậm chí không thể tự thấy được con mắt của mình. Nếu muốn nhìn thấy nhiều thì tối đa cũng chỉ được hết cõi thế giới Tam thiên đại thiên.

“Đại Bồ Tát không tu thiên nhãn, nhìn thấy những thân tướng hình sắc tốt đẹp đều là tướng xương trắng. Tuy nhìn thấy tướng hình sắc của các thế giới phương khác nhiều như cát sông Hằng, nhưng không khởi tướng hình sắc, không khởi tướng thường tồn, tướng hiện hữu, tướng sự vật, tướng danh tự... [Bồ Tát] khởi tướng nhân duyên,<sup>(4)</sup> không khởi tướng thấy, không cho rằng con mắt này là tướng thanh tịnh vi diệu. Chỉ thấy có tướng nhân duyên và chẳng phải nhân duyên mà thôi.

“Thế nào là nhân duyên? Hình sắc là nhân duyên của con mắt. Nếu như hình sắc không phải nhân duyên thì tất cả phàm phu lẽ ra không sanh khởi tướng thấy sắc. Vì nghĩa ấy nên gọi hình sắc là nhân duyên.

“Nói chẳng phải nhân duyên, đó là Đại Bồ Tát tuy cũng nhìn thấy nhưng không sanh khởi tướng sắc, nên chẳng phải nhân duyên. Vì nghĩa ấy nên thiên nhãn thanh tịnh mà Bồ Tát đạt được khác với chỗ đạt được của hàng Thanh văn, Duyên giác. Do nghĩa ấy mà trong

cùng một lúc Bồ Tát có thể nhìn thấy khắp các thế giới của chư Phật hiện tại trong mười phương. Đó gọi là Bồ Tát trước kia không thấy mà nay được thấy.

“Cũng vì nghĩa ấy, Bồ Tát có thể nhìn thấy đến những hạt bụi nhỏ mà Thanh văn, Duyên giác không thể nhìn thấy. Cũng vì nghĩa ấy, tuy tự thấy được mắt mình nhưng không hề khởi tướng thấy, chỉ thấy tướng vô thường, thấy rõ thân phàm phu chất chứa ba mươi sáu thứ,<sup>(5)</sup> đầy đầy những sự bất tịnh, cũng [rõ ràng] như nhìn trái a-ma-lặc đặt trong lòng bàn tay. Vì nghĩa ấy nên trước đây không thấy mà nay được thấy.

“Nếu Bồ Tát nhìn thấy tướng hình sắc của mỗi chúng sanh liền biết ngay được căn cơ của người ấy là Đại thừa hay Tiểu thừa. Bồ Tát chạm vào y phục của chúng sanh cũng biết được những căn tánh khác biệt, hoặc thiện, hoặc ác. Vì nghĩa ấy nên có chỗ trước đây không biết mà nay được biết. Một khi nhìn thấy thì [những điều] trước kia không biết nay liền được biết. Do biết như vậy nên trước kia không thấy mà nay được thấy.

“Lại nữa, thiện nam tử! Sao gọi là chỗ trước đây Bồ Tát không biết mà nay được biết? Đại Bồ Tát tuy rõ biết các tâm tham, sân, si của phàm phu nhưng không hề khởi các tướng tâm cùng tâm sở,<sup>(6)</sup> không khởi tướng chúng sanh cùng tướng sự vật; tu tập theo Đệ nhất nghĩa<sup>(7)</sup> nên thấy được tất cả rốt cùng đều là tướng không.

“Vì sao vậy? Vì tất cả Bồ Tát thường khéo tu tập tánh không, tướng không. Nhờ tu tập pháp không nên chỗ trước đây không biết mà nay được biết.

“Thế nào là biết? Đó là biết rằng không thật có ta và vật của ta; biết rằng tất cả chúng sanh đều có tánh Phật.

Vì có tánh Phật nên những kẻ nhất-xiển-đề nếu buông bỏ tâm [nhất-xiển-đề] thì nhất định sẽ được thành tựu quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Những điều như vậy đều là chỗ mà hàng Thanh văn, Duyên giác không thể biết được, Bồ Tát có thể biết. Vì nghĩa ấy nên chỗ trước đây không biết mà nay được biết.

“Lại nữa, thiện nam tử! Thế nào là chỗ trước đây không biết mà nay được biết? Đại Bồ Tát tu tập kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn nhớ lại được đời quá khứ của tất cả chúng sanh, như sanh ra trong dòng họ nào, hoặc cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, bạn bè, kẻ thù oán... Chỉ trong khoảnh khắc của một ý niệm liền đạt được trí tuệ hết sức khác lạ, khác với trí tuệ của hàng Thanh văn, Duyên giác.

“Thế nào là khác lạ? Chỗ được trí tuệ của hàng Thanh văn, Duyên giác là nhớ biết được đời quá khứ của chúng sanh như dòng họ, cha mẹ... cho đến kẻ thù oán, nhưng có khởi các tướng dòng họ... cho đến tướng kẻ thù oán. Bồ Tát không phải vậy, tuy nhớ biết dòng họ, cha mẹ... cho đến kẻ thù oán trong đời quá khứ nhưng chẳng hề khởi những tướng dòng họ, tướng cha mẹ, cho đến tướng kẻ oán thù, [chỉ] thường khởi tướng pháp, tướng rỗng không vắng lặng. Như thế gọi là chỗ trước đây Bồ Tát không biết mà nay được biết.

“Lại nữa, thiện nam tử! Thế nào là chỗ trước đây không biết mà nay được biết? Đại Bồ Tát tu tập kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn chứng đắc Tha tâm trí khác với chỗ chứng đắc của hàng Thanh văn, Duyên giác. Thế nào là khác? Hàng Thanh văn, Duyên giác dùng trí trong một niệm tưởng biết được tâm ý của con người thì không thể biết được tâm ý ở các cảnh giới địa ngục, súc sanh, ngã quỷ, chư thiên. Bồ Tát không phải vậy, trong

một niệm tưởng có thể biết được khắp tâm ý của chúng sanh trong sáu đường.<sup>(8)</sup> Đó gọi là chỗ trước đây Bồ Tát không biết mà nay được biết.

“Lại nữa, thiện nam tử! Lại còn chỗ biết khác lạ nữa: Đại Bồ Tát chỉ trong một niệm tưởng biết được tâm của Tu-đà-hoàn, từ tâm khởi đầu tuần tự cho đến đủ mười sáu tâm.<sup>(9)</sup> Vì nghĩa ấy nên chỗ trước đây không biết mà nay được biết.

“Như vậy là Bồ Tát tu tập Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ nhì.

“Lại nữa, thiện nam tử! Thế nào là Đại Bồ Tát tu tập Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ ba?

“Thiện nam tử! Đại Bồ Tát tu tập Đại Niết-bàn buông xả tâm từ và đạt được tâm từ. Khi đạt được tâm từ, không phải do nhân duyên.

“Thế nào là buông xả tâm từ và đạt được tâm từ? Thiện nam tử! Tâm từ của phàm phu thuộc về Thế đế,<sup>(10)</sup> Đại Bồ Tát buông xả tâm từ đó, đạt được tâm từ thuộc về Đệ nhất nghĩa.<sup>(11)</sup> Tâm từ Đệ nhất nghĩa đó không phải do nhân duyên mà có được.

“Lại nữa, thế nào là buông xả tâm từ và đạt được tâm từ? Tâm từ nếu có thể buông xả, gọi là tâm từ của phàm phu. Tâm từ nếu có thể đạt được, tức là tâm từ của Bồ Tát không do nhân duyên mà có. Buông xả tâm từ của kẻ nhất-xiển-đề, tâm từ của kẻ phạm bốn trọng cấm, tâm từ của kẻ phỉ báng kinh Phương đẳng, tâm từ của kẻ tạo năm tội nghịch; đạt được tâm từ thương xót, tâm từ của Như Lai, tâm từ của đức Thế Tôn, tâm từ không do nhân duyên mà có.

“Sao lại gọi là buông xả tâm từ và đạt được tâm từ? Buông xả tâm từ của kẻ tật khuyết nam căn,<sup>(12)</sup> tâm từ

của những kẻ không có giới tính hoặc lưỡng tính,<sup>(13)</sup> tâm từ của nữ nhân, tâm từ của những hạng người đồ tể, thợ săn, chăn nuôi gà, heo... Cũng buông xả tâm từ của hàng Thanh văn, Duyên giác; đạt được tâm từ của hàng Bồ Tát không do nhân duyên, không thấy có tâm từ của mình, không thấy có tâm từ của người khác; không thấy có việc trì giới, không thấy có sự phá giới. Tuy tự thấy có lòng thương xót nhưng không thấy có chúng sanh. Tuy biết có những cảm thọ khổ nhưng không thấy có người nhận chịu [khổ]. Vì sao vậy? Vì tu tập nghĩa lý chân thật đệ nhất. Đó gọi là Bồ Tát tu tập Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ ba.

“Lại nữa, thiện nam tử! Thế nào là Đại Bồ Tát tu tập Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ tư?”

“Thiện nam tử! Đại Bồ Tát tu tập Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ tư có mười điều. Những gì là mười?”

“Thứ nhất, cội gốc sâu vững khó có thể bị lay chuyển. Thứ hai, đối với tự thân sanh khởi tư tưởng quyết định. Thứ ba, không quán xét phân biệt phước điền<sup>(14)</sup> với chẳng phải phước điền. Thứ tư là tu tập thanh tịnh cõi Phật. Thứ năm là diệt mất hữu dư.<sup>(15)</sup> Thứ sáu là dứt trừ nghiệp duyên. Thứ bảy là tu tập thân thanh tịnh. Thứ tám là rõ biết các duyên. Thứ chín là lìa khỏi mọi sự thù oán đối nghịch. Thứ mười là dứt trừ cả hai bên.

“Thế nào là cội gốc sâu vững khó có thể bị lay chuyển? Cội gốc ở đây là nói đức tánh không phóng dật.<sup>(16)</sup> Không phóng dật là cội gốc của điều gì? Đó là nói cội gốc của quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Thiện nam tử! Cội gốc các điều lành của tất cả chư Phật đều là không phóng dật. Nhờ không phóng dật mà

các căn lành khác dần dần tăng trưởng. Vì có thể làm tăng trưởng các căn lành, cho nên đức không phóng dật là cao trội hơn hết trong mọi điều lành.

“Thiện nam tử! Như dấu chân voi là lớn nhất trong các dấu chân. Pháp không phóng dật cũng vậy, là cao trội hơn hết trong mọi pháp lành.

“Thiện nam tử! Như ánh sáng mặt trời là hơn hết trong các thứ ánh sáng. Pháp không phóng dật cũng vậy, là cao trội hơn hết trong mọi pháp lành.

“Thiện nam tử! Như vị Chuyển luân Thánh vương là cao trội hơn hết trong các vị vua. Pháp không phóng dật cũng vậy, là cao trội hơn hết trong mọi pháp lành.

“Thiện nam tử! Như bốn con sông lớn<sup>(17)</sup> là hơn hết trong tất cả các dòng sông. Pháp không phóng dật cũng vậy, là cao trội hơn hết trong mọi pháp lành.

“Thiện nam tử! Như núi chúa Tu-di là cao nhất trong các núi. Pháp không phóng dật cũng vậy, là cao trội hơn hết trong mọi pháp lành.

“Thiện nam tử! Như hoa sen xanh là hơn hết trong các loài hoa sống dưới nước. Pháp không phóng dật cũng vậy, là cao trội hơn hết trong mọi pháp lành.

“Thiện nam tử! Như hoa bà-lợi-sư<sup>(18)</sup> là cao trội hơn hết trong các loài hoa sống trên đất. Pháp không phóng dật cũng vậy, là cao trội hơn hết trong mọi pháp lành.

“Thiện nam tử! Như sư tử là cao trội hơn hết trong loài thú. Pháp không phóng dật cũng vậy, là cao trội hơn hết trong mọi pháp lành.

“Thiện nam tử! Như chim kim sí<sup>(19)</sup> là hơn hết trong loài chim. Pháp không phóng dật cũng vậy, là cao trội hơn hết trong mọi pháp lành.

“Thiện nam tử! Như thân hình vị La-hầu, vua của loài a-tu-la là to lớn nhất trong các thân hình to lớn. Pháp không phóng dật cũng vậy, là cao trổi hơn hết trong mọi pháp lành.

“Thiện nam tử! Như đức Như Lai là cao trổi hơn hết trong tất cả chúng sanh, dù là loài hai chân, bốn chân, nhiều chân hay không có chân. Pháp không phóng dật cũng vậy, là cao trổi hơn hết trong mọi pháp lành.

“Thiện nam tử! Như tăng chúng của Phật là cao trổi hơn hết trong các chúng hội. Pháp không phóng dật cũng vậy, là cao trổi hơn hết trong mọi pháp lành.

“Thiện nam tử! Như pháp Đại Niết-bàn là cao trổi hơn hết trong pháp Phật. Pháp không phóng dật cũng vậy, là cao trổi hơn hết trong mọi pháp lành.

“Thiện nam tử! Vì nghĩa ấy nên cội gốc không phóng dật là sâu vững, chắc chắn, rất khó nhổ bật.

“Thế nào là nhờ không phóng dật mà được tăng trưởng? Đó là nói về các căn lành như đức tin, trì giới, bố thí, trí tuệ, nhẫn nhục, nghe biết, tinh tấn, nhớ nghĩ, định tâm, thiện tri thức. Các căn lành này nhờ không phóng dật mà được tăng trưởng. Nhờ tăng trưởng nên sâu vững, chắc chắn, khó bị lay chuyển.

“Vì những nghĩa ấy nên gọi là Đại Bồ Tát tu tập Đại Niết-bàn được cội gốc sâu vững rất khó lay chuyển.

“Thế nào là đối với tự thân sanh khởi tư tưởng quyết định? Đối với thân thể sanh khởi tâm quyết định rằng: ‘Thân này của ta hôm nay, trong đời vị lai chắc chắn sẽ là công cụ để đạt đến A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.’ Đối với tâm cũng sanh khởi tâm quyết định rằng:

[Ta quyết] không khởi tâm nhỏ hẹp, không khởi tâm biến đổi, không khởi tâm Thanh văn, tâm Phật Bích-chi, không khởi tâm ma cùng tâm tự vui thú, tâm ưa thích sanh tử; [ta quyết] thường vì chúng sanh cầu được tâm từ bi.’ Đó gọi là Bồ Tát đối với tự thân sanh khởi tâm quyết định rằng: ‘Trong đời vị lai nguyện sẽ là món khí cụ để đạt đến A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.’ Do những nghĩa ấy nên Đại Bồ Tát tu tập Đại Niết-bàn đối với tự thân sanh khởi tư tưởng quyết định.

“Thế nào là Bồ Tát không quán xét phân biệt phước điền với chẳng phải phước điền? Thế nào là phước điền? Từ những người ngoại đạo giữ giới<sup>(20)</sup> lên đến chư Phật, đều gọi là phước điền. Nếu khởi lên ý nghĩ rằng: ‘Những người như thế này mới là phước điền chân thật’, nên biết rằng tâm tưởng như vậy là nhỏ hẹp.

“Đại Bồ Tát quán xét hết thấy vô lượng chúng sanh không đâu không là phước điền. Vì sao vậy? Vì khéo tu tập niệm tưởng khác biệt.<sup>(21)</sup> Người khéo tu tập niệm tưởng khác biệt quán xét chúng sanh không thấy có việc giữ giới cùng phá giới, thường quán xét chỗ giảng thuyết của chư Phật Thế Tôn: ‘Việc bố thí tuy phân làm bốn trường hợp nhưng tất cả đều được quả báo thanh tịnh.’

Bốn trường hợp bố thí đó là gì? Thứ nhất là người cho thanh tịnh, người nhận không thanh tịnh. Thứ hai là người cho không thanh tịnh, người nhận thanh tịnh. Thứ ba là người cho và người nhận đều thanh tịnh. Thứ tư là người cho và người nhận đều không thanh tịnh.

“Sao gọi là người cho thanh tịnh, người nhận không thanh tịnh? [Đó là trường hợp] người bố thí có đủ giới hạnh, nghe nhiều, trí tuệ, rõ biết là có việc bố thí và quả báo của việc bố thí; nhưng người thọ nhận lại phá giới,

hoàn toàn đắm vào tà kiến, cho rằng không có việc bố thí và quả báo của việc bố thí. Như thế gọi là người cho thanh tịnh, người nhận không thanh tịnh.

“Sao gọi là người cho không thanh tịnh, người nhận thanh tịnh? [Đó là trường hợp] người bố thí phá giới, hoàn toàn đắm vào tà kiến, cho rằng không có việc bố thí và quả báo của việc bố thí; nhưng người nhận thì giữ giới, nghe nhiều, trí tuệ, rõ biết là có việc bố thí và quả báo của việc bố thí. Như thế gọi là người cho không thanh tịnh, người nhận thanh tịnh.

“Sao gọi là người cho và người nhận đều thanh tịnh? [Đó là trường hợp] người bố thí và người nhận bố thí đều có giữ giới, nghe nhiều, trí tuệ, đều rõ biết là có việc bố thí và quả báo của việc bố thí. Như thế gọi là người cho và người nhận đều thanh tịnh.

“Sao gọi là người cho và người nhận đều không thanh tịnh? [Đó là trường hợp] người bố thí và người nhận bố thí đều phá giới, tà kiến, cho rằng không có việc bố thí và quả báo của việc bố thí. Như thế gọi là người cho và người nhận đều không thanh tịnh.”

[Bồ Tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương liền thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn!] Nếu là như vậy, vì sao lại nói rằng được quả báo thanh tịnh?”

[Phật dạy:] “Vì [quán chiếu thật tánh] không [thấy] có việc bố thí, không [thấy] có quả báo, nên gọi là thanh tịnh.

“Thiện nam tử! Nếu có người [quán chiếu thật tánh] không thấy có việc bố thí cùng với quả báo của việc bố thí, nên biết rằng người ấy không phải là phá giới, không phải hoàn toàn đắm vào tà kiến. Nếu y theo pháp Thanh văn mà nói rằng ‘không thấy có việc bố thí

và quả báo của việc bố thí thì gọi là phá giới, tà kiến; [nhưng] nếu y theo kinh Đại Niết-bàn này mà không thấy có việc bố thí và quả báo của việc bố thí thì gọi là giữ giới, là chánh kiến.

“Đại Bồ Tát có niệm tưởng khác biệt, do sự tu tập nên không thấy chúng sanh có trì giới, phá giới; không có kẻ bố thí, người nhận bố thí và quả báo của việc bố thí. Do đó được gọi là giữ giới, là chánh kiến.

“Do những nghĩa ấy nên Đại Bồ Tát không quán xét phân biệt phước điền với chẳng phải phước điền.

“Thế nào là tu tập thanh tịnh cõi Phật?

“Đại Bồ Tát tu tập kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn vì cầu quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, hóa độ chúng sanh nên liả bỏ tâm giết hại. Lại đem căn lành ấy mà chia sẻ với tất cả chúng sanh, nguyện cho chúng sanh được tuổi thọ lâu dài, có sức mạnh và oai thế, được thần thông lớn. Nhờ oai lực của nhân duyên thệ nguyện như vậy, khi Bồ Tát thành Phật trong đời vị lai, tất cả chúng sanh trong cõi Phật ấy đều được tuổi thọ lâu dài, có sức mạnh và oai thế, được thần thông lớn.

“Lại nữa, thiện nam tử! Đại Bồ Tát tu tập kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn, vì cầu quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, hóa độ chúng sanh nên liả bỏ tâm trộm cắp. Lại đem căn lành ấy mà chia sẻ với tất cả chúng sanh, nguyện cho mặt đất nơi các cõi Phật đều thuận bằng bảy báu, chúng sanh được giàu có, sung túc, chỗ mong cầu đều được như ý. Nhờ oai lực của nhân duyên thệ nguyện như vậy, khi Bồ Tát thành Phật trong đời vị lai, cõi Phật ấy thuận bằng bảy báu, chúng sanh được giàu có, sung túc, chỗ mong cầu đều được như ý.

“Lại nữa, thiện nam tử! Đại Bồ Tát tu tập kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn, vì cầu quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, hóa độ chúng sanh nên lìa bỏ tâm dâm dục. Lại đem căn lành ấy mà chia sẻ với tất cả chúng sanh, nguyện cho tất cả chúng sanh trong các cõi Phật đều không có tâm tham dục, sân khuê, ngu si, cũng không có những nỗi khổ vì đói khát. Nhờ oai lực của nhân duyên thế nguyện như vậy, khi Bồ Tát thành Phật trong đời vị lai, chúng sanh trong cõi Phật ấy thấy đều lìa xa tâm tham dục, sân khuê, ngu si, cũng không có những nỗi khổ vì đói khát.

“Lại nữa, thiện nam tử! Đại Bồ Tát tu tập kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn, vì cầu quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, hóa độ chúng sanh nên lìa bỏ tâm nói dối. Lại đem căn lành ấy mà chia sẻ với tất cả chúng sanh, nguyện cho nơi các cõi Phật thường có nhiều cây cối trở hoa, kết trái, tỏa hương thơm, tất cả chúng sanh đều được tiếng nói có âm thanh vi diệu. Nhờ oai lực của nhân duyên thế nguyện như vậy, khi Bồ Tát thành Phật trong đời vị lai, cõi Phật ấy thường có nhiều cây cối trở hoa, kết trái, tỏa hương thơm, tất cả chúng sanh nơi cõi ấy đều được tiếng nói có âm thanh hết sức vi diệu thanh tịnh.

“Lại nữa, thiện nam tử! Đại Bồ Tát tu tập kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn, vì cầu quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, hóa độ chúng sanh nên lìa bỏ tâm nói lời hai lưỡi. Lại đem căn lành ấy mà chia sẻ với tất cả chúng sanh, nguyện cho tất cả chúng sanh trong các cõi Phật thường cùng nhau sống hòa hợp, giảng thuyết Chánh pháp. Nhờ oai lực của nhân duyên thế nguyện như vậy, khi Bồ Tát thành Phật trong đời vị lai, tất cả chúng sanh trong cõi Phật ấy đều cùng nhau sống

hòa hợp, giảng thuyết bàn luận những lẽ cốt yếu trong Chánh pháp.

“Lại nữa, thiện nam tử! Đại Bồ Tát tu tập kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn, vì cầu quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, hóa độ chúng sanh nên lìa bỏ tâm nói lời độc ác. Lại đem căn lành ấy mà chia sẻ với tất cả chúng sanh, nguyện cho mặt đất ở các cõi Phật đều bằng phẳng như lòng bàn tay, không có những thứ cát, sỏi, ngói, đá, gai góc, mũi nhọn; chúng sanh trong các cõi ấy đều có tâm bình đẳng. Nhờ oai lực của nhân duyên thế nguyện như vậy, khi Bồ Tát thành Phật trong đời vị lai, cõi Phật ấy có mặt đất bằng phẳng như lòng bàn tay, không có những thứ cát, sỏi, ngói, đá, gai góc, mũi nhọn; chúng sanh đều có tâm bình đẳng.

“Lại nữa, thiện nam tử! Đại Bồ Tát tu tập kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn, vì cầu quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, hóa độ chúng sanh nên lìa bỏ tâm nói lời vô nghĩa. Lại đem căn lành ấy mà chia sẻ với tất cả chúng sanh, nguyện cho tất cả chúng sanh trong các cõi Phật đều không có khổ não. Nhờ oai lực của nhân duyên thế nguyện như vậy, khi Bồ Tát thành Phật trong đời vị lai, tất cả chúng sanh trong cõi Phật ấy đều không có khổ não.

“Lại nữa, thiện nam tử! Đại Bồ Tát tu tập kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn, vì cầu quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, hóa độ chúng sanh nên lìa bỏ tâm tham lam, ganh ghét tật đố. Lại đem căn lành ấy mà chia sẻ với tất cả chúng sanh, nguyện cho tất cả chúng sanh trong các cõi Phật đều không có tham lam, tật đố, não hại, tà kiến. Nhờ oai lực của nhân duyên thế nguyện như vậy, khi Bồ Tát thành Phật trong đời vị lai, tất cả chúng sanh trong cõi Phật ấy đều không có tham lam, tật đố, não hại, tà kiến.

“Lại nữa, thiện nam tử! Đại Bồ Tát tu tập kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn, vì cầu quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, hóa độ chúng sanh nên lia bỏ tâm nã hại. Lại đem căn lành ấy mà chia sẻ với tất cả chúng sanh, nguyện cho tất cả chúng sanh trong các cõi Phật đều cùng nhau tu tập tâm đại từ, đại bi, đạt được địa vị Nhất tử.<sup>(22)</sup> Nhờ oai lực của nhân duyên thế nguyện như vậy, khi Bồ Tát thành Phật trong đời vị lai, tất cả chúng sanh trong cõi Phật ấy đều cùng nhau tu tập tâm đại từ, đại bi, đạt được địa vị Nhất tử.

“Lại nữa, thiện nam tử! Đại Bồ Tát tu tập kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn, vì cầu quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, hóa độ chúng sanh nên lia bỏ tâm tà kiến. Lại đem căn lành ấy mà chia sẻ với tất cả chúng sanh, nguyện cho tất cả chúng sanh trong các cõi Phật đều đạt được pháp Đại Bát-nhã ba-la-mật. Nhờ oai lực của nhân duyên thế nguyện như vậy, khi Bồ Tát thành Phật trong đời vị lai, tất cả chúng sanh trong cõi Phật ấy đều được thọ trì pháp Đại Bát-nhã ba-la-mật.

“Như thế gọi là Bồ Tát tu tập thanh tịnh cõi Phật.

“Thế nào là Đại Bồ Tát diệt mất hữu dư? Hữu dư có ba loại. Thứ nhất là quả báo còn lại của phiền não, thứ hai là nghiệp báo còn lại, thứ ba là chấp hữu còn lại.

“Thiện nam tử! Sao gọi là quả báo còn lại của phiền não? Như có những chúng sanh quen thói tham dục. Khi quả báo đến kỳ phải đọa vào địa ngục. Đến khi ra khỏi địa ngục lại phải thọ thân súc sanh, như các loài chim bồ câu, se sẻ, uyên ương, kết, chim cộng mạng,<sup>(23)</sup> chim xá-lợi, thanh tước... hoặc cá, rùa, khỉ, hươu, nai... Nếu được thân người lại phải chịu khuyết tật nam căn, hoặc thọ

thân nữ, hoặc bán nam bán nữ, hoặc không có giới tính, hoặc làm phụ nữ dâm loạn... Nếu được xuất gia, lại phạm vào trọng giới thứ nhất.<sup>(24)</sup> Đó gọi là quả báo còn sót lại.

“Lại nữa, thiện nam tử! Như có chúng sanh đắm sâu trong sân khuể nặng nề. Khi quả báo đến kỳ phải đọa vào địa ngục. Đến khi ra khỏi địa ngục lại phải thọ thân súc sanh, như các loài rắn độc có đủ bốn cách gây độc là: mắt nhìn gây độc, đung chạm gây độc, miệng cắn gây độc, phun nọc gây độc; hoặc sanh làm sư tử, cọp, sói, beo, gấu, mèo, chồn, chim ưng, điều hâu... Nếu được thân người lại phạm đủ 16 điều xấu ác trong luật nghi.<sup>(25)</sup> Nếu được xuất gia lại phạm vào trọng giới thứ hai.<sup>(26)</sup> Đó gọi là quả báo còn sót lại.

“Lại nữa, thiện nam tử! Như có những kẻ quen tập tánh ngu si. Khi quả báo đến kỳ phải đọa vào địa ngục. Đến khi ra khỏi địa ngục lại phải thọ thân súc sanh, như các loài voi, heo, dê, trâu, bọ chét, chí, rận, muỗi, mòng, kiến... Nếu được thân người lại phải chịu tật nguyên như điếc, đui, ngọng, câm, bệnh già, lưng còng, lưng gù... thiếu khuyết các căn không thể xuất gia. Nếu được xuất gia thì các căn tối tăm, ngu độn, vui thích mà phạm vào các trọng giới, thậm chí [chỉ vì mỗi lợi] rất ít ỏi.<sup>(27)</sup> Đó gọi là quả báo còn sót lại.

“Lại nữa, thiện nam tử! Như có những kẻ tập quen tánh kiêu căng, ngạo mạn. Khi quả báo đến kỳ phải đọa vào địa ngục. Đến khi ra khỏi địa ngục lại phải thọ thân súc sanh, như các loài giòi phấn, hoặc lạc đà, lừa, chó, ngựa... Nếu được sanh làm người phải chịu thân phận nô tỳ, nghèo túng, ăn xin... Nếu được xuất gia lại thường bị chúng sanh khinh khi, chê trách, phạm vào trọng giới thứ tư.<sup>(28)</sup> Đó gọi là quả báo còn sót lại.

“Những điều như trên gọi là quả báo còn sót lại của phiền não. Những quả báo còn sót lại như vậy, Đại Bồ Tát nhờ tu tập [kinh điển] Đại Niết-bàn nên diệt hết tất cả.

“Thế nào là nghiệp báo còn sót lại? Đó là nói nghiệp báo của tất cả phàm phu, nghiệp của tất cả hàng Thanh văn. Như vị Tu-đà-hoàn chịu nghiệp còn bảy lần thọ sanh; vị Tư-đà-hàm chịu nghiệp còn hai lần thọ sanh; vị A-na-hàm chịu nghiệp còn một lần thọ sanh ở Sắc giới. Như vậy gọi là nghiệp báo còn lại.

“Những nghiệp báo còn sót lại như vậy, Đại Bồ Tát nhờ có thể tu tập [kinh điển] Đại Niết-bàn nên dứt trừ được tất cả.

“Thế nào là chấp hữu còn sót lại? Vị A-la-hán chứng đắc quả A-la-hán, vị Phật Bích-chi chứng đắc quả Phật Bích-chi. [Tuy cả hai trường hợp đều là] không còn nghiệp báo, không còn phiền não, nhưng lại chuyển hóa thành hai quả [khác nhau]. Như thế gọi là chấp hữu còn sót lại.

“Ba pháp hữu dư vừa kể trên, Đại Bồ Tát nhờ tu tập kinh điển Đại thừa Đại Niết-bàn nên diệt trừ được tất cả. Như thế gọi là Đại Bồ Tát diệt mất hữu dư.

“Thế nào là Bồ Tát tu thân thanh tịnh?<sup>(29)</sup> Đại Bồ Tát tu tập giới không giết hại [tuần tự] khởi đủ năm loại tâm, đó là [tâm] bậc thấp, [tâm] bậc vừa, [tâm] bậc cao, [tâm] bậc cao vừa và [tâm] bậc rất cao. Cho đến việc tu tập theo Chánh kiến cũng giống như vậy.<sup>(30)</sup>

“Năm mươi tâm tu tập này gọi là phát tâm ban đầu. Khi tu tập trọn vẹn các pháp lành, mỗi tâm như vậy đều trở thành tâm quyết định, tức thành tựu đủ năm mươi tâm nữa.

“Một trăm tâm như trên gọi là đầy đủ một trăm phước đức. Đầy đủ trăm phước đức thì thành tựu được một tướng tốt. Cứ như vậy mà dần dần thành tựu đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, gọi là thân thanh tịnh.

“Bồ Tát lại tu tập thêm tám mươi vẻ đẹp nơi thân, vì thế gian có những chúng sanh thờ phụng tám mươi vị thần.

“Tám mươi vị thần là những vị nào? Đó là mười hai vị thần mặt trời, mười hai vị Đại thiên, năm vị tinh tú lớn, thần Bắc đẩu, các vị trời như Mã thiên, Hành đạo thiên, Bà-la-đọa-bạt-xà thiên, Công đức thiên, cùng với hai mươi tám vì sao, các vị thần đất, thần gió, thần nước, thần lửa, Phạm thiên, Lâu-đà thiên, Nhân-đề thiên, Câu-ma-la thiên, Bát tý thiên, Ma-hê-thủ-la thiên, Bán-xà-la thiên, Quỷ tử mẫu thiên, Bốn vị Thiên vương, Tạo thư thiên, Bà-tẩu thiên. Đó gọi là tám mươi vị thần.

“Vì những chúng sanh ấy nên Bồ Tát tu tập tám mươi vẻ đẹp để tự trang nghiêm thân mình. Như vậy gọi là thân thanh tịnh của Bồ Tát.

“Vì sao vậy? Vì có nhiều chúng sanh tin theo tám mươi vị thiên thần ấy, nên Bồ Tát tu tám mươi vẻ đẹp, dù Bồ Tát chẳng động thân nhưng có thể khiến cho các chúng sanh kia tùy theo lòng tin mà thấy đều nhìn thấy vị thần của họ. Thấy được rồi bèn đem lòng tôn kính, thấy đều phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Vì nghĩa ấy nên Đại Bồ Tát tu tập để làm thanh tịnh thân.

“Thiện nam tử! Ví như có người muốn thỉnh vị đại vương, cần phải trang hoàng, dọn dẹp nhà cửa hết sức sạch sẽ, sắm sửa đủ mọi món ăn thức uống ngon lành, rồi vua mới ngự đến theo lời mời thỉnh. Đại Bồ Tát cũng

vậy, muốn thỉnh vị Pháp luân vương A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, trước phải tu thân cho thật thanh tịnh rồi vị Pháp vương Vô thượng mới ngự đến. Vì nghĩa ấy, Đại Bồ Tát cần phải tu tập thân thanh tịnh.

“Thiện nam tử! Ví như có người muốn uống cam lộ, trước hết phải giữ thân cho thanh tịnh. Đại Bồ Tát cũng vậy, muốn uống chất cam lộ pháp vị vô thượng là Bát-nhã Ba-la-mật thì trước hết phải dùng tám mươi vẻ đẹp để làm cho thân được thanh tịnh.

“Thiện nam tử! Ví như dùng những đồ chứa tốt đẹp bằng vàng bạc đựng nước sạch thì cả trong lẫn ngoài đều sạch. Thân thanh tịnh của Đại Bồ Tát cũng vậy, dùng chứa nước A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề thì cả trong lẫn ngoài đều sạch.

“Thiện nam tử! Như loại áo lụa trắng ở Ba-la-nại rất dễ nhuộm màu. Vì sao vậy? Vì trắng tinh sạch sẽ. Đại Bồ Tát cũng vậy, nhờ thân thanh tịnh nên mau chóng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Vì nghĩa ấy, Đại Bồ Tát tu tập để làm cho thanh tịnh thân.

“Thế nào là Bồ Tát rõ biết các duyên? Đại Bồ Tát không thấy có tướng của sắc, không thấy có duyên của sắc, không thấy có thể của sắc, không thấy có sự sanh ra của sắc, không thấy có sự diệt mất của sắc, không thấy có một tướng duy nhất, không thấy có nhiều tướng khác nhau, không thấy có kẻ thấy, không thấy có tướng mạo, không thấy có người nhận chịu.

“Vì sao vậy? Vì hiểu rõ nhân duyên. Đối với tất cả các pháp cũng đều giống như với sắc. Đó gọi là Bồ Tát rõ biết các duyên.

“Thế nào là Bồ Tát lìa bỏ mọi thù oán đối nghịch? Tất cả phiền não chính là thù oán đối nghịch của Bồ Tát.

Đại Bồ Tát thường lìa xa phiền não, cho nên gọi là Bồ Tát lìa bỏ mọi thù oán đối nghịch.

“Hàng Bồ Tát trụ ở địa vị thứ năm<sup>(31)</sup> trở xuống không xem các phiền não là thù oán đối nghịch. Vì sao vậy? Vì nhân nơi phiền não, Bồ Tát mới có thọ sanh. Nhờ có thọ sanh mới có thể tuần tự giáo hóa chúng sanh. Vì nghĩa ấy nên chẳng gọi phiền não là thù oán.<sup>(32)</sup> Vậy những gì là thù oán? Đó là nói việc phỉ báng kinh Phương đẳng. Bồ Tát tùy duyên thọ sanh, chẳng sợ các cảnh giới địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, chỉ sợ việc phỉ báng kinh Phương đẳng. Tất cả Bồ Tát đều có kẻ thù oán là tám thứ ma.<sup>(33)</sup> Lìa xa tám thứ ma ấy tức là lìa khỏi kẻ thù oán. Đó gọi là Bồ Tát lìa bỏ mọi thù oán đối nghịch.

“Thế nào là Bồ Tát dứt trừ cả hai bên? Hai bên đó là hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu và phiền não tham ái. Bồ Tát thường lìa xa hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu và phiền não tham ái, đó gọi là Bồ Tát dứt trừ hai bên.

“[Như vừa nói trên] đó là Đại Bồ Tát tu tập Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ tư.”

Bấy giờ, Đại Bồ Tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật: “Như Phật có dạy, nếu Bồ Tát tu tập Đại Niết-bàn sẽ được đủ mười việc công đức như vừa nói. Vì sao đức Như Lai chỉ tu được chín việc mà không tu tập cõi Phật thanh tịnh?<sup>(34)</sup>”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Thuở xưa ta cũng thường tu tập đủ mười việc ấy. Tất cả các vị Bồ Tát và Như Lai, không có ai không tu tập đủ mười việc ấy. Nếu như cõi thế giới đầy đầy mọi sự bất tịnh mà chư Phật Thế Tôn lại xuất hiện trong đó thì là việc hoàn toàn vô lý.

“Thiện nam tử! Nay ông chớ nên nói rằng chư Phật ra đời ở cõi thế giới không thanh tịnh. Nên biết rằng tâm

niệm như thế là bất thiện, là hẹp hòi, là kém cỏi. Nay ông nên biết rằng ta thật không có ra đời ở cõi Diêm-phù-đề này.

“Ví như có người nói rằng riêng ở thế giới này mới có mặt trời, mặt trăng, các thế giới phương khác không có. Lời nói như vậy thật là vô nghĩa. Nếu Bồ Tát nói rằng cõi Phật này là uế trước, xấu ác, bất tịnh, các cõi Phật ở phương khác là thanh tịnh, trang nghiêm tráng lệ. Như vậy cũng là lời nói vô nghĩa.

“Thiện nam tử! Từ thế giới Ta-bà này đi về phương tây, vượt qua số cõi Phật nhiều như số cát của bốn mươi hai con sông Hằng, có một thế giới tên là Vô Thắng. Vì sao cõi ấy có tên là Vô Thắng? Vì những sự trang nghiêm tráng lệ của thế giới ấy đều bình đẳng, không có gì khác biệt so với thế giới An Lạc<sup>(35)</sup> ở phương tây, lại cũng giống như thế giới Mãn Nguyệt ở phương đông. Ta ra đời ở thế giới ấy, nhưng vì giáo hóa chúng sanh nên thị hiện chuyển bánh xe pháp ở cõi Diêm-phù-đề này. Cũng không chỉ riêng một thân ta hiện ra ở cõi này chuyển bánh xe pháp, mà tất cả chư Phật cũng đều chuyển bánh xe pháp ở cõi này. Vì nghĩa ấy nên tất cả chư Phật Thế Tôn không có vị nào là không tu hành đủ mười việc như trên.

“Thiện nam tử! Vì có lời thệ nguyện nên trong tương lai Bồ Tát Từ Thị<sup>(36)</sup> sẽ khiến cho thế giới này trở nên thanh tịnh trang nghiêm. Vì nghĩa ấy nên tất cả thế giới của chư Phật đều là trang nghiêm thanh tịnh.

“Lại nữa, thiện nam tử! Thế nào là Đại Bồ Tát tu tập kinh điển vì diệu Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ năm?

“Thiện nam tử! Đại Bồ Tát tu tập kinh Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ năm có năm việc.

“Những gì là năm? Thứ nhất, các căn đều đầy đủ. Thứ hai, không sanh ra ở những nơi xa xôi hẻo lánh.<sup>(37)</sup> Thứ ba, được chư thiên yêu mến, nhớ nghĩ đến. Thứ tư, thường được sự cung kính của hàng thiên ma, sa-môn, sát-lợi, bà-la-môn. Thứ năm, chúng đắc Túc mạng trí.<sup>(38)</sup> Bồ Tát nhờ sức nhân duyên của kinh Đại Niết-bàn nên có đầy đủ năm việc công đức như vậy.”

Bồ Tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương lại thưa hỏi: “Như Phật có dạy, nếu ai tu tập bố thí sẽ được đầy đủ năm việc công đức. Nay vì sao lại nói rằng nhân nơi [kinh điển] Đại Niết-bàn mà được năm việc như vậy?”

Phật dạy: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Những việc như vậy có ý nghĩa khác nhau. Nay ta sẽ vì ông mà phân biệt giảng thuyết.

“Tính chất của năm việc công đức do tu bố thí là không cố định, không thường tồn, không thanh tịnh, không cao trời, không khác lạ. Vì thế đó không phải là vô lậu, không thể làm lợi ích, an vui, thương xót tất cả chúng sanh.

“Nếu nương theo kinh Đại Niết-bàn này mà được năm việc công đức thì đó là cố định, thường tồn, thanh tịnh, cao trời, khác lạ. Như thế là vô lậu, nên có thể làm lợi ích, an vui, thương xót tất cả chúng sanh.

“Thiện nam tử! Người tu bố thí thì được lìa khỏi sự đói khát. Kinh Đại Niết-bàn có thể khiến cho chúng sanh lìa khỏi bệnh khát khao tham ái trong hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu.

“Nhân duyên bố thí khiến cho sanh tử tiếp nối không dứt. Kinh Đại Niết-bàn có thể khiến cho sanh tử dứt mất, không còn tiếp nối.

“Do nhân là bố thí nên thọ nhận các pháp phạm phu. Do nhân là kinh Đại Niết-bàn nên được làm Bồ Tát.

“Nhân duyên bố thí có thể dứt được mọi sự khổ não vì nghèo túng. Kinh Đại Niết-bàn có thể dứt được tất cả mọi sự thiếu thốn pháp lành.

“Nhân duyên bố thí tạo nên số phận, quả báo. Nhân nơi kinh Đại Niết-bàn mà chúng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề thì không còn số phận, không còn quả báo.

“Như thế gọi là Đại Bồ Tát tu tập kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ năm.

“Lại nữa, thiện nam tử! Thế nào là Bồ Tát tu tập kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ sáu?

“Đại Bồ Tát tu tập Đại Niết-bàn được pháp Tam-muội Kim cang. Trụ yên trong pháp Tam-muội ấy có thể phá trừ tất cả các pháp, thấy được tất cả các pháp đều là vô thường, đều là tướng chuyển động, là nhân duyên của sự sợ sệt, bệnh khổ, trộm cướp, liên tục hoại diệt trong từng niệm tưởng, không có gì là chân thật. Tất cả đều là cảnh giới của ma, không một tướng nào thật có thể nhìn thấy.

“Đại Bồ Tát trụ yên trong pháp Tam-muội ấy, tuy làm việc bố thí cho chúng sanh nhưng không thấy thật có một chúng sanh nào. Vì chúng sanh mà tinh cần tu tập các pháp Trì giới Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật cũng đều như vậy.<sup>(39)</sup> Nếu Bồ Tát thấy có một chúng sanh nào thì không thể rốt ráo thành tựu trọn vẹn pháp Bố thí Ba-la-mật, cho đến không thể thành tựu trọn vẹn pháp Bát-nhã Ba-la-mật.

“Thiện nam tử! Ví như chất kim cang đem đối chọi với vật khác thì không vật gì không tan nát, nhưng chất kim cang thì không tổn hại chút nào. Pháp Tam-muội Kim cang cũng vậy, đem so với các pháp khác thì không

pháp nào không tan rã, nhưng pháp Tam-muội này không tổn hại chút nào.

“Thiện nam tử! Như kim cang là quý nhất trong các vật báu. Pháp Tam-muội Kim cang mà Bồ Tát đạt được cũng vậy, là bậc nhất trong các pháp Tam-muội. Vì sao vậy? Khi Đại Bồ Tát tu tập pháp Tam-muội ấy, tất cả các pháp Tam-muội khác đều theo về.

“Thiện nam tử! Như các vị tiểu vương đều theo về quy thuận Chuyển luân Thánh vương; tất cả các pháp Tam-muội cũng vậy, thấy đều theo về quy thuận pháp Tam-muội Kim cang.

“Thiện nam tử! Ví như có kẻ là thù địch của cả nước, làm cho mọi người đều căm ghét và lo sợ. Nếu có người giết chết kẻ ấy, thì mọi người không ai là không ca ngợi công lao ấy. Pháp Tam-muội Kim cang cũng vậy, Bồ Tát tu tập pháp Tam-muội ấy có thể phá tan tất cả những điều thù oán đối nghịch của chúng sanh, cho nên thường được sự tôn kính của tất cả các pháp Tam-muội khác.

“Thiện nam tử! Ví như có kẻ sức lực mạnh mẽ, cường tráng không ai địch nổi. Sau lại có người đủ sức khuất phục kẻ ấy. Nên biết rằng người này sẽ được người đời khen ngợi. Pháp Tam-muội Kim cang cũng vậy, có đủ sức phá tan và hàng phục những pháp khó hàng phục. Vì nghĩa ấy nên tất cả các tam-muội khác đều về quy thuận.

“Thiện nam tử! Ví như có người tắm trong biển lớn, nên biết là người ấy đã dùng nước của các dòng sông, suối, khe rạch... Đại Bồ Tát cũng vậy, khi tu tập pháp Tam-muội Kim cang này, nên biết rằng đó là đã tu tập tất cả các pháp Tam-muội khác.

“Thiện nam tử! Như ở Hương sơn có một dòng suối tên là A-na-bà-đạp-đa.<sup>(40)</sup> Nước suối ấy có đủ tám vị, người

uống vào thì không có các bệnh khổ. Pháp Tam-muội Kim cang cũng vậy, có đủ Tám chánh đạo, Bồ Tát tu tập pháp này dứt trừ các thứ bệnh nặng ung nhọt phiền não.

“Thiện nam tử! Như người cúng dường vị Ma-hê-thủ-la, <sup>(41)</sup> nên biết rằng đó là đã cúng dường tất cả chư thiên. Pháp Tam-muội Kim cang cũng vậy, nếu ai tu tập pháp ấy, nên biết rằng đó là đã tu tập tất cả các pháp Tam-muội khác.

“Thiện nam tử! Nếu Bồ Tát nào trụ yên trong pháp Tam-muội Kim cang, sẽ thấy rõ được tất cả các pháp, không có chướng ngại, cũng như nhìn trái a-ma-lặc để trong lòng bàn tay. Bồ Tát tuy thấy rõ được như vậy nhưng không hề khởi lên ý tưởng thấy tất cả các pháp.

“Thiện nam tử! Ví như người ngồi nơi ngã tư đường, thấy rõ được những người đi đường qua lại. Pháp Tam-muội Kim cang cũng vậy, thấy rõ được những sự sanh, diệt, hiện ra, mất đi của tất cả các pháp.

“Thiện nam tử! Ví như người lên đỉnh núi cao, nhìn ra các hướng đều thấy sáng rõ. Ngọn núi Tam-muội Kim cang cũng vậy, Bồ Tát lên đỉnh núi ấy nhìn ra các pháp đều thấy sáng rõ.

“Thiện nam tử! Ví như trong tháng xuân, trời đổ mưa lành, những giọt mưa đan khít với nhau không có kẽ hở, nhưng người có mắt sáng vẫn nhìn thấy được rõ ràng. Bồ Tát cũng vậy; tu tập pháp định Kim cang, được mắt thanh tịnh, nhìn xa về các thế giới ở phương đông, trong đó như có các thế giới hình thành hay hoại diệt đều thấy rõ, không có chướng ngại. Cho đến nhìn khắp mười phương cũng đều như vậy.

“Thiện nam tử! Như khi bầy mặt trời cùng lúc hiện ra từ núi Càn-đà, những cây cối rừng rậm ở núi ấy thấy

đều khô rụi. Bồ Tát tu tập pháp Tam-muội Kim cang cũng vậy, hết thấy những cây cối phiền não đều tức thời diệt mất.

“Thiện nam tử! Ví như chất kim cang, tuy có thể phá vỡ được tất cả mọi vật, nhưng chẳng bao giờ sanh ý tưởng rằng: ‘Ta có thể phá vỡ.’ Pháp Tam-muội Kim cang cũng vậy, Bồ Tát tu tập rồi có thể phá trừ phiền não, nhưng chẳng hề sanh ra ý tưởng rằng: ‘Ta có thể phá trừ mọi phiền não trời buộc.’

“Thiện nam tử! Ví như mặt đất có thể giữ vững vạn vật, nhưng chẳng hề sanh ra ý tưởng rằng: ‘Sức ta có thể giữ vững mọi vật.’ Ngọn lửa cũng chẳng hề sanh ra ý tưởng rằng: ‘Ta có thể đốt cháy mọi vật.’ Nước cũng chẳng hề sanh ra ý tưởng rằng: ‘Ta có thể làm ướt tất cả.’ Gió cũng chẳng hề sanh ra ý tưởng rằng: ‘Ta có thể làm lay động mọi vật.’ Hư không cũng chẳng hề sanh ra ý tưởng rằng: ‘Ta có thể dung chứa tất cả.’ Niết-bàn lại cũng chẳng hề sanh ra ý tưởng rằng: ‘Ta khiến cho chúng sanh được diệt độ.’ Pháp Tam-muội Kim cang cũng vậy, tuy có thể diệt trừ tất cả phiền não, nhưng chưa từng có tâm niệm rằng: ‘Ta có thể diệt trừ phiền não.’

“Nếu Bồ Tát trụ yên nơi pháp Tam-muội Kim cang, chỉ trong một ý niệm có thể biến hóa ra thân như Phật, số nhiều đến vô lượng, hiện đầy khắp các thế giới của chư Phật trong mười phương nhiều như số cát sông Hằng. Tuy Bồ Tát ấy biến hóa như vậy nhưng trong tâm không hề có ý tưởng kiêu căng, ngạo mạn. Vì sao vậy? Bồ Tát luôn nghĩ rằng: ‘Ai là người có phép định này, có thể thực hiện việc biến hóa như thế này? Duy chỉ có Bồ Tát trụ yên nơi pháp Tam-muội Kim cang này mới có thể làm được như thế.’

Đại Bồ Tát trụ yên nơi pháp Tam-muội Kim cang, chỉ trong một ý niệm có thể hiện đến khắp các thế giới của chư Phật trong mười phương, nhiều như số cát sông Hằng, rồi trở về chỗ cũ. Tuy có năng lực như vậy, nhưng Bồ Tát cũng chẳng nghĩ rằng: ‘Ta có thể làm như vậy.’ Vì sao vậy? Vì đó là nhờ sức nhân duyên của pháp Tam-muội này.

“Đại Bồ Tát trụ yên nơi pháp Tam-muội Kim cang này, trong một ý niệm có thể dứt trừ phiền não của chúng sanh trong các thế giới mười phương nhiều như số cát sông Hằng, nhưng trong lòng không hề có ý tưởng là [mình đã] dứt trừ phiền não của chúng sanh. Vì sao vậy? Vì đó là nhờ sức nhân duyên của pháp Tam-muội này.

“Bồ Tát trụ yên ở pháp Tam-muội Kim cang này, chỉ dùng một âm thanh để diễn thuyết, nhưng tất cả chúng sanh thuộc mọi loài đều nghe hiểu được rõ ràng; chỉ thị hiện một thứ hình sắc nhưng tất cả chúng sanh đều nhìn thấy đủ mọi tướng hình sắc; chỉ trụ yên một chỗ, thân không dời chuyển nhưng có thể khiến cho chúng sanh ở các phương khác nhau đều nhìn thấy được; chỉ diễn thuyết một pháp duy nhất, hoặc thuyết về các giới,<sup>(42)</sup> hoặc về các nhập,<sup>(43)</sup> nhưng tất cả chúng sanh đều tùy theo chỗ hiểu mà được nghe.

“Bồ Tát trụ yên ở Tam-muội này, tuy nhìn thấy chúng sanh nhưng không hề có tướng chúng sanh. Tuy nhìn thấy kẻ nam người nữ nhưng không hề có tướng nam, tướng nữ. Tuy nhìn thấy sắc nhưng không có tướng sắc, cho đến nhìn thấy thức<sup>(44)</sup> cũng không có tướng thức. Tuy thấy ngày và đêm nhưng không có tướng ngày và đêm. Tuy thấy tất cả, nhưng không có tất cả tướng. Tuy

thấy tất cả các mối phiền não trôi buộc nhưng không có tất cả tướng phiền não. Tuy thấy Tám Thánh đạo nhưng không có tướng Tám Thánh đạo. Tuy thấy Bồ-đề nhưng không có tướng Bồ-đề. Tuy thấy Niết-bàn nhưng không có tướng Niết-bàn. Vì sao vậy? Thiện nam tử! Vì tất cả các pháp vốn không có tướng. Nhờ sức của pháp tam-muội này, Bồ Tát thấy tất cả các pháp như thật, vốn không có tướng.

“Vì sao gọi là pháp Tam-muội Kim cang? Thiện nam tử! Ví như kim cang ở giữa ánh sáng ban ngày thì màu sắc không nhất định. Pháp Tam-muội Kim cang cũng vậy, ở giữa đại chúng không có màu sắc nhất định. Cho nên gọi là Tam-muội Kim cang.

“Thiện nam tử! Ví như kim cang, tất cả người đời không thể định giá trị. Pháp Tam-muội Kim cang cũng vậy, tất cả loài người và chư thiên đều không thể ước lượng biết được công đức của nó. Cho nên gọi là Tam-muội Kim cang.

“Thiện nam tử! Ví như người nghèo được của quý là kim cang, ắt lìa xa cảnh nghèo túng khốn khổ, tà độc của ác quỷ. Đại Bồ Tát cũng vậy, đạt được pháp tam-muội này ắt có thể lìa xa các khổ phiền não, các tà độc của ma. Cho nên lại gọi là Tam-muội Kim cang.

“Đó gọi là Bồ Tát tu tập Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ sáu.”

## KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

### HẾT QUYỂN HAI MƯƠI BỐN

## CHÚ GIẢI

1. Theo Nam bản thì từ đây hết quyển 21, bắt đầu quyển 22, phẩm Bồ Tát Quang Minh Cao Quý Đức Vương, phần thứ tư (Quang Minh Cao Quý Đức Vương Bồ Tát phẩm chi tứ).
2. Ở đầu quyển 21, Phật dạy rằng Bồ Tát tu hành Kinh Đại Niết-bàn sẽ được 10 công đức. Từ quyển 21 đến cuối quyển 23 đã giảng xong phần công đức thứ nhất. Quyển 24 này giảng giải từ công đức thứ nhì cho đến công đức thứ sáu.
3. Năm đường: Túc năm cảnh giới thọ sanh của chúng sanh, bao gồm cõi trời, cõi người, cõi ngạ quỷ, cõi súc sanh và cõi địa ngục. Cũng tương tự như khi nói về Lục đạo, nhưng không có cảnh giới a-tu-la.
4. Khởi tướng nhân duyên: thấy biết rằng hết thảy mọi hình sắc đều do nhân duyên hợp thành mà có.
5. Ba mươi sáu thứ (Tam thập lục vật): Một cách liệt kê tượng trưng các chi tiết hợp thành thân người, bao gồm: 12 thứ ngoài thân: tóc, lông, móng, răng, dử ghèn, nước mắt, nước miếng, đàm dãi, phần, nước tiểu, cáu ghét, mồ hôi; 12 thứ trong thân: da, da non, máu, thịt, gân, mạch, xương, tủy, mỡ trong, mỡ ngoài, não, mạc; 12 cơ quan nội tạng: gan, mật, ruột, dạ dày, lách, cật, tim, phổi, sanh tạng (tam tiêu), thực tạng (bàng quang), đờm trắng, đờm đỏ.
6. Tướng tâm và tâm sở: Tướng trạng của tâm và những hình thái cảm xúc, tâm trạng khác nhau. Nguyên bản dùng tâm số (心數) là một cách dùng cũ mà ngày nay đã được thay bằng tâm sở (心所).
7. Đệ nhất nghĩa: chân lý hay sự thật tuyệt đối, rốt ráo, để phân biệt với Thế đế, Tục đế hay sự thật tương đối. Khi ta nhìn thấy và mô tả sự vật theo hiện trạng của nó như được nhìn thấy, đó là sự thật tương đối. Bồ Tát quán xét thấy được bản thể tuyệt đối, rốt ráo của sự vật, đó là Đệ nhất nghĩa hay Đệ nhất nghĩa đế.
8. Sáu đường: chỉ các cảnh giới chư thiên, a-tu-la, người, địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh.
9. Mười sáu tâm (Thập lục tâm): Người mới vào địa vị kiến đạo (Thấy đạo), nhờ quán Tứ Thánh đế (Khổ, Tập, Diệt, Đạo) mà sanh ra mười sáu tâm, hợp thành bởi tám pháp nhãn vô lậu và tám pháp trí vô lậu: 1. Khổ pháp nhãn, 2. Khổ pháp trí, 3. Khổ loại nhãn, 4. Khổ loại trí, 5. Tập pháp nhãn, 6. Tập pháp trí, 7. Tập loại nhãn, 8. Tập loại trí, 9. Diệt pháp nhãn, 10. Diệt pháp trí, 11. Diệt loại nhãn, 12. Diệt loại trí, 13. Đạo pháp nhãn, 14. Đạo pháp trí, 15. Đạo loại nhãn, 16. Đạo loại trí.
10. Thế đế: sự thật được nhận biết trong thế gian, qua khả năng nhận biết của người thế gian, cũng gọi là Tục đế, hay sự thật tương đối.

11. Đệ nhất nghĩa, hay Đệ nhất nghĩa đế: chỉ chân lý tuyệt đối, rốt ráo, thấu suốt bản thể của sự vật, tức là cách nhìn nhận sự vật qua trí tuệ giác ngộ.
12. Tật khuyết nam căn: nguyên bản Hán văn dùng hoàng môn (黃門), Phạn ngữ là *paṇḍaka*, chỉ chung những kẻ do tật khuyết nam căn (dương vật) nên không thể làm việc hành dâm, hoặc do có bệnh tật, hoặc do bị thiếu...
13. Vô căn, nhị căn: Không giới tính, chỉ người sanh ra không có cơ quan sanh dục (vô căn), lưỡng tính, chỉ người sanh ra có cả cơ quan sanh dục nam và nữ (nhị căn).
14. Phước điền, nghĩa đen là ruộng phước, chỉ những bậc đức độ xứng đáng nhận sự cúng dường của người khác, vì như thế là tạo điều kiện để họ gieo trồng phước đức nên xem như đám ruộng phước.
15. Hữu dư: còn tồn tại, vẫn còn sót lại, được dùng để chỉ hết thảy những sự vật và lý lẽ chưa đạt đến chỗ rốt ráo, cùng cực, cho nên đối nghĩa với vô dư.
16. Phóng dật: buông thả, phóng túng, không giữ mình theo các pháp lành, cũng không có sự tinh tấn nỗ lực tu tập.
17. Bốn con sông lớn (Tứ đại hà): thường được nhắc đến ở các ví dụ trong kinh điển, chỉ bốn con sông lớn nhất ở Ấn Độ, đều phát nguyên từ dãy núi Hy-mã-lạp, gồm có: sông Hằng, sông Tân-đầu, sông Tư-đà và sông Bác-xoa.
18. Bà-lợi-sư, phiên âm từ Phạn ngữ là *vārṣika*, cũng đọc là bà-sư, bà-sư-ca hay bà-lợi-sư-ca, dịch nghĩa là vũ thời sanh hay hạ sanh, vì hoa này có vào mùa mưa hoặc mùa hạ. Hoa đẹp, màu trắng, rất thơm, tên khoa học là *jasminum sambac*, mọc ở vùng Ấn Độ.
19. Kim sí: loài chim lớn cánh vàng được nhắc đến trong thần thoại, tên Phạn ngữ là *garuḍa*, dịch âm là ca-lâu-la. Loài chim này được mô tả như là chúa của các loài chim, thân hình rất to lớn, nên cũng gọi là kim sí diệu vương.
20. Ngoại đạo giữ giới: Tuy những người này tu hành theo ngoại đạo, nhưng nhờ giữ giới nên vẫn có được đức độ, cũng xứng đáng nhận cúng dường, nên cũng là phước điền.
21. Niệm tướng khác biệt (dị niệm xứ): liả bỏ những chỗ nhận thức phân biệt, chia chẻ, thấy biết đúng theo sự quán xét chân chánh, theo lý trung đạo. Niết-bàn kinh sơ viết: “Dị niệm xứ giả, dị ư nhị biên, chánh quán trung đạo.”
22. Nhất tử địa: cũng gọi là Cực ái nhất tử địa, địa vị tu chứng khi Bồ Tát tu tập hạnh đại từ, đại bi, thương yêu tất cả chúng sanh đều như đứa con duy nhất của mình.
23. Nguyên bản dùng kỳ-bà-kỳ-bà, phiên âm từ tiếng Phạn là *jivajivaka*, tức là chim cộng mạng có nói đến trong kinh A-di-đà.
24. Trọng giới thứ nhất: tức là giới sát, giết hại.
25. Thập lục ác luật nghi, mười sáu việc xấu ác mà người học Phật phải tránh xa, bao gồm: 1. Vì lợi dưỡng mà nuôi dê con cho béo mập rồi đem bán, 2. Vì lợi

- dưỡng mà bán dê cho người ta giết hại, 3. Vì lợi dưỡng mà nuôi lợn con cho béo mập rồi đem bán, 4. Vì lợi dưỡng mà bán lợn cho người ta giết hại, 5. Vì lợi dưỡng mà nuôi trâu, bò con cho béo mập rồi đem bán, 6. Vì lợi dưỡng mà bán trâu, bò cho người ta giết hại. 7. Vì lợi dưỡng mà nuôi gà cho béo mập rồi đem bán, 8. Vì lợi dưỡng mà bán gà cho người ta giết hại. 9. Câu cá, 10. Đi săn, 11. Cướp đoạt, 12. Mò bắt các loài cua, ốc... 13. Giăng lưới bắt chim, 14. Nói lời hai lưỡi, nói lời ly gián, trêu chọc người khác, 15. Làm cai ngục, 16. Dùng chú thuật.
26. Trọng giới thứ hai: tức là giới trộm cắp.
27. Chỉ vì mỗi lợi rất ít ỏi: nguyên bản Hán văn dùng “hỷ phạm trọng giới nãi chí ngũ tiền”; trong Nam bản khắc là “hỷ phạm trọng giới nãi chí ti tiền”. Cụm từ “nãi chí ngũ tiền” có liên quan đến một khái niệm trong giới luật vào thời Phật mới chế định, chỉ một số tiền rất ít. Trong văn thọ giới có câu: “...佛制極少乃至五錢若五錢直。... Phật chế cực thiểu nãi chí ngũ tiền nhược ngũ tiền trị.” (... Phật chế định mức độ nhỏ nhất, thậm chí chỉ là năm tiền, hoặc [vật có] giá trị tương đương năm tiền...) Đây là khi nói về giới không trộm cắp. Như vậy, hai chữ “ngũ tiền” không sai, nhưng Nam bản sửa lại là “ti tiền” có lẽ để cho dễ hiểu hơn. Chúng tôi chuyển dịch là “mỗi lợi ít ỏi” cũng là nhằm diễn tả khái niệm này theo cách dễ hiểu hơn. Mặt khác, cũng theo khái niệm vừa được nhắc đến thì người trộm cắp món vật có giá trị dưới năm tiền tuy cũng là phạm giới nhưng chưa xem là trọng giới. Vì thế ở đây không thể nói đến việc trộm cắp năm tiền, mà chỉ có thể là vì tham năm tiền, một số tiền rất ít ỏi, mà phạm vào các trọng giới. Đây cũng đúng là bản chất của người ngu si vậy.
28. Trọng giới thứ tư: tức giới đại vọng ngữ, nghĩa là chưa chứng thánh quả mà nói dối rằng mình đã chứng quả.
29. Ở đây không thấy nói đến phần thứ sáu là “Đoạn trừ nghiệp duyên”, như đã nêu trong mười phần công đức ở đoạn kinh văn trước.
30. Cho đến ... tu tập theo Chánh kiến: Ở đây nói tóm việc tu tập Mười pháp lành (Thập thiện chánh pháp), kể đủ ra gồm có: 1. Không giết hại, 2. Không trộm cắp, 3. Không tà dâm, 4. Không nói dối, 5. Không nói lời ác độc, 6. Không nói lời hai lưỡi, đâm thọc, ly gián, 7. Không nói lời vô nghĩa, 8. Không tham lam, 9. Không sân khuyển, 10. Không tà kiến. Bồ Tát tu tập mỗi một pháp lành này đều tuân tự khởi đủ 5 tâm, nên cả thảy 10 pháp có đủ 50 tâm.
31. Bồ Tát trụ ở địa vị thứ năm (Ngũ trụ Bồ Tát): địa vị thứ năm trong Thập trụ của hàng Bồ Tát. Thập trụ chỉ mười địa vị tu chứng mà vị Bồ Tát lần lượt trải qua trước khi đạt được quả vị Phật, vì thế có thể xem như tương đương với Thập địa. Kinh luận đề cập đến mười địa vị này không hoàn toàn giống nhau, nhưng tựu trung đều là để tạm hình dung được con đường tu tập mà vị Bồ Tát phải trải qua. Địa vị thứ năm ở đây có thể là Phương tiện cụ túc trụ, tương đương với Cục nan thắng địa trong hệ thống Thập địa. Tuy có sự khác biệt về tên gọi, nhưng tất cả các kinh luận đều thống nhất trong cách mô tả về mười địa vị của Bồ Tát. Theo đó, từ địa

vị thứ sáu trở lên, Bồ Tát không còn chịu sự ràng buộc của sanh tử, có thể hoàn toàn tự do tự tại trong việc hóa thân độ sanh tùy ý muốn.

32. Ở đây, Bồ Tát từ địa vị thứ năm trở xuống chưa đạt được sự tự tại hóa sanh nên còn phải xem phiên nào như một nhân duyên giúp mình có thể thực hiện công việc độ sanh. Từ địa vị thứ sáu trở lên, Bồ Tát hoàn toàn tự tại trong việc hóa thân độ sanh nên các ngài dứt bỏ hoàn toàn mọi phiên nào. Vì thế mà đoạn trên có nói: Tất cả phiên nào là thù oán đối nghịch của Bồ Tát.
33. Tám thứ Ma (bát chủng ma, hay bát ma): đã nói ở quyển 22 (xem lại trang 404, 405), gồm có: ma phiền não, ma năm ấm, ma chết, ma trời Tha hóa tự tại và vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh. Bốn thứ ma: ma phiền não, ma năm ấm, ma chết, ma trời Tha hóa tự tại là ma nào hại tất cả phàm phu; bốn thứ ma: vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh là ma nào hại hàng Nhị thừa.
34. Tu tập cõi Phật thanh tịnh: tức là phần thứ tư trong mười việc công đức vừa giảng trên. Bồ Tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đúc Vương nêu ý này vì cho rằng cõi thế giới Ta-bà của đức Phật Thích-ca hiện nay là không thanh tịnh.
35. Thế giới An Lạc: cũng gọi là Cực Lạc, là nơi có đức Phật A-di-đà.
36. Bồ Tát Từ Thị: tức là Bồ Tát Di-lặc, do phiên âm từ tiếng Phạn là Maitreya. Bồ Tát Di-lặc được thọ ký là sẽ thành Phật ở thế giới Ta-bà này, tiếp theo sau Phật Thích-ca.
37. Xa xôi hẻo lánh: nguyên bản Hán văn dùng biên địa, chỉ những vùng đất ở xa nơi trung tâm văn hiến (trung quốc). Vì thế nên những người sanh ra ở đây có nhiều bất lợi trong việc tu học: điều kiện vật chất thiếu thốn, điều kiện tu tập và hành trì cũng đều khó khăn, lại rất khó gặp được những vị thầy giỏi, bạn tốt. Đây được xem là một trong tám nạn, khiến chúng sanh khó tu học Phật pháp.
38. Túc mạng trí, cũng chính là Túc mạng thông, một trong Ngũ thông, Lục thông. Người chứng đắc Túc mạng trí có thể biết được hết thảy những việc đời quá khứ của chính mình và của chúng sanh.
39. Cho đến Bát-nhã ba-la-mật: Bát-nhã ba-la-mật cũng chính là Trí tuệ ba-la-mật. Đây nói tóm cả việc tu tập sáu pháp ba-la-mật, bao gồm: bố thí, trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục, thiền định và trí tuệ.
40. A-na-bà-đạp-đa: phiên âm từ tiếng Phạn là Anavatapta, cũng đọc là A-nậu-đạt, dịch nghĩa là Vô nhiệt hay Vô não nhiệt.
41. Ma-hê-thủ-la, phiên âm từ tiếng Phạn là Maheśvara, dịch nghĩa là Đại Tự tại thiên, tức là vị Thiên vương cao nhất trong hai cõi Dục giới và Sắc giới.
42. Giới: chỉ 18 giới, gồm 6 căn ở trong, 6 trần ở ngoài và 6 thức ở giữa.
43. Nhập: chỉ 12 nhập, gồm sáu căn thiệp nhập với sáu trần, sáu trần thiệp nhập với sáu căn.
44. Từ sắc cho đến thức: chỉ năm ấm, tức là sắc, thọ, tưởng, hành và thức.

## MỤC LỤC

### PHẦN HÁN VĂN & CHÚ ÂM

卷第十九	
梵行品第八之五.....	6-7
卷第二十	
梵行品第八之六.....	104-105
嬰兒行品第九.....	146-147
卷第二十一	
光明遍照高貴德王菩薩品	
第十之一.....	188-189
卷第二十二	
光明遍照高貴德王菩薩品	
第十之二.....	286-287
卷第二十三	
光明遍照高貴德王菩薩品	
第十之三.....	360-361
卷第二十四	
光明遍照高貴德王菩薩品	
第十之四.....	440-441

## PHẦN DỊCH NGHĨA

### QUYỂN MƯỜI CHÍN

PHẨM HẠNH THANH TỊNH

Phẩm thứ tám - Phần năm..... 62

### QUYỂN HAI MƯƠI

PHẨM HẠNH THANH TỊNH

Phẩm thứ tám - Phần sáu..... 152

PHẨM HẠNH ANH NHI

Phẩm thứ chín..... 180

### QUYỂN HAI MƯƠI MỐT

PHẨM BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO

QUÝ ĐỨC VƯƠNG

Phẩm thứ mười - Phần một..... 244

### QUYỂN HAI MƯƠI HAI

PHẨM BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO

QUÝ ĐỨC VƯƠNG

Phẩm thứ mười - Phần hai..... 328

### QUYỂN HAI MƯƠI BA

PHẨM BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO

QUÝ ĐỨC VƯƠNG

Phẩm thứ mười - Phần ba..... 406

### QUYỂN HAI MƯƠI BỐN

PHẨM BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO

QUÝ ĐỨC VƯƠNG

Phẩm thứ mười - Phần bốn..... 492